

**THÍCH KHÁNH ANH**

# **Nhị Khóa Hiệp Giải**

**(Thời khóa tụng khuya và thời khóa tụng chiều)**



**PHẬT HỌC VIỆN QUỐC TẾ XUẤT BẢN**  
**PHẬT LỊCH 2533 - 1989**

Ngài Quán Nguyệt chú giải  
Hòa Thượng Thích Khánh Anh dịch

*Hậu dày công tụng niệm  
Nào thiện Nam  
Nào tín Nữ  
Luôn luôn mỗi sớm gắng tu trì.*

*Phước lớn độ thân sơ  
đây hóa Phật  
đây Thế Tôn  
Mãi mãi lắm đời năng giáo dục*

*Chúng sanh không giết lẫn nhau  
Phương mô nội loạn, xứ nào ngoại xâm  
Nước nào dân nấy tu tâm  
Hòa bình thế giới lo tâm đâu xa.*

# LỜI TRI ẨM

## của

# GIÁO HỘI TĂNG GIÀ NAM VIỆT

Phật Pháp hằng còn mãi ở thế gian là nhờ sự hoằng truyền sâu rộng trong quần chúng. Thiếu sự hoằng truyền, Phật pháp phải bị mờ và có thể đi lần đến chỗ tiêu diệt. Trong công đức hoằng truyền ấy, phiên dịch là một phần rất quan trọng.

Vì thế, thay mặt Giáo hội Tăng già Nam Việt, chúng tôi trân trọng xin ghi vào trang đầu Công đức quý báu và lớn lao của Hòa Thượng Khánh Anh, được kim Thượng thủ Giáo hội Tăng già Toàn quốc và Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt, dịch giả bộ „Nhị Khóa Hiệp Giải“ này. Đây không phải là lần đầu tiên Hòa Thượng góp công đức trong việc xây đắp nền đạo pháp nước nhà. Hòa Thượng là một trong các vị Trưởng lão đã sáng lập và xúc tiến phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Nam, như sư cụ Tuyên Linh Lê Khánh Hòa, cố Pháp chủ Huệ Quang v.v... Trong những ngày đầu của phong trào chấn hưng Hòa Thượng Khánh Anh đã đảm nhiệm chức vụ: Giáo sư ở trường Gia giáo tại chùa Giác Hoa (Sóc Trăng) ; Pháp sư giảng dạy ở Liên đoàn Phật học xã tại chùa Thiện Phước (Trà Ôn); Đốc giáo tại Lương Xuyên Phật học đường v.v...

Theo với thời gian, quý vị trưởng lão Hòa Thượng, những người bạn đồng hành đầu tiên của Hòa Thượng, đã lần lượt viên tịch, nay Hòa Thượng mặc dù tuổi già, thân bệnh, vẫn trung kiên với sứ mệnh của mình, hăng hái đứng ra nhận lãnh nhiệm vụ trọng yếu trong phong trào xương mạnh Phật giáo hiện đại.

Ngoài những công việc lãnh đạo phong trào nói trên, Hòa Thượng còn dùng nhiều thời giờ vào việc phiên dịch kinh sách mà bộ „Nhị Khóa Hiệp Giải“ này là một.

Chúng tôi tưởng không phải tán thán công đức của Hòa Thượng nhiều hơn nữa: Chỉ cái sự hiện diện của bộ kinh đồ sộ trên 500 trang này trong tay quý vị độc giả cũng đủ chứng minh một cách hùng mạnh sức làm việc và lòng nhiệt thành vì Đạo của Hòa Thượng Pháp chủ.

Trước công đức lớn lao ấy, Giáo hội Tăng già chúng tôi xin đời đời ghi nhớ.

Sau đây, chúng tôi cũng xin thành thật tri ân tấm lòng sốt sắng hộ pháp của thầy Thích Huệ Chơn ở chùa Như Lai Nam vang; người đã hoan hỷ cúng tiền để ấn tống 2000 bộ kinh này.

Điều đáng tán thán hơn nữa là lần này không phải là lần đầu tiên thầy Huệ Chơn mới làm công việc ấn tống lợi lạc này, mà trước đây thầy cũng đã nhiều lần ấn tống kinh sách rồi.

Vậy Giáo hội chúng tôi cũng như toàn thể độc giả xin chỉ thành hồi hướng công đức này cho thầy Huệ Chơn được đồng mãnh trên đường giải thoát và tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Saigon, mùa Hạ năm Canh Tý (1960)  
GIÁO HỘI TĂNG GIÀ VIỆT NAM

## LƯỢC TRÌNH VIỆC PHIÊN DỊCH BỘ NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI

*Nhị khóa*: Hai thời khóa tụng; *Hiệp giải*: nhập chung để giải

Nguyên xưa ngài Quán Nguyệt Pháp sư đem hai thời kinh khóa tụng: Mai đóng chung và chiều nhập chung lại làm một đại thể làm một tập lớn. Nội dung phân ra từ mục: Từ quyển thứ nhất đến quyển thứ bảy để giải nghĩa, nên gọi là "*Nhị Khóa Hiệp giải*". Như là: đem các bốn kinh mai và chiều họp chung lại làm một thể mà sắp làm 5 quyển; còn các bài phát nguyện, hồi hướng, tam tự quy y của mai và chiều thì nhập chung lại làm một quyển (quyển thứ 6), và các nghi thức thù ân chúc tán làm một quyển.

Nay tôi dịch bộ kinh này, xin chia làm hai tập thượng và hạ: Tập thượng nói riêng trọn về thời kinh mai, tập hạ nói nguyên vẹn cả thời kinh chiều, và xin để phiên dịch ra như thế này là Y theo lối quy định của các Đức Tổ xưa đã sắp đặt, mà các chùa bấy nay cũng thường tụng đã quen. Như vậy là để cho các học giả vẫn được dễ dàng xem hiểu thuận tiện, vì với "Nhứt tụng" đã riêng phần, xem đâu được sẵn liên tiếp đó. Như thế đã khởi thất công tìm kiếm và gọi là "*Nhị khóa hiệp giải*" mới nhằm với bản dịch ngày nay vì đã phân riêng ra làm hai tập: thượng và hạ.

Với 5 bức biểu đồ thế giới và lời chú thích, nay cũng xin đem tiếp theo sau 4 câu “Tứ sanh cứu hữu đồng đẳng hoa tạng huyền môn, bát nạn tam đồ cộng nhập Tỳ lư tánh hải” mà dịch ra cho pháp và nghĩa được liên quan với nhau.

Vì những bức biểu đồ ấy là tượng trưng những pháp tướng và tâm tướng của 4 câu trên ở Kinh Hoa Nghiêm, do “tri kiến của Phật” Ngài thuyết ra “Hoa tạng thế giới hải”.

*Vài lời dịch thuật, xin đại chúng biết cho.*

*Nam mô Hoan Hỷ Địa Bồ Tát.*

*Phật tử THÍCH KHÁNH ANH*

*Viết tại chùa Phước Hậu*

*Ngày tự tứ tháng 7 năm Mậu Tuất*

*Phật lịch 2502 – Dương lịch 1958*

## **LỜI TỰA TỰ CHẨN CHỈNH LẠI BỐN NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI**

Bầu trời cao lớn, nào hẹp lượng với một vật ni; lòng Phật khắp phương, đâu nở ngơ với một linh nớ. Không hiềm vì một vật, thì cả hiện tượng đều lượng bao dung; chẳng bỏ xót một linh, thì toàn pháp giới đều ơn tế độ (đồng về cõi Phật). Toàn pháp giới đồng về nhờ mình, thì mỗi mỗi đức tốt trang nghiêm đều hiển hiện ngay nơi tự kỷ “lấy pháp giới để sửa thân, gom kiên khôn để làm lượng” cũng như cả vạn vật đều rục rở bày giữa bầu vũ trụ bao la.

Bởi thế, đức Như Lai giảng giáo tại xứ Trúc Kiền, mà mười phương cũng đồng được phổ độ hoặc bằng gián tiếp, hoặc chịu ảnh hưởng; đức Sơ Tổ ấn tâm ở bên Chấn Đán (Trung quốc), mà bốn biển cũng đều được huân triêm hoặc bằng tương truyền hoặc bằng lưu thông.

Phật trước đã nêu gương mẫu nơi tinh xá Kỳ Viên: Hiền xưa đã sắp khóa trình làm công phu triêu mộ. Với mai chiều, nếu chẳng có phép tu bằng hai thời khóa tụng, để làm như đường rầy tán đạo, tử khác nào con ngựa không có điều khiển dây cương, thì lấy chi làm điều kiện để đáng tiêu của tín thí và kiến thiết nền đạo nghiệp!

Nên chi tụng 5 hội chú Lăng Nghiêm, thì dục vọng gì cũng thôi dứt: tụng 10 bài thần chú, thì quả tu có thể mưu cầu; tụng Phật thuyết A Di Đà Kinh là chí hướng sẽ vãng sanh; lạy Hồng danh bảo sám nghi thức thì nghiệp chướng xưa tiêu diệt; tụng văn Mông sơn là để thí thực cứu tế cho cô hồn; tụng chú Bát nhã là để phá tướng giải không cho tình thức,

Kể cả các văn khóa tụng ấy, rốt đều hồi hướng về Tịnh thổ (độ) là làm chỗ để đi đến chốn về đến nơi; thế đủ thấy biết rằng; dầu tâm phương chi để thoát tục nữa, cũng chẳng hơn hai thời khóa tụng đây vậy.

Chỉ vì kinh Phật nhiệm mầu, nếu không giải thích thì ít ai hiểu thấu đặng; ngày trước tôi giảng diễn hai thời khóa tụng ở thiên thai U Khê, khổ vì chẳng đủ tài liệu để chú giải nên các học giả chẳng dò nắm được lẽ hay của nó. Do các bản kinh A Di Đà, Tâm kinh đã có nhiều nhà chú giải, còn các bản kia, hãy chưa rõ được!

Kế sau, được xem xét bản “Nhật khóa tiện mông” (người mới học) tuy đủ mà thiếu (lược), vì giải những bài mà bị bản ấy bớt đi, thành thử tôi không nệ mình dốt, hèn mà đánh bạo ra làm việc biên tập.

Với các bản: A Di Đà kinh, Bát nhã tâm kinh và Hồng danh bảo sám.... là những bản đã giai tác từ xưa; còn với các bản: Chú Lăng Nghiêm, Thập chú, Mông sơn, Hồi hướng, đều là phần tôi diễn thuật lại.

Việc biên tập đã thành, nhan đề là “Nhị Khóa hiệp giải hội bản” vận động tài chánh in được một ngàn bộ, hoặc là mình đưa ra tặng cho, hoặc người thân đến nài thỉnh, chỉ trong vài tháng đã phát hành hết rồi, mà hãy còn nhiều người đến đòi hỏi mãi.

Sau đó, tính muốn tái bản, lại e rằng: Tánh dốt lẫn nhau với thói cũ, vóc trắng khó sánh cùng màu mè, bởi thế nên vừa chuộng cái tông chỉ cũ mà hay của xưa, vừa diễn cái biểu đồ mới mà đẹp của nay, để biên tập lại và chú giải trọn vẹn; trong đây có chỗ nào khó rõ, thì lại y theo nghĩa thành lập ra cái biểu đồ, để hành giả thấy rõ như xem chỉ trong bàn tay.

Đã thành bộ pho, lại đặt tên là “Trùng đính Nhị khóa hiệp giải”, để bổ khuyết vào chỗ chưa đủ của “Bốn hiệp giải” trước, và lại vạch rõ thêm chỗ mà Tiền Hiền chưa phát minh.

Cốt mong các đấng Hậu hiền, xem nghĩa rồi thâm góp đặng lý mâu, dẹp sạch hết mê hoặc và các chướng. Hơn nữa là, với sự "Hành" tu, hãy mau lên chóng tiến, đồng thời với lý "giải" tỏ, hãy triệt để nhận chơn, ngõ cùng vào biển tánh Tỳ lư, cả căn thân chánh báo, lẫn khí giới y báo, đồng hoàn toàn "Nhứt thể chơn trí" Tức là "Sai biệt trí" nghĩa là chơn trí này thì biết suốt cả sự vật. "Sai biệt trí" cũng gọi là Phật trí.

HUNG TỬ bí xu, hiệu QUÁN NGUYỆT  
*Soạn lời tựa tại núi Thiên thai, thuộc tỉnh Chiết giang.  
Ngày Phật Niết bàn, tháng trọng xuân, năm Tân dậu (1921)*

## LỜI TỰA GIẢI ĐỈNH BỘ NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI

Trong Thiên thai tông, ngài Quán Nguyệt pháp sư vì lẽ gì tạo ra bộ "**Nhị Khóa Hiệp giải**" này?

Nghĩa rằng: từ "kiếp không" về trước, một chữ "**Phật**" còn chẳng có, huống chi là "**Khóa giải**"?

Với chữ "**Khóa**" hãy còn không, thì làm gì có chữ "**Giải**". Đã không **khóa** không **giải** thì ở trong không "**Ta**" là phần năng độ; ngoài cũng không "**Người**" là cảnh sở độ. Năng sở đều không, thì hết thấy chi chi nữa cũng không còn.

Với tất cả chi chi đã toàn là không. Cho đến không cái "**Không**" cũng không luôn. Người mà với "**Không** cái không" đã không hẳn, thì đến đây hiện ngay ra cái Cảnh giới chính đương đồng thời Phật Oai Âm, với cái cảnh giới bấy giờ đó. Chính trong kinh Bát nhã bảo là cảnh "**Vô Dư Niết bàn**" đây vậy.

Đâu có biết từ cái tâm nó mộng một niệm bất giác (si mê) thành thử từ trong cái cảnh giới "**không không**" kia, nảy ra các cái "**có có**" là như 3 tể tướng hỉ nộ ai lạc....

Đã có ra các cái "**có**" thì, "**tâm không không**" trở lại bị các cái có làm cột buộc. Bởi thế, loài người, loài trời, đều có bị những cái thấy làm, cái nghĩ làm là "**kiến hoặc và tư hoặc**" làm cột buộc; các thánh nhân Nhị thừa đều có bị cái „trần sa hoặc" cột buộc; các thánh Bồ tát đều có bị cái "**vô minh hoặc**" làm cột buộc.

Cácphàm thánh kia đã đều có bị kiết phược, nghĩa là 6 căn dính mắc vào 6 trần, thì không thể không có phương pháp để giải thoát là cởi mở những điều kiết phược hay sao? Đây là chỗ sở do để tạo ra bản "**Nhị Khóa Hiệp Giải**" này, để khử niềm giải phược cho chúng.

Hỏi rằng: Dùng cái danh đề "**Hiệp giải**" đây là ý gì? Xin đáp lại bằng lời ví dụ như thế này: Có ông Trưởng giả vì cái cảnh ngộ "Cha già con muộn" e rồi nó khó nổi nổi đời nghiệp nhà, kêu bằng "Sáng nghiệp nan, thủ thành bất dị"! Nhon đó, ông thốt lời than và dặn bảo với người bạn hiền rằng: "Ôi! tôi đã già nua quá, với cái gia nghiệp này chả biết rồi nó sẽ ra sao! Chỉ nhờ bạn một điều là sau khi tôi tắt hơi cuối cùng rồi, xin bạn khéo nuôi giùm chút Bé này". Trôi rồi tắt thở.

Người bạn lãnh lời phú thác đem của quý là viên ngọc minh châu nhét trong túi áo của đứa bé, và thường thường cung nhớ mật thiết không nỡ chút rời!

Kế đó, ông bạn là cha nuôi gặp việc phải đi qua xứ khác. Ở nhà, cậu Bé là dưỡng tử còn nhỏ dại không biết, bị nghe lời của đứa bạn khù khờ bày đặt làm lạc: đem vạt áo kia cột thắt làm từ một gút, hai gút, cho đến hàng trăm hàng ngàn cái gút; đó rồi theo bọn lãng tử đi đây đi đó, vất vả nơi đất khách phương xa; lâu ngày, nó xài hết tiền, cơ hồ như cây không còn nhựa để sống!

Bảy giờ dưỡng phụ rồi việc về nhà, nghe con sa ngã, xiêu lạc, liền đi tìm giáp quanh vùng, đã lắm ngày tháng mà chưa được tin tức. Mãi đến sau, mới gặp đặng nó đương lẫn quần nơi ngã tư lộ lớn ngoài đồng. Cha tầm được con mừng hòa lẫn với lòng thương, kể sao cho xiết!

Dù rằng mình không công sanh, nhưng có công dưỡng, huớng nữa lãnh lời của bạn di chúc. Đành rằng nghĩa cũ vẫn vương, thêm xót thân con rắc rối, nên mau mau lo giải thoát cho con trước đã. Nghĩa là mở lần từ 1 gút, 2 gút, cho đến mở cả trăm nghìn cái gút. Đến đó, lấy viên minh châu ra và chỉ thị rằng: "Ngọc này là vật quý báu nhứt trong thất bửu, nếu kẻ nào có phước thì lấy đặng, không ai cấm cản, vì là của sẵn có, và thụ dụng không hề thiếu hết, bởi nó có cái năng tánh hay phát sanh ra các thứ quý báu khác nữa; thế mà con sao quá dại, để cho đứa tà ngu kia nói cấm dỡ đặt bày, làm cho cái vật "**Quý vô giá**" bị khuất lấp nhiều lớp lu lấp như bỏ quên mất đi, đến đời phải chịu đói khổ ra nông nổi này"



!

Đây "**Nhị khóa**" hai thời tu tụng là vì "minh châu" đó chẳng? Còn "**Hiệp giải**" là "bạn hiền" cũng như Thiên tri thức và Cha nuôi đó chẳng? Nhan đề là "**Nhị Khóa giải**" đây, chính là nghĩa "giải y xuất bửu cũng như xuất châu" mở gút áo lấy ngọc ra của Kinh Pháp Hoa kia, thật thế.

Tôi xét thấy lời "**Hiệp giải**" của ngài Quán Nguyệt pháp sư; mỗi lời mỗi lời như mỗi hạt ngọc lụn vụn, chẳng còn tìm kiếm của ai, mỗi câu mỗi câu tựa mỗi linh vàng đưa ra sẵn sàng tựa có; đây chính rằng: người có cách khéo "giải kiết" là mở gút đó chẳng?

Tôi đây chậm chạp lắm, vì với mỗi cách gì: cũng chẳng ăn nhập vào đâu; chỉ được cái hân hạnh là: Pháp Sư Ngài bảo tôi khảo duyệt lại bản thảo kia, thì bất quá cũng như dính một giọt nước của giữa biển cả thôi.

Song một giọt dù ít, nhưng nó cũng không khác khí vị gì với biển cả chút nào, vì vẫn đồng một tánh nước. Tổ xưa đã bảo: "Phật pháp như đại hải lưu nhập A Nan tâm": (pháp của Phật như bể cả, trôi vào tâm của ngài A Nan Đà) thì cũng chỉ một tâm pháp.

Nên với ơn thầy dầu chưa thể đền đáp được một phần muôn, chứ cũng chính phải ghi lời "Duyên khí tác giải" để làm bài tiêu dẫn như thế vậy thôi.

*Nhứt tam Bí Xu Bích Đạo soạn.*

## LỜI TỰA NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI HỘI BỔN

Nhị khóa hiệp giả hội bổn đây, là một công tác của Ngài Pháp Sư hiệu Quán Nguyệt bên phái Thiên thai diễn thuật ra.

Ta (Tịnh Hư) nghị luận rằng: Ngài Pháp Sư làm ra "**Nhị khóa hiệp giải hội bổn**" đây là Ngài biết đạo chẳng?

Vã luận (phàm): từ cái tâm nó vốn là bản thể chơn không, mà biến hóa ra thành cái "ngoan không" là vì bởi cái niệm bất giác (mê); rồi từ nơi "ngoan không" đó lại thành lập ra thế giới; đã có thế giới rồi lại phát sanh ra vạn vật.

Đã có muôn loài sanh ra rồi, thì nhân tâm đều xu hướng đến để nhiệm trước vào, mà bỗng nhiên chấp lấy có cái "**ta**" làm chủ. Tự có cái ta rồi, thì với tất cả các pháp, không một pháp nào

là không có cái ta nó chấp đến, từ tầng, mỗi lớp mê hoặc nghiệp chướng chất chồng, đều như theo cái ta đó để phát sanh, mỗi sự, từng vật, hiện tượng ngổ ngang cũng do cái ta đó mà huyền hóa ra.

Đây là từ nơi cái cảnh giới "**Không**" mà chường bày tiến đến cái cảnh giới "**Có**". Phật bảo "tâm sanh chủng chủng pháp sanh" là vậy.

Lật lại nghĩa trên để xét thì cái ta tức là cái người, ta tức là sự vật; ta tức là thế giới và ngoan không; đến cả những gì cũng cứ so theo chánh nghĩa đó để xét lại, tìm cho đến nơi bản thể chân không, thì hẳn không có cái chi đáng gọi là cái "**ta**" cả.

Với cả vũ trụ vạn hữu, đều không có cái chi đáng gọi là ta rồi, mà còn có cái ta tự biết đó, thì "cái ta" ấy nó hãy còn chưa thoát khỏi nơi cái ta của sanh, lão, bệnh, tử bất quá nó cũng như cái biết chiêm bao trong giấc chiêm bao của ông Trang Tử đã bảo thế thôi.

Đây là từ nơi các cảnh giới "**Có**" mà tiêu dung hườn lại cái cảnh giới "**Không**" Phật bảo "tâm diệt chủng chủng pháp diệt" là thế.

Từ không mà tiến đến có, thì cách với đạo ngày một đi xa lẫn; từ có mà lui lại không thì với đạo càng ngày càng gần gũi sát.

Với nghĩa rằng "cách đạo một ngày một xa" đó, nó cũng như nghĩa của câu "gọng xe thì hướng về phương nam, mà lần dầu của bánh xe lại lăn qua phía bắc", nghĩa là đi cách xa lui.

Với cái lối hành động trái ngược như thế đó, há không thể không có một phương pháp gì để chặn ngăn lại ư? Là cản lại không cho nó vọng hành như con tôm tít bắn lùi.

Với nghĩa rằng "cùng đạo càng ngày càng gần" đó nó cũng như nghĩa của câu "nấu nước sôi mà hóa làm hơi bốc bay lên" nghĩa là bề trần lòng cạn bằng cách diệt tâm thâm tâm, với cái lối phóng tâm như "trụ sắc trần sanh tâm....." tán loạn như thế, thì há không thể không có một phương pháp gì để thâm liễm lại ư? là chế tâm lại một chỗ không cho nó phóng túng như con khỉ, con vượn nhảy nhót.

Phương pháp ấy là gì?

Thưa rằng chỉ là 2 thời khóa tụng mai chiều đây vậy. Vì rằng: có thời tảo khóa, thì với cảnh giới từ nơi “không mà có” kia để làm tâm hơi; có thời mộ khóa, thì với cái cảnh giới từ nơi “có mà không” đó, để làm tin tức. Vậy cái tâm hơi (tiêu) ấy, cái tin tức (tức) ấy, đây gọi là Đạo chăng?

Đạo lại có “thị đạo” có “phi đạo” là hai bề mặt và trái. Với phi đạo mà cũng không một mơi (sớm), một chiều nào khá rồi ra (lià) được đó, là vì nó cũng là cái đạo để vào đạo, bởi nhờ có đó là phi, mới biết được đây là thị.

Với cái đạo để vào Đạo, nếu phi giải thích, thì không dễ gì mỗi ai cũng đều rõ được. Tỷ như qua chỗ nước lớn, tuy đã sẵn có ghe xuồng, nhưng không có dầm chèo mà có thể khởi được cái điều mút mắt thở than rằng khơi bể mênh mông chẳng!? Nếu mà quay trở về cố quốc. Tuy có xe tốt mà không có kim chỉ nam, thì điều đó có thể miễn khỏi cái sâu thăm lạc đường không?

Từ bốn kinh “**Nhị khóa hiệp giải hội bốn**” này ra đời, thì những nghĩa kín đáo của “nhị thời khóa tụng” đều rõ ràng bày ra, không sót mấy giấu khuất, dù là căn cơ người bực trung, trình độ người lớp hạ, cũng đều thông hiểu được dễ dàng; chỉ cốt một điều là cố gắng dày công lễ bái, trọn niệm tụng tu, thì tự nhiên cái cảnh duyên phải dứt, cái tâm vọng phải tan, một mấy trần chẳng dính bám vì xem “tâm minh cảnh” đâu phải như lòng gương hữu hình, muôn hiện tượng đều không trọn, bởi biết “quả bồ đề” nào phải như trái cây thực vật.

Đạo ở tại đây chăng? Hay là không ở nơi đó ư? Ta đây là kẻ còn ngu dốt, đâu đã đủ trí để biết đặng! Song, tâm ta vẫn tự tin chắc rằng sẵn có Đạo ở tại đây mà không ngờ, ấy là “Lời giải” của nhị thời khóa tụng đây vậy. Đã rõ được lời giải của nhị khóa rồi, thì biết rằng lời giải nhị khóa đó, là phi giải nhị khóa vậy đâu, mà là giải cái đạo vào Đạo vậy.

Đành rằng với đạo không thể giải, mà với cái đạo vào Đạo chẳng khá dùng chẳng giải được, đây là chỗ khổ tâm của Ngài Pháp Sư đối với việc tác thuật này vậy.

Trong đời có kẻ hỏi thăm đường đạo này, thì ắt phải từ nơi cái đạo vào Đạo mà vào chớ nghi. Mà ai là người muốn từ nơi cái đạo vào Đạo để đi vào, thì hơn nữa là ắt phải từ nơi cái đạo vào Đạo là chỗ của Ngài Pháp Sư hiệp giải đó để vào chớ có nghi ngờ gì nữa.

Nếu biết rằng: Cái đạo vào Đạo mà Pháp Sư giải ra đó, nó ở tại đây; ngay như cái đạo vào Đạo mà phi ngài Pháp sư giải đó, nó cũng ở tại đây, là vì chẳng phải ngài Pháp Sư chỗ giải cái đạo vào Đạo ở đây. Cho nên biết rằng: Cái đạo mà chẳng phải đạo vào Đạo của ngài Pháp Sư đã giải, cùng với cái đạo mà chẳng phải đạo vào Đạo của ngài Pháp Sư đã giải, cũng đâu chẳng ở đây; vì Đạo thì không đâu là không ở (mà không nhứt định ở đâu, kêu bằng phi nội, phi ngoại, vô thí, vô chung bất sanh, bất diệt, vô lai, vô khứ.)

Pháp sư ngài dư biết cái ý chỉ đó rồi; bởi thế, với tôi thì tôi lẳng lẳng có chỗ cảm đến, rỗng rang có chỗ nghĩ đến, hình như chẳng tự biết trí lực của mình còn kém lắm, vừa nhận thấy thấp thoáng, mập mờ, mà dám làm lời tựa, và vội bàn đến cái tiêu tức của pháp môn, để dạy người có Đạo sau này.

Bảy giờ nhằm năm Quý Sửu (1913) tháng trọng đông, ngày mười sáu, núi Ốc Châu (tại huyện Tân xương, tỉnh Chiết giang) họ Tịnh Hư, tên Du Hằng, soạn tựa này.

## LƯỢC CHÚ THÍCH

*Thiên thai tông: đời nhà Tỳ, Tổ Trí giả ở tại núi Thiên thai, nên Núi để lập thành danh tông phái. Dùng Pháp Hoa kinh làm bốn kinh, dùng Trí độ luận làm chỉ nam, dùng Niết bàn kinh làm phù sơ, dùng đại phẩm kinh làm pháp quán, nhưn đó để phát minh cái diệu lý của nhứt tâm tam quán. Tông này Tổ thứ nhất là Huệ Văn ở Bắc Tề, tổ thứ hai là Huệ Tú ở Nam nhạc; tổ thứ ba là Trí giả vân vân.*

*Chơn Không: chẳng phải nguy là chơn; lìa danh tướng là không nghĩa là cái không đơn độc lệch về bên chơn, vì không hạp có một vật gì cả nên gọi là chơn không, đó là cái cảnh giới Niết bàn của Tiểu thừa. Đối với cái có phi hữu gọi là diệu hữu, bảo cái không phi không là chơn không, đó là cái lẽ chơn không rất tốt của Đại thừa.*

## THÊM CÁI BIỂU 7 PHÉP LẠY VÀ CHÚ GIẢI

**1.- Lạy bằng cách ngã mạn và cống cao (Ngã mạn lễ):** Ý thị lầy trong bậc ngôi của mình, vì không lòng cung kính, ý thức rong

theo ngoại cảnh, thân lạy mà năm vóc chẳng sát đất, tỷ như cái chày đập giã gạo, nó chỉ vồng lên hạ xuống mà thôi, chứ không có ý niệm gì.

**2.- Lạy bằng cách kẻ xướng lên người họa theo (Xướng hòa lễ):** Bộ dạng lôm nhôm, lòng dạ xôn xao, thấy có ai thì hình như nhẹ nhàng, gập lạy, người đi rồi, thì trề nãi mệt mê; hoặc là lòng tán loạn mà miệng thì xướng họa vậy thôi.

**3.- Lạy bằng cách cả thân lẫn tâm đều cung kính (Thân tâm cung kính lễ):** Nghe xướng danh Phật, liền tưởng nhớ Phật, ngoài thân trong tâm thấy đều thành kính, với việc lạy đều tinh tiến ân cần chứ không trề nãi. *(Ba cách lạy này thuộc về Sự)*

**4.- Lạy bằng cách đầy trí thanh tịnh nơi lòng (Phát trí lưu tịnh lễ):** Hiểu thấu cảnh giới của Phật đều tùy nơi tâm để hiện lượng nên lạy một Phật tức lạy tất cả Phật, lạy một lạy tức là nhiều lạy, vì lẽ là pháp thân của chư Phật vẫn lẫn suốt với nhau, nghĩa là tự Phật tức tha Phật.

**5.- Lạy bằng cách khắp vào cõi pháp giới tánh (Biến nhập pháp giới lễ):** Tự xét các pháp và thân tâm ta từ trăm đời ta, từ trăm đời trước, cho đến sau đời sau, vậy nay chưa hề lìa pháp giới tánh, chúng sanh bằng bực với Phật; chừ lạy một Phật, như lạy khắp cả chư Phật ở pháp giới.

**6.- Lạy bằng cách quán tưởng lòng chân chánh (Chánh quán lễ):** Lạy ngay lấy Phật tánh của mình chớ phi Phật nào đâu khác, bởi vì tất cả chúng sanh xưa nay đều vẫn sẵn sàng có Phật tánh hoàn toàn bình đẳng chân giác.

**7.- Lạy bằng cách thân tướng bình đẳng (Thật tướng bình đẳng lễ):** Sáu cách lạy trước có lạy có quán tưởng; tự Phật khác với tha Phật; chừ đây một lạy không hẳn tự tha, phạm thánh như một thể dụng chẳng hai nên đức Văn Thù nói: Tánh lạy vắng lặng, không phân biệt tâm cảnh, năng sở gì. *(Bốn cách lạy này thuộc về Lý)*

Kinh Đại Phương quán bửu triếp chép lời của Ông Trí Đăng Thịnh văn hỏi đức Văn Thù rằng: „Thế nào là lạy Phật?“

Đức Văn Thù đáp: „Nếu thấy pháp (sự vật) sạch, thì gọi là thấy Phật sạch; hoặc thân và tâm chẳng thấp chẳng cao, chỉ ở một mực ngay thẳng, lòng vẫn vắng lặng, không hề diêu động, làm cái hạnh vắng lặng, như thế thì gọi lạy Phật“.

Kinh Hoa Nghiêm chép có ba cách lạy Phật: 1) Lạy nên lỗi: là trong lúc lạy Phật, cái thân dung nghi chẳng chính, vì theo nhau

với tánh khinh mạn, tỷ như cái chày đập lên xuống, nên Phật bảo là có lỗi. 2) Lạy tương tợ: Trong khi lạy Phật thân thể dung nghi tợ hồ đoan chính, mà tâm niệm thì tưởng xằng nghĩ bậy. 3) Lạy thuận thật: Lúc đương lạy Phật, thân nghi hợp nhau với cái trí chân chánh, vì thuận theo tâm thành thật để lạy.

Bộ Hoa Nghiêm tùy sở diễn nghĩa nói: Hễ là kính lạy ngôi Tam Bảo, ắt phải năm vóc đều sát đất. Chi vậy? Lý do bề dẹp tánh kiêu mạn, dùng nêu lòng thành kính: 1. Đầu gối hữu 2. Đầu gối tả 3. Cùi chỏ tay hữu 4. Cùi chỏ tay tả 5. và trán, đầu chầm sát đất. Nghĩa là trong những lúc mỗi vóc nào vừa sát đất đều có mỗi câu nguyện như: Một (1) khi đầu gối hữu sát đất nguyện cho chúng-sinh đồng đặng đạo chánh giác. Hai (2) khi đầu gối tả sát đất, nguyện cho chúng-sinh lòng không tà kiến thuận với pháp ngoại đạo, mà đồng được đứng vững trong đạo chánh giác. Ba (3) tay hữu sát đất, dường như đức Thế Tôn lúc ngồi tọa kim cang, quả đất rung động hiện điềm, nguyện cho chúng-sinh đồng đắc quả Bồ đề. Bốn (4) tay tả sát đất, nguyện cho chúng-sinh xa lìa những phái ngoại đạo khó điều phục, dùng pháp tứ nhiếp để cảm hóa khiến vào đạo chánh. Năm (5) đầu mặt sát đất, nguyện cho chúng-sinh bỏ lìa tâm kiêu mạn, đồng đặng trọn nên đạo quả Vô thượng Bồ đề.

Sách Tây việc ký nói: Về nghi thức để tỏ lòng thành kính có chín cách lễ phép như dưới đây:

1. Thốt lời vãn về hồi han.
2. Cúi đầu để tỏ lòng kính viếng.
3. Giở tay đưa lên cao và hạ xuống để xá kính.
4. Hoặc vòng tay, hoặc chấp tay ngay trước ức để kính chào
5. Co cái đầu gối lại.
6. Quỳ gối mà duỗi dài hai chân ra.
7. Đầu gối quỳ sát đất.
8. Năm vóc đều co thúc tròn lại và,
9. Năm vóc đều gieo xuống sát đất.

Cả chín cách lễ phép để cung kính như trên, ưu điểm hơn hết là: hoặc một lạy, một quỳ để khen ngợi những đức tính tốt đẹp, gọi là hết lòng kính.



## PHỤ LỜI CỦA NGỌC LÂM QUỐC SƯ NHỜ VIỆC KHÓA TỤNG BẢO CHỨNG

Quốc sư dạy rằng: Gần đây đạo pháp của người tu, ngày một yếu dần, là bởi ma chướng nó đắc thời, được mạnh lấn át đi; cũng vì bề trên không có đức thầy nghiêm huấn, nên để tà giáo chen chân vào tông môn (thiền tông), rồi ra nông nổi?

Phân đông đều tự hào là: học tông chỉ, bàn tông chỉ v.v... mà ai ngờ là họ luống mê theo tông chỉ, lời của họ rất một mùi xuyên tạc, còn giềng gốc từ trên mặt mắt sờ sờ mà họ chưa hề thấy.

Sở dĩ miệng thì mỗi lời rằng tỏ ý chỉ, mà chân lại mỗi bước sai chánh tông! Ngay như một hạng người không biết xấu hổ, vì họ tự dối khoe mình là con cháu dòng Lâm Tế, hễ mở miệng ra đã dốc rằng: "Duỗi (xử xuống) lòng từ ắt có phương pháp, không phương pháp thì chẳng thể rữ lòng thương được."

Lâm Tế tông có tám phương pháp như là: huyền, yếu, quyền, thật, chiếu, dụng, chủ, tân. Thế mà với cả chánh vụ của tông lâm, và hai thời công phu khóa tụng, họ đều cho rằng: đấy chỉ là những việc cũ nên chăm (*chỉ là cái điểm nhỏ*) lấy, tưởng cũng nên làm chút đỉnh, và niệm Phật ít ít vậy, mới phải là giống được kẻ môn hạ của tổ Lâm Tế."

Hứ ! Cha chả ! Ta chẳng biết hạng người ấy làn da mặt nó dày đến bực nào. Nếu là "việc cũ kỹ tầm thường" có trở ngại với đạo Tổ, thì chi bằng đừng niệm còn hơn, chớ sao lại nói "niệm Phật ít ít, làm việc chút đỉnh" mà chi? Hoặc tùy thuận thói đời cho rằng niệm Phật và làm như thế là cũ kỹ, thì đâu phải là chỗ hành động của bực đại trượng phu cùng Phật Tổ để làm thầy tai mắt cho người và trời ư?

Đối với mấy ông Sư ám đoán (*tối tăm, thiên cận*) lưu tục (*phàm phu*) nào đó, ta nay có lời thành thật để chỉ thị rằng: các Sư chớ tự hào là kẻ môn hạ của Tổ Lâm Tế, đừng dối khoe là tổ tông chỉ, và cũng chẳng cần riêng tìm cái lẽ gì để làm người (*rõ chính mình tức chân lý*); đã muốn rõ tông chỉ, thì chớ bỏ qua chuyện trước mặt, cũng đừng bắt lấy một điều nọ, buông thả một điều kia là được.

Dạy cho các Sư phải biết rằng: cái điều báo ân, chánh là hai thời khóa tụng đó, vì hai đường công phu ấy, vẫn cũng có tám yếu điểm là có huyền, có yếu, có quyền, có thật, có chiếu, có dụng, có chủ, có tân đó mà.

Cũng chẳng khác với Tổ Lâm Tế có pháp công án là 4 cách “Hét” để tiếp độ người như thượng tọa nào đó, cũng:

- 1) Có khi niệm Phật một tiếng cũng là một tiếng hét, tỳ là “Kim Cang vương bửu kiếm” là “gươm bén chặt đứt tất cả ý hiểu bằng chữ nghĩa”
- 2) Có khi niệm Phật một tiếng cũng là một tiếng hét, tỳ như “cứ địa kim mao sư tử” là thốt lời thở hơi, uy mãnh thế lực vang dậy, bày thú khiếp vía, chúng ma kinh hồn.
- 3) Có khi niệm Phật một tiếng cũng là một tiếng hét như “thám can ảnh thảo” là: buộc lòng của con chim Đào Hà vào đầu cây sào, tay cầm sào đo dưới nước, đợi bày cá bu đến rồi dùng cái vọt lưới đã thả ngầm trước ở dưới mà vọt lên, thế gọi “thám can”; cắt cỏ thả bè giữa nước, thì bày cá núp ở dưới bóng cỏ, cũng lấy vọt lưới xúc lên, gọi là “ảnh thảo”. Hai phương thế ấy đều ví dụ chỗ khéo dùng của Thiện tri thức để tiếp các Học giả.
- 4) Có khi niệm Phật một tiếng mà chẳng dùng làm một tiếng niệm Phật hay cũng như tiếng “Hét”, thì các người hiểu bằng cách nào?

Cũng có: như giết chết, như cứu sống, như buông ra, như bắt lại; cũng có chủ, cũng có khách, cũng như ao thanh lương, cũng như đồng lửa lớn, dan ra thì bị lạnh khô, đung đến thì cháy mặt mày. Tha hồ ai: đi tả đi hữu, khi tới khi lui, hoặc xiên hoặc ngay, nào phải nào chẳng, dầu việc làm giống nhau với trí hiểu, hay không đúng nhau cho đến chỗ xét thấy đã thấu thoát, và gì gì nữa chẳng hạn, cũng không cần hao công làm chi khác hơn là chỉ nội hai đường công phu khóa tụng, cũng đủ tài liệu đón gọn mà tường tất được hết cả.

Phàm là người ở về giới báo ân, chớ lấy hai đường khóa tụng cho là việc cũ luống sông, mà phải biết rằng hai thời công phu ấy đâu chẳng phải: là pháp bí mật của Phật Tổ, là môn tông trì của Phật Tổ, là tâm yếu chẳng truyền của Phật Tổ, và chẳng chẳng là nẻo chóng tắt tự tha lưỡng lợi của Phật Tổ.



Nếu rằng không cần hai đường khóa tụng, vì riêng còn có tông chỉ khác, có Phật pháp khác, và riêng có chỗ hiểu rõ điều hay hơn nữa, mà lại muốn mượn cái thuyết “niệm Phật là để sửa khẩu nghiệp” (nguyên văn: *lỡ niệm Phật phải đi súc miệng*) của ngài Triệu Châu, để mong trốn tránh lời biếng, dối toan nói khoát với người, thì ai đó chính là người trước nhứt hủy báng ngài Triệu Châu rồi, vì chẳng muốn cho người ta niệm Phật mà lại, mình thì lại dùng báo ân bằng niệm Phật, thì thật là khá thương! Như thế là quá ư lẫn quẩn, mâu thuẫn!

Nếu các Sư hẳn là kẻ có thể phát triển ra được những Tay thợ, Mắt thầy, phát minh sản xuất thành lập ra được một cách gì riêng để tự độ, độ nhơn đi cái, thì, thượng tọa (*mỗ*) kia tự biết được các Sư, chẳng cần các Sư hành động giống với ta chi. Nếu các Sư bảo ắt phải như thế, ta lại chẳng như thế? Chỉ việc như thế của ta chẳng đủ tám điều Huyền, Yêu, Quyền, Thật, Chiêu, Dụng, Chủ, Tân, Tung Đoạt đó, vậy các Sư hiểu làm cách nào lại dám nghĩ bàn bướng ư?

Phàm là bị Ma thâm hút, hơi độc đã thấm sâu vào tâm não, thì tha hồ các Sư đi học Phật pháp, học tông chỉ bằng cách gì riêng khác, sanh tâm phân biệt bao nhiêu thời bao, chọn lựa cách khác muốn mấy thời mấy, đến ngày nào sáng mắt ra rồi, chừng đó mới tự biết mình thua!

Còn ai là đồng chi, chắc thật học đạo, tất phải lấy hai đường khóa tụng làm lập trường cho vững chắc, để nỗ lực hành trì, ngõ khỏi bị Ma vương cám dỗ!

Chi như với chúng nào là “Sư tử trùng” thì quyết chẳng nên coi thường dung dưỡng, để nó làm loại thanh quy (*hai thời khóa*)!



## CHỈ LỄ CỐT YẾU

Xét ra, tánh pháp giới, tâm tri giác, chỉ thật là một tướng, tùy chúng sanh mỗi cơ cảm, nên pháp phương tiện có nhiều môn. Bởi thế, đức Như Lai thuyết pháp 49 năm, nói kinh hơn 300 hội, đều do từ trong tâm của “Pháp thân vô tướng” lưu thông ra, để thích hợp khắp suốt tất cả tầng lớp giữa muôn loại chúng sanh.

Nguyên vì, tâm Phật vẫn thanh tịnh, bao hàm, dung nạp cả tánh pháp giới, mà chúng sanh thì chỉ mê mẩn ở trong pháp giới

tánh để sanh diệt lưu chuyển; chớ có biết đâu, tâm thể của chúng sanh cũng vẫn thanh tịnh, bao trùm mười phương, thì chư Phật cũng vẫn ở trong tâm ấy của chúng sanh để vắng lai thị hiện. Nên

Quán Kinh nói: “cái Pháp thân (pháp giới tánh của chư Phật Như Lai), nó lẫn vào trong lòng tướng của tất cả chúng sanh, nghĩa là trong khi lòng chúng sanh tướng Phật, thì tâm ấy tức là Phật, đã là Phật thì tức là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp cũng đồng nghĩa trên.

Mặc dầu thế, lúc mà chúng sanh còn đương mê, chính là khi chư Phật đã ngộ, nếu phi có chư Phật xuất hiện nơi đời, thì chúng sanh làm gì tự biết được mình sẵn có đủ “tánh trí huệ” là tánh giác của Phật? Mà với sanh tử phiền não, không thể cùng tận đặng, nếu “tánh trí huệ” còn đương trầm mê!

Bởi thế, sau khi đức Thế Tôn thành đạo, nói năm thời giáo pháp:

- 1) Tại nơi trường tịch diệt, Phật thị hiện ra cái thân đủ tướng tốt viên mãn, nói rộng ra cái trí màu, đầy rẫy pháp giới; bực Bồ Tát là căn cơ Đại thừa nghe rồi liền chứng vào pháp viên đôn.
- 2) Kế đến Lộc dã, Phật thuyết pháp Tứ đế, hạng căn cơ Tiểu thừa nghe rồi chứng đặng cái lý chơn không, ra khỏi cảnh giới ba cõi luân hồi (chứng A La Hán, ra khỏi sanh tử luân hồi tam giới).
- 3) Kế nói thời Phương Đẳng, nêu bày 4 giáo pháp, hạng người bực Tam thừa, tùy trình độ thế nào, được đắc đạo thế này.
- 4) Kế diễn thuyết pháp Bát Nhã, nói rõ cái tánh không, khiến cho căn cơ của tam thừa tiêu tán hết 2 cái tướng chấp ngã, chấp pháp, rộng ra hành pháp lục độ, kê bằng “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”
- 5) Kế đến A) Phật cùng đại chúng vân tập tại non Linh Thứu, đề rao bày “Đại thừa diệu pháp” nghĩa là: mở pháp quyền đã nói từ 4 thời trước, để rõ pháp thật chỉ nhứt thừa ngày nay; bởi thế, cả tam thừa đều nhờ được Phật thụ ký, đến cả 6 cõi phàm đều đặng lần vào cảnh giới diệu huyền, tỷ như trăm sông đều dồn về biển, các sao đều rõ giữa trời B) sau Phật thuyết kinh Niết bàn, là vì chúng sanh đời mạt pháp mà Phật ngài nhắc đi nhắc lại, để dựng đỡ giới luật lên, nói rõ pháp chơn thường là chơn thường, chơn lạc, chơn ngã

và chơn tịnh; với cả 5 trên, gọi là “Ngũ thời thuyết”

Tóm lại, đâu chẳng vì cái lẽ bởi nhơn duyên của một việc lớn, mà Phật ngài phải xuất hiện nơi thế giới này, để khai thị cho chúng sanh giác ngộ vào tri kiến của Phật, phổ độ cho đều đắc viên mãn quả Phật mới thôi.

Song căn tánh của mỗi người mỗi khác, nên pháp môn cũng phải nhiều. Sở dĩ pháp Phật lưu truyền qua Trung Hoa từ Đông Hán đến đời Đường từ trước đến sau, tiếp tục có các Tổ Sư, riêng lập ra 8 tông phái; về pháp tu tịnh độ vãng sanh, Đức Thiện đạo ngài phân ra làm 2 chánh hạnh; một: chánh hạnh Di Đà pháp có 5 cách tu, như đọc tụng, quán tưởng v.v.. hai là tạp hạnh: ngoài 5 hạnh trên, gồm tu tất cả việc lành, đều hồi hướng về Tịnh độ. Còn ngài Huệ Viễn đời Tấn dựng Liên Tông tại Lư Sơn (tỉnh Chiết Giang). Có cả các đảng đại Nho, đại tiên đều vào Liên xã, để chuyên tu niệm Phật. Nói dõng theo sau thì có những nhơn sĩ đều được giải thoát là phần nhiều ở các tông khác nữa. Mà tông nào cũng lấy nhị thời khóa tụng đây để làm như đường ấy là lẽ tụng không đời.

Lại may nữa là đời Đường, đời Tống đều có các Tổ thay nhau biên tập các văn trong Hiền giáo, Mật giáo vào nữa, cho nên 2 thời công khóa hôm mai rất đầy đủ. Nhưng với Tông tuy đều lập riêng mà chung nhau chưa vượt bỏ nhị khóa này vậy. Vì khiến cho kẻ trễ phải siêng, người cần lại càng tiến. Vậy thì đường đạo được lan rộng ra khắp giáp nhơn gian, để thích hợp các cơ bằng cách phổ thông như kia, là mỗi đầu đích ở tại nơi 2 đường khóa tụng đây chăng?

Con người ta từ vừa lọt lòng mẹ ra, tức nhiên đã có những hột giống nghiệp nhơn rồi, do nghiệp nhơn đó, sẽ chiêu cảm lấy quả báo.

Kinh Địa Tạng chép rằng: “mới móng ý động niệm, đã đều là tội rồi, huống nữa miệng nói, thân ra làm” Bởi nhơn giống trước, nầy nhơn giống sau, do quả nghiệp cũ chứa quả nghiệp mới đã lăm trước sau mới cũ, tiếp tục dồn chất, là những điều kiện tội chướng để luân hồi mãi trong sáu đường, không khi nào cùng tận, thì chẳng có ai có thể làm cho tiêu trừ giống nghiệp ấy đặng, nếu phi nhờ tự mình tham thiền, tụng Kinh lạy Phật, niệm Phật để sám hối cho thân khẩu ý được trong sạch.

Huống nữa, bọn tri-lưu ta ở vào giới Phật tự, là kẻ đã chẳng

phụng sự Vương Hầu nơi Triều đình chánh phủ, lại phần nhiều là không dật, cày nơi hãng xường, điều trù, mà chỉ nhờ ở phái ngoại hộ, thì rất khó bề tiêu rồi của tín thí tứ sự cúng dường nếu chẳng tận tâm gia công hành đạo!

Tổ Triệu Châu dạy rằng: “Đời nay nếu chẳng rõ được đạo lý (*minh tâm kiến tánh*), thì đời sau phải đạo làm loài mang lông đội sừng là trâu ngựa, để trả nợ thí chủ”

Lại xét các Kinh Phật, thấy nhiều lời cảnh tỉnh như trên, đâu chẳng là Phật, Tổ vì thương xót, mới để lời răn nhắc, thật là lấy làm rùng rợn lo sợ nếu là kẻ có trí thức xem xét đến.

Nên biết rằng: với nhị thời khóa tụng, công quả ấy không những chỉ là tự lợi, mà lại cùng với pháp giới chúng sanh đồng đắc quả chánh giác của Phật nữa là khác; vậy các ngài xem đó nên nhớ lấy, dè chừng cho là việc thiện cận mà khinh dễ dă!

Với những lời niệm Phật, tụng kinh, cái thân phải cho đoạn nghiêm, chớ dãi dăi, cái miệng cốt niệm tụng cho suốt thấu, cái ý nên chăm chú đừng lững dờ; thế thì ba nghiệp cùng hợp nhau với ba chỉ. Đến như thân nghiệp siêng kính chẳng trễ, khẩu nghiệp thốt tiếng rõ ràng, ý nghiệp theo chữ tụng đến đâu liền tưởng xét đến đó; thế thì ba nghiệp cùng hiệp nhau với ba quán. Với tam chỉ, tam quán tỷ như đem gương soi hình tượng, vẫn không phân biệt chọn lựa gì.

Song khi niệm tụng mà cả ba nghiệp đều dùng đủ như thế, chẳng xót mảy mún, thì tâm ta với tâm Phật lẽ cảm ứng lẫn nhau, tỷ như đem nước trong trút vào nước trong, và lấy cái không hiệp với cái không, khá gọi công đức khắp giáp pháp giới, hạn lượng đồng với hư không.

Trong lúc mà ta để cái tâm (ý thức) nó buông thả tứ tán ra, thì ta đâu có tự biết tâm ta nó động hay chẳng động; còn trong giờ ta tham thiền hay tụng niệm gì, ta mới tự biết được tâm ta nó hiện hành ra những vọng niệm quá ư phức tạp lăng xăng. Với những tưởng niệm bậy bạ, ta muốn cho được tịnh chừng nào thì nó lại càng vọng động nổi lên chừng nấy. Chẳng khác nào như chai nước Lave khui nút rồi có những tâm bồng bột nổi lên hoài; dù nhục nhãn không thấy, chớ cái vọng niệm dấy lên hình dung cũng thế.

Chỉ bởi từ vô thi, những vọng-hoặc là thất tình, lục dục nó thành những cái tập khí, cái chủng tử đều ẩn núp trong tàng thức (A lại da), rồi phát hiện ra trong hằng giờ. Với sự phát hiện tập khí,

chúng tử đó, chỗ thì bảo là vọng niệm, hoặc kêu vọng tưởng cũng gọi là vọng tâm, trong giờ loạn động, ta không để ý nên không biết, với giờ yên tịnh, ta mới xét thấy nó dấy niệm lên. Với những tập khí, chúng tử đã chắt chứa từ nhiều kiếp như số vi trần kia, nay há dễ vội trừ hết liền đặng! Cần phải chăm chú tâm vào một cảnh, như: hoặc quán xét vào một chữ, hay một câu gì; hoặc tự nghe lại tiếng của mình tụng niệm v.v.... . . hễ để tâm vào một cảnh nào, thì từ thí chí chung, mỗi phút không rời không trễ, như viên tướng canh gác giữ trại. Giữ cái chánh niệm như thế, để tự giác ngộ, tự trị lấy mình, dù có một, hai cái tư tưởng xằng dấy lên, cũng có thể lần hồi tiêu trừ được, mà từ hữu niệm (chánh niệm) sẽ tiến vào cảnh vô niệm.

Hoặc người nào có trí huệ khá, liền có thể vừa tùy theo miệng đọc chữ đến đâu, vừa tùy theo tâm tưởng đến đó, tâm năng quán, cảnh sở quán, thể nó đều tức là thật tướng.

Lại nữa, có thể tự giác ngộ lại xét những cái vọng-hoặc là tập khí chúng tử kia, nó đều không có từ nơi chỗ nào cả, cái tập cái chủng phi có, thì tâm năng niệm, cảnh sở niệm, thể nó cũng đều tự vắng lặng. Đương khi niệm mà tức là lìa nơi niệm.

Thế nên, hoặc kẻ trí hay người ngu, chỉ khứng thâm cái tâm vào một cảnh nào (như câu niệm Phật chẳng hạn), lâu lâu sau rồi tự đặng tinh thần, do đó thêm sáng suốt, cảm ứng bằng huyền cách mà khế hợp nhau.

Kinh Diệu Túy Bồ Tát sở vấn chép rằng: “các nhà tu niệm nếu muốn cái phép trì tụng cho đặng mau thành tựu kết quả, linh nghiệm, thì với những nghi thức lễ pháp gì, chẳng đặng làm thiếu hay phạm một mảy mún nào, vì hễ thiếu sót và trái phạm là, khiến cho các điều Ma chướng nó thừa dịp đặng tiện bề phá hại! Thế nên hành giả phải chăm lòng trì tụng, hằng giờ không xen hở, để cho 1/ là quán tưởng 2/ là chân ngôn 3/ là tự chủng, mỗi mỗi đều tinh thực nằm lòng, mỗi sự đều xứng nhau, thế mới thành được cái thể “vô tác diệu hạnh” của pháp Du Già, gọi là “tam mật tương ưng” Tam mật 1/tay kiết ấn 2/ miệng đọc chú 3/ tâm quán tưởng, cả ba đều xứng hợp nhau, mới thành pháp mật nhiệm.

Lại người trì tụng: chẳng đặng để tâm nó leo qua cảnh khác (không phải chỗ mà mình đương tu trì) cùng nói chuyện khác với người. Việc tụng nếu gián đoạn, thì bất thành nghĩa tất-địa (*pháp tu của Mật tông*) là kết quả chẳng nên gì!

Lại nữa, tụng niệm mà chẳng y theo nghi pháp, hoặc chẳng trì giới cấm, hay có giữ giới mà không được thanh tịnh, thì chẳng những pháp tu chẳng được thành tựu, mà người tu cũng phải rước lấy điều tổn hại là khác!

Các vị chủ trưởng trong 8 bộ Hộ Pháp, các vị Minh Vương kia, đều là chư Phật Bồ Tát hiện thân, thì trọn không làm giận làm hại, chứ các vị theo hầu là Thiên, Long, Mãnh quỷ, Độc thần, thấy người tu có lỗi, thì mấy vị ấy vì lòng hộ pháp, phải tức giận làm hại liền!

Kinh Kim Cang đánh Du Đà niệm tụng chép rằng: “Phàm là người tu theo pháp Du Đà, phải đủ trí huệ, trước rõ pháp tam muội và pháp chân ngôn, 3 nghiệp đều an trụ giới Bồ Tát, phát tâm bồ đề, đã có công đức như thế, mới cho người đó tụng niệm pháp Du Đà”.

Kinh Bồ Tát thiện giới nói: “người tu tụng pháp thân chú, phải kiêng 5 điều chẳng phạm đến 1/ ăn thịt, 2/ uống rượu, 3/ năm thứ rau củ cay hôi, 4/sự dâm dục, 5/chẳng phạm ăn uống ở trong nhà không thanh tịnh. Hành giả giữ đủ 5 điều giới cấm ấy, mới có thể làm được lợi ích lớn cho chúng sanh, vì hay trị được ác thần làm bệnh độc cho dân”.

Sách Pháp Uyển chép rằng: “Kẻ đạo (phái xuất gia) người tục (phái tại gia) tụng kinh, trì chú mà không được công hiệu đó, là tự họ không trung thành với 8 điều pháp giới, rồi lại chê là không hiệu nghiệm: 1/ hoặc văn tự sai sót, 2/ hoặc tiếng đọc không trùng sách, 3/hoặc uống rượu ăn thịt, 4/ hoặc ăn tạp những vị cay hôi nồng nặc, 5/tay dơ dáy cầm đến cuốn kinh vật cứng, 6/miệng nói chuyện phàm, tiếng tục, 7/ quần áo không sạch, 8/chỗ ở chẳng nghiêm tịnh, thành thử khiến cho quý thần tiện bề phá hại, mà phải trở lại bị tai ương!

Nếu muốn hành trì tu luyện, trước mỗi giờ vào đàn, đều phải tắm rửa, miệng thường ngậm chất hương vị, lòng chí thành thận trọng, khắp vì lục thú chúng sanh, nên phát tâm tinh tiến, đừng trễ nãi. Người tu luyện mà chí ý được như thế chắc được thật nghiệm ngay.

Sách Hiền Mật viên thông biên rằng:

“Trong các Kinh: Kinh Kim Cang đánh tô tát địa, Chuẩn Đề v.v.. đều nói người tu dùng công trì tụng, hoặc nằm mộng thấy chư Phật, Bồ Tát, vị Thánh Tăng, các thiên tướng, hoặc thấy tự thân mình đi lững trên hư không, cỡi ngựa lội qua sông... mỗi ánh sáng của mỗi thứ hương, và các cái tướng lạ lùng; nếu người tu mà đặng ứng nghiệm như thế, thì lại cần gắng dấy 3 nghiệp, gia công tụng niệm, chẳng đặng phô bày những cảnh giới trong thần chú, để lòn bán rao với người, chỉ với người đồng đạo mà ta chẳng vì danh lợi, kính khen, mới được tiến bề trình bày chút đỉnh thôi”.

Kinh Đại Bi dạy rằng: “Nếu người tu niệm mà trong khi đương tụng khẩn thiết, bỗng xảy ra gặp những điều Ma nó hiện lên, để làm chướng ngại, hoặc thoát nhiên trong thân tâm nó nhón-nhác chẳng an, hoặc sanh chứng hay giận hờn, ưa buồn ngủ mà khó bề trì chú tụng kinh được, hoặc mơ thấy những hình tướng kỳ lạ, hoặc với thần chú mà sanh tâm nghi ngờ, hoặc sanh nhiều điều phân biệt tư tưởng, hoặc bị say mê chấp về pháp Có... với các điều trên, nếu muốn đối trị, thì nên quán tưởng nhìn vào chữ Lam là chữ viết bằng cách chữ Phạm như thế này (Om), hoặc quán tưởng nhìn vào chữ A như vậy (Án), cứ chăm lòng nhìn riết, thì tự nhiên các cảnh Ma chướng kia, nó tiêu diệt mất, sẽ biết phép nhơn duyên nó vốn là không có, vì chữ A ấy nghĩa là không, Lam: Sạch”.

Vì người tu niệm mà trước tướng chấp có, thì kết quả sẽ thành ra hưởng phước lành hữu lậu ở cõi người cõi trời: tu mà chấp không, công chỉ ích lợi cho một mình mình, thì sẽ thành hưởng phước thiện vô lậu của các thánh ở nhị thừa; tu bằng cách lợi ích cho mình và người, sẽ thành được phước lành của vô lậu pháp tánh; tu bằng cách: Năng niệm, sở niệm đều không, mình và người bình đẳng, tâm không phân biệt, thể trùm cõi hư không, lượng giáo cả pháp giới số hà sa, thì kết quả thành được phước thiện đạo Phật vô thượng. Thế nên người tu trì cốt phải tâm quảng đại khắp giúp ích nhau: nên văn sám hối nói: “Ta nay phát tâm tu đây, chẳng vì chỉ cầu riêng cho phần mình”. Chính là nghĩa đây vậy

Các bài trong hai thời khóa tụng, đều thuộc về Tạng Đại Thừa thâm cả, như chú Lăng Nghiêm là cái ấn báu tốt bậc do nơi Hóa Phật thuyết ra tại nhóm hào quang trên đỉnh của Phật Thích Ca; chú Đại Bi và cả mười thần chú, đều là nghĩa kín màu hay lạ, có lợi ích cho tất cả chúng sanh; kinh A Di Đà là nghĩa trọn ba cõi

thanh tịnh, để thâm nạp chúng sanh có niệm Phật; bốn Hồng Danh bửu sám, là để rửa sạch giống nghiệp từ vô thủy cho chúng sanh trong chín cõi; văn Mông sơn thí thực, là siêu độ cho các linh hồn của lục đạo giữa pháp giới; pháp niệm Phật là gồm thâm cả công đức của những chỗ trì tụng, để đều hồi hướng về tịnh độ. Tỷ như nước ở từ trăm sông, đều gom về biển cả. Người mà xét hiểu được như thế, thì giữa hai thời khóa tụng, mỗi câu đều trọn gồm, mỗi bài cũng lẫn thâm, nguyện chí lại chẳng được ích lợi ư?

Mỗi chùa ở các nơi với hai thời công phu, đều có hơi khác nhau chút đỉnh đó là bởi các Tổ sư kia thành lập ra mỗi Tông chủ chẳng đồng, nhưng đâu chẳng cốt đem chúng tăng mau giải thoát để làm việc cần kíp. Hoặc có những người bực trí kẻ ngu đồng đối với việc tu niệm, mà kẻ siêng tụng thêm bài, vì tâm mộ đạo khẩn thiết; kẻ biếng đọc giảm bớt, vì chí quên xuất ly. Lại có người đến thời khóa tụng đọc giảm bớt, vì kiêm có thêm việc cúng đám gì đó; hoặc có sự tuy đã xuất gia mà hai đường công khóa chưa đọc thuộc hết. Thậm chí có sư để bàn Phật bụi bám, nhện giăng, nhang tàn khói lạnh, tuyệt không đèn lửa, có gì kệ kinh! chao ôi! Đời rất dòng hèn, hình giống tướng Sư, lòng nhuộm màu tục, làm hoại pháp Phật! Xuất gia như thế, chẳng những phụ phàng Phật tánh, và còn tự rước tội thêm là khác, vậy các học giả nghĩ lấy!

Công khóa: Đạo Nho xưa bảo: với sự làm có thành hiệu là công, với việc thì kể trình hạn là khóa. Lại rằng: quy định ra cái khóa trình để làm việc, để kỳ cho thành tích, là "công khóa"

Song, nói về "công khóa" của họ Thích Ca ta thì như thế này: kể công về trình độ nơi Tam Bảo, để làm cái ni thức hằng ngày. Xét rằng: với việc học tu mà phi nghi quỹ thì dễ sanh ra đái đọa, với việc hành đạo mà phi khóa trình, cũng khó thể nghiệm rõ ràng.

Chính vì chúng ta từ vô thủy lại, nghiệp duyên chông chát làm chướng cản ngăn, tất không khỏi có cái vọng tình lui ngã, thế nếu phi trình hạn, để làm chừng mực, buộc phải nhớ phải lo, thì đâu có tiến tới đạo mâu? Bởi thế, các Tổ đặc biệt lập ra hai thời tảo khóa, văn khóa, để cho các nhà học giả dầu có bận việc gì, chớ với thời khóa tụng chẳng thể sai; nếu vị nào tâm quán tưởng đã tinh thuần, thì cây đạo bồ đề ngày càng tăng trưởng, mà Phật quả cũng ngày một kết tinh thêm.

--- o0o ---



## TỔNG QUÁT Ý NGHĨA KINH THỜI MAI

Người tu Phật, trước hết phải học cho thông suốt cả chữ lẫn nghĩa của trọn thời khóa tụng, để tiện khi vừa tụng thuộc lòng, vừa xét hiểu ý nghĩa. Lại trước phải luyện cái tâm tập định được thuần thục, vì không thì, với cảnh lộn xộn, tâm phải rối ren, pháp quán tưởng khó thành được ! Nên với giờ sớm là lúc muôn cảnh chưa động đậy, tâm ta còn im lặng, liền dậy súc rửa, thay quần áo, đi niệm “Chú Phật đánh Lăng Nghiêm tâm”, là để sớm trị cái bệnh ngũ dục chưa mống mầm, chóng kỳ cho được tâm hồn phẳng suốt, rõ bày ngay cái tánh màu chơn như của Như Lai tạng, đó là chỗ gọi rằng “phẳng lặng chẳng động, hễ có cảm đến đâu là liền suốt thấu đến đó”.

Kê gia trì đọc bài “Đại bi thần chú” bài “Như ý Bửu luân vương chú”, đồng để rửa sạch những bụi phiền não trong tâm ta, hễ bụi lòng đã sạch, thì tỏ được lòng Đại Bi đồng thể chuyển đặng xe Pháp luân Như ý; tụng “Chú tiêu tai cát tường” là tan mất điều tai ương, đưa đến sự yên lành, xe pháp luân lại càng được vững chãi; tụng “Chú Công đức Bảo Sơn” thì điều lành đã hiện nơi tâm, ở núi pháp tánh, đặng ngọc báu bằng công đức; tụng “Chú Chuẩn Đề” là còn e pháp tánh khó tỏ bày, nên phải đọc chú này, cho tan sạch lý chướng đi thì mới khiến pháp tánh được quả toại; tụng “Chú Quyết định quang minh vương” thì sự đắc quả đã toại rồi, liền phải cầu cái trí sống lâu của đức Quang minh vương Như lai; tụng “Chú Dược Sư quán đánh” là trí sống lâu đã phát triển, trí ấy lại như mặt trăng báu mà trong bình lưu ly hàm tàng nó, tia sáng nó rọi ngay vào đánh đầu, nên gọi là quán đánh; tụng “Chú Quan âm linh cảm” thì được hợp sâu vào lỗ tai viên thông cả pháp giới của đức Quan Thế Âm sự linh cảm hay vô cùng, tỷ như trăng soi mà vắng, vắng mà soi; tụng “Chú Thất Phật diệt tội” là e nghiệp cũ còn mù mờ, mặt nguyệt trí khó tỏ rạng ra cần phải diệt sạch cái căn nghiệp từ vô thủy, nên gọi diệt tội; tụng “Chú vãng sanh”, thì căn bản nghiệp chướng đã sạch, mong cầu đức Di Đà rưới nước gội vào đánh đầu, như chúng cảnh tịnh độ. Tụng “Chú Thiện thiên nữ”, là gom pháp quán màu nhiệm trên, để cộng thành diệu dụng của pháp tánh, thì những chỗ nguyện, đều được kết quả toại lòng; song với sự tụng các chú mật nhiệm ấy, thì đã tiến vào pháp diệu quán,

phải biết đều là bởi nhứt tâm làm nên, còn e chấp trước nơi quán cảnh, nên phải tụng thêm “Chú Bát nhã tâm kinh”, là để chỉ ngay cái tâm thể nó vẫn không, chẳng có cái cảnh trí khá đặng, vì tâm là cái “Không” mà cái “tướng” của không ấy cũng không luôn, thể là 1. Trí cảnh rõ ràng, 2. Phi đồng phi dị, 3. Hai bên tuyệt vời, tức là 3 pháp quán trọn đủ rồi.

Trên đó, cả 12 bài mật chú và một bài hiệu kinh (tâm kinh), ý nghĩa nó đều gồm thâm lẫn với nhau; người khóa tụng rồi, lấy công tác hành trì đó, gom lại đem hồi hướng lên ngôi Tam bảo chứng minh, để: nguyện và đáp Bát Bộ Thiên Long Hộ Pháp với tất cả 4 ân, 3 hữu, 8 nạn, 3 đồ, đều nhờ ơn khỏi khổ nước trị dân an, Đản Việt, tín đồ thêm phúc huệ; tam môn là cửa ngõ chùa chế tạo hình tam quan mở 3 cửa, nên gọi tam môn, tức sơn môn, là nguyện cả các chùa đều thanh tịnh, để tiến vào 3 cửa giải thoát, thập địa đôn siêu: là nguyện cho tất cả chúng Tăng ở các chùa đều chóng tiến lên bậc Thập địa Bồ tát, nên kết thúc về bài kệ hồi hướng; nhiên hậu mới niệm Phật, để cầu cho được thật chứng; phải biết rằng: Niệm một Phật A Di Đà, thì cả chư Phật khác, cũng đều hội hườn lại một.... Vì lẽ Phật Phật đạo đồng, đồng danh đồng hiệu, tức là một thân lẫn nhau với nhiều thân, tự cùng hòa nhau với tha rốt lại lấy 3 tự quy y, là hoàn toàn thâm cả công đức đã tụng các bài mật chú, hiệu Kinh trên, là để kết thành ngay ngôi Tam bảo của tự tánh, chứ chẳng mượn quy y bên ngoài. Như vậy là trọn rõ bày của pháp Đại tổng tướng của nhứt tâm. Thế thì gặp những Phật hiệu chi, bài chú gì....chẳng phải là tự tánh Như lai tạng ư?

## TỔNG QUÁT Ý NGHĨA THỜI KINH CHIỀU

Rạng mơi là lấy nghĩa rằng tâm hồn vẫn còn suốt phẳng làm cốt; còn chiều hôm là dùng ý rằng hướng ngay về Tịnh độ làm chủ.

Chỉ bởi người ta ai cũng có nghiệp chướng từ kiếp trước, nên hễ ai mà việc tu hành có công dụng hơi tiến bộ, thì tức có Ma chướng nó thử thách. Thế, nếu phi cái tâm cho tinh thành gồm đầy để trấn tĩnh, thì há dễ gì dẹp điều chướng, xua loài ma. Nên chi, với lúc mà cảnh còn đương vắng, tâm cũng đương thanh, bấy giờ ta lo trì chú thì dễ được phần linh nghiệm.

Nhược bằng buổi chiều, với điều nên hơn hết là, gom góp

những việc lành đã làm vừa rồi, để chỉ quy về Tịnh độ, khá gọi “ làm công nơi đầu, gom đức nơi cuối”. Nên chi, với thời kinh chiều, bắt đầu tụng “Kinh A Di Đà”, là để cho tỏ được cái cảnh mâu chánh báo là căn thân, y báo là quốc thổ của nước Cực lạc, và đặc biệt khuyên người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật để làm “Chánh nhơn”, thế chính là muốn cho chúng sanh chán lìa cái cảnh toàn uế của thế giới Ta bà, ham lấy cái cảnh toàn tịnh của thế giới thanh thái.

Tụng “chú Vãng sanh” tức là hy vọng đức A Di Đà đến trụ trên đánh đầu của ta, để gia bị cho ta nhổ gốc rễ của nghiệp chướng, và chứng nhận cho ta được giải quyết vãng sanh.

Mặc dầu thế, người hành đạo như chúng ta, tâm lý nó còn vọng tạp lắm, nên với nghiệp chướng từ vô thi, chẳng dễ gì chỉ tụng chú ấy mà có thể bạt trừ liền sạch đi được, vì còn những tạp khí là hôi hám của nghiệp chướng, thành thử phải y theo văn Hồng danh Bửu sám mà phát nguyện rằng: “Con nay dấy lòng sám hối đây, là chẳng phải vì cầu cho con sẽ hưởng phước lớn giàu sang làm người hay trời.... mà chỉ nguyện cho con và cả chúng sanh trong pháp giới đồng đắc quả Phật mà thôi”. Phát nguyện như thế rồi, xưng tụng 88 hiệu Phật, để sám hối tất cả căn nghiệp từ vô thi.

Kể tụng bài kệ 10 đại nguyện của đức Phổ Hiền, là để khoách sung lại lời phát nguyện trước, ngõ dặng tục để dung thông với chơn đế, cũng như đắc pháp tam muội của Phật trí, thì tất cả pháp gì đều in hiện tượng vào biển trí ấy, tỷ như tất cả sự vật gì, cũng đều in hiện tượng vào biển cả, nên nói đắc 2 Đế dung thông nhau, cũng như hiện tượng in thông vào biển. Thế là tỏ nghĩa cứu cánh rằng cảnh đẹp hiệp tâm, tha hiệp tự, vẫn liền in như một.

Đó rồi tụng bài Mông Sơn, thiết lễ thí thực, để rộng ra tế độ, các đảng cô hồn nơi âm cảnh. Thế là tỏ nghĩa rộng lớn rằng: Chẳng những dương thái, mà còn nguyện âm siêu, kẻ tồn người vong đều được phổ độ.

Kể tụng “Chú Bát Nhã tâm kinh” là để biết rằng: Tỏ được lẽ, tội phước đều vô chủ, nhơn pháp đều vô tướng, mới rõ thấu được cái tướng chơn thật, vì “Thật tướng” nó phi như tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, bởi các tướng ấy đều có diệt, vì có sanh, còn “tướng thật” thì không diệt, vì nó không sanh, vậy cái bất sanh bất diệt, mới là “tướng chơn thật”.

Kể tụng “Chú Vãng sanh” là lặp đi lặp lại để nhờ đức A Di

Đà rọi hào quang đến đánh đầu ta để hộ niệm cho ta, để cho chú vãng sanh được hiệu lực rằng: Đồi lục đạo làm tịnh độ, khiến hữu tình hay chúng sanh liền chứng lên bực thập địa bồ tát.

Kế đến niệm Phật hồi hướng, để thể thủ lấy lẽ thật chứng; đến rốt lại cũng kết thúc về tam quy là: Từ thí chí chung, việc công tác này có bao phép lành, mỗi mỗi đều tập trung về ngôi “Tự tánh Tam Bảo” để nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng dấy cái tâm vô thượng Bồ đề, và trí Phật tròn đủ làm biết tất cả chúng chúng.

Hai thời sóc, vọng làm lễ “Chúc tán”, đó là cầu đảo đức Hộ Pháp Vi Côn, cả chư thiên Bát bộ, các thần Hộ giáo Già Lam, để nhờ các Ngài ủng hộ ngôi Tam Bảo, và ngăn dẹp những Ma chướng khi dễ bên ngoài, đặng giữ chánh đạo bên trong.

**Hỏi:** Với pháp quán hoàn toàn vi diệu không thể nghĩ bàn ấy, chỉ giúp cho những người bực thượng căn, mới có thể tu học nổi; còn với hạng căn tánh bực trung hạ thì, phải tu học cách nào?

**Đáp:** Chỉ phải chăm một lòng vừa đọc lại vừa tự nghe, mỗi chữ rõ ràng, hoặc quán xét ngay nơi chữ mà lòng không hôn trầm tán loạn; 2 cảnh sở quán sở văn có sanh diệt, chứ tánh năng quán, năng văn tỉ như cái thể sáng của gương vẫn tự tại chẳng dời. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Với lúc tiếng chuông không reo, tánh nghe đã chẳng diệt, lúc mà có tiếng chuông reo, tánh nghe cũng phi sanh; đều là hẵn luôn hai cảnh có sanh diệt, như thế tánh nghe mới thường chơn thật”. Đây cũng chính là nghĩa trên đây bảo thế.

**Hỏi:** Trong lúc dụng công để tu, muốn vọng tưởng dứt lạng đi, mà nó lại loạn động lên mãi, thì lấy gì để đối trị?

**Đáp:** Mặc kệ cho vọng tưởng sanh khởi, không kể, chỉ cốt là ta liền nhớ thấu tinh tâm lại, chăm chú đừng cho tâm niệm lửng dờ đi là được. Tỷ như chủ ý của con mèo chăm bắt con chuột, hẵn không có một cử chỉ gì để buông rời. Lúc ta đương dụng công để tu quán hay tụng niệm gì, dầu như tâm tước lửng tán đi, thì phải thấu kéo nó lại, cứ thế thấu tâm về mãi không thôi. Cái công thấu tâm ấy càng nhiều càng nhắc, càng dày, thì tự nhiên nó kết tinh lại thành một thể vô tướng. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói “Với cái động, và tịnh của cảnh, tánh nó chẳng dời, lúc nhớ lúc quên, tánh vẫn như một, phải từ chỗ đó, để lần lượt đi sâu vào, mãi cho đến giai đoạn quên cảnh quên tâm, và với cái “quên” cũng quên luôn đi, đến tận cảnh tịch diệt, là chúng được pháp tánh”.

**Hỏi:** Những hành giả nào trí lực kém thiếu và thân thể ốm

yếu, hoặc gặp cảnh thiện hay ác quá thạnh, thì tâm niệm trước dù phải, nhưng tâm niệm sau lại chẳng phải, nghĩa là với cảnh thiện thì chẳng động tâm theo thiện, gặp cảnh ác tâm cũng xúc cảm theo ác, nên nói trước phải sau chẳng phải. Cứ thế, trải qua nhiều năm, chất chồng lăm tháng, mà rốt cũng chẳng thấu tâm niệm lại được thì sao?

**Đáp:** Hành giả nào mà tâm trí bất lực, vì không tự chủ được với hoàn cảnh, là bởi nghiệp chướng từ đời trước quá nặng hậu ! thì hành giả ấy cần phải phấn phát chí dũng mãnh, gieo lòng chí thành khẩn thiết, lạy sám hối theo bốn lớn, cốt đợi cho nghiệp chướng tiêu diệt, chùng đó, tâm trí mới có phần đắc lực.

Thế nên người xưa đành chịu trụ vào chỗ Tử tâm (*Diệt tận định: diệt ý thức đi, chẳng cho nó hiện hành hoạt động gì hết; như chết rồi, nên gọi tử tâm: Chính tổ Ca Diếp thường ở trong "Diệt tận định" nghĩa là không cho ý thức tư tưởng gì hết là nghĩa tử tâm, tức không dùng đến tư tưởng*). Tu như thế, hoặc suốt đời, hoặc một kỳ hạn mấy chục năm, trong thời kỳ tu tử tâm, mỗi phút đều chẳng rời cái niệm diệt tư tưởng, nên có thể hẹn ngày minh tâm kiến tánh được. Người tu đời nay, mới nhúng tay vào việc, đã muốn thành công liền, há đã dễ lại dễ quá ru?

Chỉ bởi những nghiệp tập từ vô thí nhiều như đây cả vũ trụ, nếu không cần tu cho lâu xa, thì làm gì thấu tâm định được? Chính Ngài Dũng Tuyên làm việc tu như thế suốt 40 năm, ngài Hương Lâm tu 40 năm mới thành một kết quả v.v...Việc tu ấy, người xưa còn chẳng làm được dễ dàng thay; huống người bực trung hạ, đâu mau thành được? Nên phải lập chí cho bền, hễ chướng hết rồi, thì tâm lực tập trung thuần thực, chùng đó, tự nhiên thành được pháp diệu quán.

--- o0o ---

## **THỜI KINH KHUYA**

**ĐẠI PHẬT ĐÁNH, THỦ LĂNG NGHIÊM KINH THẦN CHÚ**

Thích nghĩa "Thần chú của kinh Đại Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm".

Y theo ý kinh mà lập ra danh đề, vì nêu tên chỉ là **"Pháp"**. Bằng đủ theo kinh đề, thì 19 chữ đều nêu lên cả **Nhân** và **Pháp**.

**"Đại Phật đánh"** là tánh đủ 3 đức: **"Thủ Lăng Nghiêm"** là ngôi tu 3 nhân. Chừ đón về Đại Phật đánh đều đủ 3 đức đó (nay chiếu theo Đại Phật đánh mỗi mỗi đều có đủ 3 đức), thì **"Đại"** đủ 3 nghĩa: 1/ Pháp thân là **Thể Đại** (lớn), vì tâm tánh khắp giáp tròn đủ. 2/ Bát nhã là **Tướng Đại** (lớn), vì trí huệ suốt thấu tỏ soi. 3/ Giải thoát là **Dụng Đại**, vì lan rộng ứng hiện không ngần (trở) ngại **"Phật"** đủ 3 nghĩa 1/ Giác tự (giác ngộ lấy mình) thì biết tự tánh vẫn thanh tịnh, dứt hẳn những danh nghĩa còn đối đãi hai bên, tức là nghĩa **Bát Nhã Đức** 2/ Giác tha (giác ngộ cho người), thì khiến cho chúng hữu tình được sáng suốt lòng dạ, tức là nghĩa **Giải Thoát Đức** 3/ Giác mãn (với 2 điều giác ngộ ấy làm đã hoàn toàn), thì chúng được cái thể và tướng của **"pháp giới tánh"** là tánh Phật, mà ta với người đều đồng bực, tức là nghĩa **Pháp Thân Đức** **"Đánh"** là đánh đầu, cũng đủ có 3 nghĩa 1/ là nghĩa tối tôn, vì thể tướng của pháp thân rất quý, tức đức của pháp thân 2/ là nghĩa chẳng khá thấy, vì với cái **"đánh** tốt cao của Pháp thân, huệ nhãn, pháp nhãn hầy còn chẳng thấy được, duy có Phật nhãn mới thấy tận nơi, tức đức của Bát nhã. 3/ Là nghĩa phóng quang hiện hoá Phật, vì tại nơi đánh đầu của Phật Thích Ca phóng hào quang ra, trong hào quang có đức hóa Phật nói thần chú Lăng Nghiêm, tức đức của giải thoát. Nói bằng cách đón tắt: Đại tức là pháp thân; Phật tức là bát nhã; Đánh tức là giải thoát. Nghĩa là: Pháp thân là cái lý tánh thanh tịnh chu viên, vốn sẵn đủ Trí bát nhã là vắng lặng mà tỏ soi. Trí đó vẫn chiếu ngay vào Lý pháp thân, chứ hẳn không có trí nào riêng ngoài lý mà có thể chiếu được lý ấy, cũng không có cái lý nào riêng ngoài Trí mà bị trí nó chiếu, Lý Trí vẫn như như, phi đồng nhau, cũng phi dị nhau, vừa tròn sạch, vừa tròn tốt, tức là đại giải thoát. Thế nên **"Đại Phật đánh"** là cái tánh kho mầu nhiệm để chứa 3 đức kia. Chư Phật chính đã giác ngộ tánh ấy, còn chúng sanh chính đương mê muội tánh ấy; mặc dầu đương mê, chứ nó cũng có tánh sẵn đủ ấy đồng với chư Phật. Bởi lẽ ấy, nên chúng sanh y nơi tánh đức sẵn đủ đó, có thể phát triển ra cái tu đức Thủ Lăng Nghiêm, ngộ hầu khá hườn nguyên lại tự chứng lấy tánh đức ấy.

**“Thủ Lăng Nghiêm”** là tên một “tam muội” chính một pháp đứng đầu cả một trăm lễ tám (108) pháp tam muội mà là một cái tên chung của tất cả pháp đại định.

Tiếng Phạm là “Sùramgama” theo Cựu dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Nghiêm” Tân dịch, thì tiếng Việt đọc là “Thủ Lăng Gam”. Thủ Lăng Nghiêm, đôi nghĩa là “tất cả việc ráo rớt bèn chắc”, rằng “tất cả sự” ấy, tức là cái của sáu phạm bốn thánh giữa mười cõi, chữ sự tức là chữ pháp. Với pháp của lục phạm, tứ Thánh trong thập giới, chỉ dùng hai chữ “Sắc Tâm” bao quát được hết thảy. Sắc, tức là khí giới và căn thân; tâm, tức là 8 thức tâm vương, tâm sở.

Đối với sắc tâm, như tùy theo mỗi căn cơ, mà Phật hoặc mở ra hoặc hợp lại. Phân làm bốn hạng:

1. Vì những kẻ mê Tâm nhiều, mê Sắc ít, Phật nói pháp ngũ âm, đó là đối với Tâm thì mở, với Sắc thì hiệp.

2. Vì mấy người mê Sắc phần nhiều, mê Tâm phần ít, Phật nói pháp lục nhập và 12 xứ. Đó là mở Sắc ra, hiệp Tâm lại.

3. Chúng nào với Tâm Sắc đều mê cân nhau, thì vì họ mà Phật thuyết ra pháp 18 giới, thế là Tâm Sắc đều mở ra cả.

4. Các đấng nào với Tâm Sắc đều chẳng mê, thì Thế Tôn vì nói ngay 2 chữ Sắc Tâm ra, là họ tức thời rõ liền.

Ba hạng người trước, là căn cơ đều chậm chạp tối tăm; hạng thứ tư là những người có căn tánh nhanh chóng sáng suốt. Người mà mê tâm thì ngu nơi tâm, kẻ nào mê sắc thì ưa chấp cảnh. Bởi thế, sắc và tâm của Thánh phạm 10 giới, tức là 5 âm, 6 nhập, 12 xứ và 18 giới, mà âm, nhập, xứ, giới tức là Sắc Tâm của thánh phạm 10 giới, gọi chung là “tất cả sự”, cũng tên là “hết thảy pháp”.

Người tu nếu có thể quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi đều là tại đâu sanh, với diệt thì cũng tại xứ nào diệt ở xứ nấy (như nhãn thức thì sanh tại nơi nhãn căn, mà diệt cũng tại nơi nhãn căn; cả đến các căn thức kia cũng tại đâu vẫn sanh diệt đó như thế), người nào tu quán được như thế, tức tỏ chứng Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Chân đế”, thì đặc cái “Liễu như huệ tánh” hiển hiện ra; người mà quán xét âm, nhập, xứ, giới mỗi mỗi cái nào cũng đều là xứng nhau với cái tướng huyền hóa hư vọng, tu quán được như thế tức là chứng rõ Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Tục đế” thì đặc cái “duyên nhân thiện tánh” nó hiển ra; người nào tu quán các pháp; âm, nhập, xứ và giới, nhận thấy cái tánh của các

pháp ấy thật là cái thể sáng của diệu giác, người ấy liền rõ ngay Thủ Lăng Nghiêm tam muội bằng “Trung đế”, đặng cái “chánh nhân lý tánh” tỏ bày ra.

Nói lên một Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tức là ba đế, nói ba đế tức gồm một Thủ Lăng Nghiêm; mà ba với một chẳng phải là hai. Song tu tam đế tam muội ấy, toàn do nơi tánh Đại Phật đánh đề khởi sự, ngay nơi cái tánh Phật đánh đề tu nhân, rồi trở lại cũng chứng ngay lấy cái tánh Phật đánh đề ấy. Thế là chính chỗ bảo: “Từ tánh dấy tu, mà không tu chi khác hơn là tu tại tánh ấy, vì tánh và tu chẳng phải hai riêng nhau.”

**“Chính rõ trì chú”**: Mỗi chữ đều do nơi tự tâm đề đưa ra, mỗi câu lại cũng từ nơi tự tâm đề rút vào, là chỗ bảo rằng đâu chẳng do nơi “pháp giới tánh” để lưu thông ra, rồi phải chẳng chẳng trở lại về nơi “pháp giới tánh” thật thế. Đã là Nhứt thiết sự gì cũng đều do ở tánh Đại Phật đánh đề làm thể, nên mỗi mỗi sự pháp đều nói rõ ráo bèn chắc cả.

Song, chừ với cả trong thần chú, phân ra làm 5 hội, mỗi hội đều có danh: Hội thứ nhất là **“Tát đác đa bát đác lam”**

Hội thứ nhì là **“Tác đác tha bát lật xá tất đa”**

Hội thứ ba là **“Tô ba la noa ma ha bát thu bác đác dạ”**.

Hội thứ tư là **“Tát đát đa bát đác ra”**

Hội thứ năm là **“Tất đác đa bát đác ra”**

Hoặc nhập 5 hội làm một, kêu chung một tên là **“Phật đánh quang minh ma ha tát đác đa bát đác ra vô thượng thần chú”**. Đối với tất cả như bí mật, nghĩa hiển nhiên, thì nội trong đầu đề Kinh, nó gom trùm trọn vẹn hết thảy.

Rằng **“Hào quang đánh Phật”** tức là trên đánh đầu của đức Thích Ca phóng hào quang ra, trong ánh sáng có đức hóa Phật nói thần chú của Kinh này.

“Ma Ha” dịch nghĩa là lớn: đủ 3 nghĩa lớn như trên đã nói, tức là “Đức pháp thân”; “Tát đác đa” dịch nghĩa là Trắng: Cái tướng nó khác hẳn các màu nhuộm trí tánh nó đủ sạch sẽ trọn vẹn, tức là “Đức Bát Nhã”; “Bát đác ra” dịch nghĩa là Lọng tàn: dùng che mát muôn loài, tức là “Đức giải thoát”. “Vô thượng” rất sáng tốt cao, đứng sừng chót vót, không chi ngang sánh. Với uy linh không thể lường xét được, với cảm ứng cũng khó nghĩ bàn, nên gọi là “Thần chú”.



“Tàn lọng trắng lớn” toàn thể nó là “Chủng trí” chư Phật, mà là “diệu tánh” của chúng sanh, chủng trí là quả, diệu tánh là nhơn, mà nhơn trùm quả suốt, vừa đủ lý tánh, vừa đủ giáo nghĩa. Nên với thần chú này: người tụng đến, sẽ trừ hết nghiệp chướng từ đời trước; người trì đến, khá chứng quả Phật.

Lại nữa, thần chú đây, cũng có tên là Chú tâm, cũng có tên là Tâm chú, cũng có tên là Như Lai đánh, bởi vì thần chú đây là pháp sở thuyết của đức Hóa Phật hiện ra trong hào quang trên đánh đầu của đức Thích Ca; Hóa Phật tức là biểu tượng của Như Lai tạng tâm.

Song, y nơi kinh, đề lập danh đề, đó là nghĩa của hiền giáo; còn y theo Chú đề lập danh đề, đó là nghĩa của Mật giáo. Mà đồng thời vừa Hiền vừa Mật lẫn tròn chẳng phải riêng làm hai, thế nên đều có thể lập danh đề bằng cả Mật lẫn Hiền được nốt.

Chỉ bởi chúng sanh tự mê muội quên lửng Như Lai tạng tâm là tánh Phật của mình đi, nên đức Hóa Phật trên đánh của đức Thế Tôn ngài nói thần chú ra vậy là, chính muốn cho chúng sanh giác ngộ ngay nơi Như Lai Tạng của mình vốn sẵn đủ.

Chú đã Phật tâm, nên với công dụng của nó, người ta khó nghĩ suy gì được ! Đối với Chú, người tu hành phải cần trì tụng mới đặng. Kinh nói “Nguyên các đức Như Lai, ở mười phương, nhơn nơi chú tâm đây, mà đắc đạo quả Phật”.

Kinh lại nói: “Các người là bực Hữu học chưa hết cái khổ sanh tử luân hồi, thì các người nên dấy cái tâm chí thành để tu tụng Chú-tâm đặng chứng lấy quả Vô học là A La Hán. Nếu chẳng tu trì chú này, thì không thế nào ngồi chôn đạo tràng mà khiến cho thân tâm xa tránh được các điều Ma chướng làm hại được”.

“**Dón nghĩa**” là với Chú, không thể giải nghĩa ra đặng, vì đã là ý nghĩa vô cùng, lại không nhứt định, bởi người tu tâm thành đến đâu, cầu nguyện đến gì, là được đến đó, nên chẳng dịch ra được là vậy. Nhưng chỉ đón theo nghĩa của Chú, xin bày ra ít lời sơ lược thôi.



Họp cả toàn văn của hai thời khóa tụng, phân làm ba tiết:

Tiết thứ nhứt, thời sớm, thời chiều, đều từ bắt đầu cho đến niệm Phật và Bồ tát, đó là chính việc tu pháp khoá tụng.

Tiết thứ nhì, tức là văn hồi hướng của hai thời sớm và chiều, với văn tam quy y, là phần hồi hướng bằng kết cuộc phổ độ chúng sanh.

Tiết thứ ba, tức là hai thời chúc tán sóc, vọng, là để chúc cầu các vị Thần Hộ pháp, an tăng quốc thái, dân khương. Âm siêu, dương thới.

## NAM MÔ LĂNG NGHIÊM HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

Kính lạy Phật và Bồ tát trên hội Thủ Lăng Nghiêm

Đây là kính vì ngôi “Tổng tướng Tam Bảo”; số là, với tất cả việc Phật đều lấy “Tam Bảo” làm chỗ quy y, nên phải xưng lên trước nhưt.

**Lăng Nghiêm** tức là ngôi Pháp bảo **Phật** tức là ngôi Phật bảo; **Bồ tát** tức là ngôi Tăng bảo; giữa Tam Bảo, các Thánh phàm đều nhóm họp là **Hội**: Một hội như thế: Phật là Giáo Chủ, để gồm cả chư Phật trong hội đồng cùng phóng quang quán chiếu vào đánh lẫn nhau. Bồ tát là bạn (đối với chủ) để chung gồm cả các Thánh 3 thừa tại hội và các Thánh từ 10 phương qua lại. Chính là gọi: chủ bạn hội đồng, cơ giáo phù hiệp, đây là một trường hợp Tổng tướng mà là “Tự tánh Tam Bảo” vậy.

Từ câu “Diệu trạm tổng trì bất động tôn” đến câu “thước ca ra tâm vô động chuyên” cả 18 câu kệ ấy, là lời kệ tán đối kinh Lăng Nghiêm, hơn vì A Nan giác ngộ rồi, phát thệ nguyện ấy để khen ngợi Phật.

Bởi A Nan tỏ ra bị sa ngã về cái nạn của nàng Ma Đăng Già... Đức Như Lai phóng quang thuyết thần chú, sai ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ A Nan... khi A Nan về đến chỗ Phật, lạy khóc và cầu hỏi về giáo pháp.... “tối sơ phương tiện” là ông có ý như muốn lên đường về nhà mong được đạo lực hoàn toàn, thì cốt phải biết trước cái căn bản của sanh tử đã. Nên chi Phật bảo rằng: Sở dĩ bị sanh tử tiếp tục mãi, là đều bởi tất cả chúng sanh chẳng tự biết cái chân tâm hằng còn, tánh thể nó vẫn sáng sạch, lại dùng lầm lấy cái vọng tưởng làm tâm, thành thử cứ lăn tròn theo sanh tử, vì cái tướng ấy không phải Tâm !

Cái lẽ mà quên chân tâm, rượt theo vọng tưởng, là đều bởi Tâm, Mục gây nên tội lỗi, nghĩa là bởi mắt thấy lòng động, mới có điều ân ái, do ân ái, mới có sanh tử; nên Phật dùng 7 chỗ để gạn hỏi cái Tâm, là khiến cho biết rằng: đối với mỗi chỗ, Tâm và Mục không nhứt định ở một chỗ nào cả.

Khai thị về hai thứ căn bản (1/ vô thi sanh tử căn bản là vọng tâm 2/ vô thi Bồ đề Niết bàn là chân tâm) thì Phật dạy rằng: “vọng tâm không có tánh riêng của nó: còn Bồ đề tâm thì nguyên lai vẫn chân thật. Các pháp mà được phát sanh, là do nơi tâm A lại da biến hiện.”

Với căn 10 phen chỉ rõ cái tánh thấy, thì Phật khiến cho biết rằng: chạm đến đâu, chỗ nào chẳng chẳng đều là chân cả.

Lại, hội về các văn: 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới, phi nhơn duyên, phi tự nhiên, thì Phật nói rõ về đạo lý trung bình, là tánh Như Lai Tạng.

Rốt sau, tiêu dung luôn địa, thủy, hỏa, phong đều là cái thể thanh tịnh sẵn sàng, cái dụng khắp giáp pháp giới. Nghĩa là: trong với thân tâm, ngoài với vũ trụ, chỉ một Đại mà thành pháp giới, phi thiếu, gồm 7 Đại mà thành pháp giới, cũng phi dư; vì đối với vạn pháp, thì Như Lai tạng tánh nó vẫn nhứt như, mà dù tùy theo nghiệp tịnh hay nhiễm của chúng sanh, tánh nó phát hiện ra tự hồ có thiên sai vạn biệt, thành thử có những cái danh tướng của thất Đại đó, là chỉ vì với thể dụng xung hô mà có khác vậy thôi.

Chân không là cái thể của “Nhứt Như”, nên với thất đại, đều gọi là chân không; còn thất đại là cái dụng theo nghiệp tịnh hay nhiễm nên nói “Tạng tánh, sắc tướng tức là chân không; tạng tánh chân không cũng tức chân sắc”. Nhẫn đến nói “tánh biết rõ hay, là biết hay đều do nơi tánh minh; biết sáng cũng chân thức, là thức nó tuy là lỗi vì “giác minh” nhưng thể nó vẫn thiết chơn, vì lẽ diệu giác trạm nhiên, thể dụng chẳng hai, nên điều được nương nhau lẫn nói.

Bấy giờ, A Nan được cái sáng suốt không còn chi ngăn ngại, vì thân tâm đều rỗng rang, nên thấy mười phương trống không, như xem thấy lá cây hay vật gì đương cầm trong bàn tay, nghĩa là thấy rằng: tất cả những vật sở hữu giữa cõi đời, đều nguyên là cái giác tâm diệu minh đồng một cả-thể như nhau. Ông tự chứng biết được cái bản tâm diệu giác của ông rất rõ ràng. Đối với thâm ân của Phật, vì quá ư cảm động, nên A nan chính nơi

miệng mình thốt lời nói bài kệ đề tán thán Phật bằng nguyện lớn rằng:

1. **Diệu trạm tổng trì bất động tôn**

2. **Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu.**

Đức “Diệu Trạm Tổng Trì Bất Động Tôn”; Pháp “Thủ Lăng Nghiêm lớn như”, vì thế gian ít có.

Câu thứ nhất là khen cả ba thân, Phật, đây là người chứng quả năng thuyết; câu thứ hai: bốn chữ “Thủ Lăng Nghiêm vương” và Pháp sở thuyết; ba chữ “thế hy hữu” đây là khen chung cả Nhơn, Pháp đều ít có.

Sau khi đã nghe rồi được ba cuốn trước kinh Thủ Lăng Nghiêm, ông A Nan mới biết chỗ sở thuyết của Phật, lý nó cực diệu, lý ấy không sai khác một mảy giữa tâm sẵn có của mình (A Nan) với chúng sanh, nên chính nơi miệng ông thốt hai câu ấy ra đề tán thán Nhơn hy hữu là Phật, Pháp ít có là Lăng Nghiêm.

**Diệu Trạm:** Trí thanh tịnh đã viên mãn, thể nó thì vắng lặng, dụng thì không ngăn ngại; đó là tán thán về nghĩa “Bảo thân Phật”.

**Tổng trì:** Tánh Như Lai Tạng nó tùy theo duyên nhiễm hay tịnh của thức biến, để phổ ứng ra tất đại, lợi ích không bỏ sót một vật nào; đó là tán thán về nghĩa “Ứng thân hóa thân Phật”

**Bất động:** Tâm tánh nó thường vắng lặng, vì vô thi vô chung; đó là khen ngợi về nghĩa “Pháp thân Phật”

Lại, cả ba thân đều diệu trạm (màu trong), vì ba mà tức là một. Cả ba thân đều là tổng trì (gom giữ), vì một mà tức là ba. Cả ba thân đều là bất động (chẳng động), vì ba và một chẳng phải là hai riêng gì.

Lại, sách Văn Cú nói: Diệu trạm là nghĩa tùy duyên mà thường chẳng biến; Tổng trì là nghĩa chẳng biến mà thường tùy duyên; bất động là nghĩa theo duyên chẳng đổi, bất biến tùy duyên, vì không hai thể. Kinh đề đủ 20 chữ “Đại Phật đánh Như Lai mật như tu chứng liễu nghĩa chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”.

Như lai mật như tu chứng liễu nghĩa gọi là “Diệu trạm” chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm gọi “Tổng trì”; Đại Phật đánh gọi là “Bất động”, đều được nói một mà tức là ba, nói ba gồm một, vì 3 với 1 chẳng phải là 2.

Rút lại để nói: “Diệu trạm tổng trì bất động” nghĩa nó bao gồm cả toàn bộ Lăng Nghiêm kinh; cũng thấu gồm cả Thánh giáo của một đời Phật thuyết, cho đến tông chỉ mầu nhiệm của tất cả chư Phật ba đời, mười phương, sáu chữ ấy nó gom thấu hết không sót một chỗ nào. Đủ như các lời sơ của sách Phật đánh vần cú đã giải ai có cần hiểu rộng, phải tìm sách ấy để xét....

**Tôn:** Cao nhất giữa bốn bậc Thánh, vì cả ba thân đều là vô thượng tôn cực.

**Thủ Lăng Nghiêm vương:** Tên chung của pháp đại định, vì định này nó gồm thấu hết các pháp tam muội (định) khác; lại tên là “Vương tam muội”

Nay lấy ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cả thất đại làm tất cả sự; các sự ấy đều là cảnh sở hiện của tâm. Chính là bảo: kẻ nào quên cái “Nhu lai tạng tâm” thì nó biến thành ra các sự: thất đại, thập bát giới, thập nhị xứ, lục nhập, ngũ âm, tạp nhiễm sanh diệt của chúng sanh; trái lại, kẻ nào nhớ được cái “tâm Như Lai Tạng” thì các sự (âm, nhập, xứ...) kia đều trở thành lại bằng viên diệu thanh tịnh của chư Phật, như ngũ âm thành ngũ phần thân hương, lục nhập thành lục thân thông... tức là tâm tịnh độ tịnh. Nghĩa là như thế sự thanh tịnh viên diệu..

Thế nên biết rằng: các sự ngũ âm, lục nhập... đâu chẳng là pháp được sanh bằng như duyên, cũng như đủ điều kiện mới phát hiện. Đã do nhiều như duyên mới phát sanh ra các pháp là âm, nhập... các sự, thì các sự tỷ như hoa đóm giữa hư không, vì cái thể nó vốn không, bởi nguyên nó là Như lai tạng tâm, mà tạng tâm ấy đương thể nó là Diệu trạm tổng trì bất động.

Thế thì, nói như thế sự đều là tạng tâm, nên bảo rằng “cứu cánh”. Mỗi sự mà là Diệu trạm tổng trì bất động, nên bảo rằng “kiên cố”. Thủ Lăng Nghiêm, dịch là: Như thế sự cứu cánh kiên cố. Nghĩa là suốt thấu nguồn đáy các pháp, mà, không động không hoại, thật thế. Người mà tu pháp quán ấy, thời, các pháp: Tam đề, Tam quán, Tam đức, Tam thân, đâu chẳng đều ở nơi pháp Thủ Lăng Nghiêm tam muội này.

**Hy hữu:** ít có. **Thế:** thế gian của cửu giới, tất cả Thánh phàm trong chín cõi đều chưa chứng ngộ được “tạng tâm”. Chưa rõ được Phật đức, nên chưa có thể nói được pháp tam muội ấy, cũng không thể nghe nổi được pháp tam muội ấy nên nói “thế hy hữu” nghĩa là cả chín thế gian ít có người nói pháp ấy. Nay ông A

Nan đã nghe và đã chứng ngộ được, nên thuật rõ lời tán thán đê cảm ơn sâu của Phật.

### 3. Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng

### 4. Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân:

Dứt tướng đảo diên từ vạn kiếp, chẳng trải nhiều kiếp chứng pháp thân.

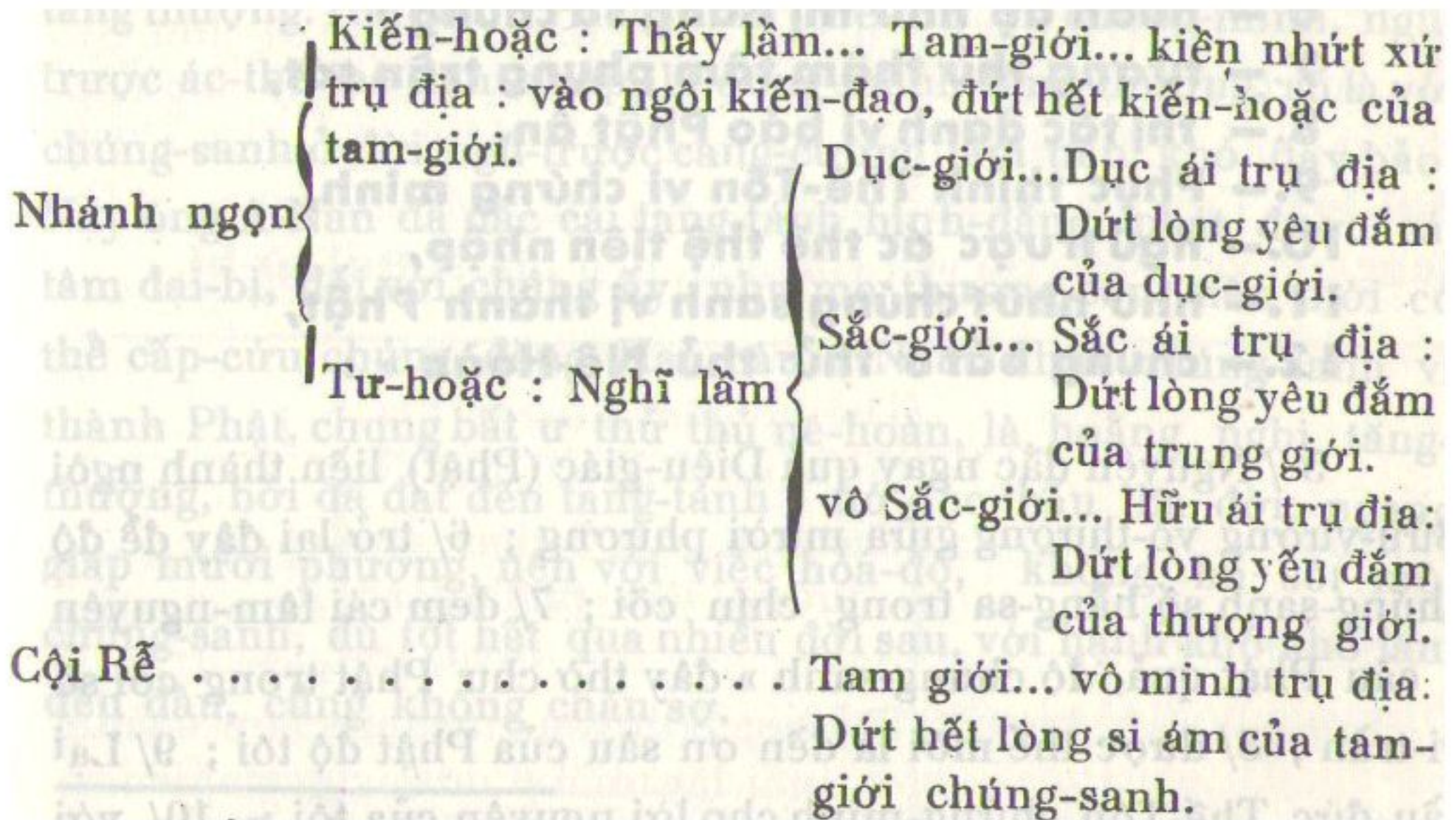
Đây là ông kể bày chỗ đã chứng ngộ. **Kiếp**, tiếng phạn là kalpa, dịch là thời phân, nghĩa là năm tháng ngày giờ rất lâu dài. **Ức**, ức có 4 số 1/ mười vạn; 2/ trăm vạn; 3/nghìn vạn; 4/ muôn vạn. Nói "tướng diên đảo từ vạn kiếp": sau khi chứng ngộ rồi, mới nhận thấy từ vô thi đến nay toàn những vọng tướng mê tình. Nương nơi vọng tướng ấy, để kiến thiết ra những khổ cảnh sanh tử giữa chín thế giới, mà sở chấp của chúng sanh trong của giới không ngoài các pháp như duyên tự nhiên hòa hiệp, bất hòa hợp, hữu, vô, đoạn, thường, mỗi mỗi đều là pháp sanh diệt hý luận, thật vậy. A Nan đã biết được cái tánh: Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, nêu bao điều hý luận vọng tướng liền tiêu tan, mà với pháp thân bốn hữu mới thâm hoạch lại đặng.

**A tăng kỳ**, tiếng phạn là Asrinkhya, dịch: vô số; Bồ tát muốn thành Phật, phải trải qua số năm bằng tam A tăng kỳ kiếp, để tu đủ phước đức trí huệ, gây các tướng tốt, mới kết tinh pháp thân bằng "Ngũ phân hương" (quả Phật bên tạng giáo).....nhấn đến được "pháp thân cứu cánh thanh tịnh" (quả Phật (diệu giác) bên (viên giáo)). Ở đây, A Nan liền chứng ngộ được tạng tánh trong ngày giờ chẳng trải qua kiếp số tăng kỳ, mà đã đắc pháp thân. Đã rằng pháp thân, tất phải đủ 2 đức nữa là bát nhã và giải thoát, thì pháp thân đây chẳng đồng nhau với "tổ pháp thân" bên biệt giáo nói (Tổ: dùng nghĩa theo loại như Tổ Vương, Tổ Phong). Còn như muốn chỉ rõ ra, thì, chỗ mà diên đảo vọng tướng tiêu tan hết đó là đức giải thoát; cái trí hay làm cho diên đảo vọng tướng tiêu tan đó là đức bát nhã.

Song, khi chúng ta còn mê muội, với ba đức ấy không phải ta bị giảm bớt, mà chỉ là ta chẳng giác ngộ đó thôi; nghĩa là như bỏ quên mất, nên chỉ gọi là "Lý tức Phật".

Ngũ trụ hoặc - tức là ba hoặc vọng tướng. Cả kiến hoặc của tam giới, hợp làm một Trụ; cả tư hoặc của ba giới, phân làm tam Trụ, gọi là tứ trụ địa phiền não, thế là vọng hoặc trong tam giới. Người tu đã chứng quả La Hán, ra khỏi lớp vọng hoặc của tam giới, còn có nhị phiền não hoặc là Trần sa và vô minh, hợp

làm một Trụ, chung với trên cộng là ngũ trụ. Phá hết ngũ trụ tức là chứng cực quả Phật bên Viên giáo; thô cấu là kiến hoặc, tư hoặc, đoạn hết kiến hoặc, thì chứng bực Sơ tín, đoạn hết tư hoặc chứng bực thất tín đều của viên giáo. Xem biểu Ngũ trụ địa:



Phiền não gốc rễ nó hay nảy ra phiền não ngọn nhánh, nên gọi là Trụ địa. Gốc nó làm chỗ cho ngọn nường, nên nói là Trụ; gốc hay nảy ngọn, nên gọi là Địa. Năng sanh là Địa, khiến cho sở sanh được thành lập, nên gọi là Trụ.

Từ trong mê mà giác ngộ, mới biết có công hiệu, thì gọi là Hoạch cũng như đắc hay chứng, mà có năm địa vị chẳng đồng nhau: 1/ Với cái trí chỉ mới đủ hiểu được pháp thân, thì gọi là Danh Tự hoạch; 2/ Từ chỗ đã hiểu biết rồi khởi sự tu niệm, dẹp hết ngũ trụ hoặc, gọi là Quán hạnh hoạch; 3/ tha hồ hai thô cấu rụng hết trước gọi là Tương tự hoạch; 4/ phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, trong thời đương phá, chứng như thế, gọi là Phần chứng hoạch; 5/ phá hết vô minh, pháp thân hoàn toàn hiển hiện, gọi là Cứu cánh hoạch.

A Nan là bực trong ẩn cái hạnh Bồ tát, ngoài bày cái tướng Thịnh Văn, thì cái chỗ gốc tích của ông là "Bí mật hoạch" hạng phàm không thể nhận xét được ! Nay căn cứ nơi danh tích là Hiện hiện hoạch của ông, thì, ông ở về bực Sơ tín bên Viên giáo, địa vị ngang hàng với bực Sơ quả thánh nhơn bên Tịnh giáo.

5. **Nguyện kim đặc quả thành bảo vương,**
6. **Hườn độ như thị hằng sa chúng**
7. **Tương thử thâm tâm phụng trần sát,**
8. **Thị tắc danh vi báo Phật ân**
9. **Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh,**
10. **Ngũ trước ác thế thế tiên nhập,**
11. **Nhưnhút chúng sanh vị thành Phật**
12. **Chung bất ư thử thủ Nê Hoàn**

5/Nguyện đặc ngay quả Diệu giác (Phật) liền thành ngôi bửu vương vô thượng giữa mười phương; 6/ trở lại đây để độ chúng sanh số hằng sa trong chín cõi; 7/ đem cái tâm nguyện “Cầu Phật quả, độ chúng sanh” đây thờ chư Phật trong cõi số vi trần; 8/ được thế mới là đền ơn sâu của Phật độ tôi; 9/ lại cầu đức Thế Tôn chứng minh cho lời nguyện của tôi; 10/ Với đời dữ ngũ trước thế vào trước, để độ tận chúng cang cường khó dạy; 11/ Như một chúng sanh nào chưa được thành Phật; 12/ vẫn không bỏ nó, vội thành Phật riêng để diệt độ mình.

Bốn câu trên là nghĩa của pháp bốn thế nguyện rộng lớn. Bài kệ dưới là nghĩa thế nguyện tăng thượng. Chữ Bửu là nghĩa tôn quý. Chữ Vương là nghĩa tự tại. Là nói: Phật đã sạch hết ba hoặc [1] vẫn không hai tử [2] địa vị là vô thượng, nên gọi là Tôn Quý; pháp thân giáp tròn, tội cõi hư không, hóa độ vô cùng vô ngại, nên gọi là Tự tại.

Sách Văn Cú nói: Nguyện kim đặc quả thành bửu vương, là muốn chúng Đạo đế, Diệt đế của mười pháp giới, chính gọi “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành” và gồm thâu “pháp môn vô lượng thế nguyện học”. Hườn độ như thị hằng sa chúng, là muốn dứt Khổ đế, Tập đế của mười pháp giới, chính gọi “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, kiêm luôn “phiền não vô tận thế nguyện đoạn”.

“Thâm tâm” là nương nơi Vô tác tứ đế của “Viên giáo”, để phát khởi ra Tứ Hoàng thế nguyện. Kệ đó là lời thế nguyện tăng thượng. Hai câu: Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh, ngũ trước ác thế thế tiên nhập, là đồng mãnh tăng thượng, số là với chúng sanh ở đời ngũ trước cang cường lắm nên khó dạy bảo. Nay ông A Nan đã đặc cái tạng tánh bình đẳng, phát được cái tâm đại bi, đối với chúng ấy, như mẹ thương con, nên mới có thể cấp cứu chúng đặng. Hai câu: Nhưnhút chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê hoàn, là hoàng nghị tăng thượng, bởi đã đạt đến tạng tánh; nó



dọc thấu ba đời, ngang giáp mười phương, nên với việc hóa độ, không bỏ sót một chúng sanh, dù tốt hết qua nhiều đời sau, với hạnh khổ khó làm đến đâu, cũng không chán sợ.

[1] Ba hoặc: 1.- Kiến tư hoặc, 2.- Trần sa hoặc, 3.- Vô minh hoặc; Hoặc: lầm, lại có nhiều tên là: phiền não, hữu lậu, cấu và kiết, đều thể theo nghĩa mà đặt tên.

[2] Hai tử: 1.- Phận đoạn tử là cái chết của sáu phàm; 2.- Biến dịch tử của Thinh văn.

Nguyện vì chúng sanh có khổ, Bồ tát có bi, bởi bi cùng đồng thể với khổ: Tỷ như cái tánh thiêng liêng nó quan thiết nhau giữa mẹ con; con có khổ, mẹ ắt bi cứu. Thế nên chúng sanh có cảm, lòng Thánh phải ứng.

“Nê Hoàn” cũng gọi Niết bàn, dịch là Diệt độ; diệt phiền não, độ sanh tử, tức là chúng đặng pháp thân diệu tánh, là tâm cảnh không còn phiền não sanh tử nữa.

**13. Đại hùng đại lực đại từ bi**

**14. Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc**

**15. Linh ngã tảo đặng vô thượng giác**

**16. Ư thập phương giới tọa đạo tràng**

13. Đức Đại hùng Đại lực đại từ bi; 14. Mong thêm xét dứt làm nhỏ nhứt; 15. Khiến tôi sớm lên Phật không trên; 16. Với mười phương cõi ngồi đạo tràng.

Đây là lời Phật gia hộ, để mong dứt những vọng hoặc quá vi tế, mà kỳ cho được chúng lên bậc tốt cao thượng.

Thể theo chúng lên ngôi Vô thượng làm thầy cả chín cõi, nên nói là **Đại Hùng**. Có cái Trí Tuệ phá tan được nghiệp chướng mê hoặc của phiền não nơi ta và chúng, nên nói là **Đại lực**. Cứu hết cái khổ sanh tử của chín cõi, cho chúng đều được cái vui Niết bàn của cõi Phật, nên nói là **Đại từ bi**,

NGŨ TRƯỚC	}	<b>kiếp</b>	}	(Thẻ nó gồm 4 trước kia ; tương nó chứa lẫn thay đổi	}	(Thẻ nó gồm 5 độn sử ; tương làm phiền-loạn thân tâm	(Vì có 5 trước ấy nó làm mê - loạn chơn - tánh, gây nhiều ác- nghiệp, nên gọi ác-thế.
		<b>phiền-nã</b>		Thẻ hợp 3 duyên ; tương			
		<b>chúng-sanh</b>		nổi lẫn mãi 6 đường			
		<b>kiến</b>		Thẻ gồm 5 lợi sử ; tương			
		<b>mạn</b>		chấp thành-kiến hiểu làm			
		(Thẻ gồm thọ noãn-thức ; tương chóng mòn tuổi sống)					

Sách Văn Cú nói: Đại lực là đức tốt "Diệu trạm" (tinh thần mạnh sáng). Đại từ bi là đức tốt "Tổng trì" (ngộ lực gom giữ). Đại hùng là đức tốt "Bất động" (uy nghi tự tại). Lại nói: Chúng được cái lý thể "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại Hùng"; đủ cái trí chiếu "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại lực"; đầy cái diệu dụng "Diệu trạm tổng trì bất động" gọi là "Đại từ bi". Lẫn nhau đề nghị xét, là cái có: Ba và Một chẳng phải là hai lẽ.

"Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc", Hy: trông, cầu. Vi tế hoặc: chính là cái vô minh của bực đã ra ngoài tam giới. Kinh nói: "Ngươi (A Nan) nay đã đắc quả Thánh Tu đà hoàn, đã dứt diệt rồi điều mê hoặc bằng nhận thấy sai lầm giữa thế gian chúng sanh trong tam giới". Chính là bài kệ trước kia đã nói: "Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tương".

Kinh lại nói: "Song, bởi chưa biết trong Căn tánh nó chứa chất cái thói quen giả dối từ vô thủy đến nay, với cái thói quen ấy, cốt phải do công tu mới đoạn trừ được nó". Cái "thói quen" đó là chỉ cho sự lo nghĩ làm sai (*tu hoặc*) của chúng sanh trong tam giới.

Kinh lại nói: "phương chi trong đời nay đây, với mỗi bốn giai đoạn: Sanh, Trụ, Di, Diệt của mỗi ý niệm, chia chẻ mỗi mỗi con số .....", những ý niệm sanh diệt đó, là chỉ cho cái vọng hoặc riêng của những bực đã ra ngoài tam giới, mà chính ở đây bảo là "vi tế hoặc".

(Là đoạn hết cái "kiến hoặc cả tam giới, quả vị là bực "Tín thứ nhứt" của Thập Tín bên Viên giáo, cũng là quả Tu đà hoàn chính Sơ quả bên Tạng giáo, bực Sơ Tín của Viên giáo với bực Sơ

*quả của Tạng giáo: Về phá trừ kiến hoặc thì đồng nhau; còn về lý giải thì lại khác: Vì bên Tạng giáo Thánh quả ấy chỉ đặc cái lý Chơn đế, bên Viên giáo bực Sơ Tín thì trọn rõ cả lý của Tam đế. Nên kinh này mặc dầu là nói cái danh Sơ quả bên Tạng giáo, song với A Nan: Cái chỗ nghe của ông là trọn hiểu rõ tất cả tam đế lý của Đại thừa).*

**Vô thượng giác** tức là ráo rột quả Phật Diệu giác, nếu người tu Phật đã đoạn hết cái mê hoặc vi tế thì liền tiến lên quả Diệu giác, chính rằng ba giác đã sáng suốt cực điểm tức là Như Lai.

**Mười phương cõi** cần đủ ngang và dọc để luận. Ngang tức là Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc và trên, dưới; như đối với phương đông: Để xét cõi hư không, thấy nó vô cùng vô tận, mà thế giới cũng không tốt không hết. Thế thì mỗi phương đều như vậy cả. Bàn về bề dọc, thì với giữa thế giới nhiều vô tận, thế giới nào cũng đủ bốn quốc độ. Đối với chúng sanh hoặc căn cơ nào đoạn hoặc chúng chơn đã viên mãn bình đẳng, thanh tịnh, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi tịch quang, để thị hiện cho chúng ấy được thấy "Pháp thân Phật". Hoặc có trình độ tu đoạn đã được bình đẳng tự lợi lợi tha, thì Phật ngồi nơi đạo tràng cõi thật báo, để thị hiện cho họ thấy được "Báo thân Phật". Hoặc có hạng vừa tu chứng bực Nhị thừa, thì Phật ngồi nơi Đạo tràng giữa phương tiện độ, để thị hiện cho chúng thấy được "Ứng thân Phật". Hoặc có hạng người tu bằng cách trước tướng chán khổ bỏ khổ, thì Phật ngồi nơi Đạo Tràng đồng cư độ, để cho chúng ấy được thấy thân Phật bằng cách "biến hóa". Song, tạng tánh của Phật là tròn bọc cõi hư không; chính chỗ bảo rằng: đến khi mà một người thành Phật, đầy đầy pháp giới đều là y báo chánh báo của một đức Phật chính là đây vậy.

**17. Thuấn nhã đa tánh khả tiêu vong**

**18. Thước ca la tâm vô động chuyển**

17/Tánh Thuấn Nhã đa có thể mất

18/ Tâm Thước ca la không hề nao.

Đây là tỷ dụ: Với cái tâm nguyện không lui mất. **Thuấn nhã đa** là: cái hư không. **Thước Ca la**: bền chắc. Nghĩa là những vật chất như địa cầu còn có ngày tiêu diệt, vì hữu hình hữu hoại; chớ hư không là vô tướng, thì bao giờ tiêu mất được, vì nó là thể tánh bất sanh bất diệt. Thế mà bảo rằng: "Nó có thể tiêu vong" đó,

là ý nghĩa rất sâu để tở lại với cái “tâm nguyện” rất kiên cố, rôt ráo không hề thối chuyên.

**Hỏi:** Kinh nói: Với cái hư không, phi ai có thể làm gì nó được, nên nó không hoại diệt. Lại nói: “phát minh được cái chơn qui ngươn (nguyên: chơn tâm) rồi, thì hư không liền tiêu mất”. Thế với hai nghĩa trên nói sao cho xuôi ?

**Đáp:** Bằng nói pháp thế tục đế, thì với “hư không” chẳng có thể diệt nó đặng, nên trong kinh sách Phật, một phần cũng dùng cái hư không để tở dụ cái chân tánh, vì là nghĩa bất sanh bất diệt bởi vô hình vô động; còn cứ nơi pháp Đế nhất nghĩa đế thì cái không nó nguyên bởi nơi vô minh làm mê mất cái Chơn không mà biến đổi làm ra cái Ngoan không. Nếu phá được vô minh rồi, thì toàn thể nó chính là Như lai tạng tâm, ngay nơi Ngoan không mà làm Chơn không, giữa hư không cả đại địa cũng là cái Diệu hữu. Kinh lại nói: Cái hư không sanh trong tâm đại giác, tở như một cục bọt nổi giữa biển cả, bọt tan cũng như cái “không” vốn chẳng có, hư không đã chẳng có, huống đâu còn tam giới. Chính rằng nghĩa trên đây, kêu bằng hư không (Thuần nhĩ đa) hữu tận, ngã nguyện (nguyện tâm) vô cùng (Thước ca la: kiên cố).

**Nam mô Thường trụ thập phương Phật**

**Nam mô Thường trụ thập phương Pháp**

**Nam mô Thường trụ thập phương Tăng.**

Cúi lạyngôi Phật bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạyngôi Pháp bảo thường ở đời nơi mười phương.

Cúi lạyngôi Tăng bảo thường ở đời nơi mười phương.

Đây là lạy chung tất cả các ngôi Tam bảo hiện trụ trong thập phương thế giới. Với ba hiệu trên sẽ thấy giải thích ở nơi văn sám hồi sau.

**Nam mô Thích Ca Mưu Ni Phật**

**Nam mô Phật đánh Thủ lăng nghiêm**

**Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.**

**Nam mô Kim Cang Tạng Bồ-Tát**

Kính lạy ngôi Phật là đức Thích Ca Mâu Ni.

Kính lạy ngôi Pháp là Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm

Kính lạy ngôi Tăng là đức Quán Thế Âm Bồ tát và Ngài Kim Cang Tạng Bồ Tát.

Đây là lạy riêng về Ngôi Tam Bảo của Kinh Lăng Nghiêm; Thích Ca Giáo Chủ là “Phật bảo”; Lăng Nghiêm kinh chú là “Pháp

bảo"; hai vị Bồ tát thuộc "Tăng bảo". **Thích Ca** (*Sẽ giải rõ ở văn Đại sám hối là Hồng danh bửu sám*). **Quán Thế Âm**: đích là với Kinh này về chánh tông kén chọn "nhĩ căn viên thông" vì Bồ tát Ngài bắt đầu từ nơi nhĩ căn đi sâu vào mà đắc quả viên thông. Đức Văn Thù chắm lấy nhĩ căn, vì nó rất thích hợp với căn cơ của thánh giả ở thế giới ta bà này. Nên văn tắt rằng: "Thử phương chơn giáo thể, thanh tịnh tại âm văn" (phương đây thiết giáo thể, trong sạch ở tiếng nghe). Nghĩa là với thể lãnh giáo đúng chơn thật của chúng như thế giới ta bà đây, được thanh tịnh như ở tai nghe của thánh giả đối với tiếng nói của đấng thuyết pháp.

Lại bởi Nhĩ căn (thính giác) nó đủ cả ba cái thể chơn thật là: Viên, Thông, và Thường. Kinh nói "Dụ như người ở chỗ yên lặng, mười phương đều có kẻ đánh trống, đồng thời cũng đều nghe được cả". Đó là Viên chơn thật. "Cách vách nghe tiếng vang, xa gần cũng nghe được". Đó là Thông chơn thật "Với lúc không tiếng động, tánh nghe đã chẳng diệt; với khi có tiếng vang; thính giác cũng phi sanh". Đó là thường chơn thật.

Vậy, người tu Phật: Chính khi nghe, cốt chớ nghe nơi ngoài cảnh, vì tiếng bên ngoài là thuộc về trần; lại cũng đừng nghe bên trong, vì cái động cảm bên trong lòng là thuộc về thức. Bởi nếu nghe nơi trần thì bị nhiễm ô, còn nghe nơi thức thì bị phân biệt, vì thức cùng trần đều phi tự tánh. Nay chỉ nghe mà thôi, nghĩa là cái "nghe" chỉ nghe lấy tự tánh của nó. Đã được quày cái nghe để nghe lại tự tánh, là đi ngược dòng mê vọng của sanh tử khổ hải, để tiến vào dòng giác. Chơn của pháp tánh linh nguyên, nghĩa là: "mất cái tướng động tướng tịnh, hết cái nghe bằng có nghe, không cái biết rằng có biết, diệt cái không bằng không suông" (bởi cái không ấy nó còn đối với cái có), mà đắc cái cảnh giới "tịch diệt" hiện tiền, liền siêu việt lên trên cái tri thức của lục phàm ở thế gian, và tri giác của tam thừa xuất thế gian; vì tri thức của thế gian là vọng trần cũng như vật chất hay duy vật khách quan, còn trí giác của xuất thế gian là phân biệt cũng như ham tịnh ghét nhiễm chỉ lo phân tự giác tự độ, Duy thức chủ quan. Đối trên thì đồng hợp với "Tứ dữ lạc" của chư Phật, đối dưới thì đồng cảm với "Bi bạt khổ" cho chúng sanh. Thế thì đã trọn phá rồi cái vọng thân ngũ ấm trọn vượt khỏi rồi cái vọng kiếp ngũ trược trọn dứt rồi ba cái vọng hoặc, trọn rõ ràng ba cái đức tốt..... nhân đến chúng được rốt ráo quả vị Phật.

Trong những thời ta đương trì tụng chú Lăng Nghiêm, nên biết mỗi chữ đều do nơi tự tâm đưa ra, trở lại đến nghe nơi dòng tự tánh, miệng thì tụng, tâm thì soi, chăm chăm như-như rót nước chẳng sai dòi, cũng không cho tâm thần (ý thức) nó hôn trầm và tán loạn. Vậy, ta liền khế hợp ngay nơi "lễ viên thông" của đức Quán Thế Âm, cũng dù thi-vi gì gì nữa đâu chẳng là tánh tạng bí mật ư? (*xin xem kinh Lăng Nghiêm quyển thứ 6 và lời chú giải sẽ được tường tận cả nghĩa trên*).

Ngài **Kim Cang Tạng** là chủ tịch bên Mật bộ, vì Ngài năng hộ trì những người tu trì chú Lăng Nghiêm, khiến cho tu sĩ ấy được chóng thành tựu công đức.

**Nhĩ thời Thế Tôn, tòng nhục kế trung, dũng bách bửu quang, quang trung dũng xuất, thiên diệp bửu liên, hữu hóa Như Lai, tọa bửu hoa trung, đánh phóng thập đạo, bách bửu quang minh, nhứt nhứt quang minh, giai biến thị hiện, thập hằng hà sa, Kim Cang mật tích, kinh sơn trì xử, biến hư không giới, đại chúng ngưỡng quan, úy ái kiêm bảo, cầu Phật ai hựu, nhứt tâm thính Phật, vô kiến đánh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết thần chú.**

Lúc bấy giờ, từ trong tướng nhục kế nơi đánh của Thế Tôn vọt ra một hào quang bằng trăm ánh báu; trong hào quang hiện ra một hoa sen nở hàng nghìn cánh, có một Hóa Phật ngồi trong hoa sen báu ấy, trên đánh Hóa Phật phóng ra mười đạo hào quang bằng những ánh của trăm ngọc báu, mỗi mỗi tia sáng ấy đều chiếu khắp nơi để thị hiện ra 10 hằng hà sa thân Kim Cang Mật Tích: ông thì bung núi, ông thì cầm xử v.v... khắp cõi hư không, đại chúng đều ngửa mặt trông nhìn, ôm lòng vừa kinh sợ vừa mến yêu để xin Phật thương giúp, nên đều chăm lòng đợi nghe Phật dạy, đức hóa Phật trong hào quang mà nơi tướng vô kiến đánh phóng ra đó tuyên nói thần chú như sau.

Đây là đức Thế Tôn Ngài thị hiện cái tướng biến hóa ra để thuyết thần chú (tức là năm hội thần chú sẽ thấy sau kia).

Lời Sớ giải thích rằng: Với cái tướng tốt **nhục kế**, so theo Vô thượng y Kinh nói, thì: Cái đánh đầu của Phật có xương óc nổi cao lên tự nhiên nó thành như cái "đầu tóc bới", tức kinh đây bảo là "Đại Phật đánh", cũng tên là Vô Kiến đánh, để tỏ bày là cái thể bất động trí. **Bách Bửu quang**: hào quang bằng ánh sáng của trăm thứ báu, là để tiêu biểu cái dụng sáng suốt vô lượng trí chiếu khắp

trăm thế giới, vì đúng với tánh khắp giáp. **Thiên điệp bửu liên:** hoa sen báu nở nghìn cánh, là trung ra rằng ngàn lần vẫn đúng như một. **Hữu hóa Như Lai tọa bửu hoa trung:** Bửu hoa là Nhơn, Như Lai là Quả, để tỏ rằng: Nhân trùm biển quả, Quả thấu nguồn Nhơn, mà Nhơn quả vẫn đồng thời. **Đảnh phóng thập đạo..... thập hằng hà sa:** Trên đảnh hóa Phật phóng 10 tia sáng.....10 số hằng hà sa, là để nêu rõ rằng: Các pháp “Thập giới, thập như v.v....” mà pháp thì có sai biệt, còn hào quang thì không lệch khác, pháp và quang đều là cái diệu dụng của “Như lai tạng tánh”, nhưng pháp và quang đều khắp giáp thì hiện ra đó là: Chính để tỏ rằng tạng tánh ấy bản thể nó sẵn sàng thanh tịnh khắp giáp pháp giới.

**Kim Cang Mật Tích:** Tiếng Phạm là Sanda, tiếng Ta đọc là Tán na. Lại Phạm ngữ Pancika, ta đọc là Tán chi ca, dịch là Mật chủ, vì đủ bốn nghĩa Mật: Danh, Hành, Trí và Lý, làm vị thần Hộ pháp chủ, bởi sự tích thị hiện làm Kim Cang thân, nên gọi là Mật Tích: danh tích bí mật. Nghĩa là Bửu quang ấy thể nó như kim cương; không chi phá hoại được, mà nó phá hoại được số hằng sa phiền não của thập giới (10 cõi), khắp hiện ra số hằng sa diệu dụng trong mười cõi, nên nói là biến hư không giới.

**Úy ái:** Sợ thương, vì đủ uy đức, để bẻ dẹp, nên đại chúng đều sợ, đủ từ bi để dung thân, nên đại chúng đều mến yêu. Cũng như nói: Úy kỳ oai, hoài kỳ đức. **Đức Hóa Phật trong hào quang trên đảnh** là nêu rõ rằng: “Cái thể kín nhiệm” nó chẳng mượn công tu và chứng, vì tâm với Phật vẫn đều là vô vị. **Đức Hóa Phật nói thần chú** là để tỏ bày “cái diệu dụng kín nhiệm” chẳng khá nghĩ bàn. Phóng hào quang hóa Phật nói chú, thì Hóa Phật thuyết chú đều là hào quang, là để tỏ “cái tướng kín nhiệm” vô ngại thanh tịnh. Từ nơi đảnh Phật là để tỏ tức là Hiền, tức là Mật, vì pháp nó không khác nhau. **Vô Kiến:** không thấy, là nêu rõ rằng chẳng phải Hiền, chẳng phải Mật, vì pháp nó vẫn vắng lặng. Đây chính là cái lý trọn chứng của Như Lai, và tức là cái thể mà chúng sanh đồng đủ. Song, Lý nó Nhơn nơi Sự để tỏ bày, còn pháp là theo nơi Cơ để cảm hóa. Vì A Nan trước nhờ Ngài Văn Thù đem thần chú đến cứu hộ rồi dẫn về, đó là chỉ mớiặng sự lợi ích của pháp Mật mà thôi, chớ chưa được rõ nghe về pháp Hiền. Về đến pháp hội, đã nhờ đức Như Lai mỗi tầng chỉ vẽ....A Nan mới tỏ ngộ đặng lý Viên đốn, rõ được sự viên tu. Còn với những điều mà ông muốn thâm tâm vào định Thủ Lăng Nghiêm để tránh xa các sự ma

chương, thì còn phải nhờ 4 giới Trọng cầm giữ được như giá trong tuyết trắng. Chí như những thói quen của mấy đời trước rất khó trừ, thì cần phải tụng “Phật đánh Thủ Lăng Nghiêm thần chú” mới trừ được. Thế nên trong cuốn thứ 7, A Nan lập lại câu Phật phóng quang hiện đức Hóa Như Lai tuyên thuyết thần chú.

(Trong bộ Du Già dạy có 4 cách niệm tụng: 1/ niệm tụng có âm thanh, là niệm bằng cách đọc ra tiếng. 2/ Kim Cang niệm tụng: ngậm miệng niệm thầm, cuống lưỡi hơi cử động. 3/ Niệm tụng bằng phép Tam ma đề: là niệm trong tâm tưởng. 4/ Chơn thật nghĩa niệm: tu hành đúng với chữ nghĩa.

Lại hoặc phân làm 5 cách niệm tụng: 1/ Xuất nhập tức tụng, là lòng tưởng theo tiếng chữ chú, tùy theo hơi thở ra hút vào, hễ hơi ra thì tưởng chữ ra, hơi vào thì tưởng chữ vào, mỗi chữ rõ ràng, như râu chuỗi ngọc, trước sau không hở xen. 2/ Du Đà trì tụng: tưởng nơi trái tim ta nó tròn như mặt nguyệt, trong ngoài phân minh, tưởng như thứ lớp chữ thần chú trước quanh qua bên hữu, mỗi chữ khắp bủa chạy theo cái bìa vòng tròn của mặt trăng ấy, rồi rồi trở lại như trước. 3/ Kim Cang trì tụng: ngậm môi, trong miệng niệm nhỏ nhỏ làm thầm nơi đầu cuống lưỡi. 4/ Vị thính trì tụng: đọc mỗi chữ cho rõ ràng, tiếng đọc chỉ vừa lỗ tai mình nghe được mà thôi, chớ đừng đọc lớn đến người ở gần nghe. 5/ Cao thính trì tụng: cao giọng niệm tụng lớn tiếng để cho người nghe, hầu dứt ác sanh thiện.

Trong Như ý bửu kinh, ông Diệu Trụ Bồ Tát hỏi: Có người cũng niệm tụng bài thần chú đây, nhưng tại sao không thấy được tam thế chư Phật? Phật đáp rằng: Bởi vì lòng còn trụ trước nơi nghiệp thiện hay ác, lòng nghi ngại chưa đoạn, lòng chấp hữu vi, và không có phương tiện; nếu có thể tâm không nghi hoặc, quyết định chuyên chú, thế mới gọi là chơn thực trì tụng được.

Lại, ông Diệu Tý Bồ Tát hỏi: trì tụng thần chú mà không thể kết quả, là phải chăng pháp lực vô hiệu? Hay là những thời tu niệm trái giờ? Hoặc nữa, chúng tánh nó chẳng phải Phật tánh ư? Hoặc Thần chú còn khuyết điểm lợi ích? Kẻ tu trì tự ý khinh mạn? Hay là lễ vật cúng dường chẳng đủ? Kim Cang thủ Bồ tát trả lời rằng: Người mà tu chơn ngôn cũng như thần chú, muốn cho được thành tựu, thì cần phải lìa hẳn các phiền não, dấy nơi đức tin sâu, phát tâm Bồ đề, kính trọng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, xa lìa mười nghiệp ác, bỏ thói tà kiến, hành pháp thập thiện; vào đàn



niệm chú, nương theo vị A xà lê, quyết chí mạnh tiến, sám hối nghiệp chướng từ đời trước, giúp bạn đồng tu, vật cúng tinh khiết, thì phép tu chơn ngôn nó không sai ngoa. Trái lại, người tu chẳng đúng phép thì làm gì được ứng nghiệm ư? Kẻ nào trì tụng đúng pháp thì chắc chắn được linh cảm. Đời nay người tu trì không được ứng nghiệm, đã không tự trách lỗi mình mà trở lại phiền trách kinh chú vô hiệu. Thật là vô lý ! Nếu do đó mà sanh tâm nghi ngờ chê bai, tất phải chịu quả báo tội ác, với hạng người tu tụng như thế đó, than ôi khá tiếc !



**Phụ:** Sau đây là năm đệ thần chú (đôi với Phạm ngữ là tiếng của Ấn Độ, tôi chưa học nói được nên chỉ dịch bằng tiếng Việt đọc, chữ Nho của Việt xưa mà thầy Tổ đã vẫn truyền dạy bấy lâu. Tổ Vân Khê cũng đã phán: “Không biết tiếng Phạm thì đọc ngay tiếng thổ âm của mình cũng đặng, vì không cần tiếng mà cần ở tâm, bởi thần chú, nghĩa: Uy linh bất trắc gọi là Thần, tùy tâm sở nguyện gọi là Chú”. Lại: linh tại ngã, bất linh tại ngã; thế cần gì tiếng Phạm?):

#### ĐỆ NHỨT HỘI:

Nam mô tát đát tha tô già đa da a la ha đê tam miệu tam bồ đà tóa.  
Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tệ.

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm.

Nam mô lô kê a la hán đa nẫm.

Nam mô tô lô đa ba na nẫm.

Nam mô ta yết rị đà già di nẫm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đê ba đa na nẫm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sắc nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đê. Lô đà ra da. Ô ma bát đê, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đê. Na ra dã noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam ô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Ma ha ca ra da. Địa rị bát lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô tất yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Đa tha già đa cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra da.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ trụ đa, bác ra bà ra xà đa, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biêu nam mô tất yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đất tha già đô sắc ni sam, tát đất đa bác đác lam

Nam mô a bà ra thị đàm, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bác ra bí địa da sát đà nê, a ca ra mật rị trụ, bác rị đất ra da nánh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất pháp bát na nê phạt ra ni, giả đô ra thất đế nâm, yết ra ha ta ha tát ra nhả xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nâm, na xoa sát đác ra nhả xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nâm, ma ha yết ra ha nhả xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nê bà ra nhả xà, hô lam đột tất pháp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhả xà, a bác ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nê, a rị da ba ra tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạt xà ra ma lễ đễ, tỳ xá lô đa, bột đàng võng ca, bạt xà

ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị đa đa ra, ma ha bà ra a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hắc tát đa giá, tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ lô giá na cu rị đa, dạ ra thố sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đôn trì giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ề đề di đề, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám quật phạm đô, ấn thố na mạ mạ tóa.

### ĐỆ NHỊ HỘI

Ô hồng rị sắc yết noa, bác lạc xá tát đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng. Đô lô ung, chim bà na. Hổ hồng, đô lô ung tát đàm bà na. Hổ hồng, đo lô ung ba ra sắc địa đa tam bác xá noa yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, tát bà dược xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi đề nâm, yết ra ha ta ha tát ra nâm, tỳ đằng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điềm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đề lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đề rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát đề bạc bà đô, mạ mạ, ấn thố na mạ mạ tóa.

### ĐỆ TAM HỘI

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ, a xá nê bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đà bà dạ, lạc xà đằng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dược xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tát rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, bồ đơn na yết ra ha, ca tra bồ đơn na yết ra ha, tát kiên độ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xá đa ha rị nâm, yết bà ha rị nâm, lô địa ra ha rị nâm, man ta ha rị nâm, mê đà ha rị nâm, ma xà ha rị nâm, xà đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha rị nâm, tỳ đa ha rị nâm a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nâm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bác du bác đất dạ, lô đà ra hất rị

đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đát đỏa già lô trà tây hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đát rị già noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà, ra tha ta đạt na hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đót ra bà kỳ nễ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hát rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác đế sách hê dạ hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nễ, cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra xoa vòng, bà dà phạm, ấn thổ na mạ tủa.

### ĐỆ TỨ HỘI

Bà già phạm, tát đát đa bác đát ra. Nam mô tỳ đô đế, a tát đa na ra lạc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đát đa bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hổ hồng hổ hồng, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, phẩn tra, ta ha, hê hê phẩn, a mâu ca da phẩn, a ba ra đề ha đa phẩn, ba ra bà ra đà phẩn, a tô ra tỳ đà ra ba ca phẩn, tát bà đề bệ tộ phẩn, tát bà na già tộ phẩn, tát bà bồ đơn na tộ phẩn, ca tra bồ đơn na tộ phẩn, tát bà đọt lang chỉ đế tộ phẩn, tát bà đọt sáp tỳ lê hát sắc đế tộ phẩn, tát bà thập bà lê tộ phẩn, tát bà a bá tát ma lê tộ phẩn, tát bà xá ra bà noa tộ phẩn, tát bà địa đế kê tộ phẩn, tát bà đát ma đà kê tộ phẩn, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn, xà dạ yết rama độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn, tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn, giả đô ra phược kỳ nễ tộ phẩn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa kỳ rị tộ phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đát rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tỳ sắc noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệc đát rị duệ phẩn, lao đát rị duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đát rị duệ phẩn, ca bát rị duệ phẩn, a địa mục chát đa ca thi ma xá na, bà tư nễ duệ phẩn, diện kết chát, tát đỏa bà tủa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tủa.

## ĐỆ NGŨ HỘI

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỷ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tóa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao dà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra, bộ đa yết ra ha, cuu bàn trà yết ra ha, tất kiền đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan đại ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ma ni yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, trị đế dược ca, đất lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra tử sam ma thập phạt ra, bạc đề ca, tử đế ca thất lệ sát mặt ca ta nê bác đế ca, tất bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ bạt lô chế kiếm, a ý lô kiếm, mục khô lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, đản đa du lam, hát rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạc tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, tra kỳ ni thập bà ra, đà đột lôca kiếm đốt lô kiết tri, bà lộ da tỳ, tất bác lô ha lãng già, du sa đất ra, ta na yết ra tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra kiền đa ra, a ca ra mặt rị đốt đất liêm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tất bà na cu ra, tứ dẫn già tộ yết ra rị dược xoa đác ra xô, mặt ra thị phệ đế sam ta bệ sam, tất đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba bột đà xá dụ xà na, biền đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thủ bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà bàn đàm ca lô đi đác điệc tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nê, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hồ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha. *(hết chú Lăng Nghiêm)*



Năm hội thân chú trên nói đề "tánh Như Lai tạng" một cách rất kín nhiệm (*pháp mật*), còn kinh Lăng Nghiêm cũng nói về "tánh Như Lai tạng" mà nói một cách rất rõ ràng (*pháp hiển*). Bởi vì có chúng sanh nghe thuyết pháp "mật giáo" rồi tự tỏ ngộ vào chơn lý; hoặc có chúng sanh như nghe nói pháp "Hiển giáo" mà tự nhận rõ được chơn lý. Thế đủ biết rằng: hoặc hiển thuyết, hoặc mật thuyết... đâu chẳng phải là phương pháp của Phật giáo hóa chúng sanh ?

Ngài có đủ phương tiện bằng ba pháp luận bất khả tư nghị như thế.

Phép thần chú của Tiên Phạm thiên làm rối loạn tâm tánh của A nan, đến khi nó gặp chú Lăng Nghiêm do Hóa Phật ở trong hào quang trên đánh đức Thế Tôn nói, thì thần chú Trời bị thần chú Phật đánh tiêu, chẳng những giải cứu được cái lụy “kiết hoặc” cho A Nan, mà cũng khiến cho nàng Ma Đăng Đà liền chứng được quả thánh thứ ba (A Na Hàm).

Bởi vì sức thần chú ác pháp tử như lửa của con đom đóm, ánh sáng của thần chú thiện pháp như ngàn mặt nhật; lửa đom đóm kia gặp một ngọn đèn còn không rõ sáng đặng, phương chi với nghìn mặt nhật ư? Thế nên với thiện chú đây người tụng cũng đắc công đức bất khả tư nghị. Tức là “Sitā tapatra” “Tất đất đa bát đất ra” tên của chú “đại Phật đánh”, dịch: “Bạch tán cái” nghĩa: Cây tàn trắng tức là chỉ cái “tạng tâm”, vì rằng: chẳng cùng hợp nhau với điều vọng nhiễm, nên nói là “Bạch: Trắng”, bởi như cây tàn trắng che mát chúng sanh.

Quý quái các chất độc địa, tám hoạnh, chín nạn, sao tai ương, chiêm bao ác đều không nhiễm trúng tai hại gì được; chư Thiên chư Thần thường đến phù hộ. Dầu lỡ phạm tội ngũ nghịch, tứ trọng, cũng đều được sám hối. Xa lìa các điều Ma chướng, rốt được thành đạo Phật. Hễ có cầu nguyện gì, thì tùy muốn thế nào đều kết quả thế nấy. Xin xem cuốn Lăng Nghiêm thứ 7.



Hết cuốn 1 (còn tiếp cuốn 2)

Bài phát nguyện hồi hướng sau đây, là Ngài Duy Sơn Nhiên thiên sư chép ra, để tổng hồi hướng về pháp giới Tam bảo; hoặc ai không thích, thì đổi đọc văn tịnh độ. Như “Khể thủ tây phương an lạc quốc....” “Thập phương tam thể Phật.....” “Nhứt tâm quy mạng.....” tùy ý, và tùy chí nguyện. Nhưng phải biết là tổng hồi hướng hay biệt hồi hướng? Chớ đừng phân biệt cố chấp mà thành ra cái bịnh xuyên tạc của kẻ tu học

1. Quy mạng thập phương điều ngự sư;
2. Diên dương thanh tịnh vi diệu pháp;
3. Tam thừa tứ quả giải thoát tạng;
4. Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thụ;

*Lạy cá: “Điều ngự sư” mười phương;  
Giảng bày “Pháp” thanh tịnh vi diệu;  
Ba thừa bốn quả “Tạng” giải thoát;  
Xin đồng thương xót thấu nạp cho.*

Bốn câu trên: Câu đầu là kính lạy ngôi Tam Bảo; câu thứ hai là lạy ngôi Pháp bảo; câu thứ ba lạy ngôi Tạng bảo; câu thứ tư là tổng quát để nguyện Tam Bảo chiếu ánh Từ Quang đến chứng nhận lời phát nguyện hồi hướng này.

**Quy mạng:** Cúi đầu kính lạy, là một nghĩa trong tiếng Nam mô (Namahnamo. Như: Namo Buddhaya, dịch quy mạng ư Phật, nghĩa: Kính lạy đức Phật, v.v...)

**Thập phương điều ngự** tức là các đức Phật ở mười phương. 10 phương là: Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc (đông nam, tây nam, tây bắc, đông bắc) thượng phương, và hạ phương.

**Điều:** trị, sửa. **Ngự:** gom dùm; ngăn dẹp; điều khiển. Nghĩa: với chúng-sinh sẵn có tánh nhu hòa, thì Phật điều lý cho, để đặng phước vui vô sanh; với chúng sanh còn có tánh cương cứng, Phật cấm hẳn đi, khiến cho được đạo quả xuất thế gian. Sô là: sức lành lan khắp, gom giáp pháp giới để sửa đổi, giáo hóa, đó là Phật bảo; với một mảy bụi không nhiễm lia bốn điều quá (chấp có, chấp không, chấp phi có phi không, chấp cũng có cũng không), dứt hẳn trăm món quấy, đó là **Thanh Tịnh**; tròn rỗng khắp giáp, lẽ nó tuyệt nói năng suy nghĩ, đó là **Vi diệu**; nghĩa: với pháp vi diệu thanh tịnh như thế duy chỉ có Phật mới có thể chứng và biết được,

rồi ra, khắp vì chúng sanh để giảng nói diệu pháp ấy mà nêu bày giáo hóa, thế mà chúng sanh còn phần nhiều vì mê mà chưa biết hết được pháp ấy! Còn các thánh giữa tam thừa thì, tùy theo mỗi trí của mình mà chúng biết lần hồi từ mỗi phần, thế nên ta cần phải quy mạng để mà nghiên cứu kỹ cho được “ly dục thanh tịnh” đó là Pháp bảo.

**Tam thừa:** bốn quả Thánh Thỉnh Văn là Tiểu thừa; các Thánh Duyên giác, Độc giác là Trung thừa; các Thánh Bồ Tát là đại thừa. **Tứ quả:** tức là bốn quả Thánh Thỉnh văn như Sơ quả Tu Đà Hoàn, Nhị quả Tư Đà Hàm, Tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán. Các quả ấy đều là địa vị thánh nhơn, vì đã giải thoát hết sanh tử rồi nên xưng là Tăng bảo.

**Đối với Pháp**

<b>Ba thừa tùy phận mà biết</b>	Thánh Thỉnh văn chênh lệch biết	Chơn đế pháp
	Thánh Duyên giác chênh lệch biết	Tục đế pháp
	Thánh Bồ Tát biết từ phần	Pháp Trung đế

Người học Phật, đối với pháp “Tam đế” nếu chỉ biết bằng cách chênh lệch riêng về “chơn đế” mà thôi, thì chẳng gọi là biết đúng pháp vi diệu; vì pháp tiểu thừa thuyết ra cái chơn lý đó là nó lệch về một bên “không” nên nói các thánh Thỉnh văn biết pháp bằng cách lệch về chơn đế. Nghĩa: Chên, tránh cái khổ sanh tử trong tam giới, riêng hưởng lấy cái vui niết bàn ngoài ba cõi. Còn những người học Phật mà biết cả ba Đế bằng cách trọn vẹn vẫn một chẳng hai, vì với pháp sanh tử đã giác ngộ rồi hết mê hoặc, thì, pháp sanh tử tức là niết bàn. Biết như vậy mới gọi là biết đúng pháp vi diệu, nên Ma ha tát, dịch: đại giác hữu tình, nghĩa: Bồ Tát lớn đã giác ngộ mình và chúng.



## TAM THỪA



		TẶNG	THÔNG	
	NGÔI PHẠM	Hạng Ngoại-phạm (phạm phu ngoài lý)	Bực Ngũ-đỉnh-tâm Bực Biệt-tướng tâm Bực Tông-tướng tâm	
		Hạng Nội-phạm (phạm phu trong lý)	Ngôi Noãn-pháp Ngôi Đảnh-pháp Ngôi Nhân-pháp Ngôi Thế-đệ-nhứt	
Thinh-văn Tiểu-thừa	NGÔI THÁNH	(Bực hữu học (chưa ra 3 giới)  (Bực vô học ra khỏi 3 giới))	Sơ quả Tu-đà-hoàn	
			Nhị quả Tư-đà-hàm	
			Tam quả A-na-hàm	
Bích-chi Trung-thừa	Duyên-giác Độc-giác		Tứ quả A-la-hán	
			Ra đời có Phật vãng pháp ngộ đạo	
			Ra đời không Phật tự tu ngộ đạo	
		GIÁO	GIÁO	
Bồ-tát Đại-thừa	Tặng	Dẹp rồi kiến-hoặc, tư-hoặc, tu-hành cái nhưn lục-độ, trải qua 3 tăng-kỳ tu phúc huệ, trăm kiếp tạo tướng hảo, công viên-mãn, lên ngôi Thế-đệ-nhứt, dùng 34 tâm đề dứt hẳn kiến-hoặc, tư-hoặc và tập-khí, thế tức là chứng-quả Phật bên Tặng-giáo.	Trước dứt kiến-hoặc, tư-hoặc, chỉ còn cái tập-khí, giáo-hóa, chứng-sanh, công viên-mãn, dứt tập-khí, thành quả Phật bên Thông-giáo.	
	Thông			
	Biệt			Từ thí chí chung, đều là Bồ-tát, riêng không căn-tánh nhị-thừa.
	Viên			Cả 5 phạm-vị đều là bực Bồ-tát viên tu quán hạnh : Bực Sơ-tín dứt kiến-hoặc, bực 7 tín dứt tư-hoặc, các bực : 8, 9, 10 tín dứt trần sa hoặc, là bực tương-tợ Bồ-tát. Bực Sơ-trụ nhẫn đến bực Đẳng-giác cả 41 vị, đều là dứt phần vô-minh, phân-chứng pháp-thân .

## SƠ LƯỢC CHÚ THÍCH BIỂU TRƯỚC

**Hữu học Vô học:** Bực có học, bực không học. Giữa các đức Thánh trong bốn quả bên Tiểu thừa, ba quả trước: Tu đà hoàn, Tu đà hoàn, và A na hàm là bực hữu học; quả thứ tư A la hán bực vô học; bởi vì ba quả trước hãy còn có cái đạo pháp phải tu học, để trừ vọng hoặc giữa tam giới. Trong hội Pháp hoa huyền tán nói: ba đạo pháp là giới, định, huệ chính là học thể, để tiến thủ tu tập nên gọi là Hữu học; tiến thủ đã viên mãn, dứt hết vọng hoặc, siêu ngoài tam giới, thôi nghỉ việc tu tập, nên gọi là vô học. Còn vọng niệm còn sanh tử nên phải có học có tu, để dứt hết mê hoặc sanh tử giữa lục đạo luân hồi; A la hán đã ngoài ba giới rồi, nên gọi là bực vô sanh vô học.

**Phàm phu vượt:** Có sáu loại phàm:

1. Trời ở tam giới
2. Người bốn châu thiên hạ
3. Thần A tu la ở trên không, trong hang núi, dưới đáy biển
4. Súc sanh: thượng cầm hạ thú
5. Ngạ quỷ: như Đa tài quỷ, Thiêu tài quỷ, Vô tài quỷ v.v...
6. Địa ngục như sau: văn Mông sơn thí thực có biểu đồ rõ, chúng gọi là lục phàm hay lục đạo luân hồi, tam giới hóa trách, vì còn tham sân si tạo khổ nên gọi là phàm.

**Thánh quả:** Với Thập giới phân làm Tứ thánh Lục phàm: Lục phàm đã nói ở trên; Tứ thánh là với bốn giới: Thỉnh văn, Duyên giác, Bồ-Tát, và Phật đà, gọi là Tứ thánh... Còn người ta tôn xưng các thánh giữa nhơn gian đó, thì các thánh ấy đâu bằng các ông trời? mà với 28 bực trời kia, vẫn còn là chúng-sinh ở giữa lục phàm thay, huống là thánh giữa loài người!

**Bực ngũ đình tâm:** Tu năm pháp quán tưởng, để đình chỉ 5 điều quá thất nơi tâm; ngũ ngữ đình tâm là bực đầu tiên vào đạo của Thỉnh văn thừa, mà lóp nhứt của tam hiền bên tiểu thừa.

1. Quán tưởng điều bất tịnh: xét cái tướng bất tịnh của căn thân cảnh giới là phương pháp để đình chỉ cái tâm bịnh tham dục, người nào nhiều lòng tham dục phải tu pháp này.
2. Quán tưởng tâm từ bi: đối với tất cả chúng-sinh, xem bằng cái tướng khá thương là phương pháp để đình chỉ cái lòng giận ghét, người nào có cái tâm sâu độc, phải tu pháp này.
3. Quán tưởng điều nhơn duyên: Xét 12 nhơn duyên, rõ lẽ ba đời tương tục, là phương pháp để đình chỉ 2 cái lòng ngu si, người nào nhiều bịnh ngu si phải tu pháp này.

4. Quán tướng giới hạn phân biệt: Đối với các pháp, phân biệt sáu giới, hoặc là 18 giới, là phương pháp để đình chỉ cái tâm bệnh ngã kiến cùng tự ái; người nào nếu có bệnh chấp ngã nên tu pháp này.
5. Quán tướng cách đếm hơi thở: Kế đếm hơi thở từ một đếm tới mười, rồi lại từ mười đếm lại một, cứ như thế đếm tới đếm lui mãi, là phương pháp để đình chỉ cái tâm bệnh tán loạn; người nào lòng nhiều loạn động nên tu pháp này.

**Bực biệt tướng tâm:** Pháp thứ hai của bảy pháp phương tiện, có những cách: Xét thân là đồ bất tịnh, để trừ cái lòng ham sắc dục; xét thụ cảm đều khổ, để trừ lòng ham thường thức vui; xét tâm là vô thường vì mỗi niệm sanh diệt, để trừ lòng ham thường còn; xét pháp là sự vật đều không tự chủ, để trừ lòng chấp ngã. Vì với bốn điều: thân, thụ, tâm, pháp, mỗi đều quán xét riêng biệt, nên gọi là biệt tướng.

**Bực tổng tướng tâm:** Pháp tu thứ ba giữa tam hiền bên tiểu thừa, đối với tất cả pháp hữu vi hữu lậu, quán xét chúng đều là: khổ, không, vô thường, vô ngã nên gọi là tổng tướng quán tâm. Song phi sau khi quán riêng: thân, thụ, tâm, pháp kia, thì không thể tu được pháp tổng tướng này. Lại, tất cả pháp hữu vi đều có hai tướng biệt và tổng: như là cái tướng vô thường vô ngã nó đều thông đồng với hết thảy, nên gọi là tổng tướng; còn như là: đất có tướng chắc, nước có tướng ướt, lửa có tướng nóng, gió có tướng động, nên gọi là biệt tướng... Thân nam có tướng đàn ông, thân nữ có tướng đàn bà, là biệt tướng; nhưng cũng đồng là ngũ uẩn, sanh lão bệnh tử, nên gọi là tổng tướng, vì cũng vô thường vô ngã.

**Ngôi càn huệ địa:** Vị trí địa vị này trí huệ còn đương khô ráo lấm nghĩa là tâm tư chỉ phần lý chứ chưa được định lực thấm nhuần, nên gọi là càn huệ. Sách đại thừa chương nghĩa cuốn 14 nói: Mặc dù đã có trí huệ xuất thế gian, mà chưa có được nước chánh định, bảo càn huệ. Lại, bực này mới tu được sự quán, chớ chưa đắc lý thủy, nên cũng kêu là càn huệ.

**Noãn, đẳng, nhãn, thế đệ nhất:** Là một ngôi đệ nhị gia hạnh trong vũ vị của Pháp tướng tông, đây chính là mức tu hành thấy đạo, nên gọi là gia hạnh.

1. Noãn pháp: cái tướng trước thánh hỏa, lửa thánh là tỷ cái trí vô lậu thấy đạo, Noãn: hơi ấm của thánh hỏa, lửa thánh tức là ảnh trí vô lậu.

2. Đảnh pháp: ví dụ chót núi; hoặc tiến lên ngôi kiến đạo, hoặc thối xuống ngôi noãn vị, dù sao cũng được ở giữa tiến thoát nơi bực trên, nên gọi là đảnh.
3. Nhẫn pháp: Nhẫn chịu quyết định bốn thánh đế, là ngôi tối thù thắng, nên gọi là nhẫn.
4. Thế đệ nhứt: Bực tối thượng của trí hữu lậu, bực nhứt giữa pháp thế tục, nên gọi là thế đệ nhứt pháp. Cu xá luận cuốn 23 nói: Noãn ắt đến Niết bàn, đảnh trọn chẳng dứt thiện căn, Nhẫn chẳng đọa ác thú, đệ nhứt vào vô sanh. Với cả bốn pháp trên, đều do tu các hạnh giữa pháp tứ-đệ mà đắc như thế.

**Ngôi tánh địa:** Đây là quả vị về giới Nội phàm, 4 thiện căn của Tạng giáo, ngôi này đề nhẹ được kiến hoặc, tư hoặc, mới mong thấy được cái không lý của pháp tánh bằng cách mờ mờ, là tánh địa.

**Ngôi bát nhơn địa:** Nhơn cũng là nhẫn, do tám nhẫn: khổ, pháp, trí, nhẫn v.v... của ngôi kiến đạo, nên gọi là bát nhẫn địa, tức là ngành thập ngũ tâm của ngôi kiến đạo, mười lăm tâm của kiến đạo tuy là tám nhẫn bảy trí, song, nay đến bên quyết định nhân đạo, chỉ dùng tám nhẫn làm danh.

**Ngôi kiến địa:** Là cái đạo-loại-trí của ngành đệ thập lục tâm, là địa vị Dự lưu quả của Tạng giáo. Với địa vị này: đã dứt được kiến hoặc của ba giới, thấy được cái lý: bốn đế của thượng giới, trung giới, và bốn đế của dục giới, nên gọi là kiến địa.

**Ngôi bạc địa:** Là đối giữa chín phẩm tư hoặc của dục giới, ngôi này dứt được sáu phẩm trước, quả vị Nhứt lai của Tạng giáo. Vì với chín phẩm tư hoặc của dục giới, chỉ còn ba phẩm sau, nên gọi là bạc địa.

**Ngôi ly dục địa:** Là đã đoạn hết cửu phẩm tư hoặc (tư hoặc) của dục giới, ngôi này tức là Bất hoàn quả của Tạng giáo.

**Ngôi dĩ biện địa:** Là ngôi này đã dứt hết cả kiến hoặc, tư hoặc, của tam giới, tức quả A la hán của Tạng giáo. Bởi vì ngôi này đối với một cái đạo lý đoạn hoặc, chỗ ra làm đã xong xuôi rồi, nên gọi là dĩ biện địa.

**Ngôi Bích chi phật địa:** Đây là ngôi Duyên giác, với trên hai hoặc kiến, tư của tam giới đã đoạn, lại xâm hại đến cái tập khí của hai hoặc, để vào nơi không quán. Nghĩa chữ xâm phi như chữ đoạn: Chữ Đoạn là tỷ thí như đốt than cháy thành tro, lại còn thổi

cho bay sạch hết tro đi, đó là việc của bực đệ thập Phật địa. Nay với cái tập khí của Duyên giác dường như đốt than đến thành tro rồi đình chỉ, nên nói là xâm. Duyên giác do từ Sơ địa đến đây mà chúng vào, nên gọi là Bích chi Phật địa.

Tạng, thông, biệt, viên:

1. Tam tạng giáo, tức là ba tạng kinh luật luận, bộ loại phân riêng, nói về bốn đế như duyên sanh diệt; phần chính là để dạy hai thừa Thinh văn Duyên giác, phần phụ để dạy Bồ-Tát.
2. Thông giáo: Nói bốn chơn đế tức không vô sanh, khiến phổ ba thừa đồng học, nhưng dùng Bồ-Tát làm chính cơ, nhị thừa làm bằng cơ.
3. Biệt giáo: Với người nhị thừa đều chẳng đồng nhau, riêng đối với Bồ-Tát để nói về pháp đại thừa vô lượng.
4. Viên giáo: Đối với bực Bồ-Tát tối thượng lợi căn, để nói thực tướng trung đạo của sự lý viên dung. Bốn giáo trên đó, là pháp môn để hóa độ lợi ích cho chúng-sinh, nên gọi rằng hóa pháp Tứ giáo.

**Từ Bực sơ địa đến ngôi đẳng giác cả 41 vị:** Đây là ngôi thứ tu chứng của Bồ-Tát : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, và ngôi đẳng giác cộng là bốn mươi một vị; do những công đức học tu ở bốn mươi một vị đó, để làm trang nghiêm cũng như tô điểm nên quả vị Phật, kêu bằng: phu tứ nhưt chi nhưn hoa, nghiêm nhưt thừa chi Phật quả.



*Đản... tự vi chân tánh, uổng nhập mê lưu, tùy sanh tử dĩ phiêu trầm, trực sắc thính nhi tham nhiễm. Thập triền, thập sử tích thành hữu lậu chi nhân; lục căn, lục trần vọng tác vô biên chi tội. Mê luân, khổ hải thâm nịch tà đồ; trước ngã đắm nhưn, cử uổng thố trực. Lụy sanh nghiệp chương, nhưt thế khiên vu.*

*Chỉ vì... chúng con từ trái tánh giác, luông vào dòng mê, xuôi theo biển sanh tử để trôi chìm, rượt với cuộc sắc thanh làm hám đắm. Mười triền, mười sử, chứa nên cái nhưn hữu lậu; sáu căn, sáu trần, quấy tạo cái tội vô biên. Mê man lợi bề khổ, đi sâu vào đường tà, lòng chấp ngã đắm nhưn, việc bỏ ngay làm vạy. Chông chất đời nghiệp chương tất cả quấy lỗi.*

Đoạn đây là nêu lên cái nhưn của nghiệp sanh tử. Ba câu đầu là: Từ nơi chơn tánh, phát sanh ra vọng nghiệp; Nghĩa: Từ trái

tánh giác, là điều Hoặc; luống vào dòng mê, là cái nghiệp; xuôi theo biển sanh tử, là khổ quả. Chính rằng: mê quên nơi chơn tánh, mà dấy ra vọng hoặc, từ nơi vọng hoặc để gây ra nghiệp nhơn, do nơi nghiệp nhơn rồi chịu khổ quả giữa tam giới, thực như vậy.

Câu thứ tư sắp xuống là: Từ nơi một thứ vọng này rồi chắt chứa bao vọng khác. Là nói: bởi sáu căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nó rượt theo với sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần làm hoen ô sáu căn. Căn thuộc về tâm, Trần thuộc về cảnh; cảnh kéo tri nhau với tâm, tâm bị hoàn cảnh lôi cuốn, lẫn nhau phát khởi ra phiền não là mười triệu mười sử, lắm lúc tạo những tội chướng nhiều đến số lượng! Thì lẽ tất nhiên, với ba giới sáu đạo, cứ luân hồi mãi trong vòng tròn sanh tử và đắm chìm nơi bể khổ hữu lậu đã sâu lại càng sâu!

Đường tà tức là năm lợi sử trong mười sử; nhơn ngã là năm độn sử trong mười sử; hễ sa đắm đường tà, thì, chẳng có cái chánh tri kiến để ra khỏi thế gian; còn chấp nhơn ngã, thì gây tội lỗi ở thế gian: không có lòng nhơn từ bình đẳng sanh khi điều nhận thấy lầm lệch bằng ái và ó! Thì cũng như chỗ đức Khổng Tử nói: “Làm những việc cong queo, bỏ các điều ngay thẳng” thật không công bình gì hết! lấy mà dùng là nghĩa chữ Cừ, bỏ đi chẳng dùng là Thố; mưu tâm hạn chế việc làm trái với chánh lý là Uông; để ý ngăn làm thuận theo chánh lý là Trục. Nghĩa: với chỗ ta yêu, dù nó là kẻ gian tham ngu bạo trái với chánh lý, thế mà ta cũng cất nhắc nó lên, để tín dụng; với chỗ ta ghét, tuy nó là kẻ nhơn trí hiền lương thuận theo chánh lý, vậy mà đành ém gạt bỏ đi. Như thế thì, cái chánh lý tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ nó rồi hẳn rồi! Bất luận quân chủ hay dân chủ, chánh khách hay thứ nhơn... hễ một phen đã do nơi lòng ái, ó làm chướng ngại rồi, thì mỗi dây oan nghiệt cứ cột gút mãi chẳng thôi, mà với cái khiên vu giữa ác đạo càng gấp nặng gấp sâu luôn!

Với thập triền, thập sử, lục căn, lục trần xin sắp làm ba cái biểu như sau đây:

1. — Thập Triền	1) Phấn-uế : giặt hờn no bụng	} Triền : Lấy dây vấn, buộc, trói lại; nghĩa là mười điều quấy làm đó, nó ràng buộc chúng - sanh, chẳng cho chúng-sanh ra khỏi sanh-tử, và không cho chúng-sanh chứng quả niết-bàn, cũng như chẳng cho dứt hẳn dây thân-ái và chẳng cho bước lên bờ giải-thoát! Nên gọi là 10 điều triền nhiều.
	2) Phú : giấu, che tội mình đã làm	
	3) Hôn-trâm : ý-thức lừ đừ mê lửng	
	4) Thụy-miên : nằm giác-quan mờ tối	
	5) Hỷ-du : giơng chơi xao-lãng	
	6) Điều-cử : lay lắt, ba nghiệp loạn-động	
	7) Vô-tâm : ở chỗ khuất gây tội không tự hồ mình	
	8) Vô-quí : ở chỗ trống làm bậy chẳng thẹn người	
	9) Khan : tài và pháp bỏn-sèn không-khí	
	10) Tật : thấy người vinh lộng mình ganh-ghét	
2. — Thập Sử		
} Năm sử lục		} Tham lam sân hận si mê kiêu mạn nghi kỵ
} Năm sử bốn		
		} Thân kiến biên kiến giái thủ kiến thủ tà kiến

Mười Sử làm thế, mười Triền làm nghiệp dụng, do mười sử làm tiên phong, thì có nghiệp dụng của thập triền nó làm cho chúng sanh mê muội chơn tâm, buộc ràng nơi sanh tử, không lúc nào buông ra được, nếu chẳng xuất gia tu hành giải thoát.

Bốn sử tham, sân, si, mạn đều là mê chấp lấy sự vật giữa thế gian và khởi ra những quan niệm vọng hoặc của bốn ấy, tánh phận nó tri độn, nên gọi là độn sử; còn cái Nghi sử là đối với chơn lý của tứ đế mà sanh ra điều vọng hoặc này, tánh nó là do dự không quyết định gì được, thì, tánh phận cũng không tinh nhuệ chi, nên đồng loại với tham, sân, si, mạn, là ngũ độn sử.

Năm sử bốn: Bởi mê muội cái lý tánh của pháp tứ đế mà khởi ra ngũ lợi sử này với giữa những điều vọng hoặc; năm cái hoặc này tánh nó lanh lợi cũng như bốn sức hơn hết nên gọi là ngũ lợi sử, tức cũng là ngũ kiến: 1/ **Thân kiến**, tức là cái Ngã kiến và cái Ngã sở kiến. Nghĩa: chẳng biết cái thân ta đây nó là vật giả dối bằng ngũ uẩn hòa hợp, mà lại kể chấp làm thật có cái thân của ta (ngã kiến: nhận thấy có ta); với những sự vật ở chung quanh bên

thân ta lại chẳng biết nó là vật không có chủ sở hữu như định, mà kể chấp cho là thật vật sở hữu của ta (ngã – sở – kiến: nhận thấy vật sở hữu của ta); nhập chung hai cái ngã kiến và ngã sở kiến lại làm một là thân kiến. Mà thường thường với cái ngã sở kiến, chỉ gọi tắt là ngã kiến. **2/ Biên kiến:** Một phen sau khi chấp có cái ngã thân dấy cái ngã kiến, thì với cái ngã, hoặc kể chấp rằng sau khi chết rồi, cái ngã (hồn) nó đoạn tuyệt hẳn; hoặc kể chấp sau khi chết rồi nó cũng vẫn thường còn mãi chứ không dứt mất, vì hai nghĩa ấy là cái vọng kiến (thấy bậy) dấy ra ở bên sau cái thân kiến, nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Duy thức học). Còn chấp lệch về một bên Đoạn hay Thường nên gọi là biên kiến (đó là nghĩa của Câu Xá Luận) **3/ Giới thủ** tức giới cầm thủ kiến: do nơi cái “kiến thủ kiến” dưới đây, bèn thủ lấy cái giới cầm “phi lý, phi quá” để làm đầu, dùng lấy mỗi mỗi hành pháp kia, để làm cái nhơn sanh về các cõi Trời, hoặc để làm cái đạo Niết bàn. Trong đây có hai thứ: a/ Giữ các giới ngu, giới kê (ăn những vật của con trâu ăn, gà ăn, hoặc ăn bằng cách như trâu gặm, gà mổ) dùng làm cái để sanh lên Trời, thế là cái **giới cầm thủ kiến** bằng cách **phi nhơn mà chấp làm nhơn**) b/Tu các giới khổ hạnh bằng cách: hoặc lấy tro tô phết vào thân thể, hoặc tịch cốc, nhịn đói, ăn rau..., dùng khổ hạnh đó để làm cái đạo Niết bàn, thế là **cái giới cầm thủ kiến** bằng các **phi đạo mà kể làm đạo**. **4/ Kiến thủ kiến:** dùng cái tri kiến hạ liệt làm đầu, thủ lấy các hạ liệt khác, để tư tưởng làm một thứ rất tốt đẹp hơn hết. Nghĩa chữ “kiến” trên: dầu chỉ về chỗ nhận thấy của thân kiến, biên kiến, song chữ “kiến” ấy nghĩa nó còn hàm những mỗi sự vật khác nữa. **5/ Tà kiến** : với đạo lý có nhơn có quả, lại bác bỏ đi cho là không có nhơn có quả gì hết, như: cho rằng ở đời không có cái nguyên nhơn nào đem lại cái kết quả, cũng chẳng có cái kết quả nào do nguyên nhơn mà sanh, thành thử với ác chúng chẳng sợ, với thiện chúng cũng không ham, cái lỗi nhận thấy lầm lạc ấy, chính là đã tà kiến mà lại tà kiến hạng nặng! Nên tặng cho cái danh là **“tà kiến”**

Nhân trên năm điều kiến thức đó, là một phần ác trí huệ, với ngôi kiến đạo, đồng thời dứt hết năm điều ấy. Nhà Cựu dịch gọi là “Ngũ lợi sử”.



3. — Sáu căn rượt sáu trần

}	Nhân căn	} rượt theo	}	Sắc trần	}	}
	Nhĩ căn			Thính trần		
	Tỷ căn			Hương trần		
	Thiệt căn			Vị trần		
	Thân căn			Xúc trần		
	Ý căn			Pháp trần		

Điều dấy 10 sử 10 trần

Sáu căn đối nhau với sáu trần, chính giữa có sáu thức đối này ra cái quan-niệm phân-biệt, rồi phát-khởi lên những ý-niệm bằng 7 tình-tướng là: A) Sách yếu lâm thích thị dùng: hi, nộ, ưu, cụ, ái, tăng, dục làm thất tình. B) Sách Kinh-Lễ nhà Nho lấy Mừng, giận, thương, sợ, yêu, : ghét, muốg làm 7 tình. Tình tức là phiền-não: hề với gì mà ái yêu thì là tham, với chi mà ó ghét thì là sân... dù cả 10 sử (tham, sân, si, mạn, nghi v.v...) để tạo nên 10 trần (phần ố, phú, hôn-trầm, thủy-miên v.v) thể thì cứ nhào đầu vào biển nghiệp trôi chìm, luân-hồi mãi chẳng biết đâu là bờ mé! Nếu không học tu pháp Tứ-đề để xuất-thế-gian.

*Ngưỡng Tam Bảo dĩ Từ bi, lịch nhứt tâm nhi sám hối.*

Ngửa cầu Tam bảo duỗi từ bi, cúi nhỏ nhứt tâm xin sám hối.

Đây là chung ngửa kính ngôi Tam bảo để cầu sám hối. Chữ “ngưỡng” là ngửa mặt trông lên trên để mà cầu xin. Chữ “Lịch” là nước nhỏ từ giọt có tiếng, tức là: Nghiêng tận đáy lòng để lộ trần những điều tội lỗi không còn sót giấu. Như nghiêng bình rót nước ra hết chảy từ vòi đến từ giọt không còn sót một điềm nào.

*Sở nguyện năng nhơn cứu vớt, thiện hữu đề huề, xuất phiền não chi thâm uyên, đáo bờ đề chi bỉ ngạn:*

Cúi xin đức Năng nhơn cứu vớt, các thiện dắt dìu, lên khỏi vực sâu phiền não, tiến đến ngàn giác bờ đề.

Đây cho đến rốt bài điều dùng vâng Tam Bảo trên cầu chứng sám hối, để riêng dấy cái nguyện tự lợi lợi tha. Bốn câu ở trên đây: là chính tự mình nguyện nhờ cứu dắt tiến lên cảnh giới cực điểm là vô thượng chánh đẳng chánh giác tức quả vị Phật.

Hai chữ “Sở nguyện” nghĩa nó trùm suốt xuống cuối bài.

“Năng nhơn”: tức là đức Thích Ca giáo chủ.

“Thiện hữu”: bạn lành, người có đủ kiểu mẫu làm đạo, có công giúp ích mở trí. Chỉ bởi từ vô thi cũng như từ đời kiếp mà không biết đầu cuối là đâu, đã chừa chắt dưới vực sâu phiền não, nay đây nếu phi Thánh giáo thì không thể đắc độ nổi; lại bởi trí lực

ta quá suy vi, với ngàn giác đạo, nếu phi thiện hữu thì chẳng thể tự mình chóng lên đặng. Tổ Quy Sơn nói:

“Đi đường xa, cốt nương bạn lành, để thường được trong sạch nơi tai nghe, mắt thấy; đến trụ chỗ nào, ắt phải chọn bạn, để mỗi giờ được nghe chỗ mà bấy lâu chưa nghe”.

Nên chi, với đạo cả, nếu muốn nghe nhiều hiểu rộng, thì lẽ tất nhiên là trước nhứt ta nên thân cận thiện hữu, đó chính trên đây bảo thế.

*Thử thế phước cơ mạng vị các nguyện xương long; lai sanh trí chủng linh miêu đồng hi tăng tú.*

Đời này: với nên phước ngôi mạng, đều nguyện chung được thanh cao; kiếp sau, giống trí mạ linh, đồng cầu cùng nhau thêm tốt.

Đây là nguyện khắp cả người với ta đồng đặng phúc huệ. Kiếp trước đã đắp xây nền phước, đời nay ngôi mạng thanh cao; hiện nay đem giống trí của Phật gieo vào ruộng Tâm ta, mai sau này mầm linh chồi đạo mỗi giờ càng thêm tốt; mãi đến sau khi đã hoàn toàn kết quả bỏ đề rồi, mà với mục đích chí nguyện ấy từ thì chí chung phi riêng vì đề cầu cho một cá nhân mình, mà chính vì phổ nguyện cho pháp giới chúng sanh đồng đắc như thế.

*Sanh phùng Trung quốc trưởng ngộ minh sư, chánh tín xuất gia, đồng chơn nhập đạo; lục căn thông lợi, tam nghiệp thuần hòa, bất nhiễm thế duyên, thường tu phạm hạnh; chấp trì cấm giới, trần nghiệp bất xâm, nghiêm hộ uy nghi quyên phi vô tổn:*

Với đời sau, nguyện sanh ở Trung châu quốc độ, lớn lên liền gặp đức thầy sáng suốt, ta do lòng chánh tín đi xuất gia từ tuổi đồng chơn đã vào đạo; lục căn đều sáng dạ, tam nghiệp lần trọn lành, chẳng nhiễm duyên đời, thường tu hạnh sạch; giữ gìn giới cấm, với nghiệp trần chẳng xâm, dè dặt nét na, với một con vi trùng nhỏ bay cũng không nở làm tổn nó.

Đây là nguyện sau khi sanh ra đời liền gặp ngay vị thiện tri thức, vào đạo giữ giới cấm do thầy đã truyền trao.

Những xứ ở nơi biên cương (bià ranh) ít có văn hóa của Thánh hiền phổ cập thì phần nhiều là kẻ ngu ngoan bạo ác và tự cường; dầu sao cũng còn dã man; còn Trung ương quốc độ, thường có Thánh hiền xuất thân, tiếp tục lấy văn tự, giáo pháp, lễ nghĩa, tiết hạnh và đức độ để dạy bảo khuyên răn. Nên chi hễ muốn vào đạo Thánh hiền, ắt phải sanh ở trung độ của nước. Xin chớ hiểu

lâm hai chi chữ “Trung quốc” là nước Tàu mà thành ra biệt ngữ bất thông!

Từ thiện của thế gian, không thể gọi là chánh đặng, vì còn phân biệt lệch về chấp ngã, chấp nhân; tịnh thiện của xuất thế gian mới gọi là chánh, vì hai chấp đã không, ba vòng chẳng có. Nên chỉ dùng kẻ chơn chánh học Phật là chánh tín, chánh thiện, bởi không tham nhiễm và chấp trước.

“Xuất gia”: Ra khỏi nhà, có ba nghĩa:

1. Xuất hồng trần gia: ra khỏi nhà bụi hồng. Là lòng xa lìa trần cấu phiền não, chữ gia là gia thất, nó hàm có những nghĩa ân ái, phiền lụy, nên Tỳ bà sa luận nói: “gia là phiền não nhơn duyên, kẻ xuất gia là vì dứt trừ cấu lụy, nên phải xa lìa”. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Qua khỏi cửa này, là La hán ra khỏi trần”.
2. Xuất tam giới gia: Ra khỏi nhà tam giới. Đại thừa Bồ Tát, đại thừa cư sĩ như Duy ma cật, vì tâm đã dứt hết cửu phẩm mê hoặc cả tam giới tức A la hán, đều là hạng “tâm xuất gia”. Tâm giải thoát ngoài tam giới.
3. Xuất vô minh gia: ra khỏi nhà không sáng. Nghĩa là: Cái tâm ám độn không có ánh trí chiếu rõ sự lý của các pháp. Vô minh tức là tên riêng của si mê, vô minh nó hòa hợp nhau với tham mà sanh ra ta; vô minh tử là cha, tham ái tử là mẹ Kinh Lăng Già cuốn 3 nói: “Tham ái gọi là mẹ, vô minh thì là cha, người xuất gia trước phải diệt cha mẹ ấy”. Tứ giáo nghi nói “Từ biệt (diệt) hẳn cha mẹ vô minh, cứu cánh lên đỉnh núi Niết bàn”. Nên nói ra khỏi nhà vô minh.

Vả lại, **thân xuất gia**: các Bí-su bên tiểu thừa, và Bồ Tát tăng bên đại thừa; **tâm xuất gia**: cư sĩ tu Bồ Tát bên đại thừa. Như các ông: Duy ma, Hiền Hộ v.v... Lại nữa, 1/ **thân xuất gia tâm chẳng xuất gia**: thân tuy ở giữa tăng chúng, tâm còn nhớ tưởng người nhà. 2/ **thân dù ở nhà, mà tâm đã ra khỏi nhà**: mặc dầu thụ dụng với thế tử, mà lòng chẳng mê đắm ái ân. 3/ **Thân tâm đều xuất gia**: Với bao cảnh tham dục, tâm không đoái hoài quyền luyến. 4/ **Thân tâm đều chẳng xuất gia**: Vẫn còn nguyên thụ dụng với vợ con, lòng quá ưa mê đắm điều kia việc nọ (rút ở Pháp uẩn túc luận)

**Đồng chân nhập đạo**. Đồng: trẻ, son, một mình. Nghĩa: kẻ tuổi trẻ chưa có thất gia (vợ chồng) đúng hơn là trinh tiết, thì gọi là

Đồng, vì gương tình còn nguyên vẹn, chưa hề bị hành dâm tan mất, người mà ít biết gì đến ái tình, mới đề xuất gia nhập đạo, bởi tự bảo đảm khỏi mèo na, hổ bắt!

**Lục căn thông lợi:** Nhơn vì đời trước, với giữa Tam bảo đã có công rất sâu dày về siêng tu tìm học, nên nay đủ căn tánh đi hành đạo xuất thế gian, thành thử, vừa thấy nghe đạo Phật là, đã tín thụ thông lợi liền.

**Tam nghiệp thuần hòa:** Cái thân chẳng làm nghiệp ác là: sát sanh, thù đạo và tà dâm; cái khẩu không nói lời ác là: vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, và ác khẩu; các ý chẳng niệm điều ác là: Tham lam, sân hận và si mê. Với khi hành động, lúc yên nghỉ, đều chỉ một niềm tinh tịnh, gặp sự gì cũng không bạo động tàn ngược, nên gọi là thuần hòa.

**Bất nhiễm thế duyên:** Nhiễm: nhuộm, dơ. Thế duyên, tức là các: ngũ dục (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn sang, ngủ sướng), sáu trần (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp) sanh và diệt. Đối với sáu trần, thì, sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), nó thường ưa sanh ra những quan niệm vọng tưởng bằng: ái, ó... cả thất tình, rồi ra gây nhiều tội lỗi, nên phải cấm, giữ lấy phạm hạnh là hạnh kiểm thanh tịnh, mà dứt hẳn những điều tập quán tham nhiễm để ngăn dứt cái nghiệp nhân của thân khẩu ý, nên gọi là bất nhiễm.

**Phạm hạnh:** cái tâm hạnh trong sạch không ô nhiễm. Nghiêm cấm mà chẳng phạm gọi là giới. Trần nghiệp tức là thế duyên. Xâm: lấn tồn, nhiễu nhưong. Lòng tin thành gìn giữ, là nghiêm hộ. Vì nghiêm chính, nên khiến người kính nể, là UY. Vì hạnh vuông vức (đúng đắn), khiến người khác noi gương lấy mực, là nghi. Chính rằng cái cách thức hay gương mẫu để làm chánh đạo.

**Cấm giới:** mười điều răn của Sa-di và các giới của Bí xu, Bí xu ni, thức xoa ma na; lại, trong giới Bí xu đủ có 3000 uy nghi, tám vạn hạnh vi tế.

**Quyên phi:** các loài trùng rất nhỏ mà có cánh biết bay như: muỗi, mòng v.v... Vô tồn: Tức chẳng nở giết hại, rằng: với các loài chỉ biết bò biết bay mà thân mạng nó rất nhỏ, nhà tu sĩ còn thường phải năng thương giữ hộ thay, huống chi với tất cả vật có sanh mạng lớn ư?

**BA NGHĨA XUẤT GIA**

- 1, xuất thế - tục - gia** { Tức là cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa hoại màu ; kinh nói : ở nhà thế hẹp hòi bức hội, tỳ như lao ngục hành-động bó buộc ; xuất rộng rãi như hư không đi lại không ngăn.
- 2, xuất tam-giới-gia** { Tức là phá hết phiền-não của kiến-hoặc tư-hoặc, khỏi chịu mang cái thân phân-đoan sanh-tử nữa, như các thánh Sơ-quả, nhị quả, tam quả, Bích-chi....,
- 3, xuất vô-minh-gia** { Tức là phá rối phiền não vô-minh, khỏi cái thân biến dịch sanh-tử, như : thập-địa bên Biệt-giáo, thập-tru bên Viên-giáo, ra khỏi từ phần vô-minh, chỉ bậc Diệu-giác của Viên-giáo mới hoàn-toàn ra hết vô-minh, kêu là tam-giác viên-minh, tức là quả Phật.

**8 VẠN HẠNH NHỎ**

Hành	{ đều 2 trăm 5 mươi giới thành 1000       }	Nhiếp hữu tình	{ Cả ba tụ tịnh giới mỗi tụ đều có một nghìn, thành ba nghìn, thế thì gọi là ba- ngàn oai nghi       }
Tru		Nhiếp thiện pháp	
Tọa		Nhiếp luật nghi	
Ngọa			
Dâm-dục	{ 7 chi đều — Có 3 ngàn — thì thành 2 — vạn 1 nghìn       }	Tham-lam	{ 4 phiền-não đều đủ 2 vạn một ngàn thành 8 vạn 4000, Lăng- Nghiêm nói: 8 vạn tế-hạnh đó là nói con số lớn vậy thôi. Cũng gọi là 8 vạn 4 nghìn luật nghi       }
Sát-sanh		—	
Thâu-đạo		Sân-hận	
Vọng-ngôn		—	
Kỷ-ngữ		Si-mê	
Ác-khẩu		—	
lưỡng-thiệt		Đẳng phần	

*Bát phùng bát nạn, bát khuyết tứ duyên, bát nhã trí dĩ hiện tiền, bồ đề tâm nhi bất thoái; tu tập chánh pháp, liễu ngộ đại thừa, khai lục độ chi hạnh môn, viết tam kỳ chi kiếp hải:*

Chẳng gặp tám nạn, không thiếu bốn duyên, trí bát nhã hiện tức thời, lòng bồ đề không lui sụt; học tu chánh pháp, rõ chứng đại thừa, mở cửa hạnh sáu độ, vượt kiếp lớn ba kỳ.

Đây là ngoài thì phụ giúp, trong thì tự đầy đủ về công viên tu thì quả mới viên chứng đặng.

Với điển bát nạn sẽ chỉ rõ ra cái biểu đồ sau kia, vì tám chỗ ấy vẫn chẳng được gặp Tam Bảo nên nói là nạn: Bị chướng ngại!

Tứ duyên có hai điển: 1/ duyên thấy, duyên nghe, duyên hộ pháp, và có cái duyên để phát tâm; vì bốn cái duyên ấy đều hay để giúp ích cho cội bồ đề được tăng trưởng. 2/ có bốn cái duyên về bốn sự; y phục, ngọa cụ, ẩm thực, và thang dược đó là những dưỡng liệu bên ngoài để giúp cho sắc thân đủ sức khỏe để giúp bên trong phát khởi tiến triển, nghĩa là: Ngoài nhờ sự, sống bằng bốn duyên, trong đầy trí khôn của bát nhã. Hễ trí bát nhã đã sáng suốt, thì tâm bồ đề tự nhiên tăng tiến chứ không lui, hằng giờ tu chánh pháp, mỗi ngày nâng cao giáo thừa lên.

**Đại thừa** là: Nhứt Phật thừa. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phật nói rằng: chỉ có pháp nhứt thừa là đúng, còn hai thừa kia là nhị thừa, tam thừa đều là phi chơn. Vì là pháp phương tiện, bởi tạm quyền nhứt thời chi dụng, chớ phi cứu cánh.

**Lục độ:** Ta tu pháp bố thí là để độ cái tánh tham lam bôn rít của ta, tu pháp trì giới là để độ cái tánh (tật, nghiệp) phá trai phạm giới; tu pháp nhẫn nhục để độ cái tánh sân nhuế phẫn hận; tu pháp tinh tiến để sửa chữa cái tật trễ nãi; tu pháp thiền định là để cải biến các nghiệp tán tâm loạn tưởng; tu pháp trí huệ là để độ lành cái bịnh ngu si của ta. Chữ Việt là Vượt bồng qua.

A tăng kỳ: Phạm ngữ là: “Asamkhya” theo lớp cựu dịch mà ta đọc là a tăng kỳ, dịch chữ: vô số, nghĩa: Nhiều vô số kể. Lớp tân dịch mà ta đọc là a tăng sí da, phạm ngữ là: “A Sanikhyeya” dịch chữ: Vô ương số, “vô ương” cũng như “vô lượng” nghĩa như trên. Trí độ luận chép là: a tăng kỳ dịch là vô số, sách Huyền ứng âm nghĩa cuốn 24 chép là: A Tăng sí da, dịch là vô ương số, a tăng kỳ là con số cực lớn của toán học xưa ở Ấn độ: Dùng muôn lần muôn làm một số ức; muôn lần ức làm một số triệu mãi như thế bội bội

tính lên, thì một a tăng kỳ kể có: một ngàn, muôn muôn muôn  
muôn muôn muôn muôn muôn triệu.

Như bên Tạng giáo: Mang nghiệp chịu sanh trải qua ba a  
tăng kỳ kiếp tức là vô số kiếp tu hành theo đạo nghiệp của Bồ Tát  
làm những hạnh khổ mà người đời chưa làm được, Bồ Tát tu nhiều  
kiếp như thế kia, để hành lắm việc khó làm như thế nọ mới chứng  
đắc quả vô thượng là Phật.

Nay đây, bên Viên giáo: Trọn phần thành lập bản chương  
trình tu nhơn chứng quả cho chúng sanh, đến bực tứ địa mà với  
phần quả địa rồi là trọn phần nhơn chơn tu, để trọn phần dứt vọng  
hoặc, với lý thì chứng ngộ không sai, nên nói là vượt tam kỳ kiếp  
hải. (quả địa, là: Y theo vị trí nơi “Nhơn” nào để tu hành, thì đắc  
cái địa vị chứng ngộ về pháp gì là kết quả nấy; cả 3 thừa đều có  
quả địa khác nhau, giữa Thịnh văn thừa lại còn có bốn quả riêng  
biệt. Kinh Lăng Nghiêm chép: chỗ nhơn địa phát tâm là đồng hay  
là dị nhau với chỗ quả địa giác. Trên cuốn thứ sáu, sách Huyền  
ứng chép: Quả địa đã tròn tốt rồi, thì chẳng còn nhơn vị.

*Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng,  
hàng phục chúng ma, thiệu long Tam bảo; thừa sự thập phương  
chư Phật, vô hữu bì lao, tu học nhưt thể pháp môn, tất giai thông  
đạt; quảng tác phước huệ, phổ lợi trần sa; đắc lục chủng chi thần  
thông, viên nhưt sanh chi Phật quả.*

Dựng cờ chánh pháp khắp nơi nơi, xé lưới tà nghi luôn lớp  
lớp, dẹp thẳng bốn quân Ma, tiếp rân ba ngôi báu; vâng thờ mười  
phương chư Phật không biết nhọc nhằn, tu học tất cả pháp môn  
thầy đều thông suốt; rộng ra làm đủ phước đức và trí tuệ, để lan  
khắp lợi cho nhiều chúng lắm loài; đều đắc phép thần đủ sáu món  
đồng tròn quả Phật ngay một đời,

Đoạn đây là: Với trên, câu đắc pháp mâu, với dưới dạy tu  
chung tròn quả Phật. Dựng cờ chánh pháp là: thuyết pháp độ sanh;  
kiến: dựng lên; cờ tức là phướn: cao sáng. Nghĩa: Thí tỷ chánh  
pháp của Phật rất cao sáng, khiến cho đâu đâu cũng đều trông thấy  
mà nảy lòng kính tin. Lại nữa, còn nghĩa là tòi tà phụ chánh: Thí tỷ  
việc thuyết pháp là khiến cho thính giả xả tà quy chánh. Vì có hai  
nghĩa trên, nên bảo là Pháp tràng (cờ chánh pháp hay là cây  
phướn). Đi nói pháp khắp pháp giới để tùy theo trình độ của mỗi  
loại mà tế độ chúng sanh, nên gọi là xứ xứ (nơi nơi).

Chúng Ma: Ma nó hay cướp đoạt cái mạng của kẻ tu hành chánh đạo. Phạm ngữ là Ma ra, dịch nghĩa là: hay cướp mạng, làm chướng ngại, làm rối rắm, làm phá hoại, làm não hại. Đức chúa trời ở cõi trời thứ sáu của Dục giới là Ma vương quyền thuộc của ông là dân Ma, người Ma. Các kinh luận của cựu dịch viết bằng chữ Ma là mùi. Lương Vũ Đế đem chữ Quý thay vì chữ Thạch thành ra chữ Ma là ma quý. Nay xét: Chữ Ma, bằng bộ thạch là đúng theo danh từ đọc đủ tiếng phạm là Ma, ra, vì dịch âm chữ đầu phải dịch nghĩa; còn Vũ đế thay, chữ Quý vào thành chữ Ma bằng bộ Quý, là dùng theo nghĩa rằng nó hay phá hoại cướp hại mạng người tu.

Ma có bốn thứ: 1/ phiền não ma, vì các điều phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi v.v... Nó hay làm tổn thương não hại nơi thân tâm, nên bảo là Ma. 2/ Âm ma. Lại kêu rằng ngũ chúng ma, tan dịch là uẩn ma, vì năm món sắc, thụ, tưởng, hành, thức nó hay sanh ra mỗi mỗi điều khổ não nữa, nên gọi là ma. 3/ Tử ma: Vì cái chết nó hay dứt cái căn (gân máu) sanh mạng của người nên nói nó là Ma. 4/ Tha hóa tự tại thiên tử ma, tan dịch rằng tự tại thiên tử ma: Đức Chúa Trời Ba Vương tên là Ba Tuần ở tầng trời thứ sáu (tức là trời tha hóa tự tại) cõi Dục giới. Trời ba tuần đây chính là nghĩa của chữ Ma Ra. Còn Tử Ma mới thật là đoạt sanh mạng, mấy Ma kia đều là cái nhân duyên phụ để đoạt mạng. Thấy trí độ luận và nghĩa lâm dương đồng nói như thế. Mà Bồ Tát hay dùng sức trí huệ để chiến thắng tất cả Ma quân, La hán cũng có một nghĩa là sát tặc: giết cả sáu giặc.

Lục thần thông: Thân: chẳng thể xét lường được, như thần kỳ, thần diệu, nghĩa là hay lạ lùng lắm: thông: Suốt, không chi ngăn ngại. Các thánh trong ba thừa đắc sáu món trí huệ rất tự tại rất thần diệu chẳng thể xét lường, không chi làm trở ngại, nên gọi sáu phép thần thông:

1/ Thần túc thông: Đắc phép thông lục, lội đi qua lại rất tự tại tại núi sông không làm trở ngại. 2/ Thiên nhãn thông: Đắc con mắt trời sắc giới, chiếu lâu không ngại 3/ Thiên nhĩ thông: đắc lỗ tai trời sắc giới, nghe suốt không ngại, 4/ Tha tâm thông: Biết thấu tâm niệm những kẻ khác không ngại. 5/ Túc mạng thông: Biết tất cả nghề nghiệp. Từ nhiều đời trước của ta và chúng sanh đều không ngại. Với năm thông trên, đều do tu pháp thần hữu lậu hoặc nương nơi sự thuốc, sức thần chú mà chúng đặng, nên các người tu



tiên bên ngoại đạo cũng có thể chứng được, cả năm ấy đều gọi là trí chứng thông nữa, là: Bởi y nơi trí mà chứng được thông lực ấy trong Cu xá luận chép như thế. Sáu lậu tận thông: Tu pháp tam thừa tiến đến cực điểm, các lậu là tất cả phiền não đã dứt hết không còn ngăn ngại. Duy có các thánh tam thừa mới chứng được cái thông này mà thôi, chứ trời, tiên ngoại đạo đều chẳng có, vì tâm phiền não hãy còn!

Lại chia 3 hạng: 1/ Báo đắc thông: Các ông trời ở ba giới đều có năm phép thần thông; nhứt đến quý, thần cũng có một hai thông, vì thần thông ấy đều nương nơi quả báo nên nay cảm đặng bằng cách tự nhiên. 2/ Tu đắc thông lực: Nguyên các thánh trong tam thừa do tu pháp tam học mà đắc lực thần thông; người tiên bên ngoại đạo do tu thiên định mà hiện đặng năm phép thần thông, biến hóa thông lực. Các thánh trong tam thừa dùng sức thần thông để biến hóa ra mỗi mỗi phép thần. Lại, chư Phật, Bồ Tát, duyên giác, thính văn và ngoại đạo tiên nhọn do tu đắc thì đều gọi là “thần thông”, mặc dầu khác nhau bằng năm thông sáu thông: còn những thông lực của các loại: Thần, Quỷ, Chồn Cáo sở đắc đó, thì đều gọi là “Nghệp thông”, vì các loại ấy do nơi nghiệp lực mà đắc thông.

Thành quả Phật ngay một đời: tức là bực Đẳng giác ngời nhứt sanh bổ xứ; từ ngời đây phát khởi ra cái tánh trí kim cang để chiếu phá hết một phần sanh tướng vô minh, tức là bực Diệu giác Cực quả, để chứng cái tánh tâm viên mãn pháp giới.

*Nhiên hậu bất xả pháp giới, biến nhập trần lao, đẳng quan âm chi từ tâm, hành phổ hiền chi nguyện hải; tha phương thử giới trực loại tùy hình, ứng hiện sắc thân, diễn dương diệu pháp:*

Sau này, chẳng rời tánh pháp giới, khắp vào cõi trần lao, đồng với lòng từ của đức Quan Âm, làm cả biên nguyện của đức Phổ Hiền; cõi này phương nọ, theo loại hiện tình, để ứng hiện sắc thân, đặng diễn nêu pháp nhiệm.

Đoạn này là nói: Sau khi chứng quả, tùy theo căn cơ của chúng sanh, để phổ hiện hóa thân ra mà thuyết pháp dạy tu.

Nhiên hậu là lời thừa tiếp đoạn trên, phát khởi xuống đoạn dưới.

Tánh pháp giới, là cái danh thủ đô của nhứt tâm, cũng chỗ qui thú của vạn pháp. Số là, tự tâm đã thanh tịnh, thì thể nó khắp trùm mười phương, nên chi chẳng rời cái tâm pháp giới của Phật

quả, mà vẫn khấp vào những cảnh trần lao giữa lục đạo. Như: Đức Quán Thế Âm có ba mươi hai ứng thân để thị hiện khắp nơi các cửa nhà đó lại như đức Phổ Hiền có nguyện lớn sâu như biển cả vô cùng, lan khắp pháp giới để làm lợi ích chúng sanh, vì cũng hóa hiện ra nhiều thân hình bằng cách tùy theo các cơ cảm, để thuyết đủ pháp màu.

**Hỏi:** Ứng thân có đồng hay không đồng nhau với hóa thân?

**Đáp:** cứ theo kinh Đồng tánh và Kinh Kim Quang Minh, thì: Ngoài ứng thân, có thành lập ra hóa thân nữa, thế là hai thân ấy sai khác nhau. Luận Khởi Tín thì với ngoài ứng thân, không thành lập hóa thân nữa. Đến như các bộ Duy thức luận, Pháp hoa luận, thì ngoài hóa thân, chẳng thành lập ứng thân. Thế thì Hóa thân tức là ứng thân.

*Nê Lê khổ thú, nạ quý đạo trung, hoặc phóng đại quang minh, hoặc hiện chư thần biến: Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ:*

Với cảnh địa ngục khổ, trong đường Ma quý đói, hoặc buông ra ánh chiếu sáng lớn, hoặc hiện phép thần biến hóa nhiều: Những chúng thấy cái tướng tôi, nhãn đến nghe danh tôi, đều đầy lòng bồ đề, ra khỏi khổ luân hồi.

Đây nói cứu khổ cho ba ác đạo bằng cách tổng quát: Nê Lê tức là địa ngục đạo, vì bị tội khổ hành chịu không phút nào ngừng! Chúng sanh trong giới nạ quý hằng giờ chịu mãi cái tội khổ đói khát!

Giữa súc sanh đạo: thì lại thường ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, như kiến ăn cá cá ăn kiến, rắn nuốt nhái, loài lớn ăn loài nhỏ, thứ mạnh ăn thứ yếu v.v... những chúng sanh trong ba đường ấy là hạng chịu cực kỳ thống khổ!

Nay đây các Bồ Tát sau khi đắc quả rồi, hoặc phóng hào quang chiếu đến khiến cho chúng kia được giải thoát! hoặc hiện thần biến tướng ra khiến cho chúng nọ sanh tâm kính tín, để cùng nhau vẫn khỏi cái khổ luân hồi, siêu sanh về nước Cực Lạc.

*Hỏa hoạch băng hà chi địa, biến tác hương lâm, ẩm đồng thực thiết chi đồ, hóa sanh tịnh độ:*

Những chỗ vạc lửa hừng, sông giá lạnh, đổi làm rừng thơm: mây loài ăn sắt nung, uống đồng sôi, hóa sanh cõi tịnh.

Trên kia nói bằng cách tổng quát; giờ đây nói bằng cách riêng biệt: để hóa độ các sở địa ngục.

Vạc lửa, là: tám sở địa ngục nóng. Sông giá, là: tám chỗ địa ngục lạnh. Nay đều nương ánh từ quang chiếu đến cả thủy liên hóa thành cảnh tịnh độ.

*Phi mao đời giác, phụ trái hàm oan, tận bãi tân toan, hàm triêm lợi lạc.*

Các loại: mang lông đội sừng, thiếu nợ ngậm hòn, đều thôi những khổ đắng cay, đồng hưởng lăm vui lợi ích.

Đây cũng nói riêng biệt cảm hóa về súc loại; nay chỉ nói một loài tẩu thú là để gồm thâu hết tất cả các loài súc sanh ở: trên không, mặt đất, và dưới nước rồi.

Thiếu nợ ngậm hòn, là: Súc sanh đều chuyên lấy sự ăn nuốt lẫn nhau đó, là cũng cốt vì để đền trả lại cái thiếu nợ bằng cách ăn thịt nó từ kiếp trước, nên kiếp này phải bồi thường túc trái bằng cách để cho nó ăn thịt lại mà trừ, kêu rằng: tham tha nhứt luyện luyện hườn tha, nghĩa là kiếp trước ta ăn một miếng thịt của nó, thì đời nay phải trả lại cho nó ăn một miếng thịt của ta. Nhưng chúng ta đương bị cái hôn mê giữa thân này cách với thân trước, nên âm muội mà không thấy biết gì được! chứ nếu chúng được cái tri túc mạng thông, thì tự phá tan cái mù hôn mê tức thấy biết được những việc mấy đời trước như việc trong giấc nằm mộng và lúc đã thức dậy; với sự gì từ bữa hôm qua.... và hôm nay vậy thôi.

Lại nữa, chúng sanh giữa lục đạo, đều có túc trái, đời đời cứ kết dây oan trái với nhau mãi chẳng thôi như thế kia, nay đều thôi dứt hết những điều cay đắng, và cùng nhuần thấm lợi ích yên vui giải thoát.

*Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha, cơ cần thời nhi hóa tác đạo lương tế chư bản nổi:*

Với thời có tai tật dịch, hiện ra làm thuốc men để cứu lành bệnh trầm kha; với cơn xảy nạn đói ngu, hóa ra làm lúa bắp, để giúp yên vùng bản nổi.

Đây là đức Từ hóa hiện ra để cứu khổ tai nạn Thân nướm điều dữ nổi lên là nghĩa chữ Tật; cái tật ấy nó quá lăm, là nghĩa chữ Bệnh. Loài Quỷ nó hay thừa dịp có khí độc để làm cơn ôn hoàng dịch lệ. Dân chúng đều cái tai bệnh ấy, là nghĩa chữ Dịch tả. Trị cái chứng bệnh ấy lành là nghĩa chữ Liệu. Trầm kha là bệnh rất trầm trọng. Không lúa thóc là nghĩa chữ Cơ; không cái rau là nghĩa chữ Cần. Lúa hột còn ở ngoài ruộng là nghĩa chữ Đạo; đã thâu hoạch về nhà vựa là nghĩa chữ Cốc. Thóc ra trấu rồi là nghĩa chữ

Mẽ chữ Lương là thứ bắp cao giàn. Chung gọi thì có sáu giống thóc, là: Đạo, lượng, thực, mạch, thử, tấc.

Nổi: đói, với các điều tai hại như nạn tật dịch nạn cơ cần, thì trong bốn phương thiên hạ không chỗ này tật chỗ nạn thường thường có xảy ra đều bởi chúng sanh đồng tạo một thứ nghiệp từ đời trước mà nay đến ngày giờ đủ điều kiện gây nên.

Còn nếu như tiểu tam tai của kiếp giàm kia: đến cái thời nó nổi thì cùng khắp cả trái đất, loài người đều bị tai ấy, là bởi những chúng sanh đồng nghiệp đã tạo phần nhiều ác ấy.

Tiểu tam tai – Trong một kiếp trụ, có hai chục lần tăng giàm như hai chục tiểu kiếp cái mà nó nổi lên ở phần rốt kiếp giàm đó gọi là tiểu tam tai: 1/ Đạo binh tai, vì loài người bấy giờ làm nhiều điều phi pháp, tâm sân độc càng thịnh, hễ vừa thấy nhau là liền dấy cái lòng tàn hại rất mãnh liệt, nên tùy theo tay cầm vật gì thì nó liền hóa thành guom đao, nghĩa là tùy ý người muốn chi là nó hóa nấy, đặng để mà tàn sát lẫn nhau. 2/ Tật dịch tai, vì loài người bấy giờ cũng gây các điều tội ác như trên, nên ai ai cũng thờ cái độc khí ác nộ ấy ra như khói un cùng khắp, các loài ôn hoàng lợi dụng những hơi độc đó đem đi làm tật dịch mỗi nơi hễ ai xuống đụng độc khí bị quỷ hành đó, thì thổ tả chết liền. 3/ cơ cần tai, vì thoi nhọn cũng bởi lòng ác nghiệt như trên đó, nên các vị thiên long không điều khiển chùng mực, thành thử mưa gió nắng tạnh không điều hòa, mùa màng thất lợi, thế gian bị đói lâu, nên phần nhiều bị mạng chung.

Cu Xá Luận cuốn 12 nói: từ lúc mà các chúng sanh do thân khẩu ý dấy đủ mười ác nghiệp, lần lần lại càng tăng trưởng đến bực thập ác hạng nặng; bấy giờ loài ở châu diêm phù này tuổi sống giảm giảm lần lần mãi đến cái thời mà mỗi người chỉ còn mười tuổi là trọn đời, thì có cái tiểu tam tai hiện ra. Tiểu tam tai ấy nó hiện vào khoảng rốt kiếp trụ. Đạo binh tai lưu hành chỉ có bảy ngày đêm; tật dịch tai lưu hành bảy tháng bảy ngày; cơ cần tai lưu hành bảy năm bảy tháng bảy ngày. Qua khỏi là hết kiếp trụ.



Đối với cái thời tật dịch, cơ cần ấy, lòng từ bi bắt buộc, nên các Bồ Tát hoặc hiện ra làm các thứ dược thảo, đem cứu khắp nơi lành bệnh trăm kha; hoặc biến hóa làm các lúa bắp, để giúp đỡ cả vùng cơ cần, sau rồi cảm hóa chúng vào đạo Phật.

## CUỐI KIẾP GIẢM TIÊU TAM TAI

Tuổi sống người giảm xuống

Chỉ còn 30 tuổi là mãn đời, thân lượng dài còn 3 thước, bấy giờ có cơ cần tai nổi lên suốt bảy năm đại hạn

Chỉ còn 20 tuổi là mãn đời, thân lượng dài còn 2 thước, bấy giờ có tật dịch tai nổi lên suốt bảy tháng mới dứt.

Chỉ còn 10 tuổi là trọn đời, thân dài còn chỉ 1 thước, có đao binh tai nổi lên luôn 7 ngày mới chấm dứt.

*Đản hữu lợi ích, vô bất hưng sùng:*

Hễ việc làm mà có ích cho người lẫn ta, thì đâu chẳng chấn hưng sùng bái.

Đây kết thúc về chỗ rộng ra đây làm việc Phật. Sùng: cao, chủ: Số là tu theo bực nhĩ thừa thì, trí thức chỉ lệch mạnh về phần tự lợi, mà yếu sút về phần lợi tha, nên chỉ các nhà tu sĩ bên nhĩ thừa thường ưa trốn tránh cảnh ồn ào, để ngắm xem chốn vắng lặng. Trái lại, người hành Bồ Tát đạo chẳng phải thế: bởi cơ quan đại tác dụng không ngần ngại, vì đối với việc chí, cảnh ngộ trường hợp nào hễ có ích lợi cho người lẫn ta, thì đâu chẳng tiến tới mau lên ra công tác ư?

*Thứ kỳ lữ thế oán thân, hiện tồn quyền thuộc: xuất tứ sanh chi cốt một, xả vạn kiếp chi ái triền, đẳng dữ hàm sanh, tề thành Phật đạo.*

Kế đó, nguyện cho kẻ thân người thù từ lấm kiếp, và những đáng quen thuộc hiện còn: đều lên khỏi cái khổ chìm nổi biển tứ sanh, đồng dứt buông cái dây ái ân vùng vạn kiếp, cả đến mọi loài, chung thành Phật đạo.

Đây lại phát ra cái nguyện bình đẳng. Lữ là chồng chất. Thứ kỳ là lời thừa tiếp văn trên để lập lại đây xuống văn dưới. Cốt một là vừa nổi vừa chìm mà người ta gọi là giả gạo, tùy theo mực nước cạn sâu, mà trôi lên hụp xuống có mau chậm. Hàm sanh: phạm là loài có thể cục cựa nhúc nhích được đó là chúng nó đều có linh thức và tánh biết của nó; đã tánh biết thì đều có thể có ngày nó hồi đầu lại để tự tỏ ngộ bản tánh Phật của nó. Số là:

Từ kiếp vô thi (không đầu, là không biết đầu từ đâu?) từ thưở có sanh loài người lại nay, tất cả người thân thuộc, kẻ oai gia, đều chìm nổi cũng như đầu vào tròn ra nơi bề tứ sanh là: Noãn, Thai, Thấp, Hóa, từ tình ái này đến tình ái nọ, cứ thế vẫn vương

riết chặt với nhau mãi trong cuồng tư vô hình là sanh tử vạn kiếp; nay ta nguyện cho tất cả chúng hữu tình kia với chúng ta đây đồng thành Phật đạo.

*Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng, tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí:*

Cõi hư không có hết, lòng nguyện tôi chẳng cùng, chúng hữu tình và chúng vô tình, đồng tròn giống trí Phật.

Bốn câu chót đây là kết thúc về tâm nguyện vô cùng vô tận.

Tinh tức là loài có tinh thức, cả chánh báo chúng sanh; vô tình tức là phần vô tri vô giác cả cõi y báo thế giới.

Giống trí là giống Phật tánh; nguyên nó là căn bản thật trí; từ một niệm trái với chơn đó, thì toàn thể giống trí ấy nó biến thành ra cái vọng niệm, nếu biết quày đầu khiến chơn tánh tự sáng tỏ lại, thì toàn thể vọng niệm vô minh vẫn là giống trí Phật.

**Hỏi:** Với nghĩa rằng hữu tình thành Phật thì, tôi có thể biết được; còn chúng vô tình thì, làm gì cũng thành Phật ư?

**Đáp:** Y báo là quốc thổ, chánh báo là căn thân, đều do nơi nhứt tâm tạo tác ra. Kinh Lăng Nghiêm nói: tướng trùng thành quốc thổ, tri giác nãi chúng sanh: phần tư tướng nếu không hoạt động nữa mà ngưng lóng lại thì nó thành ra quốc thổ, là những vật vô tri vô giác; còn phần mà vẫn còn hoạt động, tri giác thì, nó thành ra chúng sanh, là những chúng có cảm tinh tri thức. Thế biết rằng: hễ khi mà nhứt niệm mê, thì chánh báo nó cách ngại nhau với y báo; còn lúc mà nhứt niệm giác, thì thân căn lẫn rỗng nhau với quốc thổ. Lý do là hễ tâm niệm thanh tịnh tất nhiên Phật thổ tự thanh tịnh; một bằng chứng hiển nhiên này nữa: hễ tâm của nhơn loại đều thanh tịnh, thì quốc thổ cũng đều bình tịnh yên vui; còn khi mà tâm loài người đồng bạo động chiến tranh, thì quốc thổ cũng đồng uế ác loạn khổ. Vậy biết: hễ nhơn sanh mà được vui hay bị khổ, là bởi nhơn tâm thiện tịnh hay ác động, mà đến nước nhà cây cỏ cũng chịu ảnh hưởng chung số phận. Thế thì, niệm mê niệm ngộ tự tâm, uế độ, tịnh độ cũng tự tâm đến hữu, tình, vô tình cũng tự tâm, thì ra, với giữa vạn hữu vũ trụ, tùy ý bốc lên một cái gì đó nó đâu chẳng phải là cái của thanh tịnh diệu tâm, vì hễ còn tướng trùng tức quốc độ, hết tướng trùng tức tri giác. Nên bên cực lạc tịnh độ: nước, chim, cây, rừng... đều thường ngày hằng giờ vẫn đồng thuyết pháp vì loài người bên ấy đều đồng giác ngộ rồi, nên quốc độ tức chúng sinh, chúng sanh tức quốc độ, cũng như nói:

cảnh tức tâm, tâm tức cảnh cho nên nói tình dữ vô tình đồng viên chùng trí.

[1] Minh Chú: bên Tiêu thừa bộ Độc tử thành lập ra 4 tạng: ngoài 3 tạng Kinh, Luật, Luận, thêm một tạng nữa là Minh Chú tạng, Minh Chú là Đà La Ni lại Tiêu Pháp tạng bộ cũng lập 5 tạng: 2 Kinh tạng, 3 luật tạng, 4 Minh chú tạng; 5 bộ tát tạng. Vậy biết rằng: minh chú tức là Đà La Ni, cũng tức là Thần chú.

[2] Cây Như ý: Kinh Vô Lượng Thọ nói: cây Bửu thọ nơi đạo trường chỗ đức A Di Đà ngồi, với cây báu ấy, chúng nhơn ngó tưởng, muốn chi thì nó hiện ra món ấy cho dùng, nên gọi là Như ý thọ. Như ý châu, là từ nơi Bửu châu này nó hóa ra mỗi mỗi vật theo như ý ai muốn chi được nấy, nên gọi là Như ý. Trí độ luận cuốn 59 dẫn rằng: có chỗ nói từ nơi đỉnh của Long vương kết tinh sanh ra Bửu châu ấy, người nào được ngọc ấy, mang theo thân thì các thứ độc chẳng làm hại, vào lửa không cháy, nước không chìm, gươm đao không chặt đứt...bởi có các công năng trên nên gọi là bửu châu. Có chỗ nói: Xá lợi của Phật đến thời kỳ pháp của Phật diệt hết, thì xá lợi ấy đều biến làm như ý bửu châu để làm ích lợi cho chúng sanh. Tỷ như nước đông giá lâu đủ một ngàn năm thì nó hóa thành ngọc pha lê, để làm vật quý cho đời.

Thứ như ý châu này không có màu sắc nhưt định, thể nó trong suốt rất nhẹ rất tốt những vật tượng trong vũ trụ đều hiện chiếu vào thân ngọc nó. Thứ báu này thường hay hóa ra tất cả vật quý báu như: áo quần thực phẩm, tùy ý ai muốn chi đều hiện nấy, để phổ thí cho cần dùng.

Kinh tạp bửu tạng cuốn 6 chép lời Phật nó: dưới biển có thứ cá Ma Kiệt tức là kinh ngư con nào lớn nhưt thân dài 28 muôn dặm, thì trong đầu nó sản xuất thứ bửu châu ấy tên là Kim Cang kiên cố. Kinh quán Phật tam muội cuốn nhưt nói: Chim kim sús, đến khi già chết, quả tim nó cũng hóa thành như ý châu.

[3] Ngã kiến: nhận thấy trong thân tâm do ngũ uẩn vẫn giả hợp nầy, có cái ta cũng như cái hôn cho rằng nó là vẫn thường, vẫn một, nên gọi là ngã kiến. Sách đại thừa chương nghĩa cuốn 6 chép: thân kiến, cũng là ngã kiến, với ngũ uẩn bảo là thân, trong cái thân nhận thấy có ta, phân biệt chấp lầy có tên tuổi của ta, danh dự của ta, tự ái mê lầm, nên bảo là thân kiến.

[4] Với ba câu ấy, còn có vài cách đọc, kê kê, kê hê, kê hê; khi khi, khi hí, khi hí; khe khe, khe hê, khe hê..

[5] Trăm ức Kinh Hoa Nghiêm phẩm A tăng kỳ nói: 10 vạn làm một lạc xoa, lạc xoa là con số ức; 100 lạc xoa làm 1 cu chi. Cu chi có 3 hạng: một 10 vạn; hai 100 vạn; ba 1000 vạn. Ngài Huyền Trang Tam Tạng định số là ngàn vạn. Trong bài kệ trên, cai chữ Cu chi đó là gọi tắt hiệu “Tỳ Cu Chi Quan âm” cũng gọi tắt hiệu “thất Cu Chi Phật mẫu”.

[6] Thất Cu Chi Phật Mẫu là tên riêng của Đức Chuẩn Đề Quan Âm, chính là một trong bảy vị thờ nơi viện. Đề nhị Phật Mẫu trong đàn Mạn đồ lai bên Thai tạng giới cũng là một vị thứ 6 trong 8 vị Đại Quan Âm hiệu Tỳ Cu Chi Quan Âm. Có chỗ gọi là Thiên Nhơn Trượng Phu Quan Âm, tỏ rằng một vị lẫn giữa nhân đạo mà hay biến hóa. Bên Thiên tông thờ Chuẩn Đề làm một vị trong bộ Quan Âm. Bên Nhật Bản, phái Đông mật thờ Chuẩn Đề làm một vị giữa 6 đức Quan Âm, thuộc về bộ Liên Hoa. Phái Thiên mật thờ Thất Cu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề vào hàng Phật mẫu làm một vị nơi Phật bộ. Tượng Ngài 3 mắt, 18 cánh tay v.v...

--- oOo ---



# **Nhị Khóa Hiệp Giải**

## **(Thời khóa tụng khuya và thời khóa tụng chiều)**

*Chú giải: Ngài Quán Nguyệt*  
*Dịch giả: HT Thích Khánh Anh*

### **Mười nguyện lớn nhất của đức Phổ Hiền Bồ Tát.**

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện chép rằng: “Lúc bấy giờ, đức Phổ Hiền Bồ Tát ma ha tát, sau khi xưng tụng công đức tối thắng của Phật rồi, rao bảo cùng các đức Bồ Tát và thiện tài rằng: Thiện nam tử! đối với công đức của Như Lai, ví dầu tất cả chư Phật ở mười phương, trải qua nhiều kiếp bằng số “bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần” để tiếp tục nhau nói mãi đi nữa, cũng chẳng thể nói hết công đức ấy! Nếu người muốn trọn nên công đức đó, thì chỉ nên tu mười thứ hạnh nguyện rộng lớn như sau v.v...”

Lại sau mười nguyện có bài nói rằng: nếu có thiện nam hay tín nữ, lấy cả bảy thứ quý báu nhưt, tốt đẹp nhưt đây đây trên tất cả thế giới ở mười phương bằng số “vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần” và lấy cái phước tối thắng an lạc của loài người, loài trời đều đem ra bố thí cho chư Phật, Bồ Tát bằng số bấy nhiêu tất cả thế giới, mà bố thí luôn trải qua nhiều kiếp bằng số. Bấy nhiêu “Phật sát cực vi trần” vẫn tiếp tục bố thí mãi không ngớt, người thí chủ ấy sở đắc công đức nhiều quá sức tưởng tượng như thế kia, cũng chẳng bằng công đức như thế này:

Đối với mười nguyện chúa ấy, nếu có người chỉ một phen nghe lọt vào tai, mà sở đắc công đức quá ư rất nhiều, đến vô số kể. Dem so với trên thì công đức của bố thí kia, chẳng kịp một phần trăm, chẳng kịp một phần ngàn... nhẫn đến cũng chẳng kịp một phần ưu ba ni sa đà. (upanisad: là một con số ít nhưt, một phần cực nhỏ)

Hoặc lại có người đối với nguyện lớn ấy, đem cái tâm tin sâu, để thụ trì đọc tụng, nhẫn đến viết chép ít nhưt là một bài kệ bằng bốn câu, thì chóng dứt trừ được cái tội nghiệp của địa ngục ngũ vô gián, ngoài ra với hết thấy các chứng bệnh, mọi điều chướng nạn đều chẳng trừ diệt ráo (bài kệ bốn câu, là tức như: “sở hữu thập phương thế giới trung, tam thế nhưt thế nhơn sư tử, ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý, nhưt thế biến lễ tận vô dư v.v...)

Lại nói: chỉ có nguyện vương (vua nguyện; nguyện lớn nhất) đây, chẳng rời bỏ nhau với người sắp xả thân qua đời, với mỗi giờ phút, nguyện ấy nó dẫn đường đi trước, chỉ trong một sát na, người được liền sanh qua thế giới Cực Lạc; tới rồi, liền được yết kiến đức A Di Đà Phật, và các đức; Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí cả đến các đức Đại Bồ Tát, ngài nào cũng đủ sắc tướng đoan nghiêm.

“Lại tự thấy thân mình trong hoa sen sanh ra, nhờ Phật thụ ký, từ đây về sau trải lâu vô số kiếp, đi khắp khắp thập phương thế giới để làm việc ích lợi cho chúng sanh. Người ấy chẳng bao lâu nữa, sẽ ngồi chôn đạo tràng, thành quả Đăng chánh giác, chuyển diệu pháp luân, kêu là thuyết pháp độ sanh” Mười nguyện chúa như dưới đây:

### **Nhứt giả lễ kính chư Phật:**

Nguyện thứ nhứt đây là “kính lạy các đức Phật”

Bốn văn (*là nguyện văn phẩm hạnh nguyện kính Hoa Nghiêm*) nói: rằng kính lạy các đức Phật đó, là có những bao hết cõi pháp, cõi hư không, trong đó, cả mười phương ba đời các đức Phật Thế Tôn bằng số “nhứt thế Phật sát cực vi trần: tất cả cõi Phật nhiều như những hạt bụi cực nhỏ”, nay tôi nhen theo danh nghĩa nguyện lực của đức Phổ Hiền, đem lòng rất thâm thiết tin hiểu, trông chư Phật như đối trước mắt, hảnh dùng ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh, để được thường tu việc kính lạy. Nghĩa là: đối với mỗi mỗi đức Phật đều hiện ra nhiều mỗi mỗi thân bằng số “bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”; mỗi mỗi thân khắp lạy chư Phật nhiều bằng số “bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”, cứ vẫn tu lạy như thế, chừng nào cõi hư không hết, tu lạy của tôi mới hết, còn như cõi hư không chẳng hết, thì tu kính lạy của tôi đây cũng không có lúc nào cùng tận. Cũng như thế: bao giờ cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì chừng đó cái tu nguyện lạy của tôi mới hết mà nếu như thế giới của chúng sanh chưa hết, tội nghiệp của chúng-sinh chưa hết, phiền não của chúng-sinh chưa hết, thì cái nguyện lễ kính của tôi đây cũng chưa có cùng tận. Với lòng tin tưởng lạy Phật đây, mỗi niệm liền nhau không hề gián đoạn, cả đến ba nghiệp là: ý tưởng, miệng xưng, thân lạy vẫn không nhàm chán.

Lễ: noi theo, hay thể theo, để thật hành cái nguyện kính lễ. Nghĩa là khi lễ kính, ta phải mỗi niệm đưa lòng tưởng, xét đi sâu vào cái thể pháp giới, mới gọi là chơn lễ. Lại nữa, ta là bên năng lễ

năng kính, còn chư Phật là bên sở lễ sở kính. Năng lễ năng kính là thuộc về tâm, sở lễ sở kính là thuộc về cảnh. Chư Phật bị ta lạy là sở lễ. Mà năng lễ sở lễ cái tánh nó vẫn đều vắng trống, thì ra, hiện tiền đây, thân tâm của ta dù là thứ giả dối, chứ cái tánh năng lễ sở lễ nó không hề hư vọng, vì là thể nó trống vắng, mà tánh nó đồng một thể viên mãn với thân tâm của chư Phật. Tỷ như cái không này nhập chung với cái không kia, lẽ cảm ứng lẫn nhau bằng cách viên mãn dung vô ngại, bất khả tư nghị, thể mới chánh rằng chân lễ.

Kinh Pháp Hoa chép lời Phật dạy: „Hoặc có người làm lễ bằng thân khẩu ý, đều lạy; hoặc người lạy bằng cách chỉ chấp tay; hoặc người đưa lên chỉ một cánh tay tỏ dấu lạy; hoặc lại gục đầu thấp một chút để kính, dùng những cách lạy kính để cúng dường nơi tượng hình của Phật, thì các người ấy dần dần được thấy nhiều đức Phật, đều tự sẽ thành vô thượng đạo“.

### **Nhị giả xưng tán Như lai**

Nguyên thứ hai là khen kính đức Như Lai

Bốn văn chép rằng xưng tán Như Lai như thế này: có những bao nhiêu tội hết cõi pháp, cõi hư không, ngang giáp mười phương, dọc suốt ba đời, tất cả cõi nước, trong đó có những bao nhiêu mây trần nhỏ nhứt, trong mỗi mỗi mây trần đều có các đức Phật nhiều bằng những số mây trần nhỏ nhứt giữa tất cả thế gian; những chỗ của mỗi mỗi đức Phật, đều có hàng cả biển hội Bồ Tát vây quanh bao vòng nơi mỗi Phật. Tôi sẽ trọn dùng cái sức thấy biết hiện tiền rất sâu hơn biển, đều dùng hiện ra cuống lưỡi hơn cuống lưỡi vì diệu của biện tài thiện nữ, mỗi mỗi cuống lưỡi đều thốt ra vô cùng biển âm thanh, mỗi một âm thanh thuyết ra tất cả biển ngôn từ, để tỏ bày khen ngợi các biển công đức của tất cả Như Lai, tán dương như thế tội qua đời vị lai, cũng vẫn tiếp tục khen ngợi mãi chẳng dứt, cùng cả cõi pháp, đâu chẳng khắp giáp đến để xưng dương tán thán. Cứ khen tặng như thế luôn, chừng nào cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì bấy giờ cái nguyện xưng tán của tôi mới hết. Nếu cõi hư không... cho đến các phiền não của chúng sanh chưa hết, thì cái nguyện tán thán của tôi cũng không bao giờ hết. Mỗi niệm nối nhau chẳng dứt, ba nghiệp là thân, khẩu, ý thường tu tán thán hoài không biết nhàm mỏi.

Đối với Phật đủ công đức bất khả tư nghị, người tu nguyện xưng tán... ít nhứt một lời để khâm khen, thì công đức của người

ấy, còn chắc sẽ thành Phật thay, huông chi là người thường thường tu những lời xung tán.

Kính Pháp Hoa chép lời Phật dạy: “Hoặc đem tâm hoan hỷ, đề xung tụng công đức của Phật, như ca ngâm hay xung tán. Những người ca tán để khen Phật với giọng cao hay trung bình, cùng ít như là một tiếng nhỏ, những người ấy đều đã, đương, sẽ được thành Phật đạo “.

### **Tam giả quảng tu cúng dường**

Thứ ba là nguyện “tu rộng làm việc cúng dâng

Bổn văn chép rằng: „Quảng tu cúng dường là rộng cùng tột hết cõi pháp, cõi hư không, ngang giáp mười phương, dọc suốt ba đời, trong tất cả cõi Phật nhiều như những hạt bụi vi trần, mỗi một hạt bụi, đều có chư Phật rất nhiều bằng số hạt bụi vi trần giữa tất cả thế giới, mỗi một chỗ Phật có nhiều biển hội Bồ Tát bao quanh Phật, tôi nhơn danh lấy sức hạnh nguyện đức Phổ Hiền, để đầy cái trí kiến hiện tiền tin hiểu thật sâu và dùng các món đồ vật tốt nhất để cúng dường, như là: hoa, tràng bông, âm nhạc trời, tàn lọng trời, y phục trời..., mỗi món đều tốt như mây ùn ùn dâng lên; mỗi món hương đều tốt như: hương thoa, hương xông, hương bột. Các món hương tốt như mây đây, mỗi món lượng bằng núi chúa Tu di; đốt nhiều thứ đèn, như là: „Tô đăng“ (*là đèn một chân có tám ngọn đốt cúng trên bàn Phật, khi tụng thần chú*) “Du Đăng” (*là đèn thấp bằng dầu của các thứ trái, củ, hạt, ép ra*); và đốt đèn bằng các thứ dầu thơm, mỗi ngọn đèn lớn như núi Diệu cao; mỗi ngọn đèn chứa dầu như nước biển lớn. Tôi dùng tất cả các món đồ như thế, để thường làm vật cúng dường”.

Đức Phổ Hiền kêu Thiện Tài bảo: Thiện nam tử! Trong các món cúng dường, duy có “pháp cúng dường” là tối thắng hơn hết. Nghĩa là: giữ đúng như lời Phật dạy mà tu hành là cúng dường; làm ích lợi cho chúng sanh là cúng dường; thân nạp chúng sanh là cúng dường; siêng tu căn lành; là cúng dường; chẳng rời hạnh nghiệp của Bồ Tát tức là pháp cúng dường; chẳng lìa tâm Bồ đề tức là pháp cúng dường.

Thiện nam tử! với vô lượng công đức của các món cúng dường như trước kia, đem so với công đức chỉ trong một niệm của pháp cúng dường đây, thì trăm phần công đức kia chẳng bằng một phần công đức này; ngàn phần công đức kia chẳng bằng một phần công đức này; cho đến: trăm ngàn lần ức, trăm ngàn lần triệu, trăm ngàn lần một phần trăm [*Ca-la-phần, là danh từ phân số hay phân*

*lượng. Sách Huệ huyễn âm nghĩa nói: nhỏ một sợi lông trên thân làm một giữa trăm phần. Hoặc nói: một phần giữa 16 phần. Bên Tây vực lấy 16 thăng làm một đấu, cũng như xứ ta dùng 16 lượng làm một cân. Ca-la, cũng dịch nghĩa là: phân giao lượng. Trong văn cảnh sách, Tổ Hoàng Tán giải nghĩa có câu „thập lục phần tron du bất cập nhưt“ là do nghĩa ở chữ danh số „Ca-la-phần“ mà ra. Sách Huyền ứng âm nghĩa nói: nhỏ một lông làm trăm phần, một phần là Ca-la-phần.], trăm ngàn lần một phần toán, trăm ngàn lần một phần số, trăm ngàn lần một phần dụ, trăm ngàn lần một phần ít nhưt, cũng đều chẳng bằng một phần công đức pháp cúng dường. Do có sao?*

Bởi vì các đức Như Lai đều tôn trọng pháp; bởi vì tu hành đúng như lời nói mới sản xuất ra chư Phật. Nếu các Bồ Tát cúng dường theo cách thật hành pháp, thì đắc thành tựu cúng dường Như Lai. Tu hành như thế mới thật là cúng dường.

Nên với cái nguyện tu cúng dường quảng đại tối thắng này, bao giờ cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, thì cái nguyện tu cúng dường của tôi mới hết; còn nếu cõi hư không... đến phiền não chưa hết, thì cái nguyện tu cúng dường của tôi cũng chưa hết. Vậy cái nguyện tu cúng dường, mỗi niệm nói nhau không hề gián đoạn, ba nghiệp thân, khẩu, ý, mới không có chán mỏi.

Kinh Pháp Hoa nói “Thật cúng dường, là gọi đúng pháp cúng dường Như Lai”. Nếu hay tùy dâng lên một trần nào giữa sáu trần (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp), thì tất cả pháp cũng đều đến tập trung nơi trần, cái đến tập trung như thế là pháp nào cũng chẳng khởi trần, thì mỗi trần nào mỗi trần nấy cũng đều có thể lẫn khắp với nhau, hình tướng của các trần rõ ràng, mà không ngăn ngại với nhau, đó là tu cúng dường bằng lẽ duy tâm, chính tức là pháp cúng dường”.

Lại, Kinh Pháp Hoa nói: “trước Chùa Tháp, tượng Phật bằng cốt báu hay tượng vẽ, mà người có lòng thành kính, đem hương, hoa, tràng phan, bửu cái để cúng dường... người ấy sẽ thấy được nhiều Phật, rồi được thành đạo quả vô thượng.

### **Tứ giả sám hối nghiệp chướng**

Thứ tư là nguyện “sám hối nghiệp chướng”

Bổn văn nói rằng: “Sám hối nghiệp chướng, là Bồ Tát tự nghĩ lại mình như vậy: “Từ vô thi về thời quá khứ, ta do nơi ý thức đầy động tham lam, sân hận, si mê, rồi miệng thốt, thân hiện hành,

tạo tác mười điều ác nghiệp (thân tam: sát, đạo, dâm; khẩu tứ: vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt, ác khẩu; ý tam: tham, sân, si) dần dần gây nhân ác nhiều đến vô lượng vô biên. Nếu những ác nghiệp ấy có hình tướng thì cả cõi hư không cũng chẳng thể dung chứa hết đặng! Vì ác nghiệp vô hình, vô tướng con người không để ý sợ mà vẫn cứ làm hoài.

Tôi nay đều chuyên lấy ba nghiệp thanh tịnh để khắp đến trước tất cả chư Phật và chư Bồ Tát chúng trong pháp giới nhiều bằng số cực vi trần, mà thành tâm xin sám hối hết thảy những tội ác nghiệp đã làm lỡ gây từ trước, và thề rằng từ đây về sau không dám tạo ác nữa, để hằng giờ an trụ nơi tịnh giới, lo làm tất cả công đức.

Với cái nguyện tu sám hối như thế, chừng nào cõi hư không này hết, cõi chúng sanh này hết, chúng sanh này hết ác nghiệp, chúng sanh này hết phiền não, thì chừng đó, cái nguyện sám hối của tôi mới hết; mà nếu như cõi hư không này, cho đến chúng sanh này chưa hết phiền não, thì cái nguyện tu sám hối của tôi cũng không cùng tận; mỗi niệm vẫn tu sám hối mãi không hề gián đoạn, cả thân, khẩu, ý ba nghiệp thường cần tu sám hối luôn, không hề chán nản.

**Sám** là sám kỳ tiền khiên, nghĩa là rửa sạch, trừ hết tiền khiên; **hối** là hối kỳ hậu quá, nghĩa là ăn năn, kiêng cả hậu quá. Chính rằng: cải thiện lỗi cũ, chẳng tạo lỗi mới. Có ba cách sám hối sẽ thấy rõ ở văn đại sám hối (là văn *Hồng danh bửu sám nghi thức*)

**Hối:** Riêng về hối có năm cách hối 1/ Sám hối, 2/ Khuyến thỉnh 3/ Tùy hỉ 4/ Hồi hướng 5/ Phát nguyện, mà thường gọi là ngũ hối.

**Nghiệp** có ba: Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Ba nghiệp của cái thân là: giết hại, trộm cướp, dâm dục. Bốn nghiệp của cái miệng là: nói láo, nói thêm, nói hai lưỡi, nói thô ác. Ba nghiệp của ý thức là: tham lam, sân hận, si mê; ấy gọi là thập ác. Trái lại thì bảo là thập thiện. Nay ở đây nói rằng thanh tịnh tám nghiệp là mười điều lành của pháp tánh.

**Chướng** có ba: Báo chướng, nghiệp chướng, và phiền não chướng. Kẻ tu Phật phải biết rằng: nghiệp chướng vẫn vô hình, vô tướng, và tội với phước cũng đều vô chủ. Nghĩa là chẳng như định riêng có ông nào làm chủ để để xả tội hay ban phước cho ta được đâu? Mà nguyên lai là chính tự ta làm chủ lấy để tự mình làm tội

hay làm phước đó thôi. Hễ ta làm tội thì có tội, làm phước thì có phước, mà ta có làm thì nó có, ta không làm thì nó cũng không có. Có không đều tự nơi ta, thân ta không làm ác, khẩu ta không nói ác, ý ta không tưởng ác, tức nhiên cũng không ta làm chủ tội ác nữa; thế ý niệm đã mất, tội tánh cũng diệt; tâm tội đều không vẫn hoàn không; sám hối phải xét rõ như thế, mới đúng nghĩa chơn sám hối.

### **Ngũ giả tùy hỷ công đức**

Thứ năm là tu cái nguyện “tùy hỷ công đức”

Bổn văn nói rằng: “Tùy hỷ công đức, là có bao nhiêu đức Phật Như Lai nhiều bằng số như những hạt bụi nhỏ nhứt trong tất cả cõi nước Phật, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương tột hết pháp giới, cùng hư không giới, vì “nhứt thế trí” mà nguyên chú Phật Như Lai kia, từ mới phát tâm siêng tu phước đức trí huệ, chẳng tiếc thân mạng, tu như thế đó trải qua nhiều kiếp bằng những hạt bụi cực kỳ nhỏ tí trong những cõi Phật số bất khả bất khả thuyết; với trong mỗi mỗi kiếp đó, chư Phật Như Lai đã hy sinh những đầu, mắt, tay chơn rất nhiều bằng con số bất khả thuyết; bất khả thuyết Phật sát cực vi trần, các ngài tu tất cả các khổ hạnh mà người đời khó làm được như thế, nên các ngài đã viên mãn được món pháp môn (thành phần nhiều khoa) Ba la mật, để chứng vào mỗi mỗi bậc trí huệ của Bồ Tát, nhiên hậu mới thành tựu quả Vô thượng Bồ đề của chư Phật, và sau khi vào Niết bàn, chia của xá lợi ra làm cho nhiều nơi, nhiều đời làm kỷ niệm. Vậy với chư Phật Như Lai đã có bao thành tích thiện căn, tôi nguyện đều tùy hỷ noi gương làm theo.

Và với tất cả chủng loại giữa tứ sanh, lục thú trong hết thảy thế giới mười phương kia, các chủng loại ấy đã có làm nên bao công đức. Từ ít đến nhiều, nhần đến việc lành nhỏ nhứt bằng hạt bụi, tôi cũng sẵn lòng tùy hỷ theo, là lấy làm vui mừng, tán thành, để chúng làm nên công chuyện.

Đối với hết thảy các thánh từ bậc hữu học đến bậc vô học là các đức Thanh văn và Duyên giác, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương. Các đức ấy đã có được bao nhiêu công đức, tôi điều cũng xin tùy hỷ kính mừng theo.

Đối với hạnh khổ khó làm mà tất cả các đức Bồ Tát đã làm để cầu chúng lên quả Bồ đề vô thượng chánh giác. Công đức ấy quá rộng lớn của Bồ Tát. Tôi cũng nguyện tùy hỷ tu theo.

Nguyện tu tùy hỷ như thế, mãi chừng nào cõi hư không này hết, cõi chúng sanh này hết, nghiệp chúng sanh này hết, phiền não chúng sanh này hết, chớ cái tâm nguyện tu tùy hỷ của tôi đây, không bao giờ cùng tận, mỗi niệm tiếp tục luôn, không có xen hở, cả ba nghiệp, thân, khẩu, ý vẫn thường siêng tu hoài hoài, không dám bì-quyện (mỏi mệt) hay chán nản.

Hễ là thấy ai, hoặc lay Phật, tụng kinh, làm các việc công đức bất luận lớn hay nhỏ, và thấy ai làm việc công quả... ít như là gánh nước, quét nhà, tôi cũng đều kính phục tùy hỷ, thì ai như tôi sẽ được công đức vô lượng.

### **Lục giả thỉnh chuyển pháp luân**

Thứ sáu là tu cái nguyện “mời Phật nói pháp”

Bổn văn chép rằng: mời Phật nói pháp, là có những tốt cõi pháp cõi hư không mười phương ba đời tất cả cõi Phật, trong những hạt bụi hết sức nhỏ, mỗi mỗi đều có những cõi Phật rộng lớn nhiều như số những hạt bụi rất nhỏ trong các cõi Phật bằng số bất khả thuyết bất khả thuyết; đó là lẽ rằng cái lớn, phần nhiều nó không rời nhau với cái nhỏ, phần ít, mà cái nhỏ, phần ít nó cũng không lìa nhau với cái lớn, và phần nhiều, kêu bằng nhưt đa vô ngại, đại tiêu tương dung. Trong mỗi một cõi Phật, niệm nào niệm này đều có những con số chẳng khá nói chẳng khá nói cõi Phật nhiều như những hạt bụi rất bé tí, trong những cõi ấy đều có tất cả chư Phật đã thành bực đẳng chánh giác, có tất cả biển hội Bồ Tát đương quây quàng chung quanh Phật, mà tôi thì tôi dùng ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, mỗi pháp phương tiện, để nong-nã (hăm hở cố sức) khuyến thỉnh chư Phật chuyển diệu pháp luân.

Nguyện tu khuyến thỉnh như thế, mãi đến chừng nào cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, nếu những ấy chưa hết, thì tôi cũng chưa hết cái nguyện thường khuyến thỉnh tất cả chư Phật chuyển chánh pháp luân. Mỗi niệm tiếp nhau chẳng có gián đoạn, cả thân khẩu ý ba nghiệp thường khuyến thỉnh, không có mỗi chán.

Chữ Chuyển là tiếng nói pháp từ miệng Phật chuyển đem lọt vào lỗ tai của chúng sanh: liền khiến cho y theo giáo mà dấy ra hành, để cách mạng phạm tình tập thành thánh trí, tỷ như bánh xe nó triển chuyển. Bởi vì hễ pháp luân thường chuyển thì, chúng sanh thường được ly khổ, chỉ với kẻ thiếu phước ít duyên, nên với Phật pháp nó khó nghe qua hiểu liền, vì vậy mà tôi phải cần kíp khuyến thỉnh.



## **Thất giả thỉnh Phật trụ thế**

Thứ bảy là nguyện “xin Phật ở nán lại cõi thế gian này”.

Bổn văn nói rằng: thỉnh Phật trụ thế, là có chư Phật nhiều bằng số những hạt bụi cực vi trong tất cả cõi Phật ba đời mười phương tột hết các cõi pháp giới hư không, sắp muốn hiện ra cái tướng nhập diệt, và các thánh: Bồ Tát, Thanh văn, Duyên giác, bực hữu học, bực vô học, nhứt đến tất cả các đấng Thiện tri thức, vị nào muốn sẽ nhập diệt, tôi đều khuyên thỉnh chớ vội vào Niết bàn, xin ở nán lại trải qua kiếp số cực vi trần trong như thế Phật sát, để được lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Như thế, cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, chớ cái nguyện cầu Phật và các Thánh ở đời của tôi không có cùng tột mỗi niệm tiếp tục luôn, chẳng có gián đoạn, thân khẩu ý ba nghiệp cũng không mỗi chán.

Phật pháp xuất hưng ở đời, tỷ như ánh mặt nhựt chiếu xuống thế gian; những thời không Phật ra đời, tỷ như đêm dài quá tăm tối; từ kiếp tối tăm này vào đến kiếp tăm tối nọ, tiếp tục tạo ác mãi, đi sâu vào tam đồ! Đồi với thời có chư Phật ra đời, cách bực xa xuôi thật là khó gặp! Tỷ như hoa ưu đàm, hằng ba ngàn năm mới một phen trở hiện; chính như toàn quốc Xá-vệ có chín ức nóc nhà: mà có ba ức nhà được thấy Phật, ba ức nhà chỉ vừa mới nghe được danh, còn ba ức nhà kia đều chưa được nghe đến cái tên Phật là gì! Vậy chúng ta cần kíp khuyên thỉnh các đức thánh hiền nán ở lại đời, cho chúng được nghe thấy.

## **Bát giả thường tùy Phật học**

Thứ tám là nguyện “thường theo Phật để học”

Bổn văn chép rằng: thường theo Phật học là chính như tại thế giới Ta-bà đây, nguyên đức Phật Tỳ Lô Cha Na Như Lai từ ban sơ mới phát tâm xuất gia tu học cho đến thời chứng quả, trong khoảng giữa cực kỳ dài dằng, vì trải qua nhiều đời kiếp, vẫn một tâm tinh tiến chẳng lui, đã đem những thân mạng nhiều bằng số bất khả thuyết bất khả thuyết để làm hạnh bố thí đặng mà cầu học, như là: xả thân làm tọa ngồi, khoét thân làm đèn, trải tóc Phật bước lên tòa, cho đến lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, để biên kinh sách chắt như núi cao, chính vì trọng pháp bảo để cầu học, mà chẳng tiếc thân mạng. Đó, rất đồi thân mạng là món chi trọng hơn hết mà còn chẳng tiếc, huống chi những món bên ngoài là: ngôi vua, kinh thành, tỉnh ấp, làng mạc, cung điện, thượng uyển, sơn lâm và như thế vật sở hữu gì gì nữa. Ngoài ra

còn tu hành mỗi mỗi hạnh khô mà không ai làm được, nhẩn đến lúc ngồi bên gốc cây Da lông đồ (*Pippala: Tát-bát-đa thụ, bồ đề thụ*) thành quả đại bồ đề; bây giờ Phật thị hiện ra mỗi mỗi phép thân thông, phát khởi lên mỗi mỗi cách biến hóa, hiện bày ra mỗi mỗi ứng thân, tổ thành ra mỗi mỗi chúng hội. Như là: hoặc ngài chủ tọa nơi đạo tràng chúng hội của tất cả chư đại Bồ Tát; khi thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của các thánh Thanh văn và Bích Chi Phật; lúc thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của đức Chuyển luân Thánh Vương và các vua nước nhỏ cả đến quyền thuộc của hoàng thân quốc thích; hồi thì chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của các dòng Sát-lợi, dòng Bà la môn, cả trưởng giả cư sĩ; nhẩn đến có thưở chủ tọa ở đạo tràng chúng hội của Trời, rồng cả tám bộ thần Hộ pháp và các vị Nhơn phi nhơn là quý thần.

Phật chủ tịch ở mỗi mỗi chúng hội như thế, là để dùng pháp âm viên mãn như đại lôi chấn, tùy theo mỗi căn cơ cũng như trình độ ham thích, mà huấn luyện cho chúng được thành thực, nhẩn đến khi ngài thị hiện vào Niết bàn; như thế với những việc Phật đã làm kể trên, tôi nguyện đều theo tu học, như đức Lô Cha Na Thế Tôn vừa nhập diệt rồi ở kiếp thứ chín này vậy.

Như thế, tốt cả cõi pháp, cõi hư không mười phương ba đời tất cả cõi Phật, trong đó có những số vi trần bao nhiêu là những số Như Lai cũng bấy nhiêu, tôi nguyện đều theo học các đức Như Lai ấy, với niệm nào niệm nấy vẫn theo hầu luôn.

Theo hầu học như thế, chùng nào dẫu cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não chúng sanh hết, chứ cái nguyện theo Phật để hầu học của tôi không có tốt hết, mỗi niệm tiếp tục chẳng hề gián đoạn, cả thân khẩu ý ba nghiệp siêng học không dám mỗi chán.

Như đã trải qua nhiều kiếp đến nay, đức A nan đã vẫn làm kẻ thị giả hầu Phật, chẳng chỉ một đức Khánh hỷ, mà đến cả các vị đệ tử lớn kia của Phật cũng đều thế ấy. Như thế dẫu chẳng phải là vì chúng sanh như mình, mà phải phát nguyện tiếp tục trải qua nhiều kiếp để theo hầu học với chư Phật, mà vì lẽ phải cốt yếu lo tự giác giác tha, và tự lợi lợi tha vậy.

### **Cửu giả hằng thuận chúng sanh**

Thứ chín là nguyện “thường chấp thuận việc cầu của chúng sanh

Bổn văn nói rằng: Hằng thuận chúng sanh là tốt hết pháp giới hư không giới, mười phương cả sát hải (thủy và lục) có những

chúng sanh mỗi mỗi sai khác, như là: loài noãn sanh, loài thai sanh, loài thấp sanh, loài hóa sanh; có loài nương nơi đất, nước, lửa, gió để ở và sống; có loài nương hư không, các lùm cây để ở và sống; mỗi mỗi sanh loại, mỗi mỗi sắc thân, mỗi mỗi hình trạng mỗi mỗi tướng mạo, mỗi mỗi hạn lượng tuổi sống, mỗi mỗi dòng dõi giống loài, mỗi mỗi tên hiệu, mỗi mỗi tâm tánh, mỗi mỗi biết thấy, mỗi mỗi ưa muốn, mỗi mỗi ý nghĩ ra làm mỗi mỗi cách đi đứng nằm ngồi, mỗi mỗi kiểu bận áo quần, mỗi mỗi thức ăn uống, ở nơi mỗi mỗi: thôn dã, doanh thự, làng mạc, thị thành, tỉnh ấp, phủ huyện, nhưt là cung điện, nhần đến tất cả vua Trời, vua Rồng, tám bộ thần Hộ pháp, nhơn phi nhơn là các vị quý thần này tuy hình tướng giống người mà trên đầu có sừng. Các loài: không cẳng, hai giò, bốn chon, nhiều chon, có sắc thân như loài người và các trời ở dục giới và trung giới; không có sắc thân như các trời ở cõi không xứ, vì chỉ lấy bốn uẩn làm thân; loài hữu tướng là các trời có tư tướng ở ba giới; loài vô tướng là các trời ở cõi phi tướng phi phi tướng; và các trời ở cõi vô tướng thiên tại sắc giới, vì sanh ở cõi này trong khoảng thời gian 500 kiếp lớn trụ vào cái định vô tâm, bởi dùng định lực đè nhẹp cái ý thức. Loài phi hữu tướng phi vô tướng (theo danh từ của cựu dịch, còn tân dịch gọi là phi tướng phi phi tướng thiên; các trời này không có phiền não thô tướng như mây trời ở các cõi dưới nên gọi là phi hữu tướng; và gọi là phi tướng; mà phi không những phiền não tế tướng, nên gọi là Phi vô tướng, hay là Phi phi tướng. Bởi cái lẽ “Phi hữu tướng” nên chúng ngoại đạo lấy chỗ này làm cảnh chon Niết bàn; bởi vì lẽ “Phi vô tướng” nên Phật biết chỗ trời này còn là cái cảnh sanh tử).

Đối với các loại chúng sanh nào tâm lý, nào hình thức mỗi mỗi sai khác nhau như trên, tôi đều tùy thuận theo sát cánh để mà dần dần dạy trở, mỗi cách vâng thờ, mỗi cách cúng dâng, kính như cha mẹ, như vâng Sư trưởng, và A la hán, nhần đến cũng không khác với cách mà tôi kính thờ các đức Như Lai. Nghĩa là: Tôi vì các chúng bệnh khổ, mà làm bác sĩ... tôi vì các chúng lầm đường, mà làm chánh lộ đạo sư... tôi vì các chúng vô minh trường dạ, mà làm đuốc huệ đèn từ...tôi vì các chúng bần cùng cơ cần, mà khiến đặng kho báu của chôn... hành Bồ Tát đạo là hy sinh tấm lòng bình đẳng như thế để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Do có sao? Nếu Bồ-Tát mà có thể tùy thuận với chúng-sinh, thì tức là tùy thuận cúng dường chư Phật; đối với chúng sanh, nếu Bồ Tát đều tôn trọng vâng thờ thì, tức là tôn trọng vâng thờ các đức Như Lai. Nếu

làm cho chúng sanh nảy lòng hoan hỷ, thì khiến cho tất cả Như Lai cũng đều hoan hỷ, vì sao? Các đức Như Lai đều dùng tâm đại bi làm thể bởi vì: như nơi chúng sanh bị khổ, mà Như Lai đầy lòng đại bi; như nơi lòng đại bi mà phát Bồ đề tâm; như nơi tâm Bồ đề mà thành bậc chánh giác.

Ví như đồng ruộng mênh mông, giữa vùng sa mạc có một cây lớn nhất, nếu dưới rễ nó hấp dẫn được nước, thì nhánh lá bông trái đều rậm tốt. Giữa đồng rộng sanh tử, có cây chúa Bồ đề cũng lại như thế: tất cả chúng sanh là rễ cây, chư Phật, Bồ Tát là hoa trái, lấy nước đại bi làm lợi ích nhuần thấm cho chúng sanh, thì hay nên hoa quả bằng trí huệ cho chư Phật, Bồ Tát vì sao?

-Nếu chư Phật, Bồ Tát lấy nước đại bi để nhuần ích cho chúng sanh, thì các Ngài mới thành tựu được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thế nên cây rễ Bồ đề là thuộc về chúng sanh, vì nếu không chúng sanh thì tất cả Bồ Tát rốt không thể thành quả vô thượng chánh giác được.

Nói đến đó, đức Phổ Hiền ngài kêu Thiện Tài để dạy tiếp rằng: Thiên nam tử! đối với nghĩa trên, trò nên hiểu như thế này: bởi vì tâm bình đẳng với chúng sanh, thì Bồ Tát mới có thể thành tựu được tâm đại bi viên mãn; bởi vì tâm đại bi tùy thuận với chúng sanh, thì Bồ Tát mới thành tựu được nghĩa cúng dường Như Lai, nghĩa Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như thế, dù đến chừng cõi hư không hết, cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, chớ với cái nguyện tùy thuận của tôi học theo bạn hiền tôi đây không khi nào cùng tột, mỗi niệm tiếp tục, không hề gián đoạn, cả thân khẩu ý, ba nghiệp đều tùy thuận, không dám mỗi chân.

Hằng: thường, luôn luôn. Chúng sanh là mọi loài ở chín cõi. Cửu giới: chừa Phật giới, còn chín giới là: Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, các loài Trời, như loại, các thần A tu la, súc sanh giới, ngạ quỷ giới, địa ngục giới; đối với Phật giới để nói thì chín cõi kia đều là cảnh giới mê hoặc .

### **Thập giả phổ giai hồi hướng**

Thứ mười là nguyện “khắp đều hồi hướng”.

Bổn văn trong phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện của bộ Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh nói rằng: Phổ giai hồi hướng là kể từ ban đầu tu nguyện lễ bái chư Phật... đến nguyện tùy thuận chúng sanh có được bao nhiêu công đức thấy đều xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong cùng tận pháp giới hư không

giới, để nguyện cho tất cả chúng sanh thường được an vui, không bệnh khổ; như chúng muốn sắp làm điều ác thì khiến cho việc ấy đều bất thành; còn với chỗ nghiệp lành, đều khiến cho việc làm mau chóng nên. Ngăn đóng tất cả đường ngõ vào các ác thú như địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh; mở bày ra những lộ chơn chánh như tám chánh đạo để đưa loài người, loài trời, về cảnh Niết bàn. Nếu các chúng sanh còn nhờn vì chứa chất bao ác nghiệp, mà phải chịu lấy hết thấy quả khổ nặng nề, thì tôi đây nguyện sẵn sàng thay chịu để cho chúng sanh kia đều được giải thoát và đều thành quả vô thượng bồ đề.

Chỗ tu hồi hướng của Bồ Tát như thế, dầu cõi hư không có hết, cõi chúng sanh có hết, nghiệp chúng sanh có hết, và phiền não của chúng sanh có khi hết, chớ cái nguyện tu hồi hướng của tôi đây không khi nào hết được, mỗi niệm tiếp luôn nhau không có gián đoạn, cả đến ba nghiệp là thân khẩu ý vẫn tu hồi hướng luôn không dám biết mỏi chán.

Tóm lại, nếu hay phát hành mười thứ nguyện lớn trên đây, thì mới có thể thành thực cho chúng sanh, mới có thể sung mãn được biểu nguyện của đức Phổ Hiền, và mới có thể chúng được đạo Phật một cách viên mãn. Lại hay trừ được những tội nghiệp nơi ngục ngũ vô gián, và hai thứ bệnh ở thân và tâm; cả Ma chú Trời ở trên đánh Dục giới, các chúng quỷ ác độc cũng đều chẳng dám xâm phạm đến gân kẻ tu mười nguyện trên. Cho đến kẻ thù, người thân cũng đều được ích lợi, liền đặng vãng sanh về Cực Lạc thế giới, thấy Phật A Di Đà thụ ký cho.

Thế nên, với mười nguyện lớn trên đây, người tu Phật cần phải hoặc thường thụ trì, hoặc thường chép ra, vì người mà nói rộng nghĩa lý, thì ắt phước nhóm lại nhiều đến vô lượng vô biên.

## BÀI TÁN LỄ

Tán lễ Thích Tôn (kính lạy Thích Ca:)

Vô thượng năng nhân (Tột bậc Bu Đa;)

Tặng kỳ cứu viện tu nhơn (Nhơn tu nhiều kiếp lâu xa)

Đầu suất giáng thân (... Xuống giữa Ta-bà:)

Trường từ bửu vị kim luân (...Hy sinh ngôi báu nước nhà:)

Bồ đề tọa (...ngồi gốc Da...)

Đại phá ma quân (chiến thắng quân Ma!)

Nhứt đồ minh tinh đạo thành (đắc đạo sao Mai sáng lòa,)

Giáng pháp lâm (mưa pháp sa,)

Tam thừa chúng Tăng qui tâm (theo về xe pháp cả ba;)

Vô sanh dĩ chúng (đã chúng Phật đà.)

Hiện tiền chúng đặng qui tâm (Hiện giờ chúng đôi trước tòa;)

Vô sanh tức chúng (mau chúng Phật Đà.)



## **KHỔ VÌ CHÚNG SANH PHÁT NGUYỄN KHẬP VÌ CHÚNG SANH MÀ DẤY NGUYỄN RẰNG:**

*Tứ sanh cứu hữu đồng đặng Hoa tạng huyền môn, bát nạn tam đồ cộng nhập Tỳ-lô tánh hải:*

Bốn loài chín cõi đồng lên cửa huyền Hoa tạng; tám nạn ba đồ chung vào biển tánh Tỳ-lô.

**Tứ sanh:** bốn loài, là nói chung hết thầy cái chánh báo thân của chúng sanh cả ba giới. **Cửu hữu:** chín cõi, là nói chung hết thầy cái y báo độ của mỗi loại ở cả tam giới. **Bát nạn:** nói riêng những chỗ bị chướng nặng nề giữa tam giới, vì chúng sanh ở đó chẳng nghe được Phật pháp. **Tam đồ:** nói riêng về chỗ bị nghiệp quá trọng và khổ giữa tam giới. Đầy cả chúng hữu tình đều là hữu lậu mê hoặc mà phải luân chuyển mãi đến vô cùng!

**Hoa tạng huyền môn:** là nêu chung lên tất cả cõi Phật mười phương. **Tỳ lô tánh hải:** là gồm chung hết thầy cái chơn như tánh giới vô cùng tận. Đây là cái pháp giới thanh tịnh Phật tánh vô biên tế.

**Hoa tạng:** Kinh Hoa Nghiêm ghi lời Phật giảng về thế giới Liên hoa tạng mà ở đây xin sao lục lại đoạn đại khái rằng: “ó cái biển lớn nước thơm tên là “Phổ quang ma ni vương trang nghiêm hương thủy hải”, giữa biển này mọc lên một cái hoa sen lớn tên là “Chủng quang minh Nhụy hương tràng”, trong cái hoa Nhụy hương tràng đây có một tổng hải tên là “Hoa tạng trang nghiêm thế giới hải”, giữa biển đây có những hoa bằng số mười lần “Bát khả thuyết Phật sát vi trần”, trong mỗi một hoa có một Hương thủy hải, trong mỗi một biển ấy lại có một hoa sen lớn, trên mỗi một hoa sen có hai mươi lớp thể giới theo thứ lớp chất chồng nhau, dưới đáy hẹp, lên trên nở lần rộng ra.

Như cái hoa ở rất trung tâm tên là “Nhứt thể hương ma ni vương Trang nghiêm liên hoa” trên hoa này có hai mươi lớp thể giới, một lớp thể giới dưới nhứt tên là “Tối thắng quang biến chiếu” đức Giáo chủ ở thế giới này hiệu là “Ly Cầu Đấng Phật”

chung quanh ngoài lại có nhiều thế giới bằng số nhưt Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đến lớp thế giới thứ 13 tên là “Ta-bà”, đức Giáo Chủ ở thế giới này tức là “Thích Ca Mâu Ni Phật”, chung quanh ngoài có nhiều thế giới bằng số mười ba lần Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đến lớp thế giới thứ 20 tên là “Diệu bửu diệm” đức giáo chủ ở thế giới này hiệu là “Phước Đức Tướng Quang Minh Phật”, chung quanh có nhiều thế giới bằng hai mươi lần Phật sát vi trần để bao bọc giáp vòng.

Đối với “hai mươi thế giới chồng trên hoa” như đã kể trên, vòng vây bên ngoài còn có mười chồng mỗi chồng cũng đủ hai mươi lớp thế giới để bao bọc khắp bủa ở trên tổng liên hoa là “Chủng quang minh Nhụy hương tràng”. *(với Hoa tạng thế giới kể trên, có tóm tắt nêu ra từ đơn vị đến phức tạp bằng năm cái biểu đồ và chú thích như sau kia trong phần phụ lục).*

Đây, dù là một toàn cảnh đều do thiên bách ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật chia thân mà giáo hóa, mà cũng chính là do duy tâm của mỗi người tạo thành cảnh giới ấy do biệt nghiệp hoặc cộng nghiệp.

Bởi thế, nên mỗi khi tâm của chúng ta dung hòa, thì cả pháp giới thay đều dung hòa một cách soi suốt không chỉ làm chướng ngại, thân tâm và quốc độ vẫn một chẳng hai (Kinh Lăng Nghiêm nói: Nếu người biết được tâm rồi, quày xem đại địa không còn tác đất. Vì cảnh tức tâm, nên nói chẳng hai). Cảnh giới đó, chẳng khá nghĩ bàn được, là nghĩa của chữ “Huyền”. Vì nhưt tâm đây nó hàm đủ chư pháp (vũ trụ vạn hữu, hay tứ thánh lục phàm) mà với pháp nào, pháp nào nếu ta không mê, thì pháp nào cũng là cái môn để vào giác đạo, nên nói là **huyền môn**.

Lại nữa, mỗi pháp, pháp nào cũng vẫn đủ mười môn, nên Hoa Nghiêm tông diễn tả ra mười lớp huyền môn, với nghĩa lý rất viên diệu khó nghĩ thấu!

Như Kinh nói: “Cả mười phương hư không sanh trong tâm người, tỷ như vết mây bọt giữa trời cao”. Chính rằng: Tâm dung diệu lý hư không tiểu: tâm hòa lẫn với lẽ mầu rồi, thì cõi hư không là vật cực nhỏ. Cũng như nói: tâm bao thái hư, lượng châu sa giới... thì, cùng tốt hư không pháp giới, chỗ nào là chẳng phải thanh tịnh pháp thân của chư Phật ư?

Thế nên khắp nguyện cho cả pháp giới: nào là tứ sanh nào là cửu hữu đồng giác ngộ lý của pháp thân, đồng chứng nhập thể của pháp thân, nên nói: Tứ sanh cửu hữu đồng đặng hoa tạng huyền môn.

**Tỳ lô tánh hải:** tiếng Phạm: Vairocana, tiếng ta đọc là: Tỳ lô cha na. Nhon vì kinh cũ của đời Tấn dịch là: Lô xá na; kinh mới của đời Đường dịch là: Tỳ lô cha na. Dịch chữ là Biến như thể xứ, nghĩa: khắp tất cả chỗ, tức là cứu cánh thanh tịnh pháp thân. Lại, cảnh diệu hiển ra rất cứu cánh, tên là Tỳ lô cha na; Trí diệu đầy đủ rất cứu cánh, tên là Lô xá na; hạnh diệu đầy đủ rất cứu cánh, tên là Thích Ca Mưu Ni. Lại: Lô xá na, dịch: Quang minh chiếu; Tỳ lô cha na dịch: Quang minh biến chiếu, vì chữ Tỳ dịch là Biến.

Do vì: cái tánh pháp thân là lìa quá dứt phi, ly hẳn các danh tướng, vắng lặng chẳng động, dọc tốt ba đời, ngang khắp mười phương, chẳng thể nghĩ bàn được, với Lý và Thể như thế, không biết gọi thể nào cho đúng, nên tạm nói là “Tánh” đầy thôi. Vậy, trên kia nói: Ma ni Trang nghiêm vương Hương thủy hải, số biển này nhiều đến vô lượng, và các hương hải nhiều như số vi trần, đều là do nơi tự tánh duy tâm của ta với người chung nhau tổ thành ra, nên nói là **tánh hải**.

Song, với tánh, tâm ấy, nếu người đều mê luôn cả hai, thì làm chúng sanh bị cách ngại với thế giới, không biết tất cả thế giới tướng vốn thường trụ và tánh nó viên dung. Chúng sanh trọn ngày ôm lấy cái tánh tâm ấy, mà luống uổng chịu luân chuyển! Tuy chịu luân chuyển mà cái tánh ấy chưa có biến đổi một tí hào nào. Nên trọn ngày những điều thấy, nghe, hiểu, biết đều toàn do nơi tự tánh nó rọi, nháng ra mà có những sanh diệt như chớp chớp, tắt tắt vậy thôi. Nếu người khứng chịu với mỗi niệm đương sanh diệt đó mà buông hẳn đi, thì toàn thể của sanh diệt ấy tức là chơn như, thể với vô biên hư không, Hoa tạng trang nghiêm, mỗi mây bụi, mỗi cỗi Phật, đều là cái chơn như diệu tánh của mỗi phần tử nó viên dung lẫn nhau với cả toàn thể pháp giới tánh.

Tâm ta đã là pháp giới tánh, mà pháp giới chúng sanh cũng đều ở giữa tâm ta, mà ta cũng ở giữa tâm của chúng sanh. Bởi vì chúng sanh tâm cũng đều là pháp giới tánh cả.

Thế thì tâm, Phật, chúng sanh cả ba ấy đều lẫn nhau làm viên dung pháp giới tánh.



Vả lại, tâm ta đã hay qui nơi Phật tánh, thì phổ nguyện luôn cho bát nạn, tam đồ đương thể của chúng cũng quy nơi Phật tánh, nên nói: “Bát nạn tam đồ cộng nhập Tỳ lô tánh hải”.

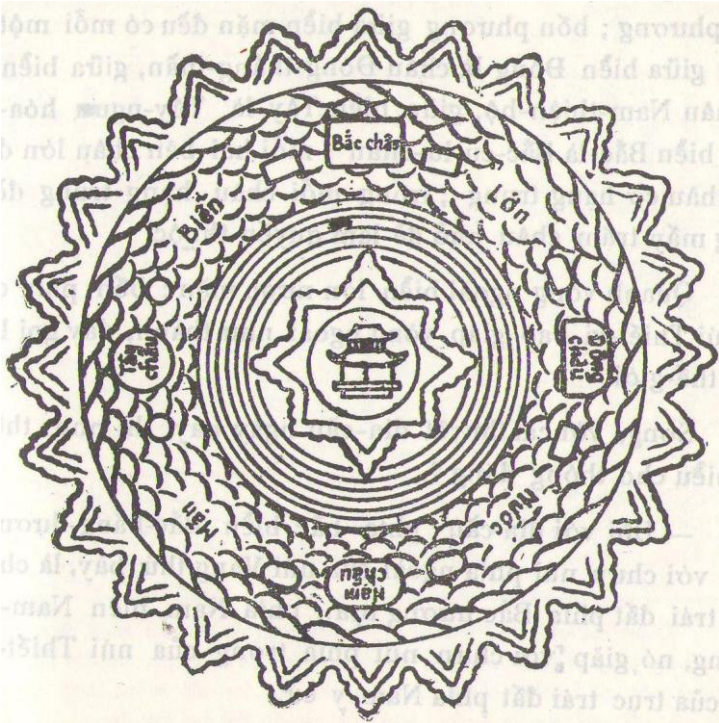
## **PHỤ LỤC ĐỒ CHÚ THÍCH VÀ BIỂU**

Trên kia lời chưa thêm rằng “đối với Hoa tạng thế giới, có tóm tắt nêu ra từ đơn vị đến phức tạp bằng năm cái biểu đồ và các lời chú thích như sau”.

Dưới và sau đây lần lượt đăng tải thêm năm bản đồ ấy và hai cái biểu bát nạn và cửu hữu, cho đến những lời chú thích giải rõ từ một đơn vị của tứ châu thiên hạ, từ một tiểu thế giới cho đến tam thiên thế giới của Ta Bà thế giới, là hóa cảnh đức Thích Ca Mâu Ni Phật phân thân giáo hóa chúng sanh, để cho các độc giả sẽ xem hiểu về: địa dư, thế giới, Nhơn loại, thiên loại, tất cả các học khoa của Phật học bằng tóm tắt một cách với những vị trí danh từ, còn ai có trí lực khá thì nên xem Kinh Hoa Nghiêm sẽ được hiểu tường tất hơn.

Vậy xin xem năm biểu đồ sau đây:

## **Triệu thời Khóa Lễ PHỤ ĐỒ NHỨT Bốn châu lớn núi Tu Di và các núi**



Một cung điện của trời Đao lợi (33 xứ trời) vị trí tại đỉnh núi Tu Di.

Bản đồ thứ nhất đây là tượng trưng một tiểu thế giới, nội dung có một núi Tu di, và bốn châu thiên hạ (đồ đây tức là đoạn giữa của đồ thứ hai)

Trung tâm là núi Tu Di: hình như cây trụ đứng sừng sững một mình, trên dưới đều lớn, khoảng giữa thân núi rút nhỏ lại hình như tảng đá thắt eo lưng cổ bồng; trên đỉnh núi là cung điện của Thiên đế thích.

Ngoài núi Tu Di: lại còn có bảy vòng núi vàng, bảy vòng biển hương thủy đều thứ lớp xen nhau để bao vây chạy giáp vòng ngoài Tu Di hình như bảy lớp hào và thành xen lớp bọc chung quanh.

Ngoài núi thứ bảy tức là biển lớn nước mặn nhảy liền bốn phương; bốn phương giữa biển mặn đều có mỗi một châu lớn: giữa biển đông là châu Đông Thắng thần, giữa biển Nam là châu Nam thiên bộ, giữa biển Tây là Tây nư hóa châu, giữa biển Bắc là Bắc cu lô châu; mỗi hai bên châu lớn đều có hàng mấy trăm châu nhỏ để làm quyền thuộc.

Quanh vòng ngoài biển lớn nước mặn: bốn phía chu vi có núi Thiết vi bao giáp vòng ngoài như thành, đây gọi là một tiểu thế giới.

Song, với cái thuyết địa cầu ngày nay, thì như thế nào để hiểu cho thông đặng?

- Đối với địa cầu: phía bắc biển Bắc băng dương, nó giáp với chun núi phía ngoài của núi Vàng thứ bảy, là chỗ của trục trái đất phía Bắc ngưng tụ: phía Nam biển Nam băng dương, nó giáp với chun núi phía trong của núi Thiết vi, là chỗ của trục trái đất phái Nam y cứ.

Như thế thì bốn châu lớn đều thành một địa cầu, sắp hàng chạy vòng tròn bốn phương, đều lấy chun của hai núi bên trong bên ngoài để làm chỗ sở y cho trục trái đất ở giữa, thế thì, một tiểu thế giới nó có bốn châu lớn, đây là chỉ dùng để hội thông vậy thôi.

Song, Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Tạng thế giới là chính Phật trí thấy tận nơi mà nói ra; còn với địa cầu là người đời nay trắc lượng mà biết chứ phi thân kiến mà biết. Phật trí như ngàn mặt nhật đều chiếu; người đời nay biết là tỷ như ở bên đây bức tường để xét lường cái bóng mà biết bên kia bức tường, với giờ phút dù chẳng sai chạy, nhưng đâu bằng thấy biết chính đích thân cận ư? vậy các nhà trí thức xét rõ lại coi.

## HÌNH TƯỢNG CỦA BỐN CHÂU CÁC BIỂN VÀ CÁC NÚI

**Núi** Thân núi toàn bằng bốn thứ đá: Kim, ngân, lưu-ly, pha-lê; cây rừng rậm tốt, ho-  
thom nghe xa; có nhiều Thánh hiền, Trời, Thần, Dạ-xoa đồng ở đó, với cung-điện lầu  
bầu. Dưới núi: Từ mắt nước lên đến trên đỉnh cao là tám vạn bốn nghìn dặm, trên  
dưới đều to, giữa núi lưng nhỏ. Lại, từ chơn núi vào nước cũng bảy nghìn dặm.——

**Tu-di** Núi Song-Tri  
Núi Tr-Truc } bốn vạn hai nghìn  
Núi Đầm-Mộc } hai vạn một nghìn  
Núi Thiên-Kiến } một vạn hai nghìn  
Núi Mã-Nhĩ } sáu nghìn  
Núi Chư-ông-Ngai } ba nghìn  
Núi Tr-Địa } một nghìn hai trăm  
sáu trăm

**7 núi Vàng** Bấy cái biển ấy: hoặc rộng hay hẹp cũng theo thứ-lớp như số của bảy núi Vàng kia, trong  
các biển ấy, đều có nhiều thứ hoa sen, như: hoa sen Ưn-bát-la là màu xanh, hoa sen Bát-  
đầu-ma là màu đỏ, hoa sen Câu-mâu-đà là màu trắng, hoa sen Bôn-đồ-ly-ca là: chỗ thì  
nói hoa sen vàng, chỗ thì nói hoa sen hồng v.v... cả các thứ sen đều mọc trong các biển ấy.  
Phía Bắc từ bên ngoài chơn núi của núi Vàng lớp thứ bảy, phía Nam đến chơn núi Thiết-Vi,  
chính giữa hai núi ấy là biển nước mặn, biển này rộng là ba mươi sáu lần muôn hai ngàn  
dặm, như thế đây-dãy bốn phương; còn ba phương kia, chỗ cách nhau giữa hai chơn  
núi, bề rộng cũng như thế.

**Biển mặn lớn** Giữa biển Đông } có Đông-thắng-thần } hình trái } Nửa mặt trăng } 9 ngàn  
nước mặn Nam } có Nam-thiệm-bộ } đất như } Vương chủDiên } bề dọc } 7 ngàn  
Tây } châu } Tây-ngưu-hóa } (Tảmbảngvương) } rộng } 8 ngàn  
Bắc } Bắc-cu-lô } } } 1 vạn

**4 châu lớn** Núi Thước-ca-la, hoặc dịch: Luân-vi, Thiết-vi, thân núi toàn bằng sắt. Bề cao, bề rộng  
đều ba trăm dặm, chu-vi là ba mươi sáu lần tức một vạn ba trăm năm mươi dặm. Núi này  
đứng dựng liền lạc bao vây giáp vòng ngoài biển lớn nước mặn.——

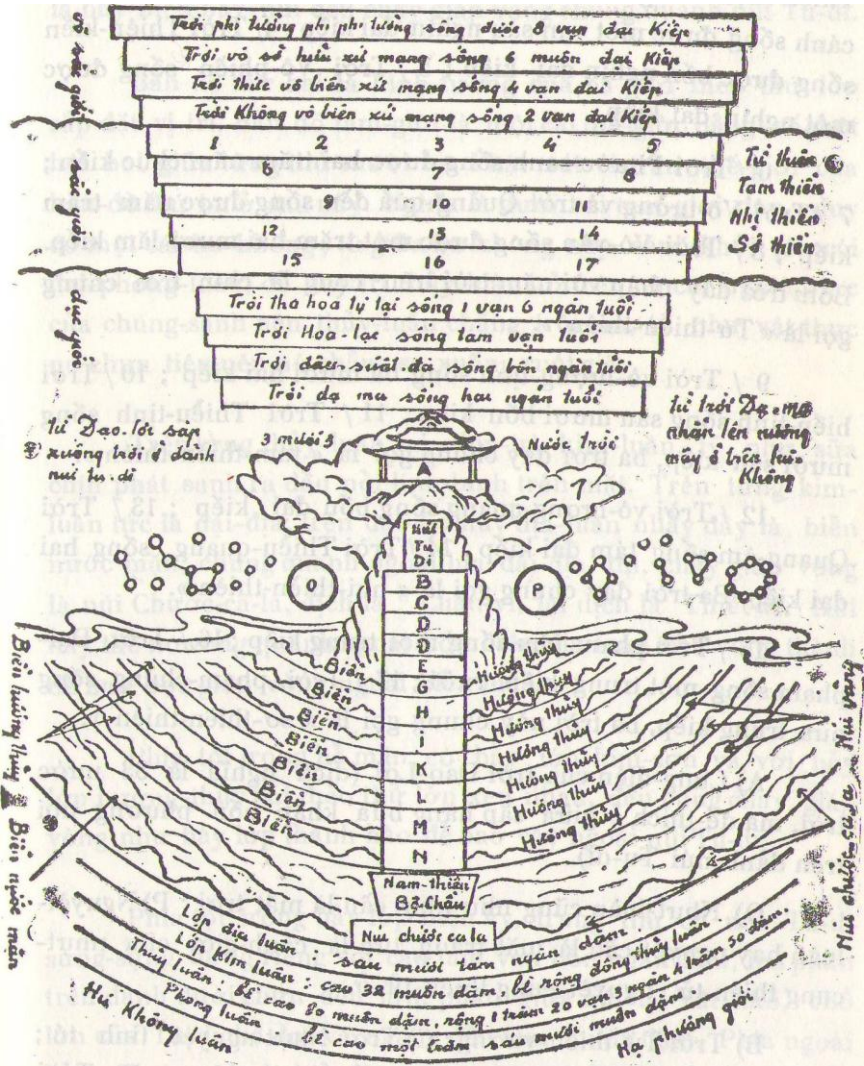
Chân của chín lớp núi ăn sâu xuống biển đều là tám muôn  
dặm; bề sâu của biển cũng vậy, song đều trụ trên lớp Kim luân. Từ  
trên mặt biển lên đến sáu cõi trời Dục giới và một cõi Sơ thiên

thiên của trung giới, từ đây sắp xuống, trên dưới nhập lại là một tiểu thế giới, tức là khoảng giữa của bản đồ thứ hai sau đây:

**Thời công phu sáng**

# PHỤ ĐỒ NHỊ

## Thứ lớp vị trí của ba giới



## PHỤ CHÚ THÍCH

1/ Trời Vô nhiệt sống được hai nghìn đại kiếp; 2/ Trời Thiện hiện sống được tám nghìn đại kiếp; 3/ Trời Sắc cứu cánh sống được một vạn sáu nghìn đại kiếp; 4/ Trời Thiện kiến sống

được bốn nghìn đại kiếp; 5/ Trời Vô phiến sống được một nghìn đại kiếp.

6/ Trời Phước sanh sống được hai trăm năm chục kiếp; 7/ Trời Vô tướng và trời Quảng quả đều sống được năm trăm kiếp; 8/ Trời Vô vân sống được một trăm hai mươi lăm kiếp. Bốn trời đây nhập với năm trời trên cộng là chín trời chung gọi là “Tứ thiên thiên”.

9/Trời Vô lượng tịnh sống ba mươi hai kiếp; 10/ Trời Biến tịnh sống sáu mươi bốn kiếp; 11/ Trời Thiểu tịnh sống mười sáu kiếp, ba trời đây chung gọi là “tam thiên thiên”

12/Trời Vô lượng quang sống bốn đại kiếp; 13/ Trời Quang âm sống tám đại kiếp; 14/ Trời Thiểu quang sống hai đại kiếp. Ba trời đây chung gọi là “Nhị thiên thiên”.

15/Trời Phạm Phụ sống một trung kiếp; 16/ Trời Đại phạm sống một trung kiếp rưỡi; 17/ Trời Phạm chúng sống nửa trung kiếp, ba trời này chung gọi là “sơ thiên thiên”.

*A/ Cung điện của trời Đạo Lợi (dịch nghĩa là 33 nước trời, mà Đế Thích ở giữa sắp hàng bủa khắp bốn phương nội trên đỉnh núi Tu di).*

O/Nhật luân cũng như nhứt cầu là mặt trời; P/ Nguyệt luân hay nguyệt cầu là mặt trăng, tức là cảnh giới cửa nhứt cung thiên tử, nguyệt cung thiên tử ở.

B/Trời Tứ Thiên vương; C/Trời Nhứt Nguyệt tinh tú; D/ Trời thường phóng dật; Đ/Trời cầm tràng hoa; E/Trời Kiên Thủ; G/ Núi Song trì; H/Núi Trì trục; 1/ Núi Đám mộc; K/ Núi Thiên Kiến; L/ Núi Mã nhĩ; M/ Núi Chưống ngại; N/Núi Trì địa. Bảy núi trên chung kêu là Thất Kim sơn. Hễ một vòng lớp Núi thì xen một vòng lớp biển hương thủy, như thế cộng là bảy biển bảy núi đều chạy giáp vòng chung quanh núi Tu di.

Bản đồ thứ hai là hình tướng của ba giới theo thứ lớp sắp đặt vị trí. Bản đồ tam giới là một cái thế giới bằng số một hột bụi giữa từng thứ mười ba Phật sát vi trần thế giới của bản đồ thứ ba ở sau này. Nghĩa là dưới cái tam giới đây, duy có một cái hư không; từ giữa hư không này sanh khởi lên cái đại phong luân, để duy trì thủy luân; ở trên vì cái nghiệp lực của chúng sanh nên thủy luân chẳng trôi tan, tỷ như vật thực nó chưa tiêu nên nó chẳng sa xuống ruột già.

Trên từng thủy luân lại duy trì kim luân, tỷ như sữa chín phát sanh ra dầu nổi linh bình trên mặt. Trên từng kim luân tức là

đại địa, trên đại địa hay địa luân nhảy đây là biển nước mặn, chung quanh ngoài bìa đại địa, thì chạy giáp vòng là núi Chước Ca La dịch là Luân vi, lại dịch là Thiết vi. Núi này thể nó vòng quanh ngoài bốn biên địa luân như vòng thành để bao bọc giáp vòng ngoài biển mặn.

Phía tọt trong bể mặn, có bảy lớp kim son và với bảy lớp hương thùý hải theo thứ lớp xen nhau, đều cùng chạy giáp vòng như bảy lớp thành hào để bao vây ngoài núi Tu di.

Phía tọt trong bảy lớp biển ấy, trung tim có núi Tu di sừng sững đứng riêng vọt cao tám vạn bốn ngàn dặm, hai phần trên đánh dưới chun đều lớn, phần giữa núi lại rút nhỏ; chỗ lớn của Tu di bề dọc và ngang đều tám muôn dặm; phía ngoài bảy núi vàng tức là biển lớn nước mặn nhảy đây cả chu vi bốn phương.

Đối với núi Tu Di: giữa biển mặn phía đông có châu Thắng thần, giữa biển mặn phía nam có Châu Thiệm bộ, giữa biển mặn phía tây có Châu Nguru hóa, giữa biển mặn phía bắc có Châu Cu lô; cứ mỗi một châu lớn ấy đều có hai châu vừa ở kèm hai bên, cùng với vài trăm châu nhỏ để làm quyền thuộc (quần châu hệ).

Lại, từ chân núi Tu di lên đến một vạn dặm, là chỗ của vị thiên thần Kiên thủ ở; lại từ đây lên đến một vạn dặm là chỗ của vị thiên thần Trì hoa mang ở; lại từ đây lên đến một vạn dặm là chỗ của thiên thần Thường phóng dật ở. Ba thiên thần trên đó đều sắp hàng quanh vòng núi Tu di để ở, mấy thiên thần ấy đều là Quỷ thần Dạ Xoa mà hưởng phước cũng đồng như các trời ở tứ Thiên Vương.

Lại từ đó lên đến một muôn do tuần tức là đúng nửa núi Tu di, thì có Trời Tứ Thiên Vương đều nương ở theo bốn phía núi; nhứt nguyệt tinh tú thì ngày lẫn đêm vẫn cứ đi vòng quanh bốn phương, dù nương nơi trống rỗng để chuyển vận, chớ cũng cùng nhau với mực bình thường.

Lại từ đây lên cao bốn vạn hai ngàn do tuần tới đánh Tu di sơn tức là chỗ của ba mươi ba nước trời ở, rốt trung ương tức Đào Lợi thiên, vị thiên chủ tên là Thích Đề Hoàn Nhơn, lại gọi là Đế Thích, người đời gọi là Ngọc Hoàng Thượng đế. Những cõi trời Đào Lợi, Tứ Thiên Vương v.v... kể trên đều chung gọi là “địa Cư thiên” vì còn nương nơi núi Tu di, chun đi cũng còn sát mặt đất.

Từ trên đánh Tu di nhẫ lên cả các trời sẽ kêu sau đây đều gọi là “Không Cư Thiên” vì đồng nương nơi mây để ở. Số là: Từ Đào Lợi thiên bắt đầu kể lên mười sáu vạn do tuần là chỗ của trời



Dạ ma ở. Lại từ đây lên sáu mươi bốn vạn do tuần là đến chỗ trời Hóa lạc ở. Lại từ đây lên một trăm hai mươi tám vạn do tuần là đến chỗ trời Tha hóa tự tại ở.

Từ lớp “Không cư” bốn trời xuống lớp “địa cư” có hai trời là Đạo lợi, Tứ Thiên vương, cộng là sáu trời, nhân đến dưới tới lớp “phong luân” chung gọi là “Dục giới” bởi vì còn có sự tình dục của hai giống: trai, gái, cái, đực và trống, mái để tạo tác, sản xuất thân mạng ra do sự dâm dục là phần chính nên gọi là Dục giới.

Lại từ trên trời Tha hóa kể lên hai trăm năm mươi sáu vạn do tuần là tới ranh Sắc giới. Từ đây kể lên là: Sơ thiên có ba trời; nhị thiên có ba trời, tam thiên có ba trời; tứ thiên có chín trời, cộng mười tám lớp trời Phạm Thiên, với số do tuần của mỗi từng lớp cứ gấp bội bội kể trên.

Lại từ trên trời sắc cứu cánh là lớp trời thứ chín của Tứ thiên thiên kể gấp bội tăng lên đến ranh Vô sắc giới cũng như thượng giới, từ đây kể đi là: Trời không vô biên xứ, Trời thức vô biên xứ, Trời vô sở hữu xứ, và Trời phi phi tướng xứ, cộng là bốn trời, bề cao đều lớp lớp gấp bội nhau. Như thế cả ba giới chung gọi là hai mươi tám từng trời.

Sách Tỳ đàm luận ghi lời của Phật dạy: giả sử có người đứng tại nơi đánh trời “Sắc cứu cánh” chừa bốn trời của Vô sắc giới, phóng ra một viên đá lớn, thì trải qua sáu vạn năm ngàn năm trăm ba mươi lăm năm, viên đá ấy mới rơi tới sát mặt đất Châu diêm phù đề, nếu chặng giữa không vật gì làm trở ngại viên đá. Như thế cả trời ba giới xuống Nhơn đạo, Tu la đạo, Súc sanh đạo, Ngạ quỷ đạo, Địa ngục đạo chung gọi là tam giới lục đạo.

## **TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI**

Ba ngàn cả ngàn ấy, như nội dung của bản đồ thứ hai đã bao bọc, bắt đầu kể tận dưới: từ lớp địa luân, thiết vi, tứ châu, thất sơn, tu di, nhứt nguyệt, lục dục thiên, cho đến lớp Sơ thiên, như thế cứ mỗi lớp kể làm một, nghĩa là: một địa luân, một thiết vi, một tứ châu v.v... đến một Sơ thiên, cộng làm “một tiểu thế giới”.

Lấy một tiểu thế giới như trên tính làm một, như thế tính cho đến một ngàn cái tiểu thế giới, bên ngoài có một cái tổng Luân vi sơn nó đứng giáp vòng tròn vây bọc núi này cao đến cõi Trời Sơ Thiên, như thế gọi là “một tiểu thiên thế giới”.

Cứ một tiêu thiên thế giới, như trên tính làm một, tính như thế cho đến một ngàn cái Tiêu thiên thế giới, bên ngoài lại có một đại tổng luân vi sơn vòng vây, núi này cao đến nhị thiên thiên, thế gọi là “một trung thiên thế giới”.

Mỗi trung thiên thế giới như trên tính làm một, tính như thế cho đến con số một ngàn cái trung thiên thế giới, bên ngoài lại cũng có một vòng núi đại đại tổng luân vi bao vây, núi này cao đến cõi tam thiên thiên, thế gọi là “một đại thiên thế giới”.

Với trong cõi Đại thiên ấy, tổng cộng có: muôn lần ức Núi thiết vi, muôn lần ức tứ châu, muôn lần ức núi Tu di, nhĩn đến muôn lần ức cõi Sơ thiên thiên, suốt cả gọi là gấp ba lần ngàn làm một cõi Phật tức là Ta bà thế giới.

Xem đó thì biết: Với luân vi sơn thấy có đến bốn hạng núi, vì từ nhỏ thấp đến rộng cao có những phần lượng bội bội nhau; mà với tam giới thì tổng bao hàm một cõi Đại thiên, một đại thiên thiên thế giới như trên tức là một Phật quốc độ.

Lại, với trong “Tiêu thế giới” từ trung tim Tu di này cách trung tim Tu di kia là có đến mười hai ức tám vạn 300040050 do tuần; còn cả tám phương từ núi này cách núi nọ bề xa với nhau cũng như số kể trên. Đây là chính thật lời nói của Phật bằng cứ nơi khai thị Phật tri kiến với “thiên nhãn thông” và “Diệu quan sát trí” đưa ra, xin chớ hạn lấy trí thức tỷ lượng của người đời để nghi!

**PHÂN LƯỢNG : TUỔI SỐNG, ÁO MẠC, THÂN-THỂ  
CỦA CÁC TRỜI Ở BA GIỚI**

Trời vô sắc	{ Trời phi phi tướng xứ Trời vô sở hữu xứ Trời vô biên thức xứ Trời không vô biên xứ }	Tuổi sống	đều	...	vô	hoát	hồi	ianh
			8	vạn	}			
			6	vạn				
			4	vạn				
2	vạn							

Trời sắc giới	Tứ thiên	Trời sắc cứu cánh	1 vạn 6 ngàn
		Trời thiện hiện	8 ngàn
		Trời thiện kiến	4 ngàn
		Trời vô nhiệt	2 ngàn
		Trời vô phiến	1 ngàn
		Trời vô tướng	5 trăm
		Trời quang quả	5 trăm
		Trời phước sanh	2 trăm 50
	Trời vô vân	1 trăm 25	
	Tam thiên	Trời biến tịnh	sáu mươi 4
		Trời vô lượng tịnh	3 mươi 2
		Trời thiếu tịnh	mười sáu
	Nhị thiên	Trời quang âm	tám
Trời vô lượng quang		bốn	
Sơ thiên	Trời thiếu quang	hai	
	Trời đại phạm	1 do tuần rưỡi	
	Trời phạm phụ	1 do tuần	
Trời phạm chúng	Nửa do tuần		

Trời Dục-giới	Ma - La' Thiên	Ba dặm	Hơn nửa thù
	Hóa - lạc thiên	Hai dặm rưỡi	Nửa thù
	Tha Hóa thiên	hai dặm	Một thù
	Đâu suất thiên	dặm rưỡi	Hai thù
	Dạ ma thiên	một dặm	Ba thù
	Đao lợi thiên	hơn nửa dặm	Sáu thù
Tứ vương thiên	nửa dặm	Nửa lượng	

( năm trăm )      ( năm chục )      ( vương )

**TRỜI THIÊN TRÙM XUỐNG RỘNG HẸP**

Sơ thiên	trùm	1 lục-dục thiên mỗi một	là	1 tiểu thể-giới
Nhị thiên		1 nghìn sơ thiên thiên		1 tiểu thiên giới
Tam thiên		1 nghìn nhị thiên		1 trung thiên giới
Tứ thiên		1 nghìn tam thiên thiên		1 đại thiên giới

Nên Bà Sa nói: Cõi Sơ thiên rộng bằng bốn châu thiên hạ; Nhị thiên rộng bằng: 1 Tiểu thiên giới; Tam thiên rộng bằng như một Trung thiên giới; Tứ thiên rộng như một đại thiên giới. Lại dưới địa luân, các kim luân, thủy luân, phong luân mỗi đều rộng khắp đại thiên thể giới v.v...



Than ôi! vốn một tánh chơn không, không sanh diệt, một thể lượng trong sạch, vắng lặng sáng suốt chiếu soi khắp cõi pháp giới, và có công năng hiện ra vô biên thần hóa, viên dung, mà chỉ vì một niệm mê lầm, khiến chơn minh biến đổi làm vọng minh, chơn không hóa thành ra ngoan không, đổi diệu sắc làm giả sắc! (chơn minh là chơn trí, vọng minh là vô minh, chân không là chân lý, ngoan không là hư không, diệu sắc là cái cảnh đẹp bằng mỗi vật sắc này nó lẫn khắp nhau với vật sắc kia, giả sắc là cái khí giới luống dối bằng sáu trần).

Chỉ bởi nơi thể bản chơn nó vì một niệm mê lầm mà chẳng biết tự tính, nên chi từ nơi chơn trí mà khởi lên vô minh, rồi từ nơi vô minh nó sa đắm nơi ngoan không mà phát khởi ra vọng tưởng, cái vọng tưởng nó đã hoạt động, nên chiêu cảm lấy cái lớp phong luân phối phối giữa không giới; cái tâm ý nó loạn động mãi chẳng nghĩ thôi, thì ái tình lại càng tằm nhuần nữa, thành thử phong luân nó duy trì thủy luân để bao hàm cả mười phương giới. Chỉ nơi cái si mê với ngã ái, mà cái vọng tưởng nó càng chấp cứng luôn, tức nhiên có lớp kim luân để bảo trì quốc thổ. Kẻ nào có cái ác tướng quá trọng trực, thì nó kết tinh đọng nơi đại địa ở trên kim luân, nhưn đây cả tam đồ liền phát sanh. Còn ai có thiện tướng rất khinh thanh, thì nó nổi bông nâng cái tịnh thân ở giữa thanh hư, vì vậy mà cõi trời đều hiện.

Thế nên, những chúng tạo tác nghiệp thập ác thì sẽ sa chìm đến các chỗ: A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ và súc sanh; còn những chúng thi hành nghiệp thập thiện thì được thăng lên các chỗ sáu

trời dục địa cư; mấy người đã tu mười lăm gồm có tu được chút phần thiên định như: ngồi tịnh, phàm phu thiên, nghĩa: dù có chánh tín hơn quả, mà tu thiên bằng cách chán cái khổ bực dưới, ham cái vui bực trên, sẽ sanh ở bốn cõi **trời không cư** của dục giới. Nếu tu thiên mà rõ được **căn bản định**, nghĩa: đề được phiền não của bực dưới, mà đắc thiên định bực trên, gọi **cận phần**, cũng gọi **trung gian định**: dứt được phiền não của bực dưới, đắc cái thiên định bực trên, gọi là **căn bản thiên** cũng như định, tức là được sanh lên ở nơi các cõi trời **tứ thiên trung giới**.

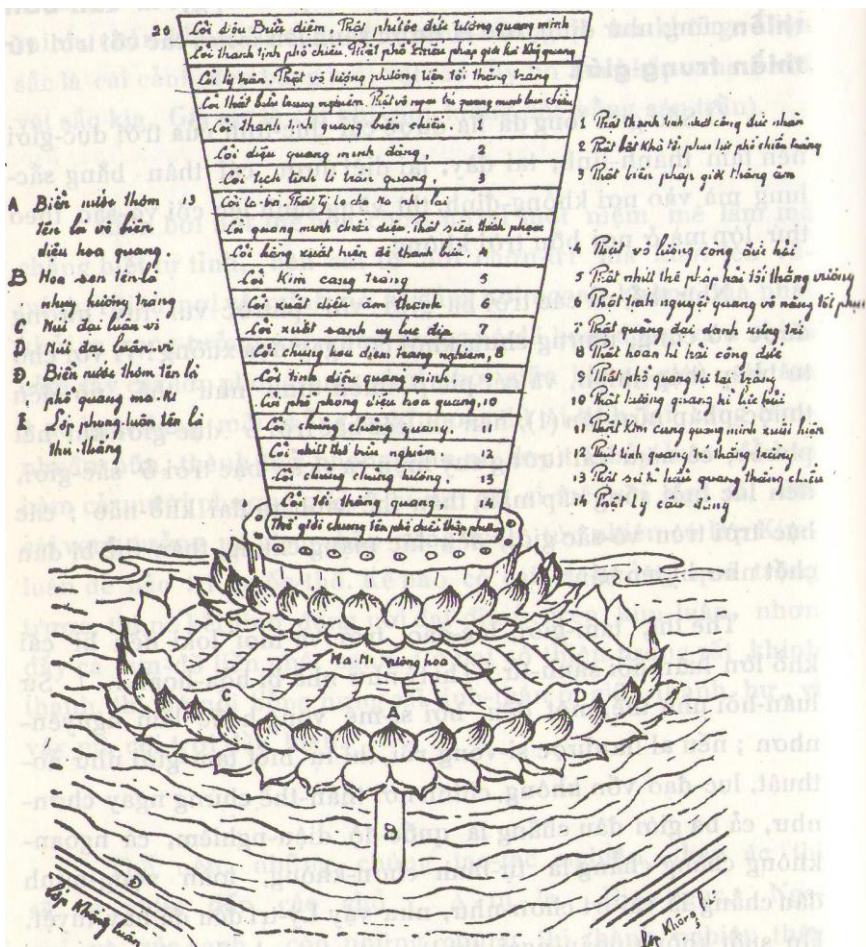
Ở sắc giới lòng đã lia được cái dục tình của trời dục giới nên tâm thanh tịnh, tại đây, lại diệt được cái thân bằng sắc lung mà vào nơi không định, thì vãng sanh lên cõi vô sắc, theo thứ lớp mà ở nơi bốn trời không.

Như thế, cả các trời ba giới: với phước vui tuy hưởng được vô cùng, nhưng chưa khỏi có ngày đọa xuống! Vì với chỗ tu pháp thập thiện, và các pháp thiên định như thế, nó đều thuộc pháp hữu lậu[1], nên chỉ các bậc trời ở dục giới khi hết phước, có năm cái tướng suy hiện ra; các bậc trời ở sắc giới, đến lúc tuổi sống sắp mãn, thân thể sanh ra đại khổ não; các bậc trời trên vô sắc giới, đến lúc mạng chung, thân thể bị đau chết như bị tên bắn.

Thế thì, tam giới, lục đạo, trời và mọi loài đều bị cái khổ lớn luân hồi sanh tử! Thí tỷ như nhà bị hỏa hoạn...! Sự luân hồi như thế, một đều bởi si mê vọng hoặc làm nguyên nhân; nếu ai lia được si vọng rồi, thì tự biết tam giới như ảo thuật, lục đạo vốn không, chính nơi thân thể chúng ngay chơn như, cả ba giới đâu chẳng là quốc độ diệu nghiêm, cả ngoan không chẳng chẳng là tự tánh chơn không, toàn vọng minh đâu chẳng là cái trí chơn như, như vậy lý trí đều đã hay tuyệt, lẫn suốt không ngần ngại, thì làm gì có sanh tử ư?

[1] Lậu là tên riêng của phiền não; tất cả sự thể của thế gian đều là pháp hữu lậu. Chữ Hữu là nghĩa khổ có về sau, chữ Lậu là lưu trú ở ba giới.

**Kinh mời nguyện chúng sanh**  
**PHỤ ĐỒ THỨ BA**  
**BẢN ĐỒ HAI MƯƠI LỚP HOA TẠNG THẾ GIỚI**  
**CHỨNG (THẾ GIỚI HỆ)**



Bản đồ thứ ba này, tức là một phần bằng “**hai mươi lớp hoa tạng thế giới**” ở trung tâm điểm giữa bản đồ thứ tư sau kia.

So đó thì biết: những phần “**hai mươi lớp hoa tạng thế giới**” nhiều bằng số những vị trần ở thập phương nào là hình tượng hoặc lớn hay nhỏ, nào là vị trí sắp đặt lớp lan cũng đều đồng nhau, chỉ danh từ có khác vậy thôi.

Trong bản đồ đây, biển nước thơm tên Phổ Quang ma ni, và hoa sen tên Nhụy hương tràng tức là “**Tổng hải hệ**”, trong bản đồ thứ năm sau.

Trên “**Nhụy hương tràng liên hoa**” đây đây trong đó toàn là “**vô biên diệu hoa quang hương thủy hải**”, bên ngoài biển này có

“Núi Đại thiết luân vi” giáp vòng tròn bên trong “Nhụy hương tràng liên hoa” để bao vây bên ngoài “Vô biên diệu hoa quang hương thủy hải”.

Biên vô biên diệu hoa quang hương thủy đây, nó có những tên mỗi biển riêng nhiều bằng số vi trần trong mười lần bất khả thuyết thế giới; mỗi mỗi biển riêng ấy đều có “Liên hoa tràng”.

Về “Liên hoa tràng”; nơi biển riêng rớt trong đó tên là “Ma ni vương Liên hoa”; bên trong liên hoa này có “thế giới chủng” tên là “Phổ chiếu thập phương”, trên có hai mươi thế giới trùng điệp nhau để an trụ bằng cách dưới nhỏ trên lớn: như dưới nhưt là lớp thứ nhưt, có những thế giới bằng số vi trần của một cõi Phật, để bao vây giáp vòng ngoài lớp thứ nhưt.

Cứ như thế gấp bội hơn nhau, đến lớp thứ mười ba có những thế giới nhiều bằng số vi trần trong mười ba cõi Phật để bao vây giáp vòng lớp mười ba.

Nhấn đến thứ hai mươi có những thế giới nhiều bằng số vi trần trong hai mươi cõi Phật để bao vây giáp vòng lớp thứ hai mươi.

Cõi mà hiện nay chúng ta ở đây là **Ta-bà thế giới**, nó ở tại trung ương của lớp thứ mười ba, vậy Ta bà thế giới chính là con số bằng một mảy trần giữa nhiều vi trần của mười ba cõi Phật mà thôi. Cực Lạc thế giới cũng là một trần ở giữa lớp thứ mười ba, mà vị trí Cực Lạc nó cùng ngang bằng nhau với Ta Bà.

**Hỏi:** Nói là **thế giới nhiều như số vi trần** là nghĩa như thế nào?

**Đáp:** Một hạt bụi nhỏ tính là một thế giới.

- Thế giới một hạt bụi là nó lớn được chừng bao nhiêu?

Với bề lớn của nó là ước chừng cứ một cái tam thiên đại thiên là một thế giới thì tính làm số một hạt bụi. Nghĩa là như một Ta bà thế giới tính làm số một hạt bụi. Vì một Ta bà kể có một tam thiên đại thiên, đây là rất nhỏ; hoặc đến bằng hai đại thiên, bằng ba đại thiên, và như kinh Pháp Hoa Phật thụ ký cho ông Phú Lô Na Di Đa La Ni tử về cõi nước của ông sau này thành Phật là: lấy tam thiên đại thiên thế giới nhiều bằng số cát sông Hằng để làm một quốc thổ. Bởi thế, nên quốc độ của chư Phật hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tịnh, hoặc uế, hoặc viên, hoặc phương, hoặc nghiêng, hoặc ngửa, mỗi mỗi hình lượng, không nhưt định. Với mỗi mỗi quốc thổ cũng như thế giới ấy, đều có mỗi một đức Phật hiện làm giáo chủ,

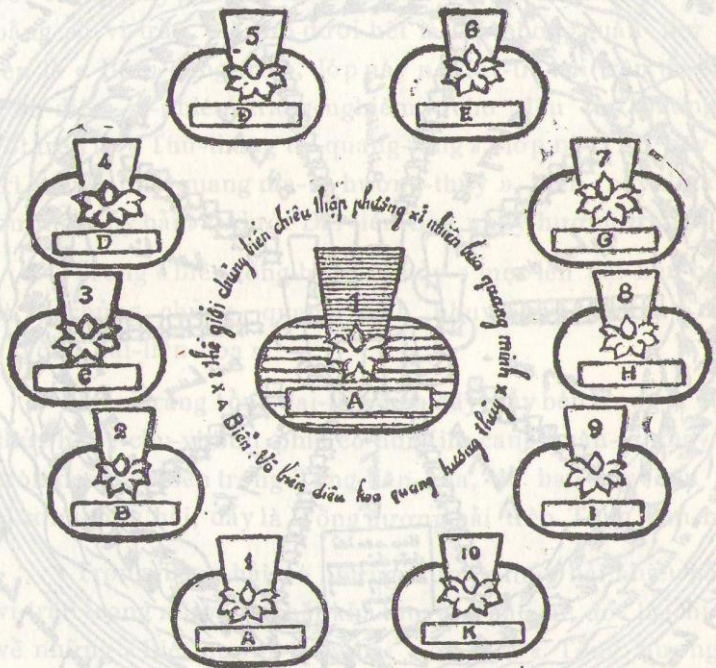
như đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm giáo chủ của Ta bà quốc độ đây.

*(Hoặc tịnh: cõi Phật bằng tịnh độ; hoặc uế: cõi Phật bằng uế độ; hoặc viên: cõi cũng như thế giới hình tròn. Hoặc phương: thế giới hình vuông. Thế giới hình nghiêng thì chúng sanh ở đấy đi đứng cái thân cũng nghiêng mà chúng đâu có biết; thế giới ngửa chúng sanh đi ngửa....., thế giới úp thì chúng sanh đi úp. Nghĩa là ở thế giới hình như thế nào, thì chúng sanh cũng do sức hấp dẫn như thế đấy v.v..)*

**PHỤ ĐỒ THỨ TƯ**  
**HỮU NHIỀU VÒNG VÂY MƯỜI THẾ GIỚI CHÚNG**



1 A biên đồ thanh bình, 1 thế giới chung quang chiếu thập phương. - B biên Kim cương luân, 2 thế giới chung điều gian thái nhưn đả lu vọng. - C biên liên hoa nhưn, 3 thế giới chung phổ biến thập phương. - d biên tích tập bất, 4 thế giới chung uy đức trang nghiêm. - E biên bình trang nghiêm, 5 thế giới chung phổ vô cấu. - F biên Kim cương bình trí

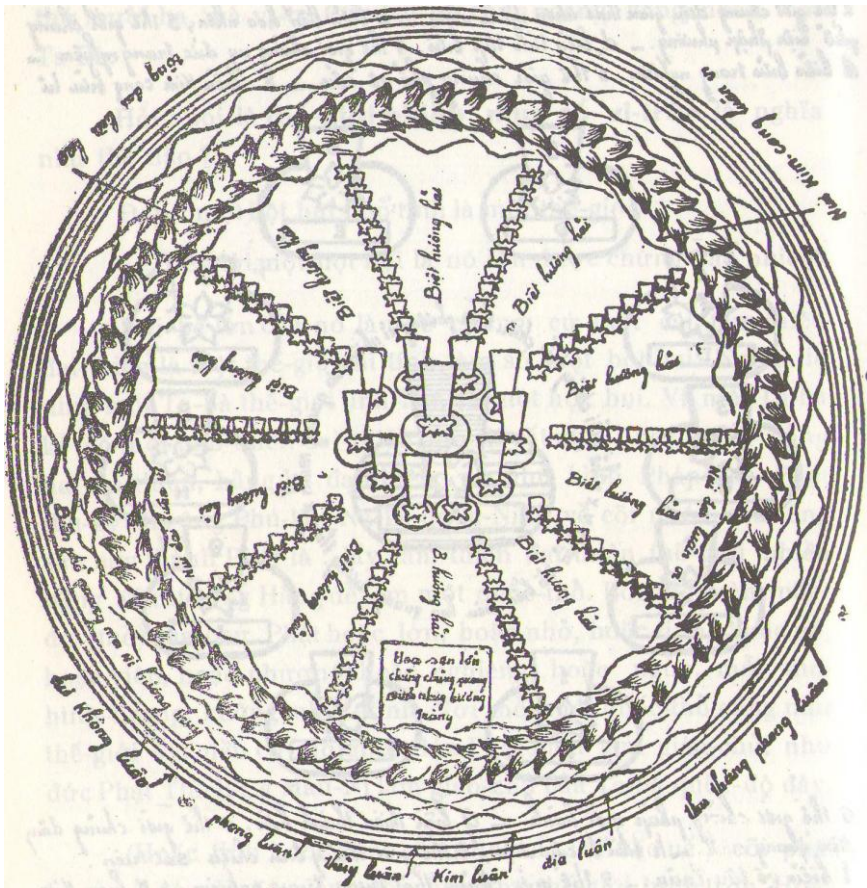


6 thế giới chung pháp giới hành. - 7 biên thiên thanh bình, 7 thế giới chung đấng đấng quang minh. - H biên li câu đặng, 8 thế giới chung biên chiếu sát trần. I biên vô tận luân. - 9 thế giới chung thật trang nghiêm. - K biên Kim cương bình, 10 thế giới chung thật quang trang nghiêm tung. -

Bản đồ thứ tư đây tức là 11 cái 20 lớp hoa tạng thế giới ở một vòng rất trung tâm của bản đồ thứ năm sau kia, mà cũng tức là những hoa tạng thế giới ở rất gần với 10 phía bên ngoài bản đồ thứ ba trên kia.

### PHỤ ĐỒ THỨ NĂM

Bản đồ sắp đặt vị trí hình trạng của những giáp vòng đều 10 lần hơn thế giới chung



Bản đồ thứ năm này là gom chung cả bốn bản đồ trước, mà lại rộng trùm tất cả những Hoa tạng thế giới nhiều như số vi trần trong mười phương, đồng ở trên một cái hoa sen lớn, để chỉ rõ nghĩa của hai câu “Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tâm hải”.

Xét rằng: Tổng đại liên hoa tên là “Nhụy hương tràng” với Tràng này phía rớt dưới có Núi Tu Di và nhiều phong luân bằng số vi trần, mà lớp dưới hết là lớp phong luân thứ nhứt tên là “bình đẳng trụ”, lớp này nó duy trì lên trên tất cả Bửu diệm xí nhiên trang nghiêm.... Cho đến lớp phong luân rớt trên là “Thù thắng uy quang tạng”, lớp này nó hay duy trì “Biển Phổ quang ma ni hương thủy”, biển này là “tổng hương thủy hải” ở dưới Đại liên hoa nhụy hương tràng.

Trong “biên tổng hương thủy” mọc lên đại liên hoa tên là “chủng chủng quang minh nhụy hương tràng” đây là “tổng đại liên hoa”.

Trên tràng tổng đại liên hoa đầy dẫy bên trong là Hương thủy hải; chu vi bốn phía có núi Kim cang Luân vi chạy vòng tròn dọc theo bên trong Tổng liên hoa, để bao vây bên ngoài Hương thủy hải, đây là Tổng hương hải trên Tổng liên hoa.

Trong Tổng hải có những Hương thủy hải nhiều bằng số vi trần trong mười lần bất khả thuyết Phật sát, đó là chỉ ngay về những “biệt hương thủy hải” ở giữa “Tổng hương thủy hải” trên “Tổng đại liên hoa”.

Mỗi mỗi trong Biệt hải đều có một thế giới chủng, mỗi trên một thế giới chủng, để có hai mươi lớp Hoa tạng thế giới, theo lớp lan sắp đặt xây dựng, đồng gom chung trong một hoa sen lớn đây, nên gọi là Hoa tạng thế giới, tức Tỳ lô tâm hải.

Song le, tổng quát trong hoa tạng, chỉ sắp bừa ra một trăm, một chục, một cái (111) Phật sát chủng, là lấy phần giản lược, mà gồm cả trên hoa tạng những mười lần số “Bất khả thuyết” thế giới vi trần số thế giới chủng, mỗi mỗi thế giới chủng đều có hai chục tầng Phật sát. Tỷ như cái vòng bằng ngọc của Thiên đế, nó chia bừa ra mỗi viên ngọc đều có mỗi chỗ để an trụ.

Mỗi một Phật sát đều có những vật trang nghiêm nhiều bằng số vi trần; mỗi một món trang nghiêm đều phóng ra những tia sáng nhiều nhiều số vi trần; mỗi một ánh sáng đều hiện ra những Hoa tạng thế giới trên và những sự bất khả tư nghì trong chốn sát hải cả ba đời. Tỷ như nghìn mặt gương trung trùng đối diện nhau, lẫn lẫn chói dọi khắp chiếu suốt nhau.

Song, với Hoa tạng và Tâm hải ấy, toàn là cái nhứt tâm của người đương đời, thế thì tâm đủ pháp giới, mà pháp giới tức là tâm, vì đều rộng lớn hòa lẫn nhau vô cùng vô tận, chính thật đây bảo: “Hoa tạng huyền môn Tỳ Lô tâm hải”

## **THUYẾT NÀY ĐỂ ĐEM HOA TẠNG THẾ GIỚI NÊU RÕ NHỨT TÂM**

Không luân ấy là để nêu nhứt tâm chơn như; tâm ấy làm thế cho pháp giới bằng đại tổng tướng pháp môn, tức là cái lý căn

bản vô sai biệt; có núi Tu di ấy là để nêu bày cái chơn trí của nhưt tâm.

Phong luân ấy là để tiêu biểu rằng từ nơi tâm trí phát khởi ra vô lượng đại nguyện. Thủy luân ấy là để tỏ ra rằng nước đại bi tâm trong lóng chảy giáp khắp nhuần. Hoa sen lớn ấy là nêu bày rằng từ nơi bi nguyện mà hành những công nghiệp (công hạnh) bất khả tư nghị. Mười lần bất khả thuyết ấy là để tiêu biểu rằng với khắp trong pháp giới, các thánh Bồ Tát trong thập địa thường hành những sự bất khả tư nghị công đức. Điều hai mươi tầng dưới hẹp trên rộng ấy là biểu hiện ra rằng với bậc thập địa, Bồ Tát tiến lên có phân chánh, phần hướng mà chánh, hướng cũng đều có phần đặng bởi nhơn quả đền bù, dần dần càng rộng lớn tốt hơn.

Mỗi tầng có danh hiệu Phật quả đó là để tỏ ra rằng tùy theo mỗi địa vị tiến lên hiệu Phật có nhơn có quả. Lại gom chung đều có những hai mươi tầng Phật quả là đồng thống nhất nơi căn bản Phổ quang minh trí để tùy theo mỗi tiến lên mà lập thành những danh hiệu, chớ thật thì thể tánh không hề sai khác.

Bên trong núi Kim Cang luân vi giáp vòng vây đều có mười thế giới chung mà trên dưới đều chỉ có bốn trùng là để biểu rõ tứ nhiếp pháp và tứ vô lượng tâm. Nói tóm lại, từ nơi cái “Trí chơn không vô phân biệt của Tổng nhưt thanh tịnh chơn tâm, mà biến ra cái Trí hiện hành có sai biệt để thành không luân, phong luân, thủy luân, kim luân, địa luân v.v...”

Song, đây là tổng quát cả trong “Tổng liên hoa” nó có những sát độ, hương hải như bấy nhiêu, mà không một sát hải nào là chẳng phải cái cảnh báo-hóa của mỗi một đức Phật. Vốn bởi, đối với trí cảnh của nhưt tâm nó đã là vô hạn, thì, với cái cơ để nhiếp hóa lợi sanh nó cũng vô hạn; với cơ nhiếp hóa lợi sanh đã vô hạn, nên chi với thân-độ báo-hóa đều trang nghiêm đâu chẳng xứng tánh bằng cách cũng vô hạn?

Thế nên, trong kinh ghi rõ rằng: Những kiếp tu nhơn của Đức Thích Ca, đối với trong Hoa tạng đây, không chỗ nào là Ngài không để dấu vết đến. Bằng cứ là kinh nói: Cả ba ngàn thế giới, tùy ý ai lấy cây cắm xuống một chỗ nào, cũng đều trúng nhằm cái tiên thân của ta đã chôn tại đó, vì mỗi thân đều từ khứ sanh lai như thế để tu Bồ Tát đạo từ A tăng kỳ kiếp đến nay. Thành thử nay thành quả đạo, cũng với trong vô hạn sát hải ấy, khắp nơi hiện ra tam loại hóa thân, để tùy theo cơ cảm, ứng hiện độ sanh với chúng hữu duyên.

Thế thì, giữa Hoa tạng có vô lượng chư Phật, mỗi Phật, mỗi Phật đều là lẫn khắp nhau, lẫn ứng hiện nhau, thì Hoa tạng đây tức là diệu cảnh diệu tâm của mỗi mỗi đức Phật, mà cũng là những diệu cảnh diệu tâm nơi nhứt tâm của ta với người vậy thôi.

Nên kẻ tu hành nếu y theo tông đồ đề quán xét nhìn tưởng, sự quán tưởng dần dần thuần thực, thì tâm lượng rộng sáng rộng ra, thế với Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tánh hải ta tự lẫn suốt được.

Kinh nói: “Ứng quán pháp giới tánh, nhứt thể duy tâm tạo”, nghĩa: Nên xét tánh pháp giới (*A lại da thức hay là Như lai tạng*) thì biết tất cả (*từ thánh lục phàm*) chỉ cái tâm tánh ấy tạo ra. Chính là nghĩa đã nói trên.

## **ĐỊNH DANH NGHĨA CỦA HOA TẶNG HUYỀN MÔN VÀ TỖ LÔ TÁNH HẢI.**

Lời sơ sao kinh Hoa Nghiêm chép rằng: Với những chỗ mà hoa sen nó ngâm hột sen đó, thì gọi là “tặng hay tàng” nghĩa là kho hay chứa; **các sát chủng** (thế giới chủng), và các Phật sát (Phật quốc) là tỷ những chỗ hàm tàng của hoa sen lớn, nên bảo là “Hoa tàng”. Với trong Hoa tàng có mỗi mỗi cảnh giới, cảnh giới nào cũng đều có những thanh tịnh công đức nhiều như số sát hải vi trần, nên nói là “trang nghiêm”. Với thế giới thì: số nhiều vô biên, thể lượng sâu rộng, không thể xét lường đặng, nên gọi là “Hải”. Chứa nhiều thế giới chung ở trên một “ma ni vương liên hoa” để thâm nhiếp các lưu loại, nên gọi là “chủng”. Gom chung các hạnh trong hoa tàng đây, tức là nhứt tâm chơn như của các Phật, trong cõi không: vô cùng đại nguyện là phong luân để duy trì nước biển đại bi, nảy nở vô biên hạnh nghiệp rõ tốt như hoa là Phật sát (Phật quốc độ)

Vốn bởi, với tâm ấy sẵn đủ vô biên công đức diệu trí, nếu phi thật hành vào cửa vạn hạnh vô biên, thì không do đâu để tỏ rạng ra đức và trí kia, nên chư Phật công hạnh đã cùng tận, trí đức đã cao cực, thì toàn thể bày ra những tướng vi diệu của công đức Hoa tàng nhiều đến vô biên.

Song, với lý lẽ mà rất vi diệu khó nghĩ suy ấy, thì duy có Phật Thích Ca và chư Phật mới có thể xét hiểu được cùng tận nên gọi là “huyền”. Đối với Hoa tàng, từ trong chí ngoài với mỗi mỗi mây trần đều đạt được, với mỗi mỗi pháp đều thông suốt, nên gọi là “môn”. Chính nơi huyền môn ấy chúng sanh vốn sẵn đủ, nên

giác ngộ rồi lo tu, thì toàn thể nó rõ bày ra cái tâm bình đẳng của chư Phật, nên nói là “đồng đẳng Hoa tạng huyền môn”.

Chỉ nói Hoa tạng thì, đâu chẳng phải là Tỳ lô tánh hải, vì tánh hải vô biên đầy nó hàm ở trong cái hư không vô biên, bởi hư không vô cùng tận, thì ngoài hoa sen lớn ra hẳn còn có vô cùng tận những bông đại liên hoa tạng nữa để làm trang nghiêm, đủ rõ rồi. (điều đó rõ ràng vậy)

Dường như cái võng bằng châu ngọc của Đế Thích: mỗi một viên ngọc ánh chói nó đến với nhiều viên ngọc; nhiều ánh sáng của nhiều viên ngọc đều chói dội dồn đến một viên ngọc; như thế mỗi mỗi viên ngọc ánh chói lẫn nhau, mỗi mỗi viên châu gồm thấu lẫn nhau, mà vẫn cũng chẳng tăng chẳng giảm, hòa lẫn hoàn toàn, không hề cùng tận. Thế thì, đâu chẳng là nói rõ tâm đức rộng lớn vi diệu rất khó suy nghĩ ru! Sao thế?

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Hữu lậu vi trần quốc, giai y không sở sanh, không sanh đại giác trung, như hải nút âu phát”: Thế giới hữu lậu nhiều như bụi, đều nương sanh khởi giữa hư không; hư không sanh khởi trong lòng Phật, ví dường cục bọt nổi giữa biển. Lại, Cổ đức nói: “Tâm dung diệu-lý hư không tiểu”: Tâm lẫn lẽ mâu hư không nhỏ. Thế thì, cõi hư không đã vô cùng ta khó nghĩ được! Mà hư không hãy còn ở trong tâm chơn như của chúng ta, thì với cái tâm ấy, há chúng sanh chín cõi khá lường kịp ư?

## **BIỂU ĐỒ BÁT NẠN TAM ĐỒ**

**1.- Nạn Trời  
Vô-tướng**

Trời này ở trung-giới, có chỗ bảo : cả các trời ở Sắc-giới, Vô-sắc-giới đều bị chướng-nạn, vì quá sống lâu, mà không được gặp Phật.

**2.- Nạn Bắc-cu  
lư-châu**

Châu này ở phía Bắc, núi Tu-di, vì chỉ giữ thập-thiện, hưởng phước an-vui, không chịu khó học tu, nên bị nạn chẳng được gặp Phật.

**3.- Nạn trước  
Phật sau Phật**

Sanh ra đời nhằm khoảng : Phật trước đã qua, Phật sau chưa đến, mà lại ở vào chỗ chẳng có Phật-pháp truyền-bá, đấy là nạn.

**4.- Nạn Thế-trí  
biện-thông**

Kẻ có tài-trí lanh-lợi, chỉ ưa đắm kinh sách, ngoại-đạo, chẳng tin chánh-pháp xuất-thế, thế là bị chướng-nạn đối với Phật-pháp.

**5.- Nạn si-lung  
ám-á**

Những kẻ bị tật nguyên : điếc, đui, câm, ngọng mà lại chẳng tin niệm Phật.

**6.- Nạn súc-sanh**

**7.- Nạn Ngạ-quỷ**

**8.- Nạn Địa-ngục**

Với ba chỗ chướng-nạn này nên gọi là Tam-đồ.

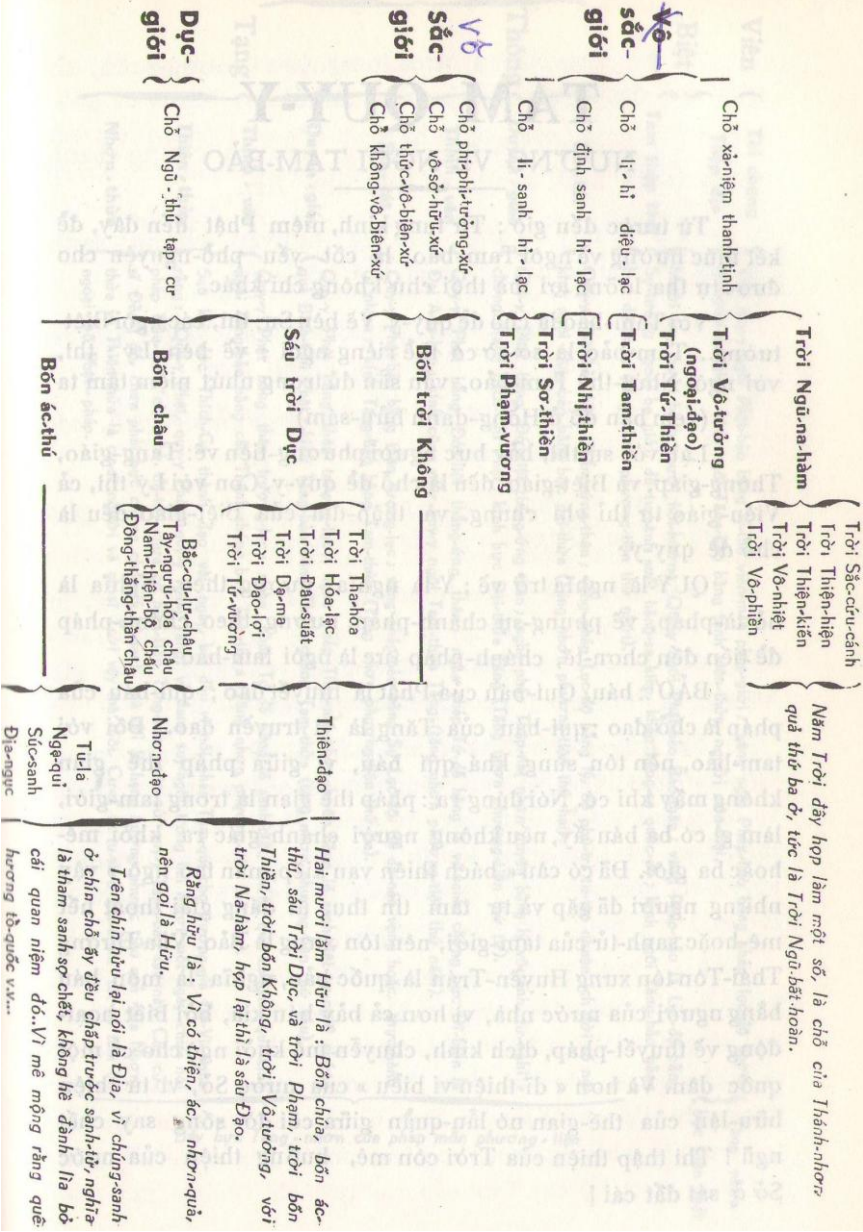
Đối với Phật pháp, những chúng sanh vô duyên thiếu phước, không được nghe thấy chi hết, gọi là bị cái nghiệp chướng làm khốn nạn, như các chúng sanh ở vào tám chỗ kể trên. Thế mà người đời hiểu lầm nói bậy rằng Phật còn mang nạn tám...

Kinh Duy ma, phẩm phương tiện nói: Đến khi Bồ Tát thành Phật, trong cõi nước chẳng có ba đồ tám nạn.

Sách Tịnh tâm giới quán pháp chép rằng: bốn trăm bốn chúng bệnh lấy cái bữa ăn đêm làm gốc; tám nạn ba đồ đều bởi nữ nhon làm gốc, ghê chưa!?

Tam đồ: Kinh Tứ giải thoát nói: Chữ Đồ nghĩa như chữ Đạo là đường, và chữ Thú là đến. 1/ Hỏa đồ, tức địa ngục thú, là những chỗ phần nhiều chịu mãnh hỏa đốt hành tội. 2/ Huyết đồ, tức súc sanh thú, là những chỗ mà chúng cứ ăn tươi nuốt sống hút máu lẫn nhau để chịu tội đền trả. 3/Đao đồ, tức ngạ quỷ thú, là những chỗ mà chúng sanh này thường dùng đao kiếm gây để chịu cái khổ xua đuổi áp bức lẫn nhau.

**Cửu Hữu là ba cõi chín chỗ mở ra thành hai mươi lăm Hữu**



Năm Trời đây hợp làm một số, là chỗ của Thành-nhờ quả thứ ba ở, tức là Trời Ngã-bát-hoàn.

Hai mươi lăm Hữu là : Bốn chúa, bốn ác-thú, sáu Trời Dục, và trời Phạm, trời Thiên, trời bốn Không, trời Vô-tướng, trời Na-hàm, hợp lại thì là sáu Đạo.

Rằng hữu là : Vì có thiên, sắc, như-n-quả, nên gọi là Hữu.

Trên chín hữu tại nơi là Địa, vì chúng sanh ở chín chỗ ấy đều chấp trước sanh-tử, nghĩa là tham sanh sự chết, không hề đành lìa bỏ cái quan niệm đó. Vì mê mộng rằng quê hương tổ-quốc v.v....



## TAM QUY Y NƯƠNG VỀ NGÔI TAM BẢO

Từ trước đến giờ: Từ tụng kinh, niệm Phật đến đây, để kết thúc hướng về ngôi Tam Bảo là cốt yếu phổ nguyện cho được tự tha lương lợi mà thôi chứ không chi khác.

Với Tam bảo là chỗ để quy y. Về bên Sự: thì, các ngôi Biệt tướng... Tam bảo là sờ sờ có thể riêng ngôi; về bên Lý: thì, với ngôi Nhứt thể Tam Bảo, vẫn sẵn đủ trong nhứt niệm tâm ta (*xem bản đồ ở Hồng danh bửu sám*)

Lại, với sự thì bảy bậc người phương tiện về: Tạng giáo, Thông giáo, và Biệt giáo đều là chỗ để quy y. Còn với Lý thì cả Viên giáo tự thi chí chung, và thập địa của Biệt giáo đều là chỗ để quy y.

QUY là nghĩa trở về; Y là nghĩa nương theo. Nghĩa là bỏ tà pháp, về phụng sự chánh pháp, nương theo chánh pháp để tiến đến chơn tế, chánh pháp tức là ngôi Tam bảo.

BẢO: báu. Quý báu của Phật là thuyết đạo; quý báu của pháp là chở đạo; quý báu của Tăng là vì truyền đạo. Đối với tam bảo, nên tôn sùng, khá quý báu, vì giữa pháp thế gian không mấy khi có. Nói đúng ra: pháp thế gian là trong tam giới, làm gì có ba báu ấy, nếu không người chánh giác ra khỏi mê hoặc ba giới. Đã có câu “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ” vậy những người đã gặp và tự tâm tín thụ, ắt đặng giải thoát hết mê hoặc sanh tử của tam giới, nên tôn xưng là Bảo. Vua Đường Thái Tôn tôn xưng Huyền Trán là quốc bảo, nghĩa là môn báu bằng người của nước nhà, vì hơn cả bảy báu kia, bởi biết hoạt động về thuyết pháp, dịch kinh, chuyển mê khởi ngộ cho cả một quốc dân. Và hơn “dĩ thiện vi biểu” của nước Sở, vì từ thiện hữu lậu của thế gian nó lẫn quản giữa cõi đời sống say chết ngủ! Thì thập thiện của Trời còn mê, hưởng thiện của nước Sở ở sát đất cái!

**Viên**

**Biệt**

**Thông**

**Tăng**

Thi chung

Thập địa

Tam thập tam

Bồ-tát

Duyên-giác

Thinh-văn

Bồ-tát

Duyên-giác

Thinh-văn

Thiên-thừa

Nhơn-thừa

{ Đều quy-y nơi Phật-báo bằng lý-thê viên-mãn pháp-giới; vắng nơi Pháp-báo bằng pháp-lực-độ chơn-  
lý ngoài ba giới; kính nơi Tăng-báo bằng tánh viên-thừa, người viên-thật.

{ Mười trụ, mười hạnh, mười hồi-hướng. Quy-y nơi Phật-báo Báo-thân; vắng Pháp-báo là Lực-độ bằng  
Sự-tướng ngoài ba giới, đề-tu-hành suốt hằng-sa kiếp, khắp hằng-sa quốc-độ; kính nơi Tăng-báo bằng  
bực đại-thừa (tăng nhơn phương-tiện thứ nhất).

{ Quy-y Phật-báo bằng Tăng-ứng-thân; vắng pháp-lực-độ bằng lý, đề-phù-trì tu-tập nhuận ích đời số  
kính nơi Tăng-báo bằng bực đại-thừa (Tăng nhơn phương-tiện thứ hai).

{ Quy-y Phật-bằng Đứ-iệt thăng-ứng thân; nghe pháp-Thập-nhi nhơn duyên bằng lý vô-sanh, tư-nghi,  
chứng địa-vị Bích-Chi Phật; kính bực Đại-thừa Tăng (tăng nhơn phương-tiện thứ tư).

{ Quy-y Phật-bằng Đứ-iệt thăng-ứng thân; nghe pháp-Tứ-đề bằng lễ vô-sanh, chứng bực Dr-biện là  
Đại-A-la-hán; kính cũng như quy-y nơi Tam-thừa Tăng (tăng nhơn phương-tiện thứ năm).

{ Quy-y Phật-báo bằng thân tương-lực; vắng pháp-báo bằng Sự-lực-độ, đề-đề-nén vọng hoặc, thực-hành  
tu nhơn; kính Tăng-báo bằng Tam-thừa (tăng nhơn phương-tiện thứ ba).

{ Quy-y Phật-bằng thân tương-lực; nghe pháp-Thập-nhi nhơn-duyên bằng lễ sanh-diệt tư-nghi chứng  
quả Bích-Chi Phật; kính Tăng-báo bằng Thánh-chứng Tam-thừa (tăng nhơn phương-tiện thứ sáu).

{ Quy-y Phật-bằng thân tương-lực; nghe pháp-Tứ-đề bằng lễ sanh-diệt, chứng quả La-hán; quý kính  
nơi Tăng-báo bằng các Thánh-chứng bực Tam-thừa (tăng nhơn phương-tiện thứ bảy).

{ Sau khi đức Thích-Ca thành đạo vài ngày, bắt đầu vì nói pháp Tam-gui cho trường-giá Đa-Vi, nghe  
rằng: Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y vi-lai Tăng? vì đang suy-nghi trong hai mươi một ngày chưa nói  
pháp Tiểu-thừa, chưa có đệ-tử, chưa có hiện-tiền Tăng-báo, nên nói quy-y Tăng-báo sau này. Các cư-  
sĩ Đa-Vi đó, chưa phát bực chứng chơn-lý vô-sanh, mà chỉ là hạng hướng-phước tiêu quả của Nhơn-  
thừa và Thiên-thừa là cư-sĩ người và cư-sĩ Trời vậy mà thôi. Cư-sĩ ở gia-đình, tất cả tám bộ  
ngoại-hộ Phật-pháp.

{ Tăng  
nhơn  
bực viên thật

Bảy bực Tăng-nhơn của pháp môn phương-tiện

*Tự quy y Phật; đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.*

*Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải*

*Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thể vô ngại.*

Tự về nương Phật; phải nguyện chúng sanh, noi hiệu đạo cả (Phật bảo), đầy lòng không trên.

Tự về nương Pháp; phải nguyện chúng sanh, sâu vào kho Kinh (Pháp Bảo), trí huệ như biển.

Tự về nương Tăng; phải nguyện chúng sanh, gom trị chúng lớn (Tăng bảo), tất cả không ngại.

Ba bài kệ đây, đều mỗi câu đầu (tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng) là nói: quy y ngôi Nhứt thể Tam bảo. Mỗi ba câu kệ (đều từ “đương nguyện chúng sanh” sắp xuống” là nói: quy y ngôi Biệt tướng Tam bảo).

**Tự quy y Phật** là chính nối trí của tự tánh; quy y ngay nơi Phật của tự tánh, cũng quy y nơi Pháp của tự tánh, và cũng quy y nơi Tăng của tự tánh. **Phật**: giác, nghĩa là Biết, tỉnh và sáng suốt, tức là trí huệ của tự tánh. **Pháp**: phép tắc, mẫu mực, tức là lý lẽ của tự tánh. **Tăng**: hòa hợp, tức là lý trí nhứt như của tự tánh.

Lại, Phật là bát nhã đức; Pháp là pháp thân đức; Tăng là giải thoát đức. Ba đức lẫn tròn, tức là tự tánh Tam bảo: Tự tánh thanh tịnh, vẫn giáp pháp giới, thì pháp giới và chúng sanh đều lẫn nhau ở trong tự tánh của ta, mà ta đã tự quy y với ngôi Vô tận Tam bảo của bản tánh ta rồi, thì ta cũng cần phải nguyện cho pháp giới chúng sanh thấy đều quy y về ngôi Vô Tận Tam bảo của tự tánh.

Song, Biệt tướng Tam bảo dù nhiều, mà thành phần thì cũng do nơi Nhứt thể Tam bảo, tự tánh Tam bảo dẫn một, chứ biệt tướng Tam bảo riêng rõ sờ sờ, nên tự tánh Tam bảo đã hòa lẫn, thì cùng Biệt tướng nhứt như cũng khá biết.

**Thê**: thê cửu, là: noi xét. **Giải**: rõ nhớ. **Đại đạo**: đạo cả của nhứt Phật thừa. Nghĩa là câu nguyện cho khắp cả chúng sanh đều noi theo để tỏ nhớ đạo Phật vô thượng, phát ngay cái tâm lớn vô thượng, để mong cho chóng thành Phật quả vô thượng.

**Thâm nhập kinh tạng**: Kinh điển của đại thừa đều đủ mười hai bộ, kinh điển của tiểu thừa đều đủ chín bộ “Tạng “: Có ba tạng, là: Tạng kinh, Tạng luật, Tạng luận. Với ba tạng đây: đều lẫn nhau đủ cả mười hai bộ và chín bộ, chín và mười hai cũng đều

đủ cả trong Tam Tạng (Tạng Kinh đều đủ chữ mười hai bộ, tạng luật tạng luận đều đủ nghĩa của mười hai bộ).

Với “thập giới pháp môn” không kinh nào là chẳng trọn bao quát, nên nói là kinh tạng.

Lại, Kinh: trung đế; Luật: tục đế; Luận: chơn đế. Một mà đều đủ cả ba, ba, một chẳng phải là hai, bởi thế, nói ba tạng đâu chẳng là ba đế, nên phở nguyện pháp giới chúng sanh tỏ sâu vào lý tam đế, khắp vào cái tâm pháp giới, thì nhứt tâm tức là tam trí, ba trí vẫn là một tâm, tỳ như đại hải vô ngại.

Tam trí: 1/ Nhứt thể trí, là trí của các thánh Thỉnh văn Duyên giác, vì biết cái tổng tướng của tất cả pháp; tổng tướng tức là không tướng. 2/ Đạo chủng trí, là trí của các đức Bồ Tát, vì biết tất cả đạo pháp mỗi mỗi sai khác. 3/ Nhứt thể chủng trí, là trí của chư Phật, vì Phật có trí hoàn toàn sáng suốt, biết thấu pháp của tất cả chủng: từ tổng tướng đến biệt tướng để dạy đạo lý, dứt hoặc tập. Ba trí tròn sáng, tức là Chơn như tánh hải.

**Thống:** gom, Lý: sửa, điều trị. **Đại chúng:** Nguyên tiếng Phạm là Sangha (tiếng Việt đọc Tăng già) dịch chữ là Hòa hợp chúng, hay là Chúng hòa hội, nghĩa theo tiếng Việt là các vị Bí su đồng nhiều hòa thuận nhóm họp. Tức là các hàng quả vị trong tứ giáo, bảy bậc hiền giữa Tam thừa, và hạng thật sự Tăng chúng giữa phàm phu (như đã thấy bản đồ ở văn sám của ngài Duy Sơn Nhiêu Thiên Sư).

Phở thông nguyện cả chúng sanh: đều gom pháp lục hòa, đủ tu tam quán, để dứt tuyệt những mê vọng của tam hoặc, trọn rõ cả chơn giác của tam trí, cùng vào biển của tất cả Hiền Thánh, mà đặng lẽ viên dung vô ngại

**Hòa nam:** dịch là lễ bái. **Thánh chúng:** tức là các Thánh chúng cả Tam thừa giữa Tứ giáo. Ý nghĩa là: lạy chào các Thánh, chúng con xin lui

<b>Tam-tạng</b> tức là lý tam - đế	{	<b>Kinh - tạng</b>	Chơn-đế	{	<i>Lý-tánh của ba tạng vẫn là trống vắng.</i>
		<b>Luật - tạng</b>	Tục - đế		<i>Vấn nghĩa của ba tạng hẳn là vô-cùng.</i>
		<b>Luận - tạng</b>	Trung-đế		<i>Lý-tánh của văn nghĩa chẳng phải là hai.</i>

Xét rằng: Tam đế là tam đức tánh thiên nhiên, vì Trung đế là gom tất cả pháp; Chân đế là bật hẳn hết thấy pháp; Tục đế là

thành lập đủ các pháp. Lại, lúc tâm tánh chẳng động, mượn đây để  
lập cái tên Trung; lúc mất bật cõi tam thiên, mượn lập tên không;  
lúc mà tuy mất còn, mượn lập tên giả,

**Đại-thừa**  
và  
**Tiêu-thừa**

**Trường-hàng**

( Lại rằng Pháp-bồn, tức là những văn trường-hàng của các kinh chi nói ngay về cái tướng của các pháp đó )

**Trường-tụng**

( Tức là những văn kê-tụng đề nói lại nghĩa của trường-hàng )

**Thụ ký**

( Các đệ-tử dịch rõ được Phật-tánh, Phật trao cho cái danh hiệu, tiếp là hiệu gì, như phẩm thụ ký kinh Pháp-hoa. )

**Cổ khởi**

( Bài kê, không nói lại nghĩa của trường-hàng, mà chỉ toàn là những bài kê tự lập những nghĩa riêng. Như kinh Pháp-hoa, phẩm thí-dụ, sau lời tụng tụng, có 60 hàng đó là tụng cổ khởi, đề khuyến bảo : tin, ché sẽ phước, tội thể nào. )

**Vô vấn**

( Với Pháp nghĩa sâu xa, không ai biết hỏi, Phật tự nói ra. Như kinh Pháp-hoa phần đầu phẩm phương-tự thuyết (1) trên đó, chẳng đợi ai thỉnh, mà Phật tự khen 2 trí quyền thật của chư Phật Như-lai. )

**Nhơn-duyên**

( Tất cả chư Phật đều có thuyết về duyên khởi. Như kinh Đại-thừa điều-pháp Liên-hoa, Phật thuyết về nhơn sự duyên khởi của đức Đại-thông trí-thắng Phật. )

**Thí dụ**

( Các kinh Đại-thừa có những dụ : Kim-Cang, và 10 dụ là : 1/ Phật trong hoa héo... tướng vàng trong cốt gỗ. Tiêu-thừa kinh : Cây chuối, bọt nước v.v... kinh Pháp-hoa 7 dụ : 1/ Hòa-trạch... 7 y-tử. )

**Bổn sự**

( Việc thế-giới đời xưa, như việc nước của Phật Đại-thông trí-thắng trong kinh Pháp-hoa v.v... )

**Bổn sanh**

( Việc thụ-sanh về những đời quá-khứ, như sự tích của 16 vị vương-tử đã chép trong kinh Pháp-hoa v.v... )

**Phương quảng (1)**

( Nói rõ về nghĩa của Trung-đạo Thật-tướng, như kinh Pháp-hoa toàn là nói rõ Trung-đạo thật-tướng v.v... )

**Vị tăng hữu**

( Nói những pháp lý-kỳ, hiện ra những sự lạ lùng, chúng chúng lấy làm thấy nghe được việc chưa từng có. Như kinh Pháp-hoa mỗi tiết đều có sự lạ này. )

**Luận nghị**

( Phật và các đại đệ-tử cùng nhau vấn đáp. — Như kinh Pháp-hoa rải-rác có việc vấn đáp. )

( Như kinh Pháp-Hoa : một tiết trường-hàng tất cơ một tiết tụng tụng. Ngoài ra, các kinh khác so đây khá biết. )

(1) Tiêu-thừa không có «Vô vấn tự thuyết» và «Phương quảng».

Với Trường hàng, Trùng tụng, Cô khởi thì theo nơi chữ, một câu để thành lập danh từ; do nơi Sở để nêu bày cái tên Phương Quảng. Còn mấy phần kia là đều theo nơi Sự để xưng hô.

Vả lại, chỉ ngay nơi một bộ kinh Pháp Hoa nó gồm đủ mười hai phần hay bộ, để rõ rằng: các bộ kinh đại thừa nào cũng đều có đủ mười hai phần, mà cũng có đại thừa không đủ mười hai phần ấy, như Kinh A Di Đà chẳng có ba nghĩa Trùng tụng, Cô khởi, và Thụ ký. Ngoài ra, các Kinh khác so đó khá biết; còn với chín bộ của Tiểu thừa đủ hay chẳng đủ mười hai phần giáo, cũng so với Đại thừa như trên khá biết.

Bộ	Tặng	<b>Định Kinh học</b>	{ mỗi kinh đại-thừa đủ 12 phần giáo }	{ có cả 5 người nói }	{ Phật Đệ-tử các Trời Tiên Người hóa }	{ Bốn người này nói đều nhờ có Phật chứng-minh nên đều được gọi là kinh cả
		<b>Giới Luật học</b>	{ Đại-thừa như Phạm- vọng các kinh Bí-xu Tiểu-thừa như các luật Sa-Ni }	{ Chính một mình đức Phật chế tíc ra luật, ngài Phật ra, từ 1 ð-tát sắp xuống đều không thờ chế luật đặng. Tỳ như chủ lễ nhệc chính phật chỉ do vị cụ-củ chủ đưa ra.		
		<b>Huệ Luận học</b>	{ Đại-thừa như Trí- độ các luận Tiểu-thừa như A-tỳ đàm các luận }	{ Với Tạng luận thì cả Phật đến các thánh Tam-thừa và sau Phật nhập diệt các đức Tổ-Sư đều tạo ra nhiều bộ luận.		

Với ba ấy đều xưng là Tạng (là kho hay chứa vô kho) đó, là cả mười pháp giới, nào tứ Thánh, nào Lục phàm đều có bao nhiêu công đức dâu đều chẳng đủ, nên nói là Tạng: nếu mỗi người đều năng học tập, dần dần đi sâu vào chỗ thâm diệu của bao nhiêu kho ấy, thì tất nhiên trí huệ rộng sâu như biển khơi.

PHẬT LỊCH 2515  
**THỜI KHÓA TUNG CHIỀU**  
KỶ NIỆM MÙA KIẾT HẠ AN CƯ  
NĂM KỶ HỘI  
1959

**BÀI KỆ CỦA THẮT PHẬT**

Chư ác mạc tác (*Chư Phật dạy rành:*)  
Chúng thiện phụng hành (*Rửa sạch lòng mình;*)  
Tự tịnh kỳ ý (*Chừa những điều dữ,*)  
Thị chư Phật giáo (*Làm các việc lành.*)

Thanh Tịnh Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư  
Phước Hậu Tự Liên  
Chân Quý Đốn Đề

Hậu thêm hành đàn vệt  
Cúng kim ngôn  
Hộ thánh chủng  
Pháp truyền tài thí tọa Liên đài.

Phước lớn niệm A Di  
Tu Bửu sám  
Tụng Mông sơn  
Dương thái âm siêu quy Tịnh Độ.

**Lời Huấn Cách**

Xin sao dịch lời này để trước thời mộ-khóa, cùng bạn tịnh nghiệp thấy tu.

**ĐỨC TRIỆT NGỘ THIÊN SƯ HUẤN THỊ**

1. Người mà thực vì thoát sanh tử, phát Bồ đề tâm, là con đường phổ thông học đạo.
2. Lấy lòng tín nguyện thực sâu, để niệm danh hiệu Phật, là chính tông tu pháp tịnh độ.
3. Thâu tâm chuyên chú niệm Phật là pháp phương tiện tu tịnh độ.



4. Cốt yếu phải bền chắc giữ bốn giới cấm trọng để làm căn bản nhập đạo.
5. Phải bẻ gập phiền não hiện hành là việc cần yếu để tu tâm.
6. Dùng mỗi mỗi khổ hạnh chính đáng để làm trợ duyên tu đạo.
7. Phải niệm Phật cho được “nhứt tâm bất loạn” làm chỗ quy túc cho tịnh hạnh.
8. Lấy mỗi mỗi điềm lành, để làm chứng nghiệm được vãng sanh.

Đối với tám điều trên đây, thường thường phải giảng giải khuyến khích một cách thống thiết; vậy, phàm là người tu tịnh nghiệp, chẳng khá chẳng biết !!!?

## **PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH MÔNG GIẢI** **PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ, LỜI MÔNG GIẢI**

*(Đức Thích Ca Mâu Ni nói kinh này là: để chỉ rõ y báo chánh báo của Phật A Di Đà đều đủ có công đức thanh tịnh trang nghiêm, cốt khuyến chúng sanh tu pháp “Trì danh niệm Phật” được vãng sanh lên bực Bất thoái, vì có chư Phật ở sáu phương hộ niệm và chư Thượng thiện nhơn đề huê. Lời mông giải là: Lời của Ngài Quán Nguyệt Pháp Sư giải rõ chỗ khuất tối như sau đây):*

Các học giả bên Tiểu thừa không tin nhận có các quốc độ thanh tịnh ở các phương hay thế giới khác; những tu sĩ bên phái Thiên tông, cũng có người chê phương pháp niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ. Đây đều là hạng học tu ngoài da của Phật pháp, vì đối với mùi vị “vi diệu pháp” thì, tỷ như họ chỉ mới thưởng thức chất vị cặn bã mà đã cho là thức ăn cam mỹ, chứ chẳng biết còn có món ăn rất ngon quý hơn. Đối với pháp vị “niệm Phật cầu sanh”, dầu cho bực đã no đủ Thiên học đi nữa cũng chẳng dám có ý trái nghịch, huống là ai.

Chính các vị Đại Tông Sư như là: Vĩnh Minh, Sở Thạch v.v... những lời nói của các Ngài đều hợp với kinh Phật, đều đem pháp niệm Phật ra để dạy người tu học cầu nguyện vãng sanh tịnh độ. Bởi vì trong đại tạng kinh các bộ Đại thừa, đều có nói kèm lời khen ngợi pháp niệm Phật được sanh về nước Cực Lạc, vì cho là lối tu học này chóng tốt hơn.

Những Kinh chuyên nói rất rông về pháp tịnh độ thì, tức là: Kinh Đại bản, kinh Thập Lục Quán và các nghĩa của kinh tiểu bản này, thầy đều khắp gồm thâu hết ba căn cơ là trình độ những người tu học. Tỷ như biển lớn thâu nạp cả nước trăm sông. Chỉ như, tìm một pháp rất dễ hơn giữa các pháp dễ, chọn đường tắt hơn hết trong các đường tắt, thì chỉ có pháp trì danh niệm Phật và kinh tiểu bản này là rất dễ rất tắt nhứt hơn hết mà thôi. Vì số văn tự dù dón gọn, mà lời lẽ rất đầy đủ; nghĩa của nó bao trùm cả cái lượng rộng của kinh đại bản, kinh thập lục quán; lý của nó đủ suốt cái phẩm màu các bộ đại tạng. Đường như trong bầu vũ trụ nó bao hàm cả vạn tượng.

Nên từ đời Tấn, Tổ Huệ Viễn bắt đầu tổ thành hội Liên Hoa xã tại núi Khuôn Lư, tỉnh Chiết Giang, mãi đến nay trải qua đã hàng nghìn mấy trăm năm, mà những kẻ tu các kinh khác số được giải thoát cũng không bằng số người tu kinh này được giải thoát nhiều hơn, vì được vãng sanh mới chắc là giải thoát sanh tử.

Thế nên, với kinh Tiểu bản này, các đức Tổ Sư xưa đã chú giải, số sao rất đông, như Tổ Hải Đông làm Di Đà kinh số, Tổ U Khê làm Di Đà viên trung sao, Tổ Vân Khê làm Di Đà số sao, Tổ Linh Phong làm Di Đà yếu giải v.v.... đều vạch ra nghĩa lý rất rõ ràng, tỷ như ánh thái dương sáng rõ giữa trời, khắp soi cả mặt đất. Vạy phạm là kẻ trí thức, xin chính mình tự xét lấy.

Song, đối với các bản kinh đã số giải trên, kẻ sơ cơ xem đến chưa khỏi dọi ngược, vì khó hiểu được, bởi văn từ quá rông nhiều, ý nghĩa rất tinh vi. Tôi chẳng nệ nhọc nhằn, lập lại và làm nghĩa “mông giải” này, để làm cái cơ sở hầu tiến lên nơi nhà trên của Phật pháp, tưởng không phải là vô ích?

Sắp giải thích kinh tiểu bản này trước hết xin lập ra năm lớp nghĩa mầu, để thích rõ danh đề là tên kinh đây:

A/ Với kinh đây, riêng chỉ dùng tên người làm danh, danh là đề mục của kinh. Với đề mục của kinh này có hai bản: một, tên là “Phật thuyết A Di Đà kinh”, hai, danh là “Nhứt thế chư Phật sở hộ niệm kinh”. Ở đây chỉ lược giải về kinh đề của bản trước là: Phật thuyết A Di Đà Kinh:

**Phật:** Đức giáo chủ ở cõi Ta bà, là người đã chứng quả vị tột bực mà năng nói.

**A Di Đà:** Đức giáo chủ ở cõi Cực Lạc, là người đã chứng quả vị tột bực mà bị nói.

Rằng quả vị tốt bậc là: Với phiền não sanh tử đã dứt hết, với bồ đề niết bàn đã trọn nên, đầy đủ muôn đức tốt, khắp hiện ba tướng thân, ngôi tốt không chi trên, nên gọi là Phật.

Thế thì đức Di Đà, đức Thích Ca đã đồng là bậc Cực quả rồi, còn cần chi nữa lại phải dùng lời của Phật đây để khen tặng cho Phật kia bằng cách nói ra kinh này ư? Nguyên bởi thế giới Ta Bà đây là cõi đời uế ác thì, y báo là quốc độ, chánh báo là thân tâm, đều được thiết hiện ra như thế này là, nguyên do nơi lòng vọng tưởng làm việc mê hoặc nên đều cảm chịu như thế đó, nghĩa là phát khởi ra nhiều đến vô cùng những kiếp sanh tử ảo thuật như phim chớp bóng, trôi giạt trong ba cõi, chúng sanh này không được nương nhờ vào đâu, như lũ con cô quạnh! Mặc dầu có đức Phật Thích Ca ra đời, nhưng chỉ một thời kỳ rất ngắn để dạy độ những phần tử có căn cơ thích hợp mà thôi, còn những chúng sanh vô duyên với Phật không tin tưởng thì làm gì độ được.

Nếu nói về cõi Cực Lạc thanh tịnh, thì y báo là cõi nước, chánh báo là mình vóc, đều sạch trong, tốt đẹp, vì trái đất bằng vàng ròng, thân người bằng hóa sanh. Thân và cõi được trang nghiêm như thế là đều bởi toàn thể loài người bên thế giới ấy, tâm đủ cả công đức niệm Phật thanh tịnh, nên thật hiện ra cái thân thom đẹp bằng liên hoa hóa sanh, và tâm đủ cả chí nguyện kiên cố, nên hiện thiết ra cái cảnh giới chắc rờ bằng hoàng kim vi địa.

Với việc thuyết pháp để giáo dục, thì hiện có đức Di Đà thường giảng dạy luôn luôn; còn thuyết pháp bằng cảnh vật để nhắc nhở, thì vẫn có nước, chim, cây, rừng thường reo hát khuyến rao mãi mãi.

Chúng sanh là nhơn dân đều được nghe rồi, cả ba bậc căn tánh đồng đồng tăng phần phẩm đạo, rút ngắn cái đời tu học, để chóng đắc quả Phật. Thế nên với kinh này không những một đức Thích Ca cao giọng tán dương, mà hẳn còn được nhiều chư Phật ở sáu phương cũng đồng ca ngợi nữa. Như thế, đâu chẳng là nhắc thức chúng ta, cần phải tin tu theo bốn kinh đây là kinh có công đức rất trang nghiêm mà không thể ý nghĩa lời bàn, đã được chư Phật xưng dương tán thán. Vậy chúng ta, nên kíp phát tâm dũng mãnh tụng kinh niệm Phật đây để cầu nguyện vãng sanh về cõi tịnh độ của Phật A Di Đà.

A Di Đà tiếng Phạm: Amita, dịch chữ: Vô lượng quang, nghĩa: ánh sáng không lường. Trong văn kinh nói: Phật kia có hào

quang sáng rộng không lường, vì ánh chiếu đến cả mười phương thế giới, không chỉ làm chướng ngại được. Lại đôi chữ là: Vô lượng thọ, nghĩa: Sống lâu không lường. Trong văn Kinh nói: Đức A Di Đà cùng nhơn dân kia đều sống lâu đến vô lượng vô biên vô số kiếp. Vì “Quang” thì xứng với tánh giác khắp pháp giới; còn “Thọ” thì đúng với tánh vẫn không sanh diệt. Thật ra những trí huệ, thần thông, y báo, chánh báo, căn cơ, giáo khoa v.v... mỗi chi chi cũng đều xứng với con số vô lượng cả.

Thế thì, khi người ta niệm Phật: mỗi câu rành rõ, tương ưng với Phật, tức là nghĩa của chữ “Quang” đấy; mỗi câu không gián đoạn, được nhứt tâm bất loạn, tức là nghĩa của chữ “Thọ” đấy. Vì hiệu Phật với tâm niệm liền liền không dứt không loạn, nên tức là nghĩa trường thọ bất diệt; cũng như câu niệm Phật với lòng niệm rành rõ sáng suốt, nên tức là nghĩa quang minh vô tận.

Quang tức là trí như như; Thọ tức là lý như như; Trí chiếu nơi Lý, lý rõ trí sáng, lý trí vẫn một, quang thọ chẳng hai, thế, với lẽ tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ, mỗi niệm của tu đều chiếu thấu suốt cả. Đó niệm Phật mà đúng như thế, thì Quang và Thọ há phi rõ bày nơi tự tâm ư?

Song, còn có nghĩa Lục tức vì chia ra vị trí chẳng đồng nhau, bởi cái tâm hiện bây giờ của chúng sanh.

1/ Với Quang Thọ mặc dù sẵn đủ, nhưng mê lũng đi mà chẳng tự khai giác ra được, thì chỉ gọi bằng “xứng lý tức Quang Thọ”,

2/ Nhờ nghe nên hiểu biết tịnh độ và hiệu Phật, là “danh tự tức Quang Thọ”.

3/ Đã nghe tin rõ, giữ niệm luôn danh hiệu Phật, là “quán hành tức Quang Thọ”

4/ Cái thô cấu của phiền não đã phải giữ rụng trước là “tương tự tức Quang Thọ”.

5/ Với vô minh phá được từ phần, để rõ bày tự tánh Phật là “phân chứng tức Quang Thọ”

6/ Với vô minh phá trừ đã hết, với lý trí chứng đã tột tròn, đó mới chính thật đáng gọi là “cứu cánh tức Quang Thọ”

Thế biết rằng: Đức Phật A Di Đà là bực người cứu cánh, thì “Quang” và “Thọ” đều rộng khắp ra giúp họ đến vô cùng tận. Vậy nếu là người muốn cầu giải thoát mà lại rời đây ra, thì đâu có dễ gì thật đặng giải thoát.

B/ Kinh này dùng thật tướng làm thể. Thể là cái lý. Kinh mà không có lý, thì đâu có thể khế hợp với Phật pháp và căn cơ con người, thành ra đồng với sách tiểu thuyết của thế tục. Thật tướng là cái tâm hiện tiền của chúng ta; nó là cái bản thể vô hình vô tướng, phi diệt phi sanh, mà lại hay rỗng rang sáng tỏ như gương chiếu rõ vật tượng không sót một tí hào.

Song, cái có sanh có diệt đó, là những cái bóng luống dối của vọng tưởng trong tâm; cái tâm thật tướng kia, tuy trọn ngày ở nơi vọng, mà trọn ngày nó vẫn là chơn; từ nghe thính thấy sắc, đến cả hành động cử chỉ gì, nó đều rõ suốt rành rẽ tất cả, khôn sáng riêng tỏ, rảnh hảnh ngoài căn, trần; nếu xảy một niệm vừa phân biệt, thì tâm đã bị rượt theo trần cảnh mà, rồi đến sanh tử vô cùng!

Thể nên đức Như Lai đã chứng rõ cái thật tướng rồi, lại vẫn y nơi tâm từ bi thật tướng đó, để phát minh ra bốn kinh này, mỗi câu toàn là thật tướng. Lời nào lời nấy đều rõ lý thể, để khiến cho những người niệm Phật tự rõ nhận lấy mỗi niệm mỗi niệm đâu chẳng là chứng cái thật tướng của duy tâm tự tánh đây mà thôi. Hết hai trùng.

C/ Kinh này lấy lòng tin, lời nguyện giữ niệm danh Phật làm tông. Tông: tông yếu cũng như nòng cốt. Trong văn kinh nói: cần phải tin xưng tụng tán thán kinh đây, và khuyên nên tin. Lại rằng: Cần phải phát nguyện... khuyên nguyện... lại nói: giữ niệm danh hiệu... khuyên hành, là bảo phải thật hành niệm Phật phát nguyện cầu vãng sanh.

Sách yếu giải nói: Phi tin, chẳng đủ đầy nguyện, phi nguyện chẳng đủ dẫn hành, phi thật hành giữ danh đề niệm, thì chẳng đủ để đầy chỗ nguyện, chứng chỗ tin. Ba cái tin, hành và nguyện đó, là món tư lương hay cơm ăn đi đường, để cầu sanh sang về tịnh độ, tỷ như cái đánh có ba chơn, thiếu một thì không đứng vững được.

**Tín:** Tin, là tin sáu điều này: Tự tha, nhơn quả, sự lý; đủ sáu cái nguyên nhân đó chung lại giúp lẫn nhau mới thành lập được tịnh độ. Nguyện là: nguyện xả bỏ cõi ta bà, mà hâm mộ về cõi Cực Lạc. Hành là: thật hành bằng cách giữ gìn danh hiệu A Di Đà Phật để niệm luôn luôn mãi đến chừng nào được nhứt tâm bất loạn. Nghĩa: cái tâm chỉ thành một khối niệm Phật, chớ không còn niệm gì nữa xâm loạn.

**Tự:** Minh, rằng tin tự là biết cái bản thể tự tâm của mình nó dọc cùng ba giới, ngang khắp mười phương, nguyên sẵn thanh tịnh; nay nó bị cái vọng niệm vô minh làm lừa dối, nên chi chẳng thể rõ suốt lại được cái bản thể kia. Bây giờ đây, nếu ta có thể mỗi niệm tức là Di Đà thì chắc hẳn hiển nhiên tự tánh duy tâm tức là Phật độ (tịnh độ)

**Tha:** kẻ khác, rằng tin tha, là biết đức Thích Tôn nói kinh này chẳng dối gạt. Chư Phật sở dĩ có cái tướng lưỡi rộng dài hơn chúng nhơn là tượng trưng cái kết quả đã nhiều đời không nói dối; còn đức Di Đà lại có cái cõi thanh tịnh hơn các thế giới khác là để biểu dương cái tâm nguyện rộng lớn đã chơn thật làm nên; nay đây chỉ có điều là chúng sanh cần phải nương nơi đức tin đầy lòng nguyện là quyết định được vãng sanh đầy thôi.

**Nhơn:** Nhơn do, nguyên nhơn; tin nhơn có hai cách “Định tâm niệm Phật” và “Tán tâm niệm Phật” đều thành giống Phật (hột giống Phật)

**Quả:** Kết quả; tin quả có hai điều lành là Định thiện, Tán thiện, kiêm cả nguyện trọn đủ, thì chắc được đi ngay đến liên đài (*chín phẩm đài sen*).

**Sự:** Việc, sự tướng, thật sự; tin sự là tin ngoài mười muôn ức cõi Phật, ắt có nước Cực Lạc mà ta có thể tìmặng, vì bởi sự là do nơi lý hiện thành, chứ không phải như cái cảnh giới ngụ ngôn của ông Trang Sanh kia đâu; vì sự thật chẳng đồng với sự bịa đặt.

**Lý:** lẽ, lý tánh, chơn lý; tin lý, là tin rất đối cái cùng tột hư không khắp thế giới kia cũng là duy nơi tự tâm biến hiện thay, phương chi với cái đường xa chỉ có mười vạn ức Phật thổ u? Vì bởi lý nó do nơi sự để rõ bày.

Kinh Tịnh Danh chép: Tâm sạch thì cõi nước sạch, tâm dơ thì quốc thổ dơ, ở vào tịnh độ thì chúng sanh ấy được hưởng phước vui vô sanh, ở uest độ thì chịu tội khổ sanh tử. Thế nên chúng ta cần phải tha thiết phát nguyện: nguyện hy sanh xả hết những cái gì mà cõi uest độ hiện có, để tiến thủ các sự chơn thường chơn lạc cõi tịnh độ Phật đã để dành cho. Phát khởi cái công hạnh tốt để chấp trì danh hiệu, đức tin, lòng nguyện đều trọn vẹn, niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm tức niệm Phật, tâm Phật vẫn một, thủ xả đều không, cho đến thành quả Phật thanh tịnh đi nữa, há phi do ba tư lương tín, hành, nguyện đó là trước nhưt sao. Hết ba trùng.

D/ Kinh này dùng đặc vãng sanh, bất thoái chuyển làm dụng. Dụng; lực dụng. Trước dùng cái sức lực của ba tư lương, hẳn có phần thật chứng của chín phẩm, vì đã được vãng sanh, đều là bậc A Bệ Bạt Trí (dịch: bất thoái chuyển) nghĩa là: đối với “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” là quả vị Phật, người đã vãng sanh thường ngày thường tu tiến tới quả vị ấy là cứu cánh, chứ chẳng hề ngã lòng thối chí như người tu ở thế giới ta bà này, nên gọi là Bất thoái chuyển.

Song, các bốn kinh kia đều nói có bốn quốc độ, và đều bàn có chín phẩm vãng sanh, với Bất thoái chuyển cũng có bốn hạng. Còn kinh tiểu bốn này đây thì: với bốn độ, độ nào cũng đều thanh tịnh, với chín phẩm cũng tùy nguyện lực thế nào sẽ được vãng sanh thế này, mà hễ đã sanh về rồi là được hạng Bất thối. Như thế, khá gọi là: vượt khỏi tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, tiến ngay đến địa vị vô sanh. Chí như cái lẽ rằng: “đi ra khỏi sanh tử bằng cách đi dọc lên” của các Kinh đã phát minh, thì chẳng thể sánh bì với Kinh Tiểu bốn này được.

Xin xem biểu đồ bốn độ chín phẩm ở phía sau:

**THẾ GIỚI CỰC LẠC CÓ BỐN ĐỘ, MỖI ĐỘ ĐỀU CÓ CHÍN PHẨM, CHÚNG BÀN CÓ BA BỰC BẤT THOÁI.**

## Niệm Phật

Ma chưa dứt kiến-hoặc, tư-hoặc, tùy theo tâm-niệm hay định-niệm thì mang nghiệp hay chẳng mang nghiệp đều được

Đã đến «sư nhưt tâm», kiến tư hai hoặc đều đã dứt sạch hết rồi, thì được vãng

Đã đến «lý nhưt tâm», xe vại được một phần phẩm vô-minh, đến hết cả bốn mươi mới phẩm đầu dứt sạch

Tu đã tiến đến cái thời-lý phá trừ đã sạch hết vô-minh-hoặc rồi, chứng lên quả-vi Diệu-giác thì được

## Sanh về ở cõi

Đồng-cư  
Phương-tiên

Thật-báo

## Đều có ba bởi chín phẩm

Vì bất thời

Hành bất thời

Niệm bất thời

Tịch-quang

Niệm Phật một câu rồi cũng bất thời

Hạng mang nghiệp và hạng chẳng mang nghiệp theo cũng đều sanh về cõi Đồng-cư, nưong tên-hoa hóa-sanh [ra hẳn các điều thối lưu, nên gọi là «quả vi bất thối» là vì cảnh-giới thanh-tịnh.

Đã dứt hết kiến-hoặc, tư-hoặc và đoạn-trừ luân-trần-sa hoặc, sanh cõi phương-tiên, vì tu chắc các hạnh.

Chứng bực Sơ-trụ của Viên-giáo và Sơ-địa của Biệt-giáo, đều sanh về ở cõi Thật-báo trang-nghiêm, lại nói rằng: Hai bực này đương chứng lên từ phần từ phần về cõi Thường-tịch-quang.

Đối với việc tu niệm Phật: Bất-luận là Định-tâm hay Tấn-tâm, hữu tâm hay vô tâm, hoặc rõ hay chẳng rõ, mà cốt là chỉ nghe được danh của Phật, hoặc nghe trọn bốn kinh hay chỉ kinh đề này, thì về sau dù trải nhiều kiếp như vi-trần mà với giống của những người ấy không hề dứt mất, rốt rồi, nhưn đó cũng đều đắc Phật độ, như ông tiều bị cọp leo cây, hoảng niệm ba tiếng «Nam-mô Phật», nhưng đương lúc bấy giờ thì chưa vãng-sanh ngay được, vì với ba tư-hương là tín, hành và nguyện chưa được đủ.

Cũng gọi Danh-vị là bốn bực Bất-thối-chuyên



# HÀNH TƯỚNG VĨNG SANH CỦA CỬU PHẨM LIÊN HOA

*Dón rút những văn của Kinh Thập Lục Quán.*

## 1. Thượng phẩm thượng sanh

Trọn đây lên ba tâm là: chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm, và phát cái nguyện đại thừa, để tu pháp niệm Phật, khi lâm chung được thấy Phật, Thánh nhiều đến vô lượng; tự thân người được nương ngồi trên cái đài hoa sen bằng ngọc Kim Cang chỉ trong rất ngắn là “một đờn chỉ” vãng sanh về Cực Lạc kia, tức thời được nghe pháp của Phật thừa tâm liền mở mang được Phật huệ, chứng ngay quả vô sanh nhẫn; chỉ trong một giây phút có thể vãng hầu đủ cả thập phương chư Phật theo thứ tự liền được chư Phật thụ ký cho, cũng chỉ trong giờ phút đó, liền về nước Cực Lạc, liền sáng suốt đặng các pháp môn tông trì (đà la ni) nhiều đến vô lượng.

## 2. Thượng phẩm trung sanh

Những người nghe pháp Đại thừa mà tâm không kinh sợ, tin sâu lý nhơn quả, niệm Phật và làm phúc thiện chi, cũng đều hồi hướng về nước Cực Lạc; người ấy khi lâm chung được thấy một nghìn đức Hóa Thân Phật của A Di Đà đồng thời nắm tay trao đất, các thánh chúng cũng đông nhiều để đón tiếp. Tự thân của người lên ngồi trên cái đài hoa sen bằng vàng tía, chùng trong một niệm, đã đến ao sen, cách qua một đêm, hoa sen mới nở thân hóa sanh của người bằng màu vàng tía. Nhờ ánh vàng của Phật và thánh chúng, người được mở sáng mắt huệ, nhớ rõ lại những việc lành đã làm từ kiếp trước đều đúng với đệ nhất nghĩa. Người xuống đài sen để lạy Phật. Từ bữa hoa nở về sau bảy ngày, người mới đắc quả tam miệu tam bồ đề, mãi đến tiểu kiếp, mới đặng pháp vô sanh nhẫn.

## 3. Thượng phẩm hạ sanh

Hạng người này cũng tin lý nhơn quả của pháp đại thừa chỉ mới phát cái đạo tâm vô thượng chứ chưa thật hành được mấy, có hồi hướng về lạc quốc; khi lâm chung người được thấy năm trăm đức Hóa Phật đồng thời trao tay. Tự thân của người lên hoa sen, hoa liền xếp lại, theo Phật đến ao sen, qua một ngày đêm hoa mới nở, sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật nhưng chưa thấy rõ tướng tốt, sau ba tuần thất mới thấy rõ đủ. Được thân cận cúng hầu chư

Phật nghe pháp thậm thâm, trải qua ba tiểu kiếp mới tỏ ngộ bách pháp minh môn, mới tiến lên trụ nơi Hoan hỷ địa.

#### **4. Trung phẩm thượng sanh**

Hạng người này chăm ăn chay, giữ giới niệm Phật hồi hướng về nước Cực Lạc; khi lâm chung thấy Phật thánh chúng hào quang vàng và được nghe các pháp: Khổ, không, vô thường, vô ngã. Tự thân lên hoa sen lạy Phật, trong lúc vừa ngóc đầu là liền được sanh sang nước Cực Lạc, khi hoa nở cũng như đẻ ra liền được nghe pháp tứ đế, liền chứng quả thứ tư là A La Hán trọn đủ các pháp: tam minh bát giải...

#### **5. Trung phẩm trung sanh**

Hạng người này ngoài pháp tu niệm Phật với, hạn trong một ngày đêm: hoặc giữ bát quan trai giới hoặc giữ Sa di giới, hoặc giữ cụ túc giới: với các giới ấy tùy giữ được một nào cho tinh nghiêm hạn trong một ngày đêm, đem công đức đó hồi hướng về nước Cực Lạc. Khi lâm chung được thấy Phật, thánh, ánh vàng, tự thân ngồi trên đài hoa sen bằng bảy chất báu, hoa liền xếp lại tức thì đến ao báu, sau bảy ngày hoa nở người lạy và tán thán Phật, nghe pháp đặc Sơ quả trải qua nửa kiếp mới đắc La Hán quả.

#### **6. Trung phẩm hạ sanh**

Hạng này, thường hành cái hiếu đạo, lòng rất nhơn từ; khi sắp lâm chung, được gặp bạn thiện tri thức nhiều lời tán dương nước Cực Lạc và nguyện rộng lớn của đức Phật A Di Đà. Người nghe vừa rồi là mạng vừa chung, trong lúc như co duỗi cánh tay, liền sanh về nước Cực Lạc. Qua bảy ngày, được nghe đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí nói pháp, liền đắc Sơ quả. Qua một tiểu kiếp mới đắc quả A La hán.

#### **7. Hạ phẩm thượng sanh**

Những người dù không hủy báng Phật, cô gây nhiều thứ nghiệp; khi lâm chung, gặp Thiện tri thức dạy, nghe nói tên Kinh Đại Thừa, liền diệt được tội trọng từ ngàn kiếp; lại dạy chấp tay niệm Phật, liền trừ được tội sanh tử từ năm chục ức kiếp. Được thấy các đức Hóa Phật, Hóa thánh chúng đều phóng hào quang chiếu sáng đầy thất xá, người mạng chung, nương đài sen bảo hoa, theo sau Phật đến bửu trì, trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở, thấy hào quang của hai thánh là Quán Âm, Thế Chí và nghe hai Ngài nói Kinh sách đại thừa, phát khởi ngay cái tâm vô thượng

đạo. Trải qua mười tiểu kiếp, học đủ bách pháp minh môn rồi, mới đắc chứng lên bực Sơ địa.

### 8. Hạ phẩm trung sanh

Hạng này đã phá trai phạm giới, trộm cắp của Tăng kỳ, tức tứ phương hay thập phương Tăng vật là những tài vật của các Chùa như: Ruộng vườn, nhà cửa, gạo thóc, mà các vị Bí Khu, Bí Khu Ni ở nơi các phương khác đều có phần hưởng dụng, kêu bằng tứ phương tăng vật, hay hiện tiền tăng vật. Ba nghiệp bất tịnh mà thăng tọa thuyết pháp. Người ấy đến lúc sắp mạng chung, những hình tướng độc ác của địa ngục đồng thời hiện cho người ấy thấy; may gặp vị Thiện tri thức, vì nói công đức của A Di Đà Phật và các điều giới, định, tuệ; nghe rồi dứt được tội sanh tử tám mươi ức kiếp, cái ác tướng ngục hỏa kia liền hóa làm gió thanh lương, thổi đưa đến các thứ hoa rất tốt đẹp, trên hoa đều có các đức Hóa Phật, Bồ Tát đến đón rước người, chỉ trong một niệm, liền sanh về nơi ao báu, ghé trong hoa sen mãi đến sáu kiếp nở ra, nghe hai đức Đại Thánh nói Kinh Đại thừa, liền đầy tâm vô thượng.

### 9. Hạ phẩm hạ sanh

Hạng này dù đã lỡ làm gây đủ các tội quá nặng như ngũ nghịch, thập ác, đến lúc sắp thở hơi cuối cùng, mắt người thấy cảnh rất khổ của A Tỳ địa ngục hiện ra, bấy giờ may gặp bạn tri thức khuyên bảo niệm Phật; nhưng người vì quá ư khốn khổ ngặt lắm, chưa thể yên rảnh tâm để niệm Phật! Bạn lại răn nhắc nữa, người mới dốc lòng khứng niệm, lại càng niệm một cách thành thiết lắm, vì tự biết sắp chết, nên không còn xen tưởng niệm chi hơn bằng niệm Phật rất tinh chuyên; như thế niệm được mười niệm, dứt ngay các tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp. Người tự thấy hoa sen vàng như mặt nhựt hiện trước mắt, tự thân người nương ngồi trên hoa, chẳng bao lâu chùng trong một niệm đã sanh về Cực Lạc, trải lâu qua mười hai đại kiếp, hoa ấy mới nở; được nghe hai đức Quan Âm, Thế Chí nói đủ cái thật tướng của các pháp, người liền phát tâm bồ đề.

**Đà La Ni:** Dịch chữ Tổng trì: gom giữ, là: gom tất cả pháp, giữ hết thầy nghĩa. Lại dịch: Cha trì: ngăn giữ, là: ngăn cấm mọi điều ác, giữ gìn các việc lành.

**Vô sanh nhẫn:** nhịn không sanh. Vô sanh tức là chơn tánh nó vốn không sanh diệt gì cả, do vì mới phá trừ được cái vô minh hoặc, hẳn thấy đặng cái tánh của các pháp, hiểu rõ luôn cái thể các

pháp, mà ẩn nhẫn ở tự tâm, chứ chẳng thể nói hay hình dung ra được. Tỷ như người uống nước, nóng hay nguội là chỉ tự mình biết lấy, chứ không thể nói hay hình dung cái nóng nguội đó ra bằng cái tướng gì được. Bởi với tánh thể ấy, tuyệt hẳn lẽ nói năng, vì lời nói phô thuộc về danh tướng rồi. Vô sanh nhẫn đây vị trí nó ở về bực Sơ trụ của Viên giáo, và bực Sơ địa bên Biệt giáo

**Chỉ mới phát cái đạo tâm Vô thượng:** Nếu ở trong ngôi “Danh tự tức Phật” mà phát cái tâm ấy thì cái “vô thượng đạo tâm” đó nó thuộc về ba phẩm Hạ; ở trong ngôi “Quán hành tức Phật” phát cái tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Trung; ở trong ngôi “tương tợ tức Phật” phát tâm ấy thì nó thuộc về ba phẩm Thượng.

**Sau bảy ngày rồi dù được thấy Phật mà chưa rõ:**

Nhơn vì bực “Thượng phẩm hạ sanh” đây, vị trí nó đương ở nơi Tập chủng tánh (Tập là tập học tu hành, hơn nghe được các giáo pháp, rồi tập tu các việc lành mà thành cái chủng tánh này. Chủng là chủng tử: hột giống nó có cái nghĩa sanh; Tánh là tánh phận, nó có cái nghĩa chẳng đổi), ở tu học lớp “tập chủng tánh” đây, mặc dầu đã trừ phá được cái kiến hoặc, tư hoặc rồi, mà chưa trừ dứt cái trần sa hoặc; nên chỉ với chỗ thấy các tướng tốt của Phật, tâm chẳng hiểu rành cho tường tất được (đó là trong bảy ngày đầu sau khi hoa khai kiến Phật). Mãi đến ba lần bảy ngày, tiên lên lớp Tánh chủng tánh (Tánh là bản tánh: từ vô thi lại, tánh nó vốn sẵn thể là thể cả sáu căn hay lục nhập, lục xứ vẫn tự nhiên thù thắng, mà chưa gieo cái phần giải thoát). Ở tu học nơi lớp đây, để dứt cái hoặc trần sa, chùng đó, với tám vạn tướng tốt của Phật, đều thấy được mỗi mỗi phân minh.

**Khổ không vô thường vô ngã:**

Là pháp của tiểu thừa, Sơ quả, tứ quả là địa vị của Tiểu thừa. Tất cả Kinh pháp của tiểu thừa, dùng ba pháp ấn để ẩn chứng rằng thật là Phật thuyết (với cả thầy kinh sách đại thừa, dùng một thật tướng ẩn để ẩn chứng, mới thật là giáo pháp liễu nghĩa của đại thừa Phật thuyết, trái lại, Kinh sách nào mà chẳng có ý nghĩa tam pháp ấn, như thật tướng ẩn, thì đều ma thuyết). Tam pháp ấn là: 1/ chư hành vô thường: Hành có nghĩa là: Trau dồi, là: pháp hữu vi, rằng tất cả pháp hữu vi, tướng nó mỗi niệm sanh diệt vô thường, thể chư hành vô thường ẩn. 2/ chư Pháp vô ngã ẩn; cái danh của Hành nó bị cuộc vào pháp hữu vi, cái danh của pháp nó thông đồng với pháp vô vi, rằng trong tất cả các pháp hữu vi, vô vi

đều chẳng có cái thật thể của “Ngã”, thể là chư pháp vô ngã ấn. 3/ Niết bàn tịch tịnh ấn: Rằng cái pháp Niết bàn nó diệt trừ hết những thống khổ của tất cả sanh tử, mà thay vì làm ra thành cảnh giới vô vi tịch tịnh, thể là Niết bàn tịch tịnh ấn.

**Hỏi:** Bên nước Cực Lạc chẳng có các Thanh văn, sao ở đây lại nói có đó?

**Đáp:** Đối với lối tu pháp đại thừa, những người ấy thôi chí đã lâu, còn với pháp tiểu thừa, có công tập học đã thâm lắm, lúc người sắp mạng chung, dù phát tâm đại bồ đề để vãng sanh, nhưng với cái tánh quen tập tu tiểu thừa kia đã thâm lâu đó nên khó dứt liền được, thành thử Phật ngài nói có Sơ quả, tứ quả như vậy là tùy thuận nơi cái tập tánh của người Thanh văn kia, ngộ để họ liền hướng về Đại thừa cho sớm đầy thôi. Sơ quả, Tứ quả đây chẳng phải những ngôi sơ quả tứ quả của Tạng giáo, Thông giáo, mà chính là ngang hàng với sơ quả, tứ quả của Biệt giáo, Viên giáo, vì đã đoạn trừ rồi kiến hoặc, tư hoặc.

**Tứ đế:** khô, tập, diệt, đạo là bốn pháp của La Hán học tu, với cái biểu đồ pháp tứ đế, đã có chỉ rõ ở khoản tâm kinh của thời kinh mai rồi. **Tam minh, bát giải, bát giới** sẽ có những biểu đồ ở sau kia, **hai đức Thánh:** tức hai đức Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. **Ngũ nghịch thập ác:** sẽ thấy những biểu đồ chỉ rõ ở trong văn Đại sám hồi là Hồng danh bửu sám.



**BÁCH PHÁP MINH MÔN**

Sắc Pháp mười một món	} Năm căn là nội sắc, sáu trần là những ngoại sắc.
Tâm Pháp tám món	
Tâm sở Pháp năm mươi một món	} Nó thường cùng tương ứng nhau bát thức tâm-vương.
Bất tương ứng Pháp hai mươi bốn món	
Vô - vi Pháp sáu món	} Đều chẳng tương ứng với ba Pháp là : Tâm-vương, tâm-sở và sắc-pháp, mà chỉ theo ba Pháp ấy đề chia ngôi mụn lập.
	} Chỗ mà thanh-tịnh thức của thánh nhơn nó đối cảnh Pháp trần, vì là đã không còn sanh-diệt nữa.

*Đối với sự lý, thánh phàm giữa thế-gian và xuất thế-gian, nếu ta đã hiểu một trăm pháp trên đó rồi thì chi chi đều rõ tất cả không còn gì chướng ngại. Tức là ngôi Sơ-địa của biệt-giáo, Sơ-trụ của Viên-giáo. — Xin xem Bách pháp minh môn luận, sách pháp số cũng chỉ rõ, và cuốn Duy-thức triết-học đương thách giá giữa triết-học hiện thời có biết rõ.*

**BỐN QUẢ THÁNH**

- 1) Tu-Đà-Hoàn dịch là: **Dục-lưu, Nhập-lưu, Nghịch-lưu**
- 2) Tu-Đà-Hàm dịch là: **Nhứt-lai**
- 3) A-Na-Hàm dịch là: **Bất-lai**
- 4) A-La-Hán dịch là: **Sắc-tạc, Vô-sanh, Ứng-cúng**

Dứt rồi kiến-hoặc là : tám mươi tám sở phiến-não, dục dòng chơn-tánh của thánh nhơn, nghĩa là nghịch dòng sanh-tử của chúng-sanh, thuận lên bờ Niết-bàn của thánh nhơn.

Với giữa chín phạm tư-hoặc của Dục-giới, thánh này đã dứt hết sáu phạm trước, còn lại ba phạm tư-hoặc sau, nên còn Phải sanh lại dục-giới một lần sanh-tử nữa, vì đề tu dứt cho hết ba Phạm ấy mới đắc La-Hán.

Đã dứt hết rồi chín Phạm tư-hoặc của dục-giới, nên không thụ sanh-tử ở dục-giới nữa; nhưng còn ở tám chỗ của sắc-giới, vô sắc-giới cộng có bảy mươi hai tư-hoặc. Phải ở đó tu dứt, là tu cái định của tam quả thánh nhơn đề đoạn học.

Đã giết những giặc Phiến-não của kiến-hoặc tư-hoặc, hẳn không bị chịu những khổ sanh, tử của tam-giới nữa, đáng kham nhậm thụ dụng của người và trời cúng dâng.

BÁT THẬP BÁT SỬ

Dục-giới

**Khô-đế**... mười hoặc : một thân kiến, hai biên kiến, ba tà-kiến, bốn thủ-kiến, năm giới cấm kiến, sáu tham, bảy sân, tám si, chín mạn, mười nghi.

**Tập-đế**... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn sân, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

**Diệt-đế**... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn sân, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

**Đạo-đế**... tám hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba giới cấm thủ, bốn tham, năm sân, sáu si, bảy mạn, tám nghi.

Sắc-giới

**Khô**... chín hoặc ; một thân-kiến, hai biên kiến, ba tà-kiến, bốn kiến thủ-kiến, năm giới cấm thủ, sáu tham, bảy si, tám mạn, chín nghi.

Vô sắc-giới

**Tập**... sáu hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn si, năm mạn, sáu nghi.

**Diệt**... sáu hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba tham, bốn si, năm mạn sáu nghi.

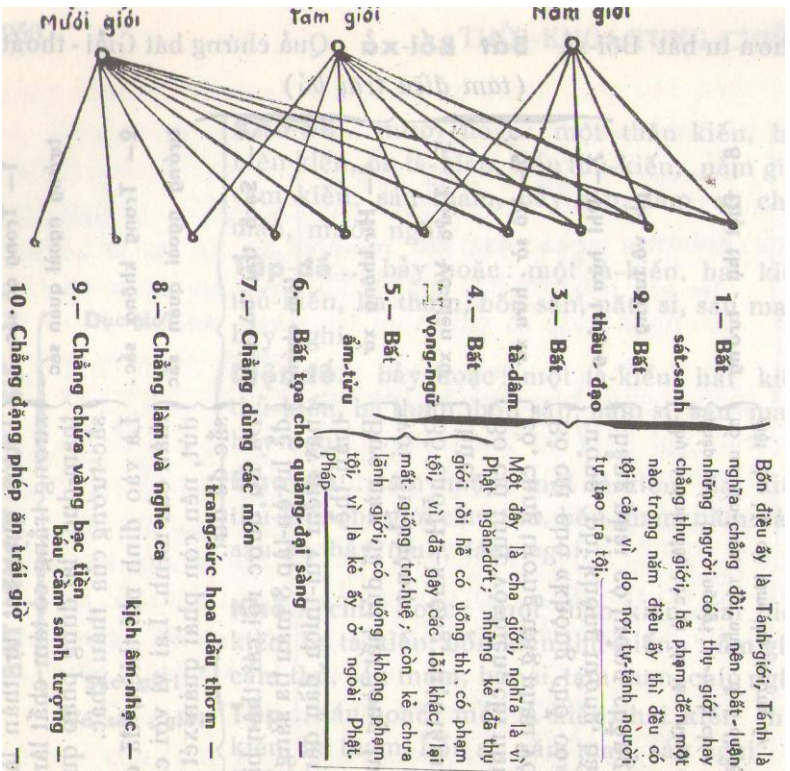
**Đạo**... bảy hoặc : một tà-kiến, hai kiến thủ-kiến, ba giới cấm thủ, bốn tham, năm si, sáu mạn, bảy nghi.

Sắc giới và vô sắc giới đều có hai mươi tám sử, vì với bốn Đế đều chứa cái sân sử; bởi hai giới trên là Định địa, không như Dục giới là Tán địa, nên hai giới trên, chúng-sinh đều chẳng có cái phiền não thô động là sân sử.- Với trên cả ba giới, chung kể cả bốn Đế có những cái Hoặc cộng là tám mươi tám sử, với giữa ngôi “kiến đạo” mười lăm tâm kể tu đương dứt những cái Hoặc ấy, nên nói kiến hoặc của bài thập bát sử.

Nhơn tu bát Bối-xả **Bát Bối-xả** Quả chứng bát Giải - thoát  
(tám điều trái bỏ)

- 1 - Trong có sắc-tướng ngoài quán sắc  
 { Trược quan-sát tư thân là bất-tịnh : da thịt rơi-rớt, chỉ thấy xương trắng có tám chất làm-tịnh. Lại, ở Đức-giới kho dứt lòng tham-đục ; lại dùng pháp quán-xét bất-tịnh, để nghiên-cứu các sắc-tướng của thân khác.  
 Là vào định nhị-thiền, đã dứt được rồi cái Sắc-tướng nơi nội thân của mình. Lại vì với cái lòng tham-đục của Đức-giới kho dứt, nên còn phải quán-xét cái tướng bất-tịnh của thân ngoài-sắc để dứt.  
 { Vi ở Sơ-thiền }
- 2 - Trong không sắc-tướng ngoài quán sắc  
 { Đã bỏ được rồi cái thân bất-tịnh ngoài-sắc, coi ở trong Định để luyện-tập 8 màu tia sáng, sạch như màu ngọc bàu, trong tâm này niệm vi-thích dần dần thêm lớn, thư-thối khắp sướng cả thân-thể.  
 { Vi ở Tam-thiền }
- 3 - Sạch trái bỏ thân làm chứng  
 { Bực này đã dứt hết lòng tướng tất cả sắc-đẹp, tâm mong hợp với Hư-không.  
 { Vi ở Tư-thiền }
- 4 - Hư-không xứ  
 { Bỏ chỗ Hư-không, một tâm nương nơi thực, cùng hợp nhau với thực.  
 { Vi ở Tư-thiền }
- 5 - Thực Vô-biên xứ  
 { Bỏ cái thực vô-biên, chỉ nhứt tâm duyên vào nơi cái không chỗ có, cùng tương-ưng nhau với cái chỗ mà không chỗ có.  
 { Vi ở Tư-thiền }
- 6 - Vô sở-hữu xứ  
 { Bỏ cái chỗ «không chỗ có», đem nhứt tâm duyên nơi phi có tướng, phi không tướng, bấy giờ tâm nó tương-ưng nhau với chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng.  
 { không-thiền }
- 7 - Phi hữu tướng phi vô tướng  
 { Thụ-tướng đây tức là cái tâm năng duyên của bảy pháp quán trên : người tu hành chán lo cái tâm ấy nó ưa tán-loạn, nên nhập-định để yên-nghi, đặng diệt cho hết cái tâm thụ-tướng ấy.  
 { Địa-đã-siêu }  
 { Tam-giới }
- 8 - Diệt thụ-tướng  
 { Trong thời-gian tu pháp quán Bối-xả đây, tâm nó phát-minh ra trí-hệ vô-lậu, để dứt hết những kiến-hoặc, tư-hoặc trong ba giới, lúc mà chứng quả A-la-hán, thì cái danh : Bát Bối-xả chuyển đời làm Bát Giải-thoát.





Bốn điều ấy là **Tánh-giới**, **Tánh** là nghĩa chẳng đời, nên **bất-liên** nhưng người có **thụ-giới** hay chẳng **thụ-giới**, hễ phạm đến một nao trong năm điều ấy thì **đâu** có tội cả, vì do nơi tự-tánh người tự tạo ra tội.

Một đây là **cha-giới**, nghĩa là vì Phật ngàn-dứt; nhưng kẻ đã **thụ-giới** rồi hễ có uống thì có phạm tội, vì đã gây các lỗi khác, lại **mắt-giống** trí-huệ; còn kẻ chưa lãnh **giới**, có uống không phạm tội, vì là kẻ ấy ở ngoài **Phật-Pháp**.

Bốn điều : **sát, đạo, dam, vọng** gọi là **giới căn-bản**, hễ phạm đến thì tội rất nặng ! Nếu y theo pháp **Tiền-thừa** thì không thể sám-hối được, còn y nơi pháp **Đại-thừa** thì cho sám - hối bằng pháp «**Vô-sanh** sám mới có thể dứt tội đặng. Nhưng nó hay giúp gọi phạm đến bốn giới căn-bản, nên đồng gọi là **căn-bản**, cả các giới : **Tạ-giá, xuất-giá, đại-thừa, tiền-thừa**, đều lấy năm giới đây làm căn-bản.

**Tam-giới** này cũng gọi là «**Bất-quan-trai-giới**», quan : **ngăn**, là cấm dứt **vĩnh-viễn** chẳng phạm đến, **giới** đây hờ hay ngăn đóng cửa vào các đường ác; **trai** : dùng nghĩa rằng qua những ngày chẳng được phép ăn làm thể của chay, dùng tám điều kia để giúp nên phép chay nên gọi là «**Bất-quan-trai-giới**». Lấy một ngày một đêm làm **lỳ-hạn** giữ **giới** này, thường **thụ-lại** càng tốt. — Năm giới tám giới thông đồng, vì **cư-sĩ** người tục đồng được thụ.

Mười giới là **cư-sơ** của người xuất-gia trì giới, tức là tên **Sa-di** giới. Sa-di, dịch là **cần-túc**. Cần tu các việc thiện, tức diệt những điều ác, cả ba phạm.

Khu ô	Sa- di :	7 đến 13 tuổi
		14 đến 19 tuổi
Danh tự		20 tuổi <b>nhãn lên</b>

Chỉ mới có thể **xua-đuôi** chim quạ nơi ấy **trườn**, vì với những chỗ mà các vị đại tăng sai khiến chỉ bảo v.v...

Sếp gần ngày **thụ-linh-giới** **Cự-túc**, vì là tuổi đã tương ứng nhau với pháp luật xuất-gia.

Tuổi tác đã nên gia-nhập lên số **lực** đại tăng, mà đức độ thì hay còn là cái danh tự của **Sa-di**. Ba phạm đây chung gọi làm một là «**Pháp đồng Sa-di**», nghĩa là : đồng giữ mười giới+pháp».

# HAI GIỚI BỒN CỦA CÁC TỖ-KHEO TÀ TỖ-KHEO-NI

đầy rộc thục lại làm thành 5 thiên

**Dại giới**  
là  
**Cũng gọi**

**Cũng gọi**  
là **Cụ-**  
**túc-giới**

**Ba-la-di**

Dịch : khi, nghĩa : bỏ. Phạm đến bốn giới trong căn-bồn này, tội không cho sám-hối bỏi hẳn ra ngoài Phật-pháp.

Tăng 4 điều  
Ni 8 điều

**Tăng-già**  
**bà-thi-sa**

Dịch : chung sơ tàn, vì phạm đến một trong các giới này, tỷ như năm căn bị tàn khuyết

Tăng 13 điều  
Ni 17 điều

**Ni-tát-kỳ**  
**ba-dật-đề**

Dịch : xả-dọa, vì phạm đến một trong các giới này, khi xả thân phải đọa

Tăng 120 điều  
Ni 208 điều

**Ba-la-đề**  
**đề-xá-ni**

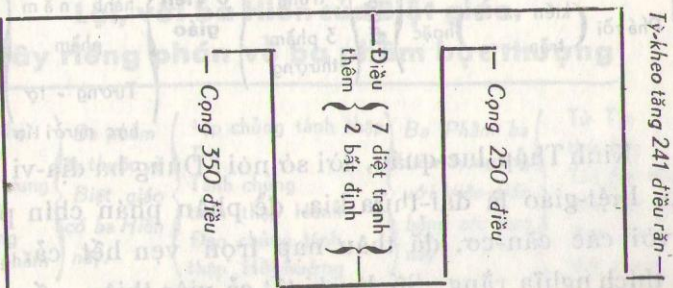
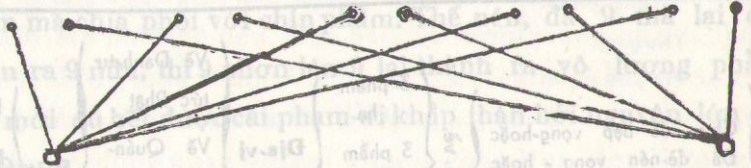
Dịch : dẫn kia xin sám-hối, phạm giới này còn có thể đến Tỳ-kheo kia xin sám-hối.

Tăng 4 điều  
Ni 8 điều

**Đột-khiết-la**

Dịch : ghét làm ghét nói, tức tên là chúng học pháp-giới rất nhỏ nhiều, cần phải mỗi giờ mới phải cần phòng luôn.

Tăng 100 điều  
Ni 100 điều

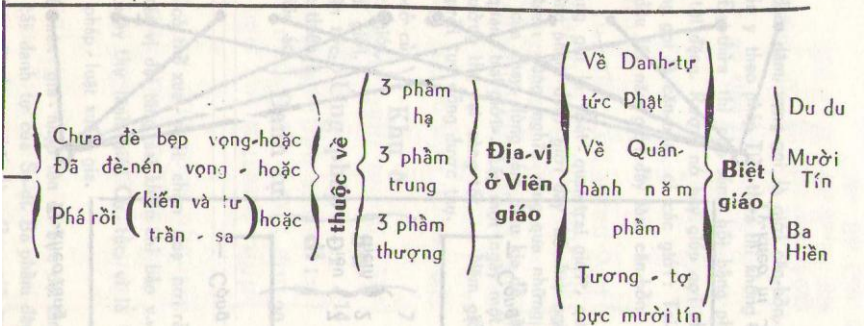


# TAM MINH LỤC KHÔNG

- |  |                                  |  |                                |   |                               |
|--|----------------------------------|--|--------------------------------|---|-------------------------------|
| <p><b>1. Thần-túc-thông</b></p>  | <p><b>2. Thiên-nhĩ-thông</b></p> | <p><b>3. Tha-tâm-thông</b></p>                           | <p><b>4. Túc-mạn-thông</b></p> | <p><b>5. Thiên-nhãn-thông</b></p>   | <p><b>6. Lộ-tận-thông</b></p> |
| <p>Cũng tên như-ý : Bay đi tự-tại chẳng đi mà đến, với lớn, nhỏ, một, nhiều hóa-hiện vô-cùng biến-hóa chẳng lường.</p> |                                  | <p>( Nghe biết tiếng mọi loài không chi ngăn-ngại.</p>   |                                | <p>( Biết tất cả tâm-niệm của chúng không ngăn-ngại.</p>  |                               |
| <p>( Biết các việc đời quá-khứ đều không ngăn-ngại 1.—</p>   |                                  | <p>( Xem xét những sự hiện-tại sáng-suốt vô-ngại 2.—</p> |                                | <p>( Quan-sát qua đời vị-lai hiểu suốt vô-ngại. Biết vọng-lậu của mình và người hết hay chưa hết. 3.—</p> |                               |

Tức là « Tam-minh », giữa lục-thông ; với sự tương của ba đời, dù đủ chỉ biết vô-ngại, mà với hơn-quá lý-tánh của ba đời đều hiểu biết sáng-suốt tất cả ba đời hời còn mờ tối : nếu thêm đắc ba minh thì, với sự lý thách phàm cả ba đời, đều hiểu biết sáng-suốt tất cả chỉ thấy không còn gì che-khuất Ba minh : Túc-mạn-minh. Thiên-nhãn-minh. Lộ-tận-minh.

**Với chín phẩm, so theo địa-vị thế nào, để phân công phá hoặc, và với tam tâm, lục niệm, nghe, tu ra sao, cũng phân như thế này**



Kinh Thập lục quán, lời sơ nói: Dùng ba địa vị của Viên giáo, Biệt giáo là đại thừa kia, để phân phán chín phẩm đây, là với các căn cơ, đã thâm nạp trọn vẹn hết cả. Còn Lời sao thích nghĩa rằng: Số là với tất cả việc thiện, nếu năng hồi hướng thì việc thiện nào cũng đều là cái hơn của tịnh độ cả; nhưng với tất cả điều ác,

nếu năng sám hối phát nguyện, thì cũng là cái nhọn của tịnh độ nữa. Cho nên, với mỗi mỗi việc tu thiện, dù công hoặc thiện hay thâm, chứ với chín phẩm đâu chẳng được sanh hoặc thượng hay hạ. Còn với mỗi mỗi việc làm ác, so theo cái công phu sám hối được tinh thô thế nào, thì cũng được lên chín phẩm cao thấp như thế nấy. Nên chi, người tu thiện bậc thượng thượng phẩm, có thể thông đồng với bậc hạ hạ phẩm: như người niệm Phật làm lành đủ có Tín và Hành mà trí lực còn thiên cận, phải tạm ở nơi ba phẩm Hạ, người tạo ác bậc hạ hạ phẩm, cũng có thể lên được bậc thượng thượng phẩm: như A Xà Thế tạo làm nghịch hại cha mẹ, toan giết Phật tăng, mà đặng nhờ sám hối thân trọng liền được lên nơi 3 phẩm thượng, đây cũng là đã tạo nghịch tội, tùy theo công thiện hay thâm, nên đều phân có 9 phẩm. Còn tu tam tâm là 1/ chí thành tâm, 2/ thâm tâm, 3/ phát nguyện hồi hướng tâm; và tu lục niệm là: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Giới, và niệm Thí, cũng tùy theo công hồi hướng thiện hay thâm mà chia phối với chín phẩm. Thế nên, đã 9 mà lại còn phân ra 9 nữa, thì nhọn lên 9 lại thành ra vô lượng phẩm, vậy mới đủ hết cái phạm vi khắp thân bởi nguyện lớn của Di Đà.

**Lại, với ba Hiền của Biệt giáo,  
đây riêng phán về ba phẩm bậc thượng**

{ Thượng hạ phẩm } { Thượng trung phẩm } { Thượng thượng phẩm }	{ Ba phẩm } { ấy thuộc về } { Biệt giáo } { có ba Hiền } { này. }	{ lập chủng tánh thập } { Trụ } { Tánh chủng } { tánh thập Hành } { Đạo chủng tánh } { thập Hồi-hướng }	{ Ba Phẩm ba } { Hiền ấy ngang } { với Viên-giáo } { bằng các bậc } { này }	{ Từ Tín } { thứ bảy } { Tín thứ tám ; } { Tín thứ chín } { Bực Tín } { thứ mười }
---	---	--	---	---

## Hành-vi của chín phẩm

1.- Hạ hạ phẩm	} <b>Chỉ làm ác hạnh</b>	} Khi lâm - chung gặp thiên tri thức khuyến chí tâm niệm Phật mà liền được vãng - sanh về Tây - phương Tịnh - độ, vì đã đời dừ làm lành chí tâm niệm Phật, vãng - sanh	} Đây là căn-cứ theo Quán-kinh đã sắp hàng. Lời sớ-giải thì, trọn dùng nghĩa đại-thừa để phân - phán cửu phẩm đó, là : Vì tu Tiểu-thừa, khi lâm-chung có hồi hướng Tây-phương tức đại-thừa, nên được sanh lên ba phẩm trung. Người được sanh ở ba phẩm hạ, là vì y theo Đại-thừa. Sám-hối đã diệt tội, nên với chín phẩm hành mỗi mỗi đều thành đại-thừa, tùy theo mỗi một phẩm hành. Chí như bậc Tam-Hiền đều sanh ở ba phẩm thượng. Còn bậc Thập-tín đều sanh ở ba phẩm trung, đến những kẻ trọn chưa dẹp trừ vọng-hoặc, thì sanh ở ba phẩm hạ, gọi là « đối - nghiệp vãng - sanh ». Vậy, chúng ta nên biết rằng : Kinh Thập - lục - quán đầu nập các căn-cơ cũng như trình-độ tu niệm rất là tường-tận.
2.- Hạ trung phẩm			
3.- Hạ thượng phẩm			
4.- Trung hạ phẩm			
	} <b>Việc thộn thế-tục</b>	} Lâm - chung gặp bạn, khi lâm - chung hồi-hướng về Tịnh-độ nên được sanh lên hai phẩm đó.	
5.- Trung trung phẩm			
6.- Trung thượng phẩm			
7.- Thượng hạ phẩm	} <b>Chỉ tu đại-thừa</b>		
8.- Thượng trung phẩm			
9.- Thượng thượng phẩm			

(Hết từ trùng huyền nghĩa).

Kinh này dùng Đại thừa sanh tô làm giáo tướng. Những lời của Phật thốt ra thích hợp giúp cả kẻ dưới gọi là giáo. Với giáo ấy, phân làm năm thời tám giáo gọi là tướng. Đức Như Lai sanh trụ nơi đời được tám chục năm, thuyết pháp được hai chục năm, mà phân ra làm năm thời:

1. Hoa Nghiêm thời: nói Kinh đại thừa Viên đốn, gồm cả Biệt giáo. Tỷ như sữa từ nơi vú bò sản xuất.

2.A Hàm thời: Nói pháp bằng Tiểu thừa Tạng giáo. Tỷ như sữa biến ra Lạc (*nghĩa là bởi sữa thành ra váng sữa. Lạc: váng sữa*).

3.Thời Phương đẳng: Trong thời này Phật đều nói luôn cả bốn giáo là: Tạng, Thông, Biệt và Viên. Tỷ như Lạc là váng sữa lại biến thành ra Sanh tô là Dầu sữa.

4.Thời Bát nhã: Tạm nói về quyền lý của Thông giáo, Biệt giáo, mà chính nói về thật lý của viên giáo. Tỷ như sanh tô là dầu sữa sống nó đã thành ra dầu sữa chín là thực tô.

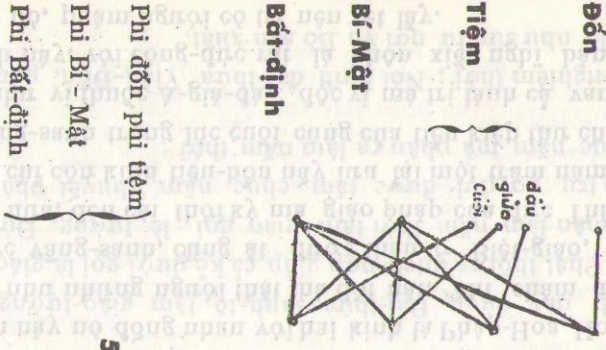
5.Thời Pháp hoa và Niết bàn: Kinh Pháp Hoa thuần một mùi nói về đại thừa Viên giáo, các hàng Thánh Thinh văn đều đặng thụ lãnh lời ghi tác Phật; với kinh Niết Bàn thì Phật Ngài vừa nói với lại bốn giáo, đồng thời cũng vừa nói nhắc lại để bật mắt dầu vết bốn giáo. Tỷ như Thực tô nó đã biến ra đề hồ: Dầu sữa chín nó thành ra mỡ sữa.

Kinh Tiểu Bản A Di Đà đây là, Phật nói trong thời Phương Đẳng, được thâu vào Biệt viên giáo, vì bởi những người mà trình độ học Phật bằng hai giáo tạng và thông kia, họ không tin hiểu nổi rằng có tịnh độ ở thế giới phương khác, nên không tin nguyện vãng sanh.

Vả lại, nước Cực Lạc là cõi đồng cư, nên nó trọn gồm cả ba cõi là: phương tiện, thật báo, và tịnh quang, thành thử kinh này được thâu thuộc Viên giáo, mà chín phẩm riêng rõ từ lớp, nên nghĩa nó kiêm luôn Biệt giáo, với lý viên đốn thì, kinh này nó đồng nhau với hai Kinh là Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Chí như những người thật thà dốt nát, chỉ chăm niệm Phật, được vãng sanh, cũng ắt được thâu ở Biệt giáo, Viên giáo. Lại nữa, đến cái thời kỳ mà giáo pháp của đức Thích Ca diệt hết, chỉ còn kinh tiểu bản này lưu lại một trăm năm để phổ độ chúng sanh trong lúc cuối cùng của tiểu kiếp thứ chín, thế hẳn là như vị thuốc A-già-đà: độc vị mà trị lành cả vạn bệnh, vậy kinh này, với công đức rất là khôn xiết nghĩ bàn đặng, như vậy đó, phàm người có trí nên xét lấy.

4 giáo hóa nghi  
như phương  
thức đời

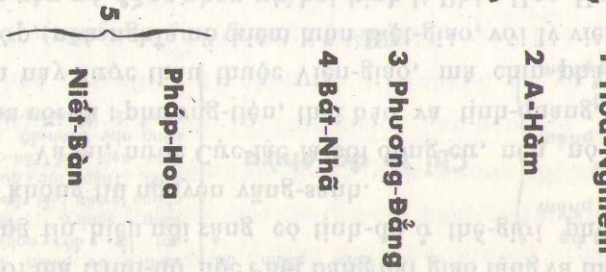
**Năm Thời Tám Giáo**



**Đốn**  
**Tiệm**  
**Bí-Mật**  
**Bất-định**

Phi dẫn phi tiệm  
Phi Bí - Mật  
Phi Bất-định

năm thời

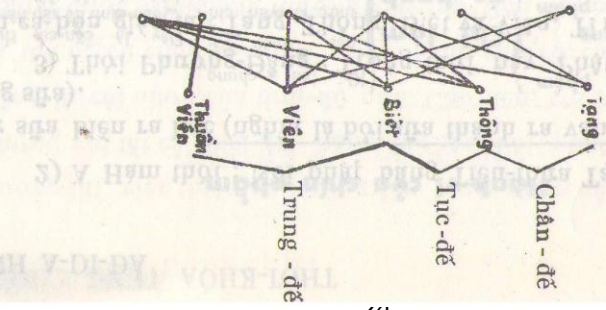


**1 Hoa-Nghiêm**  
**2 A-Hàm**  
**3 Phương-Đẳng**  
**4 Bất-Nhã**  
**Pháp-Hoa**  
**Niết-Bàn**

mùi  
sữa  
mùi  
lạc  
gồm  
nói Biệt-giáo chính nói viên-giáo.  
Chỉ  
Vì người tiêu cơ, thân Phật tương  
sâu chỉ nói Tạng-giáo chứng quả  
Ni-hi-thừa.  
Đổi tiêu cơ nói Tạng-giáo, để làm  
« Bản tự giáo ».  
Đổi đại cơ nói Thông Biệt viên, để  
làm « Man tự giáo ».  
thực  
tỏ  
kèm  
tỏ  
Đề hồ  
{ mở } { mở } { mở }  
{ phân } { phân } { phân }  
{ nói } { nói } { nói }  
{ bật } { bật } { bật }  
{ với } { với } { với }  
Vi kê sơ sát chưa vào Pháp Hoa,  
lại nói bốn giáo hội vào viên giáo,

5 mùi

4 giáo hóa pháp  
như ranh vi  
thước



Thiền Viên  
Viên  
Giết  
Thông  
Tục-đế  
Chân-đế  
Trung-đế

Bán tự là ba mươi lăm chữ cái của Phạm tự, vì nó chưa đủ nghĩa, nên gọi là Bán, tỷ như: a, b, c, d... Mãn tự là những văn tự trong các bài luận, vì đủ nghĩa lý, nên bảo là mãn. Ngài Đàm Vô Sám Tam Tạng y nơi Kinh Niết Bàn, đem giáo pháp của Phật thuyết trong một đời đó, phân làm Bán giáo, Mãn giáo: tiểu thừa là bán tự giáo, đại thừa là mãn tự giáo. Sách Phụ Hạnh nói: thời Phương đẳng đủ cả Bán mãn; các bộ Bát nhã, Pháp Hoa, Niết bàn, Hoa Nghiêm đều chỉ có mãn, chứ chẳng Bán; Kinh nói ở Lộ Uyển chỉ Bán chứ chẳng có mãn.



## **DAO TẦN, TAM TẠNG CƯU MA LA THẬP DỊCH**

Đời Dao Tần, Ngài Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch ra chữ Hán.

Với Kinh A Di Đà đây có hai đời dịch: 1) đời Tần, Ngài La Thập dịch, tức là kinh Tiểu Bản này; 2) đời Đường, Ngài Huyền Tăng dịch, đề mục là “Xưng tán tịnh độ Phật niếp thụ Kinh”.

Dao Tần là sử dĩ để phân biệt rằng: đời nhà Châu (1.134-247 trước DL) có Đinh Tần (246 – 207); đời Nam Bắc triều (420-588 sau DL) có Phù Tần và Dao Tần (1.528-1.495 trước Trung Hoa dân quốc).

Với Tam Tạng sẽ xem rõ ở biểu đồ sau kia.

Cưu Ma La Thập gọi cho đủ là Cưu Ma La Thập Kỳ Bà, Kỳ Bà... dịch là Đồng Thọ (*Đồng: trẻ, từ bốn, bảy đến mười lăm tuổi; thọ: già, sống lâu từ bảy chục tuổi nhẵn lên*) vì tuổi trẻ mà có đức độ, tài năng bằng bậc tuổi già. Lại nghĩa nữa: sách Bách Luận số cuốn nhưt chép rằng: cha tên là Cưu Ma La Viêm, mẹ tên là Kỳ Bà, dịch là Thọ, Cưu Ma La Viêm, dịch là Đồng, tức là Đồng Thọ, dùng luôn hai tên của Cha Mẹ, để đặt tên cho con là Cưu Ma La Thập Bà).

Dịch: đôi, đôi chữ Phạn ra chữ Hoa (*Hoa là Trung Hoa, chữ Hoa tức là chữ Nho hay Hán của nước Tàu. Gọi chữ Nho, nghĩa nó rộng hơn chữ Hán, vì nước Tàu phi chỉ một Hán tộc*).

Với Tô quán, Thập Sư nguyên là người Trung Ấn Độ, cha tên là Cưu Ma La Viêm, dòng dõi tiếp tục làm chức tướng quốc; đến đời ông Kumarayana (Cưu Ma La Viêm) hy sinh ngôi vinh Tướng Quốc, đi xuất gia tu Phật, ra hải ngoại, sang phương đông, đến xứ Thông lãnh, vào nước Kuche (Cưu Ty, Quy Từ; nay là đất



huyện Khô Xa tỉnh Tân Cương của Trung Hoa), Quốc Vương rất kính mến, cầu làm Quốc Sư, vua có người em gái tên Jivà (Kỳ Bà) mới hai mươi tuổi, rất thông minh, đem ép gả cho, sau sanh ra Thập Sư.

Sau khi sanh, Sư sẵn có nhiều cái thiên tài rất thần diệu linh động, lên bảy tuổi (Đồng) theo mẹ vào Chùa (thân mẫu đã xuất gia trước) để xuất gia, thấy cái Bình Bát bằng thiếc, lấy đũa lên đầu, rồi tưởng bụng nặng thì tức thời cái bình bát nó cũng liền nặng thêm bội phần, mà hễ nó nặng đến đâu là sức lực của Sư cũng khỏe mạnh đến đó để đủ đũa chịu, như thế mà Sư liền rõ được cái lẽ vạn pháp duy tâm, nghĩa là: muôn việc gì cũng chỉ bởi tự tâm mình tưởng chi có vậy. Sau khi hiểu suốt cả Tam tạng, phát huệ, rất tài tình về ngôn luận, biện bát, không chi ngăn ngại.

Nhà Vua bốn quốc kiến thiết một cái pháp tọa bằng con sư tử bằng vàng để dâng Sư ngồi thuyết pháp, và cả đến các quốc vương toàn cõi Tây vực hội đồng, thường rước Sư nói pháp, mà các vua đều quy mọp để nghe giảng.

Bấy giờ, nhà Đông Tấn (317 – 419) ông Phù Kiên hùng cứ đất Thiểm Tây, xưng vua lấy quốc hiệu là Tấn; Khi sắp soạn việc binh để đi chinh tây, có quan Thái Sử tâu: về khu vực phía tây có một vì sao rất khác thường xuất hiện sáng đẹp lắm! ắt có bực đại đức thánh như, sẽ vào giúp Trung quốc này.

Phù Kiên nói: Trẫm đã nghe nước Cưu Ty (Qui Từ) có Ngài La Thập pháp sư, vậy phải chăng người này? Niên hiệu Kiến ngưng năm thứ mười chín (1.547 trước dân quốc Tàu) sai các tướng quân là bọn ông Lữ Quang, thống lãnh bảy vạn tinh binh, lúc ra đi Phù Kiên truyền lệnh rằng: Với hành binh viễn chinh này phi Trẫm tham đất đai, quyền lợi chi, như vì nghe bên nước ấy có Ngài La Thập là một người mà hiểu suốt cả tánh tướng của muôn pháp, nên mới dụng binh vậy thôi. Nhưng đến nơi hãy đưa thư này trước buộc phải giao La Thập để rước, bằng không sẽ dùng vũ lực v.v...

Chiến thắng quân nước Cưu Ty rồi, rước Ngài La Thập về, vừa đến Lương Châu nghe Phù Kiên bị ông Dao trảng giết rồi, Lữ Quang tự tiện chiếm cứ đất Lương Châu tự lập xưng là Tam Hà vương lấy hiệu là nước Lương (đất Cam túc: Lữ Quang xưng là Hậu Lương).

Đến sau, Dao Trảng cũng mến danh đức Ngài La Thập muốn rước mà Lữ Quang cũng không cho. Sau khi Dao Trảng bị mất rồi, con là Dao Hưng lên ngôi qua xin rước Pháp Sư, Lữ Quang vẫn chẳng chịu; kế Lữ Quang qua con là Lữ Long lên kế vị; Dao Hưng cất đại binh qua, Lữ Long chịu đầu hàng, binh tướng nhà Tần rước Pháp sư về Trảng An, Dao Hưng thờ làm Quốc Sư, để ở nơi Tây-minh-các và Tiêu-diêu-viên, để kiểm duyệt lại các kinh.

Pháp sư Ngài xét hết những Kinh cũ, thấy nghĩa nó phần nhiều sai lệnh chẳng đồng nhau với Phạm bản; cho mời các vị Sa môn là bọn ông Tăng Triệu, Tăng Dê, Tăng Lãnh, Đạo Sanh, Đạo Dung, Đạo Hằng, Huệ Quan, Huệ Nghiêm, Đạo Thường và Đạo Phiêu, mà đời bấy giờ đều kêu là thập môn thập triết, cùng các Đại Đức khác cộng là hơn tám trăm người, đồng sự dịch ra các bản Kinh luận mới hơn ba trăm chín chục cuốn.

Trong một ít ngày mà Pháp sư chưa tịch, cho mời tăng chúng về rồi bảo rằng: những Kinh luận mà Thập nầy đã dịch đó xin truyền bá lại đời làm Pháp bảo lưu thông khắp xứ; với các bản ấy, nếu mà phiên dịch không sai lầm thì khiến cho sau khi thiêu hóa thân đi rồi, công lười không cháy rã. Ngài nói đoạn từ giã rồi tịch, tại vườn Tiêu Diêu, thủ đô Trảng An, vào ngày hai mươi tám tháng năm Hoàng Thi thứ mười tám đời Dao Tần, nhằm năm Hi Ninh thứ năm bên nhà Tần.

Sau khi thi thể cháy hết, lửa than tàn mà công lười vẫn còn nguyên tươi sống. Thế thì, Kinh Tiểu bản Di Đà đây có chư Phật ở sáu phương hiện ra cái tướng lười rộng dài để tán thán hộ niệm đó, há chẳng phù hợp với lời thành thật đó ư? chúng ta được thêm phần tin chắc nên tu pháp “Trì danh niệm Phật” đây.

Lời trên rút ở cuốn mười bốn bộ Tam Tạng ký, và cuốn hai bộ Cao Tăng truyện đời Lương.

TAM TẠNG	{	1 Tu-đa-la	Dịch {	Khế kinh	Tức {	Tạng kinh	Nói {	Định
		2 Tỳ-nại-da		Đều phục		Tạng luật		Giới
		3 A-tì-đạt-ma	Đổi pháp			Tạng luận		Huệ
		Lại là {		Nói về {		Thừa {		
			Phật đà tạng		Phật			
			Bồ-tát tạng		Đệ			
			Thanh-văn-Tạng		Tiểu			

Ba Tạng (Trippitaka) là tạng Kinh, Tạng Luật, Tạng Luận, Tạng Kinh nói về khoa định họa, tạng Luật nói về khoa giới học, tạng Luận nói về khoa huệ học.

Với tiếng Phạn Sutrapitaka: theo tân dịch, ta đọc là Tô đát lăm tạng, còn với cựu dịch, ta đọc là Tu đa la tạng – Vina yapitaka: tân dịch là Tỳ nại da tạng, Cựu dịch là Tỳ ni tạng. Abhidarmapitaka: Tân dịch là A tỳ đạt ma tạng Cựu dịch là A tỳ đàm.

Có ba thứ tam tạng: 1. – tam tạng của tiểu thừa: a/ bốn bộ Kinh A Hàm là Kinh tạng; b/ các bộ luật: Tứ phần, ngũ phần, và thập tụng là luật tạng; c/ các Luận: lục túc phát trí là Luận tạng. 2.- Tam tạng của đại thừa: a/ Kinh Hoa Nghiêm...là Kinh tạng; b/ Kinh Phạm Võng... là Luật tạng; c/ Kinh A tỳ đạt ma là luận tạng. 3.- Tam tạng của đại tiểu thừa: a/ Thỉnh văn tạng, b/ Duyên giác tạng, c/ Bồ Tát tạng. Lại: a/ Thỉnh văn tạng, b/ Bồ Tát tạng, c/ Phật tạng. Nghĩa là Phật tạng nói Phật thừa, Bồ Tát tạng nói Đại thừa, Thỉnh văn tạng nói về tiểu thừa.

***Với bốn Kinh đây, chính ta đã thấy nghe [1]Nhu thể này[2]: một thời[3] đó, đức Phật [4]Ngài trụ nơi vườn cây[5] của hai ông cấp Cô Độc trưởng giả, Kỳ Đà Thái Tử gận thủ đô nước Xá Vệ***

***[1] Điều nghe thấy đã kết quả thành phần***

***[2] Phương pháp ấy đã kết quả thành phần***

***[3] Thời gian làm việc đã kết quả thành phần***

***[4] Chủ tọa giảng giáo đã hoàn thành***

***[5] Chỗ thuyết pháp đã thành tích thật sự; dưới kia đại chúng đồng nghe là: pháp chúng thành tựu, chúng gọi là sáu điều thành tựu, nghĩa là thành phần sáu sự đây, để làm chứng tin là Kinh đây đích là Phật nói.***

Hai chữ “như thị” nghĩa: “như thế này” đó là, cái bản thể của một bốn Kinh, vì là cái lời nhận thật tin chịu chấp thuận. Như với người kia nói ra một việc chỉ chúng như nghe rồi đồng tín nhận được, thì đều chứng thật rằng Như thị là như vậy; trái lại; nếu chẳng thể tin thì, bảo là Bất như thị là không phải như thế.

Với bốn Kinh này, chính đức Như Lai ngài, tán dương nước Cự Lạc: nào Y báo, nào chính báo đều tốt đẹp nhưt, rực rỡ tuyệt bằng những lời chơn thật. Và lại, còn có cả chư Phật ở tận sáu phương, đều cùng tán thán hộ niệm nữa. Thế nên, đối với Kinh

đây, nếu chúng sanh tin hiểu như vậy, y theo lời dạy bảo, giữ niệm danh Phật A Di Đà thì chắc được kết quả là vắng sanh về cõi tịnh.

Lại nữa, như: chẳng khác, thị: không phi. Là nói: với bốn Kinh đây, và sở thuyết của thập phương tam thế chư Phật, lẽ không khác nhau, nên gọi là Như, đức A Nan Đà kết tập chẳng sai khác nhau với lời của Phật thuyết, nên gọi là thị.

Ngã văn: Ta nghe tức là chú ý nghe. Ngã văn, là người năng nghe. Nhĩ căn là một bộ phận riêng giữa sáu căn, ngã tâm (ý thức) là trọn phần chủ cả năm căn, kêu bằng “ngũ câu ý thức”. Mặc dù ngoài cảnh có tiếng nói, mà ngã tâm không để ý ở nơi tiếng thì tức nhiên cũng đồng như không nghe. Giờ đây chẳng dùng ở phần riêng là Nhĩ căn, mà do phần chung là chủ ý, nên nói Ngã văn: chủ ý nghe, cũng như ta nghe.

Kể những lúc Phật ngài nói pháp, A Nan đà để ý lắng tai vâng nghe rõ cả, cầm cái bình này rót nước vào bình kia, mỗi nhỏ giọt đều chứa vào trong, không lọt một nhiều, nên chỉ sau khi Phật nhập diệt rồi, những Kinh sách mà A Nan Đà đã kết tập đó nó chẳng hề sai khác một tí gì với chính miệng Phật đã nói. Sở dĩ được lời của Tổ Ca Diếp Ba vừa chứng thật vừa tán thán rằng: Pháp hải của Phật như bể lớn, dồn chứa vào tâm của A Nan Đà, thật thế.

Nhứt thời: một thuở, với chúng sanh hoặc đại cơ, tiểu cơ duyên cảm được, thì Phật Ngài liền hiện ra hai thân thẳng ứng, liệt ứng để tùy cơ nói dạy, đây là một thời cơ giáo tương khẩu: trình độ thích hợp nhau với giáo lý. Bây giờ nhứt thời đây là cái thời mà Phật ngài tán dương phán “Trì danh niệm Phật” để đối với căn cơ là học giả, hành nhơn thích hợp với tịnh độ.

Tại: ở, chữ tại nghĩa như chữ trụ. Pháp thân của chư Phật không trụ, chẳng chẳng trụ, nghĩa là không nhứt định ở một chỗ nào mà không chỗ nào là không ở. Vì pháp thân vốn phi như vật có hình tướng, nên nói là vô trụ, tâm lượng nó giáp khắp pháp giới, nên nói là chẳng chẳng trụ. Đó là pháp thân, còn với Báo thân thì đọi bực đại căn cơ có cảm đến đâu là hiện ra trụ tại đấy. Như trong hội Hoa nghiêm, Phật ngài hiện ra cái thân rất rực rỡ khắp đầy, để nói cái giáo pháp viên đốn, thật thế. Đây là Báo thân; đến như ứng thân thì cũng không nhứt định có trụ xứ, vì toàn là nương nơi cơ duyên của chúng nhơn được cảm thấy lấy, bởi tùy theo mỗi loại thể nào mà hóa hiện thân như thế nấy, kêu là thiên bách ức hóa

thân, hễ có ứng theo cơ duyên để thuyết pháp thì có hiện trụ tại đó vậy thôi.

Như đức Thích Tôn ứng hiện thân ra trụ nơi đời 80 năm, những chúng cơ duyên được trông thấy, được tế độ đã hết thì, ứng thân ấy phải diệt. Tỷ như củi đã hết, thì lửa phải tắt. Trong thời Phật nói bốn Kinh đây là ứng thân ngài trụ tại nơi vườn của ông Cấp Cô Độc, để hóa độ cho một loại có cơ duyên với pháp tịnh độ, nên nói là tại.

### **Xá vệ quốc Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên: Xá vệ quốc:**

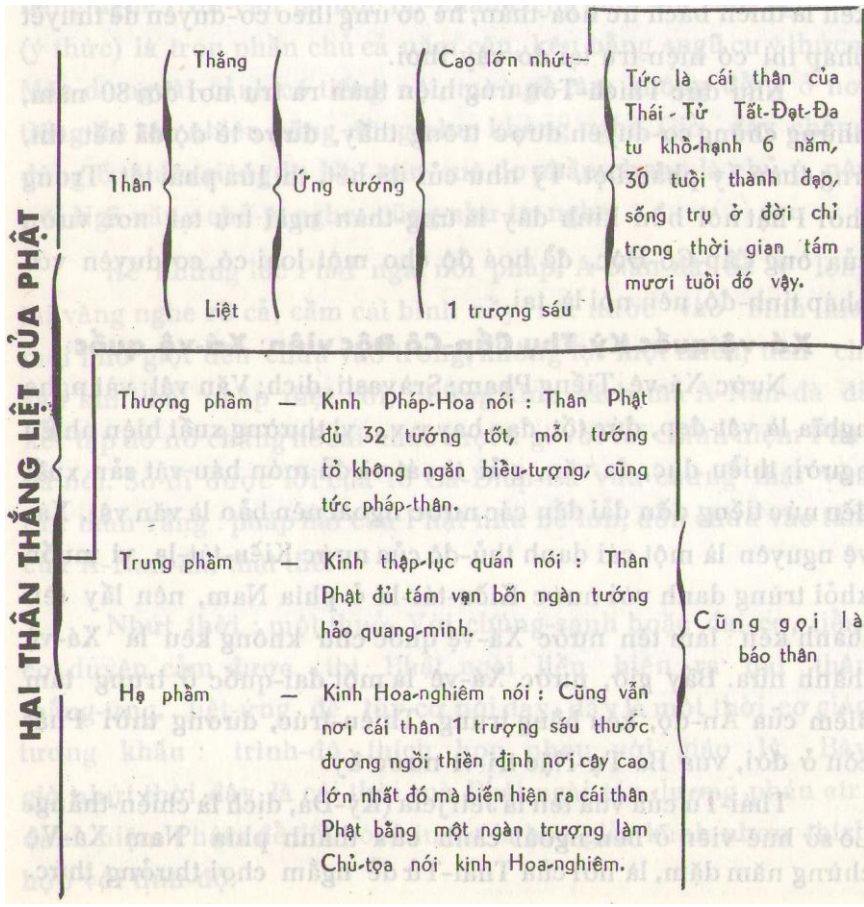
Nước Xá Vệ tiếng Phạm Srāvasti , dịch: Văn vật: vật nghe nghĩa là vật đẹp, đức tốt, đạo hay v.v... vì thường xuất hiện nhiều người: thiếu dục, đa văn, giải thoát và đủ món báu vật sản xuất đều nức tiếng đồn đãi đến các nước ngoài nên bảo là văn vật. Xá vệ nguyên là một cái danh thủ đô của nước Kiền Tát La, vì muốn khỏi trùng danh với nước Kiền Tát La ở phía Nam, nên lấy tên thành kê làm tên nước Xá Vệ quốc chứ không kê là Xá Vệ thành nữa. Bây giờ, nước Xá vệ là một đại quốc ở Trung tâm điểm của Ấn Độ, kê bằng trung Thiên Trúc, đương thời Phật còn ở đời, vua Ba Tư Nặc trị vì nước ấy.

Thái Tử của vua tên là Jetrjeta (*Kỳ Đà, dịch là chiến thắng*) có sở huê viên ở bên ngoài cánh cửa thành phía Nam Xá Vệ chừng năm dặm, là nơi của Thái Tử để ngắm chơi thưởng thức.

Nước Xá Vệ có đại thần tên là Sudatta (Tu Đạt Đa) dịch: Thiện Cấp thí, nghĩa là hay đem tài vật cấp thí cho những kẻ mồ côi, trợ trợ một mình, nên người đời cảm đức gọi ông là Cấp Cô Độc trưởng giả. Ông chở vàng trải lót khắp mặt đất, để đổi mua lấy sở vườn của Thái Tử, rồi kiến thiết là Tinh Xá, rước Phật và chúng Tăng an trụ tại đó.

Thấy Trưởng giả trọng pháp kinh tài, rất cảm mến cái thành tâm, nên Thái tử hỷ xả hiến luôn những kỳ hoa dị thụ và còn một ít chỗ đất chưa trải vàng, nên gọi chung là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên: cây kiểng hoa trái của Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc.

**HAI THÂN THĂNG LIỆT CỦA PHẬT**



***Cùng với một nghìn hai trăm năm mươi người đều là bực đại Bhiksu Tăng, cũng đã chứng quả Đại A La Hán được chúng nhơn tôn tặng là thượng thủ tri thức.***

Một “Chúng thành tựu” đó, hiệp với năm món trên, gọi chung là “lục chủng thành tựu”.

Từ đoạn trên đến câu “chư đại đệ tử” dưới, là ghi về “chúng Thanh văn”.

“Đại Bhiksu Tăng” là nói về phần loại: hạng lớn nhất trong chúng. “Một nghìn hai trăm...” là nêu về phần số. “Đại A La hán” là nêu về phần quả vị “Chúng nhơn tôn tặng” là tán thán đức hạnh, với năm sự trên đã thành phần, tất phải trông cậy vào thứ sáu là pháp chúng mới là hoàn toàn thành tựu về sự hoạt động lợi ích

được. Số là do một Phật ra đời, thì có các thánh phụ giúp giáo hóa, khiến cho sáu cõi phạm đồng về với cõi Phật.

Bhiksu (Bí Sô Tỳ Kheo) là cái Danh trong thời tu nhân, A La Hán (arhàn) là cái vị trong thời chứng quả. Chữ “Đại” đủ ba nghĩa: lớn, nhiều, hơn. Vì là các vị Bí Sô được các hàng chư Thiên, quốc vương, đại nhơn đều ngửa trông kính mến, nên gọi đại là lớn; có trí huệ sáng suốt, hiểu thông cả kinh sách ở trong đạo ngoài đời nên gọi Đa là nhiều; cao siêu ngoài cảnh giới các Trời Ma vương, quả vị đã cao lại chánh, nên gọi thắng là hơn.

Bí sô đủ ba nghĩa: 1/ Khất sĩ: Trò xin, nghĩa là với trên thì theo xin pháp của Như Lai để trường dưỡng cái mạng trí huệ; với dưới thì theo Khất thực của nhơn chúng để tự dưỡng cái thân duyên sanh, nên gọi rằng Khất sĩ, vì có khát pháp để học tu lấy mình và huấn luyện cho người, nó chẳng đồng cái danh khát cái: đưa xin, vì chỉ xin ăn, chứ không xin pháp, và chả tu mình luyện người gì, nên gọi đưa xin, chớ chẳng gọi là trò xin. 1/ Phá án: Năng hủy bỏ những điều ác pháp là tham, sân, si, mạn, tà kiến... là các phiền não mê hoặc của tri kiến và tư tưởng. 3/ Bồ Ma: Rún Ma, vì đem tâm về chánh đạo thụ giới, làm cho kinh động đến cung điện của trời Ma vương. Nghĩa là chữ “Bí” dịch là “Bồ”: Khủng bố, chữ “Sô” gọi là năng làm cho chúa trời Ma vương và nhơn dân của trời ấy đều rúng sợ! Vì là trong thời đi xuất gia, bỏ râu tóc, bận áo ca sa, thụ đại giới đó, là cái thời mà chúng Thiên Ma rất kinh hoảng! Tại sao? Vì chúng than rằng: Người ấy đã lên đường chánh giác rồi, chẳng những trong tà đạo ta đã mất một phần tử, mà người lại còn tuyên truyền khuyến dẫn ma dân của ta quày đầu về Phật giới nữa, e rồi đây, cung điện, dục lạc của ta thiếu người ở và hưởng! Vậy hỡi các Ma nữ! Ma dân! hãy cố theo để cảm dỗ, may ra người có còn ham mê mà trở lại với chúng ta chăng!?

Tăng: Gọi đủ là Tăng già (Sangha) dịch là hòa hợp chúng. Luật hành sự sao nói: từ bốn Bí Sô nhần lên, đông ở một chỗ, xử dụng hòa hợp. Hòa hợp như thế này: 1/ Về Lý Hóa hợp là đồng chúng đến cảnh giới tịch tịnh giải thoát; 2/ Về sự là có sáu nghĩa: a/ thân hòa đồng ở chung, b/ miệng hòa chẳng cãi lộn, c/ ý hòa đồng vui, d/ với giới luật được hòa đồng lãnh giữ, đ/ với Phật tri kiến, được hòa đồng hiểu thấy, e/ với tứ sự lợi dưỡng, được hòa đồng thụ hưởng sống chung. Hành sự cao tu trì ký nói: 3 sự giới

hòa, kiến hòa, lợi hòa, đó là hòa hợp về phần thể; còn thân, khẩu và ý hòa đó là hòa hợp về phần tướng. Lại nói từ Sơ quả Tu đà hoàn nhẫn lên, gọi là Lý hòa vì với phần “chứng” đã đồng; từ bậc nội phạm nhẫn lại, thì gọi là Sự hòa, tức là lục hòa trên.

Một ngàn hai trăm năm mươi người: Ba anh em ông Ca Diếp Ba, ba người này đều có các đệ tử. Cộng được một ngàn người; nguyên trước tu pháp ngoại đạo gặp Phật giáo hóa, cả thầy trò đều cải tà quy chánh, đồng thành đạo quả. Lại ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên cùng đem bọn đệ tử hai trăm người bỏ tà về chánh, theo Phật chứng chơn. Và ông Da Xá tử, hay Tu Đề Na tử dẫn 50 chục người đệ tử từ nơi ngoại đạo quy đầu học Phật đắc đạo quả. Cộng chung với trên thành con số ấy (1250). Và nữa bọn ông Kiều Trần Như năm người là trước tiên thụ giáo đều đã thành đạo quả, họ đều cảm thâm ân của Phật hóa độ thành thử họ cũng thường theo Phật để giúp việc dạy.

A la hán: hàm đủ ba nghĩa 1: Ứng cúng, nên chịu cúng. Vì với Nhơn là “khất sĩ” đã xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, nên với Quả đáng được thụ lãnh của nhơn gian, thiên thượng cúng dâng có phần nhơn quả đáng làm ruộng phước cho chúng. 2: Sát tặc: Giết giặc, với Nhơn là phá trừ những điều ác của kiên hoặc, tư hoặc, nên kết quả gọi là giết những quân giặc phiền não. 3: Vô sanh: không luân hồi sanh tử nữa, vì với nhơn đã khiến Ma sợ, nên với Quả gọi là không sanh. Bởi sau khi bỏ cái thân ngũ uẩn đó rồi, là hoàn lại cái pháp thân bất sanh bất diệt, nên chẳng trở lại luân chuyển thụ sanh nữa. Đây là ba nghĩa làm tu nhơn của Bí số, để tỏ ba nghĩa đã chứng quả của La Hán. Định tánh La Hán, chẳng được gọi là Đại, chỉ có Huệ tánh La hán, mới gọi là Đại. Vì La hán ở đây đều là: Trong tâm chứa kín đức hạnh Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày danh tướng Thịnh Văn, để giúp Phật làm nên đại sự giáo hóa, làm bậc thượng thủ giữa chúng tăng, biết căn cơ của chúng rõ thời sự của đời, nên gọi là “Chúng sở tri thức”: Bậc thượng thủ tri thức chúng.

-----  
*Định tánh – Tánh nhất định; sẵn có chủng tánh vô lậu như định của Thịnh văn từ xưa nay, nghĩa là chỉ tu cái nhơn Thịnh văn, nên chứng cái quả Thịnh văn mà thôi, chứ chẳng chịu tiến lên tu chứng Phật đạo, nên gọi là “định tánh La Hán”.*



*Huệ tánh - Huệ đối lập với Trí hiểu suốt sự tướng của pháp hữu vi, là năng tánh của Trí; rõ thấu lẽ chơn không của pháp vô vi, là năng tánh của Huệ. Tánh của Huệ là với cảnh quan sát, nghiên cứu nó biết chọn lựa, tác dụng của nó là dứt điều nghi ngờ. Nghĩa là: xem điều đặc thất đều ghi có trong cảnh quán xét, do nơi Huệ tìm hiểu mà đặng quyết định.*

***Bực Trưởng lão là các Ngài: Xá Lợi Phất[1], Ma ha Mục Kiền Liên[2] Ma ha Ca Diếp[3] Ma Ha Ca Chiên Diên[4] Ma ha Câu Si La[5] Ly Bà Đa[6] Châu Lợi Bàn Đà Già[7], Nan Đà[8] A Nan Đà[9] La Hầu La[10] Kiều Phạm Ba Đề[11] Tân Đầu Lô Phả La Đa[12] Ca Lưu Đà Di[13] Ma Ha Kiếp Tân Na[14] Bạt Câu La[15] A Nậu Lô Đà[16] như thế cả các vị đệ tử lớn của Phật.***

Đây là nêu rõ cái Danh của các Ngài, vì tuổi sanh và đức hạnh đều cao cả, nên được gọi là Trưởng Lão. Mười sáu vị trên, mỗi đều riêng chiếm một cái (tài đức) đặc biệt, để xưng bực nhưt, nên đều được gọi là Trưởng Lão, nghĩa là cái tài đức ấy rất già dặn lớn hơn.

Như ông Xá Lợi Phất thì riêng có tài đức bằng “Trí huệ” vì lúc còn ở trong bào thai đã giúp ích cho thân mẫu biện luận hơn chúng; năm lên tám tuổi, lên tòa tranh biện, không ai bì kịp; khi quy đầu Phật pháp, chỉ trong bảy ngày ông đã suốt thông cả giáo pháp của Phật; nên người đời gọi là trí huệ đệ nhưt.

Ông Mục Kiền Liên thì có cái thiên tài bằng “thần thông” vì ngăn dẹp được con Độc Long, không cho xe của Kỳ vực trên trời chạy đi, đốt cháy cái nhà thẳng trận của Trời Đế Thích, ngăn cấm được chúng Ngoại đạo luyện phép dời núi đã rung rinh, hóa phép đem cả con cháu họ Thính tản cư giấu trên cõi trời v.v... nên gọi là Thần thông đệ nhưt.

Ca Diếp thì chuyên tu hạnh đầu đà, dù tuổi già cũng không chịu thôi nghĩ, được Phật truyền tâm ấn, làm vị Tổ Sư số một bên Ấn Độ đầu đà đệ nhưt.

-----  
*(1) Dịch: thân tử, trí huệ đệ nhưt (2) dịch: đại thái thực thị thân thông đệ nhưt. (3) dịch: đại âm quang đầu đà (4) dịch: đại văn sức, luận nghị (5) dịch: đại tất, đáp vấn, (6) dịch: tinh tú, vô đảo loạn, (7) Châu Lợi là anh, dịch: đại lộ biên sanh; Bàn đà là em,*

*dịch: tiểu lộ biên sanh. (8) dịch: hỉ, (9) dịch: khánh hỷ. (10) dịch: phú chương. (11) dịch: ngư ti, (12) dịch: bất động lợi căn, (13) dịch: hắc quang (14) dịch: phòng tú. (15) dịch: thiện dung (16) dịch: vô bản.*

Ca Chiên Diên, dịch là Văn Súc: văn chương trau chuốt. Nghĩa là với giữa các trường luận nghị lời của ông ứng khẩu thốt ra là toàn những về văn chương, câu lời rất khó vì nói hoặc bàn ngược luận xuôi ngang hay dọc đảo lộn phía nào lời lẽ cũng đều rất linh hoạt vang reo nên gọi là luận nghị đệ nhưt. Nguyên ông là dòng giống Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc.

Câu Si La, dịch là Đại Tật: đầu gối lớn. Thuở ông còn tu học bên phái Ngoại đạo chuyên môn đọc thuộc lòng được mười tám bộ kinh sách sau khi đầu Phật xuất gia, tu chứng được bốn pháp biện tài với giữa những cuộc hạch hỏi, lời lẽ của ông rất trôi chảy nên gọi là thiện vấn đáp đệ nhưt.

Ly Bà Đa, dịch là Tinh Tú: ngôi sao Tú Nhon cầu đảo ngôi sao ấy mà được kết quả sanh ra ông, nên đặt tên bằng tên của vì sao kia. Tâm của ông không hề điên đảo loạn tưởng vì tu pháp chánh định đã thâm nên gọi Vô đảo loạn đệ nhưt.

Châu Lợi, dịch là Đại Lộ biên sanh: Anh lớn đê bên đường. Bàn đà già, dịch là Tiểu lộ sanh: Em nhỏ đê dọc đường; bởi vì hai anh em đều do đê nơi lộ. Số là, khi mẹ sắp lâm bồn, phải về nhà của cha mẹ đê đê sanh mà lần nào cũng mới về tới giữa đường đã nở nhụy. Ông Bàn Đà Già nonh Phật dạy nửa bài kệ mà đã mấy tháng học không thuộc, nhờ Phật giải thích mới tỏ ngộ được, phát minh ra thần thông, biệt tài vô cùng nên gọi là thiện trì nghĩa đệ nhưt.

Nan Đà, dịch là Thiện Hoan Hỷ: hay vui vẻ, em ruột của Phật Thích Ca, ông có cái thân thể tướng mạo rất đẹp gần bằng Phật, nên gọi là Dung nghi đệ nhưt.

A Nan Đà, dịch là khánh hỷ: vui mừng, em con nhà chú của Phật, ông đã học thông nhiều kiếp nên gọi là đa văn đệ nhưt. Làm thị giả hầu Phật trong những thời nói pháp; sau khi Phật nhập diệt ông kết tạng kinh. Được đức Ca Diếp truyền tâm ấn làm vị tổ thứ hai bên Ấn độ.

La Hầu La, dịch là Phú Chương: Phủ che. Nonh vì kiếp trước lấp hang làm cho con chuột bị che phủ dưới đất sáu ngày nên nay ông bị quả báo ở trong bào thai của mẹ sáu năm mới được

sanh ra. Ông có cái hạnh nguyện bí mật là với một nghìn đức Phật trong kiếp trụ này, mỗi Ngài lúc còn tại gia ông cũng đều làm con rồi cũng theo xuất gia, như Thái Tử Sĩ Đạt Ta khi còn tại gia thì ông làm con, lúc Ngài xuất gia thành Phật Thích Ca thì ông cũng theo đi tu v.v... với cái hạnh nguyện kín đó, chỉ có Phật mới có thể biết được nên gọi là Mật hạnh đệ nhất.

Kiều Phạm Ba Đề, dịch là Ngu ru ty: Trâu nhoi. Bởi kiếp trước nhái điều để khinh thường một vị Lão Tăng rụng răng ăn cơm nhai trệu trạo cái miệng, ông đã học bộ nhái điều, lại còn nói lớn mặt rằng: Sư ông ăn sao cái miệng như con trâu nhoi. Thế nên mắc báo đọa làm trâu đã ở trăm kiếp, nay dù chứng quả La hán, nhưng còn cái tật dư thừa là thói quen bằng cách miệng cứ nhai hoài như trâu, dù không ăn gì mà miệng cứ nhai luôn. Ở giữa nhơn gian, e người đời không biết là bực Thánh, thấy thế cũng khinh điều mà mắc tội lỗi, nên Ngài thường ở luôn trên cõi trời, chư thiên đều biết kính lạy cúng dường. Đó là Ngài vâng lời Phật chỉ định, nên gọi là thụ thiên cúng đệ nhất. Vậy đời nay, đối với bực già bệnh dù có cái tật chi, các thầy thiếu niên chứ không nên điều cợt nhái lòn, phải kính dè nhớ lấy.

Tân Đầu Lư Phả La Đọa, dịch là Bất động lợi căn: Ý thức chẳng động, căn tánh rất thông lợi. Thường thụ hưởng trai phạm thiện tín đời mạt pháp cúng dường, để làm phước điền cho nhơn gian; hễ trai chủ nào mà thiết đàn trai tăng thành kính, thì ngài ẩn ngàm đến lẫn lộn trong chúng tăng để chúng cúng, nên gọi là phước điền đệ nhất.

Ca Lưu Đà Di, dịch là Hắc Quang: đen ngời. Vì cái da đen huyền có ánh ngời, lãnh mạng làm Sư giả của Phật. Với cái nhiệm vụ giáo hóa, ông có cái sở năng rất hay khéo hơn hết, nên gọi là thiện giáo hóa đệ nhất.

Kiếp Tân Na dịch là Phong Tú; Sao Phòng. Trước khi đến đầu Phật xuất gia, đi giữa đường gặp mưa vào nghỉ đỡ nơi nhà làm đồ gốm, Phật biết trước, bèn hóa thân làm một nhà sư cũng đến xin ngủ trú núp mưa, nhà sư ấy vì nói pháp cho nghe, liền chứng đạo quả La hán. Nhà sư thâm phép hoàn nguyên lại là hình Phật, ông rất tinh tường về khoa thiên văn, nhứt là rõ biết sự biến hiện của các ngôi sao, sẽ có cát hung thế nào nên gọi là tri tinh tú đệ nhất.

Bạt Câu La, dịch là thiện dung: hình dung khéo. Nghĩa là tướng mạo nghiêm chỉnh. Nguyên kiếp trước có thí thuốc cho một

nhà Sư bịnh bằng một trái cây, nhà Sư ăn quả ấy liền được lành bịnh; nên đời nay ông được kết quả bằng những hiệu nghiệm là lâm vào năm chỗ rất nguy hiểm mà không chết. Lại, kiếp trước giữ giới bất sát sanh, nên đời nay sống lâu được một trăm sáu chục tuổi nên gọi là thọ mạng đệ nhất.

A Nậu Lô Đà, dịch là Vô Bần: không nghèo. Nhon vì kiếp trước, đem cơm bằng gạo lúa tấc cúng cho vị Bích Chi Phật, nên về sau suốt chín mươi một kiếp được cái phước báu muốn chi... được nấy nên gọi là không nghèo. Nay tu pháp Tam muội chứng được thiên nhãn thông thấy biết sáng suốt nên gọi là thiên nhãn đệ nhất.

Mười sáu đức Tôn giả trên đều là: Trong tâm chứa kín đức trí của Bồ Tát, ngoài thân tỏ bày uy nghi của Thịnh Văn, thường theo sát cánh Phật, để phụ giúp mọi việc giáo hóa, nên được ghi vào đây, còn các La hán khác rất nhiều mà không được ghi, là vì ở xa chẳng thường theo Phật để phụ tá.

Câu “Như thế cả các đệ tử lớn” là nói tổng quát cả vô lượng thánh Thịnh văn giữa pháp hội kỳ viên đạo tràng.

***Với các đức Bồ Tát lớn, như là: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Kiên Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường tinh tiến Bồ Tát, còn nhiều các đức đại Bồ Tát như thế nữa.***

Đây là ghi về chúng hàng Bồ Tát: câu đầu là nêu lên cái giới: loại từ Văn Thù sắp xuống là chỉ riêng về mỗi đại danh: câu rốt là số Bồ Tát còn nhiều đến vô lượng mà ghi bằng cách nói tổng quát.

Bồ Tát, gọi đủ là Bồ đề tát đỏa, dịch là: Đại đạo tâm chúng sanh, nghĩa: chúng sanh này đã thành tựu cái tâm đạo lớn, vì Bồ Tát thường hay đồng thời xoay ra cái đức độ cả bi lẫn trí để làm việc phổ lợi cho mình và người. Đại luận thích nghĩa rằng: Bồ Đề gọi là Phật đạo, Tát Đỏa gọi là thành chúng sanh, là nói: dùng đạo Phật để làm những việc lợi ích cho chúng sanh được nên người hiền lành thì gọi là bồ đề tát đỏa.

Phật xưng là Pháp Vương, còn Bồ Tát hay nói dối theo Phật để thanh hành giáo hóa, làm bực thượng thủ giữa chúng, nên xưng là Pháp vương tử. Luận Đại Trí Độ, cuốn 29 nói: Phật làm Pháp Vương. Bồ Tát đương tiến vào địa vị của pháp vương nên gọi là Pháp Vương tử, cả thập địa Bồ Tát đều xưng là Pháp Vương Tử v.v...

Xá Lợi Phát là bực Quyền Trí đệ nhất giữa chúng Thỉnh Văn; Văn Thù là bực thật trí đệ nhất giữa chúng Bồ Tát; A Dật Đa tức Di Lặc là đấng sắp bỏ xứ thành Phật ở tiểu kiếp thứ 10 (Thích Ca ở tiểu kiếp thứ 9) Kiên Đà Ha Đề dịch là Bất Hưu Tức: chẳng thôi nghỉ, vì vẫn tu hành đã nhiều kiếp mà chẳng hề tạm nghỉ. Thường tinh tấn; với cái nhiệm vụ tự lợi lợi tha, siêng làm mãi kiếp nọ tốt kiếp kia chưa hề biết mỏi.

Bồ đề tát đỏa là: Khai sĩ, Thủ sĩ, Cao sĩ, Đại sĩ. Các Đại sĩ như Văn Thù, Di Lặc v.v.... trên đây là quả vị đã thâm sâu, hãy còn chí nguyện thân cận đức Di Đà thay, bằng chúng là danh hiệu của các đại Bồ Tát ấy còn ghi trong hội thuyết pháp này như trên đó, vậy kính mong các nhà tu học Phật hiện nay và sau, chớ nên coi thường pháp niệm Phật tịnh độ mà gây lấy cái lỗi chẳng nhỏ, vì các người đã hơn các đức Văn Thù... kia chưa?

***Và, Trời Thích Đề Hoàn Nhơn, cùng tất cả các Trời nhiều đến số vô lượng, họp thành đại chúng nơi pháp hội Kỳ Viên.***

Đây là ghi về chúng trời và người dự hội.

Thích Đề Hoàn Nhơn, dịch là năng tác thiên chủ: hay làm trời chủ, vì Đạo Lợi, dịch là tam thập tam thiên: Ba mươi ba nước trời, giữa 33 nước trời ấy, ông Thích Đề Hoàn Nhơn làm chủ tể ở trung ương. Cả 33 cõi trời ấy, chung lại là một cõi thứ hai trong sáu cõi Trời Dục ở hạ giới.

Câu “Thích Đề Hoàn Nhơn đấng”, chữ Đấng: Thầy, là cả thầy các trời ở ba giới mười phương, nên nói: Các Trời nhiều đến số vô lượng.

Lại nói vô lượng chư Thiên là bao quát cả chúng Bát bộ thiên long; phàm những chúng có duyên với pháp tịnh độ được dự hội nơi Kỳ Hoàn này, đâu chẳng kể suốt cả.

Các Thánh Thỉnh Văn tâm trụ nơi “không” thường đi theo bên Phật, nên ghi ở trước; các ông trời và chúng nhơn lòng còn trụ nơi “Hữu” thường làm phái ngoại hộ Tam Bảo, nên ghi ở sau; chỉ có các Thánh Bồ Tát thường hành cái đạo lý trung bình, nối thành Phật hóa, như bóng theo hình, nên ghi ở trung gian.

Từ Như thị ngã văn... đến chư thiên đại chúng cu, là “lời thông tự đã rồi”. Thông tự: tựa thông đồng, nghĩa là cả tạng Kinh đoạn văn ở trước đầu mỗi cuốn đều để lời tựa phổ thông như thế; cũng gọi rằng lời tựa để làm chứng tín.

## LỤC ĐẠO (cũng gọi là Lục Thú)

### Ba thiện

**1 Thiên - đạo** — Các Trời ở tam-giới : sáu loại trời hạ-giới đều có hình nam tướng nữ, phu-phụ đem dục mà sinh ; mười tám loại trời trung-giới chỉ có nam, không nữ, vì là hóa-sanh ; bốn loại trời thượng-giới không cái thân huyết nhục, chỉ có cái thức, ba giới ; đều sanh dục.

**2 Nhơn - đạo** — Các nhơn loại ở bốn châu, đều có : giàu nghèo, sang hèn, trí ngu, hiền gian, tướng tốt, tướng xấu, thân hình con trai, thân hình con gái, hành đâm dục, chứa đẻ.

**3 Tu - La đạo** — Loại A-Tu-La có bốn thứ : ở trời giống trời, ở người giống người, ở Quỷ giống Quỷ, ở Súc giống Súc ; loại ở trời : con trai tướng xấu, con gái tướng tốt, hưởng phước bằng trời, mà đức chẳng bằng trời, ôm lòng tặc đồ tánh ưa chiến đấu, để giành quyền với trời, dù bại trận gãy tay đứt đầu lại hoàn hình sanh tay đầu như cũ.

**4 Súc sanh đạo** — Cả ba chỗ : dưới nước, trên không, đất liền, đều phi cầm tẩu thú, bọ, bầy, mây, cựa, côn, trùng rất nhỏ, cả các loại bàng-sanh đều có cái khổ ăn nuốt lẫn nhau.

**5 Ngạ qui đạo** — Phần làm ba phạm chín loại : hạng có phước đức là các qui ở Núi, đình, miếu, vì có quốc-tể làng thờ ; hạng vô phước đức, dù với máu mủ còn chẳng có để ăn, hương là ai thờ cúng, ngàn kiếp chưa nghe đến tiếng nước uống ! Thường chịu đói khát !

**6 Địa ngục đạo** — Có mười sáu ngục lớn là : Tám sở nóng, tám sở lạnh, ngoài ra còn có 36 ngục, một trăm tám ngục, giữa Núi, giữa nước, giữa đồng hoang ; khổ hành tội ở ngục lớn, không ngọt mật phứt, ngục nhỏ có khi tạm nghỉ, rồi khảo lại nữa chịu khổ hoài.

### Ba ác

Đạo; đường; thú; đền. Là đường sá của chúng sanh đi luân hồi, nên gọi là lục đạo chúng sanh đều do nơi nghiệp thiện, nghiệp ác mà đền đó để chịu sanh, nên gọi là lục thú, Kinh Pháp Hoa tự phẩm nói: Lục đạo chúng sanh, sanh tử sở thú.

Sáu cái tướng hành dục của sáu trời Dục giới: 1 Trời Tứ Thiên Vương và Trời Đao Lợi (Ngọc Hoàng) khi hai ông bà hành dâm với nhau bằng cách như chồng vợ dưới nhơn gian là lưỡng thân giao hội. Ba trời Dạ Ma hành dâm cách chỉ ôm nhau hôn mà có chữa. Bốn Trời Đâu Suất hành dâm bằng cách chỉ nắm tay nhau mà thành thai. Năm Trời Lạc Biến hóa khi hành dâm bằng cách chỉ cứ ở với nhau mà cũng có mang. Sáu Tha Hóa Tự Tại lúc hành phu phụ chi đạo bằng cách là chỉ ngó nhìn với nhau rồi cũng nhâm thần kết tử. Tóm lại, để bằng cách hành dâm thai sanh nên gọi là Dục giới.

<b>THẦN BÁT BỘ</b>	<b>1 Đê - Bà (Deva)</b> — Dịch là Thiện : trời. Hưởng phước vi-diệu thiên-nhiên, vì kiếp trước có giữ ngũ giới, hành thập thiện, tu tứ thiền, nên nay kết-quả được thế. Tức là các trời ở ba giới, cộng có hai mươi tám tầng trời.
	<b>2 Na - Đà (Nàga)</b> — Dịch là Long : Rồng Các Rồng : giữ cung-điện trời, giữ địa-luân, làm mưa. Có thông lục thăng-giáng, ân hiện, được tự-tại ; nhưng khi hành dâm và lúc ngủ phải lộ nguyên hình Rắn.
	<b>3 Dạ-xoa (Yaksa)</b> — Dịch là Dưng kiện, cũng tên là bạo ác. Bay trên hư không, đi nơi địa lục, đều rất nhanh chóng, hoặc giữ nơi các cửa khuyết, và thành trì của Thiên-Đế-Thích.

**4 Kiền-thất-bà**

**(Gandharva)**

— Dịch là Hương âm : ẩm thân thơm nghĩa là thân ngũ âm sống bằng ăn các vị hương. Chẳng dùng từ nhục làm vị thần hầu Đấng

Thích đề tấu âm nhạc về bài tu-nhạc.

**5 A-Tu-La (A Sura)**

—

Dịch là Không đoạn chánh. Lại dịch là phi thiên : có phước như trời, mà không có đức như trời, và chẳng có ngôi như Đấng-Thích vì kiếp trước tu cái nhờn bỏ-thí bằng cách gán hận, nên nay chiêu cảm lấy kết-quả như thế.

**6 Ca - Lâu - La**

**(Garuda)**

— Dịch là Kim sủy điều : chim cánh vàng. Hai cánh sè ra cách nhau đến ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, trên đỉnh có viên ngọc như-ý. Có bốn loại chim bằng noãn thai thấp hóa, bắt bốn loại Rồng bằng noãn thai thấp hóa để ăn.

**7 Khẩn - Na - La**

**(Kini Nara)**

— Dịch là Nghi nhờn : ngờ là người, vì trên có sừng, nên dù giống người mà lại chẳng phải người, tron kính gọi là nhờn phi nhờn. Cũng vị Thần đánh nhục bằng pháp nhạc cho Đấng-Thích nghe.

**8 Ma-Hầu-La-già**

**(Mahoraga)**

— Dịch là Đại-phúc-hành : bụng lớn đi, tức là Thần Rắn, mình người đầu Rắn. Hoặc dịch là Đại-mãng-Thần. Địa-Long-Thần.



Tám bộ chúng trên thấy ghi trong Kinh Xá Lợi Vấn; với tám bộ ấy, nhục nhãn của loài người không thể trông thấy, vì phước nghiệp khác nhau. Giữa tám bộ, hai chúng Trời và Rồng có thân nghiệm khác hơn, nên gọi là Thiên Long Bát bộ, thường hầu Phật những thời thuyết pháp. Vì kiếp trước chỉ tu học về Kinh Luận thắng phần hơn, nên nay làm thân hộ pháp. Mà lẫn lộn trong các giới quý thần, là vì ít tu học về giới luật, nên nay chưa được giải thoát.

***Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Ngài kêu Cụ Trưởng lão là Xá Lợi Phất để bảo rằng: Từ thế giới Ta-bà đây, về phía tây qua cách mười muôn ức cõi nước Phật. Bên ấy có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có đức Phật, hiệu là A Di Đà, hiện nay Phật ngài đương còn thường thuyết pháp cho chúng sanh bên ấy nghe [các Kinh đều có lời biệt tự, để tựa bày cái lý do về sự phá khi của bộ kinh; ở đây môn tịnh độ là một thắng pháp, không ai có thể biết để hỏi, Phật ngài nhơn nơi cơ duyên đã đến, chẳng đợi ai cầu thỉnh, ngài tự nói ra, nên chẳng có đoạn văn do khi, vậy tạm lấy đoạn này làm lời biệt tự.]***

Đoạn đây chỉ rõ ra bằng cách tổng quát về cái danh của cõi y báo là thế giới Cực Lạc, hiệu của đức giáo chủ là A Di Đà.

Số là, với các bộ kinh kia đợi có người đứng ra thỉnh giáo, Phật Ngài mới thuyết pháp. Chừ với Kinh này đây, thì chẳng như thế; nhơn vì với cõi Cực Lạc là chỗ chơn chánh quy túc, để cho chúng sanh trong chín giới đồng về lập mạng an thân; với câu A Di Đà Phật là phương pháp tiện nghi, rước dẫn chúng nhơn đều đặn siêu sanh độ tử. Bên phái tu tiểu thừa họ ít biết đến, cả lực đạo chúng sanh không nghe, vì vô duyên thiếu căn lành đối pháp môn tịnh độ! Còn chúng có căn duyên đặc điểm này, nhờ đức Thích Tôn sẵn lòng từ không đợi, làm đức thầy chẳng mời, chính miệng thốt lời kêu bảo Xá Lợi Phất, để rộng thêm khen ngợi cái nhơn thắng diệu của tịnh độ; vì chẳng những chỉ đương thời pháp hội kỳ hoàn được thấm nhuần ích lợi mà thôi, đến cả chúng nhơn ở thế giới về sau cũng đều được nhờ pháp niệm Phật này làm chỗ nương về cứu cánh nữa là khác.

Vả luận: với tông tịnh độ, có ba bốn kinh chuyên môn, mà tiểu bản đây là phương pháp rất giản tiện, vì về phần lượng thì, văn tự dón ít mà ý nghĩa hàm nhiều; với pháp niệm Phật có bốn

cách mà về phép tu “trì danh niệm Phật” lại riêng được chóng tắt hơn, chỉ có một câu sáu tiếng, chuyên niệm nội trong bảy ngày, hễ đặng “nhứt tâm bất loạn” là chắc được vãng sanh sang cõi tịnh của Phật.

Chính như chỗ bảo: tu các pháp khác, dường như con kiến bò từ dưới chân lên đánh núi cao; có công tu pháp niệm Phật, tựa như ghe buồm bọc gió đi dòng nước thuận. Lại ví: con mọt ở trong cây tre, muốn ra mà cứ đi thẳng lên thì khó, vì phải đục thủng qua nhiều lỗng đốt; còn khoét lỗ ngang chun ra thì dễ vì chẳng hao công nhiều ngày.

Tu pháp niệm Phật cách trì danh đây cũng như thế, vì siêu xuất tam giới bằng cách đi tắt ngang ra, và được vãng sanh bằng cách mang nghiệp theo, bởi có nguyện lực của Di Đà hướng dẫn, và chư Phật sáu phương hộ niệm; còn tu theo các pháp môn khác thì đâu đặng như thế, vì phải dứt cho hết nghiệp chướng kiến hoặc, tư hoặc mới được ra khỏi ba giới bằng cách từ bụi đi dọc, như Thịnh Văn phải chứng từ Sơ quả đến tứ quả mới ra khỏi tam giới, còn Bồ Tát cũng phải trải qua từ tam hiền đến thập Thánh, và lại chỉ tự lực, chứ chẳng có tha lực gia hộ gì!

**Hỏi:** Rằng mười muôn ức cõi Phật, mà mỗi một cõi vậy là bề rộng chừng bao nhiêu?

**Đáp:** cõi Phật, với bề rộng hoặc lớn hay nhỏ, không thể nhứt định hạn cuộc được; như cõi Phật của đức Thích Ca đây là cõi Ta-bà thì lấy một tam thiên thế giới làm một cõi Phật; các phương khác thì: hoặc lấy hai tam thiên thế giới làm một cõi Phật... hoặc hẳn đến lấy ngàn tam thiên thế giới làm một cõi Phật; muôn tam thiên thế giới làm một cõi Phật.

Như Kinh Pháp Hoa, Phật thụ ký cho ông Phú Lô Na qua đời vị lai sẽ thành Phật, lấy hàng hà sa số tam thế giới làm một Phật quốc. Do đấy so sánh ra thì cõi Ta-bà rất là nhỏ bé, vì chỉ có một tam thiên thế giới.

Thế nhưng, luận về cái chỗ xa hay gần của thế giới thì lại còn có sự và lý: So về sự, dù có cái bề xa bằng mười muôn ức cõi Phật, mà so về lý thì nó không cách một gang tấc nào.

Đây, kinh Lăng Nghiêm nói: “Cái hư không nó sanh trong đại giác (**chơn tâm**), tựa như một bọt nước nổi giữa biển. Các cõi nước nhiều như vi trần của pháp hữu lậu, đều nương giữa hư

không để phát sanh. Bọt nước tiêu tan, cũng như cái hư không tiêu, hư không còn tiêu thay, huống là tam giới”.

Thế nên, tất cả quốc độ nhiều như số vi trần, dù tịnh độ uế độ trong mười phương thế giới đều nương nơi tự tâm (**đại giác**) để gây dựng, mà tự tâm nó tròn bọc cả hư không, thế, với mười muôn ức cõi Phật kia đâu phải là xa, còn thân tự tâm lại nó ở trước mắt, thì mười vạn ức Phật độ ấy cũng phi là gần. Vậy, biết gần hay xa gì cũng vẫn là nhưt như.

Những người niệm Phật, nếu mỗi niệm cùng tương ưng với Phật, thì tâm niệm của người tức tâm niệm của Phật, kêu bằng tâm tức Phật, Phật tức tâm. Niệm Phật mà tiến đến trình độ đó, thì đã chẳng cách bức nhau với Phật Di Đà mà cũng chẳng xa cách nhau với chôn bửu sở (**Nhứt thừa thật tướng**).

Đây là, so về lý tánh, thì tịnh độ tuy gần, mà với sự tướng thì có con số mười muôn ức cõi rõ ràng. Với sự tướng thì quốc độ, giới hạn tuy nhiên, mà mỗi bước bước đi trong hằng ngày, không bước nào là không đạp trên cõi Cực Lạc, vì tâm tịnh độ tịnh thì bộ bộ giai như, rất mau thay với lẽ duy tâm, chẳng thể nghĩ bàn đặng!

Rằng có thế giới tên là nước Cực Lạc, đó là chỉ cõi y báo; các nước Phật ở thập phương, nước nào cũng đều có bốn cõi, đều phân ra có cõi tịnh, có cõi uế; chỉ có nước Cực Lạc, bốn cõi đều tịnh, thế đều là nhờ công đức xứng lý tánh bởi hạnh nguyện của Phật Di Đà và pháp niệm Phật tam muội của chúng nhơn tu được phần hơn mà cảm ứng nên bốn cõi đều tịnh như thế.

Rằng có đức Phật hiệu là A Di Đà, đó là chỉ rõ cái danh của Giáo chủ ở cõi Cực Lạc kia. Là nói: Nước Cực Lạc thì có đức Di Đà làm chủ để giáo hóa, tiếp dẫn người niệm Phật; cũng như nước Ta bà có đức Thích Ca làm chủ để dạy người tu niệm Phật.

Về phân chung để luận: thì mỗi đức Phật đều có 3 thân là Pháp thân, Báo thân, và Hóa thân. Lại với ba thân đều có đơn, kép, và ba thân ở nơi bốn cõi như thế nào, sẽ thấy biết ở cái biểu đồ dưới kia.

Rằng hiện nay đương còn thuyết pháp, đó là nói cho phân biệt với: quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, mà với hiện tại đây, nào những chỉ một đức Di Đà nói pháp, mà cả đến: nước, chim, cây, rừng đều thường thường diễn thuyết trong bằng giờ, tiếng pháp không hề dừng nghỉ. Chúng sanh nghe pháp, liền mở trí huệ của tự tánh Phật ra, mau chứng lên đạo quả vô thượng của Phật, mà tiếng

pháp ấy vẫn thường diễn thuyết mãi đến đời vô tận vị lai, cũng chẳng ngớt dứt.

**Tam Thiên Thế giới**

**1 Tiểu thiên** (một ngàn nhỏ) -- Là một cõi Nhị-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn cõi Sơ - thiên sơ thiên sắp xuống.

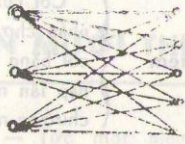
**2 Trung thiên** (một ngàn vừa) -- Là một cõi Tam-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn cõi Nhị - thiên Nhị - thiên sắp xuống.

**3 Đại thiên** (một ngàn lớn) -- Là một cõi Tứ-thiên che phủ : bao phủ đặng một ngàn Tam-Thiên sắp xuống.

---

Trùm có

- Một nghìn
- Trăm muôn
- Muôn ức



Bốn châu lớn  
Nhật nguyệt  
Núi tu di  
Sáu trời, đực  
Trời phạm ma

Bề dọc là 3 giới bề ngang là ba ngàn thế giới, chung lại là một cái cảnh giới của một đức Phật phân thân ra hàng ngàn trăm ức ứng thân để giáo hóa. Mà nước Cực Lạc thì ở ngoài số mười muôn ức cái tam thế giới. Lại nói nước Cực Lạc cách nhau với nước Ta-bà bằng con số mười vạn ức cõi Phật nhưng Ta-bà Cực Lạc cũng đồng ở trong lớp thứ mười ba của hai mươi lớp hoa tạng thế giới nhiều như số vi trần trong mười ba cõi Phật để bao vây giáp vòng ngoài lớp thứ mười ba đó, nghĩa là với lớp thứ mười ba thì có mười ba Phật để bao vây chung quanh.

Với hình và lượng của hai mươi lớp hoa tạng thế giới, đã có biểu đồ giải rõ ở sau hai câu Hoa tạng huyền môn, Tỳ lô tánh hải của tập thượng rồi.

**CỰC - LẠC BỐN CÔI ĐỀU TỊNH**

**1/ Cõi phàm thánh  
đồng - cư**

Quốc-độ bằng bảy báu, rất thanh-tịnh trang nghiêm, nào lục phàm, nào tứ thánh, biên chúng rõ rõ, chín phàm chung ở, yên-vui thành-thời.

**2/ Cõi phương-tiện  
hữu - dư**

Cõi tốt bằng thất-bửu, ánh đẹp rực-rỡ suốt lẫn với nhau, các thánh Thịnh-văn nhiều đến vô-lượng, ở đây nhày từ mặt đất lên đến trên chốn hư-không.

**3/ Cõi thật-báo  
trang-nghiêm**

Cõi của bậc pháp-tánh bò-tát ở, vị hành pháp chơn thật, cảm được quả-báo tốt lạ, cõi bằng bảy báu trọn tốt, mây lông nó dung nạp lẫn nhau với cõi Phật, thân-thể không chướng-ngại với quốc-độ.

**4/ Cõi thường  
tịch quang**

Chơn-tánh thường ở, vắng-lặng suốt soi, tánh lý sắc tướng đều lẫn hòa, lý và trí như một. Đây là chỗ ở của thanh-tịnh pháp-thân Phật Tỳ-lô Cha-na.

\_\_\_\_\_ Đây chỉ riêng nói về nước Cực-lạc : Cả bốn cõi đều thuần là thanh tịnh trang nghiêm, vì địa-cầu bằng kim-ngân thất-bửu, nên cõi phàm thánh đồng-cư vẫn tịnh-độ. Còn các cõi phàm thánh đồng-cư ở phương khác như cõi ta-bà đây chẳng hạn thì, có đều có uế-trược, vì chúng - sanh tâm còn ba độc mười ác.

**PHỤ CHÚ:** Thiên thai tông lập ra bốn thứ Phật độ: Phàm thánh đồng cư độ là một: Một quốc thổ mà gồm cả loài người, loài Trời, phàm phu, các thánh Thịnh văn, Duyên giác đồng ở lẫn nhau. Cõi này có hai thứ là tịnh thổ, uế thổ, như Cực Lạc phương tây là đồng cư tịnh thổ; thế giới Ta-bà đây là đồng cư uế thổ. Phương tiện hữu dư độ là hai: là chỗ sống ở của loài người đã dứt được hai thứ phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, ra khỏi sanh tử của tam giới. Thế là chỗ sống ở của những người tu đạo phương tiện của tiểu thừa, đã dứt hết hai hoặc kiến tư, nên gọi là phương tiện; với hai cái hoặc trần sa, vô minh chưa dứt hết, nên gọi là hữu dư. Lại là

chỗ ở của bảy bậc người tu pháp phương tiện, nên gọi là phương tiện độ. Bảy bậc người là: hai người Thanh văn, Duyên giác bên Tạng giáo, ba người Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát bên Thông giáo, một người Bồ Tát bên Biệt giáo, và một người nữa là

Thế nên Tổ Thiên Thai đại sư dạy người chỉ quán một niệm tức không, tức giả, tức trung, thì có mười Giới các pháp Tánh, Tướng, đầu chẳng đủ, nếu hay từ đây tinh tiến, thì thăng tiến lên bậc Thánh, không ngờ gì nữa.

mãn biến tình. **PHÁP QUÁN MƯỜI THỪA**

- 1/ **Quán cảnh bất tư nghị** — Tức một niệm hiện tiền, là cảnh màu sắc quán.
- 2/ **Chính phát tâm bồ-đề** — Nương trên cảnh màu, đề dấy cái thể nguyện lớn.
- 3/ **Thiện xảo an tâm chỉ quán** — Khéo dùng pháp chỉ pháp quán, đề an trụ lòng đạo.
- 4/ **Phá pháp khắp** — Lấy ba pháp quán hay, đề phá khắp cả các pháp vọng mê.
- 5/ **Biết thông tắc** — Sanh-diệt pháp ác đó là bế tắc, vô sanh pháp lành đó là khai thông.
- 6/ **Đạo phẩm điều thích** — Ba mươi bảy đạo phẩm đề điều hòa cho định và huệ quán bình với nhau.
- 7/ **Đối trị giúp mở** — Với chánh-đạo khó phát-triển nên cần phải có trợ-đạo.
- 8/ **Biết ngôi thứ** — Biết được ngôi thứ của Thánh-hiền, đừng khởi cái lỗi thương mạn thối lui.
- 9/ **Hay an nhẫn** : — Gặp cảnh thuận nghịch, tâm chẳng động, có thể tiến lên bậc Thánh.
- 10/ **Lìa pháp ái** — Chớ chấp yêu pháp tương tợ, mới có thể tiến lên bậc sơ-try pháp tánh.

<b>Đồng thể Tam-bảo</b>	{	Chân trí bản giác	—————	<b>Phật</b>	}
		Thực tướng lý tánh	—————	<b>Pháp</b>	
		Lý-trí hòa-hợp	—————	<b>Tăng</b>	

<b>Tánh đủ Tam-bảo</b>	{	— Chúng ta cái tâm hiện-tiền mặc dù với tánh còn mê chớ vốn đủ—	{	Ba trí linh giác	—————	<b>Phật</b>
				Ba để các pháp	—————	<b>Pháp</b>
				Để lý hòa-hợp	—————	<b>Tăng</b>

<b>Biệt-tướng Tam-bảo</b>	{	Pháp-thân, Bảo-thân, Ứng-thân	—————	<b>Phật</b>	}
		Ba thân chỗ nói ra giáo-ly	—————	<b>Pháp</b>	
		Ngôi bực Thánh-hiền ba thừa	—————	<b>Tăng</b>	

<b>Tiểu-thừa Tam-bảo</b>	{	Một tượng sáu kém ứng, giống cái tướng Tỳ kheo	}	}	<b>phật</b>
		Tợng-giáo : 4 để, 12 nhân-duyên và lục-độ			
<b>Đại-thừa Tam-bảo</b>	{	Tợng-giáo : 3 thừa, và phạm-phu tăng 3 thân, 10 thân, và thẳng ứng	}	}	<b>pháp</b>
		Báo-thân Pháp nhị không, pháp tam-không viên-giáo, biệt-giáo			
<b>Tối-sơ Tam-bảo</b>	{	Viên-giáo biệt-giáo : 10 Tín, Trụ, Hạnh, Hưởng, Địa, Đăng-giác	}	}	<b>tăng</b>
		Thích - Ca sơ thành Phật - Đạo tại Lộc - dã - uyển nói pháp tứ - đế Sơ độ năm Thầy Tỳ - kheo v.v...			
<b>Tự-trì Tam-bảo</b>	{	Tượng bằng : vàng, gỗ, đất, giấy, hoặc chặm, đắp, vẽ	}	}	
		Lá Bối, bìa vàng gáy đỏ, cả đại-tạng, tục-tạng, Cạo tóc, màu đà, đầu tròn áo vuông, 10 giới			

**Đơn:** chỉ một thân; **Phức:** cặp hai thân. Thân bằng tự tánh, thanh tịnh là thân tâm của các đức Như Lai vẫn là chơn tịnh pháp giới, lia tướng vắng lặng, đủ công đức chơn tịnh là cái thật tánh đối tất cả pháp vẫn bình đẳng cái tự tánh ấy, gọi là Pháp thân, vì chỗ của đại công đức y chỉ.

**Cái thân Tự thụ dụng** là các đức Như Lai từ vô số kiếp tu tạo vô lượng phúc huệ, kết tinh được cái sắc thân bằng viên mãn biên tịnh, thường tự thụ dụng những pháp vui quảng đại.

**Cái thân Tha thụ dụng,** là các Như Lai do nơi trí bình đẳng mà thị hiện ra cái thân vi diệu tịnh công đức, ở cõi thuần tịnh độ, vì chúng Bồ Tát trên thập địa, để nói pháp, quyết nghị khiến Bồ Tát được thụ dụng đại thừa pháp lạc.

**Cái thân bằng thị hiện ra,** là hợp theo cơ duyên mà chư Phật, Bồ Tát thị hiện ra mỗi mỗi thân, như đức Quan-âm thị hiện ra ba mươi ba thân trong phẩm Phổ Môn đã ghi đó.

**Cái thân bằng ứng hiện ra,** là đối với Bồ Tát bực sơ địa để ứng hiện ra thì gọi là Thắng ứng thân; đối với ba chúng Hiền trước Thập địa và bực Nhị thừa để ứng hiện ra thì gọi là Liệt ứng thân, như thần tượng sáu của Phật Thích Ca đó.

**Cái thân bằng Phật giới,** là cảnh giới tức quốc độ của Phật: Kinh Phạm Võng nói: “Hay chuyển đổi cõi Ma vào cõi Phật v.v...”

**Cái thân bằng tùy loại,** tức là cái thân biến hóa: Đức Như Lai do nơi cái trí thành sở tác biến ra mỗi Hóa thân tùy theo mỗi loại để ở nơi Tịnh độ, Uế độ, vì Bồ Tát chưa chứng lên thập địa nhị thừa loại-dị-sanh thích hợp với cơ duyên của chúng, để hiện thân thông thuyết pháp hóa độ cho được lợi lạc.



<b>Tự tánh thân</b>	.....	Pháp-thân
<b>Thụ dụng thân</b>	{ Tự thụ dụng tâm ..... Báo-thân { Tha thụ dụng tâm— <i>Thắng-ứng thân</i> }	} Ứng-thân
<b>Biển-hóa thân</b>	.....	
	<b>Pháp-thân</b>	{ <i>Tự tánh thân</i> { <i>Tự-thụ dụng-thân</i>
	<b>Ứng - thân</b>	— <i>Tha thụ-dụng-thân</i>
	<b>Hóa - thân</b>	— <i>Biển-hóa thân</i>
Ba tham ở bốn cõi	} <b>Ứng-thânhiện<sup>2</sup></b>	{ <i>Việc-ứng-thân ở cõi Phạm thánh đồng-cư</i>
		{ <i>Thắng-ứng-thân ở cõi Phương-tiện hữu-dư</i>
		{ <i>Tha thụ-dụng-thân ở cõi Thật-báo trang-nghiêm</i>
} <b>Báo - thân . . . .</b>	} <b>Pháp-Thân trụ ở</b>	{ <i>Tự thụ dụng - thân ở } cõi Thường-tịch-quang</i>

**Phương tiện hữu dư**, là các thánh Thanh Văn, Duyên giác là những người đã chứng quả cứu cánh của Nhị thừa và các Bồ Tát chưa lên Thất địa, sẽ sanh về Tịnh độ ngoài tam giới. Các vị ấy đều tu cái đạo lý phương tiện của Không-quán mà dứt được kiến hoặc, tư hoặc, nên gọi là phương tiện; chưa tu pháp Trung quán, chưa dứt hết cái hoặc vô minh nên gọi là hữu dư. Thiên thai quán kinh số nói: “Tu pháp phương tiện dứt bốn trụ hữu dư hoặc, nên rằng phương tiện; vô minh chưa hết, nên rằng.

**Thật báo trang nghiêm**, là trả cho cái non tu tạo muôn hạnh tốt gọi là Thật báo; mà đặc cái cõi tịnh đủ vạn đức trang nghiêm. Tức là nói về Hóa thân đối nơi Hóa độ, nghĩa là chơn Báo thân của Phật, ở nơi cõi chơn Thật báo.

## THẬT SỰ NƯỚC CỰC-LẠC HẸN CÓ BỐN NGHĨA

1.- Chính nêu cảnh thật, vì dễ tâm cầu

2.- Lời Phật chỉ bày, vì khiến chuyên tâm.

3.- Riêng phi căn  
thành, dương  
diệm, chẳng phải  
tam thời vì tinh  
chỉ vẽ, theo bóng

*giả-dối, cũng phi bảo bằng cách  
chênh-lệch, mà là phá các tà  
ma, đảo-đảo các quyền tiêu là  
cảnh-giới tam-thịa.*

4.- Trọn rõ tánh sẵn  
đủ, vì khiến tin sâu

*Ông Tranh-Sanh có cái thuyết ngu-  
ngôn, cũng như cảnh-giới trong giấc  
mộng con của Tản-Đà Nguyễn-khắc-  
Hiếu; nước Cực lạc đây là phi lời  
bịa-dặt, vì đây chính đại-nguyên của  
Di-Đà-Phật thật hiện thành, cũng do  
thanh-tịnh của người niệm Phật  
được kết-quả vắng-sanh về ở đó,  
bởi tâm hành thanh-tịnh, đắc quốc-  
độ thanh-tịnh.*

**Cần thành - Dương diệm:** Cần thành, tức là kiên đạt phược thành, dịch là thành quách của thần Kiên Đạt Phược, Kiên Đạt Phược dịch: tâm hương, nghĩa: tìm mùi thơm. Bên Tây vực người ta gọi đoàn nhạc kịch hát xướng là Tầm hương, vì bọn ấy có tài năng hay tạo tác trình bày các cuộc huyền thuật, bởi với cái thành quách mị thuật ấy, người ta có thể vào trong dạo chơi được, nên gọi là Tầm hương thành. Cái thành ấy hiện ra bằng cách chỉ là bóng dạng, trông thấy tựa hồ có chữ phi thật sự. Hoặc kêu Dương diệm (ánh nắng mặt nhật) hóa thành là kiên đạt phược thành: các người lái buôn đi nơi núi biển họ thường thấy ánh nắng của thái dương chói lọi hóa thành ra thành quách Kiên đạt phược với trong thành ấy, người ta nghe có những tiếng âm nhạc, nên tây-vực kêu bọn nhạc kịch phường trò là kiên đạt phược (Cần thác bà: Tầm hương), đã gọi chúng là Tầm hương, nên với cái thành kia cũng bảo là Tầm hương thành. Trí Độ Luận cuốn 6 chép rằng: lúc mặt nhật mới mọc, người ta trông thấy cái thành quách kia có

*cửa có lầu đài cung điện, nhọn vật ra vào, đến khi mặt trời lên cao, thì cái thành ấy tiêu diệt mất. Vì với thành ấy, chỉ trông thấy thôi, chớ phi thật sự nên bảo là kiến đạt bà thành.*

*Sách phụ hạnh nói: Với Càn thành, người đời họ bảo là Thần lâu, Thần là con sò lớn, sớm mai nó thở hơi lên, do ánh thái dương phản chiếu mà với nơi còn biển, người ta thấy có hình như lâu đài nhọn vật, nên gọi Thần lâu: lâu các cửa con Sò, cũng chỉ hơi bóng chứ phi thật có.*

*Sách Huệ uyển âm nghĩa nói: giữa núi thập bửu, có vị thần âm nhạc, tên Kiên đạt phước, các trời trên Đạo lợi, lúc mà muốn thưởng thức nhạc kịch, thì nhạc thần ấy tự cảm biết được liền lên tiền đình, để hiến nhạc kịch. Nhọn đó, nên chi người Tây vực bảo phường nhạc kịch là kiến đạt phước. Cũng vì bọn nhạc kịch kia họ có mị thuật làm ra cảnh cuộc tranh ảnh thành quách ấy, nhọn đó cũng gọi cái thành quách của rồng, sò thở hiện kia là càn thác bà thành.*

*Lời Tám Thập Dụ nói: Thế pháp không khoán, như bử quý thành: sự vật giữa đời rộng trong, tỷ như cái thành của quý Tâm hương. Nghĩa là chỉ thấy có mà không thật.*

***Xá Lợi Phất! cỡi kia tại sao tên là Cự Lạc? vì chúng sanh ở cõi ấy đã chẳng có các điều thống khổ mà lại chỉ hưởng toàn những phước vui, nên bảo là nước Cự Lạc.***

Đoạn đây là nêu lên cái danh nghĩa của cõi Cự Lạc mà giải thích bằng cách tổng quát.

Hai câu trước là nêu lên để gạn hỏi: từ kỳ quốc sắp xuống là giải thích.

Cả các loại ở chín cõi đều gọi là chúng sanh, chỉ có Phật mới chẳng gọi chúng sanh, mà chúng sanh ở cõi Ta bà, ý thức của nó cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, về chỗ chúng cảm chịu là y báo chánh báo đều là uế trước thì có những các điều khổ như: ngũ trước, tam khổ, bát khổ, đến vô lượng nghiệp mê hoặc vì bởi cõi đã uế, thân cũng uế trước nữa. Chúng sanh nước Cự Lạc ý thức toàn chánh niệm, nên chỗ cảm chịu là cõi y, báo thân chánh báo, đều là thanh tịnh thì có những các điều vui như: ngũ thanh, tam lạc, bát lạc, đến vô lượng các điều vui của pháp tánh vì thế giới đã thanh thái, mà thân tâm cũng thanh tịnh nữa.

Sách yếu giải nói: Cự Lạc là cõi phàm thánh đồng cư, chúng sanh được về ở đó, là do cái căn lành tu pháp trì danh niệm

Phật nên hưởng phước đức cũng đồng với Phật A Di Đà nghĩa là bốn cõi đều trọng thanh tịnh, đều trọn hưởng đủ phước vui.

Và lại điều tối thắng của nước Cực Lạc phi ở ba cõi trên, mà chính ở tại cõi đồng cư, bởi vì các cõi đồng cư nơi thập phương đều nhường điều thù thắng của cõi đồng cư ở Cực Lạc, thế thì, ngay nơi đồng cư mà trọn thấy luôn bốn cõi nốt, vì mang nghiệp vãng sanh đi tắt ngang ra ngoài tam giới, đều về ở tại cõi đây cả. Vậy biết Phật Thích Ca ngài nói ra sự khổ vui đó, là để khiến cho người tự nhận bỏ cõi khổ đây mà hoan nghinh lấy cõi vui kia, chúng ta cần hiểu cái ý nghĩa ở chỗ đó.

(Nước Cực Lạc kia thật sự thuộc về cái vui tuyệt đối hoàn toàn thanh tịnh, với lời chú, và trong các biểu đồ dưới, những điều: thanh trực, khổ lạc, đối lập đó là để chỉ dẫn chúng sơ cơ trông đầy nảy lòng chán khổ ham vui thế thôi.)

Ngũ trực của cõi Ta-bà

**1.- Kiếp trực**

Là thời kiếp ác-trực. Danh nghĩa của kiếp là nó kiêm cả bốn trực sau, nào là các pháp thân tâm tụ hội, đều có thời-tiết vẫn dài, sanh-diệt, trôi rời, vì thời-gian nó trôi qua, không có dừng trụ lại được.

**2.- Kiến trực**

Là kiến-thức ác-trực. Với những chỗ : đứt mất, thường còn, có, không v.v... chúng-sanh đều chấp một bên, mà thành cái thấy lầm bằng năm lợi-sử. Lại suốt ngày rượt theo hoàn-cảnh, dấy tướng phân-biệt, không tạm ngừng.

**3.- Phiền-não trực**

Sáu căn đối với sáu trần, nhọn đó, ý-thức nó tùy theo cảnh ngộ nảy ra các cái niệm: mừng, giận, buồn, vui v.v... tức là năm cái độn-sử là : tham, sân, si, mạn, nghi.

**4.- Chúng-sanh trực**

Tinh cha huyết mẹ thức của con lẫn-lộn chung lại kết thành thân ngũ-ấm thì, có cái ngã-tướng. Cái thân có sanh-tử ấy, nó ở giữa lục đạo, cứ sanh sanh tử tử mãi, để luân-hồi niu liền nhau chẳng dứt.

**5.- Mạng-trực**

Hơi thở còn tiếp-tục ra vào, là cái căn sanh-mạng của thân, nếu một thở ra rồi không trở lại, thì đồng tro đất. Phật dạy : Mạng sống ở giữa hơi thở hút ; lại bị lạnh nắng đổi thay, dung-nhan biến dần, rút ngắn tuổi sống.

Cái thời gian có năm trực hiện hành trên thế là: về kiếp giảm từ thuở loài người mãi còn sống chỉ hai vạn tuổi, đến thuở chỉ sống còn có mười tuổi. Kiếp trực là chung, bốn trực kia là riêng, nghĩa là trong một kiếp trực nó có bốn trực kia, vì lấy những biến cố của bốn trực kia mà làm một kiếp trực.

Ngũ thanh của cõi thanh-thái tức Tịnh-độ

1.- Kiếp thanh

Nước Cực-lạc chẳng có thời cuộc biến  
thảm hóa ruộng dâu, phi ba đời trời  
dời, thân thì mãi kiếp chẳng diệt, vì  
phi bốn mùa thức giảm.

2.- Kiến thanh

Thường nghe diệu pháp, tâm chỉ chánh  
kiến và chánh-tư-đuy, nghĩa là nhận  
thấy và suy-nghĩ đều chánh (1).

3.- Phiền-não thanh

Đắc tri thanh-tịnh, vẫn không phiền-  
não. Là : người tam-thừa có cái trí  
thanh-tịnh và vô-lậu, vì không nhiễm  
nên lia phiền-não.

4.- Chúng-sanh  
thanh

Tự tha bình-đẳng, vì toàn là thiện-  
nhơn, không thượng cấp hạ cấp,  
đều đắc quả vô-sanh, vì không có ác-  
đẳng cấu-xé hóc-lột nhau.

5.- Mạng thanh

Phật và nhân-loại đều sống vô-lượng  
tuổi, vì đều do lấy trí-huệ làm sinh-  
mạng, nên không sanh-tử luân-hồi.

(1) Do tâm tìm thấy được chơn-lý của bốn đế là khổ,  
tập, diệt và đạo, rồi phát-minh ra. Chánh-kiến là dùng cái tuệ  
vô-lậu làm thề, và là chủ thề cả bát-chánh-đạo. — Đã thấy lý  
tư-đễ, còn phải tư duy để cho chơn-tri ấy được tăng-trưởng, lấy  
cái tâm-sở vô-lậu để làm thề.

Ba khổ của cõi Ta-bà

1.- Khổ khổ

Cả chúng-sanh giữa tam giới đều mang cái  
thân phận đoạn sanh-tử đã là khổ rồi, riêng  
về chúng-sanh cõi dục thân thô trực hơn,  
khổ háo càng nặng.

2.- Hoại khổ

Dù dặng phước vui thanh-tịnh thiên-định ở  
Sắc giới, đi ở tự-do đi nữa, mà hễ hưởng  
phước hết rồi, thì cái thân phải hoại, vẫn  
đọa chịu khổ cõi dục.

3.- Hành khổ

Dầu tu đắc định-lực-sanh ở cõi Vô-sắc, sống  
lâu tám vạn kiếp không lụy gì đến thân,  
nhưng trong thiên-định còn có điều khổ vi-  
tế lưu-động !

Ba vui của cõi Cực-lạc	1.- Không khổ khổ	{ có vui trong vui	{ Chẳng có cái tình nhiễm về ái-dục, là đặng thụ hưởng điều yên-vui thanh- tĩnh không lụy.
	2.- Không hoại phổ	{ vui chẳng biến hoại	{ Cái thân trống rỗng sáng sạch, vì liên-hoa hóa sanh, là có cái vui không vật-chất ngại.
	3.- Không hành khổ	{ vui trí bất động	{ Định và huệ hòa lẫn nhau, chánh tri không bị động, là có cái vui chẳng biến dời đi đâu.
Tám điều khổ của cõi Ta-bà  Khô vì :	1.- Bị sanh đê.	{	{ Ở trong thai-bào khác nào như giam trong lao-ngục, khi lọt lòng mẹ, xuống không-khí lạnh, thống khổ như gió rét cắt thân-thể !
	2.- Phải già yếu	{	{ Sức giảm yếu, hình dung đổi, tinh-thần suy- kém, trí nhớ đời lẫn, bước đi lụm cùm, người ta chẳng ưa gần nữa.
	3.- Chịu đau-đớn	{	{ Bốn đại không điều-hòa, ê-ảm đau nhức, ăn ngủ không đặng, ngồi, nằm chẳng yên, thuốc men cũng chẳng hiệu-nghiệm.
	4.- Rớt rời chết	{	{ Gân xương như rút giết nhức-nhối, nghiệt- cảnh ác-tướng đều hiện ra, hồn vía kinh- khủng, lo sợ vô cùng !
	5.- Cầu chẳng đặng	{	{ Với những danh, lợi, phước, thọ, đến cả sự này, việc nọ mà người ta tham muốn mưu- cầu, nhưng không mấy khi toại được như ý.
	6.- Yêu biệt li	{	{ Đương cùng sum-hạp một nhà ân-ái, hạnh- phúc với nhau, mà bỗng nhiên xảy ra những con hoặc sanh-li, hoặc tử biệt đời phương.
	7. Thù ghét gặp	{	{ Giữa đôi bên thù-oán, cố muốn tránh mà lại bất gặp nhau, để vẫn trông sanh cảm ghét, chẳng khác nào như đinh đóng vào mắt.
	8.- Ngũ ấm hằng chứa	{	{ Thân tâm dần dần dòi biện-dối tiêu-mòn, mỗi niệm chẳng ngừng, tỷ như lửa cháy càng lừng càng tiêu-diệt tắt mất lần lần.

Tám điều vui của nước Cực-lạc	1/ vui không bị sanh	vì	1.- thần-thức đầu thai trong hoa sen, trợn sạch hóa sanh.	RẤT VUI
	2/ vui không bị già		2.- cái thân bằng công-đức tốt, vẫn không biến đổi gì.	
	3/ vui không bị bệnh		3.- cái thể chất bằng trong rỗng, không mây chi đau ngứa.	
	4/ vui không bị chết		4.- sống lâu đồng với Phật, xứng với tánh chẳng diệt.	
	5/ vui không cần chẳng đặng		5.- chẳng cầu tự nên, không cần tìm kiếm tạo-tác.	
	6/ vui không ái biệt ly		6.- cả chúng như biển thanh-tịnh, thường được bạn thân.	
	7/ vui không thù ghét gặp		7.- đều là người bực thượng thiện đồng tâm vui thuận.	
	8/ vui không năm ấm lòng		8.- thân tâm đều thanh-tịnh, thường trực hằng lừng đời.	

**Lại, Xá Lợi Phất! trong toàn cõi Cực Lạc, có bảy lớp hàng cây phía trên thì có bảy lớp lưới giăng, để che quanh cây thì có bảy lớp Câu lon để bao bọc, ba vật ấy đều hợp thành bằng bốn thứ báu, quanh vây chạy giáp vòng cả nước, thế nên nước kia tên là Cực Lạc.**

Từ đây sắp xuống cả năm khoa văn mà ở đây là khoa Lan-thuần, La-võng, hàng thụ đồng chỉ ra những cảnh vi diệu đều là việc vui đẹp bằng trần sắc của pháp tánh.

Câu lon tức lan can xen xen đặt rào xung quanh nơi hàng cây, với mỗi đường cái đi, phía trong phía ngoài lớp lớp đều đặn cũng thông đồng nhau.

Lưới thất mật võng rất tốt trau giồi trên hư không để bủa giăng mỗi tầng trên hàng cây những ánh tia sáng đều chói dọi lẫn nhau.

Hàng cây nó tự sanh trên đất vàng báu, đối với hàng cây, đứng ở bốn phương trông ngắm thì, thấy nó đều là bảy lớp. Cả ba món là hàng cây, câu lon và lưới giăng đều hợp thành bằng bốn chất quý báu là vàng ròng, bạc trắng, ngọc lưu ly ngọc pha lê, tự nhiên sẵn nên bằng cách xen sắc lẫn trau, chứ phi như nhơn công tạo tác của cõi Ta-bà này. Các món vàng báu ấy, chất nó mềm mại như bông gòn, tùy ý của người ở đó, muốn uốn nắn cách nào nó cũng theo chiều thế nấy.



Kinh Đại Bản nói: “Trên các bờ vàng báu, có vô số cây gỗ chiên đàn hương, cây trái cát tường, mỗi hàng đều giáp cung nhau, mỗi thân cây đều ngắm cân nhau, mỗi nhánh đều so bằng nhau, mỗi lá đều xoay về một hướng với nhau, mỗi hoa đều thuận chiều với nhau, mỗi trái đều tương đương đối nhau, như thế, mỗi hàng mỗi lối nhiều đến mấy trăm ngàn lớp”.

Lại nói: các cây bằng bảy thứ vàng báu hợp thành ấy, khắp đầy trong thế giới Cực Lạc: hoặc một cây tự nhiên thành bằng một thứ báu, hoặc một cây tự nhiên thành bằng hai thứ báu, cho đến hoặc một cây mà sẵn nên bằng bảy thứ báu; đối với cây báu ấy, các cõi tịnh độ ở thập phương đều hiện bóng cõi và thân cây, tỷ như hình tượng hiện bóng vào gương. Mỗi cây báu ấy, bề cao là tám ngàn do tuần, giữa nhánh lá và hoa, tùy theo màu sắc của ngọc báu thì chói ra ánh sáng nấy; trong ánh sáng hiện ra lâu các, trong lâu các có Phật Di Đà và hai đức thánh là Quan Âm, Thế Chí, đều phóng quang thuyết pháp; trên mỗi mỗi cây, đều có bảy lớp lưới báu, khoảng giữa lưới báu, hiện ra các cung điện rõ đẹp, tự nhiên có các vị thiên đồng tử ở trong đó. Với bao sự cảnh thắng diệu ấy, đều là những công đức nơi tự tâm của Phật Di Đà và các người tu hành niệm Phật nó hiện ra đây.

Chừ đây, đem mỗi mỗi sự cảnh báu màu ấy để tiêu biểu những đạo hạnh của tự tâm như thế này: cái lễ mà, với ba sự cảnh đều nói rằng thất trùng đó là để nêu rõ bảy khoa đạo phẩm; tứ bửu là để nêu rõ bốn đức thường lạc ngã và tịnh: lan thuận là để tượng trưng cả muôn đức ngang dọc của tự tánh; bửu võng là để hình dung cái tự tánh nó ràng bọc cả pháp giới; hàng thụ là để tỏ ra rằng tự tánh nó trường dưỡng các căn lành. Chính là chỗ bảo rằng: Ngoài tâm không còn có pháp (sự vật) nào, ngoài pháp (cảnh) cũng không còn có tâm gì nữa, thật thế.

<b>Bốn đức của Phật-giới</b>	<b>1. Chơn-thường</b>	Mặc dù trải nhiều kiếp, tự tánh-nó không hề biến đổi, tỷ như thể-chất của vàng báu, vẫn chơn-thường chẳng hề khác.
	<b>2. Chơn-lạc</b>	Tự-tánh nó có công-đức nhiều vô cùng, tỷ như vàng báu nó hay khiến cho người được giàu sang, hưởng nhiều phước vui-vẻ.
	<b>3. Chơn-ngã</b>	Tự-tánh nó lẫn suốt khắp giáp, ví như chất vàng báu ; tùy ý người tạo khác món đồ, chứ chất vàng nó vẫn tự-tại.
	<b>4. Chơn-tịnh</b>	Tự-tánh nó chẳng nhiễm theo cảnh một ly một hào gì, thí như chất vàng báu, trong ngoài đều là sáng sạch cả.

Với bốn điều ấy, là pháp tánh nó sẵn đủ những công đức vi diệu. Đối với bốn đức ấy: các Bồ Tát trên bực Sơ trụ bên Viên giáo; và các Bồ Tát trên bực Sơ địa bên Biệt giáo, đều chứng được bằng cách dần dần từ phần; còn những Bồ Tát đã chứng lên bực Cực quả Diệu giác, mới chứng cả bốn đức ấy đến cực điểm hoàn toàn viên mãn.

*(Sách Pháp Hoa huyền nghĩa cuốn bốn chép: Người tu Phật đã phá hết phiền não hai mươi lăm hữu rồi, gọi là tịnh. Đã phá rồi những cái nghiệp của hai mươi lăm hữu, gọi là Lạc. Không thụ cái báo thân của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Thường. Chẳng còn cái sanh tử của hai mươi lăm hữu nữa gọi là Thường. Với Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, gọi là Phật tánh nó hiển hiện ra đó.*

*Nói ra Thường Lạc Ngã Tịnh ấy: là cái lập trường để thuyết pháp của một bộ Kinh Niết bàn, thành thử với Niết bàn Kinh, các Tổ xưa đã bảo là “đào thường giáo” nghĩa là giáo điển này chuyên bàn về lẽ Hằng thường).*

**Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng thất bửu: trong ao có nước đủ tám công đức đầy đầy; dưới đáy ao dùng toàn thứ cát bằng vàng bửu đất; bốn thứ báu là kim, ngân, lưu**

*ly, pha lê hợp lại đắp thành các con đường từ nóc và bằng phẳng đi chung quanh nơi bờ ao; trên mặt đất vàng gần bờ ao, đều kiến thiết lên những lâu các bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, để trang sức rất là tôn nghiêm; trong ao hoa sen nở lớn bằng bánh xe: bông màu xanh phóng ra tia sáng xanh, bông màu vàng phóng ra tia sáng vàng, đỏ thì chói ra ánh màu đỏ, và trắng thì chiếu ra hào quang trắng; mỗi mỗi bông sen đều đủ bốn điều quý là nhiệm màu, thơm và sạch.*

Đây là khoa văn bửu trì, lâu các và liên hoa đều rất đẹp. Từ thất bửu trì sắp xuống là nói về nước ao; Từ tứ biên sắp xuống nói về giai đạo lâu các; Từ trì trung sắp xuống nói về ao sen.

Với bửu trì, kinh Đại bản nói: Bên trong bên ngoài, phía tả phía hữu, đều có các ao tắm: có ao lớn bằng mười do tuần, ao lớn bằng hai mươi, hoặc ba mươi, nhẵn đến lớn bằng một trăm, một nghìn dặm, dường như bể cả; có ao tự nhiên thành bằng một thứ báu, có hai thứ báu, nhẵn đến bằng bảy thứ báu chung lại thành một ao, chí như cái ao của Phật tắm tư vương lại lớn gấp bội số trên.

Quán Kinh nói: Mỗi mỗi ao nước sẵn nên bằng thất bửu, thứ bửu này thể nó rất nhu nhuyễn, do nơi ngọc chứa như ý sản sanh ra, chỉ làm mười bốn khía, nó ứng ra màu tốt của thất bửu, vàng ròng tốt làm bờ cừ, nước chảy rót vào trong hoa, rồi cũng theo thân cây để chảy lên xuống.

**Giai đạo:** Giai là giai cấp : từ bậc từ nóc. Đạo là đạo lộ: mặt đường cái đi bằng phẳng. Nhà chông nóc gọi là lâu; nhà lâu nóc nhọn gọi là các. Quán Kinh chép rằng: trên mặt đất bằng hoàng kim, trong mỗi mỗi một thứ báu nó có hàng năm trăm ánh màu, ánh sáng nó như hoa, thành ra những cái đài quang minh, hàng nghìn hàng muôn nhà lâu các, cách hợp thành bằng trăm thứ báu.

Với trì trung liên hoa... kinh Đại Bản nói: “Hoa sen lớn hoặc bằng một do tuần, nhẵn đến trăm dặm, ngàn dặm”. Răng lớn như bánh xe đó Kinh Hoa Nghiêm lời sao giải rằng: “bánh xe của Kim Luân Vương ở cõi đây lớn bằng một do tuần tức là bốn mươi dặm”, đó là nói về cái lượng rất nhỏ vậy thôi, vì người ở cõi đồng cư, mỗi trình độ thấy hoa hoặc lớn hay nhỏ đều chẳng đồng nhau.

Hoa sen xanh tên là ưu bát la; hoa sen vàng tên là Câu vật đầu; hoa sen đỏ tên là Bát đầu ma; hoa sen trắng tên là Phân Đà

Lợi. Bởi cái thân hoa sen có ánh sáng nên cái bào hoa sen cũng có ánh sáng.

Song, bên nước Cực Lạc, các thứ liên hoa: hoặc thứ rất toàn chỉ một màu sáng, hoặc thứ xen lẫn nhiều màu sáng, ở đây nhà dịch ghi có bốn màu là chỉ nói sơ lược thôi.

**Vi diệu hương khiết:** Chữ Vi nghĩa là có cái hoa mà không có cái chất xác, Diệu: Hoa rất nhiều mà không chướng ngại nhau. Hoi thơm bay phưởng phất ra khắp giáp là nghĩa chữ Hương, phi đồng với hoa sen bằng thảo mộc trần vật ở thế gian này nên gọi là Khiết. Nhiệm màu thơm sạch, là khen ngợi bốn đức tốt của bông sen ở Cực Lạc, cái hoa sen còn được như thế, hưởng chi với cái thân do hoa sen hóa sanh ra càng vi diệu hương khiết đến thế nào nữa tưởng khá biết được.

Nếu rõ về “tánh” để nói, thì bảy báu là tiêu biểu 7 thứ của thánh, tám món công đức là nêu rõ nước nó có tám lý chánh, đáy ao cát vàng là tượng trưng cái tánh chơn như nó triệt để chẳng hề biến đổi, cũng như ao sen sâu tận đáy ao vẫn là chất vàng. Hoa sen phóng hào quang là để tỏ rằng: Cái thể của tự tánh nó vẫn vắng lặng mà thường tỏ soi.

## NƯỚC CÓ TÁM TÍNH CHẤT CÔNG-ĐỨC

1/ Lóng đứng sạch-sẻ	1/ Lóng đứng sạch-sẻ lìa như đục.	<i>Nhẹ</i>
2/ Trong ngần mát-mẻ	2/ Trong veo mát mẻ không mỏng xét.	<i>Trong</i>
3/ Ngon ngọt bén tốt	3/ Ngon ngọt béo bùi đủ mùi qui.	<i>Mát</i>
4/ Nhẹ nhàn mềm mại	4/ Nhẹ nhàn mềm mại khả lên xuống.	<i>Mềm</i>
5/ Nhuận gội thấm thía	5/ Nhuận trơn thấm thía không khô nám.	<i>Lại</i>
6/ Yên lành hòa đẹp	6/ Yên lặng chăm rài chẳng chóng tràn.	<i>Không</i>
7/ Hết đói đã khát	7/ Chẳng những đã khát gồm đỡ đói.	<i>hôi</i>
8/ Nuôi lớn các căn	8/ Nuôi lớn thân tâm khỏe sáu căn.	<i>Khi uống</i> <i>vừa thích</i>
		<i>Uống rồi</i> <i>không ốm</i>

Nghĩa dưới có hơi đại đồng tiểu dị với nghĩa trên; với các ý nghĩa rằng: nước nó có hay là không chảy từ dưới lên trên thân thể đến chỗ nào, và nước ấm hay nước mát v.v.. là nó đều tùy nơi ý muốn của người tắm cần đến thể nào thì nó cũng vừa đến thể nấy. Nước mà như ý thể đó là như cái nguyện của đức A Di Đà và, sức niệm Phật của mỗi người tu tịnh độ hợp nhau thành ra cái pháp tánh vốn đủ thứ “nước lý” công đức như thể đó, chớ không chi lạ, nên gọi là “nước công đức”.

Cũng gọi “công đức trì”; ao công đức là: nước trong ao nó có tám chất công năng kinh Vô Lượng Thọ chép: “Cõi Cực Lạc, từ trong đến ngoài, tả qua hữu, đều có các ao tắm, ao lớn: hoặc mười dặm, hoặc hai mươi dặm, hoặc ba mươi dặm, nhân đến lớn tới hàng trăm hàng ngàn do tuần, với bề ngang dọc sâu cạn, thì ao nào

mỗi đều mỗi đồng đẳng theo với nhau, nước tám món công đức trong treo, đầy đầy”

<b>Thất Thánh-tài</b>	<b>Tín</b> (đức tin) — Tin	<b>Kinh Tịnh-thanh</b>	Cũng gọi là	Pháp tài	Với «Thất-thánh tài» mà hai bốn : Kinh Vị-tăng-hữu có đại đồng tiêu đị nhau với Kinh Tịnh-Danh. Người đời nếu có thể.	
	<b>Tấn</b> (tinh-tấn)					
	<b>Giới</b> (giữ giới) — Giới					Thánh tài
	<b>Tàm-quí</b> } Tàm } Quí }					
	<b>Văn</b> (huệ nghe) — Văn					Tài bửu
	<b>Xả</b> (bỏ nhiễm) — Xả					
	<b>Định huệ</b> — Huệ					

y theo bảy việc ấy để tu, chí tâm niệm Phật hồi hướng về tịnh độ, đến khi công hạnh viên thành, thì tự thấy nơi tự tánh mình nó sẵn có những món pháp tài công đức rất thắng diệu của Thánh đạo. Người niệm Phật mà chẳng có “Thất thánh tài” ấy, thì hẳn không đặng sanh về nước Cực Lạc!

(Kinh Bảo Tích cuốn 42 nói: “1. Tín (tin chịu chánh pháp), 2. Giới (giữ giới luật), 3. Văn (năng nghe chánh giáo), 4. Tàm (thẹn: mắc cỡ với phần mình), 5. Quý (hỗ: hỗ người với phần người) 6. Xả (xả bỏ tất cả không tham đắm), 7. Huệ (với sự lý hiểu biết sáng suốt).

(Kinh Niết Bàn cuốn 17 nói: Tín, Giới, Tàm, Quý, Đa văn, Trí huệ, Xả ly là Thất thánh tài, hề giữ được bảy món ấy, gọi là Thánh nhơn). Kinh Duy Ma phẩm Phật đạo nói: Giàu có bảy tài bửu, dạy trao dùng thêm lời). Kinh Báo ân chép rằng: lửa dữ nó đốt cháy thế gian tài, miệng dữ nó đốt thất thánh tài; bảy thánh tài là: tín, tinh tấn, giới, tàm quý, văn xả, nhẫn nhục, định huệ. Vì bảy tài ấy nó năng tư dụng cho được thành Phật, nên gọi là Thánh tài, cũng bảo là bảy Pháp tài. Người ta ở đời họa phúc gì cũng tự nơi miệng cả, nên thường giữ cái miệng hơn giữ lửa dữ, vì lửa dữ nó chỉ đốt cháy của cải trong một đời thôi, chứ cái miệng dữ nó hay cháy đến của vô số đời v.v... giữ đủ các pháp ấy, Phật bảo người đó giàu có bảy Thánh tài, các chúng sanh kia không giữ được của ấy Phật bảo kẻ bần cùng!

***Xả Lợi Phật! cõi nước Cực Lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.***

Đây là khâu kết lại nghĩa trên. Hai chữ như thế là chỉ về các sự trang nghiêm trên. Số là vì đại nguyện, đại hạnh của đức A Di Đà Phật nó đều xứng với pháp tánh, nên với chỗ thành tựu ra những công đức rất trang nghiêm, như thế, và tự tánh nó hiển hiện ra bốn thứ tịnh độ. Sở dĩ nói: “Nếu người niệm Phật, hoa liền nêu danh, siêng trễ vừa phân, tươi khô khác hẳn”. Nghĩa là: Ở cõi ta bà đây người phát tâm niệm Phật, thì bên nước Cực Lạc ao sen nó mọc lên một đóa hoa, trong hoa có ghi tên của người ấy, hễ người niệm Phật thường mỗi ngày được tăng tiến, thì hoa ấy nó càng ngày càng tươi lớn thêm lên mãi; trái lại, thì hoa nó mỗi ngày mỗi lụn bại dần hoặc đến khô tàn, mà chớ, nếu người niệm Phật kia chỉ cần chung đãi, hoặc thôi không niệm nữa!

Vậy, với cái tâm niệm Phật mà mọc hoa ghi tên và tươi tốt lớn thêm đó, há phi là bởi tự tánh mà thành tựu công đức trang nghiêm như thế ư?

***Lại, Xá Lợi Phất! trong cõi nước của Phật kia, trên thiên không thường reo âm nhạc, dưới địa chất toàn bằng vàng ròng; ngày đêm 6 giờ, chốn thiên không thường tuôn xuống hoa mạn đà la, chúng sanh trong cõi hằng mỗi rạng sáng, đều lấy cái y kích, hứng đựng các thứ hoa tốt quý, đem đi dâng cúng chư Phật ở mười muôn ức cõi nơi các phương khác; cúng rồi liền trở về bổn quốc, để dùng bữa cơm sớm mời rồi đi kinh hành.***

Đây là ghi rõ rằng hoa nhạc dâng cúng bằng cách rất mẫu nhiệm.

Từ câu “thường reo...” sắp xuống, là ghi những: trên không, dưới đất hai cảnh đều trang nghiêm.

Từ câu “chúng sanh trong cõi...” sắp xuống là ghi: đến phương xa cúng Phật.

“Nhạc” là món tinh trần, “Đất” là món sắc trần, “Hoa” là hai trần: Sắc và Hương, “Com” là vị trần, xúc trần là đồ áo quần bạn v.v...dù đây không nói, chớ lẽ cũng hàm đủ.

Nhạc của chư Thiên, dĩ nhiên là nó vi diệu hơn nhạc của thế nhơn kinh. Quán Kinh nói: “Chư Thiên nhiều đến vô lượng, trời hòa nhạc trời”. Lại nói: “đồ âm nhạc như treo trên hư không, lơ lửng dường thể tràng phan báu của chư thiên lòng thông, reo kêu tự nhiên, chớ chẳng phải có ai đánh thổi, vẫn không xen nghĩ”. Nên nói là “thường reo” cũng như đánh mãi là thế.

“Ngày đêm 6 giờ” ngày có: đầu, giữa, và cuối, gọi là ngày ba thời; đêm có: trước, giữa, và sau gọi là đêm ba giờ. Nói là thời giờ đó, là ý nghĩa rằng hàng giờ chẳng dứt, tức là mỗi giờ đều có nhạc trời nó tự nhiên reo luôn.

Mạn đà la, dịch là thích ý: vừa với ý; lại dịch là hoa trắng, hoa đỏ nghĩa nó hàm cả bốn màu là: hoa lớn và nhỏ bằng sắc trắng, thứ đó cũng thế. Như Kinh Pháp Hoa nói: Ma ha mạn đà la hoa, ma ha mạn thù sa hoa.

“Mới rạng sáng đi cúng Phật” là dùng cái lúc mà ý thức còn thanh tịnh, vì chưa tư tưởng lo nghĩ những gì.

“Y kích” hoặc nói y khâm là món đồ bằng vải để đựng bông đàm đi cúng.

“Bữa ăn” là bữa cơm sớm mai, từ rạng sáng đến bữa cơm chay sớm mai là giờ phút rất ngắn, mà có thể đi cúng hoa cả chư Phật ở từ mười vạn ức cõi, rồi liền về bổn quốc, kịp dùng bữa ăn sớm như thế, là rõ rằng: Chúng sanh đi cúng hoa kia đều đã đặng ba món “ý sanh thân” (**ý sanh thân**: là từ sơ địa nhãn lên thập địa, tất cả Bồ Tát, muốn sanh thân ra cách nào thì biến hóa ra như tâm ý mình muốn thế nấy, tự tại không ngại, gọi là ý sanh thân. Bộ Kinh Niết Bàn bốn quyển, cuốn hai nói: ý sanh thân là ví như ý thức nó tới lui rất chóng không ngần ngại. Cuốn ba nói “ba món ý sanh thân”. Vậy biết: chúng sanh ở cõi nước kia, toàn là đã chứng lên bậc sơ địa... thập địa Bồ Tát cả) tới lui vẫn tự tại bằng cách phi lật đật đi mà chóng đến tự nhiên.

Lại, vì vâng phép thần lực của Phật, nên đối với các thứ bình bát bằng vàng, bạc, các vật báu và trăm vị món ăn, thức uống nó đều tùy nơi ý muốn của mỗi người cần dùng chi để hiện nấy, người ăn rồi thì vật dụng nó tự lui biến đi đâu mất, chớ khỏi nhọc công dọn rửa dẹp cất gì cả.

“Ăn rồi đi kinh hành” là: Cũng một cách vệ-sanh để sửa thân không bị ngăn trệ, sửa tâm không phóng dật.

Nếu luận về lẽ hiển tánh: thường reo nhạc trời là để nêu cái tự tánh nó đủ muôn đức dung hòa mà chẳng sai dòi; đất bằng vàng ròng là nêu tâm địa bình đẳng mà chẳng biến đổi: Trời tuôn hoa mạn đà là nêu thứ hoa sạch của tự tánh thiên nhiên để trang nghiêm nơi tâm địa: đựng hoa đem cúng chư Phật ở phương khác là nêu rằng: tịnh hoa của tự tánh cúng chư Phật pháp giới trong tự tánh: đến giờ ăn về nước kịp dùng bữa là tỏ rằng: tánh nó phi lai



phi khứ, mà thị hiện tới lui, tức chẳng rời Cực Lạc mà thường khắp giáp nơi mười phương; ăn cơm rồi đi kinh hành là tiêu biểu trong cái tâm đã đắc định nó phát sanh ra thú-vị pháp-thực kêu là “thiền duyệt thực” để tu dưỡng tinh thần, tức là “pháp hỷ sung mãn”, thế nên có nghĩa là ăn cơm; dùng cái diệu huệ để quan sát, sáng suốt lẫn thấu xa gần, nên có nghĩa là đi kinh hành.

Tóm rút, thì năm trần là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc ở cõi mâu, có lẫn suốt cả hằng sa thế giới; người ta nếu cái tâm niệm Phật đã được thanh tịnh, thì cõi ta bà nó lẫn suốt nhau với Cực Lạc, vì tâm tịnh tức độ tịnh; trái lại, nếu tâm sanh phân biệt, thì phương đông nó cách hẳn nhau với phương tây.

Ngày đêm sáu thời

**Ngày** { Đầu  
Giữa  
Cuối

**Đêm** { Đầu  
Giữa  
Cuối

Hợp lại làm sáu thời  
Lại, sáu thời hợp với  
mười hai giờ

Ba chủng ý sanh thân

1- Cái định chánh thụ tức là vui tam-muội

2- Tỉnh giác pháp tức là tự-tánh

3- Tùy chủng loại đều sanh mà không hành tác

Ý sanh thân

Do cái sức tam-muội mà đắc cái tự-tại, khắp vào các cõi đều được tùy-ý vô-ngại.

Hiểu rõ các pháp-tánh nó như huyền hóa, vốn không thật có, nên hay khắp vào.

Tùy nơi chủng-loại của chúng-sanh, để hiện thân ra như bóng hiện trong gương mà không vi tác gì.

Từ Tam - địa đến Thất - địa Bồ-tát không quán

Các vị Bồ-tát trong Bát - địa giả quán

Các vị Bồ-tát trong cửu - địa Trung-quán

Cũng gọi là thành ý thân

*Xá Lợi Phát! cõi nước Cực Lạc trọn nên công đức trang nghiêm như thế.*

Đây là kết thúc lại đoạn văn trên, để ghi nguyện thành đức tốt.

*Lại nữa, Xá Lợi Phát! Nước kia thường có mỗi mỗi thứ chim về lông xem màu tốt lạ lắm, như là: Hạc trắng, con công, con két, con cò, chim tiếng hay, chim chung mình hai đầu, các thứ chim ấy, ngày đêm sáu giờ hót tiếng hòa nhã, tiếng nói lâu đủ các pháp năm căn năm lực, bảy phần bồ đề, tám phần thánh đạo; chúng nhơn ở cõi kia, nghe tiếng ấy rồi, ai nấy cũng đều niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.*

Đây là nêu rõ món quý màu bằng chim biến hóa để thuyết pháp bảo. Vì e chúng sanh nó nghe pháp lâu ngày rồi sanh tâm lười trễ, nên đức Phật A Di Đà ngoài dùng phép nguyện lực thần thông biến hóa ra các thứ chim nói pháp như để nhắc thức cho chúng gắng mà tiến tới.

Mỗi các thứ chim xem sắc tốt lạ đó, là nói đã nhiều mà lại rất đẹp. Nay lược đề sáu thứ chim: 1. Xá Lợi, dịch: Thu lộ, là một giống thuộc về loại Cò, tức đồng đàn với thủy điều, là thứ thường đậu kiếm ăn dưới nước; hoặc dịch là Xuân oanh. 2. Ca lãn tần đà, dịch: Diệu âm, nghĩa: tiếng hay, vì lúc mà nó chưa ra khỏi trứng, tiếng đã hơn các chim khác. 3. Cọng mạng: một mình hai đầu, mà tánh biết lại riêng biệt nhau giữa chung một báo thân núi tuyết và các chỗ khác đều có hai thứ chim ấy, song bởi nghiệp ở sanh; chớ chim bên Cực Lạc thì phi là nghiệp tướng.

**Ngày đêm**, bên nước Cực Lạc hẳn không ngày đêm, mà tạm dùng những giờ hoa nở làm ban ngày, bông xẹp lại làm ban đêm; cũng có thể lấy những lúc chim kêu là ngày, còn khi chim nó đều yên lặng là ban đêm. Đây nói sáu giờ thốt tiếng hòa nhã đó, thì các chim nói pháp luôn không ngớt thế...

« BA MƯƠI BẢY PHẦN GIÚP ĐẠO »

BIỂU ĐỒ NÀY  
LÀ CỦA TỤC  
TANG KINH

Bốn pháp  
niệm xứ

- 1- « xét thân bất tịnh » = xét cái thân của ta và người : da thịt máu mủ, mồ hôi, đại tiểu tiện... đều là uế-ác làm gốc khổ
- 2- « xét chịu là khổ » = xét khi 5 căn đối với 5 trần : lành chịu các cảnh tốt xấu khi vui, khổ
- 3- « xét tâm vô-thường » = xét cái ý-thức nó phân-biệt các cảnh ưa ghét, mỗi niệm tạp loạn, sanh diệt vô-thường nên chấp là ngã vật, ngã thân
- 4- « xét pháp vô-ngã » = xét các pháp vốn chẳng có ngã chủ-tể, gặp vật thì diệt và-thường

Ba  
4  
Bốn pháp  
chánh căn

- 1- « với ác-tâm đã sanh, kíp khiến đoạn diệt »
  - 2- « với ác-tâm chưa sanh, ngừa chẳng cho sanh »
  - 3- « với thiện-tâm chưa đầy, mau khiến nó đầy »
  - 4- « với thiện-tâm đã đầy, không khiến thêm lớn »
- « Niệm » : tâm : « xứ » : 4 điều điên-đảo, là : Thân, Thọ, Tâm, Pháp, Vì niệm pháp đầy, thì ta 4 khổ điên-đảo, động 4 đức : thứ 1-ng, lạc, ngã, tịnh, — Hay giữ chánh-tâm, cầu si đoạn ác tu thiện, — Tu pháp này năng phát các pháp : thân-thông như-ý.

Hai  
5  
Ngũ lực

- 1- « Dục như ý túc » = Với cái « Định » đã có phần được ích, muốn mong tiền-bộ tới.
- 2- « Niệm như ý túc » = Mỗi niệm vẫn giữ nhất tâm, an-trụ nơi chánh-ý.
- 3- « Tiến như ý túc » = Cứ chăm tinh-tiến sẵn tới, công-phu chú giải-đoan.
- 4- « Huệ như ý túc » = Soi xét chân-tâm, xa-lìa vọng tâm, lòng không tâm-loạn.

Chiếc 7-

Lê 8-

- 1- « Tín căn » = Đối với đấng của Tam-bảo, ta nên tin sâu chịu muốn
- 2- « Tấn căn » = Đã tin lý ấy rồi, nên siêng tìm xét mãi không quên
- 3- « Niệm căn » = Mỗi niệm tìm - tòi lý ấy rồi như mãi không quên
- 4- « Định căn » = Chăm lòng soi lý ấy, tâm-ly đối nhau chẳng tan mất
- 5- « Huệ căn » = Định cái tâm vào đạo, pháp thành quán phân-minh

- 1- « Tín lực » = Đức tin đã sâu đặc lực rồi, chẳng bị các chỗ nghi làm lay động, nên phá được nghi-hoặc phân-não
- 2- « Tấn lực » = Căn tinh-sấn đặc lực rồi, quán hân các điều đầu đầu dài-dài, nên làm được các đạo nghiệp xuất-thế-gian
- 3- « Niệm lực » = Căn ghi nhớ đặc lực rồi, phá được các niệm tà ý trợn nên được cái chánh niệm xuất-thế-gian
- 4- « Định lực » = Căn Định đặc lực rồi, dứt được các điều tạp-tướng, nên phát-sanh sự lý của các thiên-định
- 5- « Huệ lực » = Căn Huệ đặc lực rồi, phá được tà-kiến của bao phái ngoại-đạo, trừ các chấp của các : Thiên, Tiểu

— « Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ » đều kiên-cố như cây đặng cội-cột sâu, với hoàn-cảnh nhiễu-loạn, cũng chẳng lay-động, như căn-cột hoặc sức-lực cứng-chắc, đủ năng-lực duy-trì.

**Bảy phần Bồ-đề**

- 1. Niệm
- 2. Trạch pháp
- 3. Tinh-tiến
- 4. Hỷ
- 5. Kinh-an
- 6. Định
- 7. Xả

Giác chi

- 1- « Niệm » ; với « Định Huệ » , điều-hòa cho nó cần đồng nhau ; lúc dụng công, hễ làm cố trầm thì niệm dùng ba cái : —  
 — Trạch - pháp, tinh tiến, hỷ đề xết đầy lên ; tâm nó phủ, thì niệm dùng ba cái : kinh - an, định, xả đề đầu đẹp
- 2- Trong khi định quán-xét các pháp, năng gián « trạch » được cái công chán-thật, nên chẳng dùng cái pháp hư-vọng nên không dùng cái lối khờ-hạng vô-ích
- 3- Thuở tu các đạo pháp, năng hướng về chánh-hạnh « tinh tiến » chứ chẳng tùy các pháp điên-đảo sanh mừng
- 4- Lúc tâm đặc pháp sanh hoan « hỷ » , năng biết chánh-ly, thấy phiền-não, nhu-thuận, không cương bạo
- 5- Dứt điều thô-trọng của hai nghiệp thân và khẩu, trừ các cái các định giả dối, không sanh ái kiến
- 6- Khi công-phụ thuần-thực phát-sanh các thiện « định » năng biết các định giả dối, không sanh lòng người
- 7- Đã biết cảnh hư giả trong thiên định « xả » bỏ đi, mà chẳng sanh lòng người

**Tám phần Đạo chánh (lẽ)**

- 1. Chánh kiến... Với pháp « Thất-giác » đã điều-hòa đồng nhau, thì đặc cái huê-chán-giác, phan ranh để-ly, gọi chánh-kiến
- 2. Chánh ngữ... Với Để-ly, thấy đã chánh rồi, thì khẩu-nghiệp không bao giờ nói lời hư-vọng.
- 3. Chánh tư... Cái Để-ly nó tương-ưng nhau với trí vô-lậu, nên cái ý-thức nó chẳng tà tư loạn tưởng nữa.
- 4. Chánh nghiệp... Cái ý-thức đã an-trụ nơi trí vô-lậu rồi, ba nghiệp của thân ra làm đều được thanh-tịnh cả
- 5. Chánh mạng... Cái ý-thức đã an-trụ nơi trí vô-lậu rồi, trừ luôn cả tà-mạng của ba nghiệp : thân, khẩu, ý.
- 6. Chánh tinh... Đã trụ nơi trí vô-lậu rồi, với hạnh chán-chánh, vẫn tinh-tiến, cần đến quả Niết-bàn.
- 7. Chánh niệm... Đã trụ nơi vô-lậu trí rồi, cái niệm chán-chánh là phương-pháp để giúp đạo-quả lòng không động mất.
- 8. Chánh định... Trí vô-lậu nó tương-ưng nhau với định chán-chánh an-trụ nơi để-ly, quyết-định chẳng dời.

— Định và Huệ đã đều động rồi, thì từ đây, móng lòng, động niệm đầu chạ phải đều là Chánh-đạo, trong đạo chánh, vẫn an-ân, tu-hành để chóng đến cái đạo-vị của Phật-dà vậy.

là nói: khi nó kêu, khi nó yên lặng cũng chẳng phải là hai khi đó là để khiến cho người nghe được tỏ rằng: ngay nơi định mà huệ, chính nơi huệ mà định, định (yên lặng) huệ (hoạt động) tròn lẫn nhau, thế là đắc pháp hoan hỷ vậy.

**Ngũ căn** v.v... tức là ba mươi bảy đạo phẩm, là những chỗ gọi: pháp tứ niệm xứ, pháp tứ chánh cần, pháp tứ như ý túc, pháp ngũ căn, pháp ngũ lực, pháp thất bồ đề phần, pháp bát thánh đạo phần, các pháp như thế đó, tức là nó gồm cả những pháp: niệm xứ, chánh cần, như ý túc trước kia, và còn các pháp: Tứ niệm, lục độ, thập lực, tứ vô sở úy, cả vô lượng pháp môn nữa. Người mà muốn tu lên quả vị Thánh, nếu phi do các đạo phẩm đây, thì đâu có thể tiến ngay tới thánh quả ư?

**Nghe tiếng chim rỗi liền niệm Tam bảo.** Ví đối với các pháp tiêu thừa, đại thừa không chỗ nào mà các chim biến hóa kia nó không nói đến. Nghĩa là: các chim kia nếu nó nói pháp bằng cách khen ngợi công đức của chư Phật, khiến cho người nghe liền tỏ được cái Phật tánh bốn giác thường trụ thanh tịnh, nên chi phát tâm niệm Phật: nếu chim nó nói bằng cách giảng diễn pháp tam thừa, người nghe liền tỏ được tự tánh vốn đủ các pháp môn nhiều như số hằng sa, nên chi phát tâm niệm pháp; nếu chim nó hát bằng cách kể quả vị của tam thừa, người nghe liền tỏ được cái địa vị lý trí nó hòa hợp với tự tánh, nên chi phát tâm niệm Tăng.

-----  
**THU LỘ:** chim Thu, chim Lộ. Chim Thu: hình trạng nó giống con Hạc, lông màu xanh xám tro, hai cánh xòe rộng chừng 5, 6 thước, đầu cao chừng 6, 7 thước, đánh nó trọc không lông, da đầu đỏ, mỏ giẹp, dưới cổ có cái bướu thông như cái đày. Ưa nuốt rắn. Chim Lộ: lông cánh toàn sắc trắng, cần cổ và hai cẳng đều dài, da cẳng màu xanh, mỏ dài đến hai, ba tấc, trên đánh có một cái lông trắng khá dài. Hai thứ chim trên thường đậu nơi mé nước, nên đồng gọi là thủy điểu; chim Lộ thì ăn cá. Phụ nữ bên tây dương ưa dùng lông nó giặt trên đầu.

**CHIM XUÂN OANH:** Lông trên lưng màu vàng xám tro, đuôi có lông đen, đôi chim này trống mái thường bay cặp kề nhau.

Tóm lại, chim kia trọn diễn công đức của Tam bảo, mà người nghe có thể cũng trọn niệm được ngôi “Nhứt thể Tam bảo” của tự tánh, thực thể.

**Sáu độ**

- 1.- Bồ-thí
- 2.- Trì-giới
- 3.- Nhân-nhục
- 4.- Tinh-tiến
- 5.- Thiên-định
- 6.- Trí-huệ

**Đề tế-độ sáu Tệ**

- 1.- Xan-tham : bôn rút
- 2.- Hủy-phạm : phá giới
- 3.- Sân-khuê : giận dữ
- 4.- Dải-đãi : trễ nải
- 5.- Tán-loạn : tan rối
- 6.- Ngu-si : đại ngầy

**BỐN PHÁP NHIẾP HÓA**

- 1.- **Bồ-thí** : Với người ưa của, lấy của cho ; ra pháp thì lấy pháp cho.
- 2.- **Ái-ngữ** : Dùng lời nhỏ-nhẹ, đề tùy-thuận an-ủi cho tất cả chúng-sanh.
- 3.- **Lợi-hành** : Tùy dấy thân, khẩu, ý ra làm, khiến người đều nhờ lợi-ích.

**Bốn không chỗ sợ, có hai cách**

- 1. Gôm giữ
- 2. biết cần
- 3. dứt nhờ
- 4. Trả lời

**Không sợ**

- 1. nghe tất cả pháp, thường hay thụ trì nghi nhớ không quên.
- 2. biết các chúng-sanh cần tánh sai khác, nói pháp hợp cơ.
- 3. với kẻ nghi lầm, đều vì giải quyết, khiến đặng mở hiểu.
- 4. với kẻ vấn nạn, đều trả lời được ; không bị thua chúng.

- 1. Trí tất cả
- 2. vọng lậu hết
- 3. nói lẽ chướng
- 4. nói lẽ khổ hết

- 1. đối tất cả pháp, đều biết, cả thấy, thấy hết cả.
- 2. Phật hết 5 trụ-hoặc, 2 cái sanh-tử mất hẳn.
- 3. với pháp ngăn đạo, đều hay biết hay nói.
- 4. với cái đạo diệt khổ hay biết và hay nói.

— Chư Phật do các nghĩa ấy, nên thuyết pháp cho chúng-sanh, mà vẫn không hề sợ-sệt, thành thử phát ngài thuyết pháp, gọi là « vô-úy thuyết ».

## PHẬT CÓ MƯỜI TRÍ LỰC

1/ <b>Chỗ phải chỗ chẳng</b>	} <b>Trí lực</b> }	1/ Biết cả nhân-duyên quả báo của chúng-sanh : như làm việc lành thì đắc quả vui, gọi là chỗ phải ; Nếu làm việc ác, mong đặng quả vui, gọi là chỗ chẳng.
2/ <b>Nghiệp chương</b>		2/ Biết vô lượng các nghiệp, chương của chúng-sanh.
3/ <b>Phép định</b>		3/ Biết tất cả các pháp tam-muội thiền-định.
4/ <b>Căn-tánh</b>		4/ Biết cả chúng-sanh, căn-tánh có bậc thượng bậc hạ.
5/ <b>Ưu muốn</b>		5/ Biết cả chúng-sanh có mỗi mỗi sự ưa vui khác nhau.
6/ <b>Ranh cõi</b>		6/ Biết cõi đời của chúng-sanh ranh giới mỗi thứ riêng nhau.
7/ <b>Đến chỗ</b>		7/ Biết tất cả hình tướng đến chốn của cả thấy đường
8/ <b>Mạng đời trước</b>		8/ Biết cả họ, tên, khổ, vui, sống lâu, chết yểu của các chúng-sanh.
9/ <b>Thiên nhân thông</b>		9/ Biết suốt cả sắc-thân và chỗ nơi của chúng-sanh qua lại đường sanh-tử.
10/ <b>Hết thân hữu-lậu</b>		10/ Tự biết mình đã hết sanh-diệt, vì chẳng chẳng chịu thân đời sau nữa.

***Xá Lợi Phất! Ông chớ bảo các chim ấy, thực là do chỗ tội báo sanh ra. Sở dĩ là sao? Vì cõi nước của Phật kia không có ba đường dữ. Xá Lợi Phất! Xét nước Phật kia còn chẳng có cái “danh” ác đạo thay, huống chi có cái “thực”. Các thứ chim ấy bởi đức A Di Đà Phật Ngài muốn cho tiếng pháp khắp rạo, nên biến hóa ra các chim đó.***

Đây là giải thích cái lý do có ra hóa cảm. Nguyên bởi với cõi Cực Lạc, ai có nhiều căn lành mới được vãng sanh về đó. Đã được sanh sang, mà mỗi giờ nghe tiếng pháp nhuần thấm nơi lòng, thì ác niệm nó chẳng sanh ra đặng, nên chi không có cái danh ác đạo. Với cái danh ác đạo đã không nghe thấy, thì làm gì có cái thực ác đạo làm chim bị tội nghiệp ư? Đã thế, thì đều là bởi lòng từ

mẫu của Phật A Di Đà chỉ biến hóa ra các chim thuyết pháp, để khiến cho chúng sanh nghe đến đều đặng lợi ích bốn tất đàn vậy thôi.

Chim cây <b>Bốn tất đàn</b> nói pháp	} lợi ích	Hề lòng chúng tra chim thuận ý, nên Phật hóa để cho vui mừng.	
		Chim thường nói pháp, rất hay lạ, chúng nghe sanh lòng lành đối với chim chẳng sanh tưởng hèn, để đối tự lòng phân biệt.	
		Với Chim là Phật khiến cho ngộ rằng Phật sanh đồng pháp thân.	
—là	} 1 Thế-giới 2 Vì người 3 Đối trị 4 Nghĩa đệ 1	} Tất đàn	Tất đàn : dịch là : Thí cho.
			Nghĩa là đức Phật nói pháp để bố thí cho tất cả chúng hữu-tinh.

***Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia, gió mầu thổi rung các hàng cây báu và lưới là báu, reo ra tiếng rất hay. Tỷ như trăm ngàn món âm nhạc đồng thời nổi lên. Những Chúng nghe tiếng ấy, tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, Pháp, và Tăng.***

Đoạn đây nêu rõ: gió, cây rập vờn hay, là vật vô tình thường thuyết pháp. Lan can, lưới là, hàng cây, đều bằng bốn chất báu tạo thành. Gió rung thì reo tiếng, hợp vờn bát âm mà thành tiếng luật, để diễn thuyết pháp mầu cao nhiệm, nên khiến cho những kẻ nghe đến, thì tự nhiên đều dấy tâm niệm Tam bảo.

Vốn bởi cõi thanh tịnh, pháp nào pháp nào cũng chỉ nơi tâm nó biến hiện như: lan can, lưới giăng, hàng cây đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ muôn lành, trí đức, bồ đề; như ao, lầu, hoa sen, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn huệ hành, thắng nhân; như nhạc trời, hoa cúng đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ tự nhiên hoa, nhạc, để cúng dàng chư Phật nơi pháp giới trong mười phương của tự tánh; như chúng chim hóa cầm nói pháp đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ các đạo phẩm tròn mầu, cái thức nó thanh tịnh nên nó biến hóa ra chúng trân-cầm rất thần diệu: như gió rung cây báu rập vờn đó, là vì chỉ nơi tâm nó sẵn đủ cả vô lượng pháp môn. Thế nên, với cảnh tịnh độ, từ chúng hữu tình đến vật vô tình, đều chỉ nơi tâm nó biến



hiện ra. Nếu người nghe Kinh đây, cần phải tiến ngay tới vâng làm, chớ nên thấy qua mặt rồi bỏ lăm lờ đi, vì phải biết rằng: với Tịnh độ và Di Đà chẳng phải do nơi kẻ khác mà đặng!

Tiếng Phật đủ tám thứ giọng	1 <b>Rất tốt</b> — cực hay, vượt hơn giữa các thứ tiếng hay.
	2 <b>Mềm mại</b> — khéo thuận tình đời mà chẳng cứng bạo.
	3 <b>Hòa thích</b> — nhuần nhã hòa thích mà không thô trái.
	4 <b>Cao sáng</b> — tôn trọng khả kinh sanh hiểu sáng suốt.
	5 <b>Chẳng gái</b> — đủ bốn không sợ chẳng gần bóng bầy.
	6 <b>Chẳng lăm</b> — xét đúng chân thực chẳng có sai lăm.
	7 <b>Sâu xa</b> — rất sâu thăm xa, kẻ phạm, tiểu chẳng xét đặng.
	8 <b>Chẳng dứt</b> — lời biện dường sông dõ, không hết không dứt.

Bát âm nhạc đời	<b>Tiếng kim</b> — chuông, linh, đồng la.	Bát-âm của thế-gian tuy vui mà khiến người nghe mê làm đắm nhiễm :	
	<b>Tiếng thạch</b> — khánh-theo, khánh bện.		
	<b>Tiếng ty</b> — đờn cầm, đờn sắc.		
	<b>Tiếng trúc</b> — ống: tiêu, tịch không hầu.		
	<b>Tiếng bào</b> — như là sanh, can.		Bát-âm bên nước
	<b>Tiếng thổ</b> — như là huân, tri.		
	<b>Tiếng cách</b> — như trống, bông.		
	<b>Tiếng mộc</b> — như tiếng : chúc, ngô.		
		Cực-lạc, khiến kẻ nghe bớt mê, lại thêm chánh-đạo.	

*Xá Lợi Phát! cõi nước Phật kia, trọn nên công đức trang nghiêm như thế.*

Đây là câu kết văn trên, đức Thích Tôn Ngài khen ngợi cõi y báo của Tịnh độ rất trang nghiêm như trên kia, vì muốn đề cho

người nghe, dứt lòng nghi ngờ, sanh đức tin, nên nói lời xâu kết ấy.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đức tin là mẹ công đức đứng đầu đạo, đức tin hay nuôi lớn tất cả các căn lành”. Lại nói: “Chỉ có lòng tin mới có thể đi sâu vào biển cả là pháp của Phật”. Đó, chính chỗ bảo: Lòng tin không thiết thực, thì, chẳng được sanh về Cực Lạc, thực thế.

Song, các cõi nước nơi mười phương, đều có bốn quốc thổ, cũng đều phân ra có tịnh có uế; chỉ có cõi “Đồng cư” bên Cực Lạc, riêng được thuần là thanh tịnh. Cõi “phàm thánh đồng cư” bên Cực Lạc còn được thuần tịnh đến thế, phương chi ba quốc thổ trên nó ư.

Sanh sang “Đồng cư”, đã liền thấy được ba quốc thổ trang nghiêm trên nó như thế đó, là đều bởi tự tánh đã thanh tịnh, nên cả tám thức nó biến hiện ra mà thành như thực có ba cõi kia, tuy thực có, song cũng với mỗi sự mỗi vật gì đều không ngăn ngại. Nếu người tin nước Cực Lạc trang nghiêm như thế, là đâu chẳng phải do nơi tâm tạo thành; trái lại, nếu người chẳng tin, thì tự làm chướng ngại lấy, thực khá tiếc!

## PHỤ CHÚ BỐN THỨ CÔI PHẬT

1) Cõi phàm thánh đồng cư: là cõi nước của các hạng: loài người, loài trời, chúng phàm phu và các thánh Thinh văn, Duyên giác đồng ở. Có hai thứ tịnh độ, uế độ: như thế giới ta-bà đây là đồng cư uế độ, tây phương Cực Lạc là đồng cư tịnh độ.

2) Cõi phương tiện hữu dư: Là chỗ của những người đã dứt phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, ra khỏi ba giới sanh tử, sanh về ở đó. Tức là chỗ vắng sanh của người tu pháp phương tiện tiểu thừa đoạn kiến tư hoặc về ở, nên gọi là phương tiện, cái hoặc trần sa, vô minh chưa hết, nên gọi là hữu dư.

3) Cõi phương tiện trên là quả báo độ của người tu mới chứng được không lý; còn đây là cõi “thực báo vô chướng ngại” là “quả báo độ” của người đã chứng không lý lại chứng thêm một phần lý trung đạo. Ví hành cái chân thực, cảm được cái báo tốt, sắc và tâm chẳng ngại nhau, nên gọi là “thực báo vô chướng ngại độ”, cõi này toàn là Bồ Tát ở, không có phàm và nhị thừa.

4) Cõi thường tịch quang: Thường có pháp thân vốn ở cái thể thường trụ. Tịch: là giải thoát. Vì tất cả tướng vẫn tịch tịnh hẳn. Quang: là bát nhã, cái trí tuệ chiếu các tướng, đây là chỗ sở y sở cứ các đức Như Lai ở, nên gọi là “thường tịch quang độ”.

Nhân - thức  
Nhĩ - thức  
Tỷ - thức  
Thiệt - thức  
Thân - thức

Ý - thức

Mạc - Na -

thức

A - La - da -

thức

Năm thức đây, do khi nắm cầm đối với cảnh nắm trần, mà năm thức liền chỉ đều lâu riêng với cảnh của cầm nó, khi đó, chúng chỉ vừa được rõ, hay chưa phân biệt được lốt hay xấu gì.

*Hiện sự nhận*

Với ngoài đã có năm thứ căn-trần đối nhau, năm thức trước liền chỉ rõ cảnh của tự căn, bấy giờ ý-thức thứ sáu nó ở bên trong tham-gia phân biệt mà sanh ra lòng yện và ghét.

*đang quan sát h*

Dịch là ý, tức là cái căn của ý-thức thứ sáu nương tựa, ý-thức thứ sáu đợi có đối cảnh mới sanh khởi; thức thứ bảy thì từ vô-thỉ đến nay, vẫn một niệm vọng động luôn, mặc dù khi thân chết, thân ngủ, nó chưa hề có một niệm gián-đoạn, mà những khi sanh diệt yện đắm đều do nó làm chủ-động. Song, cái tự-thể của nó hẳn không có hình-tượng, nó thường chấp cái kiến-phân của thức thứ tám để làm ngã tâm, chấp cái tướng-phần của thức thứ tám để làm ngã-tượng. Sáu thức trước hoặc thiện hoặc ác đều lấy cái ngã-chấp của thức này làm căn sở-y, nên thức này chẳng dứt thì sanh tử chẳng thôi.

*biến hiện hiện ra*

Dịch là tăng (chưa) có ba nghĩa: Năng tăng, sở tăng, chấp tăng. Do bảy thức trước tạo ra nghiệp thân thiện hay ác, đều có chủng-tử, đều chưa cả vào trong cái số-tăng của thức thứ tám nó chấp lấy mãi không rời hoại, mãi qua đời sau, đến đời hột giống chín, tùy theo hột-giống-ngiệp này nở mà chịu quả-báo, tự hào chẳng sai. Nên hay niệm Phật, thì mỗi niệm tức mỗi hột giống Phật chứa để vào thức thứ tám, tức nhiên tám thức nó biến hiện làm cái tăng-thức thanh-tịnh của Như-Lai, đến khi thành-thức, tự nhiên trước mắt rõ thấy cảnh Cực-Lạc của đức Phật A-Di-Đà mỗi mỗi món gì cũng đều vi-diện. Thế nên Tịnh-độ các món vi-diện trang-nghiêm đều là chỉ tám thức của Phật và ta nó biến-hiện ra thế thôi.

Thế biết rằng: tịnh-độ hay nề-độ đều do tám thức của chúng-sanh biến-hiện; mà cảnh Tịnh-độ của đức A-Di-Đà cũng chỉ do tám niệm Phật thanh-tịnh tám thức nó biến hiện ra.

***Xá Lợi Phất! ông nghĩ thế nào, Phật kia có sao, hiệu là A Di Đà? Xá Lợi Phất! Phật kia hào quang sáng không lường chiếu mười phương cõi nước, không chỉ ngăn ngại, thế nên hiệu là A Di Đà. Lại, Xá Lợi Phất! Phật kia và nhân dân mạng sống lâu đến vô lượng vô biên kiếp A Tăng Kỳ, nên gọi là A Di Đà.***

Đoạn đây giải thích về thân chánh báo trang nghiêm của chủ và bạn.

Tiếng Phạn là Amita (A Di Đà), dịch là Vô Lượng Quang lại dịch là Vô Lượng Thọ. Sách Yếu giải nói: “Hào quang của Pháp thân sáng không chia bờ mé, hào quang của Báo thân sáng đúng chân tánh, đây thì mỗi Phật nào cũng đồng thể cả; duy có hào quang của Ứng thân: thì có Phật sáng chiếu một do tuần, hoặc mười do tuần, một trăm do tuần, một ngàn do tuần, một thế giới, hoặc chiếu mười thế giới, một trăm thế giới, một ngàn thế giới; duy có hào quang của Ứng thân Phật A Di Đà sáng chiếu cũng cùng khắp tất cả như hào quang nơi hai thân kia, nên gọi là Vô Lượng Quang”

“Lại. Pháp thân mạng sống lâu vô tử vô chung; Báo thân mạng sống lâu hữu tử vô chung, đây, mỗi Phật nào cũng đồng thể cả, nên đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Còn mạng sống của Ứng thân Phật thì tùy theo cái chí nguyện, tùy cơ duyên hoặc vắng chẳng đồng nhau; mà chỉ có cái thọ mạng của Ứng thân Phật A Di Đà và của nhân dân trong nước, cũng đều sống lâu đến vô lượng vô biên kiếp số a tăng kỳ”.

Thể thì với hào quang và thọ mạng của ba thân, nó chẳng đồng, chẳng khác với nhau, chỉ đặc biệt có một mình Phật A Di Đà là riêng được thắng hơn cả, vì hào quang, thọ mạng đều vô lượng vô biên.

Tánh nó vắng mà thường chiếu, tức là nghĩa “Vô lượng quang”, chiếu mà thường vắng, tức là nghĩa “Vô lượng thọ”.

Những chúng sanh nghiệp sanh sang, vì chưa phá được kiến hoặc tư hoặc, và kẻ sanh về bực Hạ phẩm, đều gọi là nhân dân, chúng đây một phen đã đặng sanh về nước Cực Lạc, đều đặng bực bất thối, mà hào quang, thọ mạng, cũng đều được vô lượng, chủ và bạn đều đồng được “Thọ” và “Quang” như thế đó, thì duy có nước Cực Lạc thôi.

***Xá Lợi Phất! Đức A Di Đà từ thành nhĩ lại đến nay đã mười kiếp.***

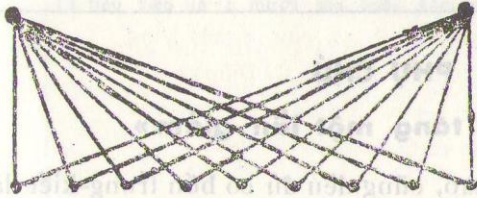
Đây là nói rõ đức Giáo chủ lên nước kia lúc ban đầu thành Phật. Pháp thân thanh tịnh, bấy nay vẫn là Phật, thì phi là thành, và phi chẳng thành, ta chẳng nên luận kiếp số, vì pháp thân Phật bất sanh bất diệt; Báo thân là tu nhân đã tròn thì chứng quả báo, nên gọi là thành Phật; Ứng thân thì tùy theo căn cơ có cảm phải ứng hiện ra, có tám cái tướng để thành nên gọi là thành Phật, thì với Báo thân và Ứng thân, đều có thể luận kiếp số.

Rằng “ Từ thành Phật đến nay đã mười kiếp” đó là nói về Báo thân và Ứng thân. Lại, với Phật, là do danh tích, và tu hành đã viên mãn thì gọi là thành; cõi y báo, thân chánh báo bề bạn (nhân dân), mỗi mỗi đều trang nghiêm, cũng gọi là thành được cả.

# Hiện tám tướng để thành Phật

Đại-thừa

Tiểu-thừa



- Từ Đâu-sắt xuống
- Gá vào thai
- Trụ trong thai
- Ra khỏi thai
- Ra khỏi nhà
- Đẹp Quãn-ma
- Thành đạo quả
- Chuyển pháp luân
- Vào Niết-bàn

- Đâu xuất là trời thứ bốn của đực giới, Bồ tát ở trời này giảng thần.
- Bồ tát Hộ-Minh do nơi sườn hữu hà Ma-Da, chẳng huệ gá thai.
- Tiểu-thừa chẳng lập tướng này, vì hiệp chung trong tướng gá thai.
- Bồ Tát từ nơi sườn hữu của mẹ giảng sanh, ngày 8 tháng 4.
- 19 tuổi, rằm tháng 2, nửa đêm cõi ngựa vượt thành đi tu.
- Từ đầu sáu năm khổ hạnh, đến ngồi bên gốc cây phòng quang đẹp Ma Quãn
- 30 tuổi, ngày 8 tháng 2, cuối đêm, trông thấy sao Mai chứng đạo.
- Trong năm mươi năm, ở năm thời, nói tám giáo, đối các cơ mà thuyết pháp.
- Đến tám mươi tuổi, độ chúng sanh cơ duyên đã hết, ứng thân của Phật cũng diệt.

— Tiểu-thừa không lập cái tướng trụ thai vì bao hàm trong tướng thác thai ; còn bên pháp Đại thừa thì không lập cái tướng hàng Ma quân là vì rõ Ma đồ tức là Phật vậy.

## Phụ chú

Số vô-lượng  
100.000.000.000.000  
000.000.000.000.000.

Số A-Tăng-Kỳ  
1.000.000.000.000.000  
000.000.000.000.(theo  
Thống tôn toán pháp)

Chữ kiếp là thời phần, có đại, trung kiếp, và tiểu kiếp, chẳng đồng nhau. Nghĩa là : một lần tăng, một lần giảm, hiệp cộng là : một nghìn sáu trăm tám mươi muôn năm là một tiểu kiếp (mười sáu triệu năm, 16.000.000 năm), hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp (320.000.000 : ba trăm hai chục triệu năm),

Trung kiếp là một trong bốn trung kiếp: thành, trụ, hoại, không, trong bốn trung kiếp, mỗi kiếp đều là 20 tiểu kiếp. Cả bốn trung kiếp hiệp chung lại làm một đại kiếp, kể có: một nghìn hai trăm tám chục triệu năm (1.280.000.000 năm).

## PHỤ CHÚ

### “Một lần tăng một lần giảm”

Mỗi một đại kiếp nào, cũng đều đủ có bốn trung kiếp là: thành, trụ, hoại và không; mỗi một trung kiếp cũng đều đủ có hai mươi tiểu kiếp; mỗi một tiểu kiếp nào cũng có đủ hai thời kỳ tăng và giảm.

Nói về tăng giảm, là đến thời kỳ mà toàn thế giới, cả nhân loại, mỗi người đều chỉ còn mười tuổi là một đời phải chết, đó là thời gian đã đến cực độ; rồi từ đó trải qua một trăm năm, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười một tuổi. Lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người được thêm một tuổi, nghĩa là sống được mười hai tuổi v.v.... cứ tăng lên như thế mãi cho đến thời mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, là cái thời tăng đã cực độ. Rồi từ đó, trải một trăm năm, mỗi người bị giảm mất một tuổi, nghĩa là chỉ sống được tám vạn ba nghìn chín trăm chín mươi chín tuổi; lại trải qua một trăm năm nữa, mỗi người bị giảm mất một tuổi; nghĩa là chỉ sống còn được tám vạn ba nghìn chín trăm chín mươi tám tuổi v.v... cứ giảm như thế mãi cho đến cái thời kỳ mà mỗi người chỉ sống còn được có mười tuổi, là một đời phải chết đó là cái thời kỳ giảm đã cực độ. Nên gọi là một lần tăng một lần giảm.

Thử đức Phật Thích Ca ra đời nhằm kiếp giảm, mỗi người chỉ sống còn được một trăm tuổi: từ đó cũng cứ mỗi một trăm năm là giảm một tuổi, thì hiện nay(1958) mỗi người sống còn chỉ được 75 tuổi, vì Phật lịch trải qua con số 2502 năm rồi. Vì từ Phật (một trăm tuổi) đến nay đã trải qua hai mươi lăm cái trăm năm thì giảm mất hai mươi lăm tuổi rồi, nên chỉ còn sống được bảy mươi lăm tuổi (chỉ kể số trung bình cả loài người, không kể kẻ chết yểu).



Biểu đồ hiện tượng của một đại kiếp, hiện tại là kiếp nhân hiền (theo kiếp Ta bà)

(Đem phân làm bốn trung kiếp)

**1 Thành** (Thành lập các cõi : đại địa, sáu Trời ở Dục giới, và các Trời Sơ thiên...) 20 tiểu kiếp.

(1 tiểu kiếp là : mười sáu triệu năm — 16.000.000. năm).

**2 Trụ** (Đã thành Trời đất tức vũ trụ rồi, chúng sanh từ các cõi khác đến an cư) 20 tiểu kiếp.

(1 trung kiếp là : ba trăm hai chục triệu năm — 32.000.000. năm).

**3 Hoại** (Sau khi mãn kiếp trụ rồi, có một hỏa tai lớn làm hoại đến sơ Thiên Thiên...) 20 tiểu kiếp.

(1 đại kiếp là : một nghìn hai trăm tám chục triệu năm — 1.280.000.000. năm).

**4 Không** (Từ trời sơ thiên cho đến đất cái đều trống không chẳng còn chi cả) 20 tiểu kiếp.

- Kiếp thứ 1 ————— Cả tám tiểu kiếp này chẳng có Phật — ra đời.
- Kiếp thứ 2 ————— — Trong tiểu kiếp này, về giảm thời, có bốn đức Phật ra đời: 1) Phật Câu Lưu Tôn, ra đời nhằm thời xuống đến thưở con người còn sống được 60.000 tuổi, 2) Phật Câu Na Hàm Muu Ni, ra đời nhằm thời xuống thưở mà còn người sống được 40.000 tuổi. 3) Phật Ca Diếp ra đời nhằm thời giảm xuống thưở mà còn người còn sống được 20.000 tuổi.
- Kiếp thứ 3 —————
- Kiếp thứ 4 —————
- Kiếp thứ 5 —————
- Kiếp thứ 6 —————
- Kiếp thứ 7 ————— 4) Đức Phật Thích Ca Muu Ni ra đời nhằm thời kỳ giảm xuống đến thưở mà toàn thể giới mỗi người chỉ còn sống được có mỗi một trăm tuổi là
- Kiếp thứ 8 ————— — một đời
- Kiếp thứ 9 —————
- Kiếp thứ 10 ————— Tiểu kiếp này, khi mà giảm xuống đến thưở con người còn sống còn được tám vạn tuổi, là đức Di Lạc ra đời.
- Kiếp thứ 11 —————
- Kiếp thứ 12 ————— Cả bốn tiểu kiếp này không có Phật ra đời.
- Kiếp thứ 13 —————
- Kiếp thứ 14 —————
- Kiếp thứ 15 ————— Một tiểu kiếp này tuần tự có chín trăm chín mươi bốn đức Phật ra đời.
- Kiếp thứ 16 —————
- Kiếp thứ 17 ————— Cả bốn tiểu kiếp này, không có Phật ra đời.
- Kiếp thứ 18 ————— — Vời tiểu kiếp này, thưở mà toàn thể giới mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, bấy giờ có đức Phật Lô Lô Chí ra đời, là đủ số một nghìn đức Phật và lại, Phật nào cũng giảng sanh tại Ấn Độ, sau khi đức Lô Lô Chí nhập diệt là
- Kiếp thứ 19 —————
- Kiếp thứ 20 ————— đến kiếp hoại.

— Một đại kiếp của thế-giới Ta-bà chỉ bằng một ngày đêm của thế-giới Cực-lạc; mà từ A-Di-Đà thành Phật đã trải qua mười đại kiếp theo số kiếp của thế-giới Cực-lạc. Tin cứ theo cõi Ta-bà để luận tính thì cũng khó mà như định được, vì đều tùy căn-cứ của chúng sanh được cảm đến. Nghĩa là: bởi bức đại-căn thấy được số đại kiếp, bức tiểu căn thấy được số tiểu kiếp v.v.

(những chữ bị mất: *Kiếp thứ 20, đến kiếp hoại, người, tùy, được*)

Hiện nay (Phật lịch 2502 – 1958) bắt một kể đi, thì còn năm nghìn chín trăm chín mươi bốn năm nữa, là đến cái thời kỳ mà mỗi người bị giảm chỉ còn sống được có mười tuổi là hết đời. Đến đó là hết tiểu kiếp thứ chín của Phật Thích Ca ra đời. Kể đó là qua tiểu kiếp thứ mười: cũng từ đó bắt một kể đi, cứ trải qua mỗi một trăm năm là thêm lên mỗi người một tuổi, nghĩa là mỗi người sống được mười một tuổi v.v... cứ như thế tăng mãi cho đến mỗi người đều sống được tám vạn bốn nghìn tuổi: từ đó, bắt đầu giảm xuống, cũng cứ mỗi một trăm năm là giảm một tuổi, giảm mãi đến thời kỳ mỗi người chỉ sống đến tám vạn tuổi, bấy giờ Đức Di Lạc mới giáng sanh. Thì hiện nay (1958) bắt một kể đi, còn tám triệu, mười bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn năm nữa, đức Di Lạc mới giáng sanh. Lại, từ đức Thích Ca đến đức Di Lạc cách nhau là tám triệu, một nghìn, năm trăm ba mươi chín năm, có phải thế không xin nhà toán học tính lại, cảm ơn.



Nói về đại kiếp khi thành khi hoại đủ có cái tướng đại tiểu tam tai

Trong đại kiếp trước, về kiếp không (trung kiếp) nó có hai mươi cái tiểu kiếp đã mãn, bấy giờ thế giới lại muốn thành lập trở lại, thì giữa hư không bủa ra luôn mây đen lớn, mưa xuống hột bằng trục xe, mưa mãi đến vô số nghìn năm, nước chảy khắp trong hư không cõi đại thiên, dần dần chảy đầy đến cung trời Quang Âm của lớp Nhị thiên (trung giới), từ đó rút thủy tai giảm bớt.

Bây giờ có luồng gió lớn, thổi sóng đánh bọt, bọt nhóm lại tự nhiên bền chắc, biến thành cung trời bằng thất bửu, tức là lớp Sơ thiên, cung trời Phạm Vương lập thành trước nhưt. Từ đó đại thủy tai giảm bớt.

Đại phong tai lại thổi sóng đánh bọt, bọt nhóm kết lại theo thứ lớp biến thành sáu cung trời dục của lớp Dục giới (hạ giới). Nghĩa là thành: sáu, trời tha hóa tự tại, năm, trời Hóa lạc, bốn, trời Đâu suất đà, ba, Trời Dạ ma, hai, Trời Đạo Lợi, và một, Trời Tứ Thiên vương. Từ đó, đại thủy tai lại giảm bớt.

Bọt nước nhóm nhấc, kết thành núi Tu Di và các Kim Sơn, biển nước mặn, bốn châu thiên hạ là: Đông thắng thần, Nam thiệm bộ, Tây ngưu hóa, và Bắc huật đôn việt. Như thế trải qua hai chục tiểu kiếp thế giới này mới hoàn thành.

Bấy giờ, từ cung trời Sắc giới (trung giới) có những trời nào đã hưởng hết phước rồi, phải đọa xuống sanh ở nơi bốn châu, hoặc chúng sanh từ nơi phương khác, cũng di dân đến sanh ở nơi bốn địa cầu trên ở yên như thế dần dần thêm lan rộng các nơi, cuộc an trụ này cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Với kiếp trụ (hai mươi tiểu kiếp) về tiểu kiếp thứ hai mươi mốt rồi, là bắt đầu qua kiếp hoại, bấy giờ có luồng gió đen lớn (đại phong tai), nó thổi nước biển vệt ra làm hai, trông cạn chính giữa, tróc lấy nhứt cung, đem để trong nhứt đạo, nhân có hai nhứt cầu lưu hành giữa không trung, thành thử sông, ao, dòng nước đều khô, lâu lâu về sau trận đại phong tai lại thổi rạch nước biển, tróc lấy mặt nhứt thứ ba đem lên như trước nên sông đại Hằng hà phải khô, như thế, đến khi mặt nhứt thứ bốn xuất hiện, thì ao A-nậu khô; đến khi mặt nhứt thứ năm hiện ra thì đại hải đều bị đất khô, đến khi nhứt luân thứ sáu hiện ra, quả đại địa đều nổi khói, mặt nhứt thứ bảy xuất hiện cùng đều đốt suốt núi cao đất liền, thành thế giới lửa, từ trời Sơ thiên xuống sáu trời Dục khắp cả đại thiên thế giới, đều thành tro tàn. Cái thời kỳ hoại như thế, cũng trải qua hai mươi tiểu kiếp.

Sau khi kiếp hoại hết rồi, từ lớp trời nhị thiên sắp xuống, đều là mịt mù tối tăm thành một cõi đại không, số là một kiếp không, cũng trải qua đủ hai mươi tiểu kiếp.

Kiếp đến cái thời kỳ kiếp không mãn rồi, hợp chung với trên thành bốn trung kiếp là thành, trụ, hoại không cộng với tám mươi tiểu kiếp, thế là một đại kiếp.

Cũng như thế đó, trải qua bảy cái đại kiếp, thì có bảy lần thành, bảy lần hoại mà bảy lần hoại này, đều là chỉ bị đại hỏa tai nó phá hoại thế giới.

Đến cái đại kiếp thứ tám về thời hoại, bèn là đại thủy tai nó phá hoại cả đại thiên thế giới, và đến cõi trời Nhị thiên đều bị chìm ngập!

Lại từ đại kiếp thứ chín đến đại kiếp thứ mười lăm trong bảy cái đại kiếp đây, cũng là bảy lần đại hỏa tai phá hoại thế giới.

Đại kiếp thứ mười sáu lại bị đại thủy tai phá hoại đến lớp trời nhị thiên. Như thế trong tám cái đại kiếp, có bảy lần đại hỏa tai, một lần đại thủy tai. Nếu đến tám lần tám là đại kiếp thứ sáu mươi bốn, bèn là một đại phong tai phá hoại cả đại thiên thế giới, nhứt đến lớp tam thiên thầy đều bị thổi hoại diệt hết.

Về sau thế giới muốn thành trở lại, thì cũng vẫn bảy lần bảy đại hỏa tai, thì lại xen vào bảy lần đại thủy tai, rồi sau có một trận đại phong tai phá hoại, giáp vòng rồi trở lại đầu, cứ thế xoay vần mãi không cùng không tận. Ngoài thế giới như vậy, là đều bởi chúng sanh đồng phần với nhau do một cái vọng tâm gây ra những nghiệp hoặc rồi chiêu cảm lấy, nên chịu sanh tử đến vô cùng! Nếu cùng nhau chẳng sanh cái vọng tâm, thì cái nghiệp hoặc kia do đâu phát khởi? Được thế, thì, thế giới vốn không bèn là cái thanh tịnh diệu tâm nó thực hiện ra thân diệu sắc, cảnh diệu không, lẫn nhau không ngần ngại nơi pháp tánh và thế giới. Trên đó là giải thích về đại tam tai rồi.

Tiểu tam tai là trong một kiếp Trụ có hai mươi cái tiểu kiếp, mỗi một tiểu kiếp, do toàn thể chúng sanh có thiện tâm càng nhiều, mỗi người tuổi sống lâu thêm dài, thêm lên đến tám vạn bốn nghìn tuổi, quả đại địa thanh tịnh, lòng người hòa vui thời trời đặng mùa, sung sướng! Về sau, chúng sanh lại thêm lớn các ác tâm như là: lòng đạo tặc, lòng sát hại, nói vọng ngữ, và tà dâm, thành thử lòng thành tổn thất, nên tuổi thọ dần dần giảm xuống, nghĩa là cứ mỗi một trăm năm là giảm đi mỗi một tuổi, theo thứ lớp giảm mãi đến thườ mà mỗi người chỉ còn sống được ba mươi tuổi (hiện nay 1958 bắt một kẻ đi, thì còn 20.005.009 năm nữa đến số đó) thì toàn thế giới đều có cái tai cơ bản nổi lên, trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày, trên thiên không chẳng mưa, thành đại hạn hơn, với một ngày một đêm là người ta chết đói nhiều đến vô số! Về sau, có những chúng sanh biết hồi đầu, dấy cái ý niệm chán lìa ác tâm, sanh khởi lòng lành, nên cái tai cơ bản dứt dần.

Như thế, giảm đến thườ mà mỗi người chỉ còn sống được hai mươi tuổi, thì cả thế giới có cái tai tật dịch nổi lên, kéo dài đến bảy tháng, bảy ngày, dịch khí liên tiếp, số người bị chết không thể đếm được! Về sau cũng có những người ăn năn nhằm lìa ác tâm, dần dần sanh thiện niệm, nên cái tai ôn dịch tiêu diệt.

Lại giảm xuống đến thườ mỗi người chỉ sống còn có mười tuổi thì toàn thế giới có tai đao binh nổi lên, chỉ trải qua có bảy ngày, chúng sanh bị ác tâm lòng lẫy lên đến cực độ, giết hại lẫn nhau, vì nghiệp lực quá mạnh, nên chi các thứ cỏ, cây vật gì chúng cũng đều hóa ra thành các thứ mũi nhọn, chạm đến liền hoặc có kẻ quày đầu, chán ác nghiệp, sanh thiện tâm, nên từ bắt đầu được thọ mạng tăng lên.

Như thế trăm năm tăng một tuổi, tăng mãi dần dần đến thưở mà mỗi người sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi v.v...

Với cái lẽ mà sơ dĩ chúng sanh hành thiện dần dần thêm nhiều, thì cái thọ mạng cũng tăng lên nhiều, chúng sanh hành ác dần dần thêm nhiều, thì thọ mạng cũng dần giảm nhiều, đó thì biết rằng chúng sanh phát nguyện niệm Phật, tất nhiên được vãng sanh tịnh độ, vì cũng thiện nghiệp tạo nên mà đã về Cực Lạc, thì đâu có nghe đến tam tai.

Vậy kính mong các bạn chớ ưa nhớ cõi sanh tử làm vui; nếu sanh vào thời đại tiểu tam tai thì khổ không thể nói, ví dầu sanh nhằm vào thời kỳ sống đủ tám vạn bốn nghìn tuổi, được thụ hưởng vui sướng tự nhiên đi nữa, cũng không khỏi cái khổ sanh tử! Chi bằng niệm Phật được sanh về Cực Lạc được sống mãi kiếp số vi trần chẳng đời chẳng đổi, vậy yêu cầu các ngài mau nên thể thủ lấy.

VỚI 3 THÂN PHẬT, LUẬN THÀNH, CHẴNG THÀNH		
1	PHÁP-THÂN PHẬT — Vạn cổ vốn thường như	thành
2	Báo-THÂN PHẬT — Cống đầy đủ mới thành	chẳng thành
3	ỨNG-THÂN PHẬT — Tùy cơ cảm mới thành	thành

Trên đã nói về phần chủ là A Di Đà; dưới đây nói về phần bạn:

**Xá Lợi Phật! Đức Phật kia Ngài có đệ tử hàng Thanh văn nhiều đến số vô lượng vô biên, đều là bực chứng quả A La Hán: với bực ấy, chẳng phải chỗ tính kể mà có thể biết được. Các thánh Bồ Tát đông nhiều cũng lại như thế.**

Đây nói các thánh Thanh văn, các thánh Bồ Tát, đều nhiều đến vô lượng.

**Hỏi:** trong luận nói: “các thánh bực nhị thừa chẳng được sanh về nước Cực Lạc”. Mà ở đây sao lại có chúng Thanh văn (tiểu thừa) nhiều vô lượng ư?

**Đáp:** Trong tạng giáo, thông giáo, chúng Định tánh Thanh văn không tin có Tịnh độ ở phương khác, còn như biệt giáo, viên giáo, mặc dầu hoặc tên là thánh Thanh văn, chứ cái hạnh tức là

tiến đến Bồ Tát: như bên biệt giáo, bực trụ thứ bảy, đã đoạn rồi kiến hoặc, tư hoặc, bên viên giáo bực tín thứ bảy, đã dứt hai mê hoặc là kiến và tư, mặc dầu đồng với quả thánh thứ bốn bên tạng giáo, chớ thực ra thì cái đức hạnh của bực đại tâm (Bồ tát) cả.

Lời số Quán Kinh nói: “Những người tu tập tiểu thừa, vốn chẳng được sanh về Tịnh độ, nhưng do kia đến lúc mạng chung, có phát cái tâm đại thừa, thì cũng đặng vãng sanh”. Do theo thói quen tu pháp tiểu thừa, bèn chứng tiểu quả thánh Thanh văn, nhưng mà với cái tâm hướng đại thừa đã thành. Ví dầu khi lâm chung, không phát khởi cái tâm đại thừa, thì quyết định chẳng được sanh về nước kia, chớ nếu như đã đắc vãng sanh, thì mỗi giờ thường gần gũi đức Di Đà, thân vẫn được tiếng pháp, há chẳng chóng đặng tiến thêm phần đạo, thôi giảm phần sanh, để chứng lên quả vị cao ư?

Nên nay đây, trong chánh văn có kể bực Thanh văn là tạm có vậy thôi. Nghĩa là, hoặc có người dù chuyên tâm niệm Phật mà chẳng rõ được lý niệm, hoặc chuyên niệm Phật mà vì tự lợi, những người này sanh về cõi đồng cư kia mà ban đầu chỉ phải ở hàng Thanh văn.

Lại, cả mười phương thế giới, chúng sanh tu pháp niệm Phật, được vãng sanh về nước kia nhiều như số giọt mưa, cho nên nói chẳng phải chỗ đếm kể mà biết đặng thế thì bực Bồ Tát đông nhiều, dù chẳng nói, cũng có thể biết được, nên nói cũng lại như thế.

***Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật kia trọn nên công đức trang nghiêm như thế.***

Đây, kết lời để chỉ thị: Chúng bạn bằng bực thánh bên Tịnh độ kia, là đều do nơi nguyện hạnh của đức Di Đà tạo thành ra cả, vì một chủ là đức Di Đà đã thành thì, tất cả bạn thánh cũng thành luôn.

**Hỏi:** nguyện hành do đâu để thành những cái thân thánh của chủ và bạn (*đệ tử: Thanh văn, Bồ Tát kia ư?*)

**Đáp:** một tiên thân của Di Đà là Ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “đến thuở ta thành Phật, trong cõi nước ta, các vị Bồ Tát có đủ những thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, uy thần, thầy đều được như Phật “. Đó là cái “nguyện” đã tạo thành ra chúng bạn bực thánh. Lại nói: “đức Pháp-tạng ngài giáo hóa chúng sanh, tu hành sáu độ, rộng hành giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh

phát bồ đề tâm”, đó là “hành” để gây nên chúng bạn bực thánh đây.

***Lại Xá Lợi Phất! đối với nước Cực Lạc cả mười phương thế giới, có những chúng sanh được vãng sanh về nước kia, đều là ba hạng A Bộ Bạc Trí, tức là ba bực Bất thối; trong ba bực đó phần nhiều có những vị “Nhứt sanh bổ xứ”, số này nhiều lắm, phi chỗ tính kể mà có thể biết được chỉ có thể dùng những vô lượng vô biên số a tăng kỳ để nói thôi.***

Đoạn này, đặc biệt khuyên cầu nhứt sanh bổ xứ để phát nguyện, chính rõ ràng: hễ được vãng sanh là bực bất thối, mà kiêm cả nhiều ngôi cao.

A Bộ Bạc Trí, dịch là Bất thối chuyển, nghĩa là: đối với quả vị Phất, mỗi kiếp tu chỉ tiến dần lên, chứ không hề lui sụt. Có ba thứ bất thối:

1) Vị bất thối: Cứ theo phép phân giáo quả ở cõi đây, thì bên Tạng giáo có Sơ quả, bên Thông giáo có bực Kiến địa, bên biệt giáo có bực Sơ trụ, bên viên giáo có bực Sơ tín, các bực đó, đều mới dứt được kiến hoặc, mới vào dòng Thánh, chẳng đọa xuống bực phàm.

2) Hạnh bất thối: Bồ Tát bên Thông giáo, bực thập hạnh bên Biệt giáo, bực thập tín bên Viên giáo, các bực đây đều dứt được tư hoặc, và phá được trần sa hoặc, hằng tế độ chúng sanh, chẳng đọa xuống bực Nhị thừa.

3) Niệm bất thối: Bực Sơ địa bên Biệt giáo, Sơ trụ bên Viên giáo, hai bực Bồ Tát này đều mới đoạn được vô minh hoặc, đích thấy được Phất tánh, nên tâm niệm thông vào biển tánh Diệu giác.

Và lại, bên nước Cực Lạc thì chẳng thế, nơi cõi Ta bà, dầu người bình sanh gây ngũ nghịch, thập ác, nhưng đến khi gần mạng chung tự phát tâm có niệm Phất được mười niệm, liền có thể đời nghiệp vãng sanh, ở nơi hạ hạ phẩm đó, cũng đắc ba bực bất thối, các cõi Phất ở mười phương chẳng có giai vị đó. Nếu không công chuyên tâm niệm Phất, và cái đại nguyện của đức Di Đà, thì đâu khỏi cái lỗi vượt bực ư!

Nhứt sanh bổ xứ ấy, như với cõi này, đức Thích Ca, cái cơ duyên đã hết, pháp của Ngài phải diệt, thì có đức Di Lạc để bổ lên địa vị của Phất, nước kia, nếu đức Di Đà Ngài bỏ ngôi rồi thì có đức Quan Thế Âm bổ lên ngôi Phất. Do hãy còn một phẩm sanh



tướng vô minh, nên gọi là nhứt sanh, phá đặng “nhứt sanh vô minh” đó liền chứng vô thượng Phật quả. Do vì bên Tịnh độ cái duyên thắng hơn nên phần nhiều “Nhứt sanh Bồ Tát”. Lại nữa, chúng sanh bên Tịnh độ đồng cư, có thể được cùng làm bạn với vô lượng Bồ Tát nhứt sanh bồ xứ, còn các Tịnh độ ở phương khác, đâu đặng có như thế.

### **Cứ phương này ước theo giáo đạo để luận tam bất thối**

1) Vị bất thối – Tạng giáo ngôi Sơ quả, Thông giáo ngôi Kiến địa, Biệt giáo ngôi Sơ trụ, Viên giáo ngôi Sơ tín, những ngôi đó của bốn giáo đây, đều mới phá kiến hoặc, mới vào bực Thánh, rồi mỗi kiếp lên, chứ chẳng đọa xuống hạ phẩm.

2) Hạnh bất thối – Thông giáo ngôi Bồ Tát, Biệt giáo ngôi Thập hạnh, Viên giáo ngôi thập tín, đều đoạn tư hoặc, và phá trần sa hằng độ chúng sanh chẳng đọa xuống bực nhị thừa.

3) Niệm bất thối – Ngôi Sơ địa bên Biệt giáo, ngôi Sơ trụ bên Viên giáo, hai ngôi này đều mới đoạn được cái vô minh hoặc đích thấy đặng Phật tánh, chứng được pháp vô sanh nhẫn, mỗi mỗi tâm niệm đều lưu thông và nơi biển tánh Diệu giác.

Người niệm Phật mà vãng sanh về bực hạ hạ phẩm đó, bèn được bực bất thoái, thì giáo đạo ở phương đây chẳng thể rộng thấu được như thế. Nên pháp môn niệm Phật đặc biệt siêu hơn vô lượng pháp môn khác chính chỗ bảo: pháp rất dễ dàng trong pháp dễ dàng.

***Xá Lợi Phật! chúng sanh trong cõi Ta bà đây, nếu được nghe Kinh này cần phải phát nguyện, nguyện sanh về nước kia là vì lẽ gì? Là để được cùng với các Ngài bực thượng thiện đều là “Nhứt sanh bồ xứ” không thể tính số như thế kia, đồng nhau đều hội họp một chỗ.***

Đây, khuyên phát nguyện. Thượng thiện: kia thiên đạo dù thiện nhưng chưa ra khỏi sanh tử, nọ nhị thừa dầu thiện, còn đắm cảnh trống vắng, nên đều chẳng được gọi là “thượng”. Chỉ có bên Viên giáo, từ bực Sơ trụ đến bực Đẳng giác, đều đã hiện rõ cái “Chân pháp tánh” nên đều chính là “Thượng thiện”.

Đều hội họp một chỗ: chúng sanh ở nước “Cực Lạc phẩm thánh đồng cư” liền được thấy cả ba cõi (cõi phương tiện hữu dư, cõi thực báo vô chướng, cõi thường tịch quang), thế thì từ bực Đẳng giác nhẫn xuống đến bực hạ phẩm, đều chẳng rời cõi phẩm

Thánh đồng cư, mà đã được trọn chứng kiến luôn cả ba cõi kia nữa. Như vậy đó, thì các giáo môn khác không thể thâm đặng như thế là vì giáo môn niệm Phật này cao xa ngoài các giáo môn tầm thường kia!

***Xá Lợi Phất! Không thể lấy chút ít căn lành bằng phước đức hay nhân duyên gì mà đặng sanh về nước ấy được đâu! Xá Lợi phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe ta nói danh của Phật A Di Đà, rồi giữ danh hiệu mà niệm: hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, niệm được “nhứt tâm bất loạn” thì người đó đến khi sanh mạng sắp cuối, đức Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng (Quán Âm, Thế Chí) đều hiện “Hóa thân” ra trước mặt người, người ấy khi cuối cùng, tâm không điên đảo (chánh niệm phân minh), liền được sanh sang cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà.***

Đoạn đây là khuyên trì danh hiệu để lập hành.

Với: tin, và trì danh, mỗi niệm mỗi niệm chăm chú vào tâm, để làm phần chánh đạo Bồ đề, đó tức là cái “nhân chí thân”. Còn tu các pháp “tán thiện” như là: tụng kinh, trì chú, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, và thiền định, đó tức là cái “duyên hộ trợ”. Phần “Chánh đạo” là đa thiện căn, phần trợ duyên là đa phước đức.

Giữa cõi đời đây, bất luận là: nam, nữ, lão, thiếu, sáu thú, bốn sanh, năm nghịch, mùi ác, hễ chỉ nghe được danh Phật, là liền thành căn lành, qua đời vị lai chắc chắn đó mà đắc độ (như lão nhân đắc ngộ).

Với phương pháp “chấp trì danh hiệu” có sự, có lý. Về “sự trì” thì chưa thấu cái lẽ “tức tâm tức Phật”, mà chỉ được quyết chí tin và nguyện, nhớ Phật, niệm Phật, tiếng nào tiếng nào không xen, tâm nào tâm nào chăm chú vào nhau, không giờ nào tạm quên.

Về “lý trì” thì rõ biết cái “lẽ thị tâm thị Phật”, mỗi câu mỗi câu tự nơi tâm lưu lộ ra, mỗi tiếng, mỗi tiếng trở lại vào nơi tự tâm, năng niệm (tâm ta niệm) sở niệm (danh của Phật) lý vẫn trong vắng, lẽ cảm ứng lẫn nhau, hoặc có khi quên lãng nơi tự thân, chỉ còn hiệu Phật rõ rõ mà thôi, thì tự nhiên thành một tâm (tam muội).

Từ một ngày đến bảy ngày, là hoạch định cái kỳ hạn để thủ chúng vào pháp niệm Phật tam muội là nhứt tâm bất loạn. Người

lợi căn niệm Phật, thì hoặc chỉ một ngày, mà tâm liền được bất loạn, người độn căn, niệm đến bảy ngày mới được nhưt tâm bất loạn, người trung căn niệm Phật thì không nhưt định, hoặc: hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, mới được bất loạn.

Lại, bực lợi căn niệm Phật, luôn trong bảy ngày tâm đều bất loạn, bực độn căn niệm Phật thì tâm chỉ được bất loạn chừng trong một ngày thôi, bực trung căn niệm Phật thì không thể nhưt định được, là hoặc tâm bất loạn trong sáu ngày, hoặc được tâm bất loạn chỉ có năm ngày, hoặc được bốn ngày, hoặc được ba ngày, hoặc tâm được bất loạn trong hai ngày thôi, nên nói là không nhưt định.

Nhứt tâm bất loạn, cũng có hai lẽ: Đối với tu niệm Phật bất luận là sự trì hay lý trì, hễ trì niệm đến chừng dẹp hết phiền não, dứt sạch kiến hoặc, tư hoặc, thế là đắc (sự nhưt tâm), bất luận sự trì hay lý trì, hễ trì niệm đến chừng mà tự tâm được khai ngộ, thấy được tự tánh Phật, thế đều là “lý nhưt tâm”. Đắc sự nhưt tâm thì chẳng bị kiến hoặc tư làm tán loạn, đắc lý nhưt tâm, thì chẳng bị hai bên làm tán loạn.

Kiến hoặc, tư hoặc chẳng làm loạn nữa, thì người niệm Phật này khi lâm chung, cảm được đức Hóa thân Phật, và các vị hóa thánh chúng đều đến hiện ra trước mắt, người này tâm chẳng còn dấy cái tướng sanh tử điên đảo của cõi Ta bà nữa, liền sanh nơi hai Tịnh độ là hoặc ở cõi đồng cư, hay cõi phương tiện.

Chẳng bị hai bên làm loạn, hai bên tức là nhị biên kiến: Đoạn kiến, thường kiến, hay hữu kiến, vô kiến. Vì hai bên chẳng loạn, nên khi lâm chung cảm được đức Báo thân Phật và thánh chúng hiện tiền, người này tâm chẳng còn dấy cái tướng thấy có sanh tử, niết bàn làm điên đảo nữa, liền được sanh về hai tịnh độ là hoặc ở cõi thực báo, hoặc ở cõi Tịch quang.

Nay đây chỉ một phương pháp “chấp trì danh hiệu” này, mà phổ biến cả ba căn cơ thấy đều thích hợp, vì là rất đốn gọn rất dễ dàng, nên ngài Vĩnh Minh đại sư đã bảo: Với phương pháp này, vạn người tu thì vạn người đều được vãng sanh cả”. Thực thế.

Song, chỉ “Lục tự hồng danh”, đây, nó gồm hết tám giáo thân cả năm thời, nên kinh này thuộc về phần “Vô vấn tự thuyết” là chỉ có lý do đó.

Đến giờ sanh mạng cuối đó, người ta hiện tiền đây, một niệm đầu là thiện hay ác đều chường ra, nhưng cũng chỉ là thường

vậy thôi, chư chưa chi là mãnh liệt lắm; duy có giờ sắp thờ hơi cuối cùng đó, cái niệm lực nó mạnh lắm, thì những việc thiện ác của một đời này, và hoặc các cảnh thiện ác từ hàng nghìn hàng muôn đời về trước, đồng một thời này nó đều chường bày ra cả, nghĩa là: Hễ những ác cảnh hiện ra, thì bấy giờ người lâm chung tâm rất sợ sệt! Hễ cảnh nó phiền phức quá, thì tâm thần phải tán loạn. Hoặc với cái tâm bị chấp trước sự gì đó khó bỏ ra được, thì tùy nơi tâm chấp thứ nào, cảnh nó hiện ra thứ nấy, rồi tâm tùy theo cái cảnh đó để vào nơi ác đạo (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*).

Nếu người cả đời chuyên niệm Phật đã thuần thực, hoặc đời trước có thiện lực, thì khi lâm chung có thể dấy cái chính niệm, tùy niệm lực thế nào thì được thấy Phật thấy hoa thế nấy liền sanh về tịnh độ.

Nếu người mà khi lâm chung có ác tướng hiện ra, may gặp được thiện tri thức, đề huề cảnh tỉnh cho, gắng lấy niệm Phật, vâng cái sức chính niệm đó, liền thấy được đức Hóa Phật và các đức hóa thánh chúng đến rước, trong một đờn chỉ, liền qua tịnh độ.

Sở dĩ lúc bình thường, cần phải nhớ con vô thường (cái chết) nó chẳng hẹn mà đến, thường phải giữ hiệu Phật mà niệm mãi cho đến thuần thực, thế mới có thể tránh khỏi khi lâm chung bối rối, ân hận đến đời như con Cua, con Còng sa vào chảo nước sôi.

**Hỏi:** số người nhập thất, kiết kỳ mỗi tuần thất niệm Phật hãy nhiều, mà số đắc “nhứt tâm bất loạn” thì ít, là sao thế?

**Đáp:** Với bảy ngày thụ trì danh Phật đó, là ắt phải đều dẹp hết muôn việc cho đến thân tâm cũng buông xả nốt, với những khi: đi đứng ngồi nằm, ăn cơm, mặc áo, đi đại, đi tiểu, nhứt cử nhứt túc gì, trong mỗi niệm mỗi niệm luôn luôn chẳng quên hiệu Phật, mãi mãi mỗi câu, mỗi câu không ngắt hờ, chuyền chuyền luôn như mỗi hột chuỗi xâu tiếp mãi không thôi. Cứ như thế, trong bảy ngày chắc được nhứt tâm bất loạn, nên tin biết lời của Phật nói quyết không dối ai (*nhứt cử: một việc làm, nhứt túc: một hơi thở*).

**Hỏi:** Niệm Phật, lạy Phật, tụng Kinh năng trừ được nghiệp chướng, thế nên thấy các nhà Thiện nam, Tín nữ tu niệm kia, hoặc trở lại gặp lấy tai ương đó là sao?

**Đáp:** Đây, đều là bởi nghiệp chướng từ nhiều đời, nay đã đến thời trả quả, còn niệm Phật là mới tu nhân đời nay, thì về sau mới được hưởng quả; hoặc giả niệm Phật bằng cách tạp niệm, thì

rốt cũng khó đắc lực! Chi bởi nhân theo quả chuyên, như hình có bóng, rất nhỏ đến một ty hào cũng chẳng mất.

Đức Di Lặc Bồ Tát nói: “Trong chừng một đờn chi, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, mỗi niệm mỗi niệm đều thành hình cả, hễ niệm thiện thì hình thiện, niệm ác thì hình ác, mảy mún chẳng sai”. Nhưng người mà trọn ngày tưởng xằng nghĩ bậy lộn chẳng biết, đợi đến khi muốn vắng lặng, mới biết niệm tưởng ấy rất thô và nhiều, từ kẻ phàm đến bậc thánh, cái niệm nó càng rất tinh và tế, đến thánh như đức Di Lặc xem ra, mới thấy biết một đờn chi nó còn có những cái tướng rất tinh tế bằng con số bảy nhiều thay, phương chi là những cái thô niệm của chúng ta ư.

Song chúng sanh cái tâm niệm sẵn của nó, khắp giáp pháp giới nên chi hễ dấy một niệm thiện, thì công đức đã rộng và lớn mà nếu dấy một niệm ác thì tội cũng khó nghĩ bàn!

Kinh Địa Tạng nói: “Mông lòng động niệm, đâu chẳng phải tội”, phương chi từ có sanh ra đời đến nay, trải qua vô lượng kiếp số như vi trần, với các tội lỗi đã tạo từ xưa đâu có thể nghĩ tính gì được! Nay dù thừa thụ được chút đỉnh căn lành của đời trước, nhớ mà niệm Phật, lay tung nhưng ngắt vì trí lực suy vi, nên thâm nhiếp cái niệm chẳng định lại được. Tỷ như ngọn đèn giữa đám sương mù lớn, lại thêm gió nữa, thì không được tỏ, và lại ánh sáng hầu dứt mà chớ!

Với giờ Phật, dầu có đắc lực, nếu sanh một cái lòng mừng chấp trước đến thì e khó khỏi điều tai hại là Ma chướng nó khuấy rối! Sở dĩ với phép tu niệm Phật này, cần thiết như là phải chăm lòng vào một cảnh (một câu niệm Phật), chớ đặng nhiều niệm xen lộn. Ví dầu được thấy Phật quang và các tướng tốt đi nữa, cũng phải rất ly sanh tâm hoan hỷ. Chỉ nên mỗi câu mỗi câu niệm thẳng tới trước, mỗi tâm niệm đều quy về nơi vắng lặng mà thôi thì nghiệp chướng tự nhiên hết. Như đức Sơ Tổ (Huệ Viễn) Lư sơn, đã ba lần được thấy thánh tướng (đức Di Đà hiện thân rò đầu), nhưng vẫn làm thỉnh chẳng tỏ lộ ra, mãi đến khi lâm chung, thấy Phật lần chót mới nói ra. Người đời nay dụng công niệm Phật, có chút đỉnh tướng hiện gi; đã cho là đắc lực, mừng khoe với chúng thì đâu chẳng tự với lấy Ma

**Hỏi:** Người tu bên nhà Thiên, cố nhiên có nhiều Ma chướng, mà kẻ tu pháp niệm Phật, tin rằng hẳn không chẳng?

**Đáp:** Người tu thiền đem cái quán trí cùng ganh ép nhau với vọng tưởng, thì trong tám thức đã chứa sẵn những Ma tà của năm ấm nó phát hiện ra, nên chỉ hể trí lực nếu kém lại sanh lòng mừng chấp, thì tất nhiên phải gặp việc Ma. Người tu niệm Phật, mỗi niệm quy nhứt tâm, thì có hào quang sáng soi chung quanh bốn chục dặm, những tai hại Ma chướng đều lánh xa; nếu thấy tướng tốt của Phật thánh hiện ra trước mặt, chỉ thủ tiêu bằng cách là ta chẳng sanh cái niệm mừng chấp đến mà cũng chẳng khoe nói với ai, chỉ thẳng tiến dụng công chánh niệm mà thôi, thì quyết đặng sanh về tịnh độ.

**Hỏi:** Nhà thiền giả xa lìa tâm, ý, thức ra để đặng tham cứu, tham cho thấu đến về trước khi mà cha mẹ chưa sanh ra cái thân này, còn các nhà niệm Phật thì hoặc là trì danh, hoặc là quán tưởng, đều chẳng rời nơi tướng phải không?

**Đáp:** Bên nhà thiền ắt phải chẳng lập một tướng chẳng vướng một trần, nếu có một ty hào niệm nhỏ nào, thì bèn là cái nghiệp nhân sanh tử, người tu niệm Phật: Với trong thì nương vào nhứt tâm của mình, với ngoài thì nương nơi nguyện lực của Di Đà, chỉ rời một điều là chấp trì hiệu Phật không quên dứt, cái tâm niệm định vững như thái sơn, thế là chánh niệm.

Còn như tu phép quán tưởng, thì căn cứ nơi Kinh thập lục quán, chăm tâm vào một cảnh lâu lâu chẳng dời, thế là chánh quán. Với hai phép tu trên đây quyết được chỉ một đời là xong nên.

**Hỏi:** Khi đương tu niệm Phật, trong lòng bỗng có tư tưởng nổi lên lộn xộn, hoặc hôn mê trầm trệ, trở lại làm bức ngặt mình nhiều quá thì phải làm thế nào?

**Đáp:** Vọng tưởng là thói quen từ đời vô thủy tận, nay muốn trừ nó thì nó lại càng trầm trọng hơn, chỉ cần niệm Phật bằng cách lớn tiếng khiến cho tiếng niệm mỗi câu nghe lọt vào tai, mỗi tâm chăm chú với nhau, dần dần tự nhiên quy vào nhứt tâm bất loạn.

**Hỏi:** Với câu niệm Phật, mà cách ra và cách niệm thâm, có khác nhau như thế nào không?

**Đáp:** với cái công thì chẳng phải hai, nhưng cách đối trị thì chẳng đồng nhau. Vì lúc niệm Phật mà có nhiều bệnh hôn trầm thì phải niệm ra tiếng lớn; còn tán loạn nhiều thì chỉ niệm thầm. Lại niệm ra tiếng, thì vừa trị bệnh hôn trầm, vừa trị bệnh tán loạn, còn niệm thầm thì chỉ riêng trị về bệnh tán loạn.

**Hỏi:** Kẻ ngu dốt niệm Phật bằng cách để tiền hay vật gì đó làm ghi số, sẽ không quá khinh dễ ư?

**Đáp:** Kinh nói: “Niệm một câu hiệu Phật, có thể dứt được tội nặng đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp”. Lại, một chữ Phật trọn đủ các công đức, ngặt vì kẻ ngu dốt lòng cố chấp như keo gắn chắc, không tiến hóa, nếu chẳng dùng tiền ghi số lòng cố để khuyến dụ, thì nó tưởng là không có công đức gì. Song, tiền hay vật chi đó, cũng là tùy nơi tâm lượng sở hiện thôi. Tỷ như mặt gương treo trên cao, nếu bên ngoài không hình tượng chi, thì trong lòng gương nó chỉ là bản thể trong sáng rộng khắp mười phương. Còn như ngoài có vật tượng gì, thì hoặc lớn hay nhỏ, cũng đều hiện vào rõ ràng, chẳng ai giấu đặng hình bóng.

Người phát tâm niệm Phật cũng thế, như kẻ trí giả niệm Phật, trở lại quán xét: với trong chẳng có cái tâm năng niệm, với ngoài cũng không có Phật bị niệm, tâm Phật đều không, hai cái không hiệp chung với nhau, mỗi câu tương ứng, mỗi niệm thanh tịnh, cái thể ấy nó khắp giáp pháp giới, thì chính nơi thể đó, cùng rờ lẫn nhau với Vô lượng quang, Vô lượng thọ. Tỷ như trong lòng gương, chỉ có một bản thể thanh tịnh mà thôi.

Với phép tu niệm Phật, kẻ ngu phu phần nhiều ưa trước tướng, như là niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật thì ghi làm một tiền; hoặc niệm Phật cầu qua đời sau được giàu; hoặc các việc gởi kho minh phủ v.v... đó đều là cái bóng luống dối bởi vọng tâm kế chấp nó hiện ra, tỷ như lòng gương nó tùy nơi vật tượng, hễ tượng lớn thì hiện bóng lớn, tượng nhỏ hiện bóng nhỏ, phân minh chẳng sai. Với chơn minh phủ dù có thể dùng đặng vì cũng là cái duy tâm tạo, tưởng chi sẽ có này, nhưng mà cái công rất mỏng, song cũng có thể làm cái thẳng nhân để thành Phật trong kiếp lâu xa về sau.

**Hỏi:** Với việc cầu trường thọ thì niệm Dược sư, siêu độ thì niệm Di Đà có thể được không?

**Đáp:** Về công đức thì chẳng khá nghĩ bàn, nhưng chưa khỏi tâm niệm bị chia hai. Số là A Di Đà Phật tức là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, với nguyện của Ngài ta không thể xét được! Nếu với một đức Phật mà ta niệm cho được đến nơi đến chốn, thì hiện đời được thêm phúc thọ, về sau được cái quả báo là liên hoa hóa thân, hẳn không nghi ngại. Nếu tâm có chia chẻ, thì có hơi khó đắc lực!

**Hỏi:** Tu đại thừa Bồ Tát là phải nhiều kiếp dài dằng, để vào cõi trần tế độ chúng sanh; nay đã vãng sanh Cực Lạc, không thể liền trở lại đời ngũ trược cõi này, như vậy đâu chẳng là hạng tiểu thừa ư?

**Đáp:** Với việc vào cõi trần ở dài kiếp, há là dễ dàng ru! Mà ắt phải là bực đầy đủ trí huệ biện tài, thần thông phương tiện kia thì mới được, trái lại nếu chẳng được như thế thì khác nào như kẻ đã chẳng biết bơi lội gì lại không có xuồng ghe chi cả, mà nhảy ùm xuống sông toan vớt người đắm nước, thì cả đôi bên đều chết chìm luôn! Vậy muốn phát khởi đại tâm, để cứu khổ chúng sanh, thì ắt phần mình trước sanh về tịnh độ đã, để được hoa nở thấy Phật nghe pháp chúng quả rồi, nhiên hậu trở lại vào cõi đời ngũ trược này, thì với cảnh thuận hay nghịch gì cũng đều được tự tại làm lợi ích chúng sanh.

**Hỏi:** một kiếp của ta bà bằng một ngày đêm của Cực Lạc người được sanh về nước kia, như bực thượng trung phẩm, thì chỉ cách qua một đêm là được hoa nở, sau bảy ngày là đắc đạo quả diệu bồ đề; còn bực hạ phẩm, thì cách qua một ngày một đêm, hoa mới nở, qua sau hai mươi một ngày mới được thấy Phật báo thân v.v... vậy thì cách qua những số: một đêm, bảy ngày; một ngày một đêm, và hai mươi một ngày như thế so với số ngày năm của cõi ta-bà thì thành ra kiếp số nhiều quá, mà trong kiếp đó, ta nếu chẳng độ chúng vì ta ở bên tịnh độ lâu quá e tâm thức chúng không nhứt định, rồi chúng tạo nghiệp bị đọa chịu khổ được cứu chẳng?

**Đáp:** Mặc dầu ta phát đại tâm, mà phần mình không đủ năng lực, chẳng bằng tự trước cầu độ thoát lấy mình đã, sau khi đắc Phật huệ rồi, trở vào cõi trần độ sanh, bấy giờ tự tha mới thành diệu ích, chỉ nay có cái đại bi rất thiết, thì cái quả sau này ắt mới toại được.

***Xá Lợi Phát! Ta thấy lợi ích đó, nên nói lời này: Nếu có chúng sanh nghe lời nói ấy, cần phải phát nguyện, để cầu sanh sang nước kia.***

Đây là khâu kết văn trên lập lại lời khuyên để phát nguyện. Vì đức Di Đà đưa tay để tiếp dẫn, mỗi giờ không nghỉ, nên đức Thích Ca động lòng son, mỗi niệm chẳng quên, thành thử mới có lập lời khuyên để cho chúng biết mà phát nguyện đấy.



“Ta thấy” đó, tức là chỗ thấy của Phật nhãn trong năm nhãn, vì Phật nhãn, thì với sự chi, đây chẳng sáng suốt.

“Lợi ích” tức là nước Cực Lạc từ y báo đến chánh báo đều trang nghiêm, đi ngang ra vượt khỏi tam giới, tròn sạch tứ độ, đó là cái công lợi bậc thượng thượng chẳng thể nghĩ bàn.

Và luận: tu các hạnh khác, là chỉ nương lấy tự lực; còn tu niệm Phật thì đã có tự lực lại vãng thêm tha (Phật) lực nữa. Bởi chúng sanh từ vô thủy sanh tử đến nay, bị cái tư tưởng mê vọng, cái gây tạo luống dối, mà chứa chất những hạt giống nghiệp, nên chỉ nay đây mỗi giờ thường phát hiện ra những vọng niệm, vả lại với nhiều điều ngoài hoàn cảnh chi phối làm hay rối nơi tâm.

Lại có những kẻ cuồng huệ, thì chỉ ưa bàn những lý lẽ suông không; còn mấy người tu niệm ngoan cố, thì trước tướng mê tâm, đều bởi gặp thời thế ngũ trược nghiệp chướng thâm trọng vọng hoặc lừng lẫy, dù muốn tu trì, rốt cũng khó đắc lực! Ví dầu chúng được sơ quả (Tu đà hoàn) còn bị mê nơi khi ra khỏi thai mẹ; Bồ Tát còn bị hôn muội nơi thân ngũ ấm nay cách với thân ngũ ấm trước hướng chi chúng sanh vốn đắm nơi trần lao, nếu phi nhờ Phật lực, thì há hay tự cứu được!

Đức Văn Thù, đức Phổ Hiền, Tổ Mã Minh, Tổ Long Thọ v.v.... đều là bậc Pháp tánh Bồ Tát, mà các ngài có nguyện thân cận Phật Di Đà thay.

Cụ Triết Lão, cụ Thanh Công, cụ Ngũ Tổ Giải Diễn v.v.... đều là bậc Đại Sư tượng bên nhà Thiên, nhưng chuyển sanh qua đời sau còn phải đầu thai vào nhà công khanh, bị phú quý quá ưu khổ! (1)

Thế thì chúng ta là hạng bậc gì đây? Mà chỉ cậy lấy tự lực có thể đặng chăng?

Tổ Vĩnh Minh nói: “Chỉ có tu thiên, không tu tịnh độ, thì mười người đi lạc đường đến chín người! Vì thoát vậy theo nó dẫn đi, nếu năm ma ám cảnh hiện ra. Chỉ có tu niệm Phật, chứ không tu tham thiên thì muôn người tu đều vãng sanh được cả muôn người, vì có tự lực và tha lực, lại không ma ám ảnh”. Chính là đây bảo thế.

Thế nên phải tin theo bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều từ bi phổ độ, nếu chúng ta hay nhớ Phật niệm Phật, tất nhiên hiện tiền hay đương lai, nhứt định được thấy Phật, lẽ này đồng như bóng theo hình, không hề sai trái với nhau.

**Hỏi:** Mười phương chư Phật, Phật nào cũng đều có bi nguyện cả, nào riêng chi đức Di Đà ư?

**Đáp:** Chư Phật độ sanh chỗ nào có duyên thì Phật ứng đến, kêu là Phật hóa hữu duyên; còn chỗ nào chúng sanh không có duyên với Phật thì Phật chẳng ứng đến. Chớ như đức Di Đà là Ngài có đại nguyện cùng với chúng sanh ở đời ngũ trược này, rất có cái duyên từ đời trước. Chư Phật kia, tuy cũng có đại bi, nhưng cảm hóa những chúng sanh có duyên mà thôi, còn chúng sanh nào vô duyên, thì nó bị cái nghiệp của nó làm chướng ngại, thế đâu có đắc độ ư!

**Hỏi:** Vậy thì lòng từ tế của Phật, há lại có chỗ chẳng khắp ư?

**Đáp:** Chẳng phải là Phật chẳng phổ độ, chỉ vì các Phật kia với chúng sanh đây, chưa kết duyên với nhau từ kiếp trước, mà chúng-sinh thì bị các nghiệp: kiến hoặc, tư hoặc, vô minh hoặc, trần sa hoặc che phủ đã lâu đời, tự nó làm chướng ngại lòng từ của Phật: tỷ như người bị tối mắt, dù ở dưới mặt nhật, mà chẳng thấy đặng ánh sáng! Với chúng sanh đó, đức Như lai lấy làm rất khá xót thương!

Với trên phần chánh tông đã rồi, các nhà chú giải xưa đều cho lục phương Phật tán, thuộc về phần chánh tông, duy Ngài Linh Phong đại sư phán về phần lưu thông, là rất hay, vì hợp ý kinh, vì là đức Thích Tôn dẫn lục phương Phật tán thán, đâu chẳng là để khuyến tín mà thôi, thì khuyến tín tức là nghĩa lưu thông, nên nay phải vâng theo.



## PHỤ CHÚ

(I) Cụ Triết Lão Truyện nói: Triết Lão Thiên sư trụ trì nơi chùa lớn tại kinh sư, chuyên tu tham thiền, bốn chục năm không hề nằm ngủ, khi tịch bằng cách toại hóa, sau khi thiêu, từ quần áo giấy dán cửa sổ đều sản xuất ngọc Xá Lợi kiếp sau sanh làm con nhà phú quý suốt đời chịu nhiều danh lợi ưu khổ.

Cụ Thanh Công: Truyện nói: Triều nhà Tống, cụ Thanh Thảo Đường Thiên sư, thường tu phúc huệ, nhân một niệm sai lầm, khi chín chục tuổi tịch, sau làm con nhà họ Tăng, tên là Tăng Lỗ Lượng Công, thiếu niên thi đậu cao khoa, làm chức tể tướng, vì phú quý rồi tạo nghiệp mà đọa!

Cụ Ngũ Tổ Giới Diễn, đồng thời bạn tu với cụ Quang Huệ Thiên sư, vì tâm niệm phạm sắc, bị cụ Quang Huệ phê bình, mắc cỡ, đương ngồi tịch liễn, sanh làm con nhà họ Tô, tên là Thúc, tự là Tử chiêm, hiệu Đông pha sau làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ v.v...

Truyện chép: ông Âu Dương Vĩnh Thúc, đến làm tri huyện tại Dĩnh Châu; có một nàng Quan hỷ, miệng thở hơi và mồ hôi thơm như liên hương; có nhà sư biết túc mạng nói rằng: Kỹ nữ đây đời trước làm Ni cô, tụng lầu kinh Pháp Hoa đã ba chục năm, bởi một niệm sai làm nên nay đọa đến thế! Nhân đưa bộ Kinh Pháp Hoa thí nghiệm, thì nàng đọc như nước rót, còn đưa kinh khác thì không thể đọc được. Chừng đó ông Âu Dương mới tin lời của nhà sư kia. Vậy các vị tu tự lực như trên đó, trong đời cũng ít ai tu bằng, nếu biết tu niệm Phật, chắc được bậc thượng phẩm, cái này bị sa đọa, thực là đáng tức!

***Xá Lợi Phất! Như ta*** (Thích Ca) ***nay đây***, (ở tại nơi Kỳ Viên, nước Ta bà) ***tán tán Phật A Di Đà*** (bên nước Cực Lạc) ***Ngài có lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn. Mà đồng thời bên phương đông kia, cũng có đức A Súc Bệ Phật*** (Dịch là Bất Động, là nói trí Phật chẳng động, mà có thể động đến cái trí tánh sẵn đủ của chúng sanh) ***đức Tu Di Tướng Phật*** (dịch là Diệu Cao, là núi lớn giữa biển, do bốn thứ báu dựng thành, ánh sáng chiếu suốt nên gọi là “diệu”, tốt khỏi các núi, nên nói là “cao”, tướng Phật vì diệu như núi Tu Di), ***đức Đại Tu Di Phật*** (trên là nêu cái tướng của Phật, đây là nêu cái đức của Phật. Tu Di làm chúa các núi, để ví đức của Phật là bậc nhất), ***đức Tu Di Quang Phật*** (ánh sáng là nêu cái trí của Phật, để rõ Phật trí khắp giáp), ***đức Diệu Âm Phật*** (lời lẽ đủ bốn biện tài, tiếng đủ tám giọng), ***như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng*** (lại tên là sông kinh-già bề rộng bốn chục dặm, cát nhỏ như bột bún, dụ rất nhiều Phật) ***các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng: Cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn, là “Bốn kinh nhứt thể chư Phật sở hộ niệm”***. Từ đây hẳn sau là phần lưu thông.

Với câu “chẳng thể nghĩ bàn”, trong Di Đà yếu giải, thích có năm nghĩa

1) Ngang ra vượt khỏi ba giới, chẳng đợi tu dứt hết kiến hoặc tư hoặc.

2) Tức nơi Cực Lạc đồng cư độ mà ngang đủ bốn độ, phi do dần dần chứng thấy.

3) Chỉ tu bằng cách trì niệm hiệu Phật, chẳng mượn công tu các pháp như tham thiền, quán tưởng, và bao phương tiện.

4) Chỉ một tuần thất làm kỳ hạn, không trải qua nhiều tháng nhiều năm nhiều đời nhiều kiếp.

5) Từ niệm một danh Phật, tức là được cả chư Phật đều hộ niệm, chẳng khác trì niệm luôn tất cả Phật danh; đây đều do nơi đại nguyện đại hạnh của đức Đạo Sư (A Di Đà) đã thành tựu, nên nói: “Đức Phật A Di Đà có cái lợi về công đức chẳng khá nghĩ bàn”. Chúng ta nếu phát tâm: tin, nguyện và trì niệm danh của Phật, thì đều khế hợp với đức tin của Phật.

Quán Kinh nói: “pháp giới thân của A Di Đà Phật, vào ngay trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh, khi chúng sanh tâm tưởng Phật, thì cái tâm đó tức là ba mươi hai tướng, tám chục món đẹp, thế thì Phật với ta đều chẳng khá nghĩ bàn”.

Với sáu phương, đời Đường dịch làm mười phương, về nghĩa thì sáu phương nó gồm cả mười phương: như phương đông cõi hư không chẳng thể hết, thế giới cũng chẳng khá hết, cả đến nam, tây, bắc phương, bốn góc, thượng phương, hạ, các cõi hư không chẳng khá hết, thế giới cũng chẳng khá hết.

Một Phật độ, đại khái ước bề rộng có ba ngàn, mà thực ra thì lớn hay nhỏ cũng chẳng như định, tột cả mười phương, phương nào cũng có hằng hà sa số thế giới. Một thế giới có một đức Phật, chư Phật số bấy nhiêu đó, Phật nào cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, khắp trùm trong nước mình làm giáo chủ, để khuyên chúng sanh tin niệm Phật, phát nguyện về Cực Lạc.

Nếu ở các phương khác, chúng sanh nào có duyên với Di Đà, cũng lẫn nhau được nghe lời khuyên của chư Phật kia, thế, tịnh độ đã được thập phương chư Phật đồng âm tán thán, thì chúng ta há chẳng tin sao??

Các đức A Súc Bệ Phật v.v... đó, phàm một đức Phật, tùy theo căn cơ cũng có vô lượng danh hiệu. Như kinh Pháp Hoa: “Ta dùng Phật nhãn, xem chúng tin tu, các căn lợi hay độn, tùy theo chỗ được độ thì nên độ, mỗi chỗ ta tự nói danh tự của ta chẳng đồng, đến tuổi tác hoặc lớn hay nhỏ”.

Nên Phật Ngài lập cái danh của Ngài ra là: hoặc dùng nơi nhân để lập danh hiệu, hoặc dùng nơi quả để lập danh hiệu, cho đến hoặc dùng: nơi tánh, nơi tướng, nơi hạnh nơi nguyện v.v... để lập đức hiện

Đã mỗi mỗi danh, đều tròn đủ những đức của các danh, nên chi Tổ Trí Giả Ngài chú thích các Kinh, ít giải nghĩa nơi danh Phật, là vì để cho còn nguyên tròn đủ đức hiệu.

Nay giải nghĩa ra đó, là y nơi chữ, lược giải thích ra, để cho người học trọn nhớ các đức, tỷ như biển cả kia, mức lên một giọt mà vị nó đủ cả tánh chất đại hải.

“Lời thành thật” đó, kinh Kim Cang nói: “Lời nói của Như Lai là lời thực, lời chắc, lời như, lời chẳng lừa, lời chẳng lạ”, thực thế. Chúng ta mà nếu ba đời chẳng nói dối, thì cuống lưỡi có thể dài đến chót mũi.

Bên Tạng giáo ghi: Phật đã ba kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng hề nói vọng, nên có cái tướng lưỡi tốt là mỏng, rộng, dài, có thể phủ cả mặt và đến mí tóc lặn.

Nay so theo Viên Giáo thì, tướng lưỡi của Phật là tùy nơi tánh mà tùy theo đại cơ, tiểu cơ cảm đến, nên hiện ra hoặc lớn hay nhỏ.

Tiêu biểu về lý, thì pháp âm viên mãn, là vi tánh không hư vọng. “Tất cả chư Phật sở hộ niệm Kinh” đó, tức là đề mục Kinh Tiểu bản (Phật thuyết A Di Đà Kinh) này đây.

***Xá Lợi Phất! Thế giới phương nam có: Đức Nhật Nguyệt Đăng Phật*** (Nhứt thể trí làm mặt nguyệt, đạo chủng trí làm mặt nhật, nhất thể chủng trí làm đăng quang), ***đức Danh Văn Quang Phật*** (vội danh xung, khắp đồn nghe cả pháp giới), ***đức Đại Diệm Kiên Phật*** (Diệm là nêu cái huệ lớn, Kiên là hạ đảm chúng sanh), ***đức Tu Di Đăng Phật*** (ánh sáng nơi thân không lượng như núi Tu Di), ***đức Vô Lượng Tinh Tấn Phật*** (Tinh là công phu chẳng phứt tạp, Tấn là không hề thối lui; vì hành đạo từ vô lượng kiếp, được thành Phật, giáo hóa vô lượng chúng sanh mà chẳng nghỉ). ***Như thế cả các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng, các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng hề nghĩ bàn là “Bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.***

**Xá Lợi Phất! Thế giới phương tây có: Đức Vô Lượng Thọ Phật** (danh đồng với A Di Đà, kê ra thì hiệu Phật đồng nhau lắm), **đức Vô Lượng Tướng Phật** (Phật có tám vạn bốn ngàn vi trần tướng tốt, nhưng chúng sanh tùy cơ thể nào thì được thấy thế nấy), **đức Vô Lượng Tràng Phật** (Tràng: phan; phướng, nghĩa là cao sáng, và nghĩa là tòi tà phụ chánh, lại, trong không ngoài tròn (Bửu cái: đầu tràng phan) tiêu biểu Phật tánh trong không mà sáng tròn đầy), **đức Đại Quang Phật, đức Đại Minh Phật** (quang là thể, minh là dụng, có quang thì minh chiếu mười phương, vì hai Phật đây đồng bậc trí huệ cao lớn cả), **đức Bửu Tướng Phật**, (món báu bằng trí công đức tướng nó sáng tròn đầy), **đức Tịnh Quang Phật** (trong sạch sáng rõ, khắp soi chúng sanh). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: Người cả chúng sanh, nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn “ Bốn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

**Xá Lợi Phất! thế giới phương bắc có: đức Diệm Kiên Phật** (nghĩa đồng như Phật trên), **đức Tối Thắng Âm Phật** (4 biện tài, 8 âm giọng, khó nghĩ được) **đức Nan Trở Phật** (Trờ: bại hoại, với công đức của Phật, chẳng thể phá hoại), **đức Nhật Sanh Phật** (mặt nhật là tinh hoa của các khí dương, sanh trưởng vạn vật, Phật là thầy của chúng sanh khiến chúng phát sanh trí huệ), **đức Vông Minh Phật** (cái võng bằng châu báu, ánh sáng của mỗi hạt châu nó chói dọi lẫn nhau, là để tiêu biểu hào quang nơi thân Phật sáng suốt vô lượng). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưới rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới nói lời thành thực rằng: người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “ Bốn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

**Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới, có: đức Sư Tử Phật** (sư tử rống gầm, trăm thú bạt tằm – núp trốn – đức Phật thuyết Phật, thiên ma ngoại đạo đều kính nép), **đức Danh Văn Phật, đức Danh Quang Phật, đức Đạt Ma Phật** (Đạt Ma dịch là pháp, Phật thuyết vô cùng). **Đức Pháp Tràng Phật** (dựng cây pháp tràng của Phật lên, là để phá trừ nghiệp hắc ám của chúng sanh, khiến đem lại cái bản thể thanh tịnh), **đức Trì Pháp Phật** (duy trì chánh pháp

đề tế độ chúng sanh). *Như thế cả các đức Phật nhiều bằng số cát sông Hằng, các Phật kia, Phật nào đều vẫn tự ở nước này, cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cả đại thiên thế giới, nói lời thành thực rằng: Ngươi cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “Bổn kinh nhất thể chư Phật sở hộ niệm”.*

Phương dưới ấy: Dưới đáy cõi ta-bà thế giới đây, có lớp kim luân, lớp phong luân cùng nhau đề duy trì thế giới này. Dưới lớp phong luân có lớp không luân. Dưới lớp không luân lại có hạ phương thế giới; dưới hạ phương cũng có thế giới nữa, cứ mãi như thế trùng trùng vô tận.

## PHỤ CHÚ

Luận Câu Xá cuốn mười chếp: Rốt dưới đáy thế giới là lớp phong luân, lớp phong luân này nó nương ở nơi lớp hư không (tức là không luân), bề dày của phong luân mười sáu ức do tuần (dặm) nó kiên cố như chất kim cương.

Trên phong luân có thủy luân, bề sâu có tám ức do tuần, trên thủy luân có kim luân, bề dày ba ức hai vạn do tuần, bề trục kính có mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm chục do tuần, bởi hình nó tròn, dựng thành chất kim cương nên gọi là kim luân. Trên lớp kim luân đây, có chín núi tám biển, thế là lớp địa luân.

Từ mặt nước lên đến kim luân bề sâu tám vạn do tuần thế khá biết bề sâu của địa luân.



*Xá Lợi Phật! Thế giới phương trên có: Đức Phạm Âm Phật (Phạm: thanh tịnh, là tiếng hay thanh tịnh, khắp dạy chúng sanh), đức Tú Vương Phật (mặt nguyệt là vua giữa các ngôi sao, Phật là chúa giữa pháp giới), đức Hương Thượng Phật (Hương giới trong sạch, đặng lẽ màu vô thượng) đức Hương Quang Phật (giữ giới thanh tịnh, kết tinh giới hương, liền phát sanh ánh sáng trí tuệ), đức Đại Diệm Kiên Phật, đức Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật (Thân tướng trang nghiêm, như ánh màu báu), đức Ta La Thọ Vương Phật (Ta La dịch là kiên cố, Vương: Tự tại) đức Bảo Hoa Đức Phật (Bửu hoa: Thanh tịnh mà sáng, là nêu công đức tròn sạch của Phật), đức Kiến Nhất Thế Nghĩa Phật (năm nhãn trọn thấy pháp nghĩa không cùng) đức Như Tu Di Sơn Phật (Núi rất cao lớn, Phật rất khắp giáp) như thế cả các đức Phật*

*như nhiều như số cát sông Hằng các Phật kia Phật nào đều vẫn tự ở nước này cũng đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài khắp trùm cả địa thiên thế giới nói lời chắc thật rằng người cả chúng sanh nên tin đây khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn là “Bổn kinh như thế chư Phật sở hộ niệm”.*

Phương trên là: Trên cõi trời “phi phi tướng” của thế giới ta bà đây có lớp không luân, trên không luân có lớp phong luân, trên phong luân có lớp thủy luân, trên thủy luân, có lớp kim luân, trên kim luân có lớp đại địa, có sáu Dục thiên, có bốn thiên thiên, có bốn không thiên, cũng gọi là ba giới (cũng dục giới, có sáu trời, sắc giới có bốn thiên thiên, vô sắc giới có bốn không thiên), đây tức là thế giới phương trên. Lại lên trên nữa, lại cũng có lớp không luân v.v... cả ba giới v.v... cứ mãi như thế, trùng trùng ba giới, thì có hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có một đức Phật: hoặc đương trụ thế, hoặc sắp nhập Niết bàn, hoặc đương thuyết pháp, nên nói: Hằng hà sa số chư Phật.

*Xá Lợi Phất! Trong tâm ý ông có thấy biết kinh này có sao tên là “Nhất thế chư Phật sở hộ niệm”? Xá Lợi Phất! hoặc có Thiện nam tử, thiện nữ nơn là người được nghe kinh đây rồi thụ trì, và được nghe danh hiệu của chư Phật, thì các thiện nam thiện nữ ấy đều được chư Phật hộ niệm cho, đối với quả vị “Vô thượng chánh đẳng chánh giác” các nam nữ ấy đều được chẳng lui sụt. Thế nên Xá Lợi Phất! Các ông đều nên tin chịu lời của ta đây, và sở thuyết của chư Phật ở sáu phương kia.*

Đoạn đây gạn giải danh đề của bổn kinh này.

Đức A Di Đà đem đại nguyện để khắp thân chúng sanh, thì là cái chỗ được chư Phật nơi mười phương hộ niệm. Với bổn kinh của đức Thích Ca sở thuyết, cũng được thập phương chư Phật lẫn nhiều hộ niệm. Mà chúng sanh niệm danh của Phật A Di Đà đây, cũng được thập phương chư Phật hộ niệm cho, cũng là lẽ tất nhiên.

**Hỏi:** Người mà loạn tâm niệm Phật, có được chư Phật hộ niệm không?

**Đáp:** có lẽ “Lục Túc” sai khác: 1/ Hoặc chúng sanh chưa nghe đến danh Phật, chỉ là cái lý đủ tánh bình đẳng giữa Phật với chúng sanh, đó chỉ gọi là “lý tức” chẳng được hộ niệm. 2/ Hoặc được nghe hiểu Phật danh, hoặc nghe mà chẳng hiểu, hoặc niệm mà chẳng nhất tâm, chỉ nạp thụ giống lạnh, cũng làm cái nhân qua đời sau được giải thoát, đều là “danh tự” hộ niệm 3/ Hoặc nghe mà



hiều, hiểu rồi chấp trì danh hiệu niệm mãi, là “quán hạnh tức” hộ niệm 4/ Hoặc niệm Phật mà được “nhứt tâm bất loạn”, kiến hoặc tư hoặc mới tiêu rụng, phảng phất thấy lý, là “tương tự tức” hộ niệm. 5/ Nếu niệm Phật mà đắc “lý nhất tâm bất loạn” phân phá được vô minh nhứt phẩm, phân đắc chân như pháp tánh, là “phân chứng tức” hộ niệm. 6/ Hoặc niệm đến bực bốn mươi hai phẩm vô minh phá hết, toàn thể thanh tịnh pháp tánh, gọi là “Cứu cánh tức” hộ niệm. Số là hộ niệm ắt nhận lòng chí thành, niệm Phật mà lòng thành thì có tiến, mà tiến tức là ba bực bất thối nơi vô thượng bồ đề.

A Nậu đa la, dịch là vô thượng. Tam miệu tam bồ đề, dịch chánh đẳng chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là quả Phật thanh tịnh.

Ngôi “phân chứng” là quả Phật phân chứng; ngôi “cứu cánh” tức là quả Phật mãn chứng. Bất luận tin cùng chẳng tin, hễ thấy nghe được Phật danh, hoặc niệm được một tiếng là nạp được hột giống lành bồ đề để sâu vào ruộng lòng, rốt rồi cũng được chẳng thối lui nơi quả Vô thượng bồ đề.

***Xá Lợi Phất! Hoặc đã phát nguyện (quá khứ) nay phát nguyện (hiện tại), sẽ phát nguyện (vị lai), muốn sanh về nước của Phật A Di Đà, thì các người ấy, đều đừng chẵng lui sụt nơi quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác hoặc đã sanh, hoặc nay sanh hoặc sẽ sanh thế nên Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có tin đó, cần phải phát nguyện cầu sanh về nước của Phật kia.***

Đây là ba đời cầu sanh để phát nguyện: đã phát nguyện thì đã được vãng sanh; nay phát nguyện, thì nay được vãng sanh; sẽ phát nguyện, thì sẽ được vãng sanh. Nên chẳng nguyện thì thôi, mà hễ có nguyện thì đều được chẳng thối chuyển nơi vô thượng bồ đề.

Trong bộ Di Đà yếu giải, có lời hỏi: nay phát nguyện, thì chỉ có nói là lẽ sanh, chớ sao gọi là nay sanh?

**Đáp:** đây có hai nghĩa: 1/ ước trong một thời kỳ gọi là nay, như hiện nay phát nguyện trì niệm danh Phật, khi lâm chung như định được sanh về tịnh độ 2/ ước về trong một sát na, gọi là nay, như một niệm tương ưng thì một niệm vãng sanh; mỗi niệm mỗi tương ưng thì mỗi niệm được vãng sanh. Thế là diệu nhân diệu quả, không rời nhứt tâm, nó đồng như hai đầu đòn cân khi cao thấp, nào phải đợi bên cỏi ta-bà này đến khi cái báo thân hết sống

rồi, mới được sanh về ao sen báu bên tịnh độ kia ư. Chỉ nay thâm tín, phát nguyện, trì niệm danh Phật, thì được hoa sen sáng muốt xinh tươi, đài vàng bóng hiển hiện bèn là phi người trong thế giới ta-bà rồi. Đó là cái lẽ rất viên rất đôn, khó nghĩ khó bàn, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin thấu đặng!

***Xá Lợi Phật! Như ta nay đây*** (ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước ta-bà đây) ***khen ngợi các đức Phật*** (ở trong sáu phương kia) ***có công đức chẳng khá nghĩ bàn. Mà chư Phật bên*** (sáu phương kia) ***cũng xưng ta*** (Thích Ca) ***có công đức chẳng khá nghĩ bàn mà*** (Chư Phật kia) ***thốt ra lời này: Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm được việc rất khó ít có, hay ở nơi cõi nước ta-bà, đời ác năm trước: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước,*** (Ngài thị hiện sanh trong cung vua, lúc 19 tuổi đi xuất gia, 6 năm tu khổ hạnh, lúc 30 tuổi ngồi bên gốc cây bồ đề, nửa đêm thấy sao, thoát nhiên) ***chúng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác*** (Ngài đã thành Phật bồ đề rồi, đến hội phương đặng, mới) ***vì các chúng sanh nói ra*** (một phép tu trì danh niệm Phật của môn tịnh độ đây là) ***pháp tất cả người đời khó tin. Nên được chư Phật xưng tán.***

Đây là tỏ ra khen lẫn với nhau về việc khó để khuyên hành.

Đức Thích Tôn đã tán thán chư Phật năng nói pháp tịnh độ không thể nghĩ bàn công đức; mà chư Phật cũng tán thán lại đức Thích Ca năng làm việc khó, đây chính rõ ra rằng Phật nào cũng hành cái lòng từ bình đẳng, để cho chúng sanh sanh cái tâm tin chắc.

Giữa thập phương thế giới, số tịnh độ đã vô lượng thì uế độ cũng vô lượng, nên đức Phật với việc thuyết pháp, rất có chỗ khó nói và dễ nói. Bộ yếu giải nói: “công đức trí huệ của chư Phật mặc dầu đều bình đẳng cả, mà về mặt thi thiết giáo hóa thì có khó và dễ: ở tịnh độ tu thành đạo quả bồ đề thì dễ, ở cõi trước thế tu thành đạo quả bồ đề thì khó; vì chúng sanh ở tịnh độ mà thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh ở cõi trước thế mà thuyết pháp thì khó: vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp tiệm còn dễ, vì chúng sanh ở trước thế mà nói pháp đốn thì khó; vì chúng sanh ở trước thế, mà nói các pháp đốn còn dễ, mà nói pháp tịnh độ ngang vượt pháp đốn thì khó; vì chúng-sinh ở trước thế, nói pháp tịnh độ ngang vượt ra ngoài tam giới đốn tu đốn chứng lẽ diệu quán, đã là vẫn chẳng dễ, mà nói đến pháp “chỉ trì danh hiệu” đây, không mượn

công lao tu chứng, mà chóng lên bực bất thoái, là phương pháp lạ, riêng, mâu hơn, hơn hết phương tiện bực nhưt, vượt khỏi nghĩ bàn, lại là điều khó trong khó, nên chi thập phương chư Phật đâu chẳng suy nhường đức Thích Ca riêng được đồng mãnh nhất”.

Năm trước, tỳ như chỗ thanh thủy, vẫn sẵn trong sạch, thoát có người đòi, lấy đất bụi kia, liệng vào thanh thủy, đất liền rã tan, nước mát trong sạch, hình dáng lộn ngàu, nên gọi trước thanh thủy dụ chân tánh; đất bụi tỳ phiền não. Trong đời có người đương không có chi mà bỗng nhiên mê lũng.

Song tự tánh của chúng ta, vốn không có cõi đời và chúng sanh, bởi một niệm vọng động lên, mà có sanh tử phiền não. Nếu muốn quay lại chân tánh sẵn xưa thì, như lóng nước đục, chứa vào đồ sạch. Yên lặng chẳng động, đất cát tự chìm, nước trong hiện tiền, gọi là bắt đầu dẹp được “khách trần phiền não” gạn bỏ chất sinh đục, còn toàn là nước trong thì gọi là dứt hẳn rồi “căn bản vô minh”, thì là minh tướng tính thuần, thanh tịnh diệu đức.

Khách trần phiền não, tức là kiến hoặc tư hoặc; căn bản phiền não tức là vô minh hoặc. Dứt rồi cái kiến hoặc, thì chúng được bực Sơ tín bên viên giáo, bực Sơ trụ bên Biệt giáo. Dứt hẳn rồi cái căn bản vô minh thì chúng đặng quả cứu cánh Diệu giác Phật, rốt ráo cái minh tướng tính thuần, đem lại bản thể thanh tịnh diệu đức xưa.

Song, cái chân tánh nó nguyên không có sự biến đổi chân hay vọng gì, thí tỳ như nước, dù có thanh hay đục, chớ tánh ướt nó không đổi dời. Nay tu lấy pháp môn tịnh độ đây, tỳ như đem viên ngọc thanh châu để xuống chỗ trước thủy thì trước thủy chẳng đặng chẳng trong, hiệu Phật đặt vào loạn tâm thì loạn tâm không đặng không Phật. Như thế lóng đục thẳng tắt rất chóng, các pháp môn khác, đâu được dễ vậy ra!? Nên đức Thích Ca với chư Phật khen lẫn nhau, là đều chỉ có lẽ.

Chư chúng sanh, là chỉ riêng những người ở trong thời năm ác trước; nhưt thể gian là chỉ chung về chúng hữu tình ở trong chín giới bốn cõi.

<b>Chi mạt</b>	}	<b>Kiến hoặ</b>	— Tam giới	— Kiến nhứt xứ trụ địa
		<b>tư hoặ</b>	Dục giới	— Dục ái trụ địa
			Sắc giới	— Sắc ái trụ địa
			Vô sắc-giới	— Hữu ái trụ địa
<b>Căn bản</b>	—————		Tam giới — Vô minh trụ địa	

<b>Chuyên 5, trước thành 5 điều</b>	<b>1 kiếp trước</b>	— Các hạnh nhóm hợp, giờ dòi thể nhớ - nếu phi cái hạnh đỏi nghiệp hoành siêu, thì ắt không thể độ được.
	<b>2 kiến trước</b>	— Các cái chấp tà kiến, tâm dấy điên đảo, nếu phi cái hạnh tối thắng phương tiện thì ắt không thể độ được.
	<b>3 phiền não trước</b>	— Tham, sân, si, v.v... phiền não càng thanh, nếu phi cái hạnh tức tâm thị Phật, thì ắt không thể độ được.
	<b>4 chúng sanh trước</b>	— Thân tâm hòa hợp, sanh diệt không dừng, nếu phi cái hạnh hân bỉ im thử, thì ắt không thể độ được.
	<b>5 mạng trước</b>	— Mạng sống van vỏi, chóng gấp vô thường nếu phi cái hạnh chẳng phí thời kiếp, chẳng nhọc cần khổ, ắt chẳng thể độ được.

<b>Tin nguyện niệm Phật</b>	}	—	—Kiếp trước làm thành thanh-tịnh hải hội.
		—	—Kiến trước làm thành Vô - Lượng - Quang
		<b>chuyên</b>	— Phiền não trước làm thành thường tịch Quang
		—	—Chúng sanh trước làm thành hoa hóa sanh
		—	—Mạng trước làm thành Vô-Lượng-Thọ

***Xá Lợi Phát! Phải biết ta ở nơi đời 5 trước ác làm việc khó ấy, đắc quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, rồi vì tất cả thế gian mà nói ra pháp khó tin đây, thực là rất khó!***

Căn cơ (trình độ) của chúng sanh không cảm đến Phật, thì Phật không ra đời; Phật đã ra đời, mà đời nhiều cảnh ác, thì thực không dễ gì đắc quả vô thượng bồ đề; mà đã đắc bồ đề, duyên không khéo gặp, thì cũng khó thuyết pháp được, vả lại nói về pháp tối diệu tối viên thì rất là đã khó lại càng khó nữa! Nên cái đại nguyện của Thích Ca được cùng đi đôi với đức Di Đà đều chuyên lấy điều tốt cả.

Lại, với chúng sanh trong thời ngũ trước ác thế khó điều phục, vì chúng cương cứng, mà đức Thích Ca Ngài năng điều phục được lại là rất khó nữa.

Tất cả thế gian khó tin ấy, là đối với pháp niệm Phật vắng sanh tịnh độ, rất đối các vị quyền thừa Bồ Tát còn có nghi mà không tin thay, phương chi các loại phàm trong sáu ngã u.

Đối với pháp khó tin của Như Lai đã nói, chàng ta phải tin, rất không nên cam chịu đọa nơi nhà lửa! Phải biết rằng cơn vô thường chẳng hẹn mà đến, cần gấp tu pháp niệm Phật, như chữa lửa cháy trên đầu! Nên quày đầu óc, mau mau đem Phật hiệu để kêu tỉnh tự tâm, ngõ chẳng phụ lời đức Thích Ca đình ninh, cũng chẳng phụ đức Di Đà đưa tay đón tiếp. Vậy rất cảm kích rất cần cầu, nguyện người liền nghĩ lấy.

***Phật nói kinh này rồi, ông Xá Lợi Phát, và các Tỳ kheo, tất cả thế gian (nơi chín pháp giới): Trời, người, thần A Tu La v.v... nghe chỗ Phật nói, hoan hỷ tin chịu, làm lễ rồi lui.***

Đoạn này: Pháp chúng nghe rồi, hoan hỷ, làm lễ lui ra

Đây là nói rõ: Đại chúng được ích, để xâu kết làm tin cho đời sau.

Phật đợi có cơ cảm thì nói pháp, nay đã khen và nói tịnh độ cả y báo, chánh báo đều trang nghiêm, chín cõi chúng sanh đều nhờ sự hữu ích của “Tứ tất đàn” tất đàn, dịch là khắp thí:

1/ Nếu người nghe nói thế giới Cực Lạc rất trang nghiêm, mà sanh tâm hoan hỷ, thế là đắc sự ích về “Thế giới tất đàn”.

2/ Người nghe nói bên tịnh độ y chánh đều trang nghiêm mà dấy lòng tín và nguyện, thế là đắc sự ích về “Vị nhân tất đàn”.

3/ Nghe rồi liền chấp trì danh hiệu mà niệm, mỗi câu lưu vào nơi lòng dạ, mỗi niệm trái nghịch đường sanh tử, thế là đắc ích về sự “Đôi trị tất đàn”.

4/ Nghe rồi liền tỏ lẽ tâm Phật đều không, đều khắp pháp giới, thế là đắc sự ích về “Đệ nhất nghĩa tất đàn”

Đây, chẳng những đương thời Phật thuyết pháp, chúng tại hội nghe rồi đắc sự ích về tứ tất đàn mà hoan hỷ, mà vả nữa, qua mãi đời sau, hễ người nghe, thấy đến Kinh đây cũng thành được bốn sự hữu ích đó, là 1. Hoặc người được thấy, nghe đến kinh đây mà sanh tâm ngưỡng mộ, là ích về thế giới tất đàn; 2. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà nảy lòng tín nguyện là ích về vị nhân tất đàn. 3. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà sanh lòng chán khổ ta-bà, ham vui Cực Lạc, giữ niệm danh Phật, là ích về đôi trị tất đàn; 4. Hoặc thấy nghe Kinh đây mà tỏ ngộ được lẽ năng niệm sở niệm đều trống vắng, là ích về đệ nhất nghĩa tất đàn.

Lại nữa, nghĩ cho chính ra thì tứ tất đàn nghĩa nó rộng đến vô cùng. Thấy đều tùy theo căn cơ mà nói, mà với pháp đã nói ra, mỗi mỗi đều là tứ tất đàn, lẫn khắp giáp giới.

Các hành nhân (tu sĩ) phải biết: đây tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, chứng tâm pháp giới, như thế niệm Phật thì pháp nào lại chẳng phải tâm, tâm nào lại chẳng phải Phật, song, cũng Phật nào mà phi tâm ru?

Không ai hỏi mà Phật tự nói, thì giới pháp ấy khó nghĩ đặng! Biết căn cơ hợp thời tiết, thì với lợi ấy chẳng lường được! Nhấn đến hàng nghìn hàng vạn năm về sau mà còn được lợi ích đó, cũng chỉ có vì hai điều lợi và pháp như đã nói trên đó mà thôi. Chính là đức Như Lai có trí sáng suốt, soi xét không bỏ sót hóa độ nên mới được như thế.

Vả lại, chúng ta đã gặp Kinh đây, là được may rất lắm! Lại nếu chẳng sanh lòng cảm kích khi thấy nghe kinh này, thì sau khi chuyển đời cái thân này (kiếp sau) chưa biết có được gặp kinh này nữa không?

Bởi vì cõi đời ngũ trược, đường sanh tử hiểm nguy, nhiều điều độc ác, một khi mất nhân thân này rồi, e về sau cả muôn kiếp cũng khó gặp lại đặng! Chi bằng, hiện nay sấn sức trong một đời này, phát cái đại chí đồng mãnh, kíp ra khỏi ba giới, thân cần đức Di Đà rất là chí yếu! Nếu người mà trái lời trên đây, chẳng thể chỉ trong nhứt sanh xong nên! Còn người mà khứng chuyên tâm giữ

niệm danh Phật, thì quyết định vãng sanh, dầu muôn con trâu cũng chẳng trì lại nổi, vì sự vãng sanh quá mạnh!

Song trải qua nhiều đời, các tổ mở bày pháp tịnh độ ra đông lắm, mà các vị được thoát cũng rất nhiều. Trong Tịnh độ tông có cả ba bộ Kinh, mà được thụ trì rất thanh hơn hết thì không ngoài bốn Kinh đây.

Nay nhân vì bực sơ cơ khó tự mở rở, nên chẳng nệ phiền, thuật lời trên đây, để giúp chút đỉnh.

Phổ nguyện: kẻ thấy người nghe, đều thành giống Phật, mau đắc bồ đề. Dầu người có chê bai, cũng nhân tiếng Phật lọt vào tai mà có hột giống, đến lúc đã hết ác báo, cũng nương giống đó mà đặng nhờ độ thoát. Sỡ dĩ lòng lành của Phật bình đẳng, không phân biệt kẻ oan người thân, hễ là có thấy hoặc nghe, đâu chẳng được nhờ giải thoát, như vậy mới xứng với câu “Bất khả tư nghị công đức”.

Hết Kinh Di Đà sau đây tiếp đến Sám Hối Hồng Danh.

### **Ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật, diệt được vọng niệm chết, cho Pháp thân người sống**

-----  
[\[1\]](#) Điều nghe thấy đã kết quả thành phần  
[\[2\]](#) Phương pháp ấy đã kết quả thành phần  
[\[3\]](#) Thời gian làm việc đã kết quả thành phần  
[\[4\]](#) Chủ tọa giảng giáo đã hoàn thành  
[\[5\]](#) Chỗ thuyết pháp đã thành tích thật sự; dưới kia đại chúng đồng nghe là: pháp chúng thành tựu, chung gọi là sáu điều thành tựu, nghĩa là thành phần sáu sự đây, để làm chứng tin là Kinh đây đích là Phật nói.

[\[6\]](#) Dịch: thân tử, trí huệ, đệ nhưt;

[\[7\]](#) Dịch: đại thái học, thị thần thông đệ nhưt

[\[9\]](#) các Kinh đều có lời biệt tự, để tựa bày cái lý do về sự phá khi của bộ kinh; ở đây môn tịnh độ là một thẳng pháp, không ai có thể biết để hỏi, Phật ngài nhơn nơi cơ duyên đã đến, chẳng đợi ai cầu thỉnh, ngài tự nói ra, nên chẳng có đoạn văn do khi, vậy tạm lấy đoạn này làm lời biệt tự.

--- oOo ---

# LỄ PHẬT

## Đại sám hối văn giải

Toàn văn nguyên là một trăm tám lạy, nên nói: “Lễ Phật đại sám hối văn. Với một trăm tám lạy, sẽ thấy bức biểu đồ ở sau.

Bỏ tánh vẫn chân không, hẳn không nhiễm nhờ một tiêm một hào gì; chỉ bởi một niệm vọng nổi lên, thành thử phát sanh ra nghiệp duyên cả mười giới (bốn thánh sáu phàm). Do đó, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh, mà pháp sanh thì món món tâm sanh.

Cái tâm nó chẳng phải khởi thì thôi, mà hễ nó phát khởi thì là có nghiệp. Nên kinh Địa Tạng nói: “Móng tâm động niệm, đâu chẳng là tội! Kinh ấy lại nói: “Làm ác kết nghiệp ác, làm thiện kết quả thiện”.

Phương chi từ có sanh ra đời nhữn nay, mỗi niệm chẳng dừng, chỗ kết tội nghiệp; nặng dường quả đại địa! Nếu chẳng y như pháp sám hối thì không thể tiêu trừ đặng!

Nên ngài Bất Động pháp sư, y nơi thánh giáo, nhóm chép các hiệu Phật, suốt soạn lời sám hối, khéo sắp văn nguyện cầu, để làm chân qui giúp ích cho lớp hậu con sám hối và thế nguyện.

Đại là Đại thừa sám pháp: phép sám hối của đại thừa. Gọi đủ là Sám-ma, dịch là hồi quá, gọi là Sám hối đó là gồm cả chữ Phạm và Hoa-sám thì sám trừ nghiệp trước đời quá khứ, hồi thì chẳng tạo tội mới đời vị lai, nghĩa là đổi qua, tu lại.

Lại, Sám là pháp trắng, hồi là pháp đen, nghĩa là với pháp trắng thì phải tu, với pháp đen thì pháp bỏ. Lại, sám hối là pháp trắng, chẳng sám hối là pháp đen, pháp trắng là tịnh nghiệp, là trí thể của Phật giới, pháp đen là nhiễm nghiệp, là phiền hoặc của chín giới.

Bởi vì tất cả chúng sanh đều bởi mê hoặc mà tạo nghiệp, do nghiệp rồi với lấy khổ. Hoặc tức là phiền não của hoặc, nghiệp tức là các nghiệp thiện ác về hữu lậu và vô lậu. Khổ tức là cái khổ quả về hai môn sanh tử của chúng sanh trong chín giới. Do ba điều: Hoặc, nghiệp, và khổ đó, mà chịu mãi sanh tử, vẫn không thôi nghỉ được!

Song, có ba cách sám hối: một: Tác pháp sám hối, nghĩa là chọn chỗ lập đàn, rước nhà Sư có giới đức, y theo luật làm phép, tự bày chỗ mình đã gây các điều tội lỗi, chẳng đặng giấu che mảy gì. Đương lúc này mặt trông đàn nghi thức, tai nghe yết ma, lòng



không vắn vương điều chi khác, tức nhiên có cái giới thể vô tác nó nêu trong tâm điền. Do đó hễ trì giới thì giới thể nó tăng trưởng, mà phạm giới thì giới thể nó hoại diệt! nên sau khi sám hối chẳng nên gây lại tội mới nữa, thì tội cũ kia có thể tiêu diệt đặng.

Hai: thủ tướng sám hối. Với trong vùng trăm dặm, hoặc ngàn dặm, nếu chẳng có nhà Sư có giới đức, thì chỉ tự mình với ngày đêm sáu giờ, đem ba nghiệp: thân, khẩu, ý để thanh tịnh, hướng về trước tượng Phật hay Bồ tát, năm vóc gieo sát đất, như núi lớn nhào, bày cả tội lỗi, xoay tâm quán tưởng, cứ như thế mãi cho đến ba năm hoặc năm năm, nhẫn đến một đời này, kỳ cho được đích thấy có hào quang, hay hoa tát, hoặc Phật hiện ra chứng giám cho, thì bao tội lỗi kia mới đặng tiêu diệt.

Ba: Vô sanh sám hối. Rằng cái nghiệp là do nơi vọng niệm sanh khởi, nhưng quán xét hiện tiền một niệm đây, nó chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chính giữa, ba chỗ ấy đã không có, thì tội lỗi là vô chủ, là chỗ bảo rằng: tâm mất tội cũng mất, thế gọi là chân sám hối.

Hai pháp sám hối trước là sám hối bằng cách sự tướng, còn một sau đó là sám hối bằng lý tánh. Với sự, thì riêng sám hối về tội bảy chi của thân (3) và khẩu (4), đó là thuộc về tiêu thừa. Với lý thì gồm sám hối cả ba tội tham, sân, si ba độc của ý thức, đó là thuộc về đại thừa.

Với ba cách sám trên; nếu người lợi căn tu sám thì cả ba đều thành ra đại thừa; nếu dùng một tâm ba trí, để chiếu một cảnh ba đế, để lý như như, trí chiếu rõ rõ. Sám một tội mà các tội đều sám luôn, mà các tội thể đều được giải thoát, thế kêu là pháp tánh diệu sám, tức là pháp sám của bậc tối thượng thượng căn.

Phổ Hiền Quán Kinh nói: “Nếu người muốn sám hối, ngồi ngay xương sống, tưởng niệm cái thực tướng, các tội như sương móc, huệ nhật hay tiêu trừ”, tức gọi là “pháp tánh diệu sám” đây vậy.

Nay lại ước theo pháp Lục-tức để phân thâm thiện: 1) Hoặc người chưa thấy nghe được thánh giáo, tâm tánh toàn mê, thì chỉ nói là “lý tức”, chứ chẳng gọi là sám hối. 2) Hoặc người đã thấy nghe được thánh giáo, rõ biết các tội: tạo cũng duy tâm, sám cũng duy tâm, thì nói là “danh tự tức” sám hối. 3) Người đã thấy nghe thánh giáo mà giữ gìn, tâm thành quán chiếu. Ân cần cầu sám hối, gọi là “quán hạnh tức” sám hối, 4) Người phá được kiến hoặc tư

hoặc, gọi là “tương tợ tức” sám hối. 5) Đối với vô minh, phá được từ phân, với pháp tánh, chứng được từ phân, gọi là “phân chứng tức” sám hối. 6) Phá hết vô minh, pháp thân tròn rõ tỳ như nền trời tạnh sạch, trăng tỏ tròn sạch, gọi là “cứu cánh tức” sám hối. Nên Ngài Thiên Thai Đại Sư nói: “lên đến bậc Đẳng giác còn phải sám hối”, thực thế.

Trong lục tức đây, “quán hạnh” thuộc về sự sám, vì hai cái thô hoặc là kiến tư chưa đoạn, với cái lý tánh chân đế còn mờ. “tương tợ tức” thuộc về lý sám, do vì đã phá rồi kiến hoặc, tư hoặc đã thấy rõ lý tánh chân đế.

Lại, quán hạnh và tương tợ đều thuộc sự sám, do vì chưa phá cái vi tế hoặc vô minh, chưa mở cái pháp tánh trung đạo, phải còn cần tu. Đến phân chứng nhãn đi, mới thuộc về lý sám, do vì đã phân phá được vi tế hoặc vô minh, đích thấy được pháp tánh trung đạo, mỗi niệm được thanh tịnh.

Nếu chúng đến Cực quả Diệu giác, thì sạch hết ba hoặc, mất hẳn hai tử (sinh tử, niết bàn tử) vẫn từ biệt vô minh phụ, tham ái mẫu, an trụ cõi thường tịch quang, pháp tánh thanh tịnh, trí huệ viên minh, tỳ như trăng đêm trung thu, vì ánh sáng đầu chẳng tròn soi.

Nên trong giáo pháp phân rành: nếu chưa đến bậc phân chứng, là duyên tu, còn đã đến bậc phân chứng là chân tu. Duyên tu là: dùng trí để duyên cảnh mà tu, vì lý sự chưa dung thông được, thì sám hối ấy thuộc về sự. Chân tu là: lấy trí xứng với lý để tu, vì lý sự dung thông với nhau, thì sám hối thuộc lý.

Than ôi! Chúng Tri Lư ngày nay, vừa ra khỏi giới đàn, đã chẳng lạy chẳng sám chẳng tụng gì hết, nghiêm nhiên ta đây là Phật tử rồi, nên thì dụng của tín thí, lại càng tham sân! Ngài Triệu Chu Đại Sư nói: “Đời nay chẳng rõ đạo, kiếp sau phải làm loài mang lông đội sừng, để đền nợ đời trước!” Xem đó há chẳng rùng mình! Nên cần phải sám hối.

Lại có nhà Nho, xem chơi sách Phật chỉ biết tin lý cao thâm, để làm tài liệu một món bác học mà thôi, đem lời Kinh Phật, để nhuận văn nhuận sắc, còn những Kinh sách nói đến sám hối và tiểu thừa thì, chẳng để ý đến, hoặc cho là dối. Thế là chỉ chuyên chấp nơi lý, mà ám muội nơi sự, chớ có biết đâu mờ tối nơi sự đó, thì với lý cũng chẳng tỏ rõ gì lắm! Ban đầu là do nơi mê đó mà chứa thành mê, kể đó do nơi tội rồi chứa thành tội, tâm càng mê

mà tội càng sâu, tội càng sâu mà mê càng chứa. Lời ngạn nói: “Thông minh trở bị thông minh trở bị thông minh lầm!” Khá vì những người ấy để ngâm vịnh.

Số là người sám hối đó, đâu chẳng là ăn năn những điều chướng ngại đã gây từ quá khứ và hiện nay, với sự chướng đã trừ rồi, là lý tánh liền sáng, Nho giả nào bỏ sự chấp lý, hoàn toàn không bái sám, không tụng niệm, hằng ngày sống ở trong hang vọng tưởng, tự hào rằng đắc bực bất sanh bất diệt đó đặng không? Không thể đặng. Vì lên đến bực Đẳng giác còn phải sám hối kia mà, huống là hạng phàm phu ư? Vậy phàm là người có trí nên tự giác sát lấy.

3 pháp sám hối của Tiểu-thừa	<b>1 Tác pháp</b>	→ Tạng kinh cho : tội trọng tội <u>khinh</u> đều được sám hối ; Tạng <u>luật</u> chẳng cho sám hối tội <u>trọng</u> chỉ cho sám hối tội <u>khinh</u>	phần trợ
	<b>2 Thủ tướng</b>	— Kinh A-Hàm nói : phạm dâm dục sám cách tưởng để năm-căn vào miệng rắn độc thì được diệt tội	
	<b>3 Vô sanh</b>	— Vô sám bằng cách : phân tích , quán tưởng không	phần chán <sup>h</sup>

1 Tác pháp sám — Trong các kinh. Pháp-Hoa, phương đẳng,

Bác-nhã, đều có hành sự, nghi thức, cốt phải hoạch định có kỳ có hạn.

Diệt cái trái giới, vì đây các nghiệp chướng báo chướng của ba ác đạo.

Trợ

2 Thủ tướng sám — Trong kinh phương đẳng có mười hai điểm

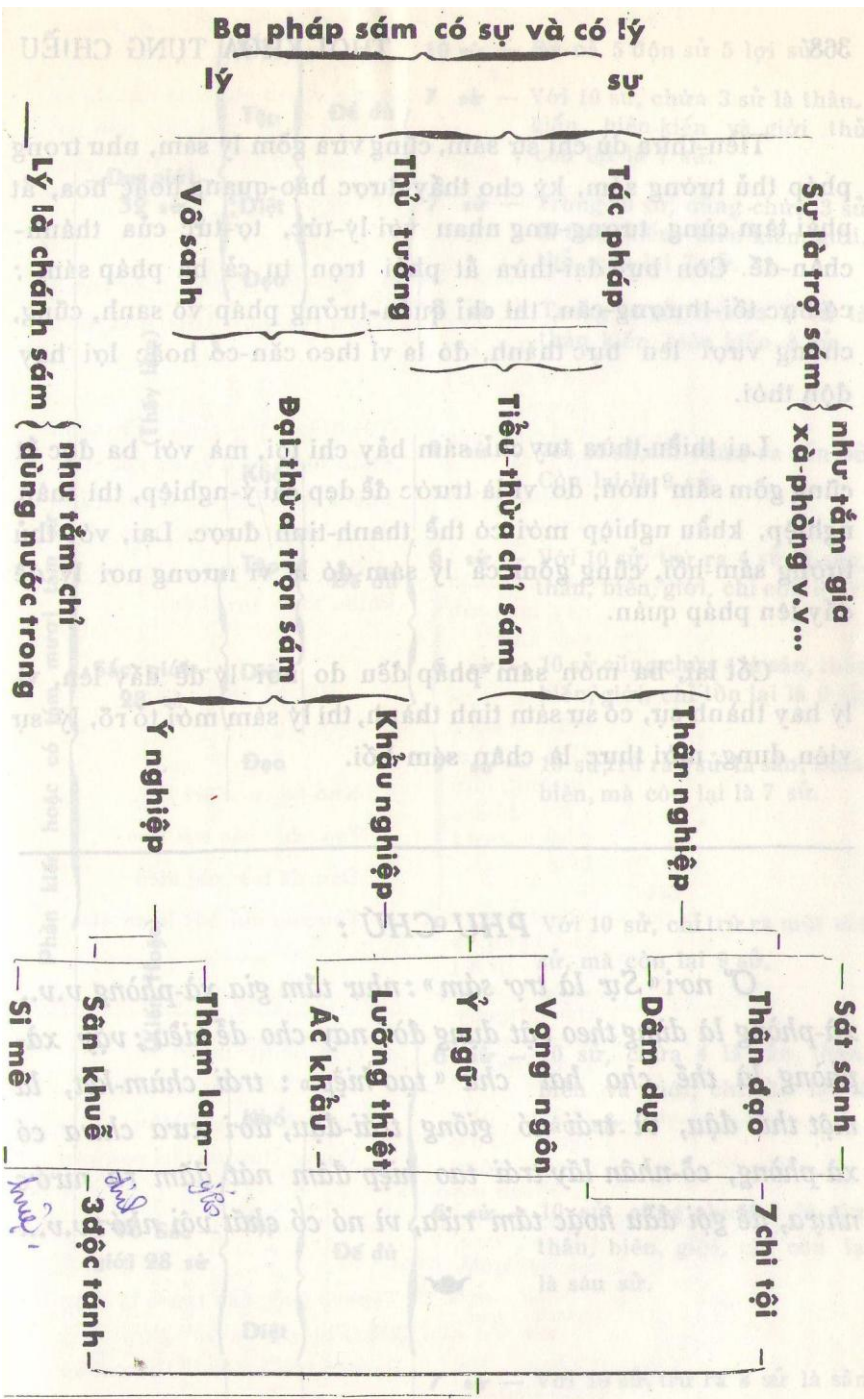
chiêm bao lớn ; kinh Bồ-tát giới nói : hoặc thấy hào quang, hoặc thấy bông hoa v.v... người sám hối nếu thấy được một trong các điểm ấy thì được tiêu diệt tội lỗi

Diệt cái phạm đến pháp định, vì đây các cái nghiệp chướng báo chướng của nhân-đạo.

3 Vô sanh sám — Người sám hối ngồi dựng ngay xương sống, tưởng niệm cái tướng chân thực.

Diệt cái phạm huệ học, vì đây các nghiệp chướng báo chướng ba giới.

Chánh



— tức gọi là mười tội ác của thân, khẩu, và ý

Tiểu thừa dù chỉ sự sám, cũng vừa gồm lý sám, như trong pháp thủ tướng sám, kỳ cho thấy được hào quang hoặc hoa, ắt phải tâm cùng tương ứng nhau với lý tức, tợ tức của thánh chân đế. Còn bực đại thừa ắt phải trọn tu cả ba pháp sám; có bực tối thượng căn, thì chỉ quán tướng pháp vô sanh, cũng chóng vượt lên bực Thánh đó là vì theo căn cơ hoặc lợi hay độn thôi.

Lại Tiểu thừa tuy chỉ sám bảy chi tội, mà với ba độc ắt cũng gồm sám luôn, do vì là trước để dẹp cái ý nghiệp, thì thân nghiệp, khẩu nghiệp mới có thể thanh tịnh được. Lại, với thủ tướng sám hối, cũng gồm cả lý sám đó là vì nương nơi lý để dấy lên pháp quán.

Cốt lại, ba món sám pháp đều do nơi lý để dấy lên, vì lý hay thành sự, có sự sám tinh thành, thì lý sám mới tỏ rõ, lý sự viên dung, mới thực là chân sám hối.

-----

#### PHỤ CHÚ:

*Ở nơi „Sự là trợ sám“: như tắm gia xà phòng v.v... xà phòng là dùng theo vật dụng đời nay cho dễ hiểu; vậy xà phòng là thế cho hai chữ „tạo hiệp“: trái chùm kết, là một thứ đậu, vì trái nó giống trái đậu, đời xưa chưa có xà phòng, cổ nhân lấy trái tạo hiệp đâm nát dầm ra nước nhựa, để gội đầu hoặc tắm rửa, vì nó có chất vôi nhớt v.v...*

□

Phần kiến hoặc có tám mươi tám sử

(Thấy lẫm)	{ Khổ Tập Diệt Đạo	} Đủ	10 sử — Đủ cả 5 độn sử 5 lợi sử.
			7 sử — Với 10 sử, chưa 3 sử là thân, kiến, biên-kiến và giới thủ còn lại là 7 sử.
			7 sử — Trong 10 sử, cũng chưa 3 sử là thân kiến, biên kiến, giới, thủ, còn lại 7 sử.
			8 sử — Trong 10 sử, trừ ra 2 sử là thân kiến, biên kiến 8 sử
(Kiến Hoặc)	{ Khổ Tập Diệt Đạo	} Đủ	9 sử — Với 10 sử, chỉ chưa ra sân sử còn lại là 9 sử
			6 sử — Với 10 sử, trừ ra 4 sử là sân, thân, biên, giới, chỉ còn 6 sử.
			6 sử — 10 sử cũng chưa 4 là sân, thân, biên, giới, chỉ tồn lại là 6 sử.
			7 sử — 10 sử, trừ ra 3 sử là sân, thân, biên, mà còn lại là 7 sử.
(Vô Sắc giới 28 sử)	{ Khổ Tập Diệt Đạo	} Đủ	9 sử — Với 10 sử, chỉ trừ ra một sân sử, mà còn lại 9 sử.
			6 sử — 10 sử, chưa 4 là sân, thân, biên và giới, chỉ tồn lại là sáu sử.
			6 sử — 10 sử, cũng chưa 4 là sân, thân, biên, giới, chỉ còn lại là sáu sử.
			7 sử — Với 10 sử, trừ ra 3 sử là sân thân biên mà còn lại là 7 sử.

10 sử

5 độn sử

5 lợi sử

- Tham** -- Đối với cảnh thuận sanh tâm yêu đắm.
- Sân** -- Đối với cảnh nghịch sanh tâm giận ghét.
- Si** -- Đối các pháp sự lý lòng không rõ hiểu.
- Mạn** -- Ý mình tay bản lãnh khi lược nơi người.
- Nghi** -- Với các pháp sự lý tin không quyết định.
- Thân kiến** -- Vì bởi thân này lại sanh ngã kiến
- Biên kiến** -- Nhân ngã dấy các điều : đoạn, thương, hữu vô, theo chấp một bên.
- Giới thủ** -- Ngoại đạo tu khổ hạnh vô ích, phi nhân xuất thế lại quây làm là nhận xuất thế.
- Kiến thủ** -- Phạm phu ngoại đạo dụng công được ích chi thực phi thánh quả, mà lại quấy chấp là thánh quả.
- Tà kiến** -- Chẳng tin Tam.Bảo bát không nhân quả.

-- Đối với những điều : gặp cảnh thuận, sanh tâm ái.trước, mà người hành đạo khó dứt đặng những quan niệm ấy, nên gọi là độn sử, tỷ như tánh trầm trọng.

Độn sử, là những điều trong tâm nó sai-khiến dẫn độn (lụt).

Với điều : gặp cảnh liền sanh phân biệt, ngời tu đạo dễ dứt, nên nói là lợi sử, tỷ như lửa ngọn nhẹ bớt lên. Lợi sử là những điều trong tâm nó sai khiến lanh lợi (bén).

-- Bài kệ 88 sử rằng :

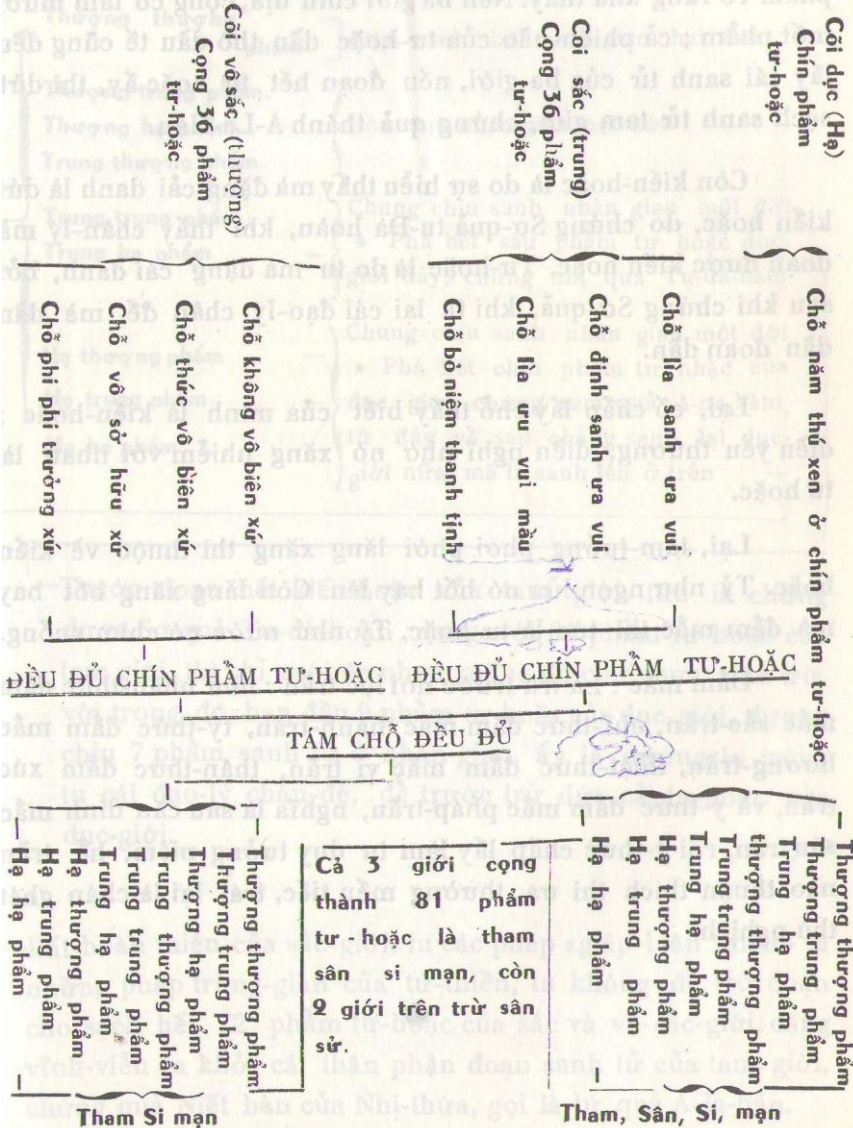
**Khổ hạ cụ nhưt thế,  
Tập diệt các trừ tam,  
Đạo đế trừ nhị kiến  
Thượng nhị bất hành sân.**

Khổ đế đủ mười sử,  
Tập, Diệt đều chừa ba,  
Đạo đế trừ hai kiến,  
Trung, thượng chả còn sân

Tập và Diệt đều trừ 3 là thân kiến, biên-kiến và giới-thủ ; Đạo đế trừ 2 kiến là thân, kiến biên kiến ; trung giới, thượng giới đều chẳng còn sân sử.



# TÁM MƯƠI MỐT PHẨM TƯ-HOẶC



Chúng sanh ở Dục giới, cái “hoặc” rất thô; chúng sanh của sắc giới và vô sắc giới, theo mỗi chỗ (địa), “hoặc” của chúng dần dần nhỏ dần; hẳn đến chúng sanh ở cõi trời phi phi tướng xứ, cái “hoặc” tuy rất nhỏ, nhưng mà với chín phẩm rõ ràng khá thấy. Nên

ba giới chín địa, cộng có tám mươi một phẩm; cả phiền não của tư hoặc dầu thô dầu tế cũng đều lấy cái sanh tử của ba giới, nếu đoạn hết tư hoặc ấy, thì dứt sạch sanh tử tam giới, chứng quả thánh A La hán.

Còn kiến hoặc là do sự hiểu thấy mà đặng cái danh là dứt kiến hoặc, do chứng Sơ quả Tu đà hoàn, khi thấy chân lý mà đoạn được kiến hoặc. Tư hoặc là do tu mà đặng cái danh, bởi sau khi chứng Sơ quả, khi tu lại cái đạo lý chân đế, mà dần dần đoạn dần.

Lại, cố chấp lấy chỗ thấy biết của mình là kiến hoặc; điều yêu thương, điều nghĩ nhớ nó xăng nhiễm với nhau là tư hoặc.

Lại, tâm tưởng phơi phới lảng xăng thì thuộc về kiến hoặc; Tỷ như ngọn lửa nó hốt bay lên. Còn lảng xăng bớt bay mà đắm mắc thì tức là tư hoặc. Tỷ như nước nó chìm xuống.

Đắm mắc: Là trú trước nơi lục trần: Như nhãn thức đắm mắc sắc trần, nhĩ thức đắm mắc thanh trần, tỷ thức đắm mắc hương trần, thiệt thức đắm mắc vị trần, thân thức đắm mắc xúc trần, và ý thức đắm mắc pháp trần, nghĩa là sáu căn dính mắc sáu trần, rồi ý thức chấp lấy làm tư duy tưởng niệm, hễ trần nào thuận thích thì ưa thường mến tiếc, trái lại là chán ghét thù nghịch.



Riêng về ngũ thú tập cư, chín phẩm tư - hoặc, nhận theo dục-giới, bảy lần sanh ở nhân-gian

<b>Thượng thượng phẩm</b>	}	Chịu sanh lại nhân-gian hai đời
<b>Thượng trung phẩm</b>		
<b>Thượng hạ phẩm</b>	}	Đều chịu nhân-gian một đời
<b>Trung thượng phẩm</b>		
<b>Trung trung phẩm</b>	}	Chung chịu sanh nhân gian một đời * Phá hết sáu phẩm tư hoặc dục-giới đây, chứng nhị quả Tư-đà-hàm
<b>Trung hạ phẩm</b>		
<b>Hạ thượng phẩm</b>	}	Chung chịu sanh nhân gian một đời * Phá hết chín phẩm tư hoặc của dục giới, chứng tam quả A-na-hàm, từ đây về sau chẳng sanh lại dục-giới nữa, mà là sanh lên ở trên
<b>Hạ trung phẩm</b>		
<b>Hạ hạ phẩm . . .</b>		

—Trước đoạn hết kiến-hoặc của tam giới, tức là chứng được Sơ-quả Tu-đà-hoàn ; song, với 81 phẩm tư-hoặc của tam giới, thì chỉ mới đề nhẹ xuống đó chứ chưa phá trừ, với trong đó, ban đầu 9 phẩm tư-hoặc của dục-giới, đương chịu 7 phẩm sanh tử ở nhân-gian, ấy là đương lo trùng tu cái đạo-lý chân-đế, đề trước trừ dứt cả tư-hoặc của dục-giới.

—Bất-hoàn thiên của sắc-giới, tu các pháp «giáp-luân thiên» là những pháp trung-gian của tứ-thiền, tu không đề trừ đoạn cho sạch hết 72 phẩm tư-hoặc của sắc và vô-sắc-giới, đặng vĩnh-viễn ra khỏi cái thân phận đoạn sanh tử của tam giới, chứng quả Niết bàn của Nhị-thừa, gọi là tứ quả A-la-hán.

**Kiến - tư - hoặc**

Là nội-hoặc của tam giới, lại tên «chi mặt vô-minh» cái vô-minh này nó làm chướng-ngại cái lý «chán-lý vô sanh trống vắng», mà chiêu lấy cái khổ phận đoạn sanh tử của lục đạo luân-hồi !

**Trần - sa - hoặc**

Trong tam giới tức là kiến-hoặc tư-hoặc ; ngoại tam giới tức là vô-minh-hoặc, đây là phi cái hoặc của tự minh, mà chính là cái hoặc của kẻ khác nó làm chướng-ngại sự hóa đạo của mình đó thôi. Bởi sao ? — Do đã chứng quả A-la-hán, với kiến-tư-hoặc của mình đã tự đoạn hết, tự tâm chân tri đã sáng rõ rồi, tự thấy được kiến-tư-hoặc của kẻ khác nó nhiều vi-trần, hà-sa, nhân đó đâm chán, sanh tướng thối lui, mất cái chỉ hóa đạo, thành thử vội chỉ bảo thủ lấy cái quả vị chân không Niết bàn.

**Vô - minh - hoặc**

Với tự tâm, không sáng hiểu chi cả, nên nói là vô-minh, lại tên là «căn-bản vô-minh» cái thể của «hoặc» này rất là vi-tế, phá được trần sa hoặc rồi, mới phá được cái hoặc vô-minh. Ước lược phân tích ra thì nó có hai mươi bốn phần, nghĩa là ; Bên Viên giáo, chứng được hậu-tâm của bực thập tín rồi, mới phá được một phần vô-minh, chứng một phần tam đức pháp-tánh, rồi mới tiến lên ngôi Sơ-trụ.

— Cứ mãi như thế, chứng một phần, phá một phần, trải qua hai trụ, ba trụ đến mười trụ, đến mười hạnh, đến mười hồi-hướng, đến mười địa, đến bực Đẳng-giác, phát khởi cái trí-quán Kim-cang, lại phá hết một phần sanh-tướng vô-minh, tức là trọn chứng quả Phật Vô-thượng Diệu-giác, là hoàn toàn sáng-suốt. Tỷ như : mặt trăng tháng trung-thu, ánh nó đâu chẳng tròn sáng khắp soi. Kêu thu nguyệt minh dương huy.

**Phận đoạn**

*sanh-tử*

*trong ba giới*

— Chúng-sanh trong tám giới lục đạo, mỗi đều có cái thân từ phần từ đoạn chẳng đồng nhau, vì thân của lục đạo, đều là do tứ-đại hợp thành, thân hình phân cách, các khổ ép ngặt, hễ sanh mạng hết, là thân phần lìa tan. Lại, tùy theo nghiệp-cảm, mà khổ vô cùng! Dẫu được sanh ở thiên-đạo, thân sạch không chắt ngại, mà nguyên lai đâu chẳng do nghiệp-hoặc của kiến và tư nó cảm thành ra thân, nhân làm được mười điều lành, và tinh-tấn tu pháp thiên thể-gian, tạm đặng tâm thanh-tịnh, nhưng hưởng hết phúc thì khổ lại sanh. Lại, ở cõi Vô-sắc, dù đặng không cái thân huyết-nhục, là chỉ không cái thân nghiệp-quả, chứ phi không cái thân định-quả, nhân cái định-lực dẻo dai kín nhặt, nên chỉ đẹp kiến-hoặc tư-hoặc chứ chưa phá đặng nó, mà tạm cảm được cái thân không huyết-nhục, sống được tám vạn kiếp lớn, có kẻ hưởng hết phúc rồi đến đọa làm con phi-ly (ông uất-dầu-lam-phất). Ôi! Thiên-hạ nói thiên-tiên đó, bắt quả từ dục thiên sắp xuống mà thôi, chớ muôn người chưa được một người đã biết đặng đến kẻ sống tám vạn kiếp lớn kia. Thế nên kiến, tư chưa dứt, thì phận đoạn chẳng thôi, phải luân-hồi vô cùng!

**Biến dịch**

*sanh-tử*

*ngoài ba giới*

— Nhân đời quả đời, bỏ ngôi sở-tục, nghĩa là Bồ-tát với chỗ nhân-địa sở tu, hễ cứ phá một phần hoặc, là sáng ra một phần tri, tức là biến cái vọng-trởng sanh-diệt, đổi làm cái chân-tâm vô-sanh.

Ba hoặc là cái nhân tạo nghiệp, hai tử (phận đoạn, biến dịch) là cái quả chịu khổ, nhân hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm quả, hoặc là do một niệm vọng động thì mỗi niệm do cảnh mà mê, đã mê thì chỗ mà mỗi niệm động lên đó, nó đều thành ra các nghiệp thiện hay ác, đã có các nghiệp, ắt chịu lấy các quả khổ hay vui, thế nên trọn ngày vọng tưởng chẳng thôi, thì quả báo sanh tử vô cùng.

Đức Di Lặc nói: “Trong một đờn chỉ, có 32 ức trăm ngàn niệm, cứ mỗi niệm thành mỗi hình, một hình chịu một quả, nếu dứt một niệm, thì thiếu một hình, từ đó dần dần, thanh tịnh khá hẹp được”.

Và lại, cái hoặc nó có khinh có trọng, nên phân làm ba hoặc, để định ngôi thứ của Thánh và Phàm.

Số là với kiến tư hoặc, thì chiêu cảm lấy cái thân phận đoạn sanh tử trong ba giới; còn với trần sa hoặc; vô minh hoặc thì chiêu cảm lấy cái thân biến dịch sanh tử ngoài ba giới.

Đoạn rồi hết kiến tư hoặc, thì chẳng còn chịu cái thân phận đoạn sanh tử, ra ngoài ba giới, đặc cái “lý thiên chân”, làm Thịnh văn thừa và Duyên giác thừa. Còn đoạn rồi trần sa hoặc là bực quyền thừa Bồ tát; đoạn từ phần vô minh hoặc là bực pháp tánh Bồ tát, đoạn sạch hết vô minh hoặc, thì làm Vô thượng Phật quả.

***Đời Tống nước Tây hạ, chùa Hộ quốc nhân vương, bộ Kim Cang, chức Pháp sư, tên Bất Động nhóm chép. (tức là: Mông sơn cam lộ Pháp sư tác thí thực văn, cũng Ngài đó)***

Tống: Chánh thống. Vua Thái Tổ họ Triệu, tên Khuôn Duẫn, người xuất thân nơi thành Lạc Dương, làm quan nhà Châu đến chức Quy-đức-quân tiết-độ-sứ điện tiền đô điếm giản, về sau, nhân trận trần kiều việc binh biến chuyển, được các tướng sĩ đồng thời tôn lên, bèn được nhà Châu nhường ngôi mà có cả thiên hạ, đóng đô nơi Biện-lương, đó là triều Bắc Tống. Truyền đến vua Khâm Tôn kể có chín vị quân chủ, mà hai vua là Huy Tôn, Khâm Tôn đều bị nước Liêu Kim bắt cầm về phía bắc, em Khâm Tôn là Khương Vương đến thành nam kinh tức vị là vua Cao Tôn. Vua Cao Tôn lại sợ giặc Kim dấy binh, nên chạy qua Lâm an dựng thủ đô, ấy là triều Nam Tống, truyền được bảy chủ rồi mất nước.

Tây hạ: do từ ban đầu nhà Đường, phía Tây bắc biện hộ họ Thác-bạc đến hàng phục, rớt nhà Đường, ông Thác Bạc Tư Cung trấn nơi Hạ Châu, bình định được giặc Hoàng Sào nên có huân

công, cho quốc tánh là họ Lý, là chức Tiết độ sứ nơi châu Hạ châu Tuy, cháu con mỗi đời được noi theo tước hàm (như Công, Hầu, Bá, Tử, Nam), đến đời Thạch về sau, chưa hề vào triều ra mắt.

Mãi đến đời Tống Thái Tổ, ông Lý Kế Bổng đem đất bốn châu: Hạ, Ngân, Tuy và Hiệu hiến cho nhà Tống, lại, các anh em họ Tàn oán giận, tình nguyện lưu lại ở luôn nơi Kinh sư của Tống, Thái Tổ ban cho quốc tánh là họ Triệu, tên Bảo Trung, cho làm sứ nơi năm châu là: Hạ, Tuy, Ngân, Hựu, và Mật. Thuở vua Chân Tôn, em ông Bổng là ông Kế Thiên đến hàng đầu, vua cho quốc tánh là Triệu Bảo Các, trao cho chức Ná-sát-sứ châu Ngân Quán không được bao lâu, y lại làm phản; cháu nội của y là ông Ngươn Hạo là một tay rất khéo dụng binh, tự xưng Hoàng đế, quốc hiệu là Hạ, tức là Tây hạ.

Từ trước lại nay, hoặc lúc hàng đầu, có khi làm phản không nhứt định, vua Tống Nhân Tôn dùng hai ông Hoàng Kỳ, Phạm Trọng Yên làm kinh lược, từ đó, bờ cõi đất Thiểm Tây mới được tạm yên, cứ mỗi năm ước định đem hai mươi lăm vạn kim để cầu hòa. Sau đến thời vua Lý Tôn bị đại binh của Bắc triều diệt đi, nước Tây hạ bèn mất.

Chùa Hộ quốc nhân vương vị trí tại Hạ châu; Bộ Kim Cang là một trong năm bộ Du Già (sẽ rõ biểu đồ tứ phương tứ Phật sau). Bất động là danh của Pháp sư, Sư nguyên là người bên Tây vực, có công tu pháp “Kim Cang bộ” rất thuần thực, và đem pháp ấy hoàng truyền ra.

Sau đã qua đến nước Hạ Châu (Tây hạ), được vị quốc chủ ở đây trọng đãi, thường tụng kinh Hộ quốc nhân vương rất linh nghiệm, do vì có lòng hộ quốc hựu dân nên Hạ-chủ tặng biển-ngạch chùa là Hộ quốc nhân vương tự.

Sư y theo kinh tam thập ngũ Phật danh, và lễ Sám-văn, trước thêm năm mươi ba Phật, sau kế tiếp Phổ Hiền thập đại nguyện kệ, cộng thành một trăm lễ tám lạy, là để kỳ cho đoạn tất một trăm lễ tám điều phiền não. Văn Mông Sơn cũng do Sư nhóm chép ra.

Than ôi! gần trăm năm lại và đến sau này nữa, các Chùa chiền am viện ở hải nội, đều tuân làm thường khoá, thế thì, với cái công huân hậu đức của Sư, há có thể ý nghĩ miệng bàn đặng ru!?

*Đại từ đại bi thương chúng sanh*

*Đại hi đại xả giúp mọi loài*

*Tướng tốt rục rờ để đẹp mình*

*Chúng con chăm lòng nghiêng mình lạy,*

Đó là khen lạy công đức thân tâm của chư Phật.

Hai câu trước: khen Phật tâm. Câu ba: khen thân Phật. Câu bốn cả chúng cúi lạy. Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn cái tâm không lường. Do bốn cái tâm đức ấy, thể nó đều giáp pháp giới, nên nói là Đại. Nghĩa là từ tâm của Phật tùy nơi căn cơ rộng ra thuyết pháp phổ thí phước vui Niết bàn, nên nói là Đại từ. Phổ biến vớt cái khổ sanh tử, nên nói là Đại bi. Hễ là chúng sanh được sự hữu ích, thì Phật tùy hỷ vui mừng, nên nói là Đại hỷ. Không ác nào chẳng bỏ, không thiện nào chẳng làm, nên nói là Đại xả.

Lại, Phật đủ ba duyên từ bi, nên nói đại từ đại bi. Tánh đã diệt sự mừng bỏ, mà đâu chẳng hỷ xả, nên nói là đại hỷ đại xả. Đề lớn của bốn tâm, lớn mà không còn chi lọt ra ngoài, với bề dọc thì tốt ba đời, với bề ngang thì giáp mười phương, nên nói là Tứ vô lượng tâm.

Mẫn (thương): lân mẫn. Tế (giúp): tế độ. Chúng sanh: các pháp (sự này vật nọ) hiệp lại với nhau để sống, thì gọi là chúng sanh, là nói: cái thân đây, nó từ nơi tinh cha huyết mẹ và nghiệp thức của mình, cả ba nhân duyên hòa hợp nhau mà sống. Lại là năm ấm mượn lẫn với nhau, ráp chung lại mà có ra cái thân, đã có thân đây, thì sanh diệt chẳng dừng, nên nói là chúng sanh (năm ấm rõ nơi bản đồ trong tâm kinh).

Hàm thức (mọi loài): giữa thế giới, từ trời đến người, dưới đến cầm thú, bò, bay, máy, cựa, phàm những loại hay cử động đó, đều hàm có hình thức (tánh biết), nên nói là Hàm thức.

Tướng hảo quang minh (tướng tốt rục rờ): Phật Ngài thị hiện ra hoặc: đại thân tướng, tiểu thân tướng, đều đủ uy đức quang minh. Tùy theo căn cơ mà hiện thân đủ có ba phẩm tướng hải, ba phẩm tôn đặc.

Chí tâm (chăm lòng): thống nhứt một lòng thành. Quy mạng lễ (nghiêng mình lạy): Ngài Bất Động Pháp Sư nhóm chép văn đây, nguyên làm một trăm tám lạy, để tiêu biểu dứt một trăm tám điều phiền não, chớ phi như ngày nay các phương chỉ quy đọc mà thôi.



<p>BA PHẨM TUỜNG HẢI</p>	<p><b>Ước về tướng</b></p>	<p><b>Thượng phẩm</b> — Tướng hảo nhiều bằng mười « Liên-hoa tạng vi-trần ».</p> <p><b>Trung phẩm</b> — Tướng hảo nhiều bằng số « tám vạn bốn nghìn ».</p> <p><b>Hạ phẩm</b> — Tướng đẹp bằng số « ba mươi hai tốt, tám mươi vẻ đẹp ».</p>
<p>BA PHẨM TÔN ĐẶC</p>	<p><b>Ước về giáo</b></p>	<p><b>Thượng phẩm</b> — Kinh Pháp-Hoa ghi ba mươi hai tướng tốt mỗi tướng đạt đến vô biên tiêu biểu, cũng là pháp-thân.</p> <p><b>Trung phẩm</b> — Quán kinh ghi tám vạn bốn nghìn tướng tốt.</p> <p><b>Hạ phẩm</b> — Kinh Hoa-nghiêm ghi cảnh dưới thụ-vương, vốn định-thân hiện ra thân đức Lô-Xá-Na.</p>

Trước hết : Đại-từ đại-bi mãn chúng-sanh.. cả  
bái kệ 4 câu 1 lay.

Nam-mô Quy-y Kim-cang thượng-sư 1 câu này 1 lay.

Quy-y Phật quy-y Pháp quy-y Tăng cả 3 câu này 1  
lay.

Ngã kim phát tâm v.v... đến Tam-miêu tam Bồ-đề  
1 lay.

Nam mô Quy-y tận hư không v.v.. đến Nhứt thế  
chư Phật 1 lay.

Nam-mô Quy-y tận hư-không v.v... đến Nhứt thế  
Tôn Pháp 1 lay.

Nam-mô Quy-y tận hư không v.v... đến Nhứt thế  
Hiền Thánh Tăng 1 lay.

Nam-mô Như-Lai ứng cúng v.v... đến Phật Thế-  
tôn 1 lay.

Với 89 hiệu Phật 89 lay (cứ một hiệu là một lay).

Từ Như-thị đẳng nhứt thế thế-giới v.v... đến Kim  
giai sám-hối 1 lay.

Từ Kim chư Phật Thế-Tôn v.v... đến Ngã kim quy  
mạng lễ 1 lay.

Từ Sở-hữu thập Phương thế-giới trung v.v..  
đến 8 câu 1 lay.

Từ Ư nhứt trần tưng trần số Phật v.v... 8 câu 1 lay

Dĩ chư tối thắng diệu hoa mang v.v... 12 câu 1 lay.

Ngã tích số tạo chư ác-nghiệp v.v... 4 câu 1 lay

Thập-phương nhứt thế chư chúng-sanh v.v...  
4 câu 1 lay.

Thập phương sở-hữu thế-gian đẳng v.v... 4 câu  
1 lay.

Chư Phật nhược dục thị Niết-bà v.v... 4 câu 1 lay

Sở-hữu lễ tán cúng-dường phúc v.v.... 3 câu 1 lay

Nguyện tương dĩ thủ thắng công-đức v.v...  
16 câu 1 lay.

Lòng Từ bi duyên ba cõi:

- Từ duyên chúng sanh... khắp xem chúng-sinh cũng như con một.
- Từ duyên các pháp... xem pháp không tánh, tùy duyên độ sanh.
- Từ duyên mà không... không tâm bỉ thử, mặc dù phổ biến.

## NAM MÔ QUY Y KIM CANG THƯỢNG SƯ

Cung kính cúi lạy ngôi Kim Cang Thượng Sư.

Đó là lạy đức Giáo chủ Thầy cả ngôi Tam Bảo vô thượng.

Tiếng Phạn: Namah – Nam. Dịch: Kính lễ, Độ ngã, Quy y. Nghĩa là lời của chúng sanh hướng về Phật, thốt tiếng chí tâm quy y tín thuận. Còn chư Phật đối với chư Phật mà xưng là Namah (Nam mô) đó, thì nghĩa là kinh-bồ: Giữ mình sợ hãi! Là nói: Với cái điều hiểm nạn sanh tử rất khá kinh sợ! Kíp phải cứu tế tất cả. Nam mô quy y là tiếng Hoa và Phạm hiệp chung lại để xưng.

Phản tà pháp là **QUY**, nương chánh đạo là **Y**, nghĩa là phản với điều sanh diệt, tà kiến của thế gian, y nơi vô thượng Tam Bảo của xuất thế gian, để cầu giải thoát.

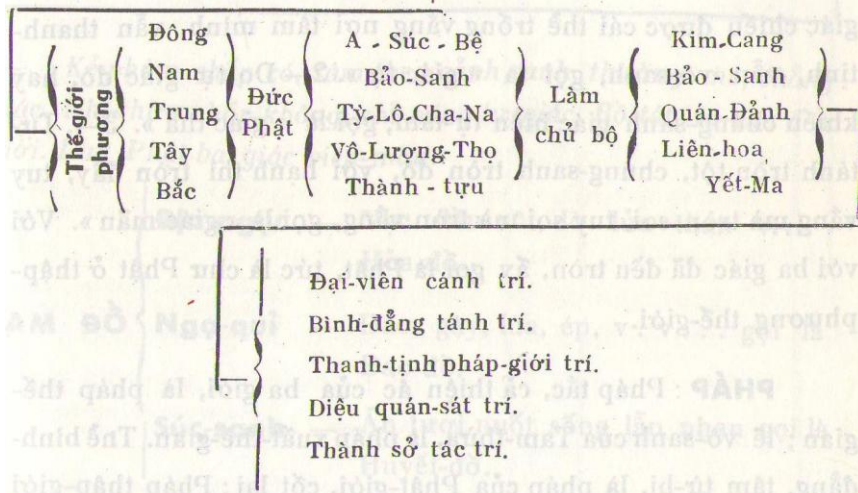
Kim Cang Thượng Sư đó, là đức Tỳ Lô Giáo chủ, tức là ngôi Nhứt thể Tam Bảo của tự tánh, làm đức Du Già Đại Bí Mật Giáo Chủ, vì ngôi Vô tận Tam Bảo do đây xuất sanh.

Lại, bốn phương bốn Phật, tất cả Thánh Hiền đều chẳng do trong tâm Tỳ lô Kim Cang đây để phát sinh ra.

Tiếng Phạn: Vairocana (Tỳ Lô Cha Na), dịch: Biến nhất thể xứ (khắp tất cả chỗ), tức là Pháp thân Phật. Nghĩa là thể của pháp tánh rất thanh tịnh giáp tròn, vì là lấy pháp giới làm thân. Số là Pháp tánh có bốn giác thường chiếu, tức là “Tự tánh Phật bảo”; Pháp tánh có vốn đủ các pháp, tức là “Tự tánh pháp bảo”; bốn giác cùng các pháp viên dung không hai, tức là “Tự tánh Tăng bảo”. Song Nhất thể Tam Bảo đây, là vị Thượng-sư-tôn của tất cả Hiền Thánh.

Tức như Kinh nói: “Pháp là Thầy của chư Phật”. Thực thể. Nay muốn cầu sám hối; ắt phải quy y trước đã.

## Bốn phương bốn Phật



Tứ phương, tứ Phật, tức là nhứt tâm tứ trí, cả bốn trí đều do trong thể thanh tịnh pháp giới trí để lưu lộ ra, mà Kim Cang Thượng Sư tức là Trung phương Tỳ Lô Cha Na thanh tịnh pháp giới trí. Lại tên là pháp tánh, tánh toàn là Trí, trí khắp pháp giới, không pháp nào chẳng đủ, tất cả hiền, thánh, đâu chẳng quán xét pháp tánh đây để thành tựu. Kinh nói “Thầy của chư Phật là pháp đây”.

*(Khoa Du già nói: Ta cùng pháp giới tất cả chúng sanh, từ nay bắt đầu kể đi, nhân đến trong thời gian chưa chứng Bồ đề, thế nguyện quy y Kim cang Tam Bảo).*

## QUY Y PHẬT, QUY Y PHÁP, QUY Y TĂNG

Đó là cú lạy ngôi Biệt tướng Tam Bảo.

Ngôi “Nhất thể Tam Bảo” thì thuần là lý tánh; ngôi Biệt tướng Tam Bảo, là sự tướng. Danh tuy có ba, Tánh chỉ một thể, thể dù là một, mà dụng thì phân thành Tam Bảo, vì đâu chẳng khắp ích cho chúng sanh.

**PHẬT:** Giác chiếu, với nghĩa phân có ba: 1. Nếu hay giác chiếu được cái thể trống vắng nơi tâm mình, vẫn thanh tịnh, vẫn vô sanh, gọi là “giác tự”; 2. Do tự giác đó, hay khiến chúng sanh giác hiểu tự tâm, gọi là “giác tha”; 3. Tự tánh tròn tốt, chúng sanh tròn

độ, với hạnh thì tròn đầy, tuy vắng mà tròn soi, tuy soi mà tròn vắng, gọi là “giác mãn”. Với ba giác đã đều tròn, ấy gọi là Phật, tức là chư Phật ở thập phương thế giới.

**PHÁP:** Pháp tắc, cả thiện ác của ba giới, là pháp thế gian; lẽ vô sanh của Tam thừa; là pháp xuất thế gian. Thể bình đẳng, tâm từ bi, là pháp của Phật giới, cốt lại: Pháp thập giới thập như nó bao quát hết cả, vì Phật thuyết ba tạng các kinh, đều nói các pháp của thập như thị.

**TĂNG:** Hòa hợp, Tăng chúng nhóm họp, hoặc nhiều hay ít, vì phải hành đạo hòa hiệp, tức như các Thánh: Bồ tát, Duyên giác, và Thanh văn, và là người phạm đi xuất gia làm tu sĩ đó.

Đối với ngôi Biệt tướng Tam Bảo, người mà năng quy y đó, thì vẫn lia được khổ tam đồ, ắt đặng quả Vô thượng Phật đạo

<b>TAM GIÁC</b>	}	<b>Tự - giác</b> ( Biết rõ tự tánh vốn không mảy ( không phiền-não sanh-tử
		<b>Giác - tha</b> ( Biết rõ tha tánh vốn không tự ( tha thánh phạm bình-đẳng.
		<b>Giác-mãn</b> ( Tự tha làm hết, sanh tử cũng ( hết biết phi có không tịch ( chiếu đều lẫn.

*Kẻ phạm chấp có, tâm theo cảnh sanh thường mê, chẳng giác. Nhị-thừa chấp không, chỉ năng tự giác. Bồ-tát tự-tha đều giới. Duy Phật ba giác viên-mãn.*

<b>TAM ĐỒ</b>	}	<b>Địa-ngục</b> — Vạc dầu sôi, lò lửa than v.v... Hỏa-đồ.
		<b>Ngạ-quỉ</b> — Dao, gậy, lừa, ép, v . v . . . gọi là Đao-đồ.
		<b>Súc-sanh</b> — Ăn tươi nuốt sống lẫn nhau gọi là Huyết-đồ.

Một Tâm đủ 10 giới 10 như 3.000 cảnh màu  
cái tâm hiện-tiền một niệm của ta nó đủ 10 pháp-giới.

Mười pháp-giới đây, mỗi mỗi lại đều đủ 10 pháp-giới thì thành 100 giới, 100 giới mỗi giới lần đủ 10 như thị	1- Địa-ngục	1. Như thị tướng	(Tức mười sáu pháp-giới, các tướng: y, chánh, lớn, nhỏ, tốt, xấu v.v...)
	2- Ngạ-quỉ	2. Như thị tánh	(Các tướng, tướng nào cũng đều có tánh phần, chẳng khác cái đời.)
	3- Súc-sanh	3. Như thị thể	(Các tướng, tướng nào cũng đều có cái thể-chất chẳng đồng với nhau.)
	4- Tu - la	4. Như thị lực	(Các tướng, tướng nào cũng đều có cái năng-lực tác dụng.)
	5- Ngươi	5. Như thị tác	(Các tướng, tướng nào cũng đều có những sự tạo-tác.)
	6- Trời	6. Như thị nhân	(Các tướng, tướng nào cũng đều có cái bản-phận đề sanh khởi.)
	7- Thanh-văn	7. Như thị duyên	(Cái tướng, sanh khởi đều nương nơi trợ-duyên thành-tựu.)
	8- Duyên-giác	8. Như thị quả	(Các hiện-tượng thiện ác lớn nhỏ đều là tùy nơi nhân đề thành quả)
	9- Bồ-tát	9. Như thị báo	(Quả chia tốt xấu là báo, như hoa đào đầy cây, tốt xấu chẳng đồng.)
	10- Phật	10. Như thị	(Tướng là bản đề làm sự bồn mặt (bồn là mặt đề thành sự cứu cánh (Các tướng đều có lý thú cứu cánh đề về chỗ cùng tột.)

{ 10 giới đã đều đủ 10 như, mà 100 thì thành 1000 như } Năm ấm đủ một ngàn như { Sử tạo } đều  
 { 100 thì thành 1000 như } Chúng-sanh đủ một ngàn như { Lý đủ } 3000  
 { 1000 như } Thế - gian đủ một ngàn như

Lý tức là tánh, sự tức là tướng, là chỗ bảo rằng 100 giới, 1.000 như, 3.000 tánh tướng, chỉ nói thế gian và xuất thế gian, thì đã bao quát hầu hết tất cả các pháp, đâu chẳng ở nơi một niệm hiện tiền của người nó thâm gồm hết. Một tâm niệm ấy, tức Tổ Thiên Thai gọi là cái cảnh chẳng nghĩ bàn, do vì không pháp nào nó chẳng đủ. Nếu người mà hay trở lại quán xét lấy một niệm ấy, mà với cái tâm năng quán, đương thể nó tức là không, tức là giả và tức là trung, với cái cảnh sở quán, đương thể nó tức chân, tức tục, và tức trung, mà với Phật địa vị ta có thể từ cấp tiến lên được.

Cái nhưt tâm hiện tiền của chúng ta đây, nó vốn đủ mười pháp giới, cái thể của mỗi giới lại đủ mười, mười lần mười là thành đặng 100 giới. Mỗi mỗi giới đủ mười như, 100 giới thì thành 1000 như, nên gọi là trăm giới nghìn như.

Lại, trải qua ba xứ là: Chúng sanh, ngũ âm, quốc độ, mỗi xứ đều 1000, như thế thì thành 3000 tánh tướng. Tánh là lý đủ 3000, tướng là sự tạo 3000 hợp lại đều ở nơi tâm một niệm hiện tiền của chúng ta vậy thôi.

Chúng ta nếu hay quán xét cái nhưt niệm hiện tiền đó, thì cái năng quán cái sở quán vẫn là nhưt như, pháp của Phật và pháp của chúng sanh đâu chẳng trọn đủ. Nên Tổ Thiên Thai làm pháp chỉ quán, phân mười thừa quán pháp: Pháp thứ nhưt tức quán xét một niệm đây nó là cảnh bất tư nghị.

**Hỏi:** Danh Nghĩa mười như như thế nào?

**Đáp:** Kinh Pháp Hoa nói: “Tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, và bốn mặt cứu cánh cả thảy như vậy”, đó là nói về cái danh. Còn về nghĩa thì chú giải rằng: “Tướng” là do cứ bên ngoài xem mà có thể biện biệt; “Tánh” là do cứ bên trong, tự phần nó chẳng đổi; chủ chất là “Thể”; công năng là “Lực”; cấu tạo là “Tác”; gây cái nhân là “Nhân”; giúp cho nhân là “Duyên”; gây cái quả là “Quả”; trả cái quả là “Báo”: cái tướng ban đầu là “Bốn”, cái báo về sau là “Mặt”, sự lý có chỗ về đến là “cứu cánh” v.v... Như thế mười như, mỗi giới lẫn đủ, nhận đến trọn ngày: một động, một tịnh, một sự, một vật gì, đâu chẳng đủ mười như ấy.

Vả lấy về giới của con người để so ra: Như hình tướng của người là “Tướng”, với tánh phận của nhân thân, chẳng thể đổi làm vật chi khác là “Tánh”: cái chất cốt nhục của nhân thân đó là

“Thê”, người có cái dụng thiện ác đó là “Lực”, dấy tạo ra thiện hay ác đó là “Tác”, tạo thiện là gây cái nhân thiện, tạo ác là gây cái nhân ác, đó là “Nhân”, gây lành ắt cần duyên lành giúp nhau, gây dữ ắt cần duyên dữ giúp nhau, đó là “Duyên”, cái nhân gây lành ắt kết quả lành; cái nhân gây dữ kết quả dữ, đó là “Quả”, báo ấy, như chỗ ra làm của người đời: về loại lành nhiều lắm, loại dữ cũng nhiều, như con người: tướng giàu mỗi mỗi chẳng đồng, tướng sang mỗi mỗi chẳng đồng, tướng nghèo, tướng hèn cũng mỗi mỗi chẳng đồng, với quả dù đều gọi là người, mà với báo thì phân ra có tốt xấu thượng hạ, đó là “Báo”, tướng người là cái “gốc” tạo nhân, chịu báo là cái “ngọn” với quả, cứu cánh quy thú: tức là cái tánh chất “Cang thường ngũ giới”, là cái lý nhân đạo chỗ về.

Đó là mười Như của Nhân giới, nói lên mười Như của Nhân giới, mà cả mười Như của chín giới (Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Thiên, Tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) kia đâu chẳng lẫn đủ, hẳn đến nói lên một máy sự chi cũng đều đủ mười Như. Bởi vì ngoài mười Như riêng không còn khá đặng một pháp nào nữa. Vậy nói lên mười giới mười Như đây, chỉ là đương một niệm của người mà thôi.

Thế nên, Tổ Thiên Thai Đại Sư dạy người chỉ quán một niệm tức không, tức giả, tức trung, thì cả mười Giới các pháp Tánh Tướng đâu chẳng đủ, nếu hay từ đây tinh tiến thì thẳng tiến lên bực Thánh không ngờ nữa.

## **PHÁP QUÁN MƯỜI THỪA**

1) Quán cảnh bất tư nghị - Tức một niệm hiện tiền, là cảnh màu sở quán.

2) Chính phát tâm bồ đề - Nương trên cảnh màu, để dấy cái thế nguyện lớn.

3) Thiện xảo an tâm chỉ quán – Khéo dùng pháp chỉ pháp quán, để an trụ lòng đạo.

4) Phá pháp khắp - Lấy ba pháp quán hay, để phá khắp cả các pháp vọng mê.

5) Biết thông tắc – Sanh diệt pháp ác đó là bế tắc, vô sanh pháp lành đó là khai thông.

6) Đạo phẩm điều thích – Ba mươi bảy đạo phẩm để điều hòa cho định và huệ quân bình với nhau.



7) Đối trị giúp mở - Với chánh đạo khó phát triển, nên cần phải có trợ đạo.

8) Biết ngôi thứ - Biết được ngôi thứ của Thánh hiền, đừng khỏi cái lỗi thượng mạn thối lui.

9) Hãy an nhẫn - Gặp cảnh thuận nghịch, tâm chẳng động, có thể tiến lên bậc Thánh.

10) Lìa pháp ái - Chớ chấp yêu pháp tương tợ, mới có thể tiến lên bậc sơ trụ pháp tánh.

<b>ĐỒNG THỂ</b> <b>Tam - bảo</b>	Chân trí bản giác _____	<b>Phật</b>
	Thực tướng lý tánh _____	<b>Pháp</b>
	Lý-trí hòa-hợp _____	<b>Tăng</b>

<b>Tánh đủ</b> <b>Tam-bảo</b>	Chúng ta cái tâm hiện-tiền	{ Ba trí linh giác _____ <b>Phật</b> Ba để các pháp _____ <b>Pháp</b> Để lý hòa-hợp _____ <b>Tăng</b>
	mặc dù với tánh còn mê	
	chớ vốn đủ	
<b>Biệt - tướng</b> <b>Tam - bảo</b>	{ Pháp-thân, Báo-thân, Ứng-thân — <b>Phật</b> Ba thân chỗ nói ra giáo - lý — <b>Pháp</b> Ngôi bực Thánh - hiện ba thừa — <b>Tăng</b>	

<b>Tiểu - thừa</b> <b>Tam - bảo</b>	Một trọng sáu kém ứng, giống cái tướng Tỳ-kheo	
	Tạng-giáo : 4 đế, 12 nhân - duyên và lục-độ	
<b>Đại - thừa</b> <b>Tam - bảo</b>	Tạng giáo : 3 thừa, và phạm-phu tăng 3 thân, 10 thân và thẳng ứng Báo-thân	
	Pháp nhị không, pháp tam-không viên-giáo, biệt-giáo	
<b>Tối-sơ Tam-bảo</b>	Viên-giáo biệt-giáo : 10 Tín, Trụ, Hạnh, Hường, Địa, Đẳng-giác	
	Thích - ca sơ thành Phật - đạo tại Lộc - dã - uyển nói pháp tứ-đế	
<b>Trụ-trì Tam-bảo</b>	Sơ độ năm Thầy Tỳ-kheo v.v.	
	Tượng bằng : vàng, gỗ, đất, giấy hoặc chặm,đắp, vẽ	
<b>Trụ-trì Tam-bảo</b>	Lá Bối, bia vàng gáy đỏ, cả đại tạng, tục-tang	
	Cạo tóc, màu đà, đầu tròn áo vuộng 10 giới	

Ngôi Đồng thể cũng gọi là ngôi Nhứt thể, là cái pháp thân của Phật. Biệt tướng của ngôi Tam Bảo, là cái tướng của Báo thân Ứng thân của Phật. Song, tánh tướng của chư Phật vốn là nhứt như, nguyên không hai ba, chỉ nhân vì căn cơ của chúng sanh có riêng biệt, nên đức Như Lai ngài đỗi trong một thể mà phân ra ba thân, Đồng và Biệt ba Bảo để ứng cơ thuyết pháp. Tuy có Đồng thể và Biệt tướng, mà đâu chẳng tại trong tự tâm của chúng ta sẵn đủ cả. Thế thì, nay quy y đây tức là quy nơi Đồng và Biệt Tam Bảo trong tự tánh.

*Con nay phát tâm sám hối đây, chẳng vì cầu cho mình sẽ hưởng phúc báo ở nhân gian và thiên thượng, hay là quả thánh Thanh văn, Duyên giác, nhằm đến các vị Bồ tát bên Quyền thừa; mà duy chỉ nương nơi bực Tối thượng thừa, phát tâm Bồ đề, để nguyện cùng pháp giới chúng sanh, đồng một thời đều đắc bực Vô thượng chánh đẳng chánh giác. (Tức là đại đạo của Phật quả; Viên giáo, bực Sơ trụ, Biệt giáo bực Sơ địa, đắc từ phần đạo đây; Viên giác bực Diệu giác mới đầy đủ đắc đạo “Vô thượng chánh đẳng biến chánh giác” đây.*

Đây là phổ vị chúng sanh mà phát nguyện.

**Con:** Người bái sám chính tự mình xưng hô. **Phát tâm:** Dấy cái tâm tu chứng lên quả Phật Vô thượng chánh đẳng biến chánh giác. **Bất vị tự cầu:** Phi như các thánh Nhị thừa chuyên vì tự cầu cho mình ra khỏi tam giới, mà là con nay khắp vì pháp giới chúng sanh một giờ đồng thành đạo Phật, **Nhân gian thiên thượng:** Nói trời và người là đã khắp trùm lục đạo, do lục đạo duy người và trời là hưởng phúc thắng hơn các đạo kia, nên riêng nói lên nhân gian thiên thượng. Song, các Trời còn có cái khổ năm suy tướng hiện, nhằm đến trời Phi phi tướng ở trên đánh thượng giới, sống rất lâu tám vạn đại kiếp, đến khi hưởng hết phúc còn đọa làm thân con chồn có cánh biết bay (là ông Uất Đầu Lam Phật đó), hưởng chi loài Người và Tu-la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục ư!?

Bởi vì chúng sanh ở Địa ngục, chịu các khổ: lửa đốt, giá lạnh v.v... không một giờ tạm ngừng, chúng sanh ở trong Ngạ quỷ cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng hề nghe đến cái tên nước cháo, thường chịu những khổ đói khát! Chúng sanh trong loại Bàng sanh, thường chịu mọi khổ giựt mình sợ hãi vì bị ăn tươi nuốt sống lẫn nhau! Các thần A tu la thường chịu cái khổ ưa chiến đấu bị

chặt tay chặt chân. Chúng sanh giữa nhân đạo, thì thường chịu mọi điều thống khổ: sanh lão bệnh tử ưu bi phiền não.!

Ví dụ tu chứng đến các thánh: Thanh văn, Duyên giác, đã ra khỏi ba giới, hết sanh tử phiền não, nhưng còn sa trệ nơi Niết bàn không tịch, không thể ra nơi cảnh giả đề độ sanh.

Dâu là bực Quyền thừa Bồ tát, đã phát khởi cái đại tâm phổ hóa chúng sanh, nhưng còn có cái vô minh hoặc chưa phá được, thì chưa phải cứu cánh.

Con nay phát tâm bái sám đây, hẳn có chút công đức nào bằng mây lông, hạt bụi, cũng phổ nguyện cả pháp giới chúng sanh một giờ đồng đắc đạo Phật Tam miệu Tam Bồ đề, đến sau đó mới thôi.

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả chư Phật.*

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả tôn Pháp*

*Cung kính cúi lạy mười phương tột cõi hư không tất cả Hiền Thánh Tăng.*

Đây là quy y các ngôi Tam Bảo nhiều đến vô cùng vô tận.

**Mười phương:** Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc và thượng phương, hạ phương.

Như từ phương Đông thẳng đi với hư không chẳng khá hết, thế giới chẳng khá hết, một thế giới là một đức Phật, thì với chư Phật chẳng khá hết, mà với Pháp bảo và Tăng bảo cũng chẳng khá hết. Đó là kể một phương đông, còn chín phương kia cũng như thế.

Thế thì với: Mười phương hư không, và ngôi Tam Bảo nữa có thể cùng tận ru!

**Tất cả:** Là lời khắp gồm. Con nay vận cái tâm làm pháp quán tưởng quy y tất cả vô tận ngôi Tam Bảo, để cầu cho ta với chúng mau thành quả Vô thượng Bồ đề.

Chỉ bởi, với “Tự tánh chân không” trong ngàn vắng lặng, lại bỗng mê mờ đi mà làm ra cái ngoan không mù tối; với tự tánh mỗi sự viên dung, lại bỗng mê mờ đi làm ra cái thế giới phân cách khác lạ nhau! Nếu hay giác ngộ trở lại, thì hiện tiền một niệm đó, vốn là tinh minh, tức là nghĩa vô tận chư Phật; hiện tiền một niệm đó, thế nó vốn trống vắng, tức là nghĩa vô biên hư không: hiện tiền một niệm đó, nó đủ các sự công đức, tức là nghĩa viên dung thế giới.

Ngài Trí Giả Đại Sư nói: “Thoạt vậy, một niệm, tức đủ pháp mười giới mười như, ngoài một niệm ra, không còn những gì bằng một sợi tóc sợi lông nữa”.

Chúng ta hiện tiền phát cái tâm quảng đại, để khắp lạy vô tận pháp giới Tam Bảo, thì với vô tận pháp giới, và vô lượng Tam Bảo, chỉ ở trong “Nhứt niệm tâm” không thiếu không dư. Như thế quán tâm lạy tụng, thì nghiệp đời trước hoàn toàn tiêu diệt, tỳ như nước sôi đổ vào khối nước đá.

***Kính lạy các đức Như Lai đủ cả mười hiệu: Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hành túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế tôn.***

Đó là xưng dương đánh lễ mười hiệu của chư Phật (88 vị Phật).

Mười hiệu là phổ thông, vì mỗi đức Phật đều đủ có cả, nên xưng trước như.

**Như Lai:** Tánh của Pháp thân, thể vẫn chẳng động gọi là Như; bi trí hiện ra thân, hào quang, diệu dụng khắp soi, gọi là Lai (tức Ứng thân và Báo thân).

Pháp thân như cõi hư không, thanh tịnh vốn sẵn, không lại không đi; bi trí như mặt nhật, sáng suốt khắp soi, đâu chẳng khắp giáp. Chúng sanh tuy thấy Phật có cái tướng ứng thân, và báo thân mà chưa thấy được pháp thân, vì pháp thân thuận và lý, hẳn không hình tướng, thường vẫn trong vắng sáng và vắng không hai, tức gọi là Như Lai.

Với ba thân: Pháp, Báo, Ứng đã rõ ở Nhị thời cúng dường nghi, và Kinh Di Đà cũng có biểu đồ.

**Ứng cúng,** Ứng: Chịu. Các thánh bậc Nhị thừa mới đoạn được phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, thoát liễu cái thân phân đoạn sanh tử, thì chỉ chịu (ứng) người và trời cúng dường, nên gọi là “Bán ứng cúng”. Đức Như Lai đã dứt trọn ba hoặc (kiến hoặc; tư hoặc; vô minh hoặc), trừ hẳn hai biên sanh tử (phận đoạn và biên dịch), muôn đức trọn thành, phúc huệ đầy đủ, khắp chịu (Ứng) chín cõi cúng dường, nên gọi “Toàn ứng cúng”.

**Chánh biến tri.** Chánh: Trung đạo. Biến: Không có hai bên. Tri: Viên dung ba trí. Vì Phật đối với hai bên, trung đạo chẳng chẳng rõ biết. bởi chúng sanh trong sáu ngã đều chấp trước nơi bên có; các Thánh trong Nhị thừa sa trệ nơi bên không; Bồ tát bên quyền thừa, trụ nơi “chỉ trung lý tánh”, các vị pháp tánh Bồ

tát, sáng lặn từ phần “tròn trung lý tánh”, bực Diệu Phật quả thì, với hai bên chẳng chấp trước, với trung đạo chẳng an trụ, rốt ráo không chỗ nào chẳng dung hòa, thế là viên dung ba đế cả.

**Minh hành tức:** Minh: tức là tam minh, nghĩa là thiên nhãn minh, thì thấy biết được cả đời hiện tại. Tức mạng minh thì thấy biết cả đời quá khứ. Lộ tận minh thì thấy biết cả đời vị lai. Hành: tức lục độ, bởi Phật từ vô lượng kiếp tu sáu độ, muôn hạnh, công chứng đến tròn tột, ba minh rộng suốt.

**Thiện thế,** Thiện: khéo. Thế: qua. Nghĩa là Phật Ngài dùng cái chánh trí phá hết ba hoặc, khéo ra nơi thế gian mà thành quả Phật, đã thành Phật quả, tuy lại cõi này hóa hiện thân ra, mà chẳng còn bị nhiễm nơi sanh tử.

**Thế gian giải:** Thế gian: là các pháp hữu lậu, xuất thế gian là các pháp vô lậu, mà những pháp ấy, trí của Phật đâu chẳng hiểu rõ sáng suốt.

**Vô thượng sĩ:** Với chín pháp giới, không một ai có thể cùng sánh vai với Phật, vì Phật là bực độc nhất vô tỷ, mà lại hay phổ biến ứng hiện cả chín giới kia.

**Điều ngự trượng phu:** Đối với chúng sanh có tánh nhu nhược, Phật ngài điều hòa khiến được đồng tiền; với kẻ có cái tánh cương cứng, Phật ngài ngự trị uốn nắn khiến cho khiêm thuận, tức là đại trượng phu điều ngự chúng sanh. Lại, thân của Phật đủ cả tướng tốt vi diệu, nên nói là Trượng phu. Trong kinh thi, lời chú rằng: Vả có cái đức phó tướng, mà có thể nương tựa, gọi là trượng phu. Phó: Sư phó; phó tướng đều là nghĩa giúp: Đem đức nghĩa ra giúp cho chúng được nương tựa. Vậy biết: Trượng phu là bực Sư phó.

**Thiên nhân sư:** Phật làm vị Đạo Sư của thiên thượng lẫn nhân gian. Lại, với chúng sanh ở bốn ác đạo thì khó tế độ, vì chúng bị nghiệp báo làm chướng ngại; với chúng sanh ở thiên đạo, nhân đạo thì dễ hóa độ, nên gọi là thiên nhân sư, vì tội hậu thân thì ở cung Trời Đâu suất để độ các trời giáng sanh xuống Ấn độ để giáo hóa chúng nhân, Phật nào cũng thế.

**Phật,** cựu dịch tất gọi Phật; tân dịch đủ gọi Phật Đà. Tiếng Phạn là Buddha (Phật Đà), dịch là Giác giả, hoặc Tri giả, Giác có hai nghĩa: giác sát và giác ngộ. Giác sát phiền não, chẳng cho nó làm hại tâm thần, tỷ như người đời giác tri kẻ làm giặc, để mà phòng, nên gọi giác sát, ấy gọi là nhất thế trí. Giác tri sự lý của các

pháp, lâu lâu phân rành, tỷ như hết mê mộng đã thức, gọi là giác ngộ, thế gọi là nứt thế chủng trí. Dù có ba giác, như biểu đồ trước đã rõ. Nghĩa là hay phổ giác chúng sanh, để về nơi chân giác.

Mười hiệu Phật phổ thông

- 1 Như Lai** — Hiệu phỏng đồng tiên đức — 3 đời chư Phật đồng một như như, Phật nào cũng đều do trong như như chân-tánh mà lại, để hóa độ chúng-sanh giữa 3 giới.
- 2 Ứng cúng** — Hiệu xiết làm phúc điền — Chịu 9 giới cúng, xiết làm ruộng phước cho chúng sanh gieo trồng căn lành trái phúc.
- 3 chánh biến trí** — Hiệu khắp biết giáp giới — 3 trí tròn sáng, khắp biết các pháp 10 phương pháp giới.
- 4 minh hành túc** — Hiệu quả hiền nhân đức—Phật quả đầy đủ : 3 minh, và nhân vạn hạnh.
- 5 thiện thế** — Hiệu diệu vắng bờ-đề — Với diệu-tánh đã biết tròn tột, thì tiến sang Bờ-đề vẫn không trở lại bến mê nữa.
- 6 thế gian giải** — Hiệu đạt nguy thông chân— Biết cái nguy 9 giới, thông cái chân Phật-tánh.
- 7 vô thượng sĩ** { Hiệu nhiếp hóa tông đạo — gồm
- 8 điều ngự trượng phu** { dạy chúng sanh đều về đạo Phật.
- 9 thiên nhân sư** — Hiệu ứng cơ trao pháp — Đối dạy ) cơ của nhân-loại, thiên-loại, để truyền trao các pháp thân và thiện.
- 10 Phật** — Hiệu giác ngộ qui chân — Giác ngộ phiền-não đều trọn về chân-tánh.
- 11 Thế Tôn** — Hiệu tam giới độc tôn — Độc nứt không bạn sách, trắng thu tròn sạch

Bộ Thành Luận, thì lấy hiệu Vô thượng sĩ và hiệu Điều ngự nhập chung làm một hiệu; Phật, Thế Tôn làm hai hiệu. vì rằng ngôi rất không trên, trọn hay điều phục chúng sanh. Còn bộ Đại luận, thì đem Vô thượng sĩ Điều ngự phân ra làm hai hiệu, Phật Thế Tôn nhập chung lại làm một hiệu. Vì rằng Thế Tôn là tổng hiệu, do đủ mười hiệu trên, thì thế xuất thế gian mới xưng là độc tôn.

Mười hiệu đây là hiệu phổ thông của chư Phật, vì Phật nào cũng đồng xưng thế. Còn như hiệu Di Đà hiệu Thích Ca v.v... là hiệu riêng của chư Phật, vì mỗi đức Phật danh đều khác.

Từ đây sắp xuống, chính là lễ bái 89 đức Phật (vì thêm đức A Di Đà, thành số tám mươi chín Phật), phân làm ba phần: 1/53 Phật, 2/35 Phật, 3/một đức A Di Đà Phật.

Với số 53 Phật, Kinh Quán Dược Vương Dược thượng nhị Bồ tát nói: Bấy giờ ông Dược thượng Bồ tát làm hành giả xưng nói đời quá khứ, danh hiệu của 53 Phật, thưa với chúng rằng “Các pháp tử! Đời quá khứ có Phật tên là Phổ Quang, kế có Phật tên là Phổ Minh, kế có Phật tên là Phổ Tịnh v.v... nhân đến kế có Phật tên Nhất Thế Pháp Tràng Mãn Vương”. Ông Dược Thượng Bồ tát thuyết kể danh hiệu của 53 đức Phật về đời quá khứ rồi, lặng thinh ngồi định.

Bấy giờ ông Dược Thượng liền từ trong định, đặng thấy bảy đức Phật Thế Tôn từ quá khứ. Đức thứ nhất là Tỳ Bà Thi Phật khen rằng: “Hay thay, hay thay! Thiện nam tử (Dược Thượng)! Người tuyên nói 53 Phật danh, bèn là về quá khứ lâu xa, các Ngài vẫn lớp cũ đã ở tại cõi ta-bà này, từng giáo hóa cho chúng sanh được thành thực, mà các Ngài đã vào cõi Niết bàn rồi. Thế có Thiện nam tín nữ và bao chúng sanh khác, được nghe danh đức của 53 Phật đây, thì người ấy suốt trăm nghìn muôn ức kiếp số A Tăng Kỳ, chẳng đọa xuống ba ác đạo. Hoặc lại có người xưng niệm danh hiệu của 53 đức Phật đây, thì người ấy luôn luôn mỗi đời sanh ra chỗ nào cũng thường đặng gặp mười phương chư Phật. Hoặc có người năng chí tâm kính lạy 53 đức Phật đây, dứt được tội tứ trọng, ngũ nghịch và tội chê bai pháp phương đặng, thấy đều thanh tịnh. Vì là vốn lời thệ nguyện của chư Phật đây. Nên người lễ kính, trong mỗi niệm liền đặng trừ diệt các tội như đã nói trên”.

Kế với Phật trước là đức Thi Khí, đức Tỳ Xá Phù, đức Câu Lưu Tôn, đức Câu Na Hàm Mưu Ni, đức Ca Diếp, các đức Như Lai trên đây, tiếp tục nhau, cũng vẫn tán dương 53 đức Phật như



thế, và cũng khen rằng: Thiện nam Tín nữ nào, năng nghe được danh đức của 53 Phật đây, và năng xưng niệm danh hiệu, và năng kính lễ nữa, năng trừ diệt tội chướng, cũng như trên đã nói.

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo đại chúng rằng: “VớI vô số kiếp về trước, ta vẫn từng ở nơi đời Mạt pháp của Đức Phật Diệu Quang, ta xuất gia hành đạo, được nghe danh hiệu của 53 đức Phật, nghe rồi hoan hỷ chấp tay, dạy cho người khác đồng nghe và giữ làm, người khác nghe rồi, lại đi lần lượt truyền trao cho kẻ nhau, từ một đến nhiều, cứ mãi như thế, đến người số 3.000 khác miệng đồng tiếng, xưng niệm lễ bái 53 hiệu Phật, do nhân duyên công đức đó, liền siêu rồi được vô số kiếp sanh tử trọng tội, đã thành một 1.000 Phật ở đời quá khứ, đời hiện tại 1.000 Phật và đời vị lai một nghìn đức Phật, thực thế. Mà ta là Thích Ca Thế Tôn đây, vớI trong 1.000 Phật đời hiện tại, làm vị Phật thứ 4 này”.

VớI hiện tại kiếp 1.000 Phật ra đời, đã rõ nơi kiếp đồ trong Di Đà Kinh.

**Ba ngàn đức Phật**

**Đời quá-khứ tên là kiếp trang nghiêm**—Đầu từ Hoa-Quang Phật, đến cuối là đức Tỳ-xá-phù, cộng là một ngàn Phật.

**Đời hiện tại tên là kiếp nhân hiền** — Đầu từ Phật Câu-Lưu-Tôn, cuối đến đức Lâu-Chí Phật, cộng là một ngàn Phật.

**Đời vị-lai tên là kiếp tinh tú** — Thủ từ đức Nhật-Quang Phật, chung đến đức Tu-Di-trương, cộng là 1.000 Phật.

Lại, Phật bảo Bửu Tích rằng: “Nguyên chur Phật hiện tại trong mười phương, như đức Thiện Đức Như Lai v.v... cũng đã từng nghe danh đức của 53 Phật, nên vớI mười phương phía nay các ngài đều đã thành Phật rồi đó”.

Chính chỗ gọi rằng: thà ở chỗ chịu tất cả khổ, mà đắc nghe danh của chur Phật, chứ chẳng chịu ở chỗ hưởng tất cả vui, mà chẳng đặng nghe danh Phật.

Nếu có chúng sanh: Muốn đặng dứt trừ 4 tội trọng dâm (sát, đạo, dâm, vọng), muốn đặng sám hối tội ngũ nghịch thập ác, muốn đặng trừ diệt cái tội cực trọng là không căn do gì mà sanh tâm hủy báng chánh pháp, mấy người ấy phải kính lạy 7 đức Phật, lại phải kính lạy 53 đức Phật, nhiên hậu khắp lạy vô lượng tất cả chư Phật ở 10 phương, luôn ngày đêm 6 giờ, lòng tưởng rành rẽ, tỳ như nước chảy, không gì trở ngại, để hành lễ pháp sám hối, lễ cơ cảm lẫn nhau, tội lỗi dứt trừ.

Phật Danh kinh nói: Cả 3.000 Phật nguyên xưa nhân lạy 53 Phật, dứt trừ hết tội lỗi đã chứa chất nhiều kiếp, mà đắc thành chánh giác đó.

1. *Kính lạy đức Phổ Quang Phật*: Hóa thân hàng trăm ngàn ức, ánh trí huệ khắp chiếu.

2. *Kính lạy đức Phổ Minh Phật*: Báo thân tròn đầy, đuốc tuệ khắp sáng.

3. *Kính lạy đức Phổ Tịnh Phật*: Pháp thân khắp giáp hư không, xưa nay vẫn thường thanh tịnh.

4. *Kính lạy đức Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Phật*: Đa Ma La Bát, dịch: Ly cầu, là tên núi Ngưu-đầu. Chiên đàn, dịch: dũ được. Nghĩa là năng trừ các bệnh, dụ phận đủ các đức, hương màu khắp xông, chúng sanh được ly cầu thanh tịnh. Ly cầu: lia dơ. Dũ được: cho thuốc.

5. *Kính lạy đức Chiên Đàn Quang Phật*: giới hương thanh tịnh, ánh sáng tròn đầy.

6. *Kính lạy đức Ma Ni Tràng Phật*: Ma Ni là ngọc báu như ý; Tràng: Phan phướn, là nghĩa cao sáng. Lại là nghĩa tột tà phụ chánh. Dụ đức của đức Phật tỳ ngọc Như ý treo trên cao, xô pháp tà xuống, nêu pháp chánh cao lên.

7. *Kính lạy đức Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bửu Tích Phật*: Kho pháp vô tận, khiến chúng vui mừng! Nhóm trí như ý, khắp độ bầy mê.

8. *Kính lạy đức Nhất Thế Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật*: hết thấy thế gian ưa cầu thấy Phật, tinh tiến bực thượng đại, thì chóng thành đạo Phật.

9. *Kính lạy đức Ma Ni Tràng Đẳng Quang Phật*: Ngọc Như Ý ánh đèn, là rõ hai trí: thực trí để chiếu lý tánh; quyền trí để chiếu căn cơ.

10. *Kính lay đức Huệ Cụ Chiếu Phật*: Hùng đuốc lửa Huệ, để chiếu phá vô minh phiền não.

11. *Kính lay đức Hải Đức Quang Minh Phật*: đức lớn rộng sâu tỷ như biển cả, ánh từ sáng tỏ soi xét không cùng.

12. *Kính lay đức Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật*: chất kim cương cứng rắn mà phục tia sáng, đức trí huệ chắc bền mà khắp chiếu xem.

13. *Kính lay đức Đại Cường Tinh Tiến Dũng Mãnh Phật*: giáp khắp nói là Đại; mười lực nói là Cường; trọn một nói là tinh; chẳng lui nói là tiến; Dũng: chẳng khiếp; Mãnh: Sấn đến trước, tu nhân đã tròn, Phật trí riêng chiếu, đại phá quần mê.

14. *Kính lay đức Đại Bi Quang Phật*: lòng bi thương giáp khắp là Đại, ánh sáng tỏa tròn đầy là Quang.

15. *Kính lay đức Từ Lực Vương Phật*: chữ Vương nghĩa là tự tại; sức Từ vô duyên (bất trụ) khắp dạy thông thỏa.

16. *Kính lay đức Từ Tạng Phật*: kho báu từ bi, nói pháp chẳng cùng chẳng tận.

17. *Kính lay đức Chiên Đàn Khốt Trang Nghiêm Thắng Phật*: thân Phật cả tám vạn bốn nghìn lỗ lông, đều rỉ rã ra mùi hương mầu chiên đàn, khắp xong cả pháp giới để làm trang nghiêm cái knots pháp thân.

18. *Kính lay đức Hiền Thiệu Thủ Phật*: Đức Như Lai là bậc hiền tài vô thượng, cả hay vượt lên đánh mười pháp giới, làm nhà thầy đứng đầu cả chúng.

19. *Kính lay đức Thiệu Ý Phật*: Nhớ cả chúng sanh đường như chur con đờ, ý lành nói pháp, đều đặn lợi ích.

20. *Kính lay đức Quảng Trang Nghiêm Vương Phật*: Rộng tu giới, định, huệ, để trang nghiêm thân Phật quả.

21. *Kính lay đức Kim Hoa Quang Phật*: Kim dụ tịnh quả, hoa dụ tu nhân, nhân bền quả tịnh, sáng rọi không lường.

22. *Kính lay đức Bửu Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật*: Cái bửu cái bằng tâm từ bi, khắp che cõi hư không: lấy cái sức tự tại, làm chúa mười giới.

23. *Kính lay đức Hư Không Bửu Hoa Quang Phật*: pháp thân thanh tịnh, dường như hư không, ánh trí sáng vẽ, như lọng hoa báu.

24. *Kính lay đức Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật*: Lưu ly dịch: ngọc báu sắc xanh, thân của Phật trang nghiêm thanh tịnh

trong suốt như báu, trong ngoài ngời sạch, bóng dáng tự tại hiển hiện.

25. *Kính lạy đức Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật*: Khắp trong pháp giới, tùy cơ hiện thân, phóng quang, như Kinh Hoa Nghiêm nói: Thân đầy nhẫy nơi pháp giới, khắp hiện trước tất cả quần sanh, sáng tròn khắp chiếu cả mười phương, thị hiện mỗi mỗi chỗ làm việc.

26. *Kính lạy đức Bất Động Trí Quang Phật*: Trí căn bản chẳng động, nên hay khắp phóng ánh trí sai biệt.

27. *Kính lạy đức Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật*: Phật ngài dùng cái sức trí vô lậu để chiến thắng các Ma, đã chịu giáo hoá rồi, đặc pháp tự tại.

28. *Kính lạy đức Tài Quang Minh Phật*: đem cái biện tài trí huệ vô ngại, để độ quần mê, và phá các phiền não.

29. *Kính lạy đức Trí Huệ Thắng Phật*: đem cái thắng lực trí huệ, khiến các chúng sanh, phá cả ba hoặc phiền não.

30. *Kính lạy đức Di Lặc Tiên Quang Phật*: Di Lặc dịch: Từ Thị, Tiên: nghĩa như chữ giác. Đem cái hào quang đại từ trí giác, để phổ chiếu chúng sanh lia hết các khổ mê mờ.

31. *Kính lạy đức Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương Phật*: Phật tánh vắng mà thường soi, soi mà nói pháp, công đức rất mầu, được cả chúng suy tôn, trí như trăng sáng lớn, khắp phá vô minh hoặc.

32. *Kính lạy đức Thế Tịnh Quang Phật*: Với thế gian của Phật đạo, đã tịnh mà quang rồi, khiến cho thế gian của chúng sanh, cũng sạch mà sáng.

33. *Kính lạy đức Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật*: Long Chủng tức là trí chủng, rồng hay nổi mây xuống mưa, Phật thường hiện thân thuyết pháp, làm đáng Vô thượng tự tại độ sanh.

34. *Kính lạy đức Nhật Nguyệt Quang Phật*: Phật thi giác như Nhật, Phật bản giác như Nguyệt, thi giác soi tốt, bản giác mở rõ, bản thi hiệp một, sáng như mặt trời, mặt trăng.

35. *Kính lạy đức Nhật Nguyệt Châu Quang Phật*: ánh nhưt thể trí như Nhật quang, ánh đạo chủng trí như Nguyệt quang, ánh nhưt thể chủng trí như minh châu, ba trí tròn suốt, sáng lẫn không ngăn.

36. *Kính lạy đức Huệ Tràng Thắng Vương Phật*: Trí huệ như cây phương cao, chiến thắng phá tan Tà ma ngoại đạo mà đắc tự tại lợi sanh.

37. *Kính lạy đức Sư Tử Hâu Tụ Tại Lực Vương Phật*: Sư tử là chúa trăm loài thú, một khi nó rống lên, thì bách thú bạt đầu; Như Lai nói pháp, chúng tà ma ngoại đạo đều kinh nép, nên đắc tự tại.

38. *Kính lạy đức Diệu Âm Thắng Phật*: Tiếng của Như Lai đủ tám giọng, không phải ở gần nghe lớn, mà ở xa nghe nhỏ, mà xa gần gì cũng đều nghe đồng một cỡ.

39. *Kính lạy đức Thường Quang Tràng Phật*: Dụng cây pháp tràng lớn rực rỡ thường chói.

40. *Kính lạy đức Quan Thế Đẳng Phật*: Ba trí xét soi, làm đèn sáng cho thế gian.

41. *Kính lạy đức Huệ Uy Đẳng Vương Phật*: Lời huệ biện vô ngại, uy vang mười phương, đèn pháp tròn soi, dung thông tự tại.

42. *Kính lạy đức Pháp Thắng Vương Phật*: Kinh nói Ta làm Pháp vương, đối muôn pháp đều được tự tại.

43. *Kính lạy đức Tu Di Quang Phật*: Tu Di, dịch: Diệu cao, do bốn chất báu hợp thành là diệu; vượt khỏi các núi là cao. Là núi chúa lớn nhất, sáng chói soi xa. Tiêu biểu Phật có bốn trí phục sáng vô cùng.

44. *Kính lạy đức Tu Ma Na Hoa Quang Phật*: Tu Ma Na Hoa, dịch xứng ý, hoa màu xẵng vàng trắng, thơm và sáng đưa xa; tiêu biểu Phật có tâm hương phục sáng, đầu chẳng vừa ý chúng sanh.

45. *Kính lạy đức Ưu Đàm Bác La Hoa Thù Thắng Vương Phật*: Ưu đàm Bác La Hoa, dịch Bông Linh Thoại, ba ngàn năm, mới trở một kỳ, là tiêu biểu Luân vương ra đời, đến kỳ Phật ra thế gian còn lâu quá hoa ấy, nói là thù thắng.

46. *Kính lạy đức Đại Huệ Lực Vương Phật*: do sức đại trí huệ tự tại thuyết kinh.

47. *Kính lạy đức A Súc Tỳ Hoan Hỷ Quang Phật*: A Súc Tỳ, dịch: bất động, dùng cái trí quang bất động, khắp khiến chúng sanh trên miền đại địa đều được vui mừng!

48. *Kính lạy đức Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật*: Phật dùng thốt ra vô lượng âm thanh, mỗi mỗi tiếng tăm lại diễn ra vô lượng lời nói.

49. *Kính lạy đức Tài Quang Phật*: biện tài thuyết pháp, phóng quang chiếu cơ.

50. *Kính lạy đức Kim Hải Quang Phật*: thân Phật sắc vàng, trong ngoài thấy suốt, ảnh hiện ra mười phương y báo chánh báo, như gương ảnh hiện phục sáng, lô nhô muôn tượng đầu chẳng hiện rõ.

51. *Kính lạy đức Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Phật*: ánh huệ hực hõ, dường núi phục thăm, phương tiện rộng nhiều như biển không cùng, là nói: với trí huệ thuyết pháp suốt thông thõa.

52. *Kính lạy đức Đại Thông Quang Phật*: Pháp lớn dung thông, hào quang khắp soi.

53. *Kính lạy đức Nhất Thế Pháp Tràng Mãn Vương Phật*: Hiệu cờ phát của chư Phật thấy đều viên mãn, hóa thân ứng cơ, khắp hay tự tại.

Với tam thập ngũ Phật, trong Đại Bửu Tích bộ quyết định Tỳ Ni kinh nói: ông Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn! các vị Bồ tát đây, với tham sân si chẳng sợ ư? Phật dạy: “Xá Lợi Phất! tất cả Bồ tát, có hai điều phạm giới, những gì là hai? 1. Sân tướng phải phạm, 2. Si tướng phải phạm, với hai điều phạm như thế, gọi là đại phá giới.

Xá Lợi Phất! Nhân lòng tham mà phạm đó, là vì nó quá ư vi tế, nên khó thể xả lìa! Nhân lòng sân mà phạm đó, là vì nó quá ư thô trọng nên dễ xả lìa! Nhân lòng si mà phạm đó, là vì nó quá ư thâm trọng, lại càng khó xả lìa.

Sờ dĩ là sao? Cái điều tham kiết nó hay làm hột giống cho các hữu (hai mươi lăm hữu), với đường sanh tử nó tràn lan kéo dài giữ liền chẳng dứt, do nghĩa đó nên khó đoạn được vì thể nó quá ư vi tế.

Nhân điều sân mà phạm đó, thì đọa nơi ác thú, nhưng có thể mau đoạn được. Nhân điều si mà phạm đó, sẽ vào trong tám sở địa ngục lớn, nên khó thể mà giải thoát đặng.

Xá Lợi Phất! nếu các Bồ tát gây nên năm điều tội, nơi ngục vô gián, mà phạm các tội khác nữa, thì Bồ tát ấy cần phải đối trước

ba mươi lăm vị Phật, luôn ngày đêm ở chỗ riêng một mình lo sốt sắng sám hối.

Kinh Bửu Tích chép: tất cả chúng sanh, nếu có phạm ngũ nghịch và thập ác, mà trong luật chẳng cho sám hối đó, dẫn đến muôn kiếp, thì ở đây, cần phải đánh lễ ba mươi lăm vị Phật, chăm lòng sám hối, liền đặng trừ diệt tất cả tội chướng.

1. Kính lạy đức Thích Ca Muru Ni Phật: Thích Ca dịch: năng nhân, ứng hoá ba giới, rộng độ chúng sanh, vì không trụ nơi cảnh vui Niết Bàn. Muru Ni, dịch: tịch mặc, cái thực trí soi lý vắng lặng thanh tịnh, vì chẳng bị nơi cảnh khổ sanh tử

2. Kính lạy đức Kim Cang Bất Hoại Phật: Trí huệ kiên cố như chất kim cang bất hoại, mà lại hay phá hoại được tất cả vật khác.

3. Kính lạy đức Bửu Quang Phật: Trí quang ngời sạch chiếu suốt không cùng.

4. Kính lạy đức Long Tôn Vương Phật: Rồng hay lên xuống biến hiện, Phật hay tùy cơ ứng hoá.

5. Kính lạy đức Tinh Tiến Quân Phật: như làm đại pháp tướng, hàng phục các Ma oán, như ba quân mãnh lực tinh tiến, hay đẩy lui oán địch.

6. Kính lạy đức Tinh Tiến Hỷ Phật: Do vì tinh tiến làm việc tự lợi lợi tha, công tròn chứng tốt, khắp đặng hoan hỷ.

7. Kính lạy đức Bửu Hoả Phật: Dùng lửa trí bửu để đốt cháy hết rừng phiền não sanh tử của tự và tha.

8. Kính lạy đức Bửu Nguyệt Quang Phật : Trăng báu tròn sạch, sáng suốt pháp giới.

9. Kính lạy đức Hiện Vô Ngu Phật: Hiện ra cái đức tướng trí huệ, vẫn không cái ngu ba hoặ.

10. Kính lạy đức Bửu Nguyệt Phật: Trăng báu đạo đi trên hư không, ánh trí chiếu nơi pháp giới.

11. Kính lạy đức Vô Cầu Phật: chân thể riêng bày bày nay thanh tịnh.

12. Kính lạy đức Ly Cầu Phật: Vẫn lia cái nhơ phiền não, thường được cái sạch chân như.

13. Kính lạy đức Đông Thích Phật: Mạnh dạng ra bố thí tài và pháp để rộng đường giáo hoá chúng sanh.

14. Kính lạy đức Thanh Tịnh Phật: Cái thực tướng thanh tịnh xưa nay vẫn giáp tròn.

15. Kính lạy đức Thanh Tịnh Thí Phật: Thí pháp thanh tịnh ba luân thể không, khắp khiến chúng sanh, đều đến địa vị Phật.
16. Kính lạy đức Ta Lưu Na Phật: Ta Lưu Na, dịch: nước cam lộ, là thuốc trường sanh bất tử, Phật pháp khiến chúng sanh vẫn vào địa vị vô sanh.
17. Kính lạy đức Thủy Thiên Phật: Nước lóng chiếu trời trên, trời dưới, lòng in lễ Phật và chúng sanh.
18. Kính lạy đức Kiên Đức Phật: Trì đức bền chắc hoá độ vô biên.
19. Kính lạy đức Chiên Đàn Công Đức Phật: Pháp thân có mùi hương công đức, khắp huân vào nơi chúng sanh.
20. Kính lạy đức Vô Lượng Cúc Quang Phật: Cúc là lột, đức Như Lai tướng tốt, lột ra ánh sáng trùng trùng vô tận.
21. Kính lạy đức Quang Đức Phật: Ánh từ khắp ích, ơn đức không hết.
22. Kính lạy đức Vô Ưu Đức Phật: Chúng đại niết bàn, vẫn lia ưu não, tự chứng công đức, khắp giáp không cùng.
23. Kính lạy đức Na La Diên Phật: Na La Diên, dịch: kiên cố, thân Phật kiên cố, dường như kim cương, không chi phá hoại.
24. Kính lạy đức Công Đức Hoa Phật: Nhân tu vạn thiện công đức như hoa mở, quả chúng ba đức chân như dường kết trái.
25. Kính lạy đức Liên Hoa Quang Du hí Thần Thông Phật: Hoa sen nở trải sáng vẽ khắp ngời, phép thần dạo chơi ứng hoá ba giới.
26. Kính lạy đức Tài Công Đức Phật: Công đức thí pháp thí tài, khắp giúp vô cùng.
27. Kính lạy đức Đức Niệm Phật: Đức từ khắp nhuần, niềm bi chẳng nghĩ.
28. Kính lạy đức Thiện Danh Xưng Công Đức Phật: công đức diệu thiện tiếng đồn khắp nghe.
29. Kính lạy đức Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật: Hồng Diệm tức là cái ánh của cây phướn bằng ngọc Xích-châu trong cung của Thiên đế, tia ngọc xạ lẫn nhau, để tỷ dụ hào quang của Phật khắp suốt.
30. Kính lạy đức Thiện Du Bộ Công Đức Phật: Đức Như Lai bước đi dường voi chúa, phàm có đạo bước xứng khéo công đức, khắp đến mười phương, ứng hoá vô lượng.



31. Kính lạy đức Đâu Chiên Thắng Phật: Phật có đủ tên trí, cung thiên, kiếm huệ, nên bốn Ma và bọn ngoại đạo nghe đến đều phải kính phục.

32. Kính lạy đức Thiện Du Bộ Phật: Sức thần túc thông của Phật không cần đến cái tướng khứ lai, mà chóng khắp mười phương để phổ hoá chúng sanh.

33. Kính lạy đức Châu Táp Trang Nghiêm Công Đức Phật: Công đức trang nghiêm giáp khắp mười phương, hoá hoá chẳng dứt, lợi ích vô lượng.

34. Kính lạy đức Bửu Hoa Du Bộ Phật: Dưới đáy (lòng) bàn chơn của Phật có cái tướng tốt như vòng tròn bánh xe một ngàn bức, bước đi có hoa báu đỡ chơn, dạo khắp mười phương.

35. Kính lạy đức Bửu Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật: Ta La, dịch: Tối thắng, và kiên cố, làm chúa loại cây, là một cây chỗ Như Lai thành đạo, nên xưng là Vương.

Hiệp với chư Phật trước, cộng thành 88 vị Phật.

**Hỏi:** Đức hiệu của chư Phật đâu chẳng lẫn đũa lẫn gôm, như thập phương hư không, khắp ngậm pháp giới, cũng như một ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn lẫn khắp với nhau, kinh Pháp Hoa nói: “Ta dùng Phật nhãn xem các người tin căn tánh có lợi, có độn, tùy theo chỗ nên độ, mỗi chỗ ta tự nói danh tự chẳng đồng, tuổi tác hoặc lớn hay nhỏ”. Thế mà ông nay lại tùy theo văn thích nghĩa ra đó, há không cái lỗi dặng một sót muôn u?

**Đáp:** Tuy không thể giải thích, cũng có kẻ từ nơi lược thích mà hiểu được tròn đủ, hoặc có người do nơi lược thích đây mà dần tiến vào cửa đạo, nên nay phương tiện giải thích ra.

Vả chẳng, danh hiệu của chư Phật, không có nhất định, nghĩa là hoặc có Phật y nơi họ mà thành lập ra danh hiệu, như đức Thích Ca, đức Di Lặc v.v... Hoặc có Phật theo nơi chữ để thành lập danh xưng như đức Vô Cấu, đức Ly Cấu v.v... Hoặc có Phật do nơi y báo để thành lập ra danh hiệu, như đức A Súc Bệ v.v... Hoặc có Phật do nơi chánh báo để thành lập ra danh hiệu như Phổ Quang v.v... Hoặc riêng dùng nơi Dụ để lập danh, nơi pháp để lập danh; hoặc dùng luôn nơi pháp dụ hiệp lại để lập danh v.v... Hoặc dùng nơi Nhân, nơi Quả để xưng danh, hoặc dùng luôn nhân quả hiệp lại để xưng danh. Hoặc có Phật thì dùng luôn cả hạnh nguyện để lập danh v.v... Như thế đâu chẳng tùy nơi Cơ để lập danh, danh dù đều khác, mà nghĩa thực trọn gôm.

Sách Pháp Uyển nói: Thích Ca, dịch: Năng nhân, há có một đức Phật nào khác lại phi năng nhân ư? A Di Đà: Răng Vô Lượng Thọ, há có một Phật nào khác lại phi trường thọ ư? Chỉ lấy hợp nơi có thuyết pháp, tùy nơi đời kiến lập, thì danh hiệu của chư Phật lẽ đều đồng nhau cả.

Kinh Hoa Nghiêm chép: mười phương các Đức Như Lai đồng chung một pháp thân, một tâm, một trí tuệ, một thập lực, một tứ vô úy, cũng thế.

Kinh Lăng Già biên: cả thầy chư Phật với bốn điều này đều đồng bực nhau: 1) Với tự đồng bực, như mười hiệu của chư Phật. 2) Lời nói đồng bực, như lời nói có sáu mươi bốn thứ giọng tiếng Phạm. 3) Thân đồng bực, như pháp thân và sắc thân. 4) Pháp đồng bực, như chánh đạo phẩm, trợ đạo phẩm.

So lại nghĩa của hai Kinh đã dẫn trên đó, thì danh đức của tám mươi chín đức Phật: số một số nhiều dung khắp, Phật kia Phật đây gồm lẫn với nhau, một Phật tức thông tất cả Phật, thích một nghĩa tức là rõ vô lượng nghĩa, thế, có nào thêm bớt chẳng viên dung ru?

89) Kính lạy đức Pháp giới Tạng Thân A Di Đà Phật.

Xâu kết hai phần nghĩa của Phật danh trước để quy về đức A Di Đà.

Quán Kinh nói: “Thân pháp giới của chư Phật Như Lai, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh” Nay pháp thân của A Di Đà Phật đây, nó (pháp thân) bao trùm cả mười phương vi trần sát độ, thế là cái kho-thân pháp-giới vô tận công đức vậy.

Với 88 Phật sau thêm A Di Đà Phật đó, là từ trước đến đây, các công đức lạy Phật, đều kết về cõi nước Cực Lạc, phải vậy. Chỉ bởi đức A Di Đà Phật có bốn mươi tám nguyện rộng sâu, nên một mình ngài thắng hơn hết, cũng cơ duyên của chúng sanh ở cõi ta-bà này. Số là những chỗ người ta ra làm được công đức gì nếu quy nhứt đặng đó, thì cái đại đạo dễ thành tựu, thế nên người mà ra làm việc Phật đó, đều do đức Di Đà làm chỗ kết quy, là chỉ có lý do thế.

Đối với lý đó, Sư Thu-Ngọc giải có bốn ý nghĩa: 1) Với danh hiệu A Di Đà Phật, khi mà một tiếng xưng lạy, hay diệt được tội nặng đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, vì ngũ nghịch tam đồ thầy đều siêu thoát. 2) Đức Di Đà tuy ở tây phương mà vẫn cũng cõi thuyền đại nguyện đến độ cõi ta-bà, vì mười niệm còn được

vãng sanh thay. 3) Từ thành Phật nhẫn lại đến nay đã mười kiếp, vì hiện giờ vẫn đang thuyết pháp, để phổ độ chúng sanh mười phương. 4) đức Thích Tôn cùng với các đức Như Lai ở mười phương đồng tán thán đức A Di Đà. Vì có bốn ý nghĩa đó, nên thêm danh hiệu đức Vô Lượng Thọ là thế. 89 đức Phật đã rồi. Dưới đây là phát lộ sám hối.

***Như thế tám mươi chín đức Phật; lại gồm cả mười phương, hết cả thế giới như vi trần, các đức Thế Tôn nhiều cũng vô lượng, các Ngài thường trú nơi thế gian, thường phóng hào quang, hằng độ chúng sanh, cúi xin các đức Thế Tôn đây phải thương nhớ chúng con.***

Đó là giữa cầu chư Phật duỗi lòng từ thương nhớ. Với chư Phật ở tất cả thế giới, đó là khắp bề ngang, thường trú ở đời; đó là tốt bề dọc. Số là, pháp thân của chư Phật, thường trú khắp, ánh từ quang xưa nay thường soi. Ngặt vì chúng sanh lấy nghiệp tự ngăn, trọn ngày thường ở trong thân Phật, mà không thấy được Phật! Tỷ như kẻ tối mắt, ở dưới ánh sáng của mặt Nhật, mà chẳng thấy được màu sắc. Bởi vì bị vọng tưởng chấp trước, sa đắm nơi đường mê đã lâu rồi mà chẳng biết lối ra! Nay hân hạnh gặp giáo lý của Phật, phải cầu thỉnh chư Phật ở đời để dung thứ cho ta sám hối.

***Hoặc con từ đời này, hoặc con từ đời trước, từ vô thí sanh từ lại nay có làm các tội; Hoặc tự làm hoặc sai người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui mừng theo.***

Đó là chung phát lộ đời trước đời này những chỗ tạo tác các tội lỗi.

Tiền sanh lại còn đời trước đời trước nữa, đời đời không hết, nên nói là từ đời vô thí (không đầu, là chả biết từ đâu là đầu, vì luân hồi nhiều kiếp quá), như thế kiếp số nhiều như vi trần, mỗi đời tạo tác tội nhiều không ngần mé, luôn cả đời nay những chỗ gây tội hoặc nhớ hoặc quên, nay đối trước Phật, tận tình thổ lộ cầu xin sám hối.

Với chỗ mà nói là các tội đó: Chúng tại gia thì các tội mười ác, năm nghịch, tội lớn tội nhỏ; chúng xuất gia thì các tội của tánh giới, cha giới, khinh giới, trọng giới.

Mình làm: Chính tự thân mình ra làm tội. Sai người làm: chỉ bảo kẻ khác làm tội. Thấy người làm mà mình vui mừng theo: Do thấy kẻ khác làm tội, hoặc nghe người làm tội mà mình ưa

thích theo sanh quan niệm hoan hỷ, khuyên khen thúc đẩy, cách này, thế nọ, để giúp thành việc làm tội.

Hoặc là: tự làm, thì thuộc thân tội, dạy làm, là thuộc về khẩu tội, theo mừng, là thuộc về ý tội. Rút lại mà nói, thì tự làm, dạy làm, mừng làm, mỗi mỗi đều lẫn gồm cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Nên nay đối trước chư Phật, hết lòng kể bày không mấy giấu che.



### **Tánh cha khinh trọng**

#### **Phạm tánh giới tội trọng**

Tánh: Quyết định, lại là nghĩa chẳng khá đổi, nghĩa là bốn trọng giới: Sát, đạo, dâm vọng nó làm căn bản cho các giới khác. Bất luận chịu ưa hay chẳng chịu ưa, hề phạm đến thì hiện đời chịu cái nạn của pháp luật nước nhà, khi chết rồi đọa vào tam đồ, không cải hay cứu gì được, phải đợi chịu khổ đến hết rồi, tội mới tiêu diệt. Với giới đây, khi Phật chưa ra đời, mà chúng sanh đã tự có sẵn, nên không luận tăng tục, nhưng tăng mà phạm đến, thì lại thêm có cái tội trái lời Phật cấm.

#### **Phạm cha giới tội khinh**

Vì là chỗ Phật ngăn cấm, sau khi phạm có thể sám hối, nhưng sau khi sám rồi, chẳng đặng tái phạm. Như giới tửu trong năm giới, sáu giới sau trong mười giới của Sa di, các giới Tăng tàn trong giới Tỳ kheo, sáu giới sau trong mười trọng của Phạm-võng, và các giới bốn mươi tám khinh, đều là những điều do Phật cấm (cha).

***Đối với của ngôi tháp, ngôi Tăng, bốn phương tăng, nếu mình lấy, dạy người lấy, thấy lấy tùy hỉ.***

Đây là riêng phát lộ những tội từ đời trước, hoặc đời nay, lấy tài vật gì của ngôi Tam Bảo.

Nói ngôi tháp, thì kiêm có luôn cả các ngôi: Tự, miếu, am viện. Tiếng phạn Stupa, hoặc nói Túy-chữ-ba, dịch: Mả-vương, dịch là: Mô-tròn, Linh-miếu. trong Kinh A Hàm ghi rõ bốn chỗ dựng tháp, nghĩa là chỗ Phật giáng sanh, chỗ Phật thành Đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ nhập niết bàn, bốn chỗ đó đều nhân nêu rõ đức của Phật, và phụng thờ Xá lợi của Phật, nên dựng ngôi tháp, Lại tự, viện, miếu, am và tháp của chư Tổ, đều là chỗ phụng thờ ngôi Tam Bảo, chỉ nên cúng dường, chẳng nên lấy một phân, một hào gì cả.

Ngôi Tăng là các đức thầy trong hàng: Tam sư, thất chứng trú trì, thầy tế độ, thầy y chỉ, và đức thầy mà ta thụ nghiệp, quý thầy ấy đều là đáng làm sư phạm cho người, ta chỉ nên cúng dường, chớ không nên trộm lấy sự vật chi của các đáng ấy.

Vật của tứ phương Tăng, là: tài vật của các nhà Tăng từ tứ phương đem lại, hoặc tài vật của nhà Thí chủ đã cúng cho các nhà Tăng ở bốn phương. Số là có hai nghĩa tứ phương: 1/ Chỉ cho Tăng chúng còn hiện tiền nơi mười phương; 2/ Hoặc quá khứ hay vị lai mà có ảnh hưởng đến tăng chúng nơi tứ phương, do vì tài vật của chiêu đề thường trú thể nó rất tốt cả ba đời cũng chỉ nên cúng, chớ chẳng nên lấy những gì bằng một mảy lông.

Trong Phương Đăng kinh, ông Hoa-Tụ Bồ tát nói: “Với những tội ngũ nghịch, thập ác, ta cũng có thể cứu được, chỉ với cái tội trộm lấy tài vật của tăng chúng, thì ta chẳng thể cứu đặng!”.

Kinh Bửu Lương chép: “Thà tự ăn lấy thịt trong thân thể của mình, chớ không nên trộm lấy tài vật của Tam Bảo”.

Luận Trí độ nói: “Kẻ trộm dầu đèn của Phật sẽ đọa vào địa ngục hắc ám, sau hết tội địa ngục, đầu thai làm người đui mắt; kẻ trộm hương của Phật, phải đọa địa ngục nê-lê, kiếp sau làm người hôi dơ; kẻ trộm tràng phan về làm áo, kiếp sau mắc báo bị thứ ghê độc ác thường chảy nang huyết”.

Thiền Sư Quỳnh Thiện sư nói: “Phàm của cải trong Chùa ít nhất là: một gói trà, một hột gạo, một phân một ly, đều là của thí chủ vì cầu phúc đức, nên đem đến cúng chùa, nếu ta có được thí cho, cũng nên đem cúng ngôi Tam Bảo, đâu đặng riêng dùng”.

Đạo Thế Pháp sư nói: “Nếu kẻ nào lấy tài vật của Chùa, để đem riêng cho nơi nhà người bạch y xài dùng, thì bị Long thiên bát bộ giận trách, cả kẻ cho người dùng đều mắc tội lỗi”.

Sách Cao Phong di sự chép: “Ngài Ngưỡng Sơn Vi Thiền sư, bẻ một mọt măng của Chùa, sau nhập định, thấy mọt măng hiện trước mặt, phải lo bồi thường và sám hối, cái hiện tượng mới diệt”.

Sách Bửu giám chép: “Chùa núi Vân-cái, Ngài Ngung Thiền sư làm chức giữ núi, nhân vì lấy tiền trai tăng đem làm Tăng đường, sau khi thác, Ngài tân trú trì, là Trí thiền sư, nửa đêm đương ngồi thoạt nghe mùi lửa cháy, kể thấy ông Ngung mang cái gông bằng lửa, nói đủ lại chuyện trước, năn nỉ yêu cầu bán Tăng đường, để lấy tiền thiết lễ trai phạn cúng chúng, mới có thể thoát

khô báo, Ngài Trí thiên sư y lời lập đàn trai tăng, đêm đó thấy ông Ngung đến tạ ơn”.

Ngài Tứ Vân sám chủ nói: “Thử xưa, tại phủ Hàng Châu (tỉnh ly Chiết Giang) vị hoá chủ Vân-lôi tháp, nhân vì đem tiền gạch mà mua ngôi, nên sau khi thác, đọa làm con cá ở Tây-hồ suốt 500 năm.

Đời Đường, niên hiệu Hưng nguon năm thứ nhất (784, Giáp Tỳ, vua Đức Tôn), xứ Hoài Tây Lộ, phủ Thọ Châu, huyện An Phong, có kẻ dân họ Mao, vợ y là họ Châu, sanh một đứa con hình tướng rất quái, vì đầu trâu, chơn lừa, tai voi, vi cá! Cha mẹ toan muốn đem trần nước chết cho rồi. Bé liền thốt tiếng người nói: Con đây nguyên đời trước không tin nhân quả, từng ở chùa Khai Nguon, phủ Lu Châu, có mượn 500 quan tiền và hai cây vải gai của thường trụ (chùa) để xài dùng, những vẫn để thiếu chịu chớ không trả, nên nay bị tội trừng phạt đây. Cúi mong cha mẹ nhận nuôi, đợi lớn đưa đến chùa để con trả nợ. Nhân đó, phải nuôi nấng đến 7 tuổi, đưa đến Chùa ở, hàng ngày quét đất để trả nợ trước, thường thường cứ tự đánh vào thân mình mà hô rằng: trả nợ! do vì lại trái (trả nợ), nên thời nhân gọi là: Mao Lại Trái. Vua Đức Tôn ngự chế bài tụng rằng:

*Kham ta Mao Trái dị nhân lưu,  
Phụ khiếm tăng tiền nghiệp báo thù  
Lưỡng phiến ngư tai liên tượng nhĩ,  
Nhứt song lư cước đới trụ đầu.  
Tiền sanh tạo ác tâm vô quý  
Kim nhứt chiêu ương khổ vị hưu.  
Vị báo hậu hiền quân tử đạo.  
Tăng tiền bất khả thiện tham cầu.*

## TẠM DỊCH

*Xiết than Mao Trái lạ hình người!  
Vì mắc nợ chùa nghiệp trả lui:  
Vi cá, tai voi đều cả cặp  
Chơn lừa, đầu lợn chiếc va đôi.  
Thử xưa gây ác lòng không thẹn  
Hiện kiếp mang ương khổ chẳng thôi*

Ngó với lớp sau: Tăng, chúng, đạo.  
Tiền Chùa xài mượn, đầy gương soi.

**Mười đức Thầy trên giới-đàn**

<b>Tam sư</b>	{ Yết-ma A-xà-lê )	là	{ Văn-Thù Bồ-tát
	{ Đắc giới bốn-sư		{ Bốn-sư Thích-Ca
	{ Hòa-thượng		{ Di-Lặc Bồ-tát
{ Giáo-thụ A-xà-lê )			{

**Thất chứng.**— Bảy vị Tôn-chứng A-xà-lê là chư Phật hiện tại mười phương.

\* Các bạn đồng học là Bồ-tát hiện tại mười phương.

Nếu muốn trọn nên ba tụ tịnh-giới, cần phải nhờ nơi Tam-sư ; cử xét bảy phi, phải trọn nương nơi Thất chứng.

Những vị làm Thập-sư, ắt phải tinh rõ luật học, nghiêm trì cấm giới mới có thể được, nếu chẳng thế, thì đắc tội thâm trọng !

**BỐN THỨ THƯỜNG - TRỤ**

**1.- Thường-trụ**

thường-trụ

Tài sản của chúng - tăng, như : chùa am, nhà trụ tất cả hoa trái cây gỗ ruộng vườn tôi tớ súc vật đồ - đạc, chẳng thông đồng chỗ khác, chỉ được thụ dụng, chẳng cho chia bán, nên nơi lập là thường-trụ thường-trụ.

**2.- Thường-trụ**

mười-phương

Vật cúng cho chúng - tăng để ăn hằng ngày, thế nó thông đồng mười phương mà chỉ cuộc ở bốn xứ thụ - dụng, còn thì để đó, sẽ cúng dường cho nạp tử các nơi đến.

**3.- Hiện - tiền hiện**

tiền

Chúng tăng vật người cúng, chỉ cúng cho tăng - chúng hiện - tiền ở chỗ này, chẳng thông đồng đến tăng - chúng ở mười phương, nên bảo hiện được thì, chỉ cúng hiện - tiền chúng - tăng, như các việc : thiệt cuộc chạy, kết duyên...

**4.- Hiện - tiền**

mười phương

Như vật của năm chúng đã qua đời, gọi là khinh vật, dù hiện - tiền mười phương đều có mỗi phần, nếu làm pháp Yết - ma chưa rồi, sau mới đến thì tuột vọng. Nên nói : chưa làm pháp Yết - ma, tăng từ mười phương đến lãnh đắc tội, làm pháp Yết - ma rồi, mà mong làm hiện tiền tăng lãnh đắc tội.

— Phải biết tài vật của Tam - bảo, đều do thi - chủ cúng, họ cầu đời sau được phước-báo an-vui, nếu trồng ruộng phước ngày nay, nếu ta làm nhân-quả một mảy sai lầm, thì nghiệp quả sẽ về thân ta chịu lấy !

**Tứ phương**

**Tăng-cúng**

{ Hiện-tiền Tăng-chúng bốn phương }

quá-khứ

Vị-lai

ảnh hưởng Tăng - chúng bốn

phương }

{ Do vì của chiêu  
đề thường - trụ  
tội ba đời.



<b>Tam tự Tịnh - giới</b>	}	1.- Giới nhiếp thiện pháp: Không thiện nào chẳng tu	}	— Là giới Đại-Thừa, nay Tỳ-kheo cũng ắt nhờ Tam-sư truyền- trao mới dựng viên- thành đủ giới đầy.
		2.- Giới nhiếp luật-nghi: Không ác nào chẳng đoạn.		
		3.- Giới nhiếp ích hữu- tình: Không chúng- sanh nào chẳng độ.		

<b>1. — Nhân phi</b>	}	Nghe kiên-chùy nhóm chúng, phải đến mà chẳng đến, phải giữ dục mà chẳng giữ dục, chẳng chọn người chúng, cố ý riêng cầm, thế gọi là duyên hoại.
----------------------	---	--

<b>2. — Pháp phi</b>	}	Bách, nhóm, hòa, tụng, tăng số chẳng hợp, giới lớp điên-đảo, chữ câu sót, rớt, tùy ý bảo thiếu v.v..., thế gọi là duyên hoại.
----------------------	---	--

<b>3. — Sự phi</b>	}	Chúng-tăng đồng ở một chỗ, nào kết đại-giới, lập giới-đàn, đều chẳng hợp pháp-chế, tụng giới hoặc thiếu hoặc đủ, thế gọi là duyên hoại.
--------------------	---	--

<b>4. — Nhân pháp phi</b>	}	Với sự dầu hợp chế, mà nhân pháp đều trái, so như trước duyên hoại.
---------------------------	---	--

<b>5. — Sự pháp phi</b>	}	Mặc dù nhân, duyên hợp, mà sự với pháp còn chẳng hợp, cũng duyên hoại.
-------------------------	---	--

<b>6. — Nhân sự phi</b>	}	Với pháp tuy không lỗi, mà nhân sự còn trái, duyên hoại vô ích.
-------------------------	---	--

<b>7. — Nhân sự pháp phi</b>	}	Cả ba điều phạm chế, thì duyên hoại cũng vô công.
------------------------------	---	--

Hễ nói Duyên hoại, tuy hành Bồ-Tát, cũng không thể ngăn ác sanh thiện gì được, mà giới pháp cũng nan thành!

Trong Luật ghi rõ: Thấy Tỳ kheo làm một trăm tám mươi bñó pháp Yết ma, đều đủ bảy điều phi, trong một Yết ma tùy phạm một phi, tức là Duyên hoại, thì việc tác pháp bất thành.

Yết ma, dịch: Tác pháp; lại nói: Biện sự, tức là biện làm các sự bồ tát. Bồ tát, dịch: Tịnh trụ, tức là nói giới, khiến cho thanh tịnh thân, khẩu, ý mà an trụ.

Giới số năm chúng	1. — Tỳ-kheo Tăng	( Dịch : Trừ-cần chúng, giữ hai trăm năm chục điều giới-luật.
	2. — Tỳ-kheo Ni	( Dịch : Trừ-cần Nữ, giữ ba trăm năm chục điều giới-luật.
	3. — Thức Xoa-ma-na	( Dịch : Học-giới Nữ, giữ sáu điều giới, sau hai năm, ắt được thụ cụ-túc.
	4. — Sa-di Nam	( Dịch : Cần-sách Nam, giữ mười điều giới cấm.
	5. — Sa-di Ni	( Dịch : Cần-sách Nữ, giữ mười điều giới cấm.

**Đối với tội ngũ vô gián: hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm mà mình vui theo.**

Đây là riêng phát lộ từ xưa đến nay đã gây tội nặng nơi Vô gián.

Ngũ vô gián tức là địa ngục lớn A-tỳ. Làm những điều ngũ nghịch, thất nghịch là cái nhân tội Vô gián, sau đọa xuống Địa ngục A tỳ là cái quả tội Vô gián, như: Giết cha, giết mẹ, giết A La hán, phá hòa hiệp Tăng, làm thân Phật ra máu, đó là năm nghịch; lại thêm giết hòa thượng, giết A xà lê, tức gọi là bảy điều nghịch.

**Nghịch:** Phản nghịch, số là giữa cõi đời, cái ân đức rất lớn là duy có cha mẹ, nên kinh nói: “Thương thương: Cha, mẹ sanh ta khó nhọc, muốn trả đức ấy, như trời cao chẳng tột!” Do vì mười tháng cưu mang, ba năm bú sù, nuôi nâng nên người. Kẻ làm con, lẽ phải: với mùa đông làm sao cho cha mẹ được ấm, mùa hạ làm

cho được mát mẻ, sự hiếu dưỡng có phương pháp, như thế trọn đời, còn chẳng xiết trả đặng thay! Mà nay trở lại nghịch ma, lại thậm chí làm điều giết hại, thế thì trời đất nào dung được nữa! Lẽ tất nhiên, sau phải đọa vào địa ngục Vô gián, chẳng đợi nói nữa!

A la hán, đã dứt hết phiền não của kiến hoặc, tư hoặc, siêu ra ngoài tam giới sanh tử, đáng được thụ lãnh sự cúng dường của người và trời, để làm ruộng phước cho thế gian, vì người và trời nếu cung kính cúng dường sẽ đắc phúc vô lượng. Thế mà nay lại làm phản giết hại đó, quyết đọa Vô gián.

Tăng chúng đương hòa hợp, đồng làm cái đạo pháp nhiệm mầu, mà có người ác nghịch nào, hoặc đem điều phi pháp ngoài đời đến để làm lụy cho chúng Tăng, khiến cho đạo pháp bất thành, hoặc mắng, chê làm cho trong chúng lìa cách, không còn hòa hợp nữa, đến nỗi thôi bỏ sự hành đạo, chúng phải giải tán, thế thì kẻ ác quyết đọa vào Vô gián.

Phật xuất hiện ra cõi đời, để hoá độ vô lượng chúng sanh, để làm ngọn đèn tam giới, để làm từ phụ cả bốn loài, đối với Phật, người vô duyên muôn kiếp cũng khó gặp! Lẽ ra chúng ta phải hướng về Phật để cầu tu học vô thượng; nay lại phản nghịch, huỷ báng, thậm chí làm cho thân Phật ra máu (sau khi Phật nhập diệt, làm những điều: huỷ đồ tượng của Phật, đập phá tượng đồng, và huỷ tượng Thánh, phá hoại chùa tháp v.v... đều đồng là tội xuất Phật thân huyết), người ấy sau khi mạng chung, vĩnh kiếp đọa mãi ở ngục Vô gián nơi mười phương thế giới!

Hòa thượng, dịch: Lục sanh, do vì lấy sức trí tuệ, khiến người sanh trưởng cái đạo chánh diệu. A xà lê, dịch: Quỷ-phạm-sư, do vì năng làm khuôn phép cho kẻ hậu học, nên noi gương bắt chước. Lại dịch: chánh hạnh, do vì hay uốn ngay đẽ từ, để trực tâm, trực hành theo. Đây có năm phẩm A xà lê.

Số là, sanh thành thân ta là cha mẹ; dạy ta khôn biết là thầy bạn; cha mẹ dùng tình ái để sanh thành ta, đó là cái ân hữu hạn ở thế gian, thầy bạn vì đạo Thánh nên dạy ta, đó là cái ân vô hạn, thành Phật ngoài thế gian. Dầu đến đâu đội trọn đời, còn chẳng hết ân được, nay lại phản nghịch sát hại, thì ắt là vĩnh đọa Vô gián.

Ngũ Vô gián ngục:

1) **Thú quả vô gián:** Thú: tức là đến, nghĩa là các chúng hữu tình, bất luận là nam nữ, lão ấu quới tiện, và trời rồng quỷ

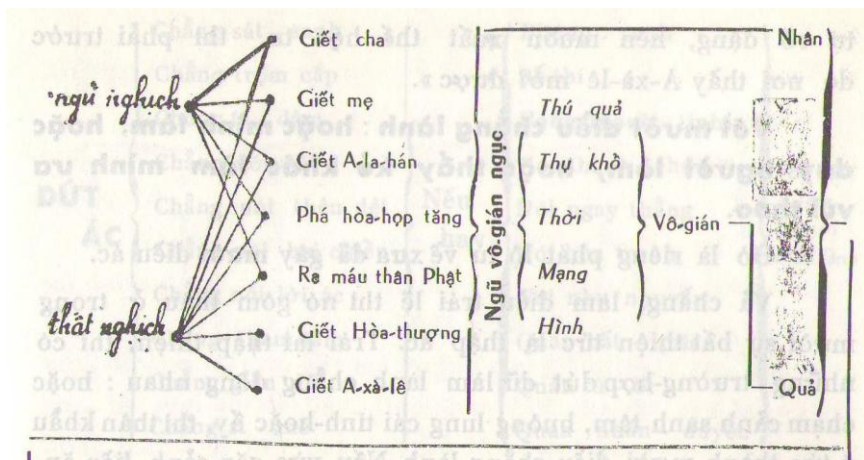
thần, hễ đã gây tội nghiệp cảm đến, thì thấy đều đồng chịu vào ngục vô gián.

2) **Thụ khổ vô gián**: Nghĩa là các chúng hữu tình, đối với các ngục: cây grom, núi đao, vạc dầu sôi, lò lửa than, nước đồng nhựa sắt, chịu đủ mọi điều tội khổ, không cho thôi nghỉ.

3) **Thời vô gián**, nghĩa: các hữu tình đọa xuống địa ngục này, trải qua vĩnh kiếp, chịu tội hành luôn luôn không giờ nào xảng hờ thôi nghỉ.

4) **Mạng vô gián** là chúng sanh đọa vào địa ngục này từ giờ mới vào cho đến trăm nghìn muôn kiếp, một ngày một đêm, muôn lần chết muôn lần sanh, mãi mãi không ngày hẹn ra.

5) **Hình vô gián**, là chu vi ngục này, bề ngang bề dọc đều rộng là tám vạn bốn nghìn dặm, tất cả chúng sanh ở trong đó chịu khổ, một người tự thấy mình bị hành tội đầy dẫy trong chu vi ấy, mà nhiều người cũng mỗi mỗi đều tự thấy bị hành tội đầy dẫy như thế.



— Ngũ-giịch thất nghịch là cái nhân tạo nghiệp, ngũ vô-gián ngục là cái quả chịu khổ báo.

- NĂM VỊ A-XÀ-LÊ**
- 1) **Xuất-gia A-xà-lê.** — Đức Thuế-độ Bồn-sur và trao cho mười giờ Sa-di.
  - 2) **Yết-ma A-xà-lê.** — Khi thụ giới Cụ-túc, vị đương đàn đứng ra làm phép bạch từ Yết-ma.
  - 3) **Giáo-thụ A-xà-lê.** — Khi thụ giới Cụ-túc, vị mà ở chỗ vắng hỏi các điều vấn nạn, dạy khiến lên đàn khất giới và dạy những điều uy-nghi.
  - 4) **Y-chỉ A-xà-lê.** — Các vị chủ trì ở các phương làm chỗ cho người y-chỉ, nhẫn đến cho ta y-chỉ ít như là một đêm đó.
  - 5) **Giáo-đọc A-xà-lê.** — Các vị dạy kinh, giải nghĩa, giảng kinh, nhẫn đến dạy cho ta ít nhất là một bài kệ 4 câu v.v...

**A xà lê:** dịch Quý phạm sư: Thầy có cái quý tặc ra khỏi thế gian, có thể làm sư phạm cho chúng sanh. Xưa nói: “ Với Phật pháp mà nếu không ai nói, dù ta có huệ cũng không thể tự rõ đặng, nên muốn xuất thế học tu, thì phải trước do nơi thầy A xà lê mới được”.

**Với mười điều chẳng lành: hoặc mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mình ra vui theo.**

Đó là riêng phát lộ từ về xưa đã gây mười điều ác.

Vả chẳng, làm điều trái lẽ thì nó gồm thâu ở trong mười sự bất thiện tức là thập ác. Trái lại thập thiện, thì có những trường hợp dứt dứt làm lành chẳng đồng nhau: hoặc chạm cảnh sanh tâm, buông lung cái tình hoặc ấy, thì thân khẩu ý tức thành mười điều chẳng lành. Nếu vừa gặp cảnh liền ăn năn xét lại, thuận theo lẽ sáng biết thành thật, thì thân, khẩu, ý tức là mười lành.

Song, thiện ác đều do nơi tâm mà phát khởi, nên tâm hành mười thiện, thì cảm đặng quả về ba đường thiện là trời, người và thần A tu la; còn tâm hành mười ác, thì cảm lấy ba ác đạo là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Kinh Chánh pháp niệm nói: “Mười điều bất thiện đây, là cái nhân của địa ngục; vậy với thập thiện đạo, chúng ta cần phải học tu, thì với ác thú kia, chúng ta vẫn không đọa lạc đến”.

<b>THẬP ÁC</b>	1.— Sát-sanh	}	Ba nghiệp của thân làm  (tự thân mình ra làm).
	2.— Thâu-đạo		
	3.— Tà-dâm		
	4.— Vọng-ngôn	}	Bốn nghiệp của miệng nói  (tự miệng mình nói ra).
	5.— Ý-ngữ		
	6.— Lưỡn-thiệt		
	7.— Ác-khâu		
	8.— Tham-dục	}	Ba nghiệp của ý tưởng  (tự ý mình nghĩ tưởng)
	9.— Sân-khủ		
	10.— Ngu-si		

<b>DỨT ÁC</b>	}	Chẳng sát - sanh	}	<b>Nếu hay</b>	}	Phóng - sanh	}	<i>Thế là làm mười điều lành</i>
		Chẳng trộm cắp				Bố-thí		
		Chẳng tà - dâm				Hạnh thanh - tịnh		
		Chẳng nói dối				Nói thành - thực		
		Chẳng nói thêu dệt				Nói ngay thẳng		
		Chẳng nói hai chiều				Nói hòa tranh		
		Chẳng nói lời ác				Nói nhu nhuyễn		
		Chẳng tham-lam				Quán bất - tịnh		
		Chẳng giận dữ				Quán từ - bi		
		Chẳng si - mê				Quán nhân - duyên		

Làm mười điều ác là cái nghiệp nhân sẽ đọa xuống ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh; hành mười điều thiện là cái nghiệp nhân sẽ lên ba đường lành là trời, người, thần A tu la.

Dứt ác, tức là không tạo ác nữa, mà cũng chẳng hành thiện, đây chỉ gọi là cái nghiệp nhân của nhơn đạo mà thôi.

Lại có thể: đã chẳng sát sanh mà lại phóng sanh, chẳng trộm cắp còn làm bố thí, chẳng dâm ô mà làm tịnh hạnh, chẳng nói dối, mà nói chân thật, chẳng nói lời thêu dệt, mà nói lời chắc ngay, chẳng nói lời miêng lưỡi đôi chiều, mà nói lời giải hòa dứt tranh chấp, chẳng nói lời thô ác, mà nói lời nhu nhuyễn, ý chẳng tham lam, và tu pháp quán bất tịnh, ý chẳng sân hận mà tu pháp quán từ bi, ý chẳng ngu si mà tu pháp quán nhân duyên. Nói tóm: đã dứt thập ác mà hành thập thiện, đó là nhân để siêu lên 6 cõi trời dục.

**NGŨ NGHỊCH, THẬP ÁC, NGŨ GIỚI,  
THẬP THIỆN ĐỀU PHÂN BA PHẨM**

	Thượng phẩm	Trung phẩm	Hạ phẩm
	Thập thiện		
	Cử cảnh — Thấy các cảnh loài nhỏ mà có thể cứu hộ.	Cử cảnh — Thấy các cảnh giết hèn hay cứu vớt	Cử cảnh — Thấy các cảnh thân hữu liên hay cứu độ
	Cử tâm — Tâm mạnh dạn tạo thiện.	Cử tâm — Tâm không mạnh không lơ tạo thiện	Cử tâm — Tâm lơ lơ tạo thiện.
	Cử giới — (Quá-hiện vì ba thời làm lành không chán.	Cử giới — Làm lành rồi có thói tâm.	Cử giới — Vừa muốn làm lành lại thói.
			Tu-la
	Thập ác		
	Cử cảnh — Vội các cảnh cha mẹ dấy cái tâm giết	Cử cảnh — Vội các cảnh lục-sức dấy cái tâm giết	Cử cảnh — Vội các cảnh nuôi-mòng dấy tâm giết
	Cử tâm — Tâm mạnh, dạn tạo ác	Cử tâm — Tâm không mạnh không lơ tạo ác	Cử tâm — Tâm lơ lơ tạo ác.
	Cử giới — Quá-hiện vì ba giờ làm ác không ăn-năn	Cử giới — Tạo ác rồi mới ăn-năn,	Cử giới — Khi vừa tạo ác vừa ăn-năn.
			Súc-sanh
			Địa-ngũ

**Cử cảnh** : Cử nơi cái cảnh bị giết đó là người hay vật, mà định điều ác, trong hay khinh. Trái lại, cử nơi cảnh cứu vi-loại là thượng thiện, cứu thân-hữu là hạ-thiện v.v... Với điều ác: Tâm mạnh-dạn làm là thượng phẩm ác, tâm lơ lơ mà làm là hạ phẩm ác v.v... tâm mạnh-dạn làm lành là thượng phẩm thiện, tâm lơ lơ làm lành là hạ phẩm thiện v.v...



***Với chỗ làm tội chường: hoặc có che giấu, hoặc chẳng che giấu.***

Đây là chung bày tỏ cái hoặc chường của ba tội (một tự làm, hai dạy người làm, ba thấy làm vui theo) trước hoặc che chường che.

Trên kia nói chỗ ra làm các nghiệp: hoặc e mình mất tài lợi danh dự đi, nên che giấu mà chẳng phát lộ ra; hoặc muốn vạch bày cái ác của người khác, để rõ điều ngay của mình, nên với chỗ làm đều tỏ bày mà không che giấu. Hoặc với lỗi lớn thì che, lỗi nhỏ thì tỏ bày. Hoặc ban đầu che mà sau lại tỏ bày, hoặc trước tỏ bày mà sau lại che. Hoặc can đảm nhỏ khiếp nhược mà che, hoặc can đảm lớn can cường mà tỏ bày.

Hễ có ra làm ác mà che đó là tội lớn, chẳng che đó là tội nhỏ. Như một cái nghiệp sát đã là trọng rồi, nếu mà giấu che đi, thì lại thêm cái tội có giấu che nữa.

Thế nên đối trước ngôi Tam Bảo và trước mặt chúng nhân, phải trực tâm thổ lộ hết ra, không mấy giấu che, mới có thể cho sám hối.

Duy thức nói: “Kẻ giấu tội, sau ắt ăn năn buồn, vì chẳng được an ổn”. Kinh Lăng Nghiêm chép: “Người nay muốn nghiên cứu đạo Vô thượng Bồ đề, để phát minh chân tánh, thì phải trực tâm trả lời những chỗ ta hỏi, người phải biết, các đức Như Lai xưa, nguyên đều lấy cái trực tâm mà đắc thành đạo”.

***Phải đọa: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, bao nhiêu ác thú khác, chốn biên địa, dòng hạ tiện, và những kẻ miệt lệ xa.***

*Đây là chung kể bày nơi văn trước về chỗ tạo hoặc nghiệp, phải theo cái nghiệp thế nào mà rước lấy cái quả báo thế ấy.*

Hai chữ “phải đọa”, nghĩa nó suốt ngay xuống đến câu “miệt lệ xa”. Là nói: văn trên rằng chỗ tạo các nghiệp, thì lẽ tất nhiên phải tùy cái nghiệp đó hoặc khinh hay trọng mà phải lãnh cái quả báo đọa ở nơi ác thú ấy, nên từ địa ngục sắp xuống bảy câu đó, là những chỗ chịu quả báo đấy.

Địa ngục: dưới quả đại địa, cách năm trăm dặm có các địa ngục lớn là tám sở ngục lạnh, tám sở ngục nóng (sẽ có biểu đồ ở văn Mông Sơn sau).

Ngục Vô gián ở lớp đây của tám ngục nóng, chúng sanh ở ngục đây này bị lửa nghiệp đốt cháy tung bùng, không giờ nào được tạm nghỉ, tội hành cứ chết đi sống lại mãi, chỉ kể một ngày

một đêm đã có muôn lần tử muôn lần sanh, nên gọi là vô gián. Còn bảy lớp ngục trên, gọi là hữu gián, vì là hoặc được có chút khi đình việc hành tội khổ.

Mỗi ngục có bốn cửa, đều có mười sáu sở du tăng (dạo thêm, là tội nhân dạo vào sở đó thì khổ lại càng thêm), khổ không thể nói! Bực nghịch ác thượng phẩm, hễ tội trọng thì sanh vào ngục vô gián, còn tội khinh thì sanh vào ngục hữu gián.

Tội báo của ngựa quý: thường ở bên nước, mà chỉ thấy toàn là lửa, hoặc có khi thấy được nước, nhưng vừa muốn uống thì nước nó liền hoá ra lửa đốt cháy cả thân thể! Như thế chịu khổ đói khát đốt cháy mãi mãi!

Bực nghịch ác hạ phẩm phải đọa, thì phân làm ba phẩm chín loại (xin xem biểu đồ ở văn Mông Sơn).

Súc sanh, cũng gọi là bàng sanh, vì thân hình nó đi day ngang xương sống, nên gọi là Bàng. Chúng ăn tươi nuốt sống lẫn nhau, thường chịu cái khổ kinh bố. Dưới nước, trên bờ, trên không, cả ba chỗ đều có chúng ở. Các ác thú khác, là chỉ cho các chỗ A tu la ở.

Chốn biên địa, là chỗ của các giống dân thiểu số ở như là: Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch, những chỗ đất ruộng muối, giống Khương, giống Hồ, bên biển, ngoài góc cùng, mấy hòn hoang đảo.

Giữa nước nhà là những nơi trung tâm thủ đô thành thị, vì trước tiên có nhiều Thánh hiền ra đời giáo hoá, có lễ nhạc, văn nhã, là những nước có chánh giáo rực rỡ tốt đẹp.

Các chốn biên địa, từ xưa nay không có Thánh nhân ra đời giáo hoá gì nên người ở các xứ ấy, chẳng biết lễ nghĩa. Tội, nông, ngây, dữ, là cái chỗ đã man ưa làm những điều giết hại loạn luân.

Kẻ hạ tiện, là như làm nô bộc bị chủ sai khiến, và bị người ta khinh khi coi hèn.

Miệt lệ xa, dịch: ác kiến, nghĩa là những kẻ chẳng tin kính ngôi Tam Bảo, chê không nhân quả, đó là phá hai điều giới và kiến: với cái tội phá ái giới, còn có thể sám hối đặng; chớ phá cái kiến giới thì chẳng cho sám hối. Nay nếu có tin kính Tam Bảo, thì cũng có thể cho sám hối được.

Kinh nói: “Phải đọa vào trong ba thú dữ, chịu cái kịch khổ trải qua vô lượng ngàn năm rồi, mới trở lại sanh nơi nhân gian làm thân con trâu, con bò, con ngựa, con lừa, thác đá. Hoặc đặng làm

người thì sanh ở bực hèn hạ, như là làm tớ trai, tớ gái cho người, chịu người lừa dối sai khiến v.v... Cũng có kẻ khi còn ở trong loài người bị thiếu nợ, sau khi mạng chung, liền sanh làm kẻ hạ tiện và ở những chỗ biên địa”.

**Như thế** từ văn trước nói: lấy tài vật của Tháp, của Tăng, gây tội ngũ vô gián, các tội thập ác, dĩ chí mắc quả báo phải ở vào **các** chỗ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các **xứ** bát nạn. Cốt yếu mà nói: hề trong cử chỉ, mà thân, khẩu, ý **chỗ ra làm tội chướng** đó, con **nay** gieo mình trước chư Phật, để mỗi mỗi phát lộ xin **đều sám hối** tất cả.

Đây là tóm kết nhần trên, với các tội, mỗi mỗi đều sám hối.

Như thế, là chỉ nói về trước. Các chỗ, là lời gồm bề rộng. Nay đã có lòng tin, mà chẳng gói giấu các điều tì vết, thì với chỗ ra làm các tội phá kiến giới, ái giới chẳng chẳng sám hối.

Quán Kinh nói: “Vì khen ngợi uy đức của A Di Đà Phật người này nghe rồi, dứt đặng tội sanh tử từ tám mươi ức kiếp, địa ngục lửa dữ hoá làm gió mát, gió thổi hoa trời, trên hoa có đức Hoá Phật đến rước tiếp người này”. Lại nói: “Chí tâm xưng mười niệm: Nam mô A Di Đà Phật, vì xưng danh của Phật, với mỗi niệm trừ được tội trong đường sanh tử từ tám mươi ức kiếp, thấy hoa sen vàng hiện ở trước mặt, với trong một niệm, liền sanh sang nước Cự Lạc”.

Đó chỉ xưng và lạy có một đức Phật, mà công đức còn được như thế, huống chi lại xưng và lạy cả danh của 89 Phật ư? Nay thì sám trừ tội chướng, tỷ như gió thổi quét đất, mảy muốn lông rác gì cũng không còn.

**Nay** chúng con ngửa cầu cả 89 Đức Phật và cùng tận pháp giới hết thấy **chư Phật Thế Tôn** sẽ lấy trí lực **chúng** minh cho chúng con, lấy mắt từ xem **biết** cho chúng **con**, lấy tâm từ bi ghi **nhớ** tướng **niệm** chúng **con**, khiến chúng con sám hối, đem lại được thanh tịnh như xưa.

Đây là cần cầu chư Phật chứng minh và tự niệm cho việc lành sẽ trình bày sau này.

Nay ta dù thuộc về một cá nhân cầu sám, nhưng vụ tất là đầy cái tâm quảng đại để thay vì tất cả chúng sanh mà cầu sám, nên nói là chúng con. Số là chư Phật đủ pháp tam minh; nghĩa là một Thiên nhãn minh, để chứng cho ta việc hiện tiền sám hối; hai

Túc mạng minh, để xem biết căn lành đời trước của ta; ba Lậu tận minh, để mãn niệm ta sau này được tăng tiến trên đường đạo.

**Con lại đối trước chư Phật Thế Tôn, thốt lời** trình các căn lành dưới đây **như vậy**: hoặc **con đời này, hoặc con ở trong các đời khác, đã hành pháp bố thí. Hoặc đã giữ được giới thanh tịnh. Nhấn đến** trong thời gian đó, đã làm được các việc: đốt hương, rải hoa, nhen đèn, quét đất, cúi đầu, chấp tay, đánh lễ, tán thán, tụng kinh, trì chú, tu thiền, cho đến ít nhất là **một vát cơm đem cho súc sanh** và các loại nhỏ. Chỗ có công đức hoặc lớn hoặc nhỏ, cầu Phật chứng minh. Và lại đời này hoặc đời khác **đã từng tu tịnh hạnh, chỗ có căn lành** được phần nào; hoặc đã từng phát tâm để khuyến hoá, **thành tựu** cho **chúng sanh** khiến chúng gieo nhân lành, **chỗ có cái căn lành** khuyến hoá được là bao; hoặc đã **tăng tu hành** đạo Phật **bồ đề, chỗ có căn lành** được chừng mấy; **nhấn kịp** đã **tăng phát** cái tâm để **chứng trí Phật vô thượng, chỗ có cái căn lành** của sơ phát tâm đó, là được như thế nào. Nhấn trên: từ nay và xưa những chỗ tu mỗi mỗi đã kê bày ra như thế đó, đều cầu Phật chứng minh, mãn niệm cho, khiến cho chúng con đều được tăng trưởng phần đạo.

Đây là kê bày từ đời nay đến các đời khác đã **tăng** làm các việc lành.

Từ câu “thốt lời trình các căn lành dưới đây như vậy” nghĩa nó suốt trùm xuống đến câu “kịp đã từng phát cái tâm để chứng trí vô thượng chỗ có căn lành”.

Đời này là đời hiện nay, các đời khác, nghĩa là đời trước lại còn có đời trước nữa, đời đời không cùng tận, tức là từ vô thủy kiếp đến nay.

Nay phát lòng tin, ắt nhờ đời trước đã gieo hạt giống lành chứa nơi ruộng lòng, nên nay mới có thể tin được như thế.

Kinh Kim Cang nói: “Đối với câu bài đây, người mà năng sanh lòng tin, lấy đó làm chắc, phải biết người ấy, chẳng những chỉ nơi chỗ: một Phật, hai Phật, ba, bốn, năm Phật mà trồng căn lành, mà đã **tăng ở chỗ**: vô lượng ngàn muôn Phật, trồng các căn lành, nên nghe bài câu đây, **nhấn đến** một niệm sanh lòng tịnh tín đó, thì Như Lai này đều thấy đều biết chúng sanh ấy có tất cả căn lành đó” thật thế.

**Giới thanh tịnh**: thân tâm chẳng phạm là thanh tịnh; ngũ phi dứt ác là giới; tức là: Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, Cụ túc

giới, và Bồ tát giới (tức kinh Phạm-võng, mười trọng giới, 48 khinh giới, ắt phải mỗi giờ thường thường gìn giữ, như giữ ngọc minh châu, không cho tổn thất một mảy).

Đây kê lên: bố thí, trì giới, tức là thứ nhất thứ nhì trong sáu độ. Nhấn đến: là lời vượt xôi qua.

Thí cho súc sanh đó, như có người lấy cơm dâng Phật, bảy giờ, ở dưới có con chó nó mừng đánh đuôi ngừng ngoảnh, Phật ngài sót ra một phần cho nó ăn, rồi Phật hỏi đệ tử rằng: “Cúng Phật có công lớn, hay thí cho súc có công lớn?” Đệ tử thưa: “Cúng Phật công lớn”. Phật nói “Công ấy vẫn bằng bực là lẽ sao? Phật vốn không ăn, do người phát tâm cúng dường, nên công đức vô lượng, con súc khi nó thấy người ăn, thì tâm nó mỗi niệm muốn ăn, nếu cho nó một phần ít, công đức cũng rất lớn, có thể kết được duyên lành qua đời sau sẽ độ nó giải thoát”.

Trong kinh lại chép rõ: với bày kiến, lấy một ít đồ ăn thí cho nó công cũng rất lớn v.v...

**Hạnh thanh tịnh:** Đạo được nhuần, tâm được chuyên nhất là tịnh; rèn luyện sửa tập là hạnh. Nói lược, thì là giới, định, và huệ, nói rộng thì 37 đạo phẩm, tứ đế, 12 nhân duyên, các hạnh lục độ v.v.. nhấn đến tám vạn bốn ngàn các cửa ba la mật đều là đạo pháp để tu hành. Lại, không che giấu, với chẳng che giấu, là nghĩa của tịnh hạnh.

**Thành tựu chúng sanh:** Thí cho tài vật, khiến chúng không thiếu thốn, thí cho pháp môn, khiến chúng tu đạo lành thí cho điều không sợ, khiến chúng chẳng kinh hãi.

Bồ đề, cựu dịch; đạo, tân dịch: giác. Nghĩa là giác chiếu nơi tự tâm, để hành đạo vô thượng. Hoặc y nơi pháp thất bồ đề phần, và tam bồ đề mà tu, do cái sơ phát tâm chẳng giữ được bền chắc, nên đời nay hãy còn chịu cái khổ sanh tử.

Trí Phật vô thượng, Phật: Trí, tức là như thể trí, và đạo chủng trí, như thể chủng trí.

Chỗ có căn lành, là chỉ các việc và tất cả căn lành đã kê bày trên.

<b>B A T R Í</b>	}	1- Nhất thể-trí	$\left. \begin{array}{l} 10 \text{ pháp-giới tất cả các} \\ \text{pháp danh-tự lớn nhỏ} \\ \text{đâu chẳng rõ biết.} \end{array} \right\}$	$\left. \begin{array}{l} \text{Do phá kiến tư hoặc} \\ \text{mà hiển ra.} \end{array} \right\}$	} vị ở nhị- thừa	
		2- Đạo - chủng- trí	$\left. \begin{array}{l} \text{Năng dùng đạo pháp của} \\ \text{chư Phật phát khởi căn} \\ \text{lành cho chúng-sanh.} \end{array} \right\}$	$\left. \begin{array}{l} \text{Do phá trần-sa-hoặc} \\ \text{mà hiển ra} \end{array} \right\}$		} vị ở bồ- tát
		3- Nhất-thể chủng-trí	$\left. \begin{array}{l} \text{Cái trí biết một pháp,} \\ \text{tức năng tròn biết tất cả} \\ \text{pháp đạo, tất cả chủng.} \end{array} \right\}$	$\left. \begin{array}{l} \text{Do phá vô-minh-hoặc} \\ \text{mà hiển ra} \end{array} \right\}$		

Với ba trí của Biệt giáo thì so theo đây; còn ba trí của Viên giáo thì hễ cử một tức là ba, mà nói ba là gồm một, ba với một nó viên dung với nhau, lẽ rất vi diệu khó nghĩ bàn.

Vấn trên chỗ nói: nay, xưa đã làm **tất cả** căn lành lớn và nhỏ, **hợp** lại mà **nhóm**, sánh so mà **kể**, dùng chiếc **thẻ** mà **lường**, mỗi mỗi **thầy đều hồi hướng lên cái giác đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác**. Là lẽ phải vậy. Song cái pháp hồi hướng đây, cũng đồng **như** cái pháp hồi hướng của **chư Phật đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai đã làm, con nay cũng học theo cái pháp** của chư Phật **hồi hướng như thế** mà hồi hướng đó, mới hợp cách với quả tam miệu tam bồ đề.

Đây là kết đời nay đời trước, chỗ làm thiện căn, đều bắt chước chư Phật hồi hướng về đạo Phật.

Nay, xưa từng làm thiện căn là cái nhân tu, còn tam miệu tam bồ đề là quả Phật. Việc lành bằng một mảy lông, tuy nhỏ, mà thẻ của nó vốn khắp, tỷ như một chút nước biển dính đầu sợi lông, tánh nó cũng đủ toàn vị mặn cả nước biển.

Thế nên, một không thì một tướng, nhiều không là nhiều tướng, không chấp nhỏ, thì tướng nhỏ, không chấp lớn thì tướng lớn, số một số nhiều không ngăn ngại nhau, tướng nhỏ tướng lớn dung thông nhau, là toàn nơi tâm pháp giới, hồi hướng về chư Phật nơi pháp giới.

*Các tội đều sám hối, các phước đều tùy hỷ, và công đức thành Phật, nguyện thành trí vô thượng, trước, sau, nay các Phật rất hơn với chúng sanh, vô lượng biển công đức, con nay nghiêng mình lạy.*

*Bài tụng đây là lập lại trên: sám hối, bày lành, và hồi hướng đã kết.*

“Các tội đều sám hối” là tụng lập lại khoa “phát lộ sám hối” trước kia. “Các phước đều tùy hỷ v.v... ba câu” là tụng lập lại khoa “thỉnh Phật, chứng minh, trần thiên” trước kia, “trước, sau nay v.v...bốn câu” là ba đời chư Phật. Đối với chúng sanh, thì chư Phật có công đức tròn sạch vô lượng, sâu như biển cả, thế nên ta nay lòng chí thành cúi đầu đánh lễ.

Dưới đây, là khắp đầy nguyện lớn để hồi hướng về Phật quả. Chính ở sau phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, là các bài kệ lập tụng lại mười nguyện lớn. Nay đã đối trước Phật phát lồ sám hối, ắt phải lập phát nguyện lớn để cầu lên quả Phật. Song, với nguyện, duy có nguyện của đức Phổ Hiền là rất lớn, nay ta ắt phải bắt chước đó, để cầu cho chóng chứng quả Phật. Nên ngài Bất Động pháp sư sao lục lại khắc in ra, để cho rộng cái tâm nguyện của các hành nhân vậy thôi.

*Chỗ có thể giới trong mười phương*

*Ba đời tất cả nhân sư tử*

*Con dùng thân khẩu ý thanh tịnh*

*Tất cả khắp lạy hết không còn*

*Sức uy thần hạnh nguyện Phổ Hiền*

*Khắp hiện trước tất cả Như Lai*

*Một thân lại hiện thân sát trần*

*Mỗi mỗi khắp lạy Phật sát trần.*

Đây là kính lạy chư Phật

Hai câu trước là kể lên chư Phật nhiều bằng số vô tận ở mười phương. Con dùng... hai câu, là nói: ta dùng ba nghiệp thanh tịnh để khắp lạy vô tận chư Phật. Sức uy thần... bốn câu, là nói lên cái hạnh nguyện uy thần của đức Phổ Hiền, ngài hiện thân ra nhiều bằng số vi trần, lạy khắp giáp cả chư Phật nhiều bằng số vi trần, nay ta cũng bắt chước theo đó.

**Sư tử:** dụ Phật. Vì Phật là người vô thượng khắp đến mười phương để thuyết pháp mà không sợ. Kinh Niết Bàn phẩm sư tử nói: “Như sư tử vừa ra khỏi hang, bốn chơn nó vầu xuống đất, đập đuôi rống tiếng, các loài thủy tộc phải chìm lặn xuống vực sâu, loài thú trên bờ đều núp trốn hang lỗ, loài phi cầm sa rớt xuống, các con thanh-hương tượng lớn sợ chạy té phần. Tỷ dụ Phật ra đời, dùng viên âm nói pháp, như sấm vang lớn, rúng dẹp chúng thiên

ma, ngăn bặt bọn ngoại đạo, bèn là sư tử giữa loài người, nên gọi là “Nhân sư tử”

Tổ Vĩnh Gia nói: “Sư tử rống, nói không sợ, loài thú vừa nghe đầu óc vỡ, voi xanh vụt chạy mất hơi hăng, trời trông lặng nghe đều mừng rỡ”.

**Thân khẩu ý thanh tịnh:** cái thân không cử động bậy, duy cử động theo Phật pháp mà hành động; cái khẩu không nói bậy, duy nói theo Phật pháp mà nói năng; cái ý không nghĩ bậy, duy nghĩ theo Phật pháp mà nghĩ suy. Đã tịnh ba nghiệp, tức là với trên thì khế nơi thân tâm thanh tịnh viên mãn của chư Phật, chư Phật đã vô lượng, mà Hoá thân của Phổ Hiền cũng vô lượng, các “Hoá Phổ Hiền” đều ở trước chư Phật, mà cái thân ở các chỗ lại hoá ra vô lượng thân nữa, mỗi mỗi thân khắp lạy vô lượng Phật; như thế một thân giáp tốt pháp giới, mà vô lượng thân mỗi mỗi giáp cùng pháp giới. Thế thì Phật ta như một, viên dung vô tận.

Lạy, chư Phật là cái cảnh chỗ lạy (bị ta lạy) ta là người năng lạy, chư Phật tánh không, ta cũng tánh không, lấy cái không đây hợp nhập với cái không kia, lẽ cảm ứng lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn, Phật ta tuy không mà chẳng ngăn ngại gì với hoá vô lượng thân lạy vô lượng Phật, sáng sáng lẫn ánh nhau, trọn thấu không ngại. Dường như cái võng bằng lưới ngọc của Thiên Đế Thích: tia tia lấp lấp, ngọc ngọc suốt nhau viên dung viên dung vô tận vô tận



<b>SÁU TƯỚNG</b>	<b>Lý</b>	1.- Cử một ngậm nhiều — chung
		2.- Nhiều mà phi một — riêng
		3.- Lãn chẳng trái nhau — đồng
		4.- Kia đây chẳng xăng — khác
		5.- Cùng thành-tự nhau — thành
		6.- Tương loại về tánh — hoại
	<b>Sự</b>	Cộng làm một pháp — chung
		Các pháp rõ-ràng — riêng
		Nhiều mà chẳng khác — đồng
		Đều chẳng đồng nhau — khác
		Các sự xong nên — thành
		Chẳng rời tự tánh — hoại

Mười nguyên chúa lớn, mỗi nguyên đều đủ sáu tướng như một Phổ Hiền là chung, Hoá thân vô lượng là riêng, mỗi tướng không khác gọi đồng, mỗi thân lạ mỗi Phật gọi khác, trọn nên công đức rằng thành, tiêu về một niệm rằng hoại. Ngoài ra, còn nghĩa chi chi nữa, thì cứ so nghĩ theo đây có thể biết được tất cả.

MƯỜI MÔN HUYỀN

- 1.- Cửa đồng thời (Cử lên một Phổ-Hiền tức là nhiều Phổ-  
trộn đủ ứng nhau (Hiền, như một nhều nước biển, mũi  
(đủ trăm sông.
- 2.- Cửa rộng hẹp tự (Pháp-giới chẳng rộng, mây bụi chẳng  
tự tại không ngại (hẹp, rộng hẹp tự-tại không ngại, như  
( gương một thước, bóng hiệu ngàn dặm.
- 3.- Cửa một nhiều (Một dung nơi nhiều, nhiều dung nơi  
dung nhan chẳng (một, cái tướng một nhiều rõ-ràng, như  
động (ngọc trong vông trời, mỗi viên dọi  
bóng lẫn nhau.
- 4.- Cửa các pháp tức (Mỗi pháp thể dụng đều đồng với nhau,  
nhau tự-tại (như thể vàng, màu vàng, nó chẳng bỏ  
(rời nhau.
- 5.- Cửa bí-mật kín rõ (Hoặc ẩn hoặc hiển, bí-mật khó nghĩ,  
đều thành (như mảnh trăng giữa trời không mùa  
(thu, tối sáng sánh nhau.
- 6.- Cửa vi-tế dung (Lý sự dung nhau, các pháp đặt đề, tỷ  
nhau đặt đề (như cái bình lưu-ly, đựng nhiều hột  
(cải.
- 7.- Cửa cảnh - giới (Những lỗ trong vông của trời, khắp  
vông nhân đà-la (hiện pháp-giới, như đôi mặt gương  
(chiếu lẫn, đem bóng sáng dọi lẫn với  
nhau.
- 8.- Cửa giá sự rõ pháp (Do lý nên sự, sự hay rõ pháp sanh  
sanh hiệu (hiệu, như đỡ nắm dựng tay lên, chạm  
(đến mắt, vật gì cũng đạo cả.
- 9.- Cửa mười đời (Mười đời từ xưa đến nay, chẳng rời  
cách pháp khác (nơi đương niệm, như cảnh chiêm-bao  
nên (trong đêm, phơi-phơi việc trăm năm.
- 10.- Cửa chủ bạn tròn (Chư Phật là chủ, Bồ-tát là bạn, trí tròn  
sáng đủ đức (đức đủ, như sao Bắc-đầu ở một chỗ,  
(các sao kia đều vòng châu.

Vời trong một bụi Phật số bụi  
Trong hội Chúng Bồ tát các chỗ  
Không hết pháp giới bụi cũng thế,  
Tin sâu chư Phật đều đầy đầy  
Đều dùng tất cả tiếng tâm lớn.  
Khấp ra không hết lời nói màu  
Tột qua vị lai tất cả kiếp  
Khen Phật biển công đức rất sâu.

Đây là xưng dương tán thán đức Như Lai.

Bốn câu trên, nói thân của chư Phật nhiều bằng số vi trần, đều khắp giữa pháp hội ở nơi các giới. Bốn câu dưới, đức Phổ Hiền hoá ra vô lượng thân, đều dùng lời nói nhiều bằng số vô tận, tột qua đời vị lai để tán thán Phật có nhiều công đức.

Số là trong một hội bụi, lại có chư Phật nhiều bằng số mây bụi thì trong những mây bụi nơi vô tận pháp giới, cũng đều lại có chư Phật nhiều như số mây bụi nữa, bấy nhiêu chư Phật, thân tâm mỗi mỗi khắp ở giữa chúng pháp hội nơi các giới, mà làm vị chủ, còn mỗi mỗi nơi bốn giới, Bồ tát và hoá Phổ Hiền dùng làm bạn, chính là chỗ bảo: Chủ bạn hợp hòa, nhân quả suốt lẫn. Tỷ như giữa một tịnh thất có ngàn ngọn đèn mỗi ngọn nó thiếp liếp với nhau, mỗi ánh sáng tròn đầy, không ngại không hết.

Mỗi mỗi Phổ Hiền nhiều vô lượng, mỗi mỗi thốt ra vô lượng tiếng giọng như biển không hết, mỗi mỗi âm thanh thốt ra vô lượng lời nói hay, mỗi mỗi lời nói tột qua đời vị lai, để rộng ra tán dương biển công đức của chư Phật.

Dùng các tràng hoa tốt rất hơn,  
Nhạc hay, hương hoa và tàng lọng,  
Như thế đồ trang nghiêm rất hơn,  
Con đem cúng dường các Như Lai.  
Y phục rất hơn, hương rất tốt,  
Hương bột, hương xông và đèn đuốc,  
Mỗi mỗi đều như núi Tu di,  
Con đều cúng dâng các Như Lai.  
Con dùng tâm hiếu hơn rộng lớn,  
Tin sâu tất cả Phật ba đời,  
Thấy dùng đức hạnh nguyện Phổ Hiền,  
Khấp giáp cúng dường các Như Lai.

Đó là rộng ra làm việc tu pháp cúng dường.

Tám câu trước: Dem năm món trần tối trắng để cúng dâng. Bốn câu sau: Y theo đức Phổ Hiền vận cái tâm quảng-đại để thân ra khắp cùng. **Tràng hoa**: cái mào bằng bông, bằng ngọc bằng hoa như mũ, và y phục là sắc trần và xúc trần.

Nhạc hay (kỹ nhạc: nữ nhạc, là nhạc do người khéo tấu lên, nay đây quán Tâm sở thành ra nhạc, bây nay thanh tịnh không đấm) là Thanh trần. Hương thoa các thứ hương khác là hương trần. Tàng, lọng, đèn, đuốc v.v... là sắc trần. Thiếu món vị trần đó, là ít bao hàm đủ trong năm món trần đây, mỗi mỗi lớn như núi Diệu Cao nhóm (Tu di, dịch: Diệu cao. Do bốn thứ báu hợp thành, nên nói là Diệu, vượt khỏi lên trên các núi, nên nói là cao; bề cao tám vạn bốn ngàn dặm, bề rộng cũng như thế ), đều khắp ở vô lượng Phật, nên nói là rất hơn. Ta nay đều học làm theo hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, vận tâm quảng đại mà thân ra phổ biến cúng dâng.

Kinh nói: “Mây hoa, mây mào, mây âm nhạc trời, mây tàng lọng trời, mây y phục trời, món món hương trời, hương thoa, hương xông, hương bột, mỗi mỗi cao như núi chúa Tu di, đốt mỗi mỗi đèn, đèn tô, đèn dầu, mỗi mỗi ngọn đèn như núi Tu di, mỗi mỗi dầu đèn như nước biển cả, lấy như vậy thảy mỗi mỗi đồ cúng, thường làm lễ cúng dâng”.

Năm trần như thế, tức là lý Tam đế; vận tâm tức là tâm tam quán: chính khi quán tưởng cảnh trần, quày lại xét tự tâm mà không cái tâm tướng, ngũ trần mà không trần tướng, đó là cái không quán, quán nơi chân đế. Quán tâm rõ rờ, năm trần rõ ràng, đó là cái giả quán, quán nơi tục đế. Tâm thì phi rờ rờ, phi chẳng rờ rờ, trần thì phi rõ ràng, phi chẳng rõ ràng, không và tục chẳng hai, chân với giả như một, đó là cái trung quán, quán nơi trung đế. Đế và quán viên dung, tâm cảnh tương tức, tâm thuần là pháp, cùng pháp tương ưng, thế là chân tinh tấn, là gọi chân pháp cúng dường Như Lai. Kinh Tịnh danh nói “Vời trong các cúng dường, chỉ có “Pháp cúng dường“ là hơn hết”.

*Con trước chỗ gây các nghiệp ác,*

*Đều bởi vô thi tham, sân, si,*

*Từ thân, khẩu, ý mà sanh ra,*

*Tất cả con nay đều sám hối.*

Đó là sám hối nghiệp chướng bởi ba nghiệp gây ra từ vô thi đến nay.

**Tích:** Những đời đã qua về trước. Do từ đời vô thí mỏng một niệm, vọng tưởng, hành động, nhân đến ngày nay, mà chịu sanh tử đã vô lượng. Chính chỗ mà người xưa đã bảo: “Kiếp trần sa lại kiếp trần sa, đèn hết trần sa, kiếp chưa rồi!”.

Song, từ bấy nhiêu kiếp lại nay, mà thân, khẩu, ý của chúng ta, chỗ dấy ra các nghiệp ác (tức là mười ác, năm nghịch, xem biểu đồ ở trước) mỗi niệm mỗi niệm chẳng dừng, thì chỗ tạo ra nghiệp chướng cũng vô cùng vô tận! Đều do nơi cái ý thức phát khởi ra ba độc là tham, sân, si rồi nó dẫn dắt đến thân nghiệp khẩu nghiệp, lan rộng ra mãi tạo nghiệp chẳng thôi!

Như ý thức nó dấy một niệm tham, thì nó lôi cuốn đến thân nghiệp, tạo tác sát sanh, trộm cắp, dâm dục thảy các tội. Ý thức dấy một niệm sân, thì nó dẫn luôn đến khẩu nghiệp tạo ra các tội: vọng ngôn v.v... hoặc tham hoặc sân đều do nơi mê tình chẳng tỉnh giác là cái si tâm làm gốc, mà hề một niệm đây chẳng dấy thì thôi, còn có dấy lên thì là si. Từ một niệm đây, đến một niệm khác, niệm khác, mãi chứa đến vô lượng niệm, mỗi niệm mỗi niệm, niệm mãi chẳng thôi.

Nếu với một niệm mới khởi, đương niệm đó ta liền tỉnh giác lại, thì cái niệm thể vốn không, điều tội phước vô chủ, đương thể vẫn thanh tịnh.

Và lại, đã có cái tội sanh tử từ vô thí, mỗi niệm thành thói quen, không thể nay lập tức tỉnh giác được vốn không nên rất phải y theo tâm của đức Phổ Hiền, như pháp để sám hối, ngõ hầu hai cái tội: Căn bản và Chi mạng mới tan dần, tẩy như nước sôi đổ vào giá tuyết.

**Mười phương** thế giới chỗ có **tất cả chúng sanh** sáu đường.

Và **Nhị thừa** các Thanh Văn, Duyên giác: Tam quả nhân lại là bậc **Hữu học**, và Tứ quả nhân đi là bậc **Vô học**.

Lại tội mười phương **tất cả Như Lai**, cùng mười phương **tất cả Bồ tát**.

Hoặc Thánh hoặc Hiền **chỗ** có làm các **công đức** mà con **đều** phát tâm **tùy thuận hoan hỷ**.

Đó là tùy hỷ các công đức của các bậc Thánh Hiền.

Giữa lục đạo, duy có Nhân đạo và Thiên đạo là nhiều thiện, còn bốn đạo kia chỉ là ác cả, nhưng hoặc đã có căn từ kiếp trước, nay cũng có thể hành thiện được.

Nghiên cứu chân như, dứt diệt mê hoặc là bực **Hữu học**; chân đã cùng, hoặc đã tận là bực **Vô học**.

Kinh nói: “Nguyên các đức Như Lai từ thuở mới phát tâm, vì tất cả trí, mà riêng tu phúc huệ, chẳng tiếc thân mạng, trải qua nhiều kiếp số “Bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần”, trong mỗi mỗi kiếp, xả thí cả đầu mất tay chân nhiều bằng số „Bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần“, như thế tất cả khổ hạnh mà người đời khó làm được, nhẫn đến trọn nên đạo quả vô thượng, kip đến vào Niết bàn, chia bủa xá lợi, chỗ có công đức, ta đều tùy hi.

Tất cả thánh: Bồ tát, Duyên giác, Thanh Văn, chí của các Ngài cầu chứng Bồ đề, chỗ tu công đức, ta đều tùy hỷ.

Há chỉ Thánh Hiền mà thôi, song những chúng ở trong tất cả thế giới nơi mười phương kia, như sáu thú, bốn sanh cả thầy giống loài chỗ có công đức, nhẫn đến ít nhứt là việc lành bằng một mảy lông, ta đều tùy hỷ, mà cái tâm tùy hỷ đây, tâm niệm nào, tâm niệm nào, cũng đều khắp cả nơi pháp giới.

*Mười phương chỗ có thể gian Đẳng (chư Phật khắp soi)*

*Rốt trước thành tựu đạo Bồ đề,*

*Tất cả con nay đều khuyến thỉnh*

*Chuyển nơi xe pháp mầu vô thượng.*

Đó là thỉnh Phật chuyển pháp luân (thuyết pháp).

**Thế gian đấng:** Đèn hay phá tan bóng tối, tỷ dụ Phật đem đèn khắp khai thị cho chúng sanh. Như Lai không ra đời, muôn kiếp thường mờ tối.

**Rốt trước thành tựu đạo Bồ đề:** Tức là đáng mới thành Phật. Như đức Thích Ca năm lên 30 tuổi thành Phật, đó là về tích môn sơ thành. Còn luận về bốn môn thì Ngài vẫn đã thành Phật lâu rồi từ kiếp số trần điểm. Nay vì chúng sanh nên hoá độ hiện tích môn, và nói sơ thành Phật.

Nay đây, bất luận là sơ thành Phật, hay cửu thành Phật, ta thấy đều khuyến thỉnh, để chuyển xe diệu pháp (khuyến nói pháp mầu: đem Phật pháp chuyển nơi tâm chúng sanh, khiến chuyển phàm tâm thành Phật tâm).

Kinh nói: “Ta phải trọn ba nghiệp: thân, khẩu, ý, mỗi mỗi phương tiện, nông nả khuyến mời Phật chuyển bánh xe pháp mầu”.

*Chư Phật nếu muốn thị (thị hiện) Niết bàn.*

*Con rất lòng thành mà khuyên thỉnh,  
Chỉ xin ở lâu kiếp sát trần,  
Lợi lạc tất cả các chúng sanh.*

Đó là xin Phật còn trụ lại cõi đời.

Mười phương ba đời nhiều như số vô tận, nói là **chư**; ba giác tròn đầy nói là **Phật**. **Niết bàn**, dịch: Diệt độ, là diệt ba hoặc phiền não, độ hai bên sanh tử (phận đoạn, biến dịch). Lại, Niết bàn, dịch: Viên tịch, là với đức chẳng chẳng tròn, với chương chẳng chẳng vắng (nghĩa bất động và nghĩa tịnh cực). Lại, Niết là nói chẳng sanh, Bàn là nói chẳng diệt.

**Thị**: Có chúng sanh làm cơ cảm, thì Phật phi sanh mà thị hiện sanh ra, với cơ hữu duyên hoá độ hết rồi, thì Phật phi diệt mà thị hiện ra diệt, do vì nếu Phật ở lâu mãi nơi đời, thì chúng sanh nó lấy làm thường, quen lờn mà chẳng mến kính, sợ dĩ Phật thị hiện diệt độ, thì hoặc có chúng sanh phát chí tu học đồng mãnh, thế nên phải thị hiện diệt độ vậy thôi.

Rất lòng thành: là chuyên chủ một tâm già dặn chắc thật. Kinh nói: “Chỗ có các đức Phật Như Lai nhiều bằng số tất cả Phật sát cực vi trần ở trong tột cõi pháp, cõi hư không mười phương ba đời, khi các Ngài sắp muốn thị hiện vào Niết bàn thì kim thân là mình vàng lu mờ ánh chói, ngọc hào, là lông trắng (giữa chạng mào) lui kém về ngời, ngay bây giờ ta do vì cái sức hạnh nguyện của Phổ Hiền, lòng chí thành khuyên thỉnh các Ngài chớ vào Niết bàn”.

Kinh lại nói: “Chỉ xin Phật ở lâu nơi đời, trải qua nhiều kiếp bằng số cực vi trần trong tất cả Phật sát, để nói pháp mầu bằng số vi trần, giáo hoá chúng sanh, đều trông căn lành, xông gây trọn nên, nở hoa trí huệ, kết trái Bồ đề, lần hồi làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đồng tròn như thể chúng trí”.

**Chỗ có lạy** kính chư Phật (là 1), xưng **tán** Như Lai (là 2) rộng tu **cúng dàng** (là 3), dùng các **phước** ấy thường phải **thỉnh Phật ở đời** (là 7) và thỉnh **chuyên pháp luân** (là 6), **tùy hỷ** (là 5), **sám hối** nghiệp chướng (là tứ giả), từ trên đến đây, bảy nguyện, chỗ có các **thiện căn** công đức, đâu chẳng **hồi hướng** cho **chúng sanh** nơi chín cõi, khắp nguyện đồng thời và đến **đạo Phật** mà sau thời mới thôi (là bát giả).

Ba câu trước là để xâu kết bảy nguyện trên kia; câu rốt là để hồi hướng cho chúng sanh kịp đạo Phật. Nghĩa là chung kết

công đức căn lành cả bảy nguyện, thấy đều hồi hướng chúng sanh, phổ nguyện chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Kinh nói: “Từ nguyện lễ bái, đến nguyện tùy hỷ, chỗ có công đức, thấy đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh thường được yên vui, không bao điều bệnh khổ, dầu nó muốn làm ác pháp, thấy đều bất thành, chỗ tu thiện nghiệp đều mau thành tựu: ngăn đóng tất cả cửa ác thú, mở bày đường chánh Niết bàn cho Nhân thiên nhần đến thành tựu vô thượng Bồ đề.

*Chữ Phước trong câu “Sở hữu lễ tán cúng dường phước”, các bổn thiên môn như tụng đều chép lộn làm chữ Phật, nguyện ở phẩm hạnh nguyện chép làm chữ Phước, chữ Phước nghĩa là công đức.- Phổ giai hồi hướng, tức là thứ mười trong mười nguyện vương: Những câu bát giả thường tùy Phật học, cứu giả hằng thuận chúng sanh, đều hàm nhiếp ở đây.*

<b>TÁM NGUYỆN SÁM CHƯỚNG</b>	1.- Lễ kính chư Phật	Đề sám-hối các tội	Nhiều đời ngã-mạn	được	Sanh nhà tôn quí
	2.- Xưng-tán Như-Lai		Nhiều đời ác-khẩu		Tài vô- ngại biện
	3.- Quảng tu cúng-dường		Nhiều đời rất tham		Giàu có của lớn
	4.- Sám-hối nghiệp chướng		Vô-thỉ các chướng		Y chánh trọn đủ
	5.- Tùy-hỷ công-đức		Nhiều đời ganh-ghét		Bà con sang lớn
	6.- Thỉnh chuyện pháp-luân		Chẳng cầu pháp Phật		Căn-tánh tử-thiện
	7.- Thỉnh Phật trụ thế		Trải kiếp thành Phật		Trí-huệ thông nhiều
	8.- Phổ-giai hồi-hướng		Nhiều đời hẹp yếu		Rộng lớn các lành



***Xin đem lấy công đức tốt đây,  
Hồi hướng cõi Chân pháp không trên,***

Đó là hồi sự hướng lý.

Câu trên, là chỉ về tám nguyện trước, là thuộc về sự; câu dưới, là hồi hướng về pháp giới, là thuộc về lý. Chí muốn thành mãn, rằng nguyện phát tâm rộng lớn, rằng thẳng (tốt); tánh tâm không vọng rằng chân; cứ lên nói các pháp cả mười pháp giới, duy là nhứt tâm làm thể, rằng chân pháp giới, làm tổng tướng nhứt tâm, để vạn pháp về đến.

Chỉ bởi, sự nó không có tự tánh, nó toàn do nơi lý mà thành, lý thì bất mảy mún (không hình tướng) nương nơi sự để rõ; các sự công đức đều do nơi tâm để phát khởi, tức phải hồi hướng trở về tâm, là chỗ người ta bảo: “Từ tâm pháp giới, đầy nguyện pháp giới, lấy nguyện pháp giới, quy về tâm pháp giới, tâm là lý, chứng lý đây, thì cả pháp giới đâu chẳng viên dung, là có phải thế.

**Tánh:** Đồng thể Tam Bảo, và Biệt **Tướng** Tam Bảo là **Phật** bảo, **Pháp** bảo, và **Tăng** bảo của **Tăng** già, **Tánh:** Tức là chân đế, **Tướng:** Tức là tục đế, tánh tướng như nhứt, tức là **Nhị đế dung thông** mà thành pháp “**Hải ấn tam muội**”. Tam muội dịch: Chánh định; lia bỏ cái định thiên tiểu và cái định tà, nên nói là Chánh; diệt hẳn hôn trầm và tán loạn, nên nói là Định. Lại dịch: Chánh thụ, nghĩa là do trong định chẳng chịu các điều chịu, chỉ là nhứt tâm chánh thụ. Song, hai đế toàn thể là chánh thụ, tánh nó tuyệt hẳn cái định thiên tiểu và cái định của tà ngoại, toàn thể vẫn thanh tịnh viên minh, khắp bao hàm pháp giới, như đại hải lỏng trong, khắp ấn kiên khôn. Tam muội **như thế** đều nhứt tâm của con sở tạo ra, mà nhứt tâm có **vô lượng công đức** dường như đại hải vô nhai. **Con nay thấy đều trọn hồi hướng** lên quả Phật vô thượng.

Đó là hồi nhân hướng quả.

Hai câu trước là chỗ “sở chứng”; câu ba là tổng kết công đức; câu rốt là người “năng hướng”.

**Tánh:** tức là thánh Tam Bảo; **Tướng:** Tức là biệt tướng Tam Bảo. Tự tánh có trí huệ trọn chiếu pháp giới là Phật bảo; tự tánh lỏng vắng trọn đủ các pháp là Pháp bảo; tự tánh vừa vắng vừa soi hòa lẫn nhau là Tăng bảo; tức là “nhứt thể Tam Bảo”.

*(Biệt tướng Tam Bảo, có biểu đồ đã rõ ở trước)*

Tánh Tam Bảo là Thể, Tướng Tam Bảo là Dụng, Dụng không riêng Dụng, đều do Thể thành, Thể không riêng Thể đều tự Dụng rõ; Thể tánh vốn bất mảy mún, là chân đế; Tam Bảo diệu dụng đều rõ, là tục đế: Dụng tuy đều rõ, mà với đương thể không thấy, với Thể tuy không thấy, mà diệu Dụng rõ ràng, thì Nhị đế dung thông, Tam muội sáng suốt, dường như biển cả lóng trong, ẩn nơi muôn loài vật tượng, đâu chẳng rõ bày, tức là trung đế. Chân đế hải ấn tam muội, bất tất cả pháp, là tánh Tam Bảo; tục đế hải ấn tam muội, thành lập tất cả pháp, là tướng Tam bảo; trung đế hải ấn tam muội, thuận tất cả pháp, tánh tướng nhứt như, hai đế dung thông, là dung thông Tam Bảo. Đây thì biển tánh công đức của vô tận chư Phật, đâu chẳng ẩn nơi tam muội. Mà tam muội là duy nhứt tâm của ta, đem nhứt tâm đây chỗ có đủ công đức, thấy đều hồi hướng lên vô thượng Phật quả.

*Chỗ có chúng sanh thân, khẩu, ý,  
Thấy làm chê bai chấp: ngã, pháp,  
Như thế tất cả các nghiệp chướng,  
Thấy đều tiêu diệt hết không còn,  
Mỗi niệm trí giáp nơi pháp giới,  
Rộng độ chúng sanh đều chẳng lui.*

Đó là hồi tự hướng tha.

Bốn câu trước, là nói diệt hết nghiệp chướng của chúng sanh; hai câu sau là nói nguyện trí giáp chẳng lui.

Số là chúng sanh bị tà kiến rồi mê hoặc nơi tự tâm, nên miệng nói lời chê bai Phật pháp; thân ra làm sát, đạo, dâm; ý đầy tham, sân, si, chẳng tin nhân quả, rộng ra tạo tác tội lỗi. Ta nay chỗ tu công đức, phổ nguyện tất cả chúng sanh, thấy đều tiêu diệt hết các nghiệp chướng từ lịch kiếp.

**Hỏi:** Người kia tạo nghiệp thì lẽ ra nó tự sám hối lấy, chứ không thể đem công năng của ta để sám hối nghiệp chướng của người được sao?

**Đáp:** Là vì thiên tánh nó quan hệ với nhau. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tâm, Phật và chúng sanh là ba ấy không sai khác”. Thế, thì kia tạo nghiệp, đâu chẳng ở trong tâm ta, thì tâm ta cũng ở nơi trong nghiệp thức kia, sở dĩ trí lực của ta có thể diệt được nghiệp kia, chuyên khiến chúng sanh, mỗi niệm đem tâm vắn cái lực trí, để chúng cái lý pháp giới của chư Phật, tâm vắn cái quyền trí để độ chúng sanh trong pháp giới tiến đến bậc bất thoái.

**Nhấn đến:** một pháp **Hư không thể giới hết**, hai pháp **chúng sanh**, và ba pháp **nghiệp**, bốn pháp **phiền não đều hết như thể bốn pháp** thể nó **rộng lớn không ngần**, **nguyện con nay đây** đại nguyện công đức của **Phổ Hiền để hồi hướng cũng như thể** xứng tánh rộng lớn không hết.

Đó là khâu kết cái nguyện không hết.

Nhấn đến ấy là từ “mỗi niệm tri giáp pháp giới”. Ngoài ra còn có chỗ làm, nhấn đến công đức dù nhỏ nhưt bằng một ti một hào, mà thể nó đều giáp khắp, tỷ như một nhểu nước biển dù ít, mà nó cũng trọn đủ mùi mặn của đại hải.

Lại, bốn pháp ấy dù vọng mà thể nó xứng tánh vốn chẳng thể hết, ta nay y theo hạnh nguyện hồi hướng của **Phổ Hiền**, cũng đều xứng tánh viên mãn, thì bốn pháp đều là thanh tịnh giáp tròn”.

Kinh nói: “Cõi hư không hết, nguyện ta mới hết, bởi cõi hư không chẳng thể hết, nên mười nguyện của ta đây không có tội hết, như thế, nhấn đến bao giờ cõi chúng sanh hết, nghiệp chúng sanh hết, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện của ta mới hết, mà cõi chúng sanh, nhấn đến phiền não không có hết, thì mười nguyện của ta đây không có hết, cũng mỗi niệm nói nhau, không có xãng dứt thân, ngữ, ý ba nghiệp không có mỗi chán”.

### ***Cúi lạy đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát (3 lần)***

Tu lễ cúng vô tận, để cúng Phật nhiều vô tận, nên gọi là “Đại”. Cái hạnh siêng làm, tội kiếp chẳng mỗi, nên nói là “Hạnh”. Hạnh này pháp giới, gọi là “Phổ”; ngôi gần bậc cực thánh, gọi là “Hiền”. Không ngần phước tốt, chẳng vượt hạnh môn, chư Phật, Bồ tát, từ nơi hạnh môn mà sản xuất.

Nên trên hội Hoa Nghiêm, đưa **Phổ Hiền** lên làm trưởng tử, do vì hạnh nguyện xứng tánh giáp khắp, nên nói là “Nguyện vương”. Nếu chúng sanh y theo mười nguyện đây mà tu, thì đương thể cùng khế hợp nhau với Phật!

*Hết Hồng danh sám hối,*

--- oOo ---

## Giải Thích Nghi Mông Sơn Thí Thực

Lấy tên núi làm sách, đúng như pháp mà thí thực, nên nói là Mông sơn thí thực.

Thí là pháp đứng đầu của lục độ, và điều trước vạn hạnh, có ba nghĩa:

Một, Tư sanh thí, cũng gọi là tài thí, như áo cơm, tiền của, ruộng nhà, thuốc men v.v... để giúp cho sanh mạng. Còn đây thí dùng nước cơm cháo bánh cả cúng cụ, để giúp cho chôn mình đồ, được dứt khổ đặng vui, là tư sanh thí.

Hai, pháp thí: Lấy sự thuyết pháp, trì chú, tụng kinh, vận tâm quán tưởng, nay đây tức là tụng văn này, làm pháp quán tưởng, là pháp thí.

Ba, vô úy thí, như có người muốn làm lành mà sợ trước sợ sau, vì sợ làm không nổi, nếu ta có sức, giúp họ không sợ, khiến cho họ làm nên việc; nay vì chúng ở chôn u mình có cái sợ chịu kịch khổ nhiều kiếp dài đằng; nương nhờ công đức đây, để trừ nghiệp chướng, lia các bố úy, là vô úy thí.

Thực: Có cái công giúp ích, cái nghĩa sống còn. Kinh nói: “Tất cả chúng sanh đều do nơi ăn uống mới sống ở đặng, nếu không ăn uống, thì thân thể ốm gầy, dầu có thí tài, thí pháp nào đủ cho sanh mạng; nay nhân cực khổ của chúng sanh, mà khởi cái bi tâm, nên dùng thân chú, vật thực, mà cúng thí cho Quỷ loại, khiến đặng dứt khổ được vui.

Lại, có 4 cách ăn:

1. **Đoàn thực**, cũng kêu là đoạn thực, nghĩa là ăn bằng cách: từ miệng, hay từ phân, từ đoạn dùng 3 trần là Hương: hơi hám, Vị: mùi vị, Xúc: tiếp xúc, để làm thể. Biến đổi, tiêu hoại làm tướng. thể là cách ăn của Trời người và súc sanh... ở dục giới.

2. **Xúc thực**: lấy cái tâm sở tương ưng của 6 thức, tiếp xúc với cái cảnh vừa thích của ý, 5 căn hòa thuận, vui sướng làm cách ăn, tức là cách ăn của Quỷ thần.

3. **Tư thực**: Lấy cái “Tư tâm sở” Hữu lậu của ý thức, để chuyên tinh nghĩ nhớ (tư) chuyển thành cái cảnh thắng diệu thiên, giúp ích thân mạng của trời sắc giới, liên miên tư tưởng mãi chẳng dứt, tức là chúng ở sắc giới lấy “thiền duyệt” làm thức ăn. Lại, như ngựa trông lên cây me chua để dứt được cơn khát nước, treo bánh lên, để chung thấy mà đỡ được cơn đói bụng v.v... đó cũng là ăn bằng cách nghĩ nhớ (tư thực).

4. **Thức thực:** lấy cái thức thứ 8 nó nối nhau giữ gìn căn thân khiến chẳng rã hoại, đầy thì 4 thánh 6 phàm chung đủ, chỉ có khác với nhau là mê và ngộ. Thành nhân thì thức tánh đã giác ngộ viên mãn, vốn vẫn trong sáng, gọi là “Nhu lai tạng thức”, vì nó duy trì tất cả công đức có tánh vô lậu: phi có phi không, phi trụ, phi chẳng trụ, đầy là cái ăn bằng cách vốn có công đức chẳng khác nghĩ bàn, mà làm sanh trụ.

Phàm phu thì thức tánh còn hoàn toàn là mê, tuy đâu sanh khởi nghiệp chủng đó, gọi là Hàm tàng thức, vì rằng nó hàm tàng các hạt giống thiện ác của hữu lậu và vô lậu, nên với phi có mà vọng chấp là thực có, do đó mà luân chuyển đến vô cùng. Đây là cái ăn bằng nghiệp thức sanh diệt mà làm sanh trụ.

Song, Nhu lai tạng thức, hàm tàng thức, cái danh dầu có hai, mà cái thể vốn có một, chỉ tùy theo mê và ngộ, nên phân làm hai, thể nên cả Thánh và phàm, đồng là thức thực.

Ba cách ăn trước thuộc về sự, cách ăn sau thuộc về lý, sự thì lệch về phàm phu, lý thì trùm cả Thánh phàm; tiến tới bực nữa mà suy nghĩ, thì thánh nhân cũng đủ 4 cách ăn, phi ăn, phi chẳng ăn, thể là cách ăn bằng cách bất tư nghị viên dung diệu thực.

Lại, phải biết phép thí thực, ắt nhờ 3 vàng thể không, mới có thể giáp khắp được: 1. Hành nhân là người năng thí; 2. Quý loại là chúng năng thụ; 3. Và trung gian là vật sở thí. Với cả 3 chỗ đó, thể tánh đều chẳng khác dạng. Song khi mà thể tánh chẳng khác dạng, vẫn y nhiên rõ rõ phân minh, khi mà rõ rõ phân minh, cũng vẫn y nhiên thể tánh chẳng khác dạng, thể là pháp thì bằng cách 3 vàng chẳng nghĩ bàn. Pháp thí như thế, thì tâm nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải đồ ăn. Song cũng thực nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải tâm, tâm đã giáp khắp, thì pháp và thực giáp khắp, tất nhiên chúng sanh trong lục đạo mười phương, đâu chẳng thụ hưởng đó mà được giải thoát.

Nghi: quý tác, cũng có nghĩa là cách thức, nghĩa là: văn Mông sơn đây làm quỹ thức cho lễ Thí thực.

## PHỤ CHÚ

**Mông sơn:** Núi, ở về tỉnh Tứ Xuyên bên Trung quốc. Tập Mông sơn thí thực nghi, tác giả là ngài Cam-Lộ Pháp sư nhóm chép, tác giả này và tác giả tập Hồng danh bảo sám, cũng là một người, mà để khác hiệu, vì tập kia đề là Bất-động Pháp sư. Còn tập

Mông sơn thí thực nghi trong bốn kinh Nhựt tụng đề Ngoại quốc Cam-Lộ thiền sư trú tích Tứ xuyên Mông sơn tập. Mà thuật giả Nhị khoá hiệp giải đã có dẫn giải rồi ở trước tập Hồng danh bửu sám rằng: “Văn Mông sơn, cũng là ngài Bất động nhóm chép”.

**Hàm tàng thức:** tức là A lại da thức, vì chân vọng hòa hợp nên nói là hàm tàng.

**Như Lai tạng,** là toàn chân tại vọng, nghĩa là chân tâm nó ở bên vọng tâm, chứ không hòa hợp, lộn xộn như A lại da thức, vì thức A lại da nó hàm tàng tất cả thiện ác chủng tử, nên nói là chân vọng hòa hợp (lộn lộn, trộn lộn)

# PHÁP BỔ-THÍ CÔ 3 CÁCH

**Tư sanh khí** — (tức là tài thí) } **nội tài** — tức tự thân, như hỷ-xả: dầu mắt tùy óc, hoặc đốt ngón tay, hoặc đốt liền hương ghi dấu trên đầu, hoặc đem tự thân ra thay thế để người dùng sức v. v. ...

} **ngoại tài** — tức ngoài thân, về chỗ cần dùng tất cả các của cải.

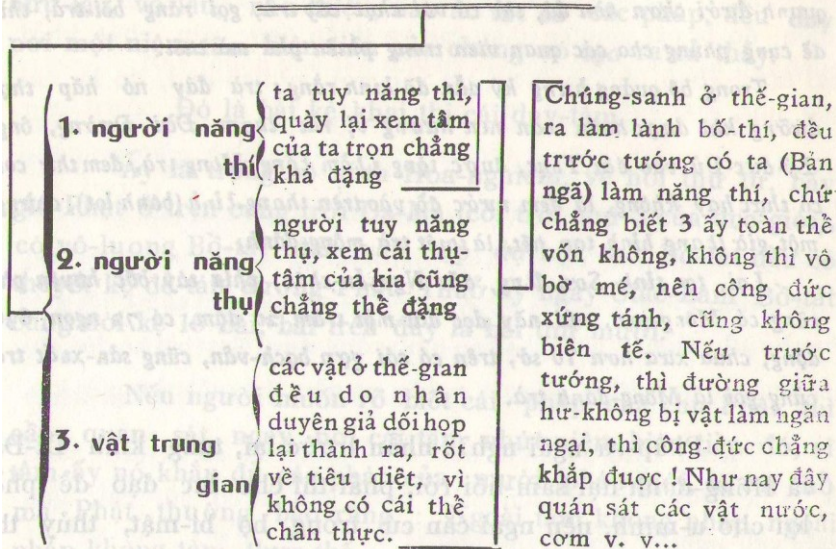
**Pháp thí** — } **nói pháp** — với người có trí thức khá, ta tùy căn-cơ nói rộng giáo lý và người trí kém, ta lường theo sức họ cho vừa nghe

} **lạy tụng** — lạyPhậtsám-hối tụngkinh hờihưng đêphởtếquảnsanh người có trí thì lạy Phật tụngkinhvân tâm làm phápquán tạo tác các lễ cúng-đường vận dụng cái tâm quán ởng: nghĩa là với đồ cúng 5 trần là sắc hương vị xúc pháp, biến hóa một làm ra nhiều, đang tục làm chân, như nay thí thực, quán nước cơm làm diệu vị v. v. ...

**Vô úy-thí** — } với người sợ nghèo thiếu, ta lấy của vật v. v. ... để giúp. } với người làm lành mà sợ đó, ta hoặc giúp: bằng thân lực, bằng tâm lực, và bằng tài vật } gặp kẻ bị hãm oan mà sợ lo, ta vì giải thích, phân rành, để an ủi cho nó khỏi sợ } với kẻ sợ khổ luân-hồi sanh-tử, ta khuyên vào tu học Phật-pháp, để được vui Niết-bàn } với kẻ ngộ nạn mà sợ, ta vì đó tìm cách để giải cứu.

- 4 cách ăn** {
- 1. **Đoạn thực** — Có hình, có đoạn khá lấy, tức là mỗi món uống ăn thế-gian.
  - 2. **Xúc thực** — Qui-thần ăn bằng cách vừa tiếp xúc đến hơi liền no.
  - 3. **Tư thực** — Tu thiền-định đặc lực, lấy pháp-thiền duyệt làm vị ăn.
  - 4. **Thức thực** — Trời thức-xứ lấy cái thức duy trì sanh mạng; tất cả chúng-sanh đều lấy thức thứ 8 giữ nghiệp chủng làm mạng.

### 3 VÀNG THỂ KHÔNG



đều không, tâm ta cũng không, nên có thể với một biển ra làm vô-lượng. Trái lại nếu chẳng dạng như thế, thì dầu có biến hóa được chẳng nữa, cũng chẳng thể rộng lớn lẫn khắp gì dạng!

### NÚI MÔNG, CAM LỘ PHÁP SƯ BẤT ĐỘNG CHÉP

Cũng tức là Kim Cang Bất Động Pháp sư tác giả Hồng danh bửu sám.

Mông sơn: vị trí cách 15 dặm phía tây huyện Danh sơn, châu Nhã an, tỉnh Tứ xuyên bên Tàu. Có 5 chót một chút cao hơn hết tên rằng Thượng thanh. Trên thượng thanh phong này, sản xuất



vị Cam lộ, đời Tống, Ngài Bất Động Pháp sư ở trong đó để hành đạo, nên gọi là Cam lộ pháp sư.

*Sách Lăng thực dư văn chép rằng: trên đỉnh chót núi ấy, có một hòn đá lớn bằng vài căn nhà, có 7 cây trà mọc nơi kẽ vô phùng trên hòn đá ấy, gọi là Trà Mông đánh. người ta truyền khẩu với nhau rằng: chính tay ngài Cam Lộ đã trồng 7 cây trà đó, mà 7 cây trà này sanh sản lá đọt rất tí, vì kẽ đá thiếu đất dưỡng liệu, đời nhà Minh, đem cống hiến về kinh sư mỗi năm chỉ cần chừng hơn một tiền. Còn chung quanh dưới chơn hòn đá, thì có vài chục cây trà, gọi rằng bồi trà, thì để cung phụng cho các quan viên trong phiên phủ mà thôi.*

*Trong bộ Quảng Hưng Ký dẫn đồ kinh rằng: Trà đây nó hấp thụ dưỡng khí được hoàn toàn nên hương vị rất thơm. Đời Đường ông Lý Đức Dũ vào đất Thực, được tặng phẩm bằng Mông trà, đem thử coi có thực hay không, là đem nước đổ vào trên thang bình (bánh lọt) chừng một giờ thang bình tan hết, là thiệt trà mông-đánh.*

*Lại, tại tỉnh Sơn Đông, đất Nguyễn châu, phía tây bắc huyện Phi cũng có Mông sơn, núi này dọc dài một trăm 20 dặm, có 72 ngọn, 636 động, chùa xưa hơn 70 sở, trên có cái gộp bạch vân, cũng sản xuất trà cũng gọi là Mông đánh trà.*

Pháp sư Ngài nghĩ: nhỡ trước lại, tụng kinh Di Đà và Hồng danh đại sám hồi rồi, phải thí cho lục đạo để phổ lợi cho u minh, nên Ngài căn cứ trong bộ bí mật, thủy thí thực pháp, và cát kinh cứu bạt diệm khẩu nga quý, mà chép ra cái nghi văn Mông sơn đây, để khắp khuyên kẻ hậu học rộng ra cùng chúng sanh ở u minh kết làm cái vô sanh.

Nay có người nào muốn cầu phước huệ thêm thọ mạng, thì bị biện: một bát nước sạch, một bát cơm, một bát rau, và hương đèn v.v.. tùy chỗ mình ở đâu đó, tụng kinh Di Đà rồi liền kể tụng văn Mông sơn đây, tùy tụng tới đâu, thì theo nghĩa mà quán tưởng tới đó; nếu người chẳng thuận thực quán tưởng được, thì chỉ chuyên chú nơi tâm mà tụng, mỗi bài chú tụng 7 biến, hoặc tụng 2 lần 7, 3 lần 7 biến; riêng về chú biến thực, và chú cam lộ, đều tụng 7 lần 7 biến, hoặc một trăm 8 biến, tụng càng nhiều càng tinh, tụng rồi niệm Phật hồi hướng, thì cả mình dương đều được lợi ích.

***Nếu người muốn rõ biết pháp môn công đức của tất cả chư Phật ở ba đời nơi mười phương thì cần phải xét soi ngay nơi***

*một niệm hiện tiền của tánh pháp giới, do vì 10 pháp giới (Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) hoặc tánh hoặc tướng, hữu lậu, vô lậu, nào thiện, nào ác tất cả các pháp, đều duy nơi một niệm tâm hiện tiền của chúng nó tạo ra cả thảy.*

Đó là bài kệ khai thị cái duy tâm.

Ấy là trong bộ kinh Hoa Nghiêm, về hồi thứ tư, bảy giờ Phật ở trên cung trời Dạ Ma (cõi trời thứ 3 của dục giới), có vô lượng Bồ tát đến vân tập dự hội, mỗi Bồ tát đều có thuyết kệ để tán dương Phật. Thuở ấy ngài Giác Lâm Bồ tát cũng nói kệ 10 bài, bài trên đây là bài thứ mười.

Nếu người muốn rõ biết cái pháp của chư Phật, thì cần quan sát ngay nơi cái tâm như niệm hiện tiền đó, vì tâm ấy nó khắp đủ các pháp của mười pháp giới, là cái chỗ mà Phật thường bảo rằng: Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, thực thế.

**Ba đời:** Đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Ba đời đều có mười phương, mười phương đều có ba đời. Ba đời mười phương, đều có vô tận thế giới, thế giới vô tận, thì chư Phật cũng vô tận, chư Phật vô tận, thì chúng sanh cũng vô tận. Song, chư Phật, chúng sanh trọn ở trong tâm như niệm của chính người sở đắc lấy, nên nói: nhất thể duy tâm tạo.

Chỗ nói pháp giới ấy, là cái tên chung của nhất tâm, mà là chỗ muôn pháp quy thú. Lại, giới nhân vì pháp của mười giới đều nhân tâm mà sở tạo ra. Như: chính người nếu khởi cái tâm ra làm mười ác năm nghịch, đó là cái nghiệp nhân tạo ra địa ngục; nếu khởi tâm tham dục si tưởng, đó là cái nghiệp nhân tạo ra ngạ quỷ; nếu dấy cái tâm thấy, yêu, sân, tham đó là cái nghiệp nhân tạo ra súc sanh; nếu móng cái tâm gì ganh hơn giận đũa, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thần A tu la; nếu nổi lên cái tâm giữ can thường ngũ giới, đó là cái nguyên nhân tạo ra nhân đạo; nếu khát khi cái tâm giữ năm giới hành mười thiện, đó là cái nguyên nhân tạo ra thiên đạo; nếu phát khởi cái tâm: chán khổ sanh tử, ưa vào nơi vui tịch diệt, đó là cái chánh nhân tạo ra bậc thánh Thanh văn; nếu phát khởi cái tâm xét nhân duyên tánh không, đó là cái chánh nhân tạo ra thánh Duyên giác; nếu phát khởi cái tâm tu pháp lục độ để giáo hoá người, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thánh Bồ tát. Nếu dấy cái tâm bình đẳng viên dung vô ngại, chính là cái nghiệp của Phật giới

thanh tịnh chẳng khá nghĩ bàn tánh công đức. Nay bài kệ đây chỉ cử lên nói một Phật giới, là nghĩa nó gồm thâu tất cả 9 giới kia.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Vạn pháp mà sở dĩ được sanh ra, là bởi duy tâm nó biên hiện, nhứt đến lá cỏ, gút chỉ, sạn thâu căn nguồn, đều có thể tánh”.

Lại, Tổ Thiên Thai, lấy trăm giới ngàn như, ba nghìn tánh tướng sự tạo lý đủ hai lớp ba ngàn, đều duy là cái tâm hiện tiền thoạt vậy một niệm mà thôi (có biểu đồ ở văn đại sám hối).

Sách pháp số giải thích rằng: thập ấy nghĩa nó gom cả các pháp (mười pháp giới). Giới ấy là lấy 3 để làm ranh chia, nên nói là pháp giới.

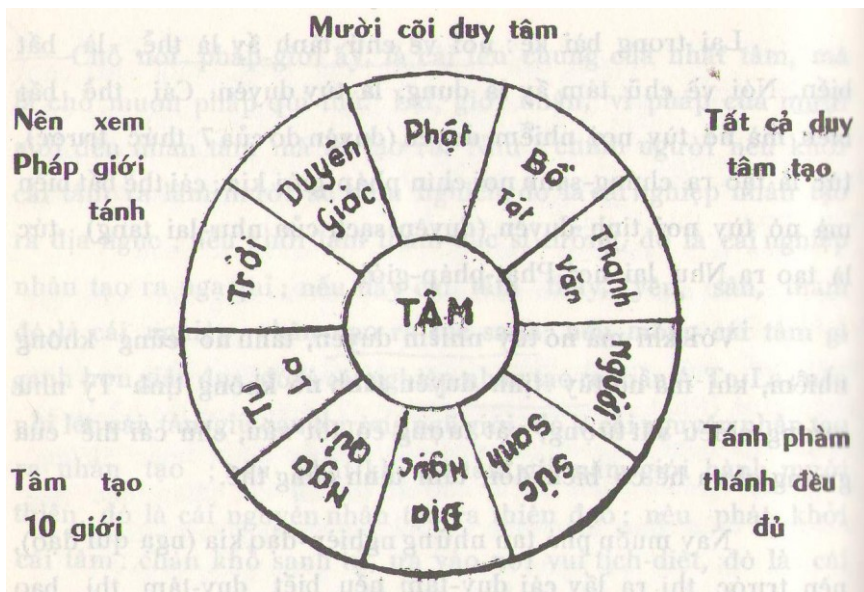
Lại trong bài kệ: nói về chữ tánh ấy là thể, là bất biến. nói về chữ tâm ấy là dụng, là tùy duyên. Cái thể bất biến mà nó tùy nơi nhiễm duyên (duyên do của 7 thức trước), tức là tạo ra chúng sanh nơi chín pháp giới kia; cái thể bất biến mà nó tùy nơi tịnh duyên (duyên sạch của Như Lai tạng) tức là tạo ra Như Lai nơi Phật pháp giới.

Với khi mà nó tùy nhiễm duyên, tánh nó cũng không nhiễm, khi mà nó tùy tịnh duyên tánh nó không tịnh. Tỷ như gương chiếu vật tượng, vật tượng có tốt xấu, chứ cái thể của gương chưa hề có biến đổi, tâm tánh cũng thế.

Nay muốn phá tan những nghiệp đạo kia (ngạ quỷ đạo), nên trước thị ra lấy cái duy tâm nêu biết duy tâm thì bao chúng nghiệp, đương thể tiêu tan mất.

Thuở xưa, tại đất Kinh-Triệu, có ông Vương Minh Cán là người vẫn tạo ác nghiệp, một hôm, nhân bệnh ngặt chết giấc tự thấy có hai người dẫn đường, thấy có một vị Tăng sĩ bảo rằng: “Đức Địa Tạng Bồ tát dạy người đọc lấy bài kệ “Nhược nhân dục liễu tri, tam thể nhứt thể Phật, ung quán pháp giới tánh, nhứt thể duy tâm tạo”. Người tụng bài kệ ấy, có thể vệt được cái khổ nơi địa ngục). Đó, rồi y vào yết kiến Diêm Vương, Vương hỏi: Ngươi có làm được công đức chi không? Y đáp: chỉ mới thụ trì được một bài kệ, kể tụng lại bài kệ trên. Tiếng vang cả địa ngục, tội nhân đều được thoát ra v.v.. ba ngày y sống tỉnh lại được y đi hỏi thăm các vị Tăng sĩ và cư sĩ, mới biết bài kệ kinh Hoa Nghiêm v.v.....

Ồi! Chỉ tụng có một bài kệ, còn đắc ứng nghiệm như thể huống là tụng toàn bộ kinh u!



Tánh là lý tánh, lý vốn tuyệt vời, nguyên không bốn thánh, 6 phàm, mê và ngộ gì cả, mà chỉ nói lý đủ mười giới phàm mà thôi. Tâm ấy là: với lý thành sự mà phân thánh phàm mê ngộ. Nên chi, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh. Pháp tức là sự và lý. Do vì sự nó chẳng tự thành, phải đặng có lý nên mới thành được, còn lý nó chẳng tự rõ, phải do nơi sự nên mới rõ ra được.

Chính chỗ mà người xưa bảo rằng: cử nói lên pháp đều là tâm, cử lên nói tâm đều là pháp. Thế nên cả thập giới đâu chẳng duy tâm duy tánh.

Xưa có bài kệ rằng:

*Thập ban pháp giới họa thành đồ  
 Trực chỉ nhân tâm kiến dã vô  
 Tứ thánh lục phàm tùy nghiệp huyễn (ảo hoạn)  
 Phù vân tán tận nguyệt luân cô,*

Tạm dịch

*Mười miền pháp giới vẽ nên đồ;  
 Chỉ thẳng tâm người thấy biết mô?  
 Bốn thánh sáu phàm theo nghiệp dối  
 Mây mờ tan hết, nguyệt tròn phô.*

Tâm hành của Thánh phàm 10 giới

Giới ngoại bốn thánh  
Vô lậu vô sanh

Giới nội sáu phàm  
Hữu lậu sanh tử

10 địa - ngục—Tâm nghịch, ác chế pháp—thượng phẩm nghịch ác	chung gọi lục đạo
9 súc-sanh—Tâm thấy, yêu xan tham—trung phẩm nghịch ác } ác đạo	- Rộng tạo các phiền-não: là những kiến
8 ngã - qui—Tâm tham dục si tưởng—hạ phẩm nghịch ác	hoặc, tư hoặc giữa
7 Tu - la —Tâm ganh hờn đũa hờn-hạ phẩm thập thiện	tam giới nên vĩnh
6 người —Tâm cang thường ngũ giới—trung phẩm thập thiện } 3 thiện đạo	kiếp phải chịu thân
5 trời —Tâm hữu lậu mười thiện—thượng phẩm thập thiện	phần đoạn sanh tử
4 thanh văn—Tâm tứ đế chân không—đứt hoặc kiến, tư — tiểu thừa	giữa 6 đạo.
3 duyên giác—Tâm nhân duyên tánh không—thêm đứt tập-khi — trung thừa	chung gọi tam thừa
2 Bồ - tát —Tâm sáu độ hai lợi — } đứt hoặc trần sa	- Đứt rời kiến tư hoặc,
phần phá vô minh } đại thừa	nhưng hãy còn các
1 Phật —Tâm pháp giới bình đẳng— } 3 hoặc sạch hết	phiền-não là: trần sa
2 từ mắt hân	hoặc, vô minh hoặc,
1 Phật thừa	nên còn thọ thân biến
— quả vị vô thượng	dịch sanh - tử, ngoài
	tam giới.

## **Lời chân ngôn phá địa ngục**

Khi tụng thần chú đây, phải quán tưởng: tiếng đọc chú và uy quang của Phật đều giáp khắp thấu đến các địa ngục trong mười phương, địa ngục mười phương đồng thời đều phá tất cả, các tội nhân đều được dứt nghĩ khổ não.

### **Án già ra để da ta bà ha**

*Đây là vĩnh ly ác đạo*

Pháp giới đã duy tâm sở tạo, thì địa ngục cũng duy tâm sở phá, chẳng đợi nói mới rõ ă. Sao thế? thưa: Do hoặc mà tạo ra nghiệp, do nơi nghiệp rồi vời lấy khổ. Hoặc: Tức là vô minh, vô minh nó không có tự tánh, nó lấy chân như làm tánh. Mà chân như thì thanh tịnh: trong trẻo vắng lặng dường như cõi hư không thế, từ đâu có hoặc? Hoặc đã chẳng sanh, nghiệp cũng phi có, thì địa ngục các khổ, theo niệm tiêu tan mất.

Chân Ngôn; tánh chân như của Phật, dù cái trí căn bản, do nơi trí căn bản nó lưu thông ra cái trí hậu đắc, do nơi trí hậu đắc nó lưu lộ ra cái tâm đại bi, từ nơi tâm đại bi nó chảy đưa ra phép thần chú bí mật. Nên phàm là thần chú đều từ nơi chân như thực tế của Phật chảy ra nên nói là chân ngôn, nghĩa là bởi chân như hiện ra chân ngôn.

Nếu người trì tụng thần chú, phải biết: mỗi câu cũng từ nơi tự tánh chân như nó lưu ra, do vì trong có cái quán trí rõ rõ, ngoài nương tiếng thần chú rành rành, trí và chú thống nhất, tức thời cảm đến hào quang của chư Phật chiếu lẫn nhau, soi suốt mười phương địa ngục và các ba giới đều chẳng giải thoát, đương thể hoá làm pháp giới thanh tịnh.

Địa ngục gồm có ba chỗ

Một, tám địa ngục nóng: là ngục căn bản ở trung ương, vì có các ngục nhỏ ở chung quanh.

Hai, tám địa ngục lạnh: cũng như trên đã dẫn.

Ba, địa ngục ngoài hiên: là những ngục ở nơi hẻo lánh trên nhân gian.

## **AN LẬP TÁM TƯỚNG ĐỊA NGỤC NÓNG**

Châu Nam Thiệm Bộ Địa ngục Thổ Nê cao 500 do tuần
--

- Địa ngục Bạch Thiện cao 500 do tuần
1. Địa ngục Đẳng hoạt sống 500 tuổi
  2. Địa ngục Hắc thăng sống 1000 tuổi
  3. Địa ngục Chúng hiệp sống 2000 tuổi
  4. Địa ngục Hiều kiêu sống 4000 tuổi
  5. Địa ngục Đại kiêu sống 8000 tuổi
  6. Địa ngục Diêm Nhiệt sống 16.000 tuổi
  7. Địa ngục Cực nhiệt sống nửa kiếp
  8. Địa ngục Vô gián sống 1 kiếp

Từ địa ngục Đẳng hoạt đến địa ngục Cực Nhiệt là 7 địa ngục, bề cao cộng là 19.000 do tuần, mỗi cái bề rộng một vạn do tuần.

Người ta nói: địa ngục ở dưới đáy đó, tức là địa ngục vô gián ở số tám đây vậy.

Ở nhân gian người tạo thập ác ngũ nghịch hạng nặng nhưt, thì sau khi chết, liền hoá sanh ở vào địa ngục vô gián này!

Tám sở địa ngục nóng đây, chồng chất với nhau mà trụ ở dưới châu Nam thiêm bộ, hai ngục trước đều có chủ ngục trị tội; ba ngục kế đó ít có chủ ngục trị hành; ba ngục sau không cần có chủ ngục trị, vì tự nghiệp của tội nhân nó tự hành khảo lấy. Tám sở này làm căn bản nơi trung ương, mỗi sở đều có mười sáu sở du tăng vây ngoài bốn cửa thành, liên cộng với ngục căn bản thành số là một trăm ba mươi sáu ngục. Trong ngục sức lửa nóng dữ lắm như hòn đá tư vuông một trượng để vào trong ngục lửa này, tức thời đá tiêu tan. Chứ như lửa ở nhân gian, để một viên đá nhỏ, dù đốt lâu mấy, đá ấy cũng chẳng tiêu. So đó để biết lửa ở địa ngục nóng là bực nào, nên gọi là nhiệt ngục.

Tám sở địa ngục nóng, lần lượt dẫn giải ra dưới:

Một, ngục Đẳng hoạt: chúng sanh ở ngục này, mười ngón tay đều sanh ra móng tay bằng sắt, hễ có giận nhau, thì cào cào với nhau, tay vừa bấu đến đầu là móc thịt rớt ra tới đó, liền xiủ chết ngay, hoặc quỷ ngục tốt kêu bảo sống, tức thời sống trở lại, hoặc có một luồng gió lạnh thổi đến, làm cho sống lại, hai duyên có ấy tuy khác, chứ khiến cho sống lại thì cũng đồng một lẽ. Chịu hết tội ở ngục Đẳng hoạt rồi, theo thứ lớp ra chịu tội hành ở nơi mười sáu du tăng là ngục nhỏ nữa, mỗi chỗ cũng đều sống lâu năm trăm

tuổi, do lúc ở nhân gian, buông lung thân khẩu ý tạo nghiệp bất thiện mà gây nên.

Hai, ngục Hắc thăng: quý ngục tốt lấy dây sắt nóng trôi thân người tội, lưỡi búa theo đường dây mà chặt thân đứt ra trăm ngàn khúc; lại trôi lấy cưa cưa đó, hoặc lấy dây sắt nóng vặn thân riết đứt thấu xương, như thế chịu hết tội ở ngục Hắc-thăng rồi, ra theo thứ lớp chịu tội hành ở mười sáu ngục du tăng nữa. Mỗi ngục đều sống một nghìn tuổi, do lúc ở nhân gian, tạo những nghiệp nghịch với cha mẹ, Phật, và các thánh Thanh văn mà gây nên.

Ba, ngục chúng hợp: là hai hòn núi hiệp lại với nhau, để ép người tội, xương thịt nát tan, rồi hai núi dãn ra hoàn về chỗ cũ, thống khổ muôn điều, như thế chịu rồi ra, với mười sáu ngục du tăng theo thứ lớp vào chịu nữa, sống ngàn tuổi do tạo ba ác nghiệp, chẳng làm ba thiện nghiệp mà gây nên.

Bốn, Hiên kiều ngục: cũng gọi là Kiều hoá, cũng gọi là hô hô. Quý ngục tội bắt người tội liệng vào trong cái vạc lớn để nấu, kêu la nhảy nhót, đau khổ muôn trạng như thế chịu rồi, lại theo thứ lớp vào mười sáu ngục du tăng chịu nữa, sống bốn ngàn tuổi, bởi ôm lòng độc sâu khuể, tạo các hạnh ác mà gây nên.

Năm ngục Đại kiều: cũng tên là ngục Đại hô, đem người tội để vào cái chảo sắt, hoặc cái vạc sắt để nấu sôi, rồi lại liệng lên trên cái tấm vỉ sắt lớn để quay ram. Như thế chịu rồi, lại ra theo thứ lớp mà vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội nữa, sống tám ngàn tuổi. Bởi gây cái lưới ái tà kiến, tạo cái hạnh thấp hèn mà chiêu cảm lấy.

Sáu ngục Viêm nhiệt: cũng kêu là ngục thiên nhiên, tội nhân ở trên cái lầu bằng lửa, hoặc ở trong thành bằng sắt, hoặc ở trong cái lò gốm bằng sắt lớn, trong ngoài đều hực đỏ, da thịt bị cháy rã như thế chịu ở ngục đây ra rồi, lại còn theo thứ lớp vào mười sáu ngục du tăng để chịu tội nữa, sống một vạn sáu ngàn tuổi, do đốt sanh mạng mà gây nên.

Bảy ngục Chứng nhiệt: Cũng kêu là ngục đại thiêu nhiên, cũng gọi là cực nhiệt, thành bằng sắt lửa đốt cháy trong ngoài đều đỏ, hầm lửa, núi lửa. Ngục tội cầm cây thiết xoa đâm vào thân tội nhân đem để dựng đứng trong lửa, chịu tội rất lâu rồi lại vào nơi mười sáu ngục du tăng chịu hành tội nữa, sống nửa kiếp do bỏ quả lành làm hạnh ác gây nên.



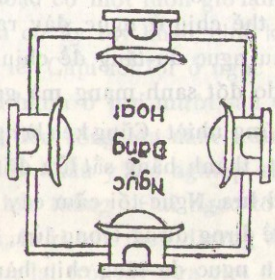
Tám ngục Vô gián: cũng tên vô trạch, lột da vắn thân để trên xe lửa, hoặc bánh xe nghiền nát ra, hoặc để vào thành sắt toàn lửa cháy không có chỗ trống, thống khổ vạn đoạn, không chút xen nghỉ, đây tức là ngục ngũ vô gián, như thế chịu rồi tội ở ngục đây, lại theo thứ lớp phải vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội thêm nữa, sống một kiếp tuổi do trước kia ở nhân gian tạo những tội ngũ nghịch thập ác mà gây nên cái kiếp bị đày đọa ở ngục vô gián này.

Từ ngục Đẳng hoạt đến ngục cực nhiệt là bảy ngục cộng bề cao là một vạn chín ngàn do tuần, bề rộng đều một muôn do tuần; riêng về ngục vô gián bề cao và bề rộng đều hai vạn do tuần.

**Tám ngục nóng, mỗi ngục đều có 4 cửa, 1 ngục  
cộng là 16 địa ngục nhỏ gọi du-tăng**

**Chết đói** : Vật trên sắt nóng  
hoàn sắt để miệng.  
**Vạc đồng** : Ngục-tốt bát  
người đồng dầu  
vạc đồng.  
**Nhiều vạc** : Móc sắt bắt dễ  
trong vạc nhiều  
đồng.  
**Cối đá** : Vật trên đá nóng  
cối đá xay thân.

**Nung huyết** - Mủ máu sôi  
vọt giồng chảy ở  
trong.  
**Lường lửa** - Cầm đầu sắt  
nóng tay lường  
nhóm lửa.  
**Sông tro** - Nước tro cả nóng  
gieo chim ở trong.  
**Hoàn sắt** - Nằm hoàn sắt  
nóng cả thân lửa  
cháy.



**Riêu búa** : Vật trên sắt nóng  
riêu búa chặt thân.  
**Chó sói** : Có bày chó  
đưa đến táp thịt.  
**Cây kiếm** : Gió thổi  
kiếm lá đâm thân.  
**Giá lạnh** : Khô độc kêu la  
mới mạng chung.

**Cát đen** : Gió thổi cát nóng  
cháy da thấu xương.  
**Tiểu phần** : Tiểu phần hoàn  
sắt bụm để trong  
miệng.  
**Đinh sắt** : Nằm trên sắt nóng  
đinh sắt khắp thân.  
**Phòng rã** : Vật trên sắt nóng  
nước đồng rót  
miệng.

Luận Bà Sa nói: 8 ngục nóng, mỗi ngục đều có bốn cửa, phía ngoài đều có bốn du-tăng; tội như đao qua, kia, chịu khổ thêm vậy. Kinh Chánh Pháp niệm nói: Khô ở địa ngục vô gián, gấp ngàn lần hơn 7 địa ngục lớn trước v.v....

## Đồ tướng an lập của tám sở địa-ngục lạnh

<p><b>1 Âm phủ đà</b></p> <p>Hạnh khổ quá ngặt Thịt sanh tế bào</p>	<p><b>5 Âm hầu hầu</b></p> <p>Cưỡng họng hơi rung Nên thốt tiếng ấy</p>
<p><b>2 Ni Lại phủ đà</b></p> <p>Gió lạnh thổi vào Toàn thân thành bảo</p>	<p><b>6 Uất ba la</b></p> <p>Màu thịt nhỏ xé Như hoa sen xanh</p>
<p><b>3 A tra tra</b></p> <p>Môi động chằng dằng Lưỡi khua tiếng ấy</p>	<p><b>7 Ba đầu ma</b></p> <p>Màu thịt xé lớn Như hoa sen nở</p>
<p><b>4 A ba ba</b></p> <p>Lưỡi động chằng dằng Môi đánh tiếng ấy</p>	<p><b>8 Phân đà lợi</b></p> <p>Người tội xương chẻ Như hoa sen trắng</p>

Tám ngục lạnh đây, vị trí ở dưới núi thiết vi. Tội nhân đi ở bằng cách ngửa mặt hướng lên; hai ngục trước do nơi thân tướng chịu đặt tên; ba ngục kế đó là do nơi thanh tướng mà chịu đặt tên; ba ngục sau là do nơi cái tướng ghê mà chịu đặt tên. Đều là cực kỳ lạnh rét ép ngặt!

Sống lâu nhiều như cái học của nước Kiêu tất là, lường hai mươi học hột mè, giả như có người sống lâu, cứ mỗi một trăm năm lấy bỏ ra một hột mè, cứ như thế mãi, chừng nào lấy ra hết số hột mè của hai mươi học ra, mới là hết số tuổi sống ở địa ngục án phù đà, hai mươi lần tuổi sống của án phù đà mới là làm số tuổi sống của ngục Ni lại phù đà. Cứ như thế, cả tám ngục theo thứ lớp mà tuổi sống cứ gấp bội phần tăng lên.

Ngoài tám nóng tám lạnh ra, riêng có các ngục lớn, nhỏ, danh ngạch vô lượng, đủ như trong các bộ kinh luận kể rõ.

Địa ngục ngoài biên gồm có 3 chỗ: Giữa núi, giữa nước, đồng hoang; Đều chịu khổ báo nghiệp riêng.

Trong bộ Lục Trang Thung chép: Những địa ngục cõi quạnh riêng một mình, thì ở nơi các chỗ trong châu Diêm phù đề, như là: hoặc nơi đồng hoang rộng vắng; nơi chính giữa núi rừng; nơi bờ biển; nơi trong đình miếu v.v.. có cả đến tám vạn bốn nghìn toà, khổ báo dần dần nhẹ ít. Các địa ngục nhỏ đây, phải chịu xen lộn vừa hàn vừa nhiệt, sự chịu khổ: có kẻ nhiều, có kẻ ít; với tuổi sống: có kẻ dài có kẻ vắn.

Các ngục ở bên biển, như các sở mà ông Tăng Hộ đã đi đến thấy đó; các ngục ở giữa núi, như là: Thái sơn, phong đô, lại như các sở mà ông Úc Nhĩ đã đi đến nói thấy đó v.v...

### **Lời chân ngôn phổ triệu thỉnh**

Khi tụng thân chú đây, quán tưởng cả mười phương, ba đồ, sáu đạo tất cả chúng sanh, vâng uy quang của Phật, trong nhứt thời này đồng đến nơi đạo tràng đây, để rồi thụ thí thực.

### **Nam mô bộ bộ đế lý già rị đa lý đác đa nga đa da.**

Phổ: Khắp trước, đã phá các địa ngục và các nghiệp đạo buộc ngăn, thì nghiệp đạo của địa ngục đương chỗ giải thoát, e hành nhân là người làm việc thí thực, tâm quán tưởng chẳng được tinh thành, không thể khiến cho chúng sanh kia ứng theo lời vời mà đến, nên lại tuyên lời thần chú để khắp với chúng sanh tội khổ trong pháp giới, tìm theo ánh hào quang liền đến đạo tràng.

**Hỏi:** Mười phương ba đồ xa cách vô cùng, làm sao có thể khiến cho chúng ứng theo lời vời liền đến?

**Đáp:** Tự tâm tha tâm, vẫn không xa gần, nhân vì mê nên có cách, nay nương sức gia trì thần chú, cảm sức uy quang của Phật, khắp khiến mười phương đều thành cảnh thắng diệu, không còn

cái tướng viển cận, nên khiến một lời triệu thỉnh liền đến đặng ngay.

### **Lời chân ngôn giải oan kiết**

Khi tụng thân chú đây, quán tưởng chúng sanh trong sáu đường, đều vâng chú lực và Phật lực, khiến cho điều oan kiết từ vô thủy, đều được nhứt thời thanh tịnh.

### **Án, tam đà ra già đà ta bà ha.**

Từ vô thủy lại nay, quấy sanh cái lòng phân biệt nhân và ngã: kêu bằng ta làm chủ, còn người là đối phương với ta, mà rộng ra kết dây oan thù; nay e mỗi mỗi chúng kia lấy mạnh lướt yếu rồi gây chướng nạn nữa: hoặc chợt hiện ra các điều chướng, hoặc rốt rồi sanh tâm bất bình, hoặc nhận thấy nhau mà dấy điều nhiệt nã, nay nương cái công gia trì thần chú, khiến cho mỗi mỗi chúng kia từ vô thủy oan kiết chỉ trong nhứt thời này được giải thích, kính ái lẫn nhau, đồng đến nơi pháp hội bình đẳng.

### **Phụng thỉnh Tam Bảo.**

Xét bốn kinh Diệm Khâu: nửa phần trước đều là về sự kết lập đàn tràng, phụng thỉnh Phật thánh, bày ra các món cúng dường; nửa phần sau là vào Quan âm định rồi, sau mới phá địa ngục, và triệu thỉnh các đấng u hồn trong lục đạo. Nay văn thí thực đây lại trước thì phá địa ngục, sau mới triệu đó, là do ban sơ tụng một bài kệ Duy tâm chỉ thị ra chỗ phá ngục, tức là đạo tràng rồi.

Khi tụng thân chú này, phải tưởng tất cả Quý thần đều nhứt tâm trường quỳ chấp tay, rập tiếng xung dương hiệu Phật:

### **Nam mô Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh**

Đó là đề mục của bộ kinh Hoa Nghiêm, tức là ngôi nhứt thể Tam bảo: Đại phương quảng là Pháp bảo; Phật là Phật bảo; Hoa nghiêm là Tăng bảo.

Đại, tội cõi hư không còn có thể đo được, chứ với cái thể của đại đây không sao đo được, vì nó không có biên bờ. Phương thì với tội biển khơi còn có thể uống được, chứ với cái pháp của phương đây không thể uống hết được, vì pháp môn nó vô tận; Quảng thì nghiền nát các cõi Phật nhiều bằng số vi trần ra bụi, với bụi ấy còn có thể đếm được, chứ với cái Dụng của Quảng đây không thể đếm được, vì Dụng nó không thể lường; Phật thì lia năng giác, sở giác, muôn pháp sáng suốt; Hoa, thì bát ngát phơi ra muôn hạnh, tươi rỡ các đức; Nghiêm thì tròn đức hạnh nay, để trau

giời mười thân kia; kinh thì xỏ râu từ chữ từ câu để thành ý nghĩa vi diệu.

Do thế, cử lên nói đề mục liền đã gồm hết toàn kinh số là kinh đây, là Phật ngài hiện ra Viên mãn Báo thân phóng hào quang để gia bị cho các vị Đại Bồ tát, mà các vị Đại Bồ tát đều vâng uy lực nói ra cái tâm viên mãn pháp giới, kiêm nói cái nét hạnh của lịch kiếp.

Nếu có vẻ thấy người nghe lay tụng kinh này, đừng ích vô lượng.

Tổ Thiên Thai Đại sư nói: chỉ nghe nội cái đầu đề kinh này đã được công đức vô lượng.

Tổ Thanh Lương làm lời tựa, có câu rằng: Thấy nghe làm giống tám nạn siêu lên bực thập địa, là đây gọi thể chẳng.

*Nam mô thường trú thập phương Phật*

*Nam mô thường trú thập phương Pháp*

*Nam mô thường trú thập phương Tăng.*

Từ đây sắp xuống là biệt tướng Tam bảo.

Ba đời chẳng đổi, muôn kiếp vẫn còn là thường: pháp thân khắp giáp, lóng đứng chẳng động là Trú. Tam Bảo đều là thường trú chẳng diệt, lẫn khắp mười phương. Như thể, Biệt tướng, có biểu đồ ở văn sám hồi.

Nhứt thể: Là nhứt thể Tam bảo, cũng gọi đồng thể Tam bảo.

Biệt tướng: Là Biệt tướng Tam bảo.

**Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.**

Đây là đức giáo chủ ở thế giới Ta bà, làm Bổn sư của chúng sanh cả chín cõi.

Thích Ca dịch: Năng nhân, là họ, nghĩa là hay thực hành nhân đức rộng giúp ba giới. Mưu Ni, dịch: Tịch mặc, là tên Tỳ, nghĩa là hoặc nghiệp vắng bật lui đến lặng im.

Trước ở trong nội viện trên cung trời Đâu Suất, hiệu là Hộ Minh Bồ tát, bấy giờ, lấy cơ duyên của chúng sanh sở cảm, chuyên thân từ cung trời Đâu Suất, giáng sanh xuống nước Ca tỳ la vệ, cha là Tịnh Phạn vương, mẹ là Ma Da phu nhân: phu nhân nằm mộng thấy Bồ tát cõi bạch tượng sáu ngà, từ trên trời giáng xuống, vào nơi sườn phía hữu; về sau, thân ý thư thái, với điềm tướng ấy, đức Bà thường thấy mãi thế.

Đến giờ sắp sanh, Thánh mẫu ngự ra thượng uyển (Lum Bỳ Ni) gặt cây Vô-ưu hoa nở rộ, Thánh mẫu đưa tay hữu lên vịn cành hoa, bắt ngò Bồ tát từ nơi sườn phía hữu đản sanh (đó là sanh nở bằng cách hoá sanh: Sanh bằng cách biến hoá, nên muốn gá vào nơi sườn để biến hiện ra, còn như đức Di Lạc sau này gá nơi trán mẹ để hiện sanh, đó cũng là hoá sanh; chớ chẳng phải như thai sanh đâu mà phải do nơi cửa mình mẹ đẻ sanh. Phải biết cõi ta-bà này có bốn cách sanh là: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, và hoá sanh), bấy giờ có chín con rồng phun nước, đùng bồng vàng tắm gội, thái tử đi tới lui qua lại mỗi hướng đều bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, thốt tiếng rằng: trên trời dưới trời chỉ có ngã tướng là độc tôn v.v...

Phụ hoàng dẫn đến lễ yết miếu Phạm thiên, tượng trời bồng đứng dậy làm lễ lạy.

Nhà vua về đền, vời nhóm quần thần để vì đặt tên cho Thái tử là Sarvasiddhārtha (Tát bà tát đạt đa, dịch: Như thế nghĩa thành tựu). Năm lên tám tuổi rộng học lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), phàm những kinh sách của thế gian bấy giờ, đâu chẳng học thuộc lòng cả.

Vua cha cưới nàng Da Du Đà La cho Thái tử làm hiền thê, với dực niệm rất thanh tịnh, do vì túc duyên nên chỉ vào bụng Phi mà tiên đoán rằng: Sau sáu năm quý phi sanh con trai (mang thai sáu năm, sanh La hầu la).

Thử ra dạo chơi bốn cửa thành, gặp các người già, người bệnh, người chết, và thần Sa môn (tu sĩ của đạo Bà la môn), thì cái tâm xuất gia càng thực giục.

Năm lên 19 tuổi, đêm 19 tháng 2 (kinh Nhân quả ghi là ngày mùng 7 tháng 2) bốn vị Thiên vương bồng chun ngựa ra cửa thành phía bắc, đến núi Đản Đặc, tạm nghỉ trong rừng, lấy gương mang bên mình ra cắt tóc, thốt lời thệ nguyện rằng: Nguyện cùng tất cả chúng sanh dứt phiền não.

Bấy giờ, vị trời Tịnh Cư hoá thân ra làm một người thợ săn, thân đắp áo cà sa, Thái tử lấy áo châu ngọc đổi cho người, Thái tử vào núi Di Lô, theo hai vị tiên nhân là A Lam, Ca Lam để học phép định bất dụng xứ được ba năm. Lại theo ông Uất đầu lam, luôn ba năm để học phép định phi phi tướng, tự biết là chẳng phải chánh pháp, bèn bỏ đi nơi khác.

Đến núi Tượng đầu, ở lẫn trong chúng Ngoại đạo, tự tu khổ hạnh, đến đời ngày chỉ ăn một hột mè một hột bắp, lấy cái công: vô tâm, vô ý, vô thụ vô hành, các vị tu sĩ Ngoại đạo đều chịu học theo; tu như thế sáu năm, tự biết sắp thành đạo, tự nói: vay đây phi giải thoát, phải ăn trước đã, sau thành Phật đạo.

Bèn đến sông Nê Liên để tắm gội, thụ lãnh bát sữa cháo của Mục nữ cúng hiến mà ăn, dần dần tướng hảo bình phục lại như xưa (tu khổ hạnh sáu năm, thân thể gầy ốm, chúng sanh nhục nhãn, khó dùng kính tin, nên trước phải ăn).

Tìm đến bên cội cây Tất bát la (cây Bồ đề cũng kêu cây da Lâm vồ), vị Thiên Đế Thích (vị Thiên chủ ở trời Đạo lợi đánh núi Tu di) hoá thân ra làm một đồng tử tên là Cát Tường tự cắt cỏ đem lót chỗ ngồi bên gốc da, là đêm mừng bảy rạng mừng tám tháng hai (nhà Châu Kiến tý - tháng 11 ta - làm tháng giêng, thì Sửu là tháng hai, - tức tháng 12 ta; nhà Hán Kiến Dần - tức tháng ba nhà Châu - làm tháng giêng, thì Sửu là tháng 12 - tức tháng hai nhà Châu, mà tháng chạp của ta ngày nay. Vay với ngày Phật thành đạo; nếu cứ niên lịch nhà Châu, thì là ngày mừng tám tháng hai của nhà Châu, tức là mừng tám tháng chạp của niên lịch nhà Hán, tức cũng tháng 12 của ta ngày nay. Lại cái thuyết: mừng bảy tháng tư đẹp Ma, mừng tám thành đạo).

Đã ngồi lên toạ cỏ rồi, phóng quang đẹp Ma xong, liền vào chánh định, đến giờ Tý (chính là đầu ngày mừng tám) chợt thấy sao Mai mọc sáng liền ngộ đạo thành Phật (ta bảo: khi đương nhập định, chưa rảnh để thấy, đến khi ra định, vô để ý mà thấy minh tinh chạm đến cơ duyên mà ngộ Phật đạo, bảy giờ 30 tuổi).

Với nơi toạ Kim Cang (trong kinh nói: bên gốc cây Lâm vồ, có cái toạ bằng chất Kim Cang, là cái Mùn của trái đất ta-bà), hiện ra cái tướng Viên mãn Báo thân, luôn hai mươi một ngày, vì bực đại căn Bồ tát mà thuyết kinh Hoa nghiêm hạng tiêu căn thấy Phật vẫn là thân một tượng sáu của tướng Tỳ kheo đó thôi.

Bảy giờ có các vị: Phạm Vương, Đế Thích và cả Chư Thiên đến thỉnh Phật chuyên pháp luân. Với ngày sau ba tuần thất, Phật ngài đến vườn Lộc giả, trước nhứt độ năm tu sĩ là bọn ông Kiều Trần Như.

Lại đến nước Ma Kiệt Đà, hoá độ ba anh em ông Ca Diếp Ba và các ông Xá Lợi, Mục Liên theo thứ lớp đều đắc độ, đồng thành đạo quả Thanh văn.



Như thế thuyết pháp hơn ba trăm hội, độ người nhiều đến vô lượng.

Ngài sống được tám mươi tuổi, mà vào cõi Niết bàn. Đó là một thời kỳ đức Như Lai ra đời giáo hoá.

### **Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát**

Khấp vận cái tâm tam duyên, nên nói là Đại bi. Quan: tức là trí của Bồ tát; Thế âm: tức là tiếng của chúng sanh ở chín cõi. Nghĩa là chúng sanh có bị khổ thì ắt thốt tiếng kêu vang nơi miệng. Lại, Bồ-Tát thưở xưa với trước kiếp lâu xa, nghe Phật Vô lượng uy đức tự tại quang minh vương Như Lai thuyết thân chú Đà la ni (biển thực chân ngôn) đem trao cho đức Thích Ca, đến nay Đức Thích Ca thành Phật, Quan Âm ngài bí mật hoá hiện ra cái thân Diện Nhiên Qui vương, để bảo A Nan thừa thỉnh nơi Phật mà nói ra thân chú đây, đặng rộng giúp cả chúng sanh ở cõi mình và cõi dương.

Lớn lao thay! Đức Quan Âm, vận lòng từ vô duyên, làm người chẳng đợi mời, từ mấy ngàn năm lại kịp qua đời sau, đều nhờ lấy đức của Ngài đó, mà pháp này chẳng bị suy sụp, cái công huân rất lớn đó, trong muôn kiếp đâu có thể tột được một phần muôn!

Tâm tam duyên: Một, Chúng sanh duyên từ bi, nghĩa là lấy một cái tâm từ bi xem: chúng sanh trong năm đạo mười phương cũng như xem: cha mẹ, anh em, chị em con cháu duyên đó mà thường nhớ cái tâm cho vui bớt khổ, nên gọi là Chúng sanh duyên từ bi tâm... đó là phần nhiều ở nơi phàm phu hoặc người hữu học chưa dứt phiền não mà khởi duyên này. Hai, Pháp duyên từ bi tâm... và ba, Vô duyên từ bi tâm... thấy ở: Trí độ luận cuốn hai mươi, Phật Trí luận cuốn năm, và kinh Niết bàn.

### **Nam mô Minh Vương cứu khổ Địa tạng vương Bồ tát.**

Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thuộc về cõi U minh; Trời, Người, Thần A Tu la thuộc về cõi Dương gian, nên gọi là Minh vương.

Đức Địa Tạng nguyện rằng: “độ hết chúng sanh mới chứng Bồ đề (gồm cả Minh-dương), địa ngục chưa không thể chẳng thành Phật” Chỉ nói cõi Minh - Nên nói là “Minh Dương cứu khổ”.

Địa: đất, hay sanh vạn vật; Tạng: kho, khá chứa các báu; Vương: vua, đủ nghĩa tự tại. Là nói: Bồ tát dùng cái tâm địa bát tư

ngộ hạnh nguyện để trùm chứa cái công đức hằng sa trí tuệ, mà đắc cái diệu dụng tự tại. Do thế, đức Địa Tạng Ngài từ trong vô lượng kiếp, giáo hoá vô lượng đệ tử đã thành Phật, mà Ngài vẫn còn ở cái địa vị Bồ tát, sở dĩ chưa nguyện thành Phật đó, chớ đâu phải chẳng nguyện thành Phật ư.

Chỉ bởi với chúng sanh độ hết, thì nguyện của ngài mới hết, mà đấng này độ chúng sanh chưa hết, nên nguyện của Địa Tạng chưa hết, nguyện của ngài chưa hết, thì cái tâm độ người của Địa Tạng đâu có giờ nào hết được ru!? Nên với hạnh nguyện của Địa Tạng, trọn không có Bồ tát nào mà có thể hơn được.

Lại, kinh Địa Tạng nói: Đức Thế Tôn vỗ lên cườm tay vàng vò trên đầu Địa Tạng mà nói lời này: Địa Tạng! Địa Tạng! thần lực của ông chẳng khá nghĩ bàn; tâm từ bi của ông chẳng khá nghĩ bàn; trí huệ của ông chẳng khá nghĩ bàn; biện tài của ông chẳng khá nghĩ bàn! đối với việc chẳng khá nghĩ bàn của ông, dầu mười phương chư Phật khen ngợi rao nói mãi ngàn muôn kiếp đi nữa cũng chẳng kể hết!

### **Nam mô khởi giáo A Nan Đà Tôn giả.**

Ngài A Nan đã chịu lời kinh cáo của đức Diện Nhiên, đến cầu thỉnh đức Như Lai thuyết ra pháp môn đây, nên gọi rằng khởi giáo. Tiếng phạm là A Nan Đà, dịch Khánh Hỷ, sanh nhằm ngày đức Thái Tử thành Phật, nên đặt là Khánh Hỷ (nghĩa là Mừng Mừng! Vì một là được tin Thái tử thành Phật, hai là trong cung nhà Thúc báo tin sanh vương tử, chỉ trong một ngày mà hai tin ấy nên tên Mừng Mừng) A Nan đã là con Bạch Phạn vương (có chỗ nói với con Học Phạn Vương), tòng đệ của Phật. Sau xuất gia làm thị giả của Phật ông có cái huệ đa văn bực nhưt.

Một bữa nọ, A nan ngồi một mình trong rừng để nhập định, lúc canh ba thấy một vị Nga quý, miệng phực ra lửa ngọn, đầu tóc tủa khói, thân hình xấu ghê, hai tay hai chơn và cả lông đốt đều có tiếng trều trệu như chiếc xe hư, đói khát như lửa lẩn cháy, cằn cổ nhỏ tợ mũi nhọn, nanh và móng tay dài suốt như gươm, cực kỳ thống khổ, khó mà nở thấy!

A Nan hỏi: danh tự là chi?

Đáp: Diện Nhiên. Ông sau ba ngày sẽ đọa làm Nga quý.

A Nan hoảng kinh hỏi: có phương pháp nào được khỏi?

Nga quý đáp: qua rạng sáng ngày mai, ông dùng các thức uống ăn đem bố thí cho loài nga quý nhiều bằng số trăm ngàn ức

hằng hà sa, và cúng dường cho vô lượng Bà la môn Tiên, Diêm la làm chủ, các Minh quan nơi nghiệp đạo, cả các quý thần, các vong hồn đã chết trước từ lâu xa, mỗi mỗi bằng bảy lần bảy hột ả thực như cái hột của nước Ma Kiệt Đề dùng đó và vì chúng tôi mà cúng dâng ngôi Tam bảo, để cho chúng tôi được lia khổ địa ngục ngạ quỷ, siêng lên thiên thượng, thì ông mới thêm tuổi thọ.

A Nan kinh sợ, sớm mai yết kiến Phật, thưa lại chuyện trên.

Phật dạy: ông chớ quá ư lo sợ! Ta nghĩ nhớ lại trong quá khứ vô lượng kiếp, thuở đó ta làm người dòng Bà la môn, đối trước Ngài Quán Thế âm, ta thụ được pháp đà la ni (biến thực chân ngôn) của Phật vô lượng uy đức Tự tại Quang minh Như Lai; ta nay bảo người: nếu trì tụng thần chú đây, niệm được bảy biến có thể khiến cho một món ăn nó hoá ra làm vô lượng món ăn, đều thành mùi vị cam lộ rất ngon nức, liền hay đầy đủ cho trăm nghìn số cu chi, Na do tha, hằng hà sa số, tất cả ngạ quỷ, Bà la môn, chư Tiên, dị loại Quý thần, đều mỗi mỗi dâng các thức ăn đựng đầy theo hột của nước Ma Kiệt đề, và đều đắc Thánh quả, hoặc sanh tịnh độ mà ông liền dâng thêm tuổi thọ. (Trung quốc xưa Lương Võ Đế kiến thiết đàn chay Thủy Lục và đời Đường ngài Kim Cang Trí Pháp Sư tu pháp Du già thí thực, mở ra các sự cúng dường, đều do gốc nơi đây cả.)

Ngạ quỷ, trong sách Phật, một danh loại này nó gồm thân cả thiên thần địa kỳ các vị thần minh.

Đời Đông Hán, ông Trịnh Huyền nói: Tinh khí của thánh nhân gọi là Thần, tinh khí của Hiền nhân gọi là Quỷ. Thi Tử nói: Thiên thần gọi là Linh, Địa thần gọi là Kỳ, Nhân thần gọi là Quỷ. Nay Nội điển nói là Quỷ thần đó, thần: Năng Bực, có đại lực, thì năng dời núi lấp khe, còn tiểu lực thì năng ẩn hiển biến hoá. Quỷ sợ. Luống khiếp nhiều sợ! Lại, Quỷ: Uy. Hay khiến sợ uy. Chỗ ở có chánh trụ biên trụ. Quả báo thì có: hữu uy đức, vô uy đức. Chủng loại nhiều vô lượng, quả báo cũng đều khác nhau. Sách Chánh lý luận, nói có ba phẩm chín loại, kinh chánh pháp niệm nói có ba mươi sáu chủng loại; thí thực nghi lời chú nói có mười sáu bộ quỷ vương; Kinh đại kiết nghĩa chú, nói có bốn vị Thiên Vương thống lãnh tám bộ quỷ thần v.v...

Quý đạo hai loại phân ở hai chỗ:

1. Chánh Trụ: dưới châu Nam diêm phù đề, cách chừng năm trăm dặm có thành Diêm La chu vi là bảy vạn năm trăm ngàn

dặm, Diêm vương thống lãnh quỷ chúng, an trụ giữa trung ương đó; lại, tại trung gian hai núi thiết vi là chỗ mà ánh sáng của Nhật Nguyệt không chiếu tới được, trong đó có rất đông loài ngựa quỷ.

2. Biên Trụ: giữa bốn Châu, những danh sơn, đại xuyên bê cả, bên biển, hang núi, giữa chỗ trống không gò mả xưa nồng rừng, chỗ mới ở, nhà vườn cũ, nơi bình phong cầu tiêu, cả các chỗ bất tịnh; thấy đều có quỷ này ở đó.

Thứ quỷ có uy đức: ở các chỗ giữa núi, trong hang giữa chỗ trống không, bên bờ biển, đều có cung điện bằng thất bửu trang nghiêm, mỹ lệ, phi mắt nhân gian thấy được.

Thứ quỷ không có uy đức: Nương dựa nơi chỗ bất tịnh phần uế, lùm cỏ, bụi cây gò mả, bình che nhà xí, gò hoang, nương nơi vật gì đó, dựa nơi bóng chàng, dựa bóng âm u, chớ đều chẳng có nhà cửa cung điện chi cả.

### **Uy đức có hai hạng**

1. Hữu phước hữu đức là chánh thân:

Trong bốn châu thiên hạ, những núi có danh thắng, sông lớn, như ngũ nhạc, tứ độc, thành hoàng, thổ địa v.v... đều có chỗ chấp chỗ chủ, có quốc tế, có nhân dân thờ cúng hương lửa đời đời, có phước giúp cho nước nhà dân thứ, nên gọi là chánh thân.

2. Có phước không đức là Tà thân

Các đấng Quỷ thân như: Dạ xoa, La sát, Ly, My, Vồng Lượng, thứ nương dựa nơi vật gì đó, để làm sự quái my, thứ nương dựa nơi đình làng, miếu xã, để đem điều phúc, họa làm bậy kiếm ăn hưởng cúng nơi huyết thực dâm từ.

Thân lượng của Ngạ-Quỉ

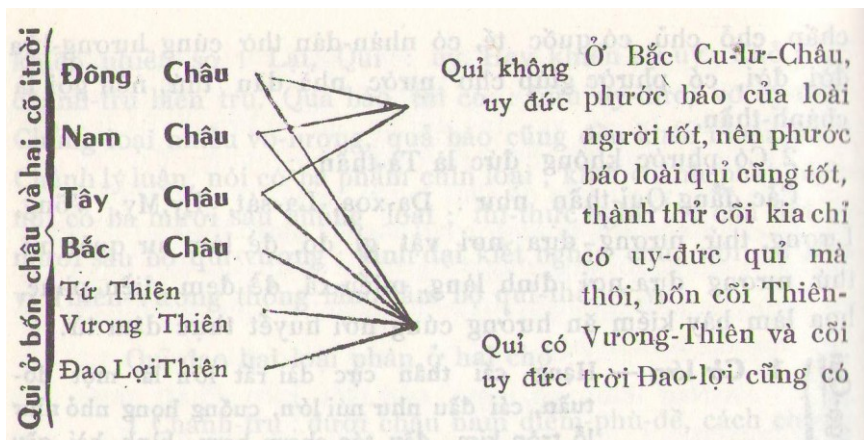
- 1 **Cở lớn** — Hạng cái thân cực dài rất lớn là một do-tuần, cái đầu như núi lớn, cuống họng nhỏ như lỗ tròn kim, đầu tóc chơm bươm, hình hài gầy ốm, chống gậy mà đi.
- 2 **Cở vừa** — Hạng mà cái thân bực trung bình, thì không như định v.v..
- 3 **Cở nhỏ** — Hạng mà cái thân tương rất nhỏ bằng đĩa bé mới vừa biết nói; hoặc có chỗ nói hình-lượng nó bằng cở trung gian giữa ba tấc.

Loại Quỉ có 3 điều chướng ngại

- 1 **Nội chướng** — Cần cò như mũi kim, miệng như ngọn đuốc lửa bùng rộng lớn, dù gặp uống ăn, mà chẳng ăn đặng.
- 2 **Ngoại chướng** — Thường chịu đói khát, da thịt đen như than, đầu tóc chơm bươm, miệng khô khốc, tra le lưỡi tự liếm miệng.
- 3 **Vô chướng** — Có thứ Ngạ quỉ tên là Mãnh - Diệm mang, tùy ăn uống chi, đều bị hóa lửa đốt khát khô lớn!

— Mặt, đói khát đón giác mỗi chỗ giông chạy, đến suốt ao nào, đều bị vị quỉ-thần đại lực tay cầm dao gậy giữ chẳng cho thấy nước dù có thấy chẳng nữa, liền hóa nung huyết! Vì tâm tạo tham sân, nên

âm hiện các điều chướng ngại, thành thử loài quỷ thường thấy các cảnh: lửa lớn, bực đại lực gàn cầm, dao gậy, v.v... đều là tâm nghiệp biến hiện.



Quý thần, nhưng duy có loại quý thần có uy đức mà thôi, mà phải làm kẻ hầu hạ để chầu thiên kia sai khiến v.v...

Bốn châu là: Đông thắng thần châu, Nam thiêm bộ châu, Tây ngu hoá châu, Bắc uất đôn việt; cả bốn châu đều ở ngang giữa nơi bốn phía núi Tu-di, đều có cung điện bằng thất bửu rất trang nghiêm.

Đạo lợi thiên, dịch: 33 cõi trời. Ba mươi ba cõi trời này đồng ở trên đỉnh núi Tu di, thuộc trong số thứ hai của cõi trời dục giới tức hạ giới, hiệp với tứ Thiên vương Thiên, đồng gọi là Địa cư thiên, nghĩa là hai trời này chơn còn đi sát mặt đất: Thiên đế Thích làm thiên chủ ở trung ương, còn 32 trời kia ở chung quanh ngoài phiên trấn.

Qui có 3 phẩm 9 loại

Một, vô tài  
qui :  
chẳng đáng  
uống ăn

Hai, thiếu  
tài qui :  
Đặng chút ít  
uống ăn

Ba, đa tài  
qui :  
Đặng nhiều  
uống ăn

- 1 Xú khẩu : - Miệng hôi, miệng thường rục hôi, qua nhà xí chạm hơi thú, hằng ọạ mưa khan, ăn uống không xuống, đói khát cuồng chạy, khổ lắm !
- 2 Cự khẩu : - Miệng lửa, miệng thường phực lửa ngọn, toàn thân như cây đuốc, gây nghiệp cực kỳ xan lãn, nên vội lấy cái khổ lớn đây.
- 3 Châm yết : - Họng kim, bụng lớn như hang núi, cuống họng như lỗ tròn kim, một nhỏ nước nút cũng không xuống, đói khát khó chịu !
- 4 Châm mao : - Lòng Kim, lòng nơi bụng như kim, tự đâm vào thân-thể, và châm đến thân kẻ khác, như con Lộc trúng tên có thuốc độc điên chạy, lâu lâu mới gặp được đồ bất-tịnh, chút được đồ đói khát.
- 5 Xú mao : - Lòng hôi, lông trong thân hôi lắm, rỗng rả da xương, xông họng muốn mưa, khốn khổ khó chịu, cào vóc nhờ lông, đau rách da thực càng thêm khốn khổ nữa ! Rất lâu mới gặp đồ bất-tịnh, tạm đỡ đói khát được chút đỉnh.
- 6 Đại anh : - Bướu lớn. Nơi cần cỏ sanh cục bướu lớn, nóng nực nhức nhối, cùng nhau xoi lũng chảy mủ hôi cùng dành lấy ăn, đỡ đói chút đỉnh.
- 7 Hi từ : - Trông thờ cúng, thường hưởng vật người cúng tế, qua lại trên hư-không, đi về không chỉ ngăn ngại, hoặc ở nơi nhà xưa của mình, hoặc ở nơi phần mộ, hưởng bà con cúng quảy, đây bị xan tham ít biết bố-thí mà tạo nên nghiệp này.
- 8 Hi khí : - Thường thụ hưởng đồ : khạc nhổ, thừa mưa, phần uế mà nhân-gian đem đồ, và vật thực của người bỏ, mà qui này lấy làm phong nhiều.
- 9 Đại thể : - Có uy đức phước lớn, áo mũ tốt, món ăn-thực ngon dường như thiên-tử, cung-diện mỹ thuật trang-nghiêm, xa mã tương tùy v.v...

## **Ba mươi sáu bộ Quỷ thân**

**1.- Hoạch thang quỷ:** Quỷ vạc nước sôi, do chịu người mướn làm việc sát sanh, nên mắc tội bị xắt nấu trong vạc nước sôi; hoặc chịu lãnh của người gởi, rồi chống cự chẳng trả, nên phải chịu quả báo đây.

**2.- Châm khẩu xú quỷ:** Quỷ miệng nhỏ như trôn kim, lấy tiền của mướn người làm việc giết hại, nên cuống họng nhỏ như mũi kim, dầu một nhiều nước cũng không dung nút được.

**3.- Thực thổ quỷ:** Quỷ ăn mửa, chồng khuyên vợ bỏ thí, vợ sến tiếc nói không, chứa của bôn rít, nên phải chịu báo thường ăn đồ khạc nhổ.

**4.- Thực phẩn quỷ:** Quỷ ăn phẩn, do người vợ lừa dối người chồng, để riêng tự ăn uống, vì ghét hiềm chồng, nên phải mắc quả báo thường ăn phẩn ứ.

**5.- Thực hoả quỷ:** Quỷ ăn lửa, do ngăn cấm lương thực của người, khiến cho người tự chết đói, nên chịu những tội khổ lửa bốc cháy, kêu gào đói khát.

**6.- Thực khí quỷ:** quỷ ăn hơi, chỉ tham lam tự ăn một mình các thức miếng ngon, ăn cho được nhiều, chẳng thí cho vợ con nên phải khổ thường bị đói khát, chỉ được hửi lấy hơi thôi.

**7.- Thực pháp quỷ:** Quỷ ăn pháp, nói pháp cho người nghe bằng cách vì tài lợi, nên phải bị khổ thường chịu đói khát, thân thịt nhốt rút hết, nhờ nghe thuyết pháp mạng được tồn tại.

**8.- Âm thủy quỷ:** Quỷ uống nước, do nấu rượu trong như nước để đánh lừa người ngu, còn phần mình chẳng trì trai giới, nên mắc quả thường bị khô khát.

**9.- Hy vọng quỷ:** Quỷ trông mong, do dành giá mua bán, dối trá lấy vật của kẻ khác, nên bị bệnh đói khát, thường trông mong bà con tế tự để dâng dự hưởng.

**10.- Thực thoá quỷ:** Quỷ ăn đồ khạc nhổ, đem đồ bất tịnh, gạt người xuất gia, nên thân thường đói khát, hằng bị nấu đốt, tìm đồ người khạc, và ăn những thứ bất tịnh.

**11.- Thực mang quỷ:** Quỷ ăn chuỗi anh lạc, do đòi trước trộm lấy cái tràng hoa anh lạc của Phật, để dùng tự chung diện; nếu có ai bị chuyện mà tục lệ buộc phải dùng tràng anh lạc bằng hoa cúng rồi đem bỏ, nhân đó mà được thụ thực.



**12.- Thực quyết quỷ:** Quỷ ăn máu, do sát sanh để uống huyết canh và ăn thịt, mà chẳng thí vợ con, nên chịu thân quỷ đây, nhờ nhân gian lấy huyết thoa tế mà được hưởng đó.

**13.- Thực nhục quỷ:** Quỷ ăn thịt, do lấy thịt trong thân thể chúng sanh, mỗi miếng đem cân bán mua đổi trá, nhân đó mà chịu cái báo đây, nhiều lần đổi trá xấu hèn, nên ai thấy cũng ghét gớm đó, thịt lợn xộn tế tự, mới được ăn đó.

**14.- Thực hương quỷ:** Quỷ ăn nhang. Bởi bán nhang xấu mà lấy giá mắc nên nay chịu báo chỉ ăn khói hương, sau bữa chịu báo bản cùng.

**15.- Tật hành quỷ:** Quỷ đi nhanh. Nhà sư phá giới mà mặc ca sa, lừa gạt lấy của hừa giúp bệnh nhân rồi chẳng giúp cho, để của xài tiêu nên chịu báo đây, thường ăn đồ bất tịnh và tự đốt cháy mình.

**16.- Tứ tiện quỷ:** Quỷ dòm rình đại tiện tiện, do lập mưu gạt lấy của, chẳng tu phúc đức, bởi thế chịu báo đây, mỗi lòng trong mình ra lừa, ăn khí lực bất tịnh của người, để tự sống

**17.- Hắc ám quỷ:** Quỷ tối đen, bởi đem điều làm oan uổng người để mưu cầu lấy tiền bạc, mà giam buộc người trong ngục tối, mắt chẳng trông thấy chi cả, thường cất tiếng đau thương, nên phải đọa chỗ hắc ám, có rắn dữ nhẩy dầy, đau dường dao cắt.

**18.- Đại lực quỷ:** Quỷ sức lớn, do cướp trộm vật của người, đem cho bạn dữ, chớ chẳng cho bằng cách làm phúc điền, nhân thụ báo đây, dù có đại lực thần thông, mà bị nhiều khổ não.

**19.- Xí Nhiên quỷ:** Quỷ phùng cháy, do phá thành cướp giật, giết hại bá tánh, nên chịu báo đây, than khóc kêu gào, khắp thân lửa cháy, sau được làm người thường bị cướp giật.

**20.- Tử anh nhi tiện quỷ:** Quỷ rình con nít ỉa, do giết con nít, sanh tâm đại nộ, nên thụ báo đây, thường dòm người đại tiện, ưa hại những đứa bé.

**21.- Dục sắc quỷ:** Quỷ dâm dục, do ưa ham hành dục, được của cải chẳng biết bỏ thí làm phúc điền, nên thụ báo đây, thường dạo nhân gian, cùng người giao hội, quấy làm yêu quái, hù nhác những người ngu dốt, để cầu sự cúng cho ăn được sống.

**22.- Hải chữ quỷ:** Quỷ còn biển, do kiếp trước đi ngoài đồng rộng, thấy người bệnh khổ đổi gạt lấy tài vật của người nên nay sanh ở trong còn biển, chịu khổ lạnh nóng, thập bội hơn người.

**23.- Diêm la vương chấp trượng quỷ:** Quỷ cầm gậy cho vua Diêm La, do thưở đời trước, làm đại thần thân cận quốc vương,

chuyên hành bạo ác, nên chịu báo đày, làm quỷ cầm gậy để hầu Diêm La vương sai khiến.

**24.- Thực tiểu nhi quỷ:** Quỷ ăn con nít, do luyện thần chú phép thuật, để lấy tài vật của người, giết hại heo dê gà vịt, chết đọa địa ngục, sau chịu báo đày, thường ăn tiểu nhi.

**25.- Thực nhân tính khí quỷ:** Quỷ ăn tinh khí người, dối trá làm bạn thân, hứa rằng: Ta vì bảo hộ cho người thúc hối người rán sức ra mặt trận mà chết, rốt chẳng cứu hộ gì cả nên chịu báo đày.

**26.- La sát quỷ:** bởi đời trước giết nhiều sanh mạng để làm tiệc đại hội, nên chịu cái báo bị lửa đốt cháy đày.

**27.- Hoả thiêu thực quỷ:** Quỷ ăn lửa cháy, do cái tâm sên tiếc, ganh ghét, che dấu, ưa ăn vật thực của chúng tăng, trước đọa địa ngục, từ địa ngục ra, nên chịu lò lửa đốt thân.

**28.- Bất tịnh hạn mạch quỷ:** Quỷ ăn đồ bất tịnh nơi đường hẻm, bờ ruộng, do kiếp trước đem vật thực không sạch thí cho nhà Tăng phạm hạnh ăn, nhân đọa báo đày, ăn đồ bất tịnh.

**29.- Thực phong quỷ:** quỷ ăn gói, do thấy nhà khát sĩ đến xin, hứa mà chẳng cho, vật thực chi cả, nhân chịu báo đày, thường bị cái bệnh đói khát, như chịu khổ nơi địa ngục.

**30.- Thực than quỷ:** Quỷ ăn than, do làm chủ ngục hành hình, cấm chẳng cho tù nhân ăn uống, nhân chịu báo đày thường ăn lửa than.

**31.- Thực độc quỷ:** Quỷ ăn chất độc, do trước kia đem độc thực cho người ăn chết, nhân đó đọa địa ngục, sau ra làm quỷ thường chịu đói khát, hằng ăn lửa độc cháy thân.

**32.- Khoáng dã quỷ:** Quỷ đồng rộng, giữa đồng rộng mình mông, có kẻ đào ao hay giếng nước để thí nước cho khách đi đường giải khát, mà có người thốt lời độc ác rằng: quyết phá ao nước, khiến người chịu khát, nên chịu báo đày, thường bị bệnh đói khát, lửa đốt cháy thân.

**33.- Trùng gian thực khô thổ quỷ:** Quỷ ăn đất tro giữa gò mả, do trộm lấy bông hoa cúng Phật, đem bán lấy tiền để sanh nhai, nên chịu báo đày, thường ăn đất tro nóng nơi chỗ thiêu thây của người chết.

**34.- Thụ hạ trú quỷ:** Quỷ ở nơi gốc cây, do thấy người ta trồng cây để thí bóng mát kẻ đi đường nghỉ mát, mà sanh ác tâm đốn chặt đi, lấy cây để xài dùng, nên đọa làm quỷ ở nơi cây để chịu cơn lạnh dữ nóng hung.

**35.- Giao đạo quý:** Quý nơi đường giao thông, do trộm lấy lương thực của người đi đường, bởi vì ác nghiệp đó, thường bị cưa sắt đứt đứt thân, nhân đồ người ta cúng tế rồi đem bỏ nơi đường ngã giao thông, lấy ăn để tự sống.

**36.- Ma La thân quý:** Quý thân Ma La là Tròi Ma vương, do hành tà đạo, chẳng tin đạo chánh chân, nhân đọa làm Ma La quý, phá hại những người tu pháp lành.

### **BA MƯƠI SÁU VỊ QUÝ VƯƠNG**

1. Ba tra bệ lệ đa
2. Bà la môn tiên
3. Bà tra viễn hại đại lực
4. Nhã dạ xoa kiết cha
5. Bà la sát thực bất tịnh
6. Cơ hư thực phần
7. Ba tra phú đan na
8. Bà xoa nhân các cha
9. Bà la đa nhiệt bệnh
10. A phụ tà nịnh truyền tông
11. Ba tra các cha
12. Bỳ đà la đa
13. Nhã kiện đà la
14. Ô ma lạc ca
15. A bạc ma la
16. Cưu bàn đồ la
17. Bỳ xá xà đa
18. Vi đà la đa
19. Phụ vật vi quái
20. Phong hành yêu quái
21. Súc hành tịnh mụi
22. Trùng thành trùng độc
23. Ôn suy lệ ngược
24. Âm mụi U thị
25. Tinh Minh vọng lượng
26. Minh Linh dịch sử
27. A lý đế mẫu
28. Thực tiểu nhi tinh khí
29. Hà hải tinh mụi

30. Ba tra thực sí
31. Nhật nguyệt bặt thực
32. Ba la cha văn trà
33. Ba tra thực diên tiêu
34. Ba tra thực nung thuế
35. Bà tra thực thai huyết
36. Bà tra ma la

Cả ba mươi sáu vị Quỷ vương trên đó đều làm chủ trong ba mươi sáu bộ quỷ thần, hay thống lãnh vô lượng chư quỷ chúng, nếu cử lên kêu mời các vị quỷ chúa, thì cả bộ lạc các quỷ chúng đều phải thính lệnh thị tùng.

Bốn Thiên-vương thống-lãnh tám bộ Quỷ Thần	1 Đông phương Trì-quốc Thiên- vương lãnh	Chúng Kiền-thát-bà, dịch : Tầm- hương, làm nhạc-thần cho Đê- Thích.
		Chúng Tỷ-xá-dà, dịch : Quỷ ăn tinh khí.
	2 Nam phương Tăng trưởng Thiên vương lãnh	Chúng Curu-bàn-đồ, dịch : Quỷ đẻ mè.
		Chúng Tiết-lệ-đa, dịch : Quỷ đói rốt trước.
	3 Tây phương Quảng mục Thiên vương lãnh	Chúng Phú-đan-na, dịch : Quỷ đói hỏi.
		Chúng Nga-già, dịch : Rồng.
	4 Bắc phương Đa-văn Thiên- vương lãnh	Chúng Dạ-xoa, dịch : Quỷ chóng- truyền-tấu.
		Chúng La-sát, dịch : Quỷ bạo-ác ăn người.

Bốn vua Trời đều lãnh hai bộ Quỷ Thần để bảo hộ đời người trong bốn châu, nên thiên hạ nhân dân được bình an, nên nhân loại đều biết tu thiện.

Loài quỷ ở rải rác trong các thú (nhân, tu la, địa ngục, súc sanh), nhả đên trong phòng nhà chỗ các người ở, đều có Quỷ đầy nhẩy lẩn ở trong cả, nhưng người với Quỷ chẳng thấy lẫn nhau, cũng không trở ngại với nhau; đầy đều bị dằm nơi không, sa nơi mờ dài mãi lâu kiếp chẳng đặng siêu thoát! Dầu có đặng Phật pháp ánh Thánh chiếu tới, chạm mặt mà chúng cũng chẳng thấy nghe gì cả! Bởi cái nghiệp chướng vô minh từ đời trước nó tự ngăn che đến thế, là chỗ mà trong kinh Phật bảo rằng: cả ngàn Phật ra đời, nó cũng không thể sám hối được, vì cái bồn nghiệp nó chẳng cho thực tế!

Về nương Phật

Về nương Pháp

Về nương Tăng

Về nương Phật đáng Lương túc

Về nương Pháp đáng Ly dục

Về nương Tăng đáng Giữa chúng

Về nương Phật rồi

Về nương Pháp rồi

Về nương Tăng rồi. *(Đó là vâng rao pháp Tam quy)*

Khi đọc phải quán tưởng: Tất cả chúng sanh đều nhứt tâm quy y ngôi Tam bảo.

Sáu câu trước, chính là tuyên dương pháp tam quy; ba câu sau là ba kết thúc. Trước kia, thỉnh ngôi Tam bảo các Thánh Hiền; còn đây là vì tuyên pháp tam quy, khiến cho về lẽ chánh để mau thoát tam đồ.

Số là Tam-bảo tức đáng Từ Phụ của chúng sanh, mà là bừu phiệt nơi khổ hai, người quy y Tam bảo phi chi công đức lợi ích cho một mình mình mà thôi, vả lại còn có công ích khắp giúp cho cả chúng sanh nữa, do thế, hễ kẻ có tâm thì đều phải quy y Tam bảo.

**Ngôi Lương túc:** phúc túc, huệ túc. Phúc đủ, nên chúng sanh trong chín cõi đều quy y, huệ đủ, nên tùy cơ đều thuyết pháp hoá độ được cả. Dầu ai năng quy y, ắt cũng được phúc huệ đều đủ cũng như Phật vậy.

**Ly dục tôn:** Lìa rời tình dục của hạ giới, cái dục nó làm gốc sanh tử, cái tình nó làm căn nghiệp quả, dục tình chẳng đoạn được, thì phải luân hồi mãi không thôi! Nếu người mà tuân y theo giáo giới, ắt siêu khỏi biển tình dục.

**Đấng giữa chúng**, tức là ngôi chúng Trung tôn: Tăng sĩ đủ sáu hòa hiệp cả sự lẫn lý, phạm hạnh (tĩnh hạnh) cao cả, truyền pháp lợi sanh, làm Thầy giữa nhân và thiên, nếu người mà năng quy y về ngôi Tăng thì ắt lên bực Thánh.

*Phật tử (hữu tình, cô hồn) chỗ tạo các nghiệp ác,*

*Đều bởi vô thí tham, sân, si,*

*Từ: thân, miệng, ý chỗ sanh ra,*

*Tất cả Phật tử (hữu tình, cô hồn) đều sám hối.*

Đó là sám hối ba nghiệp.

Khi tụng bài này phải quán tưởng tất cả chúng sanh từ vô thí đã gây nghiệp chướng nay nhờ sám hối đều đặn tiêu trừ.

**Phật tử, hữu tình, cô hồn** do phân ra làm ba câu mà đọc như thế đó, e là chẳng phải thật bổn của Mông sơn; sách Lược giải lấy **Phật tử** gồm cả địa ngục, ngạ quỷ, lấy **Hữu tình** gồm bàng sanh, lấy **Cô hồn** gồm cả các loại tam đồ, thế cũng chưa chu tất. Chưa bằng đọc ba lần đều chỉ dùng đọc một **Phật tử** là thoả hơn. Có bổn ba biến đều đọc là **Ngã kim** đó, bèn cho là thay vì cho quý loại mà đọc, là muốn cho tiếng của chúng đọc hòa rập một cách cho dễ vậ thôi.

Quy y rồi, phải tỏ bày sám hối. **Phật tử**: Thánh phạm đồng được xưng hô, mà có thân và sơ có khác nhau, **Thánh**: tức là các vị đã tu chứng ba thừa xuất thế gian, đã giác ngộ Phật tánh, là “thân tử” của Phật; mà giác ngộ còn cạn, cũng là “sơ tử” của Phật.

**Phạm**: tức là chúng phạm ở thế gian, mặc dù còn đương mê, mà sẵn đủ Phật tánh, tuy mê còn cách xa với ngộ, chớ cũng gọi là “sơ tử” của Phật.

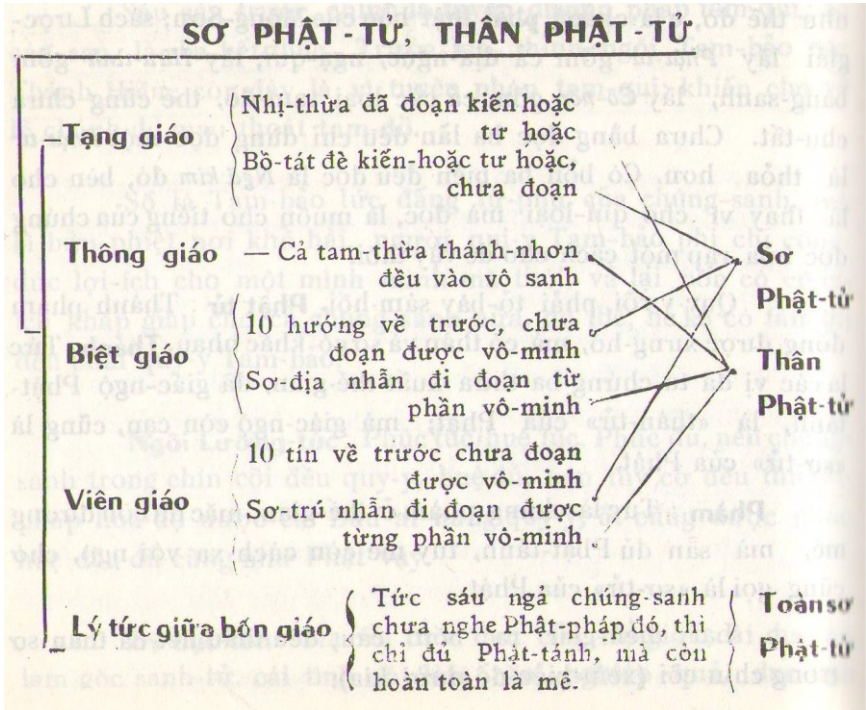
Lại diễn giải ra bốn câu, đều thâm hết cả thân sơ trong chín cõi (xem biểu đồ dưới kia).

**Hữu tình**: Tình, tức là ba hoặc tình ái, chúng sanh ở sáu đường, đều lấy sáu căn đối nhau với sáu trần mà phát khởi ba hoặc tình ái, rồi vờ lấy sanh tử trong ba cõi, nên nói là “hữu tình”.

**Cô hồn**: Không người thân để nương nhờ, không kẻ sơ để bè bạn, sa mãi nơi tối tăm, xấn hoại trong cõi người, mắc báo không biết quanh lánh, chịu khổ không ai cứu vớt, nét xấu không vẻ trang nghiêm, trải kiếp thường cõi quạnh, nên nói là “cô hồn”.

Song, tất cả chúng sanh, với cái chỗ có ra ác báo đó, là đều do từ kiếp vô thí lại nay: Cái thân tạo ba nghiệp là sát, đạo, dâm, cái khẩu gây ra bốn nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác

khâu, cái ý thức đầy ba nghiệp là tham, sân, và si, cộng chỗ sanh ra mười ác nghiệp đây, nếu trái lại, thì tức là mười thiện (xem biểu đồ ở văn sám hối), nay đối trước Tam bảo, chí tâm thổ lộ, thầy đều sám hối.



Các Bồ tát của Tạng, Thông, hai Giáo, mới đoạn rồi kiến hoặc, tư hoặc với tập khí đã hết, thì tức Phật quả vậy. Nên vừa đoạn hết kiến hoặc tư hoặc đó là Phật thân tử; còn mới đề nhẹp kiến hoặc tư hoặc, chớ chưa đoạn được đó, là Phật sơ tử. Ấy là lấy những vị đồng chứng cái lý chân đế làm thân tử của Phật.

Các vị Bồ tát của Biệt giáo, Viên giáo, sẽ đoạn hết vô minh hoặc, mới xưng là Diệu giác Phật quả. Nên những vị mà chưa đoạn được vô minh hoặc đó, sơ tử; còn những vị mà còn đương đoạn từ phần vô minh hoặc đó là Thân tử. Đây là lấy lẽ đồng chứng trung đạo làm Thân tử của Phật.

## Cả bốn Giáo Phật-tử với thân-sơ đều có bốn

1.- Sơ		— Là giữa bốn giáo-ly	
	giữa sơ	— tức chúng-sanh	— Vì bấy nay chưa nghe danh Phật toàn mê.
2.- Thân		— Là giữa bốn giáo	— Vì hoặc nghe biết
	giữa sơ	— danh-tự, quán-hạnh	Phật phát dấy tu. -
		— tức chúng - sanh	
3.- Sơ giữa		— Là giữa bốn	— Vì đã ngộ cái lý
	thân	— giáo trong-tợ	tương-tợ pháp-tánh
		— tức chúng - sanh	
4.- Thân		— Là giữa bốn	— Vì hân chứng ngôi
	giữa	— giáo phân chứng	Thánh Vô - sanh
	thân	— tức chúng-sanh	lý-tánh.

*Chúng sanh không ngăn thế nguyện độ.*

*Phiền não không hết thế nguyện dứt,*

*Pháp môn không lường thế nguyện học,*

*Đạo Phật không trên thế nguyện thành.*

Đây trước sự sau lý theo thời phát nguyện.

Trong khi tụng, về sự phát nguyện: tướng chúng sanh nghe tiếng đều dấy cái hoảng thế của Bồ tát. Trong khi tụng, về lý phát nguyện: quán tướng chúng sanh liền ngộ tứ hoàng đều là tự tánh sẵn đủ.

Bốn câu trên là Tứ hoàng thế nguyện về sự vậy.

**Chúng sanh vô biên thế nguyện độ**, chúng sanh tức là chúng pháp tương sanh, đông nhiều pháp hợp lại với nhau để sanh. Nghĩa là: năm âm và tinh cha, máu mẹ, mình là ba duyên. Năm với ba ấy hòa hợp lại, tức có cái thân đây; đã có thân đây, thì có các khổ nó dòi ép, là chỗ mà xưa đã bảo rằng: ba khổ, tám khổ (xem biểu đồ ở kinh Di Đà), vô lượng các khổ; khổ tuy vô lượng, ta nguyện độ hết, vả lại, chúng sanh vô biên, mà nguyện của ta cũng vô biên, đó là duyên theo Khổ để mà phát thế nguyện.



**Phiền não vô tận thế nguyện đoạn**, phiền não: tức là ba điều hoặc, hoặc: mê hoặc vọng tưởng. Kiến hoặc, tư hoặc là phiền não của chúng sanh ở sáu ngã; Trần sa hoặc là phiền não của các thánh nhân ở Nhị thừa; vô minh hoặc là phiền não vi tế của Thập địa Bồ tát. Duy chỉ có Phật là hoàn toàn thanh tịnh; chúng sanh nhân cái mê (mê hoặc vọng tưởng) nọ chất chứa đến cái mê kia; quanh đi quẩn lại cũng chỉ là kiến hoặc tư hoặc thành mê chồng chất, hằng ngày nhóm họp các vọng tưởng phiền não mãi, nay khiến cho đoạn sạch hết. Và lại, chúng sanh không hết phiền não, thì nguyện của ta cũng không hết. Đó là duyên về Tập đế mà phát thế nguyện.

**Pháp môn vô lượng thế nguyện học**, do vì chúng sanh trong chín giới căn cơ có ngàn điều sai khác, nên Như Lai nói pháp giáo hoá có nhiều phương, ta nguyện học hết. Và lại, chư Phật có vô lượng pháp môn, mà nguyện ta cũng vô lượng. Đó là duyên theo Đạo đế mà phát thế nguyện.

**Phật đạo vô thượng thế nguyện thành**: Với ba hoặc, Như Lai đã thanh tịnh viên mãn; với hai tử (phận đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử - Sanh tử tử, Niết bàn tử) Như Lai đã vĩnh viễn khỏi rồi, một mảy chẳng nhiễm, chín giới đều về, nay ta đều thành; và lại, đạo Phật vô thượng, mà nguyện ta cũng vô thượng. Đó là duyên Diệt đế mà phát thế nguyện.

Song, với tứ hoằng đây là chỗ của Bồ tát tu, nay khắp khiến cho chúng u đồ đều dấy nguyện đây, để chóng đặng cái đạo quả vô thượng Bồ đề mà thôi.

*Với chúng sanh, tự tánh thế nguyện độ,  
Với phiền não, tự tánh thế nguyện đoạn,  
Với pháp môn, tự tánh thế nguyện học,  
Với Phật đạo, thế nguyện thành.*

Đây là tứ hoằng thế nguyện về lý vậy.

Số là, tịnh của Tứ thánh, nhiễm của lục phàm, đều do nơi đương niệm hoặc ngộ hay mê: hễ đương niệm mà mê, thì tùy theo cái tác dụng nhiễm duyên, mà làm những các thân sanh tử ở chín giới; trái lại hễ đương niệm ngộ, thì tùy theo cái diệu dụng tịnh duyên, mà tức là bản thể diệu minh nơi Phật giới.

Nên: chúng sanh, phiền não, pháp môn, Phật đạo, đâu chẳng là cái dụng vốn đủ trên tánh thể. Song, về dụng tuy có nhiễm có tịnh, chứ về tánh thể thì nó vẫn bất biến.

Tỷ như cái gương dù chiếu hiện bóng tượng, mà thể của gương cũng vẫn bất biến.

Chúng U hồn kia, nếu hay đương niệm lãnh ngộ, thì với chúng sanh phiền não, vốn không đoạn mà đoạn, với Pháp môn Phật đạo, vốn không chúng mà chúng, với lý đã viên thông, thì với sự nguyện trước kia, khá dùng tương tức nhau được.

### **Lời chân ngôn diệt định nghiệp của Địa Tạng Bồ tát**

Từ đây sắp xuống là diệt các tội nghiệp

### **Ấn, bát ra mặt lân đà nãnh ta bà ha.**

Khi tụng chú này, tâm quán tưởng tất cả chúng sanh thấy đều phá trừ định nghiệp từ vô thủy.

**Nghiệp:** có hai thứ: 1/ Định nghiệp, đòi trước chỗ đã tạo nghiệp, ắt nhứt định đời nay phải chịu báo, nên với định nghiệp này chẳng dễ gì sám hối! 2/ Bất định nghiệp, đòi trước chỗ gây ra nghiệp hoặc khinh hoặc trọng không nhứt định, nên nay sám hối thì dễ.

**Không luận:** Định hay bất định, đều từ nơi mê hoặc mà tạo ra cả, mà cái hoặc nó không có tự tánh của nó, mà nó lấy chân như làm tánh. Tỷ như: luồng mây thoát khi thoát diệt, mây nó không có tự nương, mà lấy cõi thanh hư làm nương. Số là, chúng sanh, Phật với ta, tâm đồng cõi thái hư, bấy nay không có hoặc, cái hoặc sở dĩ có ra là nhân nơi mê mà có; trí huệ như Nhật (Phật tánh) phục sáng, mê hoặc như mây trọn tiêu. Nên phải dùng cái quán trí chuyên tinh tụng trì thần chú, cảm đến Phật từ, trí, chú, Phật là ba, phi một phi ba, mà ba mà một, ba một hòa suốt lẫn nhau, đồng một cái thực tướng; kia chúng sanh chỗ tạo ra định nghiệp dù có vô lượng, nhưng đều hoạn hoá hư vọng chẳng thực, nếu được gặp cái kho trí quang minh, thì hoặc nghiệp kia. dường như một điểm sương tuyết trên lò lửa hừng.

Bài chú đây với bài “chú phá định nghiệp” trong kinh Diệm khẩu, lời khác mà nghĩa đồng, khi tụng chú phải tự quán tưởng tâm mình thành một vàng mặt nguyệt thanh tịnh tròn đầy sáng suốt, với trên vàng tâm Nguyệt, tưởng có một chữ (hột rị) màu xanh, chữ hạt rị phóng hào quang khắp chiếu chúng sanh trong nghiệp đạo, chúng sở hữu các định nghiệp mà chư Phật chẳng cho sám hối đó, khiến cho đều được thanh tịnh.

Lại nên tượng cho kia tự tánh bấy nay vẫn thanh tịnh, tâm, Phật, chúng sanh, ba ấy không sai khác nhau, thể gọi là “Phá quyết định nghiệp”.

### **Chú diệt nghiệp chướng chân ngôn của đức Quán Âm Bồ tát Án a lô lặc kế ta bà ha.**

Khi đọc chú này, tâm phải quán tưởng: tất cả chúng sanh có bao nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt.

Nghiệp chướng cũng có hai; định nghiệp và bất định nghiệp. Chú trước là để phá cái định nghiệp thuộc về lý; chú đây là để phá cái bất định nghiệp thuộc về sự; sự được lý hòa, lý nhân sự mà được rõ, sự lý không ngăn ngại, thể mới là chân sám hối.

Chú đây cũng cùng đồng nghĩa nhau với chú sám hối diệt tội trong kinh Diệm khẩu. Khi tụng chú đây, phải quán tưởng trên cái vàng tròn Tâm Nguyệt thành chữ hột rị màu trắng, chính chữ hột rị phóng ra hào quang phổ chiếu vào nơi thân của các nga quý, như cái tròng mắt nhứt sai tan hột sưng móm, bao tội cấu đường như nhựa mực theo nơi chơn chảy xuống, thấm vào dưới đất thấu đến lớp kim cương, tội chướng theo niệm tiêu diệt hết, đem cái thân tất cả tội trước kia, nay chuyển thành làm thân hoàn toàn thanh tịnh.

**Hỏi:** Thế nào tội như nước nhựa mực?

**Đáp:** Tội là hắc nghiệp, nên lấy mực để tượng trưng, nhựa có ý chảy rớt, nên nói là mặc trấp (chảy rớt: tức là cái vọng tưởng nó sanh diệt diệt sanh luôn luôn tiếp nối mãi với nhau chẳng dứt, dường như dòng nước chảy rớt chẳng đình trú)

### **Thần chú diệt chướng ngại**

#### **Khai yết hầu chân ngôn:**

#### **Án bộ bộ để rị già đa rị đác đa nga đa da.**

Khi tụng chú này phải quán tưởng tất cả nga quý cuồng hống bằng mũi kim cả mở rộng ra, lửa nghiệp thối chảy mà được thanh lương khoái lạc!

**Yết hầu:** là chủ về ngôi rãnh (cửa vòm) khá khiến sự uống ăn chảy thông vào. Xưa nay thường có hạng người tánh tình sến tiếc, tham lam, kiêu mạn, vạy vò, bụng trống lòng cao, tạo nhiều nghiệp dữ nên cảm chịu lấy cái thân nga quý, yết hầu tự đóng nghẹt, suốt cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng nghe đến cái tên nước cháo. (với cái nghe còn chẳng có, làm gì có cái ăn!) Hoặc có khi thấy nước vừa muốn uống thì lại thấy nó hoá làm nung huyệt, hoặc

đưa nước vừa đến miệng, thì nước nó lại hoá ra lửa đốt cháy cả thân, mãi chịu đói khát.

Trước kia như đức Mục Liên Tôn giả dùng thiên nhãn thấy mẹ đọa trong loài ngạ quỷ. Tôn giả lấy bát đựng đầy cơm đến dâng mẹ bà liền lấy tay tả che bát, tay hữu bốc ăn, cơm vừa đến miệng, hoá thành lửa than! Mục Liên thương khóc chạy về cầu Phật.

Phật dạy: Mẹ ngươi tội nặng, phi đạo lực của một người có làm gì được! Người dù có hiếu cảm đến thấu trời thấu đất, mà thiên thần địa kỳ cũng chẳng làm gì cứu đặng! Ất phải nhờ cả đạo lực uy thần của tăng chúng nơi mười phương mới có thể giải thoát đặng.

Mục Liên liền y theo lời Phật dạy, cúng dàng chúng tăng, liền ngày ấy bà mẹ được thoát khỏi cái khổ ngạ quỷ.

Nay chúng sanh trong sáu đạo, đều bởi chỗ tạo nghiệp nặng từ vô thi đến nay, nếu phi pháp lực của trí quán và mật chú, thì đâu đặng trừ diệt được.

Chú đây nghĩa cũng đồng nhau với chú khai yết hầu trong kinh Diệm khẩu.

Sách tùy văn ghi rằng: Khi tụng chú đây phải quán tưởng làm phép như thế này: dùng bàn tay tả để ngửa lên như đựng đầy hoa sen, trong hoa hiện ra một chữ A màu trắng, chảy ra nước tánh rất trong mát, khắp rưới cả cõi hư không tất cả ngạ quỷ chạm đến nước đây tức thì cuống họng đều mở rộng lớn không ngăn ngại, tự thân nhuận thấm.

Với phép thủ ấn, chỉ một người làm là được rồi, còn chúng thì không thể làm, nhưng mỗi người nơi tự tâm mình tưởng: một chữ (A) màu trắng chảy ra thủy tánh rưới trên không như mưa, xối tưới xuống thân thể ngạ quỷ, tức thì yết hầu thanh tịnh thông suốt.

### **Thần chú Tam muội Da giới chân ngôn**

#### **Ấn Tam muội da tát đỏa phạm**

Khi tụng chú đây, quán tưởng tất cả chúng sanh đồng thụ linh Bửu giới kim cang quang minh, tâm đắc thanh tịnh, thân như Bồ tát. Đây là trao giới tam muội cho chúng sanh.

**Tam muội giới:** tức là đại thần giới, chính là của Bồ tát thụ trì; nếu muốn đắc giới đây, ắt đầu tiên phải sám hối trừ hết nghiệp đời trước, mới xiết trao chịu được. Tỷ như cái bình lưu ly là thứ bình rất trong sạch sáng suốt, mới xiết chứa đựng sữa của con sư tử được, còn đựng vào thứ đồ khác thì nút bể liền.

Nay vì một loại chúng đương chịu điều cực khổ khóc chôn u minh, trước vì diệt nghiệp trừ khổ, chẳng thế, chúng kia đâu có ý gì bắt thụ giới pháp. Do thế, văn này có kệ chú diệt nghiệp sám hối làm tiên đạo, nhiên hậu tiến đến thụ giới tam muội da.

Kinh Duyên khởi nói: Nếu muốn hành trì pháp thí thực, thì nên phát tâm bồ đề, trao lấy giới tam muội da.

Khi tụng chú, phải tưởng chữ (Tông) màu trắng, phóng ra hào quang sáng lớn khắp chiếu chúng hữu tình, ánh sáng kip đến thân của chúng kia, thì giới ba la mật của chư Phật liền viên mãn trong nhứt thời này, là chân Phật tử.

Trong Đàn nghi nói: Phương pháp thụ giới được thành tựu là chú trọng ở ba lần yết ma, giới thể nhân đây mà đặng viên mãn.

Với chú đây: Khi tụng biến thứ nhất, phải tưởng cả thể giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, theo tiếng yết ma (*dịch: tác pháp biện sự, nghĩa là làm phép phân việc*) thấy đều rung động. Khi tụng biến thứ nhì, phải tưởng cả thể giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, do nơi nghiệp lực của tâm, đều nhóm giữa hư không, như làn mây, tầng lọng, xoay vần chẳng tan. Khi tụng biến thứ ba, phải tưởng giới pháp diệu thiện đây, từ nơi đánh môn chảy vào biển tạng tâm thức, làm hội giống Phật vĩnh viễn.

Kinh thí ngạ quỷ nói: Tụng chú đây ba biến rồi, tất cả Quỷ thần liền nghe được pháp bí mật thậm thâm, đều đặng cụ túc tam muội da, vô lượng y phước. Tam muội, dịch: chánh định, lại dịch: chánh thụ, do giới pháp thanh tịnh, nên được chánh định, trong định chẳng chịu ta thụ, vì chỉ là pháp tánh chánh thụ mà thôi.

**Thần chú biến thực chân ngôn**

**Nam mô tát phạ đác tha nga đa, phạ lô chỉ đế. Án, tam bạt ra, tam bạt ra hồng.**

*Đọc chú đây nó biến hoá ra pháp vị: khi đọc chú quán tưởng các đồ ăn từ một biến hóa ra thành bảy, với bảy lại hóa ra thành bảy nữa, nhân đến hóa ra nhiều đến vô lượng, đây lớp cõi hư không cùng vạn vật không ngăn ngại, thụ hưởng pháp vị, thần tượng viên mãn.*

Ngài A Nan Đà nhập định trong rừng, đêm khuya, có một quỷ tên là Diệm khấu hiện hình đến chỉ bảo cho phương pháp kéo dài tuổi sống thêm, nhân đó A Nan Đà liền cầu cầu nơi Phật.

Phật dạy rằng: Ta tự nhớ lại thuở đời quá khứ, ta làm một người dòng Bà la môn, đối trước đức Quán Thế Âm Bồ tát, truyền trao cho phương pháp đà la ni của Phật Vô lượng uy đức tự tại quang minh Như Lai; tụng Đà la ni đó, nó hay biến một món ăn mà hoá ra làm vô lượng món ăn lớn bằng núi Tu di, lượng đồng cõi pháp giới, trọn không thể hết.

Thần chú đây nó cũng đồng nghĩa mà khác lời với chú biến thực trong nghi Diệm khẩu khoa. Khi tụng chú đây, tay tả bưng món ăn đưa lên, tay hữu ngón cái bấm với ngón vô danh, ngón út co lại, ngón thực và ngón giữa duỗi ngay ra để lên đồ đựng vật ăn, tưởng các vật ăn, mỗi hột biến hoá ra thành bảy hột, bảy hột lại biến thành bảy hột nữa, mà làm thành đầy bảy hột, bảy lần bảy, lại biến hoá ra làm thành bốn mươi chín hột, như thế lần lượt biến hoá mãi nhiều hột thực đây lấp cõi hư không, ngon ngọt thơm phức, thân vật không ngăn ngại nhau.

Kinh Thí Nga Quỷ nói: Tụng một bảy biến (tượng trưng bảy Thánh tài, hoặc có thể tụng ba lần bảy biến, hoặc bốn mươi chín biến, hoặc một trăm lẻ tám biến, càng nhiều càng hay), thì cả thủy nga quỷ đều đặng đồ ăn số bảy lần bảy hột như hột của nước Ma đà đà thường dùng, ăn rồi đều được siêu sanh lên các cõi trời, hoặc vàng sanh về Tịnh độ, năng khiến hành giả tiêu trừ nghiệp chướng mạng thêm sống lâu.

### **Thần chú cam lộ thủy chân ngôn**

**Nam mô Tô rô bà da, dát tha nga đa da, dát diệt tha. Ân, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha.**

Khi tụng chú đây, quán tưởng cùng nước biến thành pháp thủy cam lộ, rộng lớn như biển, cùng vật không ngăn, thâm đến nước đây, thường được thanh tịnh diệu lạc!

Đây là pháp thí cam lộ của đức Phật Diệu Sắc thân Như Lai.

Khi tụng chú này phải quán tưởng giữa cái vàng tròn tâm nguyệt thành một chữ (Tông) giữa điểm sáng chảy ra ánh nước bát nhã cam lộ, khắp đây pháp giới, thấm nhuần tất cả chúng sanh nơi các nghiệp đạo, chóng lìa phiền não mà đặng thanh tịnh.

Kinh Thí Nga quỷ nói: “Tụng chú bảy biến, hay khiến các món ẩm thực và nước đều biến thành màu sữa cam lộ, hay mở rộng cuống họng của tất cả nga quỷ, mà được cùng ăn với nhau một cách bình đẳng.

**Hỏi:** Vật ăn và nước đều khắp thế giới thì Phật và chúng sanh để thân đứng, ngồi, và ở chỗ nào?

**Đáp:** Kinh Lăng Nghiêm nói: “Cái tánh của vật sắc là chân không, cái tánh hư không là chân sắc”. Kinh ấy lại nói: “Tánh của nước là chân không, tánh của không chân thủy, thanh tịnh sẵn sàng, khắp giáp pháp giới, tùy tâm chúng sanh, hạp lượng chỗ biết theo nghiệp đây bày.”

Nay hành giả quán trí đều thanh tịnh khắp giáp, thì nước và đồ ăn cũng đều chẳng khắp giáp. Số là, do vì tâm trống vắng, thì sở hữu nước, vật thực đều chẳng trống vắng, vì không tức là sắc, mà sắc tức là không, vậy hư không vật sắc chẳng hai, nên đặng sắc sắc lẫn khắp, trần trần không ngăn, như thế với pháp vị nhiệm màu khó nghĩ lường!

### **Thần chú Nhất tự thủy luân Án, tông tông tông tông tông.**

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng nước ấy lại đặng thanh tịnh diệu vị.

Kinh Thí Ngạ quỷ chép rằng: “Với cái Pháp ấn và thần chú “Nhất tự tâm thủy luân quán chân ngôn” của đức Tỳ Lô Cha Na là: ở nơi trung tâm tay hữu (thủ ấn) như màu sữa, biến hoá ra nước có tám chất công đức, (bát công đức thủy), chảy ra tất cả vị cam lộ, đề hồ, liền đưa tay đến trong những món đồ đựng thức ăn uống, quán tưởng sữa và các thức ăn kia từ trong chữ “Tông” chảy ra, dường như mặt nhật mặt nguyệt, tất cả quỷ chúng đều được no đủ, không thiếu một vật chi.

### **Thần chú Nhũ hải chân ngôn**

#### **Nam mô Tam mãn đa một đà năm án tông.**

Khi tụng chú đây, quán tưởng nước trước, lại được rộng lớn hòa suốt dường như màu sữa nhiệm màu khó nghĩ!

Xét, kinh Thí Ngạ quỷ, thì thần chú Nhất tự thủy luân cũng là nghĩa biến thành biển sữa, thần chú đây chẳng qua là lại khiến biển sữa kia thêm rộng lớn hòa suốt vậy thôi.

Căn cứ lời bồ chú của Tổ Vân Khê nói: “Từ trước đến đây đọc và quán tưởng các thần chú, biến hoá mỗi mỗi ẩm thực thắng diệu, mà chưa từng quán tưởng cho hòa lẫn thành một vị, e chẳng đồng đều lòng từ tế, nên phải lại niệm thêm thần chú đây để hòa lẫn các món ẩm thực kia đều thành biển sữa, đặng phổ thí chúng quỷ thân tâm no khảm, thụ dụng không thiếu”.

**Hỏi:** Món ăn là chỉ chuyên nuôi thân, chứ làm gì lại khiến tâm no?

**Đáp:** Đây là pháp thực vậy, vì với thực vị thì khá nuôi thân, còn với pháp vị có thể minh tâm: nay đây, dùng cái tâm quán tưởng, tri cái pháp bí mật, để biến hoá ra thức ăn thanh tịnh, tức thành nghĩa thiên duyệt pháp hi.

Khi tụng chú đây, nên tưởng chữ (Tông) giữa điểm sáng chảy ra vị cam lộ, tay hữu chấm nước dùng búng lên hư không, như mưa tưới xuống, liền thành ra vị ngon Tô lạc, rộng như sông dòng dài.

**Hỏi:** Với chút ăn chút nước, làm sao có thể khắp pháp giới?

**Đáp:** Một là pháp lực của thần chú, hai năng lực của quán tưởng, và ba cảm thông đến uy lực từ quang phổ chiếu của Tam bảo, cả ba lực ấy viên dung, chẳng thể nghĩ bàn, nên mới có thể biến hoá ít ra làm nhiều được như thế đó. Vả lại như ông Loan Ba, dùng một chung rượu làm phép thuật, còn có thể hoá nên một trận mưa thay, huống chi là cái thần lực “Vô sanh khó nghĩ được” của Tam bảo ư !? Mà hành giả (thầy tụng chủ thí thực) chẳng thể chẳng dụng tâm cho đúng hành trì! (Đời nhà Hán ông Loan Ba làm chức Thượng thư lang, nhân ngày sanh của vua, thiết lễ khánh đàn, giữa bữa tiệc, nhà vua ban cho rượu, Loan Ba ngâm rượu hương mật về đất Ba Thục mà phun ra, quan Hữu tư tâu với vua rằng: ông Loan Ba bất kính! Loan Ba tâu rằng: Xứ Thành đô bị hoả hoạn, nên phun rượu để chữa lửa. Sau nghe Thành đô tâu lên rằng: Bị thất hoả, được nhờ có luôn mưa tắt cháy, trong đám mưa có hơi rượu !)

Lục Tông cách nói: Có cái lực đại nguyện đại trí, và cái lực pháp tánh tự thể không vô tánh, nên với tất cả chỗ ra làm, vẫn tự nhiên xong nên.

Vả chẳng, do cái tâm vọng chấp làm cuộc ngại, nên không thể biến hoá cảm thông được, đâu có đặng biến thông chẳng nữa cũng chưa rộng lớn mấy. Nếu tâm không vọng chấp, thì muôn pháp dung thông, thế, chẳng lia cái cảnh “Khất chân” mà biến hoá vô cùng!

Sách Lục giới giải cho rằng: Nước thí thực đây, chẳng đồng với cam lộ trước kia, đó là quá ư cuộc chấp! Chứ biết đâu, thần



chú đây lại dung hòa với lẽ mâu nhiệm của thân chú biến thủy biến thực trước kia!

### **Tướng chúng quy nghe danh Phật đặng lợi ích**

#### **Nam mô Đa Bảo Như Lai**

Nghe đến danh của đức Phật Đa Bảo thì có thể đắc trí huệ tài bửu của pháp tánh, mà thụ dụng không hết, vì là của sẵn trong tự tánh.

#### **Nam mô Bảo Thắng Như Lai**

Nghe danh của đức Phật Bảo Thắng hay dứt được lửa nghiệp phiền não sanh tử, liền đắc cái trí bửu pháp tánh bực vô thượng.

#### **Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai.**

Nghe danh của đức Phật Diệu Sắc Thân, hay đặng cái thân tướng hảo đoạn nghiệp bực nhứt giữa tam giới, tức kinh Pháp Hoa bảo “vi diệu tịnh pháp thân, cụ túc tam thập nhị”, thật thế.

#### **Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai**

Nghe được danh của đức Phật Quảng Bác Thân, thì đặng tiêu được lửa nghiệp, cuồng hống mở thông, mà đặng cái thân thanh hương vô ngại.

#### **Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai**

Nghe được danh đức của Phật Ly Bồ Úy, thì xa lìa các điều sợ sệt, thường đắc mọi sự khoái lạc thanh tịnh.

#### **Nam mô Cam Lộ Vương Như Lai**

Nghe được danh đức của Phật Cam Lộ Vương, thì năng đắc mùi vị cam lộ rót vào thâm tâm hằng được khoái lạc luôn.

#### **Nam mô A Di Đà Như Lai.**

Được nghe đến danh hiệu của A Di Đà Phật, thì được đắc sanh sang thế giới Cực Lạc là Tịnh độ, do liên hoa hoá sanh vào bực bất thối chuyển.

Khi tụng danh của bảy đức Như Lai đây, phải tưởng những tiếng tâm niệm Phật khắp nghe cả thế giới, tất cả chúng sanh đều quỳ gối chấp tay chí tâm lòng nghe tin chịu, một phen lọt vào lỗ tai, vẫn làm hột giống Phật, liền có thể vĩnh viễn xa lìa các khổ sanh tử của ba ác đạo, đắc vãng sanh về nước Cực Lạc, do trong hoa sen hoá sanh.

Kinh Niết bàn nói: “Nghe được hai chữ “thường trú” vẫn chẳng đọa địa ngục”. Huống chi được nghe cả Hồng danh vạn đức của Như Lai ư?

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Rất đời như người nghe danh của Như Lai, và nghe được cái pháp sở thuyết, mà chẳng sanh tâm tin hiểu đó, cũng còn được tập thành hột giống Phật, thì sẽ được thành Phật. Nay mà nghe được danh của đức Phật, đều được vô lượng công đức, chẳng thể nghĩ bàn!

**Xâu kết chú trên để nguyện chánh thí thực:**

**Thần chú gia trì tịnh pháp thực** (*pháp thí thực, cam lộ thủy*), **khấp thí hà sa chúng Phật tử**, (*hữu tình, cô hồn*), **nguyện đều no khảm bỏ kít tham, chóng thoát U minh về Tịnh độ, quy y Tam bảo đấng Bồ đề, ráo rột đặng thành đạo vô thượng, công đức không ngần tội đời sau, tất cả Phật tử** (*hữu tình, cô hồn*), **đồng pháp thức.**

**Thần chú:** Chỉ cả các thần chú “Biến thực biến thủy” trên kia. Câu đầu, bốn xưa đọc ba lần đều chỉ xưng là “Tịnh pháp thực” mà thôi; còn các bốn ngày nay; đều phân ra là: “Pháp thí thực và Cam lộ thủy” đó cho đối với “Hữu tình, cô hồn”, hai không phải thực bốn chánh Mông Sơn! Như thế, chưa bằng cả ba lần đọc đều chỉ đọc là “Tịnh Pháp thực” thì suốt một lẽ phải hơn.

**Bồ đề**, cự dịch: “Đạo”, tân dịch: “Giác”

**Ngươi thấy chúng** (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **ta nay cúng thí ngươi, cơm đây khấp mười phương, chung tất cả** (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **xin đem công đức đây, khấp cùng với tất cả, thí thực cho** (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **đều cùng thành Phật đạo.**

Hai bài nguyện kệ đây: Kệ trước là mở ra sự thí thực, kệ sau là nguyện cầu Phật đạo.

Khi tụng kệ, phải tưởng: Tất cả Quý thần đồng thụ thực với nhau bằng một cách bình đẳng, thì liền được sanh sang Tịnh độ. Bấy giờ Hành giả bung nước và đồ ăn để lên đài xuất sanh, nếu chẳng có đài, thì để chỗ đất sạch, hoặc để lên viên đá sạch, chẳng nên để chỗ có cây thạch lựu, cây đào, vì quý nó sợ hãi mà chẳng đặng ăn được!

Với cái đài xuất thực mà phân ra làm ba phần đó, là do vì bôi phân làm ba chúng; 1. Phật tử; 2. Hữu tình; 3. Cô hồn, song, làm như thế, chưa khỏi cái bịnh thành kiến cuộc chấp! Do có sao? - Số là cái diệu lực thần chú Biến thủy, biến thực rộng lớn không ngần, chẳng khá nghĩ bàn, khiến chúng quý kia bình đẳng thụ thực, thế thì chẳng phân làm ba là thoả hơn. Bốn Diệm khẩu khoa nghi

có phân: 1. Là thí chúng Thủy tộc, khiến đặng cái “Nhân không”  
2. Là thí cho chúng Mao quận, khiến đặng “Pháp không”; 3. Là thí cho chúng Bẩm thức, tượng hình ở tha phương, thấy đều no đủ đặng “quả Vô sanh nhẫn”. Đó là dùng nghĩa rằng: Tuy theo căn cơ khiến đặng ba không nên phân ra như thế. Đúng ra, thì há Thủy tộc riêng đặc “nhân không” mà chẳng đặc “pháp không”? Mao quận chỉ đặc “pháp không” mà chẳng đặc “nhân không”? Còn chúng có Bẩm thức tượng hình ở tha phương, lại độc đặc “Vô sanh nhẫn” mà bất đặc nhân không và pháp không ru?

Tại, thời ngộ trai có xuất thực đó, là chuyên vì: Đại bàng, Khoáng dã quỷ, và Quỷ tử mẫu, thì với đài xuất thực nên phân làm ba, vì xưa, Phật đã có chỗ hứa, chứ phi về ý chỉ của ngày nay

### **Thần chú thí vô cha thực chân ngôn**

#### **Ấn, mục lực lãng ta bà ha**

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng: Đạo tràng lần suốt với pháp thực, kẻ oán kẻ thân, người xa người gần, đều không ngăn cản nhau, sáu đạo quỷ thần đều đặng bình đẳng.

Thần chú đây, đồng nghĩa nhau với thần chú thí thực của Diệm khẩu.

Số là từ trước đến đây, nào là làm phép: Tụng chú, kiết ấn, vận tâm quán tưởng, dù là bình đẳng khắp thí, nhưng mà hoặc kẻ quới khinh kẻ tiện, người mạnh lướt người yếu, lớp lớn ngăn lớp nhỏ, hoặc hành giả quán tưởng chẳng đúng như pháp, hoặc quỷ loại bị nghiệp nặng mà chẳng nghe đến được, đến đổi chẳng thụ hưởng gì đặng! Thế, há chẳng vượt mất qua cái ơn từ tế của Phật ư! Nên trái lại phải tuyên dương lời mật chú, để khiến cho kẻ oán người thân từ lịch kiếp nay được bình đẳng.

Lại, các vị thiện hữu, thân thích, hoặc vì sự duyên chí mà chẳng thể đi đến được, khiến họ đều đem sự giúp nhau, để đầy đạo tâm, chóng đến quả Bồ đề.

Rút lại mà nói: Đàn giới mỗi pháp tràn lãnh khắp, việc cúng mỗi sắc tướng đều chân, tốt pháp giới đều là diệu viên, khắp hư không đồng là pháp tánh thì đâu còn có những điều lạ lùng: oán, thân, xa gần!?

### **Thần chú Phổ cúng dường chân ngôn**

#### **Ấn, nga nga nãng tam bà phạ phật nhật ra hộc.**

Khi tụng chú đây, quán tưởng từ trước lại về chỗ biến môn tịnh thực, khắp thí chúng sanh trong lục đạo mười phương, kẻ xa

gần đồng một thể, bực cao thấp đều bình đẳng, người già trẻ, đũa sang hèn, không phân sót, hạng mạnh yếu, bọn oán thân chẳng phân cách.

Kinh Tịnh Danh nói: “Hội pháp thí ấy là không hề phân cách trước sau, đồng nhứt thời cúng dường tất cả chúng sanh”.

Niệm thêm chú Tâm kinh đó, là muốn tỏ bày ra cái công thí thực hòa lẫn vào nơi biển Bát nhã vô tận tạng. Chỉ bởi Tâm kinh là tinh yếu của Bát nhã. Bát nhã tức là trí huệ nếu không có trí huệ thì làm gì có thể liền sạch lòng cho được! E chúng kia chấp trước nơi công đức pháp ái làm thực sự, nên dùng Bát nhã tâm kinh để rửa sạch bụi lòng, hòa lẫn vào biển Như lai tạng.

Lại niệm chú Vãng sanh đó, là để mong nhờ Phật A Di Đà và các Thánh chúng phóng quang tiếp dẫn, mau chúng bực thánh nơi Cực Lạc quốc.

### **Khấp kết hồi hướng**

**Thần chú Phổ hồi hướng chân ngôn:**

**Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nã táp cấp ra, ma ha thính cấp ra hồng.**

Từ trước lại đây, đem công đức thí thực, hồi hướng cho tất cả chúng hữu tình, ngõ hầu đều phát cái tu tâm chứng lên quả vị Vô thượng bồ đề, để làm việc tự lợi và lợi tha đặng sớm sanh về nước Cực Lạc, đồng chứng bực Phật thừa.

Lại, đối với chúng hữu tình nào không có thiện căn, thì khiến trồng căn lành; chúng đã có thiện căn, thì khiến làm cho tăng trưởng căn lành. Hầu chớ quỵên luyến nơi luân hồi, mà đều mau thành Phật đạo.

*Nguyện ngày cát tường, đêm cát tường.*

*Ngày đêm sáu giờ thường cát tường,*

*Tất cả trong giờ người cát tường*

Xin các:

*Bực Thượng Sư thương nhận cho*

*Ngôi Tam Bảo thường nhận cho*

*Vị Hộ pháp thường ủng hộ.*

Bài kệ đây là nguyện dâng công đức thí thực, để mong các ngôi Tam Bảo và các thân Hộ pháp thường xuống cho cái điềm lành vậy.

**Sáu giờ:** Đã thấy ở kinh Di Đà. **Thượng sư:** tức là ngôi Nhất thể Tam bảo, đã thấy nơi văn sám hồi. Ngoài ra, còn có ngôi

Biệt tướng Tam bảo, ngôi Thế gian trú trì Tam Bảo, **Hộ pháp**: tức là các vị thần: Thiên, Long, cả bát bộ và hộ giáo Già lam.

*Bốn sanh lên nơi đất báu*

*Ba hữu gá sanh ao sen*

*Đông nhiều Nga quý chứng tam hiền*

*Muôn loại hữu tình lên thập địa.*

Đây là gom kết công đức thí thực để phở nguyện cho tất cả quần sanh, liên sanh về tịnh độ đồng chứng lên quả thánh. Bốn sanh, Nga quý, Hữu tình là thân chánh báo giữa thế gian; Tam hữu là cõi y báo của thế gian. Đất báu, ao sen là cõi y báo của nước Cực Lạc, Tam hiền, Thập địa là ngôi Thánh ở nước Cực Lạc, tức là thân chánh báo bên Cực Lạc.

**Bốn sanh**: tức là Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, và Hoá sanh, gom cả chúng sanh ở ba giới, duy chỉ tứ sanh đây mà thôi.

**Ba hữu**: tức là ba giới, do vì chúng sanh trong ba giới đều mến chấp lấy sanh tử thì “có” báo ứng về thiện ác nhân quả, nên nói ba hữu.

**Nga quý**: đây là cử về chúng bị nghiệp chướng thâm trọng mà nói là nga quý chứ thiệt ra thì, phạm là trời đất, tất cả thần kỳ và các chúng Ly-muội vân vân, đâu chẳng thuộc về quý đây thống nhiếp.

**Lục đạo**: sáu ngã, chúng sanh trong sáu đường, đều có cái tinh niệm, do nơi tinh niệm, nên chấp trước cả sáu trần, bởi thế, chẳng dứt đặng sanh tử nên nói là hữu tình.

Nay các vị Tinh Linh đây, nương công đức thí thực, chóng siêu về Cực Lạc quốc, liền lên địa vị thánh nhân.

**Đất báu**: là hoàng kim vi địa. **Ao sen**: là hữu thất bảo trì, đều đã có rõ chép ở kinh Di Đà.

**Tam Hiền**: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. (Ba mươi vị đây đều gọi là bực Hiền)

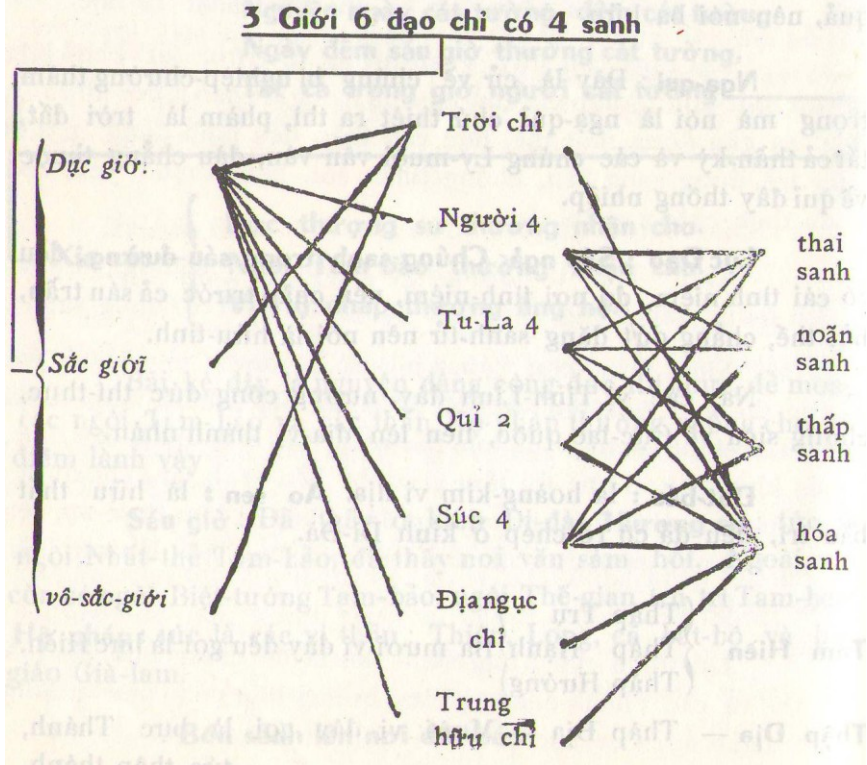
**Thập Địa**: Thập Địa (Mười vị đây gọi là bực Thánh tức thập Thánh)

Tam Hiền bên Biệt giáo, chưa phá được vô minh hoặc, nên xưng là Hiền, còn Thập địa đã phá được từ phần vô minh, chứng được Phật tánh trung đạo, nên xưng là Thánh.

Tam hiền bên Viên giáo, đều phá được từ phần vô minh, mà xưng là Hiền, còn thập địa Viên giáo đã phá được nhiều phần vô minh, tiến sâu vào pháp tánh mà xưng là Thánh.

Song, từ phá được từ phần vô minh nhận đi, đều là thân chứng pháp tánh, là bậc thâm vị đại Bồ tát.

Nay với Cực Lạc tịnh độ đây, có thể khiến nhứt thời đời nghiệp vãng sanh, lại có thể chóng siêu lên Tam hiền, thập Thánh há dễ ru? Đây, toàn là nương nơi kinh chú pháp hiền mật, gia dĩ pháp viên quán, cảm lấy đức từ của Phật, nên mới có thể mau chứng như thế đó!



### Bài kệ

*Thiên cập ngục trung hữu;  
Thị tam duy hoá sanh;  
Tu la Nhân tinh Súc;  
Các các cụ tứ sanh;  
Quý thông thái hoá nhị  
Danh tam giới tứ sanh.*

Đại ý rằng: Chúng sanh ở: Trời, địa ngục, và thân trung hữu, ba chỗ này chỉ là sanh nở bằng một cách hoá sanh. Chúng sanh ở: A tu la, loài người và súc loại, mỗi mỗi đủ bốn cách sanh.

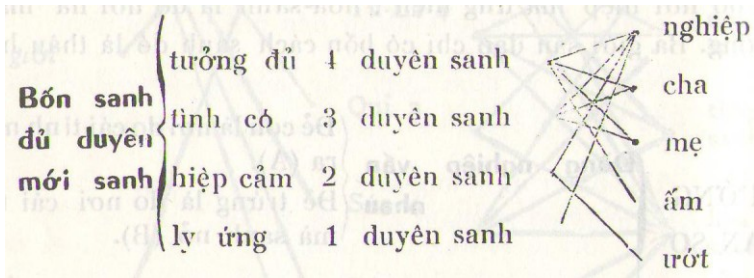
Loài quỷ thông đồng hai cách thai sanh và hoá sanh, cả đây là ba giới bốn sanh.

Loài mà nương nơi xác vỏ để sanh, thì gọi là Noãn sanh; loài mà hàm tàng trong bụng sanh ra, thì gọi là Thai sanh; loài mà mượn nơi chỗ ẩm ướt để sanh thì gọi là Thấp sanh, còn loài do nơi không mà bỗng có sanh ra thì gọi là Hoá sanh.

Lại, kinh Lăng Nghiêm nói: loài thai sanh là nhân nơi tình mà có; noãn sanh là nhân nơi tưởng mà sanh; thấp sanh là do nơi hiệp mà ứng hiện; hoá sanh là do nơi li mà cảm thông. Ba giới sáu đạo chỉ có bốn cách sanh đó là thấu hết cả.

### **Tướng ban sơ của bốn sanh**

- **Đồng nghiệp vấn nhau:** Để con là do cái tình mà có ra (A); Để trứng là do nơi cái tưởng mà sanh nở (B).
  - **Hợp ly nên hóa:** Để chỗ ướt là do nơi cái hiệp mà cảm thông (C); Để biến hóa là do nơi cái ly mà ứng hiện (D).
- (A) Do một niệm ái tình, thân trung ấm nó thấy ánh lửa dâm dục của cha mẹ, mà nó gieo vào nơi phụ tinh mẫu huyết để làm giống thai, là nó đầu thai rồi. Từ đó kể đi, đến ba mươi tám lần bảy ngày, hình hài đã thành và ra khỏi bào thai, thì thứ thai sanh này, cái tướng sơ sanh của nó là động tinh huyết lại như một vết sữa đặc.
- (B) Con trống kê trên gió, con mái kê dưới gió, tùy cảm với nhau, liền tượng quả trứng, là cái tướng dần dần phân ra cho loài để trứng.
- (C) Với chỗ ướt bản, khi mà hơi ẩm bốc lên (lúc vừa sa mưa xuống thấp nhiệt luân chùng), thân trung ấm lấy làm chỗ thăng thưởng, liền hiệp với nhau lại để sanh đẻ, thì cái tướng sơ sanh của nó như miếng thịt mềm.
- (D) Mùa Xuân: Như chim ó hóa sanh làm chim Cua (Tu-hú), chuột đồng hóa sanh làm chim võ dẽ; mùa Thu: như chim sẻ vùi mình xuống mé biển hóa sanh làm con sò, con chim trĩ vào dưới nước biển hóa sanh làm con thần (ốc tù-và) Hoặc con sâu mọc cánh hóa sanh làm con Bướm, hoặc con bướm rụng cánh hóa sanh lại làm con sâu v.v... Các loại này thì cái tướng sơ sanh của nó là như miếng thịt cứng.



Chúng sanh từ vô thủy lại nay, hoặc nơi tình làm biến ra tưởng, hoặc nơi tưởng biến làm ra tình, hiệp đổi làm ly, ly biến thành hiệp v.v... thay lẫn với nhau mà biến đổi (luân hồi) mỗi mỗi chẳng đồng.

**Giữa thai-sanh, thân trung-ấm đối với**

<p><i>chỗ vô duyên thì nó thấy chỉ toàn là tối đen.</i></p>	<p>Thân trung-ấm trai thấy cha thì ghét,</p>
<p><i>hành dâm, thì nó đem ái-niệm đầu thai : —</i></p>	<p>Thân trung-ấm gái thấy mẹ thì ghét,</p>
<p><i>chỗ có duyên nó thấy ánh lửa dục kia đàng</i></p>	<p>Thân trung-ấm trai thấy mẹ vọng tưởng là vợ }          Trung-ấm gái thấy cha vọng tưởng là chồng }</p>

Đến đó, thân trung-ấm nó tăng-trưởng-cái ái-niệm lưu chú

Đến đó, thân trung ấm nó tăng trưởng cái ái niệm lưu trú hít vào tinh cha huyết mẹ (đến đây thân trung ấm diệt) nạp làm thai chùng (là thân hậu ấm). Nên luận Du già nói: “Nhân ái vi chùng, nạp tưởng thành thai” (nhân cái yêu làm giống, nạp lòng tưởng nên thai. Yêu: trung ấm trai thấy mẹ thì yêu, trung ấm gái thấy cha thì yêu; Tưởng: trung ấm gái tưởng cha là chồng, trái lại, tưởng mẹ là vợ. Và nó tự tưởng chính nó hành dâm v.v... chứ nó không còn thấy hay tưởng là cha hay mẹ gì nữa, nên kinh nói tối sơ một niệm điên đảo; tối sơ: là lúc bấy giờ đây; điên đảo: là với kẻ sắp làm cha mẹ nó, mà nó lại tưởng làm vợ làm chồng nó, để mà hành dâm như thế, nên nói là điên đảo là ghét yêu.

### Giải bài kệ dấy khen niệm Phật



Bài kệ đây rút ra ở sách Tịnh độ tu chứng nghi, tác giả là ngài Trạch Anh pháp sư, Pháp sư nguyên con nhà họ Du, ở Sông-đồng, huyện Đồng lô, phủ Nghiêm châu, tỉnh Chiết giang. Thân mẫu ngài nằm mộng thấy hai mặt nhật dội vào bụng, sau hai năm, sanh hai con trai, lớn lên đều đi xuất gia cả, người lớn tên là Tử Khâm, theo thụ nghiệp nơi chùa Tịnh trú, huyện Tiến đàng, tỉnh Chiết giang, thứ nam tức là ngài Trạch Anh vậy. Vào học đạo nơi chùa Thụ Minh, phủ Hàng Châu, tỉnh Chiết giang. Triều vua Thần Tông, trong niên hiệu Hy Ninh (1068-1077 nhà Tống), Ngài tham cứu lễ thần ngộ nơi lầu thí thủy bửu các, ngộ sâu được đạo lý của pháp Chỉ quán.

Khảo duyệt lễ Phật tánh bát nhị nơi bộ Kim bài luận cả vài tháng mà không hề nằm nghỉ. Sau đương nơi đức tạng họ Hồ Lễ dựng một ngôi tự viện để rước pháp sư về ở, mở lớn hội pháp thí. Thuở tuổi già, ngài dạo chơi các nơi: phủ Hàng Châu, huyện Tử thủy, phủ Tô châu, và phủ Hồ châu. Đến niên hiệu Nguơn phù thứ II (1098, vua Triết Tông đời Tống), mùa Xuân ở nơi chùa Tường phù, phủ Hàng châu, một bữa nọ, pháp sư dựa ghế, hướng mặt về Tây, tụng kinh A Di Đà rồi một quyển mà qua đời. Trước ngài có chép sách “Tịnh độ tu chứng nghi” và sách “Biện tây phương thứ đô nhị chủng quán môn” để khuyên đời chuyên tu tịnh nghiệp.

### **ĐÂY BÀI KỆ**

*A Di Đà Phật thân màu vàng*

*Tướng tốt rực rỡ không ví sánh*

*Lông trắng đoanh xoay năm núi cao*

*Mắt thanh lông lánh bốn bể lớn*

Bốn câu ấy tán thán cái Báo thân của đức Di Đà tướng tốt không ai sánh kịp. **A Di Đà**, dịch: Vô Lượng Thọ; Lại dịch: Vô Lượng Quang. **Thọ**: tiêu biểu về nghĩa bất sanh bất diệt của Phật tánh. **Quang**: để tỏ về nghĩa tròn soi mười phương của Phật trí. Trọn thể của Phật thân như quả núi bằng vàng đỏ tía, tia sáng suốt xa đến mười phương, không chi làm ngăn ngại được. **Tướng tốt**: như Quán kinh nói: “Thân của Phật Vô Lượng Thọ có tám muôn bốn ngàn tướng hảo, trong mỗi mỗi tướng đều có tám muôn bốn ngàn theo tướng nào có vẻ đẹp nấy, trong mỗi mỗi vẻ đẹp đều có tám muôn bốn ngàn tia sáng, mỗi mỗi tia sáng khắp chiếu các chúng sanh niệm Phật ở rải rác nơi thế giới mười phương, đều thấu

nhận tiếp dẫn chẳng bỏ sót. Nhấn đến trong hào quang hiện ra nhiều đức Hóa Phật, không thể kể nói cho đủ hết đặng.

**Vô đẳng luân:** Không sánh ví, rằng thân Phật tướng hảo, không ai đồng bực có thể sánh ví đặng.

**Bạch hào:** Lòng trắng, mọc ngay trên sóng mũi mà chính giữa hai chận mày của Phật A Di Đà, nó xoay chiều qua phía hữu xoắn xít lớn như năm hòn núi Tu-di: Núi Tu-di bề sâu từ mặt biển sấp xuống là tám muôn bốn ngàn do tuần, lại từ mặt biển nhần lên tới đỉnh là cũng tám muôn bốn ngàn do tuần (có ba hạng: tiểu do tuần 40 dặm; trung do tuần 60 dặm; đại do tuần 80 dặm), bề chạy giáp vòng núi cũng thế.

Thế, chỉ một tướng tốt còn vậy, huống chi cả tám vạn bốn nghìn tướng nữa, thì có thể nghĩ bàn được ư !?

**Cám mục:** Mắt thanh. **Cám:** xanh đậm. **Tứ đại hải:** bốn biển lớn, tức là biển lớn chạy vòng ngoài bốn mặt núi Tu-di. Dưới biển cỡ mà cực sâu rộng, tuyệt không sinh cấu, nói là trong thanh, là nói đức Phật kia, mắt rộng mà màu xanh đậm lóng lánh trong như biển. *(thế giới đây, chính giữa biển lớn có núi Tu-di, ngoài bốn mặt có biển lớn bao vây, ngoài biển có núi Luân vì bao bọc vây quanh bốn đại bộ châu, núi Luân vì, đường trục cánh xuất Nam bắc gồm có một trăm ức lẻ bốn vạn hai ngàn một trăm hai mươi bốn do tuần, đường trục cánh từ Đông qua Tây cũng vậy. Đức Phật kia con mắt lớn cũng như thế).*

**Xét:** Đức Thích Ca Ứng thân một trượng sáu thước, lòng trắng giữa chận mày tám khía, trong tông phồng, trắng như tuyết phau, dài một trượng năm thước, xoay chiều phía hữu chu vi năm tấc.

Còn như Báo thân của đức Thích Ca, lòng trắng xoay bên hữu ba trăm sáu chục muôn dặm, cùng với một quả núi Tu-di cách nhau không mấy.

Song, cõi kia cõi đây, hai Phật lớn nhỏ sai khác nhau có như thế chẳng? Chỉ bởi, cõi kia là Tịnh độ, mà chúng sanh thì thân lượng rộng lớn. Còn cõi kia là Uế độ, nên thân lượng của chúng bé nhỏ chẳng đầy một trượng. Do đây, Phật hiện Ứng thân chỉ có một trượng sáu thước.

Nếu cõi đây, bực Đại Bồ tát chỗ thấy Báo thân của Phật cũng đầy khắp cả cõi hư không. Song, thế cũng không như định

có cái thân lớn bên nước Cực Lạc, mà đây là rõ cái thân lượng của đức Di Đà là đặc thắng vậy thôi.

**Hào quang Hóa Phật không kể ức,  
Hoá Bồ tát chúng cũng không ngần.**

Đây là khen số Hóa thân Phật rất nhiều của Di Đà.

**Trong hào quang có Hóa Phật, Hóa Bồ tát ấy,** Quán kinh nói: “Phật kia hào quang vòng tròn rộng bằng như trăm ức đại thiên thế giới, trong ánh viên quang có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa số Hóa Phật, mỗi mỗi đức Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số hoá Bồ tát để làm thị giả.

Số là viên quang là hào quang nơi Báo thân của Di Đà, trong hào quang đức Hoá Phật là chủ, Hoá Bồ tát là bạn. Nghĩa là một hoá Phật làm chủ, thì ắt có hai hoá Bồ tát làm bạn. Chủ đều là Di Đà bạn đều là Quan Âm, Thế Chí.

Song, viên quang đây khắp chiếu pháp giới, mà Hóa chủ Hóa bạn cũng khắp pháp giới, chủ lẫn với bạn, bạn lẫn với chủ, Báo thân Phật là chủ giữa chủ, báo thân Bồ tát là bạn giữa chủ, các đức Hóa Phật làm chủ giữa bạn, các Hóa Bồ-Tát làm bạn giữa bạn. Chủ bạn lẫn khắp, số một không ngại với số nhiều.

Tỷ như lưới ngọc xanh của Đế Thích: ánh tia chiếu lẫn với nhau trùng trùng vô tận tận. Người mà tu pháp quán đây, mời xem kinh Thập Lục quán.

**Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh**

**Chín phẩm đều khiến lên ngàn kia.**

Câu trên là tán dương chỗ nhân địa của Phật kia phát nguyện. Câu dưới là khen ngợi việc độ sanh trong thời chứng quả Di Đà.

Kinh Đại Di Đà chép: Trước vô lượng vô số kiếp, có đức Thế Tự Tại Vương Phật ra đời hoá độ chúng sanh. Bấy giờ có vị Đại Quốc vương đến nghe thuyết pháp, bỗng liền giác ngộ, bèn buông xả ngôi vua mà xuất gia làm Tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Liền đối trước Phật phát bốn mươi tám nguyện lớn. Thuở ấy quả đại địa rung động, trên thiên không mưa hoa báu xuống, và có tiếng khen rằng: “Quyết định thành Phật”.

Do đó từ vô lượng kiếp đã hành Bồ tát đạo, công đức tròn đủ, thành Phật hiệu là A Di Đà, cõi nước tên là Cực Lạc. Trong nước có ao bằng thất bửu, nước ao có tám chất công đức đầy đầy ở trong. Trong ao có hoa sen nhiều đến vô lượng phẩm, ở đây nói chỉ

có chín phẩm đó, là cử tổng số vậy. Thân nạp, hoá sanh cho chúng sanh niệm Phật ở mười phương về đó, tùy căn cơ mà lên nơi chín phẩm.

**Ngàn kia** là dụ, nghĩa là cõi Ta-bà là bờ bên đây, cõi Cực Lạc là bờ bên kia, phiên nào giòng chính giữa. Nếu hay niệm Phật, không luận là bậc trí, hạng ngu, chỉ niệm mà đắc nhưt tâm bất loạn, thì qua khỏi giữa giòng phiên nào, siêu khỏi cái thân sanh tử của ta-bà, bước lên đài hoa sen Cực Lạc chứng quả vô thượng Bồ đề, nên nói “Cửu phẩm hàm linh đặng v.v.....”

**Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.**

**Nam mô A Di Đà Phật.**

Từ trước đến đây, với bao công đức đã tu, giờ đây phải niệm Phật Di Đà để cầu thực chứng.

**Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.**

**Quán Thế Âm:** Cũng tên là Quán Tự Tại: “Quán” là cái trí năng quán, năng và sở viên dung, có không gồm sớng, chiếu tột chánh tánh, xét thấu gốc ngọn, nên xưng là “Quán”.

“Thế Âm” là cảnh sở quán, muôn hình tượng lưu động, cách biệt nhau chẳng đồng, tiếng của các loài kêu cứu khác giọng, đều nhờ đức hoàng tử, đồng thời phổ cứu, nên nói là “Thế Âm”.

Ngài Trần Huyền Tông nói: “Quán có chẳng trụ nơi có, quán không chẳng trụ nơi không, nghe danh chẳng lâm nơi danh, thấy tướng chẳng chấp nơi tướng, tâm chẳng lay động, cảnh chẳng hay tùy, động tùy chẳng loạn nơi chân, thế khá gọi rằng trí huệ vô ngại vậy Bồ tát cái vô ngại trí để tầm thỉnh cứu khổ, chẳng mất thời giờ”.

Thế nên xưa nay những kẻ được sự linh nghiệm chẳng thể mỗi mỗi riêng kể ra cho hết đặng, đây chỉ sao lược lại một vài tích để khai thị ra:

Đời nhà Ngụy, có Sư Đạo-Thối nằm mộng thấy có người bảo rằng: “Ngươi năm nay 42 tuổi sẽ thọ chung”. Năm đó, ông bị bệnh nặng lắm, ông bèn niệm danh đức Quán Thế Âm luôn bốn ngày bốn đêm, lòng tinh thành chẳng thôi, bấy giờ ông ngồi trong phòng, thấy có hào quang chiếu sáng cả nhà, trong ánh sáng có đức Quán Thế Âm màu vàng rỡ soi giây phút chẳng thấy nữa, ông Thối vừa bi vừa hỷ, tuôn mồ hôi, liền biết thân thể nhẹ khoẻ, lành bệnh, thêm sống lâu!

Đời nhà Tống, có ông Trương Hưng, người đất Tân Hưng người vẫn tin Phật, một hôm bị bọn cướp bắt dẫn đi, người may đang trốn khỏi; người vợ bị quan địa phương bắt giam, bị tra tấn nhiều ngày, bữa nọ nhà huyện bị hoả hoạn, đem tù nhân ra ở bên đường, gặp một nhà sư tên là Dung Dục đi qua, vợ Trương cầu cứu! Nhà sư dạy niệm đức Quán Thế Âm, vợ Trương bèn chuyên ròng niệm chừng mười ngày, ban đêm nằm mộng thấy thầy Sa Môn kêu: Mau mau! Thức dậy! Vợ Trương giựt mình dậy, thì thấy cồng xiềng gông cùm đều bung mở ra cả, mà ngõ còn đóng, người e quân canh biết, nên mang gông trở lại năm ngủ. Vẫn chiêm bao lại nữa, thấy Sa môn nói: Ngõ đã mở rồi kia. Vợ Trương thức giấc rồi chạy ra, trời còn tối, gặp chồng cùng với sư Dung Dục giấu đi, kẻ được thoát khỏi.

Đời nhà Tống, vua Văn Đế sai quan Ngự Thiện (người nấu ăn cho vua) mổ con gà, nghe trong đánh có tiếng cả bày kêu tên đức Quán Thế Âm Bồ tát, mà giọng rất thảm thương! Nhân đó vua bèn cấm không cho làm thịt gà nữa.

Đời nhà Thanh, ở huyện Thường thực, phủ Tô Châu tỉnh Giang Tô, có bà Sương Phụ, họ Trương, người rất cùng khổ, lòng chí thành thờ Đức Quán Thế Âm, niệm Phật, lạy Phật không ngớt, sau bị bệnh hạ lợi, thường chỉ có một cái quần rách che thân, chớ chẳng có cái nào nữa để thay đổi, nên ô uế lắm, kẻ chết, kẻ đem liệm cái quần bỏ dưới sông, người ta chợt thấy hoa sen năm màu rực rỡ trên mặt nước, người bên xóm thấy thế lấy cái quần giặt sạch làm bức trướng. Đền niên hiệu Gia Khanh (1786-1789) vua Khân Tôn nhà Thanh bức trướng ấy hỡi còn.

### **Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát.**

Kinh Tư ích chép rằng: “Hễ cái chơn bước đến chỗ nào đó, là rúng động ba ngàn cả ngàn thế giới và cung điện của Thiên Ma vương, nên gọi là Đại Thế Chí”.

Quán kinh nói: “Dùng ánh trí khắp soi tất cả chúng sanh, khiến lia tam đồ, đắc thế lực vô thượng. Thế nên gọi Bồ tát đây tên là Đại Thế Chí,

### **Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ tát**

Do cái niệm Phật thanh tịnh cảm được hoa sen hoá sanh, nên nói rằng “Thanh tịnh”. Những đấng cả ba thừa sanh lên chín phẩm, các Thánh Hiền này nhiều đến vô lượng, gọi là “Đại hải chúng”.

Kinh Đại Bồn chép rằng: “Với các hàng Thanh văn, Bồ tát, số ấy khó lường, chẳng thể cân, nói cho hết được! Vị nào cũng là bậc thần trí rộng thông, uy lực tự tại, có thể với trong một bàn tay, mà cầm tất cả thế giới. Phật kia hội ban đầu thuyết pháp, chúng Thanh Văn rất đông, không thể cân kể, chúng Bồ tát cũng thế”.

Kinh Tiểu Bồn nói: “Đức Phật kia có đệ tử hàng Thanh văn nhiều đến vô lượng vô biên, mà đều là quả vị A la hán, với số ấy, không thể tính kể mà biết được đâu”. Thế nên xưng là “Đại hải chúng”.

**Hỏi:** Chúng kia sao mà nhiều lắm thế?

**Đáp:** Chúng ở bên cõi kia đã vốn xưng là vô lượng, huống nữa các Bồ tát từ mười phương vãng sanh về nước kia lại còn nhiều như luồng mưa điểm điểm xuống. Nên kinh Đại Bồn nói: “Ở nơi nước Ta-bà đây có các Bồ tát bậc bất thối, nhiều đến số sáu mươi bảy ức được vãng sanh về nước kia. Mỗi mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật. Bực thứ như ông Di Lặc đó, hạng đại hạnh Bồ tát chẳng khá cân kể, đều sẽ được vãng sanh”.

Kinh ấy lại nói: “Mười phương thế giới, vô lượng Phật quốc, những kẻ vãng sanh đó, cũng lại nhiều đến vô số; còn nếu ta nói đến cả danh hiệu của chư Phật ở mười phương, và danh hiệu các Bồ tát, Tỷ kheo được vãng sanh về nước kia, thì suốt ngày đêm luôn một kiếp đi nữa, nói cũng không hết !?”.

### **Văn Hồi hướng và Tam quy y để làm phổ kiết hồi hướng.**

**Hồi hướng:** Cũng như phát nguyện vậy. Bởi vì: Hạnh mà không nguyện, thì chí hướng chẳng như định, như người ra đi mà không như định nguyện, thì giữa đường gặp chuyện chi đó lại đi qua ngã khác. Với nguyện hải đã thâm, thì Hạnh đầy Đạo nên. Nên hễ tu hành thì thấy đều phải hồi hướng.

Hồi hướng có bốn nghĩa:

**1.Hồi nhân hướng quả:** Nghĩa là tu các hạnh là “nhân”, đều hay thành Phật là “quả”. Nay tu nhân Tịnh độ, hồi hướng về quả Cực Lạc, thực vậy.

**2.Hồi tiểu hướng đại:** Nghĩa là các học giả bên Tiểu thừa, và kẻ tu thập thiện về Nhân thiên thừa, đều nên hồi hướng về Đại thừa. Nay đây ngay nơi chỗ ra làm việc thiện, đều hồi hướng về đài sen thượng phẩm, thực thế.

**3.Hồi tự hướng tha:** Nghĩa là ta nay phát tâm, chẳng vì mong cầu cho mình, hẳn đến làm được điều thiện nhỏ như bằng

sợi tơ mây lông, cũng đều hồi hướng thí cho pháp giới chúng sanh, khiến được liền khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, thực vậy.

**4.Hồi sự hướng lý:** Nghĩa là tu các việc: Lạy Phật, tụng kinh, tham thiền, học nghĩa, bố thí, làm phúc, thay chúng làm việc, nhả đến gánh nước, bửa củi, quét đất, lau bàn, cả các việc lành bằng mây mùn; với những điều thiện lợi trên, nếu trước tướng thì đều thuộc về sự tướng, còn như biết năng niệm năng tác, tự tánh đã không, sở niệm sở tác, tánh nó cũng không, cái “không” nó chẳng có bờ mé, toàn tức là lý, thì sự sự đều khắp pháp giới, tâm tâm tròn bọc thái hư, quán và niệm được như thế, thì đều thuộc về lý tánh. Chính là chỗ mà xưa kia đã bảo rằng: Điều thiện về sự hữu tướng, lẫn thành điều thiện về lý vô tướng, sự lý viên dung, tức là cái cảnh tam đế; năng niệm năng tác, tức là cái tâm tâm quán, tâm cảnh nhưt như, là chân tịnh độ.

Ngó nhân việc tác dụng hằng ngày, nào động nào tịnh, đều phải làm quán sát như thế đó, thì chính chỗ mình đương ở đã thành ngay tự tâm Tịnh độ rồi!

Và, người mà muốn liễu thoát đường sanh tử, thì chỉ có tu pháp Tịnh độ là rất ổn thoả, rất dễ dàng hơn hết, vì pháp ấy là loại phương tiện trong đã phương tiện, lại đường tắt trong đã đường tắt vậy.

Song, ắt phải đủ ba món tư lương mới đặng thành tựu. Tỷ như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một thì chẳng thể đứng vững:

1. Là tin, tin mình: thì chỉ nhớ Phật niệm Phật, chẳng kịp hiện nay thì sau này cũng ắt đặng thành Phật, tức nhiều tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ sẵn sẵn rõ bày. Tin kia: thì phương Tây hẳn thực có thể giới tên là Cực Lạc, hẳn thực có Phật hiệu là A Di Đà, chứ chẳng phải bằng cách ngụ ngôn như của Trang Sanh kia, cũng phi có bằng cách như hoạn hoá biến hiện chẳng thực nọ đâu. Nếu người niệm Phật mà hay nhưt tâm chú niệm, đến khi mạng chung, Phật và các Thánh chúng ắt đến tiếp dẫn.

Hai hạnh, có bốn, đều so theo sự lý, để rõ sâu cạn: một trì danh niệm Phật: gìn giữ danh hiệu của Phật mà niệm, niệm một cách chuyên chú không xen một niệm chi khác, mỗi câu mỗi câu từ trong tâm miệng chảy ra, mỗi tiếng mỗi tiếng từ tai chảy vào, được như vậy tức là đắc sự nhưt tâm. Nếu khi đã nhưt tâm, không còn phân biệt năng niệm sở niệm, mà có thể mỗi câu mỗi câu rõ ràng, mỗi tâm mỗi tâm vào vắng lặng, nhả đến cái “không niệm”

cũng không còn, được như vậy tức đắc lý nhưt tâm. Hai Quán tượng niệm Phật: Khi mở mắt, chăm tinh thần quán vào tượng Di Đà, miệng xưng hiệu Phật, tâm không duyên qua cảnh nào khác, không xen niệm chi khác, được như thế tức là sự nhưt tâm. Khi quán, khi chẳng quán, tâm và tượng như một, chẳng dời chẳng động, và quán cảnh khác đều hòa lẫn cảnh Phật: được như vậy, tức là lý nhưt tâm. Ba Quán tưởng niệm Phật: nương theo kinh thập lục quán, như ban đầu quán mặt nhật khi sắp lặn về tây, mở mắt quán mặt nhật, dường như cái trống treo, đã đặng rõ rồi, liền nhắm mắt quán, chăm tâm chẳng dời, lăm lăm chẳng dời xê đi đâu, như vậy là tức sự nhưt tâm. Chú tâm tưởng thuần thực, đi, đứng, nằm, ngồi, đều đặng nhưt như, tâm với mặt nhật rõ bày, như thế là tức lý nhất tâm. Bốn Thực tướng niệm Phật: với cái chẳng tướng, chẳng tướng là tướng, bèn gọi là thực tướng, với trong quán cái tâm không, với ngoài quán Phật không, một cái này không, thì tất cả chi chi cũng không, cái tánh không cũng không, như thế tức gọi là thực tướng. Người mới phát tâm tu quán, thì quán trở lại rằng: niệm Phật đây là ai? Hoặc từ nơi bốn tánh để xét nghiệm, đều chỉ nơi đương niệm tham cứu, mỗi niệm tinh mật, nhắm đến với: động, tịnh, chẳng dời, như thế là tức sự nhưt tâm. Từ đó niệm vào nơi vô niệm, ba quán một tâm, không niệm mà niệm, một tâm ba quán, ba một chẳng hai, chẳng hai mà hai, diệu đế viên dung, tức là tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ. Đương thể suốt rõ, chẳng khá nghĩ bàn, như thế là tức lý nhưt tâm. Thế gọi là cái hành tướng cả sự và lý của bốn thứ niệm Phật.

Ba nguyện: chí có chỗ muốn vậy. Cái Nguyện nó hay dẫn đường đi là Hành, không nguyện thì cái Hành thối lui vậy. Thế người cầu tịnh quả, phải trước phát nguyện, song với nguyện có chẳng đồng nhau, vì có kẻ nguyện một mình được siêu mà chẳng độ kẻ khác, có kẻ nguyện tự mình đắc vãng sanh rồi trở lại độ chúng; có kẻ nguyện ngay nơi đây vừa độ mình, vừa độ người đồng sanh về Cực Lạc; nay đây cả các thiên (Bà) đều là nguyện cho mình và nguyện cho người, khắp cả đồng đắc Cực Lạc tịnh quả.

Bốn thứ niệm Phật, cả sự lý hành tướng, đều thuộc về phạm vị. Nếu luận về chỗ chứng thánh: thì bên Viên giáo, bực thập tín đều thuộc về sự niệm; đến bực sơ trụ hẳn đi, mới là lý niệm.

Đây, bài kệ phát nguyện hồi hướng của Đại từ Bồ tát:



**Mười phương ba đời Phật, A Di Đà thứ nhứt, chín phẩm độ chúng sanh, uy đức không cùng tột.**

Ấy là riêng tán thán đức A Di Đà vậy. Công đức của chư Phật thấy đều bình đẳng, mà đây là do đức Di Đà có đại nguyện đối với chúng sanh ở cõi này, nên riêng chuyên khen điều tốt đó thôi.

Lại Ngài có công đức riêng nhiều với chúng duyên đời ngũ trước mười phương. Nhẫn đến đấng đồng ầu cũng được biết đến tên Ngài, bởi thế, với cái công tu niệm Phật, cả ba căn đều đặn chỉ trong nhứt sanh xong nên, nên nói là đệ nhứt. Đem trí phá bầy mê trong pháp giới nên uy đức không cùng.

Đem đức từ trùm chúng sanh mười phương, nên đức không cực.

**Con nay cả quy y, sám hối tội ba nghiệp hễ có các phúc thiện, chăm lòng dùng hồi hướng.**

Hai câu trên là nói quy y và sám hối. Hai câu dưới là nói các hạnh hồi hướng. **Ba nghiệp**: tức là thân, khẩu và ý đã tạo ra mười điều ác, nay do quy y Phật, nên đều phải sám hối.

**Hễ có các phúc thiện**: có riêng nhau là định thiện và tân thiện. Như niệm Phật là định thiện; còn như tham thiền, lạy Phật, tụng kinh, bố thí, cúng dường, nhẫn đến vì chúng tăng mà giữ gìn, làm việc lao động, thì đều gọi là tán thiện. Định và tán hai thiện đều có thể hồi hướng về tịnh độ. Tỷ như trăm sông đều dồn về nơi biển.

**Nguyện đồng người niệm Phật, đều theo thời ứng hiện lâm chung cảnh phương tây rõ ràng ở trước mắt.**

Hai câu trước là nói: cùng bạn đồng nghiệp niệm Phật được theo giờ cảm ứng hiệu nghiệm. Hai câu sau là nói: đến khi ta lâm chung, được Phật tùy cơ mà hiện tướng ra cho ta trông thấy.

**Tùy thời hiện**: là hoặc trong khi ta thiền định được thấy Phật, hoặc trong khi nằm mộng được trông thấy Phật; hoặc mở mắt, hoặc nhắm mắt, đều được trông thấy Phật. Như ngài Huệ Viễn đã ở ba lần thấy nước Cực Lạc và thánh tướng của đức Di Đà vậy.

**Phân minh tại mục tiền**: là tâm niệm Phật được tinh nhứt, thì cảnh tốt Cực Lạc tự nhiên đầy đủ trước mắt ta khi sắp cuối cùng.

## **Thấy nghe đều tinh tiến đồng sanh nước Cực Lạc thấy Phật hết sanh tử, như Phật độ tất cả.**

Hai câu trên nói: khi ta lâm chung có Phật hiện đến tiếp dẫn, nên kẻ thấy người nghe tinh tấn lợi ích; Hai câu dưới là nói: khi ta đã giải thoát rồi, đi độ sanh. Số là những người niệm Phật, đến khi mạng chung đều tự thấy Phật đến đón rước đó, thì lại bội phần tinh tiến, liền được đồng sanh về nước Cực Lạc đặng thực thấy chân Phật (lâm chung thấy đó là hoá Phật): tự tâm liền mở trí huệ Phật rồi lại như Phật quảng độ chúng sanh.

## **Dứt vô biên phiền não, tu vô lượng pháp môn, thệ nguyện độ chúng sanh trọn nguyện thành đạo Phật...**

Đây là tâm dấy bốn thệ nguyện rộng lớn vậy.

## **Cõi hư không có hết, tâm nguyện con không cùng.**

Đây là kết cái lời nguyện vô cùng tận vậy. Hư không nguyên là vô tận, nay đem cái hư không vô tận, để tử cái nguyện ta lại vô cùng vô tận!

Xin dịch luôn “văn tửu tịnh độ”.

Tác giả là Từ Vân Sám chủ Tuân Thúc Pháp Sư đời Tống.

Ngài Tuân Thúc Pháp Sư, tên tự là Tri Bạch, con nhà họ Diệp, huyện Ninh Hải phủ Thái Châu (nay là huyện Lâm hải tỉnh Chiết giang) nguyên thân mẫu cầu tự khát nơi đức Quan Âm, nằm mộng thấy một mỹ nữ lấy viên châu đưa cho nuốt. Đã sanh sự được bảy tháng, thường theo xưng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, khi vừa lớn lên, qua núi Thiên thai đông dịch, y chỉ nơi ngài Nghĩa Toàn pháp sư mà xuất gia. Năm lên 20 tuổi qua chùa Đông Thiên thụ giới cụ túc. Qua năm sau tập học luật nơi Ngài Thủ Sơ luật sư. Kế vào chùa Quốc Thanh, đối trước tượng đức Phổ Hiền đốt một ngón tay thay vì nén hương để cúng dường, phát lời thệ nguyện truyền bá giáo đạo của Thiên Thai Tông. Rồi đến tham học ngài Bảo Vân. Từ đây đi các chỗ hoằng kinh chưa hề xen nghỉ. Sau qua nước Thiên trúc soạn chép các bản nghi thức: Tịnh độ sám kim quang minh tam muội, để tự tu đó, rất có linh nghiệm, Đức hạnh đồn nghe thấu đến triều đình, vua Chân Tôn niên hiệu Càn Hưng năm thứ hai (1.022) nhà vua phong hiệu là Từ Vân. Qua niên hiệu Minh Đạo năm đầu (nhân thân, vua Tống Nhân Tôn 1.032) Ngài Từ Vân thị tịch. Vua Anh Tôn niên hiệu sùng minh năm thứ hai (1.064-1.066) được nhà vua truy phong là Pháp Bảo

đại sư. Vua Cao Tôn niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai (1.132) xuống lời chiếu phong hàm ân là sám chủ thiên huệ pháp sư.

Đây bài “Nhứt tâm quy mạng”.

### **Một tâm cú lạy đức A Di Đà Phật bên thế giới Cực Lạc.**

Đây là nghiêng mình quy y (lạy) đức Phật kia vậy. Nếu muốn cầu sanh về Cực Lạc, trước phải thâm tóm sáu căn, với ngoại cảnh, năm thức trước chẳng duyên theo, với nội tâm, ý thức không tán loạn, gọi là nhứt tâm. Nhứt kỳ quả báo, gọi là thọ mạng, với cái thọ mạng thì người ta ai cũng khó xả ra được, thế mà may người tu niệm Phật chẳng cung tiếc đến, duy nhứt tâm đem thân mạng quy y về Phật kia, đề cầu chứng lên quả vô thượng bồ đề mà thôi.

### **Xin đem ánh tịnh soi con, thệ từ thâm con.**

Đây là câu Phật đem ánh tịnh quang và lời từ thệ soi và thâm này vậy. **Tịnh Quang:** Phật kia ngài có cái ánh trí căn bản vốn tự thanh tịnh khắp soi pháp giới. **Từ thệ:** là bốn mươi tám lời thệ nguyện của đức Di Đà. **Nhiếp ngã:** thâm con, là thâm nạp mà chiếu cố đến con.

Chúng ta ai cũng do từ vô thi bị phiền não nó kết thành nghiệp chướng đã quá ư lâu chắc, phi cầu Phật quang Từ thệ ngậm giúp thêm cho, thì tự mình đâu có thể dẹp dứt được, nên duy nhứt phải nguyện cầu.

Con nay chính niệm, xưng danh Như Lai, vì đạo Bồ đề cầu sanh tịnh độ.

Đây là rõ cái lý do cầu Phật vậy. Niệm Phật mà tiêu được tạp niệm là chính niệm. Ôi! Hễ là về lẽ phiền não, thì rộng với sanh tử, nên khổ báo vô cùng! Hễ là về lẽ Bồ đề thông vào quả vô sanh, hưởng vui màu khó nghĩ được! Muốn đến quả vô sanh, ắt phải do con đường đây. Sao vậy? Số là công phu của các hạnh tu kia, tỷ như con kiên từ đất bằng bò lên đánh núi cao. Còn tu pháp niệm Phật vãng sanh, tựa hồ trương buồm thuận gió lại đi giòng nước xuôi. Trong kinh Di Đà đã chỉ rõ niệm Phật bảy ngày đắc nhứt tâm bất loạn, liền có thể hiện đời dùng chứng quả, dầu đời nay chẳngặng nhứt tâm, thì đời kế đó, hoặc đời thứ ba cũng ắt sanh tịnh độ. Người mà có thể điều nhiếp được sáu căn, lấy cái tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, thế Phật duy tâm, mà tâm tâm cũng duy Phật, thì cảnh tịnh độ, đâu phải rời ngoài gang tấc ư?

**Phật xưa đã thệ: “Nếu có chúng sanh, muốn sanh nước ta, chăm lòng tin ưa, nhẫn đến mười niệm, bằng chẳng vãng sanh, ta không thành Phật”.**

Đây là cử lên nhắc lại lời nguyện xưa của Phật để cho chúng sanh tin chắc vậy.

**Bổn thệ:** Thuở xưa, hồi Phật còn làm quốc vương, hy sinh ngôi nước, xả bỏ vinh hoa, đi tu làm vị Tỳ kheo, tên là Pháp Tạng, đối trước Phật Thế Tự Tại Vương, phát bốn mươi tám lời thệ nguyện, để rộng độ chúng sanh, đồng sanh về Cực Lạc. Nay dẫn lại lời thệ nguyện trên đó, tức là nguyện thứ mười tám vậy.

**Chí tâm:** Chăm lòng. Là hoặc niệm Phật bằng cách niệm một đời không xen hở: hoặc niệm bằng cách kèm theo công việc xen tu: nhẫn đến ít nhất là đương khi công chuyên lặn độn mà lên tạm rảnh ra vài phút để niệm, mỗi ngày niệm lấy số mười niệm, ắt đặng vãng sanh.

Sở dĩ ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Người mà mỗi ngày chí tâm mười niệm, nếu chẳng vãng sanh, thì ta Pháp Tạng này trọn thành nguyện dối rồi, làm gì chúng ngôi chánh giác ư?”.

**Thập niệm:** Mười niệm, tức là mười hơi niệm Phật. Nghĩa là tùy cái hơi hoặc vấn hay dài, cứ hết một hơi (niệm đặng mấy câu cũng được) là một niệm, như thế, niệm mười hơi gọi là mười niệm, nhưng, mỗi câu tùy tiếng và hơi thốt ra nơi miệng nghe vào nơi tai, chăm chú nơi tâm chẳng rời là cốt yếu, vậy là đủ mười niệm tức mười hơi.

Với các hiệu: Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh đại hải chúng mỗi hiệu niệm một hơi.

Niệm các Thánh Hiệu rồi, kế đọc bài hồi hướng văn, hoặc đọc bốn câu: Nguyện sanh tây phương tịnh độ trung v.v... cũng được.

**Chánh giác:** Tức là Phật vậy. Chính bởi pháp niệm Phật đây, khắp hợp cả ba căn, đều là nguyện hạnh của đức Pháp Tạng cảm thông nên có thể chí tâm chóng hiệu nghiệm như thế.

**Do nhân duyên niệm Phật đây, đặng vào trong biển thệ nguyện lớn của Như Lai. Vãng sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, căn lành thêm lớn. Nếu đến mạng chung, tự biết giờ đến, thân không đau khổ, tâm chẳng tham tiếc, ý không điên đảo như vào thiên định.**

Đây là công niệm Phật đã thâm, nên cảm được hiệu nghiệm vậy.

Câu đầu là vâng ý trên, để dấy nghĩa dưới. Từ Đắc nhập... nhãn xuống, đều nói sự cảm nghiệm. **Nhân duyên**: Chánh niệm là nhân, Phật tử là Duyên. **Biển đại thế** tức là bốn mươi tám nguyện lớn vậy.

Vì mỗi nguyện, nguyện nào giáp khắp pháp giới như biển rộng không bờ mé. Chúng ta hiện còn sống đây nếu hay tinh thành chánh niệm, thì cảm được Phật tử gia hộ, tiêu diệt các tội của ta, thêm lớn có căn lành cho ta, kịp đến khi ta sắp cuối cùng, được biết giờ phút sẽ đến, thân tâm thanh tịnh, như vào thiền định, đi thẳng qua Cực Lạc vậy.

Nếu người mà bình thời chẳng tu niệm, trọn đời, chỗ tạo các nghiệp đều khi mạng chung, thì cứ chỗ tạo nghiệp thế nào, nó hiện ra cảnh thế ấy, hễ cảnh phức tạp thì tâm tán loạn!

Lại, hoặc người trong nhà vì ân tình mà quyến luyến, làm cho ý thức của kẻ sắp từ trần phải điên đảo! Lại phương chi từ vô thi đến nay, những chỗ đã làm các tội, hoặc lúc này, chúng đều hiện ra, thì bấy giờ ai có thể làm chủ cho được? Thế tất phải tùy theo nghiệp cảnh đọa ngay xuống tam đồ! than ôi! thương thay!

**Phật và các Thánh chúng, tay cầm đài hoa sen vàng, đến đón tiếp con, với chùng một niệm, sanh về Cực Lạc quốc.**

Đây là cảm được Phật đến tiếp dẫn vậy.

**Phật**: là Hóa thân Phật của đức Di Đà. **Thánh chúng**: tức là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Thanh tịnh Đại hải chúng.

Số là người niệm Phật mà được chánh niệm thì duyên đời đã tàn tạ, duyên tịnh liền thành thực, với khi mạng chung, tự nhiên thấy chánh tay Phật cầm Kim đài, cùng các Thánh chúng, và tràng phan bay, âm nhạc của chư thiên, đồng đến nghinh tiếp, chỉ trong một niệm, liền về tới Cực Lạc.

**Hỏi**: hai cõi cách nhau có mười muôn ức thế giới, làm sao chỉ có trong một niệm, liền sanh sang được?

**Đáp**: cứ nói sự thì mặc dù là xa, còn so nơi lý thì chỉ tại một niệm, vì duy nhứt niệm, thì với mười vạn ức độ chỉ như một khoảnh móng vậy thôi.

**Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa (Phật nói pháp), chóng mở Phật huệ.**

Đây là hoa nở chứng được chân nhân vậy.

**Hoa nở:** hoa bồn tâm nở ra. **Phật thừa:** là nhứt Phật thừa, tức kinh Pháp Hoa, tỷ dụ xe đại bạch ngưu. **Phật huệ:** là quyền trí, thực trí của Phật, tức Kinh Pháp Hoa bảo khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật.

Số là với Cực Lạc: có thể mang nghiệp vãng sanh được; còn với các thế giới khác đâu đặng như vậy!

Song, với phẩm dị có chín bực: như bực Thượng - Thượng phẩm thì với khi mạng chung, liền tự thấy tự thân nương trên hoa hoa không xếp lại thấy được cái Báo thân của Phật tám muôn bốn ngàn tướng tốt, mỗi mỗi đều thấy đủ rõ ràng, rộng nghe Phật nói pháp về lý Phật thừa, liền mở mang Phật huệ (chứng quả Bồ đề, vô sanh nhẫn).

Còn tám phẩm kia thì chẳng được chóng chứng như thế. Như thượng trung phẩm, mặc dầu thấy được Báo thân của Phật, cầm hoa đến rước, tự thân của mình nương nơi hoa mà hoa nó xếp lại, cách một đêm hoa mới nở, liền nghe Phật thừa, lại cách bảy ngày, mới đắc quả Bồ đề. Lại cách qua một tiểu kiếp, mới chứng vô sanh nhẫn. Còn bao nhiêu nữa thì như bản đồ (đã có ở Kinh A Di Đà).

**Hỏi:** Phẩm Trung Thượng và phẩm Trung Trung, thì khi người mạng chung người cũng tự thấy được Báo thân Phật đó thì sao?

**Đáp:** mặc dù được thấy Báo thân Phật, mà với các tướng tốt, thấy chẳng đặng đủ rõ, mãi đợi đến chùng hoa nở, sau khi nghe Phật thừa, thấy mới được rõ đủ.

Còn ba phẩm dưới, khi mạng chung dù có Hoá thân Phật cầm hoa đến đón, tự thân nương sau hoa, nhưng chẳng được thấy nghe Hoá thân Phật nói pháp mà chỉ thấy nghe các vị Bồ tát Quán âm v.v... thuyết pháp, đợi mãi đến khi nghiệp được tịnh, hoa mới nở, chùng đó mới thấy tướng tốt của Phật.

**Hỏi:** Khi hoa sen xếp lại, thân của người vãng sanh có phiền là chật hẹp không?

**Đáp:** Hoa là do nơi tự tâm hoá hiện, rộng lớn không ngăn ngại, song, nếu nghiệp của mình chưa thanh tịnh nên tự hồ có xếp lại, đối với diệu pháp của đức Chân Phật nói, tuy đợi đến chùng hoa nở mới được thấy đức Chân Phật (Báo thân của Phật Di Đà) và mới nghe được diệu pháp (Phật thừa của Báo thân Phật nói) mà

trong thời gian hoa chưa nở, cũng được tùy cơ thường nghe Hoá thân, của ba Thánh thuyết pháp.

**Hỏi:** Đã là nghiệp chưa thanh tịnh, thì sao có thể vãng sanh?

**Đáp:** Phật kia, có lời nguyện rộng lớn khó nghĩ được, và cái sức niệm của mình nó khích thiết, duyên đời đã hết, nên có thể vãng sanh.

**Hỏi:** Đã đời nghiệp vãng sanh, mà có khiến cho thân chẳng an không?

**Đáp:** Chẳng có đâu như cõi ta-bà đây, kẻ mang thân trời cũng hưởng thụ được cái vui hơn hết thay, huống chi có cái sức của Phật kia nhiếp trì, thắng hơn thân trời nhiều lắm, nào khá ví dụ?

### **Rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ đề**

Đây là nguyện Bồ đề đầy đủ vậy.

Phật huệ đã mở, tức là chứng lên chân vị pháp thân của bậc Sơ trú Bồ tát, bực này đã có thể chia thân ra đi làm Phật cả trăm thế giới, để ứng theo căn cơ mà độ sanh.

Bực nhị trú thì phân thân ra nghìn thế giới v.v... bực tam trú thì phân thân ở muôn thế giới v.v....

Như thế cả bốn mươi một chân vị theo mỗi loại, hiện ra mỗi thân hình, ứng theo cơ mà nói pháp, mỗi vị gây bội lên. Đến bấy giờ chiếu lại lúc sơ tâm phát nguyện rằng: ta vì đạo bồ đề, cầu sanh tịnh độ đó, nay đến đây mới mãn được nguyện của ta, mừng thay khoái lắm!

Lại bài kệ nguyện sanh tây phương:

*Nguyện sanh tịnh độ tây phương*

*Hoa sen chín phẩm là cha mẹ,*

*Hoa nở thấy Phật tổ vô sanh*

*Bồ tát bất thoái làm bạn bạn.*

**Hoa sen làm cha mẹ:** loài người ở cõi ta-bà đây đều là thai sanh, nghĩa là nghiệp thức của ta hợp với tinh cha huyết mẹ, ở trong bào thai mà sanh ra. Bên Cực Lạc chỉ có chín phẩm hoa sen, tịnh thức của ta tùy có gá vào thai sen mà sanh ra bằng cách biến hoá. Kêu là “Liên hoa hoá sanh” thế thơm sạch thay!

**Tổ vô sanh:** tức là chứng quả Vô sanh nhẫn: ngôi sơ trú bên Viên giáo, ngôi Sơ địa bên Biệt giáo nhẫn đi, đều là quả vô sanh nhẫn.

**Bồ tát bực Bất thối làm hậu bạn:** Đối với cõi Cực Lạc, nếu chẳng đặng vãng sanh thì thôi; mà hễ đã được sanh sang, thì đều là đồng bực Bất thối Bồ tát cùng làm bạn lữ với nhau.

Bất thối có ba bực, với nghĩa này đã rõ ở câu A Bệ Đạc Trí nơi kinh Di Đà rồi.

Xin chép và dịch bài thán:

### **Thán Lễ Tây Phương**

*Tán lễ tây phương - Kính lạy phương tây*

*Cực Lạc thanh lương - Cõi tịnh vui vầy:*

*Liên trì cứu phẩm hoa hương - Hoa sen chín phẩm thơm lây*

*Bửu thụ thành hàng - Vật báu hàng cây;*

*Thường văn thiên nhạc khinh tương - Trời thường trỗi nhạc vang dầy*

*Di Đà Phật - Hào quang Phật....*

*Đại phóng hào quang - Ánh sáng lớn thay!*

*Hóa đạo chúng sanh vô lượng - Chúng loại không lường độ hải*

*Giáng cát tường - Xuống điềm hay..*

*Hiện tiền chúng đặng ca dương - Bây giờ đạo chúng khen bày:*

*Nguyện sanh an dưỡng - Xin sang nước thầy*

*Hiện tiền chúng đặng ca dương - Bây giờ đạo chúng khen bày:*

*Đồng sanh an dưỡng - Đồng sang nước Thầy.*

### **Bài kệ răn khuyên Đại chúng**

*Ngày nay đã qua, mạng cũng giảm theo, như cá thiếu nước, đây có vui chi !?*

Đây là tham cái mạng của con người là vô thường!

Kinh Xuất Diệu chép rằng: biển nam bỗng sóng vọt tràn lên rất dữ ngập dầm lên đất liền. Bây giờ có con cá lớn, trôi vào chỗ nước cạn, chúng tự bảo với nhau rằng “Chúng ta bị cái nạn đây, thì ngay khi nước tràn lan chưa giựt rút, nên phải ngược làn sóng để trở lại nơi biển cả, nhưng lại bị những thuyền ghe trở ngại, chẳng vượt qua được! Con cá thứ nhất rần hết sức nhảy vọt qua khỏi tàu; con kẻ đó lại nương cỏ rêu để lướt qua được; con thứ ba khí lực đã đuối sức rồi, bị kẻ cài lưới bắt đặng!” Phật thấy thế bèn nói bài kệ trên đó.

Số là loài cá lấy nước làm bằng nhà cửa lầu đài mà ở, nếu nước khô phải chết! cũng như loài người nương nơi sanh mạng mà sống, nếu mạng giảm thì phải vong! Thân mạng nó theo nơi sáng bóng của ngày đêm giờ phút mà giảm mòn qua, hình hài nó theo



tám điều khổ mà thiên chuyển, những con: vô thường, già, bệnh nó cho phép người hện! đấy tử như cá ở chỗ nước cạn nào có vui chi!

Phật hỏi: cái mạng của con người nó ở trong mấy giờ? Một thầy Tỳ kheo đáp: nó ở chỉ một ngày. Phật bảo: người chưa biết đạo! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? lại một thầy khác đáp: ở trong một bữa ăn cơm. Phật quở: người chưa biết đạo! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? Có một thầy Tỳ kheo khác thưa rằng: nó ở trong hơi hô hấp. Phật khen: người đã biết đạo.

Đó, chính là chỗ bảo: ngày giờ nó thúc đẩy con người mau già! Tử như nước đầm dần giảm ít! Sanh mạng ở trong hơi hô hấp, vì tám món khổ no thường áp bức làm tổn hại luôn, bài kệ trên gọi vậy chăng !?

**Bài Kệ của Đức Phổ Hiền răn chúng:**

**Đại chúng! Phải siêng tinh tiến như chữa lửa dầu! chi nhớ vô thường, dè chớ buông lung!**

Đây là gắng gỏi nơi thân tâm vậy.

**Tinh:** là chẳng xen lộn. **Tấn:** là chẳng sụt lui. **Nhiên** là lửa tốt. **Thận:** cẩn thận. **Vô thường:** không bền, Như: núi, sông, đất liền thì có cái vô thường bằng thành, trụ, hoại, không; nhân thân thì có cái vô thường bằng sanh, lão, bệnh tử; tâm, niệm thì có cái vô thường bằng vọng tưởng lưu chú; các pháp “sự vật” thì có cái vô thường sanh trú dị diệt! Thế nên người đối trong sự vận dụng hàng ngày, phải nhớ hai chữ vô thường như lửa cháy dầu, chỉ một hơi thở, mà chẳng lo cứu chữa, thì với điều thống khổ làm sao chịu nổi? Cái sanh mạng chính, ở trong con nguy hiểm này! Song, trong thân tâm đây, mỗi niệm chóng mau, với một phút há khá buông lung giơng chơi được ư?

**Buông lung trôi nổi:** tức là cái tâm sở điều cử: Lau chao, xao xuyên, tán loạn.

Kinh Pháp Hoa nói: Ba giới không an, dường như nhà lửa là cái nhà bị hoả hoạn. Lửa: tức lửa: vô minh, tham sân si, năm trước, tám khổ, và lửa bốn điên đảo. Các thứ lửa ấy cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, đốt chết hết giống bồ đề, làm cho chúng sanh luống uổng vào nơi sáu ngã, vẫn chịu khổ luân hồi! Nếu người mà hay giác ngộ biết cái vô minh nó không có thực thể, mà đương thể của nó tức là lửa trí viên minh, tròn soi pháp giới; rõ biết năm trước là hoạn sanh, mỗi mỗi trần vật tức là thanh tịnh, hòa lẫn mười phương, ba độc: tham, sân si tức là giới, định, huệ vô ngại giải

thoát; bốn điền đảo tức là bốn đứ; thường, lạc, ngã, tịnh là bốn diệu quả niết bàn; thế thì tám khổ hoá làm đại niết bàn vậy.

Ba bài kệ quy y Tam bảo

*Tự về nương Phật, cầu cho chúng sanh, noi rõ đạo cả, lấy tâm vô thượng.*

*Tự về nương Pháp, cầu cho chúng sanh, vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển*

*Tự về nương Tăng, cầu cho chúng sanh, gồm trị đại chúng, tất cả không ngại*

Ba bài kệ trên đây; các câu đầu là quy y ngôi “nhất thể tam bảo” các na câu kế đó, là quy y ngôi “Biệt tướng Tam bảo” vậy v.v... như thời khoá tụng buổi moi đã giải thích rồi.

**Hòa nam – Thánh chúng**

**Hòa nam** dịch; Lễ bái. Là nói: Lạy tạ các vị Thánh chúng.

Hết thời khoá tụng chiều

Dịch xong, nhằm mùa kiết hạ an cư năm Mậu Tuất

Phật lịch 2502 - 1958

**Chú giải:** Ngài Quán Nguyệt

**Dịch giả:** HT Thích Khánh Anh